

Nguyễn Đình Chiểu

Toàn tập ①



NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
TOÀN TẬP

871.04

VĂN HỌC CỔ CẬN ĐẠI VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TOÀN TẬP

(Hai tập)

I



Bút tích
của
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
PHẠM VĂN ĐỒNG

KM003118

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 1997

Cuối cùng, nhân dịp *Nguyễn Đình Chiểu Toàn tập* tái bản, chúng tôi xin chân thành cảm tạ Nhà xuất bản Văn học đã chơ chúng tôi cơ hội cống hiến bạn đọc một giá trị văn hóa to lớn của Nguyễn Đình Chiểu để nhân dân ta nhìn vào đó mà thêm tin tưởng, vững bước trên con đường hiện đại hóa trong thời mở cửa.

Sài phi thư trang
Xuân Đình Sửu (1997)
NGUYỄN THẠCH GIANG

LỜI NÓI ĐẦU

(in lần đầu năm 1980)

NGUYỄN Đình Chiểu là ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc. Từ sau Cách mạng tháng Tám, và nhất là từ năm 1954, tác phẩm của ông đã được giới thiệu, phổ biến rộng rãi trong cả nước. Song những tác phẩm này chưa được khảo sát dưới góc độ văn bản học chặt chẽ, vì chúng ta chưa có đủ những bản nôm cần thiết.

Phải đợi đến sau ngày giải phóng, chúng ta mới có được các bản nôm này để làm việc đó. Chính vì vậy, mà Nguyễn Đình Chiểu toàn tập mãi tới nay mới ra mắt bạn đọc nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày mất của tác giả.

*

* *

Công tác văn bản học đòi hỏi phải hiểu chính xác văn bản, thuyết minh văn bản đúng theo ý đồ tư tưởng nghệ thuật của tác giả, hiểu được mục đích tính, khuynh hướng tính của tác phẩm để rồi cuối cùng tái hiện lại một cách tổng quát các giai đoạn của quá trình lao động đó dưới hình thức một văn bản minh xác thỏa đáng.

Nguyễn Đình Chiểu toàn tập cố gắng trình bày văn bản theo những yêu cầu đó của khoa văn bản học, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu hiện nay của các trường đại học và của nhân dân ta đối với nhà thơ đã có một lòng tin vĩ đại vào quần chúng nhân dân - ngọn cờ tiên khu của dòng văn học yêu nước trong thời cận đại.

Những điều có liên quan đến nội dung tập sách cần trình bày lên đầu, chúng tôi đã nói cả ở phần Phàm lệ và trong Lời dẫn từng tác phẩm. Ở đây, chúng tôi chỉ xin bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với sự giúp đỡ nhiệt tình và có hiệu quả của các bạn ở trường Đại học Tổng hợp, ở Thư viện Quốc gia, Thư viện Khoa học xã hội, các bạn ở Nhà xuất bản Đại học đã khuyến khích, và góp nhiều ý kiến bổ ích.

Ngoài ra, chúng tôi xin chân thành cảm tạ Thủ tướng Phạm Văn Đồng kính mến đã viết lời đề từ cho Nguyễn Đình Chiểu toàn tập, cảm ơn các đồng chí Hà Huy Giáp, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Đình Tứ, Hoàng Xuân Tuyền đã dành cho chúng tôi những sự giúp đỡ quan trọng để hoàn thành công trình này.

Trên lĩnh vực văn hóa và khoa học của Đảng, một trong những nhiệm vụ mà thời đại đã trao cho chúng ta là sưu tầm và chỉnh lý những di sản văn hóa của dân tộc. Trên địa hạt này, nhân dân cũng có một vai trò tích cực. Chúng tôi xin ghi nhận ở đây phần đóng góp của đồng bào và của các bạn ở khắp nơi trên mảnh đất thân yêu của Tổ quốc mới giải phóng, từ thành phố Huế, thành phố Hồ Chí Minh đến các miền xa xôi Bến-tre, Vĩnh-long, Cần-thơ, Cà-mau, Bà-ri-a, Đà-lạt... đã trân trọng cất giữ và đã vui lòng cho chúng tôi sử dụng những bản nôm chép tay Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

* * *

Sau cùng, xin bạn đọc xét cho rằng việc biên soạn một tập sách với tính chất và quy mô như loại này là một việc khó khăn, phức tạp. Cho nên, vẫn biết chúng tôi đã cố gắng hết sức, song chắc chắn tập sách không tránh khỏi thiếu sót, nhầm lẫn. Xin bạn đọc chỉ giáo cho.

Hà Nội, Giao thừa Tết Mậu Ngọ
NGUYỄN THẠCH GIANG

PHẠM LỆ

I

1. **TÁC** phẩm của Nguyễn Đình Chiểu hiện có *Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều vãn đáp nhô y diễn ca*⁽¹⁾ và một số *Thơ*, *Văn tế* khác. Ngoài ra, trong *Lục Vân Tiên* xuất bản ở Sài Gòn năm 1889, Trương Vĩnh Ký còn cho biết, Nguyễn Đình Chiểu có soạn *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Gia huấn ca*. Phan Văn Hùm trong *Ngư Tiều vãn đáp y thuật* xuất bản năm 1952 có nói thêm "theo ông Nguyễn Văn Tri, tiên sinh có soạn *Tam thập lục nạn*, *Huê hiên mạch phủ* và *Lư sơn mạch phủ* để dạy làm thuốc".

2. Kể từ bấy (1889...) đến nay, không có thêm một tài liệu nào khác có nói đến những tác phẩm theo "Lời truyền" này. Theo ý chúng tôi, đương thời đã có Trương Vĩnh Ký dịch *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, có *Tự-Đức diễn ca* *Tứ thư*, *Ngũ kinh* ra quốc âm thì chưa hẳn Nguyễn Đình Chiểu đã có soạn những tác phẩm này. Mà nếu có, thì chắc chắn cũng đã bị mất theo trận bão lụt ghê gớm chưa từng thấy xảy ra ở Nam bộ vào năm Giáp thìn (1904), không mong gì tìm thấy, kể cả những bài diễn ca các bài phú dạy nghề làm thuốc của ông.

(1) Tác phẩm này, Nhà xuất bản Tân Việt (Sài Gòn, 1952) đổi thành *Ngư Tiều vãn đáp y thuật*. Về sau các Nhà xuất bản Văn hóa (Hà Nội, 1957), Văn học (Hà Nội, 1971) đổi lại *Ngư Tiều y thuật vãn đáp*. Lần này, chúng tôi để nguyên tên tác phẩm theo bản nôm cũ, 1911. Xem lời dẫn phần văn bản *Ngư Tiều vãn đáp nhô y diễn ca*.

3. Sau này, nếu vạn nhất mà tìm lại được những sách nói đây, thì điều đó cũng không có phương hại gì đến tư tưởng, hành trạng và văn nghiệp của ông, vì đây chỉ là những bản diễn ca tóm lược, lấy những điều quan yếu trong Tứ thư, Ngũ kinh mà làm sách dạy con cái trong gia đình hay những bài diễn ca dạy nghề thuốc. Và, hơn thế, về khối lượng sáng tác, thì đây cũng chỉ là một phần rất nhỏ.

4. Khái niệm *toàn tập* đối với bất kỳ một tác giả nào trong quá khứ cũng chỉ có ý nghĩa tương đối về mặt số lượng. *Toàn tập* chỉ nói lên cái ý khẳng định khía cạnh tuyệt đại đa số về lượng tác phẩm, cái ý đảm bảo với lượng tác phẩm đó đã đủ nêu rõ toàn bộ tư tưởng của tác phẩm và tác giả. Vì lẽ đó, tập sách mang tên NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TOÀN TẬP. Một mặt khác, để tên như vậy cũng là để khẳng định vị trí chói lọi của ông trong văn học sử nước nhà.

II

5. Thực trạng sáng tác và phổ biến các tác phẩm quyết định phương pháp xử lý văn bản của tác phẩm đó. Xét ở góc độ này, các tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu có thể chia làm hai loại : a) *Lục Vân Tiên*, tác phẩm có một quá trình sáng tác và phổ biến đặc biệt sâu rộng trong dân gian theo lối truyền khẩu, và, b) *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca* và một số *Thơ, Văn tế* là những tác phẩm chỉ được phổ biến theo lối sao chép, bản sau chép theo bản trước, lưu hành trong phạm vi những người thức giả. Do đó, mỗi loại có một cách xử lý riêng như đã trình bày trong *Lời dẫn* của từng tác phẩm.

III

6. Xét một khía cạnh khác - mặt nhu cầu học tập và nghiên cứu của các trường đại học và của cả nhân dân ta trong hoàn cảnh thiếu thốn tài liệu hiện nay, mục tiêu

xử lý văn bản chung của chúng tôi là ngoài *văn bản hiệu đính* ra, trong phần *Khảo dị* cung cấp được những văn bản hoàn chỉnh, cần thiết mà hiện nay hiếm để bạn đọc tiện dùng làm tư liệu nghiên cứu.

IV

7. Về nguyên tắc hiệu đính, không tự ý sửa chữa, thêm bớt, đặt ra chữ mới. Chỉ được cân nhắc, dùng chữ có sẵn đảm bảo được tính chất hợp lý cao.

V

8. Về yêu cầu chú thích, giúp bạn đọc nắm được văn nghĩa chính xác để hiểu thông suốt văn bản, nắm được vốn từ vựng của tác phẩm mà lĩnh hội đầy đủ hơn sự đóng góp độc đáo của tác giả trên địa hạt ngôn ngữ và văn học.

VI

9. Về thể lệ chú thích, số chú thích đánh theo số câu. Như vậy, mỗi số chú thích có thể có nhiều đơn vị chú thích. Lời chú đều được rút từ các bộ từ điển và các tài liệu gốc trong thư tịch cổ.

10. Khi chú các điển cố, có chỉ rõ xuất xứ, cố gắng ghi lại đầy đủ những điều cần thiết theo các tài liệu gốc hiện có, nhằm giúp bạn đọc nói chung không những hiểu cặn kẽ hơn điển cố, mà còn hiểu được các tác phẩm khác có sử dụng những tình tiết khác nhau của cùng điển cố đó.

11. Những điển, những từ... được chú thích, trong trường hợp cần thiết giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu ngôn ngữ văn học của tác phẩm, chúng tôi có ghi thêm tất cả số câu mà điển đó, từ đó... được sử dụng trong *Toàn tập* và cả trong một số tác phẩm khác.

TVK : Bản *Lục Vân Tiên truyện* – P. J. B. TRƯƠNG VĨNH KÝ phiên âm ra quốc ngữ – Sài Gòn, 1889.

PVT : Bản *Lục Vân Tiên* (Bản in lần thứ sáu) – PHẠM VĂN THÌNH xuất bản, Sài Gòn, 1932.

+ ZfB : Bản *Giải phóng B*, tức bản *Dương Từ – Hà Mậu cổ thư*, Quách Đăng Văn chép năm Giáp thân (1884).

TVB : Bản *Dương Từ – Hà Mậu*, Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính, TÂN VIỆT, Sài Gòn, 1964.

+ ZfC : Bản *Giải phóng C*, tức bản nôm chép tay Thơ – Văn tế của Nguyễn Đình Chiểu.

VhC : Bản *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, VĂN HỌC Hà Nội, 1971

+ ZfD : Bản *Giải phóng D*, tức bản *Ngũ Tiều văn đáp nho y diễn ca*, Phan Khánh Văn chép năm Tân Hợi (1971)

TVD : Bản *Ngũ Tiều văn đáp y thuật*, Phan Văn Hùm hiệu đính và chú thích TÂN VIỆT, Sài Gòn, 1952)

XI

20. Để tiện cho việc tra cứu, cách đánh số câu sẽ được áp dụng thống nhất như sau :

– Các câu thơ lục bát của mỗi bản đều được đánh số thứ tự bằng chữ số a-rập 1, 2, 3...

– Những bài thơ văn khác trong mỗi tác phẩm đều được đánh số thứ tự bằng chữ số La-mã I, II, III...

– Số thứ tự các bài thơ văn trong phần THƠ-VĂN TẾ được đánh số La-mã. Số về hay số câu của mỗi bài lại được đánh số a-rập kèm theo sau số thứ tự La-mã của mỗi bài.

NGUYỄN Đình Chiểu, tức gọi Đỗ Chiểu, tự Mạnh-trạch, hiệu Trường-phá, sau khi bị mù lại có hiệu Hối-trái sinh ngày mùng ba tháng năm壬午 Nhâm ngọ (1-7-1822) tại

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP

I

NGUYỄN Đình Chiểu, tục gọi Đồ Chiểu, tự Mạnh-trạch, hiệu Trọng-phủ¹, sau khi bị mù lại có hiệu Hối-trai¹, sinh ngày mười ba tháng năm năm Nhâm ngọ (1-7-1822) tại quê mẹ ở làng Tân Thới⁽¹⁾ tỉnh Gia Định, và mất ngày hai mươi bốn tháng năm năm Mậu tý (3-7-1888) ở làng An Đức, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre⁽²⁾.

(1) Trương Vĩnh Ký trong truyện *Lục Vân Tiên*, Sài Gòn, 1889 chép là làng Tân Khánh. Nay thuộc vùng Sài Gòn. Thân mẫu Nguyễn Đình Chiểu quê làng Tân Thới, nhưng trong công văn của Đỗ Quang thì đề "quận Tân Khánh". Ông Đào Văn Hội trong *Danh nhân nước nhà* ngờ rằng "có lẽ Chiểu sinh trưởng tại Tân Khánh hoặc thủ tịch Tân Khánh - hay là Tân Khánh và Tân Thới sau nhập làm một" (tr.117). *Nguyễn chi thế phả* chép Tân Thới, chắc Tân Khánh là tên mới có về sau. Làng Tân Thới ở vào đầu, hiện nay chưa xác định được rõ ràng. Song, có điều biết chắc là phần mộ của bà Trương Thị Thiệt (mẹ ông) ở tại phường Tân Triều, xưa thuộc vùng Cầu-kho. Thế thì có thể Tân-thới thuộc vùng Cầu Kho, Sài Gòn hiện nay.

(2) Xưa là làng An Bình đông, huyện Bảo An, phủ Hoảng Trị, tỉnh Vĩnh Long. Mộ Nguyễn Đình Chiểu hiện vẫn ở ấp Vĩnh Đức trung làng An Đức, cách chợ Ba Tri 2 km. Năm 1958 mộ được xây xi-măng. Hiện mộ ông nằm giữa, khắc chữ "nhật", mộ bà Lê Thị Diên một bên, khắc chữ "nguyệt" và bên kia là mộ của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh (1864 - 1921). Sương Nguyệt Anh được cải táng nơi đây năm 1959. Trước kia mộ của bà ở Mỹ Nhơn, xã Bảo Thuận (Mỹ Tho) là nơi quê chồng. Bà mất ngày mười hai tháng chạp năm Canh thân (28-1-1921).

Trên tám bia mộ Sương Nguyệt Anh có ghi bài thơ của bà Nguyễn Thoại Long (con gái Nguyễn Đình Chiểu) là cháu gọi bằng cô, như sau :

Quê quán ông vốn ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên⁽¹⁾.

Dựng mộ kỷ niệm Nguyệt Anh cô,
Vóc dạng ngày nay biết ở mô ?
Tờ báo Giới chung còn dấu tích,
Tấm bia liệt nữ nét nào khô,
Sông Tri rày dặng nường hồn phách,
Đất khách từ đây lánh bụi hồ,
Phân châu Thoại Long lòng kính mến,
Nguyệt Anh cô hỡi Nguyệt Anh cô.

(1) *Nguyễn chi thế phả* không chép rõ quê quán ở về làng nào, nhưng các đời họ Nguyễn - đình thấy thường cưới gả với người làng Thượng An, làng Phù Ninh. Lại thấy vị tổ đời thứ ba là Nguyễn Đình Văn có chép : ông mất ngày mười một tháng chín, không rõ năm nào, mộ trước táng ở xứ Nường Hoang, đến năm Tự Đức 16, năm Quý Hợi (1863), tháng chín ngày mười bảy dời mộ đến phường Cửa Trại cùng xã (*Thiên vu bốn xã Cửa Trại phường*)

Dem đối chiếu những địa điểm trên đây với những tài liệu chép trong *Hoàng Việt địa dư chí* (Minh - mệnh, thập tứ niên (1833), *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, *Đại Nam nhất thống Chí* và bản đồ Thừa Thiên in năm 1927, thì phường Cửa Trại ở về xã Bồ Điền, giáp với hai xã Thượng An và Phù Ninh thuộc huyện Phong Điền, Thừa Thiên. Căn cứ vào đây mà nói quê quán Nguyễn Đình Chiểu vốn ở xã Bồ Điền.

Gần đây, các bạn ở Hội văn nghệ Bình-Trị-Thiên báo cho chúng tôi biết : *Chính quê Nguyễn Đình Chiểu thuộc dòng họ Nguyễn Đình ở Phước Yên, huyện Phong Điền, chứ không phải ở Bồ Điền*.

Ngày 26-8-1978, chúng tôi về thôn Phước Yên (cách thành phố Huế chừng 16km về phía bắc), ở đây nhờ nhiệt tình giúp đỡ của các cụ Nguyễn Đình Liên (76 tuổi ở giáp tây), cụ Nguyễn Đình Thục (76t) và cụ Nguyễn Đình Hàm (86t) ở giáp nam, chúng tôi đã đến nhà thờ họ xem gia phả.

Gia phả họ Nguyễn - đình ở thôn Phước Yên không có Nguyễn Đình Chiểu cùng các cụ tổ khác như *Nguyễn chi thế phả* đã chép. Như vậy, quê quán Nguyễn Đình Chiểu khẳng định được là ở xã Bồ Điền.

Cha ông là Nguyễn Đình Huy, hiệu Dương-minh phủ, sinh ngày hai mươi chín tháng chạp năm Nhâm tý (1793), giữ chức thơ lại tại Văn hàn ty Tả quan dinh Lê Văn Duyệt. Nguyễn Đình Huy đã có vợ ở đây là bà Phan Thị Hữu, người cùng xã và đã sinh một trai là Nguyễn Đình Lân và một gái là Nguyễn Thị Phu.

Mùa hạ, tháng năm năm Canh thìn (1820), tả quân Lê Văn Duyệt được triều đình Huế phái vào làm tổng trấn thành Gia Định, Nguyễn Đình Huy theo Lê Văn Duyệt vào Nam giữ chức cũ. Ở đây, Nguyễn Đình Huy lại lấy người vợ lẽ là bà Trương Thị Thiết, người làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Bà này sinh hạ được bốn trai, ba gái. Nguyễn Đình Chiểu là con đầu lòng của bà⁽¹⁾.

Cứ theo *Nguyễn chi thế phả*⁽²⁾ là gia phả của họ thì vị cao tổ (đời thứ nhất) của ông là Nguyễn Đình Hiên

(1) Kế theo Nguyễn Đình Chiểu, còn có : Nguyễn Đình Thục (1825), Nguyễn Thị Nữ (1827), Nguyễn Thị Thành (?), Nguyễn Đình Tựu (1837), Nguyễn Đình Tự (1839) và Nguyễn Đình Huân (1841).

(2) *Nguyễn chi thế phả*, do Nguyễn Đình Huy hiệu chính và cùng con trưởng là Nguyễn Đình Chiểu biên soạn (*Nhĩ tôn nguyên Tả quan Văn hàn ty thư lại Dương-minh phủ hiệu chính cập trưởng tử tử tài Mạnh Trạch phủ đồng toán tập*) có bài tựa đề năm Tự Đức thứ sáu, sau ngày rằm tháng hai, mùa xuân năm Quý Sửu (1853), có đoạn viết : "Tôi trước thường lưu ý đến *Thế phả* nên đã chép biên, nhưng nguyên bản không còn, bèn phải cố tìm những gì còn sót lại để theo dõi, chưa kịp sửa. Nay gặp lúc có thư thả đôi chút mới dám thuật lại. Kính theo từ vị cao tổ trở lên đã được soạn vào sổ chính ở nhà thờ, còn từ vị cao tổ trở xuống, chép theo thế thứ cho một ngành để ngõ hầu làm sáng được việc đã qua, làm tỏ được cho điều sắp tới (*Hoàng triều Tự-đức lục niên, Quý Sửu chi xuân, nhĩ nguyệt kỷ vọng bài tự*). Xem các phụ bản 1a, 1b, 1c.

có vợ ở làng Phù Ninh ; vị tăng tổ (đời thứ hai) là Nguyễn Đình Thung có vợ ở Nha Miêu ngoại trang⁽¹⁾ ; vị tổ (đời thứ ba) là Nguyễn Đình Vân - một võ quan tước Thận-cẩn hầu, lấy vợ người xã Thượng An ; đời cha Nguyễn Đình Huy là Nguyễn Đình Ánh (đời thứ tư) cùng lấy vợ người xã Thượng An ; và đến đời thứ năm là Nguyễn Đình Huy - thân sinh Nguyễn Đình Chiếu, lấy vợ người cùng xã Bồ Điền rồi sau mới theo Lê Văn Duyệt vào Nam.

Nguyễn Đình Chiếu sinh ra trong một gia đình không lấy gì làm cao sang lắm. Nhưng, dù sao từ buổi thiếu thời, ông cũng chưa đến nỗi phải sống một cuộc đời lao đao, vất vả nếu không có chuyện quốc biến dẫn đến những gia biến bất ngờ đã khiến cho cuộc đời ông phải trải qua nhiều bước thăng trầm, đã phải sống nhiều khổ đau của bản thân và của đất nước.⁽²⁾

Từ thời thơ ấu cho đến tuổi mười một, mười hai, Nguyễn Đình Chiếu đã được sống và học tập có nền nếp bên cạnh bà mẹ hiền⁽²⁾. Ông thường được mẹ kể cho nghe nhiều truyện cổ dân gian và được theo mẹ đi xem hát ở vườn Ông Thượng (tức vườn Tao Đàn

(1) Túc Gia-miêu ngoại trang, thuộc tỉnh Thanh Hóa. Có lẽ bà này di cư vào đây.

(2) Về thời thơ ấu của Nguyễn Đình Chiếu, xưa nay không thấy có tài liệu nào chép. Những điểm về buổi niên thiếu của ông nêu trong bài này là những tài liệu chúng tôi đã ghi chép được qua lời kể của Nguyễn Đình Chiêm, con trai Nguyễn Đình Chiếu, ngày ông còn sống. Ông Chiêm mất ngày mồng bốn tháng bảy năm Ất Hợi (2 - 8 - 1935), táng ở thôn Mỹ Nhơn.

ngày nay). Qua đó, bà mẹ bắt đầu giáo dục ông về những điều thiện, ác, trung nịnh, chính tà, nhân nghĩa... Năm lên sáu, bảy tuổi, Nguyễn Đình Chiếu lại được theo học ở làng với một ông đồ, ông này là học trò ông Nghè Chiêu-môn sinh của Võ Trường Toản. Việc nuôi dạy của bà mẹ và việc giáo dục của ông thầy võ lòng đã có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành tư tưởng sau này của ông.

Nhưng rồi đường đời của ông không phải thẳng tắp, suôn sẻ. Từ năm lên mười một, mười hai tuổi ông đã phải trải qua những ngày bão táp kinh hoàng và rẽ vào một lối khác gập ghềnh, khúc khuỷu. Năm ấy là năm 1833. Trước đó một năm, Lê Văn Duyệt qua đời. Cái chết của Tả quân họ Lê đã dẫn đến nhiều tai biến bất ngờ cho đất nước và cho gia đình ông. Nguyên Lê Văn Duyệt cùng một số triều thần không tán thành việc Gia-long chọn hoàng tử Đảm kế ngôi. Từ những bất đồng ý kiến giữa vua tôi buổi đầu đến thái độ, hành động ương ngạnh đối với triều đình của Lê Văn Duyệt khi làm Tổng trấn, như không thi hành đúng lệnh cấm đạo Thiên chúa, như xử trảm Huỳnh Công Lý, cha vợ Minh-mạng... đã gây thêm mâu thuẫn sâu sắc. Nhưng ngày ông còn sống, cả triều đình và Minh-mạng đành ngậm đắng nuốt cay, không làm gì nổi viên Tổng trấn này. Sau ngày Lê Văn Duyệt mất (25 - 8 - 1832), Minh-mạng liền sai Bạch Xuân Nguyên vào Nam tra xét hạch tội, và cho dùng xích sắt xích phần mộ của ông. Lê Văn Khôi, con nuôi và là bộ tướng của Lê Văn Duyệt, nhân đấy nổi lên (1833), lúc

dấu đánh chiếm thành Gia Định và sau lan rộng ra, chiếm cả Lục Tỉnh. Cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi đã được đông đảo nhân dân ủng hộ. Bạch Xuân Nguyên đã bị Lê Văn Khôi cho tẩm dầu đốt làm đuốc sống tế Lê Văn Duyệt. Cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi nổ ra, quan quân nhà Nguyễn ở Gia Định không dấu "nguy" đều bị mất chức cả. Nguyễn Đình Huy trốn được về triều cũng bị cách chức nốt (1833). Sau đó, ông cải dạng trở vào Gia Định đem Nguyễn Đình Chiểu chạy ra Huế.

Ở đây, Nguyễn Đình Chiểu được gửi vào gia đình một quan Thái Phó, hàng ngày vừa lo việc diều dãi hầu hạ vừa học tập.

Vụ án Lê Văn Duyệt và cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi là sự bùng nổ của những mâu thuẫn sâu sắc đã ngấm ngấm lâu nay trong nội bộ tập đoàn phong kiến thống trị. Sự kiện hải hùng này cùng với những điều tai nghe mắt thấy trong suốt tám năm ông theo học tại Huế và chế độ quan trường, hẳn đã gợi lên trong lòng ông những suy nghĩ đầu tiên về thời thế, công danh, về đạo lý làm người và nhất là về đất nước, dân tộc.

Sau một thời gian theo học tại Huế, năm 1840 ông đã trở về Gia Định tiếp tục ôn tập chờ khoa thi Quý mão (1843). Khoa này, Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài, đứng vào năm ông 21 tuổi. Có một nhà họ Võ hứa gả con gái cho ông.

Thành công bước đầu đã khuyến khích ông thêm nỗ lực, ra công đèn sách. Năm 1847, ông lại trở ra

Huế để chuẩn bị dự kỳ thi năm Kỷ Dậu (1849). Cùng năm ông lên đường tự kinh, ngày 14-4, tiếng súng xâm lăng đầu tiên của hải quân Pháp đã nổ vào chiến thuyền của hải quân nhà Nguyễn tại Cửa Hàn.¹ Giữa lúc đi thi nhằm tiến lên lo dân giúp nước, ông rất đau xót nghe tin giặc Pháp xâm phạm đến "tấc đất ngọn rau" của Tổ quốc.

Trong khi miệt mài ôn tập chờ khoa thi, và ngày thi vừa đến, thì một tin sét đánh từ Gia Định đưa ra : Bà Trương Thị Thiệt, thân mẫu của ông, vì bệnh nặng đã mất tại Sài Gòn ngày rằm tháng mười một năm Mậu thân (10-12-1848), thọ 48 tuổi.

Ông đành phải bỏ thi, cùng với em trở về Nam chịu tang mẹ. Giữa đường ông vì quá thương khóc mẹ, lo buồn mà lâm bệnh mắc chứng đau mắt. Ông đã phải xin trọ tại nhà của một người thầy thuốc thuộc dòng ngự y ở Quảng Nam để chữa bệnh. Nhưng vì bệnh quá nặng đôi mắt của ông từ đây vĩnh viễn không còn nhìn thấy gì được nữa, và suốt bốn mươi năm trời ông đã phải sống trong cảnh mù tối.² Cũng chính trong thời gian nằm điều trị tại nơi đây, ông nghĩ đến cuộc đời, nghĩ đến con người, và mặc dù đã mù ông vẫn cố công học nghề thuốc,³ mà sau này ta mới biết rõ ý đồ của ông : học cốt để cứu người, không phải vì nghề sinh sống, không vụ lợi vụ danh :

*Dứa ăn mảy cũng trời sinh
Bệnh còn cứu được, thuốc dành cho không.*

Đui mù, trở về nhà chịu tang mẹ, Nguyễn Đình Chiếu lại gặp cảnh éo le, chua chát: vị hôn thê bội ước, cảnh gia đình sa sút... Ông đóng cửa cư tang cho đến năm 1851, sau khi mãn tang mẹ, ông mở trường dạy học và làm thuốc.

Có thể nói cho đến lúc này, ông đã trưởng thành về tuổi đời và cả tư tưởng. "Lòng đạo" tức tư tưởng nhân nghĩa của ông - từ đây bắt đầu thực hiện cứu người về thể chất, dạy người về tình thần. Công việc "hành đạo" bắt đầu dưới những phương thức khác nhau: dạy học, làm thuốc và sáng tác văn học.

Trong số học trò của ông có Lê Tăng Quỳnh, cảm thông với nỗi nhà neo đơn và tình cảnh éo le của thầy, đã xin gia đình gả cô em gái thứ năm của mình cho thầy học. Khoảng năm 1854, Nguyễn Đình Chiếu lấy vợ là bà Lê Thị Diễm (người làng Thanh Ba, huyện Phước Lộc, quận Cần Giuộc, tỉnh Gia Định)⁽¹⁾. Từ đây cuộc sống đã bớt nỗi cô đơn. Gần ngót chục năm, ông

(1) Bà Lê Thị Diễm sinh được ba trai, ba gái:

Nguyễn Thị Hương (26-7-1855 - 28-5-1917)

Nguyễn Đình Chúc (9-7-1858 - 5-1-1904)

Nguyễn Thị Xuyên (22-3-1861 - 22-1-1921)

Nguyễn Thị Khuê (1-2-1864 - 20-1-1921)

Nguyễn Đình Chiêm (29-1-1869 - 2-8-1935)

Nguyễn Đình Ngưỡng (24-12-1872 - 2-6-1902)

Bà sinh năm Ất mùi (1835), và mất ngày 14 tháng 5 năm Bính Tuất (1886) (Nguyễn chi thế phổ).

Nguyễn Thị Khuê, tự Nguyệt Anh, hình trạng nhỏ nhắn yếu, tánh nét diễm tính hiền lành, học chữ nhỏ nhiều, hay làm thơ nôm thơ chữ, văn chương tao nhã, dạy học trò chữ nhỏ nhiều năm, tác thành cho môn đệ cũng nhiều. Sau chồng bà chết, bà thêm vào luôn chữ *suong* là nói đàn bà góa,

vừa dạy học vừa làm thuốc và cũng vừa sáng tác truyện *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu*, sống yên vui bên cạnh gia đình ấm cúng và trong tình thương yêu, quý trọng của nhân dân và môn sinh của mình.

Đến năm 1859, quan Pháp sau khi đánh chiếm Đà Nẵng, đã kéo vào Sài Gòn, tràn vào sông Bến Nghé, quan quân của triều đình chống trả yếu ớt. Thành Gia Định bị giặc chiếm đóng (17-2-1859). Cái năm tai quái này mở đầu cho một thời kỳ đen tối của quê hương đất nước. Lịch sử dân tộc lại giở sang một trang mới để bắt đầu ghi lấy những hàng ước mà nhà nước phong kiến đương thời buộc phải ký kết với thực dân và cũng là mở đầu cho những trang sử đẫm máu mà về vang, oanh liệt của dân ta chống trả quyết liệt bọn thực dân cướp nước.

Từ đây cuộc đời Nguyễn Đình Chiếu cũng sang trang để bắt đầu ghi nhận những sự kiện oai hùng của đất nước chống ngoại xâm. *Bài Chạy giặc* ghi lại sự kiện sông Bến Nghé, cổ lẽ là bài thơ mở đầu cho một đời

tức là Sương Nguyệt Anh. Bà từng làm chủ bút tờ Nữ giới chung, tờ báo phụ nữ đầu tiên ở Nam Bộ. Bà đã tiếp thu nhiều điều giáo dục của Đỗ Chiếu, từ tuổi trẻ đã tỏ ra là một nhà thơ, nhà văn kế thừa xứng đáng tư tưởng và tài văn học của cha.

Nguyễn Đình Chiêm, tục kêu thầy bảy Chiêm, nổi gót cha, dạy học trò và làm thuốc, tên chữ là Trọng Vĩnh, hiệu là "Sơn-dầu, thông Hán học, có sáng tác thơ ca và hai vở tuồng *Phong ba đình* (đã xuất bản) và *Phấn trang lâu*, văn chương tao nhã, Nguyễn Đình Chiêm giữ thể phả của gia tộc và đã tập hợp các tác phẩm của nhà thơ, góp phần tích cực vào công việc xây dựng tiêu sử và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiếu.

thơ yêu nước kháng chiến, đồng thời cũng mở đầu cho một cái nhìn độc đáo của nhà thơ. Chính ông đã nhìn thấy kẻ "mắc cạn này" trước hết là "dân đen", khác hơn một số nhà thơ, nhà văn đương thời. Người "dân đen" bắt đầu đi vào thơ văn yêu nước của ông. Ngòi bút vì nhân nghĩa đã viết *Lục Vân Tiên* trước kia nay đã cụ thể hóa ở tinh thần yêu nước chống ngoại xâm. Và từ đây ngòi bút ấy đã trở thành một vũ khí sắc bén đâm thẳng vào "mấy thằng gian" - vào bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán nước :

*Chờ bao nhiêu đạo ghe không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Đối với ông, nhân nghĩa và chống ngoại xâm là đức tính truyền thống cao cả của dân tộc. Nó thống nhất, quyện hòa làm một, không tách rời nhau :

*Mến nghĩa bao đành làm phản nước
Có nhân sao nỡ phụ tình nhà.*

Nguyễn Đình Chiểu sống ở Sài Gòn, cho đến khi thành Gia Định thất thủ (17-2-1859) mới dọn về ở quê vợ tại làng Thanh Ba, quận Cần Giuộc. Về Cần Giuộc khoảng một năm thì xảy ra cuộc kịch chiến giữa nghĩa binh và giặc Pháp (1861). Trong trận này, hai mươi bảy nghĩa binh hy sinh (theo công văn của Tuần phủ Gia Định Đỗ Quang), và nhân dịp này Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* nổi tiếng, được nhân dân cả nước đánh giá rất cao.

Nói đến sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu, chỉ kể mấy bài văn tế - đặc biệt là *Văn tế nghĩa*

Sĩ Cần Giuộc cũng đủ coi ông là nhà thơ mở đầu và dẫn đầu của dòng văn học yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX và cũng đủ cho phép ông đường hoàng bước vào lâu đài của các nhà văn cổ điển lớn, bởi cách nhìn cuộc đời, nhìn con người trong sáng, thấu suốt, mà xét cho cùng là bởi tấm lòng của ông. Nguyễn Đình Chiểu hơn bất kỳ nhà thơ, nhà văn nào trước ông, cùng thời với ông là ở chỗ ông đã nhìn thấy sức mạnh to lớn của những người lao động bình thường. Trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ông đã viết về những người nông dân nghĩa binh bằng những lời thơ đầy tình nghĩa và cảm phục. Những con người bình thường quanh năm "côi cút làm ăn" ấy, đến khi lâm trận công đồn thì tá xung hữu đột, trút tất cả căm thù lên đường gươm mũi giáo, quyết tâm tiêu diệt giặc. Từ bao thế hệ trước đây, các nhà nho đều nhận thức rằng anh hùng vẫn hiếm có và chỉ có kẻ sĩ mới là anh hùng, còn nông dân chỉ là hạng thấp hèn. Thế mà ở đây tập thể nông dân lao động bình thường đã được Nguyễn Đình Chiểu mô tả như những nhân vật anh hùng, tự giác tự nguyện "làm quân chiêu mộ", quyết chí hy sinh đánh đuổi quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Ngoài ra, Nguyễn Đình Chiểu còn tham gia các hoạt động chống Pháp, thường xuyên liên hệ với những người cầm đầu nghĩa quân như Đốc binh Là, Trương Định. Khi có việc binh cơ quan trọng, Trương Định vẫn thường hỏi ý kiến ông, cùng ông bàn luận giải quyết. Ngòi bút và khối óc thao lược của ông vẫn luôn

luôn hoạt động cho công cuộc kháng chiến cứu nước. Đối với quyển *Dương từ - Hà Mậu* đã sáng tác trước đây, ông chỉnh đốn lại cho hợp với thời cuộc.

Sau hàng ước 5-6-1862 do Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp ký giao ba tỉnh miền Đông cho giặc Pháp. Nguyễn Đình Chiểu không thể sống trong vùng giặc chiếm đóng ; ông đã phải lưu luyến tạm biệt cảnh cũ người thân dọn về ở Ba Tri :

Vì câu danh nghĩa phải đi ra

Day mũi thuyền nam dạ xót xa

Ở đây, Nguyễn Đình Chiểu vẫn bàn mưu cơ chiến lược với Trương Định. Trương Định vẫn coi ông là người tham mưu của mình. Khi Trương Định hy sinh (19-8-1864), Nguyễn Đình Chiểu vô cùng đau xót đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ liên hoàn điệu vị anh hùng vì nước, vì dân. Ông ca ngợi vị Bình Tây đại nguyên soái chẳng những vì tài thao lược mà trước hết là vì Trương Định đã vì dân, theo dân mà dám đặt nước lên trên vua :

Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu,

dón ngăn mấy dặm mã tiền,

Theo bụng dân, phải chịu tướng quân phù,

gánh vác một vai khốn ngoại.

(Điều Trương tướng quân vãn)

Với một tấm lòng đầy cảm xúc, thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa truyền thống mạnh mẽ, tác giả đã thống thiết điều Trương Định, một bậc tri kỷ vì nghĩa lớn

chống ngoại xâm. Nếu ta đã từng tự hào là dân tộc ta đã có một *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, thì chúng ta cũng tự hào ít ra là như thế với bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang "sống đánh giặc thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia" - của Nguyễn Đình Chiểu, người con vinh quang của dân tộc !

Ông đã thân tình tiếp đón bạn cũ là Cử Trị đến thăm, cùng nhau đàm luận về thời thế và công việc chống Pháp, lên án bọn phản quốc như Tôn Thọ Tường, theo dõi tin tức cuộc khởi nghĩa chống Tự-đức năm 1866. Sau khi triều đình "nỡ liều Trương Định", Nguyễn Đình Chiểu cùng một số sĩ phu yêu nước và nghĩa quân chống lại lệnh bãi binh của nhà vua. Tin khởi nghĩa chống Vạn niên cơ càng gây tinh thần phê phán Tự-đức mạnh mẽ hơn trong phong trào kháng Pháp. Lúc bấy giờ ông tập trung trí óc sáng tác cuốn *Ngư Tiều văn đáp nho y diễn ca*, bày tỏ thái độ chống đối Thạch Kính Đường đầu hàng bọn Khiết Đan dâng đất cho giặc mà gián tiếp tỏ thái độ chống Tự-đức của mình.

Năm 1867, nhân lễ di táng phần mộ của nhà giáo Võ Trường Toản về Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu cùng một số môn sinh tham dự tỏ lòng tôn kính đạo đức của Võ tiên sinh⁽¹⁾.

(1) Võ Trường Toản là một nhà đại nho thế kỷ XVIII, người đất Bình Dương, tỉnh Gia Định. Ông học rộng, có chí cao khiết, gặp lúc trong nước có cuộc nội tranh, ông lánh ẩn về quê dạy học. Nhiều danh sĩ đương thời đều là học trò của ông. Ông đã thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa truyền thống Việt Nam và Nam Bộ. Uy tín của ông rất cao, đến mức sĩ phu yêu nước

Tháng 8 năm ấy, ông làm thơ diếu Phan Thanh Giản (uống thuốc độc mất ngày 4-8-1867) ngụ ý đánh giá phê phán nghiêm khắc nhưng kín đáo hành trạng của họ Phan đối với lịch sử. Đến tháng 11, trong cuộc khởi nghĩa của Phan Liêm, Phan Tôn - con trai Phan Thanh Giản - và Phan Công Tòng, ông đã góp phần bàn mưu lược, và khi Phan Công Tòng anh dũng hy sinh tại trận Gò Trụi, Giồng Gạch (1868), ông đã có thơ diếu, hết lòng ca ngợi khí tiết anh hùng của người chiến sĩ ở Bình Đông.

Trong khi dùng ngòi bút và khối óc tham gia kháng chiến, "lòng đạo" của Nguyễn Đình Chiểu cũng ngày càng được củng cố. Ông đã từng khẳng định "lòng đạo" của mình và thủy chung giữ vững.

Sự đời thà khuất đôi tròng thịt

Lòng đạo xin tròn một tấm gương.

Tấm gương nhân nghĩa và yêu nước của ông quả là trong sáng, suốt đời không chút bụi mờ, không danh

chống Pháp đã đồng tình với nhân dân quyết định dời mộ ông từ Hòa Hưng (thuộc ba tỉnh miền Đông đã bị giặc Pháp chiếm đóng) về xã Bảo Thạnh (thuộc Bến Tre, trong vùng ba tỉnh miền Tây còn độc lập) để tránh khỏi sự ô uế của quân xâm lược vào năm 1867.

Trên mộ di táng có dựng bia nêu rõ ảnh hưởng đối với xã hội: "Tiên sinh không xuất chánh, nên đại khái không được thấy sự nghiệp về chánh trị của tiên sinh. Từ khi tiên sinh đem cái học nghĩa lý ra dạy người, chẳng những đương thời nung đúc được nhiều nhân tài, mà do sự truyền thuật giảng dạy mãi giữa, đến giờ nhân dân Lục-tỉnh trung nghĩa cảm phát, liễu chẳng tiếc thân... cũng có do ông khai đạo của tiên sinh từ xưa để lại mới được như thế?"

lợi nào có thể làm hoen ố. Ông đã sống thanh bạch, cao cả, bên cạnh đám học trò thân yêu và quần chúng nhân dân lao động.

Con người tiết tháo và trung dũng ấy đã khiến cho kẻ thù phải khâm phục. Năm 1883, Pôngsông (Ponchon) tỉnh trưởng Bến Tre đã đến thăm ông, có ngỏ ý trao trả lại ruộng vườn của ông mà chúng đã chiếm đoạt. Ông khước từ mà nói rằng: "Đất vua không ai trả thì đất riêng của tôi có sá gì!" Ông cũng thẳng thắn từ chối mọi thứ phụ cấp của thực dân bất kỳ dưới hình thức nào. Rồi sau khi tên tỉnh trưởng hỏi ý muốn riêng của ông, ông đáp ngay rằng: muốn tế vong hồn nghĩa sĩ Lục-tỉnh. Tỉnh trưởng đồng ý. Ngay hai hôm sau không đợi tỉnh trưởng định ngày và cử người tham dự, ông tổ chức lễ tế tại chợ Ba Tri, môn sinh đọc văn tế, đông đảo người nghe cảm động rơi nước mắt.

Nguyễn Đình Chiểu phê phán Tự Đức nhưng rất tin tưởng Hàm Nghi - một ông vua trực tiếp chống Pháp. Năm 1888, khi nghe tin Hàm Nghi bị Pháp bắt, ông đau buồn vô hạn, lại vốn đã mang bệnh trong vài năm qua, cơ thể thêm hao mòn, ông trút hơi thở cuối cùng ngày 3-7-1888.

II

Cuộc đời khí tiết của Nguyễn Đình Chiểu đã làm nên một sự nghiệp về vang - sự nghiệp văn chương chiến đấu đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tội tố của chúng sự nghiệp của một chiến sĩ kiên cường không

biết mệt mỏi trên mặt trận văn hóa dân tộc, trọn đời hy sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu có thể chia thành hai thời kỳ sáng tác tương ứng với hai giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng của ông.

Giai đoạn đầu là giai đoạn những năm 50 thế kỷ XIX. Trong giai đoạn này, ngoài việc dạy học và làm thuốc, ông đã sáng tác hai tập truyện dài là *Lục Vân Tiên* và *Dương Từ - Hà Mậu* (sau này khi về ở Thanh Ba (Cần Giuộc) ông đã sửa chữa, bổ sung thêm cho hoàn chỉnh). Đây là thời kỳ tiếp tục hoàn thành và khẳng định tư tưởng yêu nước yêu dân, tư tưởng nhân nghĩa coi như một bộ phận của triết lý nhân sinh của ông.

A. *Lục Vân Tiên* là tác phẩm thơ nôm đầu tiên, trong đó thông qua những mối quan hệ tích cực và tiêu cực trong gia đình và xã hội, thông qua những nhân vật lý tưởng như Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hồn Minh, Tử Trục, Tiểu đồng, những người lao động giàu lòng nhân nghĩa như vợ chồng ông Ngự, ông Tiểu... Nguyễn Đình Chiểu, muốn khẳng định cuộc sống của con người tương thân tương ái với nhau trên cơ sở nhân nghĩa.

Khó mà nói hết được lòng hâm mộ của bà con miền Nam đối với tác phẩm *Lục Vân Tiên*. Cái gì cất nghĩa được sự ham thích say mê của quần chúng miền Nam đối với tác phẩm bất hủ ấy? Theo chúng tôi, điều chủ yếu là tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã đáp ứng được

tinh thần dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài, ghét gian ác, "kiến nghĩa bất vi vô dũng dã" của người nông dân miền Nam mà cũng là của mọi người dân Việt Nam chúng ta.

Những con người tốt trong *Lục Vân Tiên* kể tục những truyền thống cao quý của dân tộc về nhân nghĩa, đó là những con người trong sạch, bình thường, làm việc nghĩa như một nhu cầu mà không hề nghĩ đến lợi danh, ơn huệ.

Lục Vân Tiên là nhân vật lý tưởng của nhà thơ mang đầy đủ những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người mà Nguyễn Đình Chiểu mơ ước. Mối tình của Kiều Nguyệt Nga đối với Lục Vân Tiên là một mối tình vừa cao quý vừa đẹp đẽ, bắt nguồn từ một lòng hào hiệp quên mình để cứu người và một lòng nghĩa cũng quên mình để trả ơn người của một đôi trai anh hùng, gái tiết hạnh. Đồng thời ông cũng đưa ra một loạt các nhân vật phản diện, như cha con vợ chồng nhà Võ Công, như Trịnh Hâm, Bùi Kiệm để qua đó lên án những thói đời đen bạc, ý thế cậy quyền hãm hại người lương thiện của bọn người bất nhân, bất nghĩa phản lại tình nghĩa đồng bào. Nguyễn Đình Chiểu trong khi mô tả những nhân vật phản diện, đã để lòng khinh bỉ căm ghét của ông trào ra ngòi bút "ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm" và "bởi chung hay ghét cũng là hay thương". Cái ghét thương đó bao hàm một ý nghĩa tư tưởng biện chứng, ghét không phải vì ghét mà ghét là vì thương, không có tình thương

xót đồng bào, thương xót con người bị chà đạp thì không thể có lòng căm ghét đúng đắn.

Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên một chân lý cách mạng sâu sắc. Tất cả mối căm ghét của ông Quán - mà cũng là của ông, đều xuất phát từ lòng thương yêu nhân dân, đứng trên lập trường vì nhân dân mà kết tội bọn vua quan hung bạo, bất công, bất lực, hại dân. Cái đó rất rõ ràng.

Đối với ông, cái gì hại đến dân là xấu, là tà, là đáng khinh, đáng ghét; và cái gì ích nước lợi dân là tốt, là chính, là đáng kính, đáng thương. Nguyễn Đình Chiểu đã nối liền truyền thống nhân nghĩa, nhân đạo vì dân, vì nước của nền văn học chiến đấu của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay.

Lục Vân Tiên là một tác phẩm chiến đấu, thuộc một nền văn học chiến đấu của một tác giả đứng hẳn vào hàng ngũ những chiến sĩ của nhân dân đấu tranh để thực hiện lý tưởng, hoài bão nhân nghĩa công bằng của nhân dân.

Lục Vân Tiên có tác dụng giáo dục mạnh mẽ. Ở một mức độ và một khía cạnh nhất định, con người Lục-tĩnh - nhất là từng lớp thanh niên, lấy Vân Tiên làm nhân vật lý tưởng, ước mơ làm một Vân Tiên trong cuộc đời, coi mối tình Vân Tiên - Nguyệt Nga là tuyệt đẹp, coi tình bạn giữa Vân Tiên, Hồn Minh, Từ Trục là cao quý.

B. Dương Từ - Hà Mậu. Theo kết quả nghiên cứu của nhiều người, thì *Dương Từ - Hà Mậu* có thể được

soạn từ năm 1851 và hoàn chỉnh vào những năm trước khi thành Gia Định rơi vào tay giặc Pháp.

Trong giai đoạn này, nước nhà đang đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc "dựa chia khăn xé". Quân đội viễn chinh của thực dân Pháp muốn xâm lược nước ta, đã âm mưu lợi dụng Hội truyền giáo, cho các giáo sĩ sang trước để làm nhiệm vụ quan sát, dò la tình hình, hoặc để mê hoặc, chia rẽ hàng ngũ đấu tranh của nhân dân.

Bọn giáo sĩ đã ru ngủ quần chúng bởi những giáo lý huyền hoặc về thiên đường, địa ngục làm họ quên mất nhiệm vụ của mình đối với Tổ quốc, nhằm tạo ra một thế đối lập bằng cách đề cao xui giục các hành động cuồng tín "tử vì đạo", để từ đó làm bình phong "bảo vệ công giáo" cho các cuộc viễn chinh xâm lược của chúng. Đó là một sự thật lịch sử đối với Việt Nam cũng như đối với bất cứ một nước nào khác của bọn xâm lược phương tây.

Thiên chúa giáo đã có mặt tại Việt Nam từ những thế kỷ trước, nhưng bấy giờ chưa có những sự liên kết trắng trợn vào mục đích xâm lược phi nghĩa. Cho đến năm 1825, nhân vụ tàu Thétis đến Đà Nẵng, có lưu lại một thừa sai là Rogerot để giảng đạo. Triều đình Huế cho rằng sự kiện này có âm mưu đen tối giữa quân Pháp với công giáo nên đã hạ lệnh cấm đạo.

Rồi đến cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi mà Minh Mạng cho là có sự giúp đỡ của cố Du. Từ đó, các giáo sĩ mới trở thành một đối tượng bị chống đối rõ rệt.

Năm 1847, lấy cớ Thiệu Trị giết đạo, thực dân Pháp đem chiến thuyền gây sự ở Đà Nẵng để yêu sách về việc giảng đạo Thiên chúa, và đã bắn chìm năm chiếc tàu đồng của triều đình. Bình phong bảo vệ công giáo cho đội quân xâm lược đã quá rõ ràng.

Hơn ai hết, Nguyễn Đình Chiểu thấy trước điều đó. Nghĩ đến giang sơn trong cảnh "nửa Tống nửa Liêu", "dưa chia khăn xé", lòng ông đau như cắt, ngọn lửa căm hờn bùng cháy trong tâm hồn ông đã thôi thúc ông phải lên tiếng, vạch rõ âm mưu của quân thù, thức tỉnh đồng bào cứu nguy Tổ quốc.

Và, thế là *Dương Từ - Hà Mậu* được viết ra. Với một tinh thần chiến đấu, yêu nước thiết tha, sôi nổi, ông kêu gọi đồng bào sớm phải nhận ra kẻ thù chung của dân tộc, và nói rõ trách nhiệm và bốn phận của mọi người dân Việt trước họa xâm lăng. Việc chiến đấu chống giặc cứu nước bây giờ là hòn đá thử vàng cho mọi giá trị của mỗi người dân, không kể là lương hay giáo.

Người tín đồ công giáo cũng phải đứng lên bảo vệ đạo bằng cách chống và đánh đuổi quân xâm lược. Đó là sứ mạng thiêng liêng sáng ngời chính đạo mà mọi đạo phải theo. Không chống giặc cứu nước là tà đạo. Đó là một chân lý mà Nguyễn Đình Chiểu đã nêu bật ra cho mọi người thấy.

Như vậy, công giáo nói riêng, tôn giáo nói chung - ngay cả nho giáo đều được Đỗ Chiểu duyệt xét lại toàn bộ trong tác phẩm. Theo ông, ngày nào mà tôn

giáo không hòa đồng với cuộc sống của dân tộc, ngày nào mà người theo đạo chỉ biết đóng khung trong giáo điều một cách lệch lạc, thì ngày đó tôn giáo chỉ có hại cho Tổ quốc.

Nguyễn Đình Chiểu còn chống đối các tín đồ Phật giáo lạc hậu phản động. Trong cuộc đấu tranh chung của dân tộc, họ đã lợi dụng đạo để thực hiện những mưu đồ bất chính. Đối với xã hội, họ không còn một liên hệ nào. Đối với giáo lý, họ không có một hiểu biết đầy đủ. Mà ngay cả trong cách thờ cúng, họ cũng chỉ chú trọng đến hình thức bề ngoài. Đối với bọn họ, theo Đỗ Chiểu, xuất gia đầu Phật là từ chối sống chung với dân tộc, trốn trách nhiệm, chối bỏ sự đóng góp cho xã hội.

Mối ưu tư chính của Nguyễn Đình Chiểu là chống Pháp cứu nước. Phải có một nền tảng tư tưởng vững chắc để đủ sức đương đầu với võ lực Tây phương.

Trong *Dương Từ - Hà Mậu*, tác giả luôn luôn cho ta thấy rõ đạo không ở đâu xa, chính ngay trong lòng người, trong lòng dân, cho nên mọi người phải lo "tu thân" theo những truyền thống đạo đức có một ý nghĩa thực tế lớn lao của dân tộc mà Nguyễn Đình Chiểu mệnh danh là chính đạo, để từ đó mà lo việc "Trị quốc" trong cơn biến loạn của nước nhà.

Nguyễn Đình Chiểu cũng chống đối Nho giáo lạc hậu. Cuộc kháng chiến chống giặc cứu nước là sự kiện trung tâm của thời đại. Qua cuộc kháng chiến đó, trong hàng ngũ của mọi tầng lớp xã hội đã có một sự phân

hóa rõ rệt. Tầng lớp nhà nho cũng vậy, cũng có nho sĩ quân tử thi hành chính đạo, lao mình vào cuộc chiến đấu của dân tộc, thì cũng có nho sĩ tiểu nhân đã xa rời chính đạo mà trở nên "tà vạy" hợp tác với giặc, bán nước cầu vinh. Nguyễn Đình Chiếu đã mạnh mẽ đả kích bọn này. Ngoài ra, ông cũng lên án bọn nho sĩ lạc hậu, sinh sống bằng những nghề phi pháp : bọn thầy pháp, thầy địa lý lợi dụng lòng mê tín kém hiểu biết của nhân dân để vét của, bọn nhà nho học thuộc vụ lợi chữa bệnh không có lương tâm, cả bọn thơ lại quen thói hống hách ăn tiền.

Nếu triều đình chỉ biết kết án đạo Công giáo, thì Đồ Chiếu đi xa hơn, kết án tất cả tà thuyết để tạo lập một ý thức hệ, một nền tảng tư tưởng mới cho cuộc đấu tranh. Ông chống bọn quan lại chủ hòa. Đồ Chiếu trung quân bằng cách đứng về phía nhân dân, đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết.

Quan niệm đấu tranh của Đồ Chiếu qua *Dương Từ - Hà Mậu* đã đánh vào tinh thần chủ bại, suy nhược của bọn nho sĩ lạc hậu của triều đình như một ngọn đuốc sáng rực rọi vào nơi tăm tối. Và cũng qua *Dương Từ - Hà Mậu* đã phản ánh quan niệm nhân sinh hết sức thiết thực của ông. Lời lẽ của ông không nhắm vào lý thuyết suông mà đã tích cực nhắm vào thái độ, hành động của các tín đồ của mọi tôn giáo. Theo ông, hòn đá thử vàng cho mọi hành động trong lúc này là hành động chống giặc cứu nước. Trong chiều hướng đó, tôn giáo bị đả kích nặng nề nhất là Thiên chúa

giáo, vì tôn giáo này trong thực tế đã hành động như là những tên nội gián làm tay sai cho bọn xâm lược.

Dương Từ - Hà Mậu là một tác phẩm lớn toát ra một tinh thần yêu nước và căm thù giặc sâu sắc. Trước nguy cơ đổ vỡ cả nền tảng đạo đức cổ hữu do ý đồ của quân thù xâm lược, *Dương Từ - Hà Mậu* như là một lời kêu gọi mọi người trở về với chính đạo, đủ tạo ra một sức mạnh chống giặc cứu nguy cho Tổ quốc.

Tác phẩm đã chỉ ra một chân lý sáng ngời cực kỳ quan trọng là : Phải biết tiếp thu những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà ông mệnh danh là "Chính đạo" để tu dưỡng nhằm mọi người đạt tới được một sự thống nhất tư tưởng, biết yêu lẽ chính, ghét cái tà để hành động cho sự tiến bộ của xã hội.

Và, trong khi đất nước bị ngoại xâm, thì hành động đó là hành động chống giặc cứu nước. Đó là thước đo mọi giá trị trí tuệ và đạo đức của mỗi người dân, vô luận thuộc giáo phái nào. Không thể, là "đồ thói, đồ hư", là "tà vạy" và đã bị ông lên án nghiêm khắc. Tác phẩm vì thế mà bị cấm xuất bản trong thời thuộc Pháp.

Trước thời cuộc kháng Pháp cứu nước, tác giả khi về Cần Giuộc đã khẩn trương bổ sung *Dương Từ - Hà Mậu* - một tập truyện đã gây nhiều tác động tích cực đến cuộc kháng Pháp. Số cổ lão ở vùng Cần Giuộc đã kể lại rằng nhiều người chuyên nhau đọc, nông dân thích nghe. Tập thơ có nhiều ảnh hưởng, bọn cố đạo rất ghét tập thơ ấy.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn phát triển cao và rực rỡ của sự nghiệp văn chương Nguyễn Đình Chiểu. Giai đoạn này mở đầu từ những ngày giặc Pháp mới tràn vào sông Bến Nghé cho đến khi toàn cõi Lục-tỉnh Nam Kỳ bị chiếm đóng, tức là trong những năm 60 và 70 thế kỷ XIX.

Tư tưởng yêu nước của ông vốn có trong *Lục Vân Tiên* - một tư tưởng yêu nước thuần túy lý tưởng - đến giai đoạn này lại được đem ra thử nghiệm, thử thách trong thực tế chống ngoại xâm với một kẻ thù hung bạo, hiện đại, chứ không phải thứ giặc "Ô qua" tưởng tượng, trong hoàn cảnh một triều đình không phải là một "Sở vương" lý tưởng, mà là một triều đình đã suy vong, chứa sẵn trong nó những mầm mống thất bại chủ nghĩa, sẵn sàng hàng giặc.

Tư tưởng yêu nước đó, qua thử thách, đã được tôi luyện trở thành chủ nghĩa yêu nước rất sinh động và rất hiện thực, vì nó đã phải đương đầu và giải quyết nhiều mâu thuẫn thực tế : mâu thuẫn giữa chủ nghĩa trung quân nho giáo với chủ nghĩa yêu nước, mâu thuẫn giữa quan niệm nho giáo với quan niệm truyền thống về vai trò và vị trí của giai cấp nông dân ở một nước phong kiến chống ngoại xâm ; và vì nó đã mang trong nó tất cả sức mãnh liệt của hiện thực đấu tranh đương thời, rất gần với chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Câu thơ *Mến nghĩa bao đành làm phản nước* có lẽ đã được sáng tác trong quá trình đấu tranh tư tưởng để giải quyết những mâu thuẫn này trong bản thân ông.

Câu thơ khẳng định quan điểm lập trường - nói theo cách nói của ta ngày nay - hay khẳng định "lòng đạo" của ông - một triết lý nhân sinh tiến bộ bao gồm tư tưởng nhân nghĩa và chủ nghĩa yêu nước. Nguyễn Đình Chiểu đã mang "lòng đạo" đó đi vào cuộc kháng Pháp. Và, bây giờ thơ văn ông là những con thuyền chở "đạo" - đạo nhân nghĩa, đạo yêu nước - và với ngòi bút là thứ vũ khí sắc nhọn như gươm giáo đâm thẳng vào quân thù cướp nước và bán nước : "Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà".

Trong giai đoạn thứ hai này, ông đã sáng tác một số thơ, văn tế và một tập truyện dài là *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca*.

C. - *Thơ - Văn tế*. Thơ, văn tế của ông mang tính chất thời sự, tính chiến đấu sôi nổi. Ông đã vạch trần tội ác của giặc cùng bọn tay sai, nói lên ước mơ nước nhà được giải phóng của nhân dân trước cảnh nhà tan nước mất, đã nói lên lòng căm thù vô hạn của quần chúng nhân dân đối với bọn giặc xâm lược. Nó làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ suốt trong cả giai đoạn này.

Thơ, văn tế của Nguyễn Đình Chiểu "*ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, và than khóc những người liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân*". Ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu, đã diễn tả, thật là sinh động và não nùng, cảm

tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc, bỗng chốc trở thành người anh hùng cứu nước (Phạm Văn Đồng)

Nhân dân miền Nam đã đứng lên mặt đối mặt chống quân thù. Hình ảnh của họ - của những người lao động nghèo khổ, được Nguyễn Đình Chiểu miêu tả rất rõ nét qua những cuộc chiến đấu chống Pháp. Họ là những nhân vật chính, là những người anh hùng dũng cảm và giản dị

Có thể nói Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ Việt Nam đầu tiên đã nói đến chiến tranh nhân dân, đề cao người nông dân, người du kích chống Pháp với ý thức về nhiệm vụ và quyền lợi của mình, họ cần chiến đấu để bảo vệ "tấc đất ngọn rau, bát cơm manh áo" để bảo vệ chủ quyền đất nước thiêng liêng.

Đối với các lãnh tụ nghĩa quân, như Trương Định, Phan Ngọc Tòng, Nguyễn Đình Chiểu đã dành những lời thơ hết sức thiết tha, đạt đến một nghệ thuật lớn về tính trữ tình và anh hùng ca.

Trong cuộc chiến tranh nhân dân chống pháp bấy giờ, bên cạnh những người nông dân nghèo khổ, còn có những sĩ phu sống rất gần gũi với nông dân, có thể nói là những trí thức nông dân. Đối với tầng lớp trí thức này (trong đó có cả bản thân Nguyễn Đình Chiểu), nhà thơ đã xác định rõ nhiệm vụ giúp dân cứu nước, đứng hẳn về phía nhân dân mà quyết chiến với giặc. Và, khi người trí thức đó là đại biểu cho nhân dân,

trở thành lãnh tụ, thì nhân dân có mối quan hệ đặc biệt thân thiết với họ.

Nguyễn Đình Chiểu đã thấy được mối quan hệ giữa lãnh tụ nghĩa quân với quần chúng, tình thương của quân sĩ đối với lãnh tụ cũng như lòng ưu ái của lãnh tụ đối với quân sĩ. Đó là quan niệm rất mới về anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu, rất khác với các quan niệm phong kiến về trung quân ái quốc.

D. *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca*. Nguyễn Đình Chiểu sáng tác tập truyện này từ sau khi ông về Ba Tri (1862), có lẽ là vào năm 1867, khi cả một miền đất đai rộng lớn, màu mỡ của Tổ quốc rơi vào tay giặc Pháp.

Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca, như tên của tập sách, thì đó là một quyển văn vần dạy nghề thuốc chữa bệnh. Những chủ ý của Nguyễn Đình Chiểu là qua câu chuyện vấn đáp giữa hai nhân vật Ngư và Tiều mà tiếp tục biểu dương đạo đức làm người. Nguyễn Đình Chiểu đã mượn lời những nhân vật trong truyện để nói lên lòng yêu nước, căm thù giặc, khinh ghét bọn người vô sĩ, cam tâm làm tay sai cho quân xâm lược. Và, ông cũng mượn câu chuyện này để phản ánh những vấn đề thời sự mà ông hằng quan tâm và đau lòng vì nó.

Kỳ Nhân Sư đã khước từ "chẳng khứng sĩ Liêu", nên đã "xông hai con mắt bỏ liều cho đui". Đó là một hành động phản kháng quyết không chịu theo giặc,

khước từ mọi sự mời mọc, dù dễ để bảo vệ lòng đạo "lòng đạo xin tròn một tấm gương", trước bao nhiêu việc trái tai gai mắt, đảo điên hèn hạ của "nhơn tình éo le".

Như vậy là một sự bảo vệ đạo đức, lý tưởng, một sự phê phán gay gắt có một ý nghĩa triết học : đó là tượng trưng cho cảnh đen tối của đất nước, nhưng trong cái đen tối đó, Nhân Sư mù mà vẫn là điểm sáng, là ngôi sao giữ niềm chính khí. Ông tin tưởng rằng ngày mai đất nước sẽ hết đen tối, trời sẽ sáng rã và mắt ông cũng sáng ra :

Sau trời thúc quý tan mây,

Sông trong biển lặng mắt thầy sáng ra.

Nhưng, Nguyễn Đình Chiểu không phải là người chỉ có ghét, chỉ có bất hợp tác, chỉ có nhắm mắt bảo vệ mình, bảo vệ đạo. Mặc dù mù, ông đã nhìn rất rõ mọi việc bằng tất cả mọi mối liên hệ với nhân dân. Ông không ở ẩn. Ông đã trực diện dùng ngòi bút để không ngừng đấu tranh với địch, với bọn phản dân phản nước.

Với tác phẩm này, ông đã tỏ rõ hết nỗi niềm cay đắng và nêu cao phẩm giá trong sạch của một sĩ phu yêu nước sau những ngày quê hương "Lục-tỉnh" đã hoàn toàn vào tay giặc Pháp và đang bị đè nặng bởi những chính sách thống trị hà khắc của quân cướp nước và bán nước.

Nguyễn Đình Chiểu đau buồn về nỗi đất nước bị chia cắt. Câu chuyện triều đình Thạch Kinh Đường dâng đất cho giặc Khiết Đan chính là ám chỉ việc triều đình Tự-đức dâng đất ba tỉnh miền Đông-rồi ba tỉnh miền Tây cho giặc Pháp.

Mượn câu chuyện đau xót hai châu U Yên bị cắt cho giặc, Nguyễn Đình Chiểu dụng ý lên án triều đình Tự-đức đầu hàng giặc. Hồi ấy, Phan Văn Trị có hai câu thơ :

Tan nhà căm nỗi con ly hận,

Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa,

Còn Nguyễn Đình Chiểu đã viết trong *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca* :

Bờ cõi xưa đã chia đất khác

Nặng sương nay há đợi trời chung.

...

Một trận mưa nhuần rửa núi sông !

tỏ rõ tất cả nỗi niềm ưu ái hy vọng của mình đối với dân với nước.

Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca, như trên đã nói là sách dạy nghề thuốc, kể chuyện Thê Triền, Tử Phục đi tìm thầy học chữa bệnh. Tìm thầy học thuốc để chữa bệnh cứu dân, mà cũng là tìm thầy học đạo cứu đời, cứu nước. Nguyễn Đình Chiểu đã mượn lời các nhân vật tượng trưng của tập truyện để diễn tả ngay nỗi lòng của ông : Một tác lòng đau dáu lo đạo thương

dân, một mảnh hồn nhẹ nhàng, trong sáng, và một niềm tin vĩ đại vào tương lai.

*

* *

Sự nghiệp thơ văn của ông đã đưa ông lên địa vị của một người mở đầu cho dòng văn học yêu nước, và là *ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc* trong thời cận đại.

Giá trị lớn lao ông để lại cho con cháu chính là những ánh hào quang tư tưởng chiếu tỏa từ những tác phẩm ưu tú của ông đã được kết tụ lại như những viên ngọc quý : đó là đạo đức nhân nghĩa yêu nước của ông kết tinh của nguyện vọng và ý chí của những người lao động đã từng hy sinh xương máu để dựng nước và giữ nước, ước mơ vươn tới một xã hội công bằng và nhân đạo.

Cái vĩ đại của cuộc đời và của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu căn bản là ở chỗ đó. Vì cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là một điển hình cuộc đời của nhân dân, ít có nhà thơ, nhà văn nào mà cuộc đời và tác phẩm gắn chặt và hòa hợp với nhau như vậy. Tác giả đã tự thể hiện mình qua các nhân vật chính diện, mỗi tác phẩm đều nói lên một cách chân thành tâm sự, ước mơ và suy nghĩ của mình. Sự thành công của tác phẩm ông chính là sự chân thành bộc trực của một tâm hồn cao đẹp tuyệt vời, yêu thương rất mực và cũng căm thù rất mực.

III

Nguyễn Đình Chiểu từ bé đến lớn đã được giáo dục chu đáo, và bản thân ông cũng không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện để tự tạo cho mình một khả năng kiến thức, đạo đức đủ để hoàn thành sự nghiệp.

Từ thời thơ ấu, Nguyễn Đình Chiểu đã được hấp thụ sự giáo dục quý báu của hai người : mẹ ông và thầy võ lòng.

Bà mẹ vẫn là người có công đức cao dày nhất, người đầu tiên đã gieo rắc vào tâm trí non trẻ của ông những ấn tượng sâu sắc về khí tiết, cốt cách con người Việt Nam sinh ra trên đất Sài Gòn - Gia Định. Đến nay tuy chưa tìm thấy sách vở nào nói về việc nuôi dạy con của bà Trương Thị Thiệt, nhưng vì hay quan tâm tìm hiểu thân thể và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi đã mấy lần tìm hỏi ông Nguyễn Đình Chiêm, ngày ông còn tại thế, sống ở Mỹ Chánh. Nhờ đó, chúng tôi được biết Nguyễn Đình Chiểu ngày trước đã từng kể lại cho con cháu nghe một vài câu chuyện về bà cụ thân sinh có liên quan đến việc dạy dỗ ông thời thơ ấu, như chuyện đưa ông đi xem hát ở nhà hát tại vườn Ông Thượng, kể truyện cổ dân gian cho con cháu nghe, kể truyện Thủ Huồn, bà cụ thường nhắc câu "vi phú bất nhân", cho dù hần có làm nhà bè mong được "xóa nợ", nhân dân cũng không bao giờ quên tội ác bất nhân của hần.

Nghe Nguyễn Đình Chiêm kể, chúng tôi có thêm bằng chứng để khẳng định bà Trương Thị Thiệt thật

là một bậc từ mẫu, biết nuôi dạy con theo đức tính truyền thống Việt Nam. Qua đó chúng ta hiểu rõ hơn lòng chí hiếu của Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt lòng đau xót vô hạn của ông khi nhận được tin mẹ từ trần.

Nói về con người Gia Định, trong *Gia định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức có nhận xét : "Gia Định có nhiều người trượng dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dầu hàng phụ nữ cũng như thế". Hàng phụ nữ Sài Gòn - Gia Định như bà Trương Thị Thiệt, người mẹ đã dốc lòng giáo dục con nên người theo nhân nghĩa truyền thống, thật xứng đáng với lời nhận xét của tập sách.

Cũng như các bà mẹ Việt Nam, bà Trương Thị Thiệt đối với con khi mới bập bẹ học nói, hàng ngày uốn nắn lời con, dạy từng chữ, từng câu tiếng mẹ đẻ, qua những câu tục ngữ, ca dao, truyện cổ dân gian. Nhưng khác hơn phần lớn các bà mẹ khác, mẹ Nguyễn Đình Chiểu vốn người trọng nghĩa, khí tiết, cho nên những tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích, bà chọn những câu, những truyện có nội dung hợp với nhân nghĩa, khí tiết truyền thống Việt Nam và đất Gia Định để dạy con, cũng như người mẹ chọn những món ăn lành bổ để nuôi con về thể chất. Văn nghệ dân gian đã gieo ấn tượng truyền thống dân tộc sâu đậm vào trí óc và tâm hồn trong trắng thơ ngây của ông. Nguyễn Đình Chiểu thấm nhuần tâm hồn, cốt cách Việt Nam là nhờ ảnh hưởng lối giáo dục của mẹ.

Cha ông là Nguyễn Đình Huy, tuy bận công việc thơ lại hằng ngày, ít gần gũi con, nhưng vẫn chú ý giáo

dục con trong gia đình. Ông vốn có kiến thức, học vấn nên thường chăm sóc việc học tập của con, nhất là khi Nguyễn Đình Chiểu bắt đầu học vỡ lòng.

Về chuyện Nguyễn Đình Chiểu học vỡ lòng chữ Hán, chúng tôi được nghe Nguyễn Đình Chiêm nhắc lời cha đại để rằng : thầy dạy là học trò ông Nghè Chiểu, dạy sách *Minh tâm bửu giám*, sau đó truyền lại bài giảng của thầy Nghè Chiểu về tu dưỡng nhân nghĩa khí tiết làm người.

Ở Nam, chương trình dạy chữ Hán, có phần khác ở Bắc. Từ lâu năm, những thầy đồ Nghệ An, Quảng Nam vào Nam dạy học, theo tục lệ đều dùng sách *Minh tâm bửu giám* dạy vỡ lòng cho học trò cốt dạy lễ nghĩa đạo đức cho người đời bắt đầu từ lớp trẻ.

Sau khi học vỡ lòng sách *Minh tâm bửu giám*, Nguyễn Đình Chiểu tiếp tục nghe thầy giảng dạy về "dưỡng khí", "tập nghĩa", nhất là nghe thầy truyền đạt lại cách giáo dục của thầy mình, xuất phát từ tâm tính tốt của người Gia Định "trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài" sẵn có, phát huy tâm tính ấy lên, cốt là làm nhiều việc nghĩa để bồi dưỡng có hiệu quả khí phách trung dũng của học sinh.

Đến năm 1867, khi về ở Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu cùng với một số học trò đến dự lễ đi táng mộ của Võ Trường Toản ở Bảo Thạnh cách không xa huyện lỵ Ba Tri. Thấy và trò, theo chỗ chúng tôi nghĩ, thế nào cũng tâm đắc đối với bài văn bia do vị chủ lễ là Nguyễn Thông trình bày. Bài văn sau được khắc vào bia đá

dựng ở mộ (nay vẫn còn). Bài văn bia ấy đã nhắc Nghè Chiếu⁽¹⁾, nhà ẩn dật là bậc túc học đã được theo Võ Trường Toản học thấu nghĩa "Tri ngôn, dưỡng khí" làm cho Nguyễn Đình Chiếu nhớ đến thầy của thầy mình, thầy đã giảng dạy thời mình còn bé về tập nghĩa dưỡng khí⁽²⁾.

Ở đây, cần nói đến sự biến lớn trong nước và trong gia đình Nguyễn Đình Huy do cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833 - 1835) gây nên. Nguyễn Đình Huy bị mất chức làm thay đổi cuộc đời đèn sách của Nguyễn Đình Chiếu. Ông được cha đưa về Huế, gởi cho một người bạn cũ, một vị Thái phó mà qua lời kể của Nguyễn

(1) Văn bia mộ Võ Trường Toản có đoạn viết : "Tiên sinh học sâu biết rộng, gặp thời loạn, ở ẩn, dạy học trò hàng mấy trăm người... Hạng danh sĩ thì như Chiếu và Trúc đều là hai tay đặt nhãn. Còn những người khác không kể xiết..."

Dặt nhãn Chiếu vốn người túc học, chỉ theo tiên sinh mà nhận lãnh được cái nghĩa "tri ngôn, dưỡng khí"

(2) Về "tri ngôn, dưỡng khí" trong sách *Mạnh tử*, mà Võ Trường Toản đã giảng dạy tại trường ở Hòa Hưng (Sài Gòn) trước năm 1792, chúng tôi tìm hiểu qua sách *Khổng học đăng* (Đền Khổng học), trong đó Phan Bội Châu đã giải thích đại để như sau : Tri ngôn là xem xét việc làm, tâm trí của người đang nói chuyện với mình, mới biết rõ được người, mới phân biệt được lời thành thật và lời giả dối. Lời giả dối thường có bốn loại : loại lệch lạc (bị ngôn), loại lừa dối, đâm dăng (dâm ngôn), loại gian tà (tà ngôn) và loại dối trá, trốn tránh lý lẽ chính của sự việc, vì lý cùng, đuôi lý (độn ngôn). Tri ngôn phải theo "cách vật trí tri" trong sách *Đại học*. Tri ngôn phải "Tri hóa", nghĩa là phải biết sự thật qua diễn biến của sự việc. *Dưỡng khí* là bồi dưỡng khí phách anh hùng, phát huy chính khí như gương Trần Bình Trọng, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu. Để dưỡng khí lên cao, phải "tập nghĩa", tức là cống hiến không ngừng, suốt đời, rất nhiều việc nghĩa, trái với làm việc nghĩa tình cớ để khoe khoang.

Đình Chiêm, tên tuổi đến nay ta không được biết, chỉ biết rằng quan Thái phó là một bậc túc nho tài đức nổi tiếng ở kinh đô. Nguyễn Đình Chiếu ở đấy vừa lo việc điều dãi vừa học hành, khoảng tám năm.

Chắc chắn qua thời gian tám năm, với tuổi thanh niên, được mẹ hiền chăm sóc từ bé, được thầy tốt giảng dạy, khi ra Huế, có thêm điều kiện thuận lợi hơn : thầy tài đức có tiếng tăm, sách vở nhiều, quan hệ với người lao động trong nhà, hàng xóm, với học sinh trường kế cận, do đó mà Nguyễn Đình Chiếu học tập ngày càng tiến bộ, hẳn đã có những kết quả vượt bậc.

Học tập nhằm thi cử thì thế nào Nguyễn Đình Chiếu cũng được nghe giảng sách kinh sử. Ngoài ra, sách học thi cử, bấy giờ còn có thêm mấy bộ *Tính lý tiết yếu* do Bùi Huy Bích trích lục, giúp học trò chuẩn bị đi thi, và *Tính lý đại toàn*. Nguyễn Đình Chiếu đọc *Tính lý tiết yếu*, trong đó ông chú ý đến hai thiên *Tây ninh* và *Chính mông* của Trương Tải.

Thế là tám năm học tập ở Huế, Nguyễn Đình Chiếu được bồi dưỡng thêm nhân nghĩa truyền thống Việt Nam, đồng thời phát hiện được mặt tích cực ở tác phẩm *Tây ninh* phù hợp với truyền thống dân tộc. Với khả năng cầu tiến ấy, khoảng năm 1840 Nguyễn Đình Chiếu trở về quê mẹ chờ khoa thi Quý mão (1843). Khoa thi Hương này, ông không đỗ được cử nhân như Đỗ Trình Thoại, mà chỉ đỗ tú tài. Tuy chưa đạt nguyện

vọng, nhưng kết quả bước đầu đó đã khích lệ ông học tập đợi khoa sau.

Đỗ tú tài rồi, Nguyễn Đình Chiểu tích cực chuẩn bị ôn tập sách vở chờ khoa thi Kỷ Dậu (1849). Bấy giờ đã đỗ đạt, sống trong gia đình thảo thuận, quan hệ tốt với bà con, chòm xóm và nhờ sự tác động của bà mẹ trong việc bồi dưỡng đức tính truyền thống đất Gia Định gắn liền với nhân nghĩa truyền thống dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu, một thanh niên đang tuổi trưởng thành đầy nhiệt huyết hăm hở nhiều ở bước đường công danh sự nghiệp.

Năm 1847, Nguyễn Đình Chiểu rời gia đình ra kinh dự thi, lòng đầy hy vọng. Nhưng sự đời lắm chuyện éo le ! Hai biến cố lịch sử xảy ra đối với Tổ quốc, đối với gia đình và bản thân gây nên một bước ngoặt quan trọng trong đời ông. Một là, lúc đang trên đường ra kinh thi thì nghe tin hai tàu chiến Pháp vào Cửa Hàn, bắn phá mấy chiến thuyền của quân triều đình rồi nhổ neo ra khơi. Việc hải quân Pháp bắn vào Cửa Hàn đe dọa nền độc lập của Tổ quốc hẳn không khỏi khơi dậy ở ông những nỗi lo âu về thời cuộc và đưa ông trở về với những quá khứ chống ngoại xâm oanh liệt của dân tộc. Hai là, giữa những ngày tin tưởng và phấn khởi ôn luyện chờ ngày thi, thì nhận được tin mẹ từ trần. Một tin sét đánh ngang tai ! Nguyễn Đình Chiểu đành bỏ thi trở về chịu tang mẹ. Thật là đau xót. Và cũng đau xót không kém, khi trên đường về, ông lâm bệnh và cuối cùng bị mù cả hai mắt. Thật là "lỡ bề

báo hiếu lỡ bề lập thân" lại bị vị hôn thê phụ ước... Lòng người đen bạc, tiền tài và danh vọng làm ô uế nhân tâm khiến ông suy nghĩ ngao ngán về nhân tình thế thái : "Gẫm cười hai chữ nhơn tình éo le".

Không phải ngẫu nhiên mà ở đây Nguyễn Đình Chiểu đặt mối liên hệ giữa "*truyện Tây minh*" với chuyện "nhơn tình éo le" trong cuộc đời. Hẳn là nhà thơ rất tâm đắc với *truyện Tây minh* về hai tiếng "đồng bào" - những người cùng một bọc sinh ra - và nghĩa vụ của "đồng bào" là phải thương yêu đùm bọc, giúp đỡ nhau trong khi hoạn nạn, ốm đau, tàn tật..., chứ không nên "con lành con ở cùng bà, vang mình sót mấy con ra ngoài đường" (ca dao), hay như thứ tình nghĩa của vợ chồng con cái nhà Võ công, khi Văn Tiên còn lành mạnh, khôi ngô tuấn tú, văn võ song toàn thì cả nhà xun xoe, ve vãn, hứa hẹn tốt đẹp... đến khi lâm nạn mù lòa thì trở mặt rẽ rúng, bội bạc.

Đồng bào, cũng có nhiều hạng. Người thuần chính vui với đạo lý, làm con thảo với cha mẹ, thuận với anh em, bà con làng xóm. Trái lại, cũng có người bất chính, hại điều nhân, phạm đạo lý, thì đó là kẻ bội ước, là giặc của dân, của đồng bào, dù là vua quan cũng phải trừng trị. Đồng bào, đặc biệt đối với nông dân, Trương Táit khẳng định rằng : vì nguyện vọng thiết tha làm chủ ruộng đất, thì dân cày là đại đa số, còn địa chủ luôn luôn là đại thiểu số. Vậy phải cương quyết thỏa mãn nguyện vọng của đại đa số dân cày (Xem *Điền phú - Tính lý đại toàn*)

Tư tưởng về "đồng bào" đó của Trương Tái rất phù hợp với tư tưởng nhân nghĩa truyền thống của dân ta, gắn với đức tính truyền thống đất Gia Định mà Nguyễn Đình Chiểu đã hấp thụ được. Cho nên khi sáng tác *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã thấm thía về tình nghĩa đối với dân, đối với đồng bào tàn tật, thấm thía đến nhạo cười, khinh miệt nhân tình éo le, căm ghét, chống lại bọn phản đạo lý làm người, gây tội ác với dân, với đồng bào. Do đó mà tác giả *Lục Vân Tiên*, khi mở đầu tập thơ của mình đã lấy *Tây minh* làm chuẩn mực triết lý - đạo đức⁽¹⁾.

Ngoài *Lục Vân Tiên* ra, triết lý *Tây minh* còn ảnh hưởng đến *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca* và toàn bộ thơ, văn tế của ông.

Với cội gốc tư tưởng nhân nghĩa truyền thống dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu không ngừng học tập, rèn luyện khả năng của mình. Qua tác phẩm *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca*, ông đã mượn chuyện vua Thạch Kính Đường, ích kỷ bảo vệ ngai vàng đầu hàng giặc Liêu (Khiết Đan) xâm lược, dâng cho giặc 16 châu - trong đó có châu U, Yên quê hương của hai nhà yêu nước là Ngư, Tiều để phản ánh việc làm của Tự-đức. Vua đã phạm tội với trời đất, không biết thương dân - vốn là đồng bào, thương dân 'Lục Tinh bị giặc Pháp cướp đất, phá nhà, sát hại. Tự-đức chỉ ích kỷ lơ cho

(1) Xem ct 1 *Lục Vân Tiên*

ngôi vua của mình, thậm chí còn hoang phí tiền của nhân dân xây Vạn-niên cơ, khiến binh, dân nổi lên chống lại. Vì tình nghĩa thiết tha với dân, với đồng bào ruột thịt mà ông mạnh mẽ tố cáo nhà vua.

Ở đây, từ nhân nghĩa truyền thống dân tộc, Nguyễn Đình Chiểu nghiên cứu tăng khả năng mình lên để tiếp thu mặt tích cực của tư tưởng âm chất trong Đông y. Qua lời thơ của *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca*, chúng ta thấy Nguyễn Đình Chiểu tiếp thu phát triển tư tưởng tích cực của âm chất với cả tính nhân (gốc), trí (ngừa bệnh hơn trị bệnh, trị cho đúng căn bệnh) và dũng (dấu tranh tự xét mình khi trị bệnh không lành, chống thầy dốt khoe tài, chống thầy trọng giàu khinh nghèo và chống bọn nhà giàu, quyền quý "hân huyết chi tài")⁽¹⁾. Tóm lại, tác giả *Ngư Tiều vãn đáp nho y diễn ca* đã tiếp thu tinh thần lương y như lương tướng.

Ôn lại tinh thần của Nguyễn Đình Chiểu xây dựng khả năng để thực hiện sự nghiệp của mình, chúng tôi tạm nêu một hình ảnh cụ thể là : Ở ông, gốc cội nhân nghĩa truyền thống dân tộc hòa trong nhựa sống chảy khắp trong cội cành sum sê của cổ thụ Việt Nam, nay thêm ba chất mới nhô ra : cành mới mang tên mới : cành *Dưỡng khí*, cành *Tây minh* và *Âm chất*. Nhựa lòng cây to dồi dào sức sống do khí trời, chất đất Việt Nam thường xuyên điều hòa và bồi dưỡng.

(1) Cướp giết của cải do mồ hôi, nước mắt, máu xương của người lao động làm ra.

Tư tưởng nhân nghĩa truyền thống cốt lõi triết lý về thế giới quan và nhân sinh quan của Nguyễn Đình Chiếu đã được ba nguồn tư tưởng mới tiếp thu kế trên, kết hợp lại, có tác động qua lại với nhau một cách biện chứng, làm cho nó phù hợp với tâm hồn, cốt cách Việt Nam, hòa đồng vào tinh hoa của dân tộc, hun đúc nên một sức sống mãnh liệt của nhân dân ta : vừa chống giặc xâm lược, vừa chống bè lũ tay sai phá hoại xã hội nhân nghĩa Việt Nam.

Sở dĩ Nguyễn Đình Chiếu đã kiên trì xây dựng khả năng để thực hiện được sự nghiệp của mình là vì thời niên thiếu ông được thấy vỡ lòng có tài đức đã gieo một ấn tượng sâu sắc về cách xét lòng qua việc học tập, tu dưỡng bản thân trong cách ôn tập giữa thầy và trò, khi học bài "dưỡng khí" "tập nghĩa". Trong *Ngư Tiều vấn đáp nho y diễn ca*, tác giả đã viết về thầy thuốc tự "xét mình" (ngày nay chúng ta gọi là tự phê bình) :

Bệnh nào cho thuốc chẳng lành

Nhỏ lòng lo sợ xét mình phải chẳng.

Thấm nhuần cách chân thành xét lòng mình, Nguyễn Đình Chiếu đã suốt đời học tập, rèn luyện để đạt được khả năng thực hiện sự nghiệp vẻ vang của mình.

IV

Nguyễn Đình Chiếu được giáo dục, đã không ngừng học tập, rèn luyện, xây dựng khả năng thực hiện sự nghiệp xuất phát từ nhu cầu tư tưởng nào của ông ?

Nguyễn Đình Chiếu cũng như bất kỳ nhân vật lịch sử tích cực nào, cũng đều là sản phẩm của xã hội. Và, những nhu cầu tư tưởng bên trong của nhân vật ấy xét cho cùng đều do những yêu cầu tiến bộ của thời đại qui định. Nhu cầu cấp bách của xã hội Việt Nam và Sài Gòn Nam Bộ là cơ sở thực tế sinh ra nhu cầu sống chết của bản thân Nguyễn Đình Chiếu vốn giàu lòng nhân nghĩa dù mang tật đui mù.

Chúng tôi xin tóm lược mấy nét lớn về nhu cầu của xã hội đó qua hai giai đoạn trước và sau cuộc xâm lăng của thực dân Pháp.

Con dân Việt Nam sống ở cực nam Tổ quốc càng xa cái nôi dân tộc, xa đền thờ vua Hùng tổ tông dựng nước, càng thấm sâu nhân nghĩa truyền thống Việt Nam, càng kiên quyết, thiết tha với nhu cầu xây dựng bảo vệ vẹn toàn cửa ngõ phía nam của non sông gấm vóc.

Tổ tiên ta vào khai thác đất mới Đồng Nai vốn cần cù lao động mang tinh thần cầu tiến, chống bọn cường hào thôn xã. Sống ở đất mới đầy rừng, bưng sinh lầy, nhu cầu bức thiết của người nông dân là tương thân, tương trợ, đoàn kết thành sức mạnh khai phá đất hoang xây dựng vườn ruộng tươi tốt, đồng thời chống bọn cường hào, phong kiến mới.

Tổ tiên ta còn nhu cầu kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh chống quân Xiêm xâm lược, sát hại đồng bào, tàn phá ruộng vườn, cướp bóc bao nhiêu thành quả

lao động, từ tên vua Xiêm gian ác Phi Nhã Tân⁽¹⁾ đến tướng binh Xiêm, trước do Nguyễn Ánh, sau do tập đoàn Lê Văn Khôi "công rấn về căn nhà" (1835).

Đến giai đoạn thứ hai, thực dân Pháp xâm lược đất nước ta : Năm 1858 Đà Nẵng bị tàu giặc bắn phá ; năm 1859 thành Gia Định bị hạ đã tạo điều kiện cho kẻ địch xâm chiếm đất nước ta từ Sài Gòn, Lục Tỉnh rồi đến cả nước. Quân xâm lược mới này, khác hẳn quân xâm lược Xiêm và Mãn Thanh trước kia, vốn là phong kiến như nước ta. Đội quân viễn chinh của kẻ thù mới có vũ khí tối tân, có thủy quân, lục quân. Nhu cầu cấp thiết của xã hội ta lúc bấy giờ là kiên trì chống giặc cứu nước, đồng thời chống bọn vua quan nhu nhược phản bội, đầu hàng.

Đó là nhu cầu thực tế khách quan của xã hội ta. Nhu cầu bên trong của bản thân Nguyễn Đình Chiểu "lòng đạo xin tròn một tấm gương" như ông đã khẳng định được quy định bởi nhu cầu đó của xã hội.

Nói "nhu cầu bên trong" của nhà thơ, chúng tôi muốn nói đến những đòi hỏi, những thúc đẩy của những quan điểm, của những tư tưởng và tình cảm

(1) Năm 1771 vua Xiêm Phi Nhã Tân vốn là tên Hoa kiều Trịnh Quốc Anh cướp ngôi vua Xiêm, một tên hiếu chiến vô cùng hung ác, đã kéo quân xâm chiếm, thiêu hủy tan tành thành lũy Hà Tiên, sát hại dân lành rất dã man, mưu đồ xâm lược Sài Gòn. Năm 1772, đốc chiến Nguyễn Cửu Đàm được lệnh đưa quân đánh bại tên vua hung ác Phi Nhã Tân, Chiến thắng quân Xiêm hung ác làm cho nhân dân vô cùng phấn khởi.

trong bản thân nhân vật. Nó là những nhu cầu sống chết về tinh thần của cả cuộc đời, chẳng khác nào khí thở, cơm ăn, nước uống... cần thiết để duy trì và phát triển cuộc sống thể chất.

Nhu cầu bên trong của một nhân vật tích cực trong lịch sử là phản ánh của những nhu cầu, những đòi hỏi tiến bộ của thời đại, trong đó nhân vật ấy đang sống và hoạt động, phù hợp với đạo lý và sự phát triển của lịch sử.

Những nhu cầu tinh thần do tạo thành một ý chí sắt đá, một khí tiết kiên cường có giá trị như một sức mạnh vật chất thúc đẩy hành động của nhân vật. Với Nguyễn Đình Chiểu, những nhu cầu bên trong nói đây chính là cái mà ông thường gọi là "lòng đạo" và ông hằng tự nguyện kiên trì nó cho đến trọn đời, cho dù mất mù, tai điếc :

Sự đời thà khuất đôi trông thịt

Lòng đạo xin tròn một tấm gương.

Lời thơ khẳng định "lòng đạo" và sự quyết tâm của Nguyễn Đình Chiểu : thà là đui mù, đôi mắt không còn nhìn thấy thế sự nữa, nhưng tư tưởng, tình cảm, tấm lòng của ông vẫn sống với đời, vẫn lo cho đời, cho dân cho nước. Nhu cầu về "lòng đạo" đã là sức mạnh tinh thần thúc đẩy bên trong khiến ông coi thường tật bệnh. Thế xác ốm đau không ngăn nổi ông kiên quyết theo đuổi thực hiện "lòng đạo" - thực hiện những nhu cầu tư tưởng nhân nghĩa và yêu nước chống ngoại

xâm mà ông đã khẳng định từ lâu. Như vậy, Nguyễn Đình Chiểu quyết sống chết với nó, coi đó là lý tưởng, là lẽ sống của đời mình và chiến đấu để thực hiện nó đến cùng.

Thường khi con người bạc nhược, nhu cầu tinh thần, lý tưởng không phải là nhu cầu sống chết, chưa phát triển đến mức trở thành sức mạnh bên trong, thì hay chạy theo những dục vọng thấp hèn. Con người sẽ không có đủ sức mạnh tinh thần chế ngự những thèm muốn tầm thường làm hỏng cả cuộc đời. Nhưng nếu nhu cầu tinh thần, lý tưởng một khi đã ăn sâu vào tâm hồn và lý trí con người, thì nó sẽ trở thành một sức mạnh vật chất giúp con người chiến thắng được mọi trở lực, khắc phục được mọi sự cản trở, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ và sự nghiệp của mình.

Theo thường tình, lẽ ra Nguyễn Đình Chiểu dui mù có quyền chỉ sống yên thân trong gia đình, đồng bào sẽ giúp đỡ, không đòi hỏi ông làm nhiệm vụ gì. Nhưng đây, trái lại sau khi mang tật nguyên, Nguyễn Đình Chiểu vẫn phấn đấu tự mình trở thành người có ích cho xã hội, và sau khi đất nước bị họa xâm lăng, ông lại tự đặt cho mình nhiệm vụ phải tham gia chống giặc cứu nước, tham gia đấu tranh bảo vệ phẩm giá con người, nêu cao đạo đức nhân nghĩa truyền thống của dân tộc. Đó là lòng đạo, và chính lòng đạo này đã tạo nên sự nghiệp vẻ vang của nhà thơ mù Lục Tỉnh: Sự nghiệp văn học yêu dân, yêu nước của một nhà thơ chân chính, sự nghiệp giáo hóa của một kỹ sư tâm hồn,

sự nghiệp làm thuốc cứu người của một lương y bác học.

Sự nghiệp ấy, khả năng ấy, tuy thực sự xuất phát từ nhu cầu xã hội Việt Nam và Nam Bộ, từ nhu cầu tâm hồn lý tưởng của Nguyễn Đình Chiểu, nhưng cả quá trình đào tạo khả năng xây dựng sự nghiệp ấy đã ảnh hưởng trở lại làm phong phú và củng cố "lòng đạo" của Nguyễn Đình Chiểu - nhà yêu nước, nhà thơ, nhà giáo và lương y cao cả.

Nhu cầu "lòng đạo" của Nguyễn Đình Chiểu đã phát triển đến mức cao giúp ông phân rõ chính và tà, yêu và ghét, bạn và thù, và nó đã thấm sâu trong cơ thể của ông, có thể so sánh với dòng máu, hơi thở, món ăn nuôi dưỡng sức mạnh cơ thể và tâm hồn để chiến đấu không biết mệt mỏi.

Dòng máu từ trái tim chạy khắp huyết quản đã thấm nhuần nhân nghĩa truyền thống Việt Nam, truyền thống con người đất Gia Định, và thấm dòng máu của Bà Trưng, Bà Triệu... Lê Lợi, Quang Trung, dòng máu truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc.

Lòng đạo đã được khẳng định, Nguyễn Đình Chiểu bước vào cuộc chiến đấu với một tinh thần kiên cường của một chiến sĩ trung kiên trên các lĩnh vực quân sự chính trị, văn hóa và tư tưởng.

Dù mang tật mù tối, ngót bốn mươi năm dài, Nguyễn Đình Chiểu vẫn thủy chung đeo đuổi một nhu cầu lòng đạo sắt son. Nhu cầu cao cả ấy là đồn bẫy mạnh mẽ

thúc đẩy người chiến sĩ mù tối không ngừng học tập, nghiên cứu, tu dưỡng, rèn luyện, thường xuyên xét lòng mình, xây dựng được khả năng xứng đáng để làm tròn sứ mệnh, lưu lại cho đời một sự nghiệp văn thơ đồ sộ - một giá trị tinh thần vô cùng quý báu mà nhân dân ta lấy làm tự hào và ngưỡng mộ.

Lòng đạo của Nguyễn Đình Chiểu chung qui là nhân nghĩa truyền thống Việt Nam và Nam Bộ, nhất là truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm. Trên cơ sở truyền thống ấy, Nguyễn Đình Chiểu đã tiếp thu thêm mặt tích cực của nho học và của cả y học đông phương mà vốn là những truyền thống đạo đức, truyền thống văn hóa của dân gian được các nhà nho đúc kết lại.

Nhu cầu lòng đạo của Nguyễn Đình Chiểu, qua thực tiễn cuộc sống, đặc biệt là thực tiễn cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước đã được nâng lên ngày càng cao, nhất là về mặt tình cảm : lòng yêu quý đối với dân với nước biểu hiện tập trung ở tấm lòng ưu ái, trân trọng đối với những chiến sĩ đánh Pháp xâm lược, lòng căm thù đối với quân giặc cướp nước và bọn bán nước. Nhu cầu lòng đạo càng tăng cao, càng thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần chiến đấu vì nghĩa cả. Nguyễn Đình Chiểu đã tôi luyện ý chí và ngòi bút chiến đấu của mình thành mũi thép "đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" không khoan nhượng.

Xác định sự nghiệp văn học và "lòng đạo" của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta càng nhận thức rõ hơn

lời của Thủ tướng Phạm Văn Đồng : " Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc", đồng thời cũng nhận thức rõ lời của đồng chí Hà Huy Giáp : "Chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn của Nguyễn Đình Chiểu gắn gũi với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản".

Dưới chế độ cũ với hệ tư tưởng phong kiến lạc hậu phản dân hại nước, Nguyễn Đình Chiểu đã thấm nhuần nhân nghĩa truyền thống, tư tưởng ông đã vươn cao đến chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn gắn gũi với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản là một sự kiện nổi bật thời bấy giờ như một ngôi sao sáng thật đáng ca ngợi.

Bài học lớn của Nguyễn Đình Chiểu là bài học của một chiến sĩ vĩ đại, ở vào một thế bị kịch, mà do ý chí và phẩm chất khả năng lòng đạo của mình, đã có thể giúp ích cho đời ở mức nhiều nhất.

Nguyễn Đình Chiểu đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của những quan niệm đạo đức, của những truyền thống văn hóa tốt đẹp của nhân dân và của cuộc đấu tranh trước mắt, do đó tư tưởng ông có mang nhiều yếu tố nhân dân. Cái vĩ đại là trong những hoàn cảnh hết sức không thuận lợi, Nguyễn Đình Chiểu đã khắc phục được những hạn chế, những khó khăn cay nghiệt, nêu gương sáng cho nhân dân về tư tưởng yêu nước và đấu tranh bất khuất đối với kẻ thù xâm lược cùng với bọn tay sai đầu hàng bán nước.

Tư tưởng nhân nghĩa, tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu là tư tưởng tiến bộ và cách mạng, đại diện

cho những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cho ý thức kiên cường và tự giác của nhân dân trong thời đại mà tư tưởng Việt Nam chưa được tiếp xúc với những tư tưởng cách mạng lớn của thế giới và nhất là với tư tưởng của giai cấp vô sản.

"Tóm lại, Nguyễn Đình Chiểu là một người chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta. Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa và tư tưởng" (Phạm Văn Đồng).

Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh

26-01-1978

LỤC VĂN TIỀN

PHẦN THỨ HAI

LỜI DẪN

VĂN BẢN CÁC TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TRUYỆN *Lục Văn Tiên* là tác phẩm lớn trong văn học của dân tộc, cũng là tác phẩm mà văn bản có một lịch sử sáng tác và phổ biến khá độc đáo và phức tạp. Theo ý kiến chung của nhiều người nghiên cứu hiện nay, tập truyện có thể được sáng tác từ khoảng từ những năm 1850 trở đi, lúc Nguyễn Đình Chiểu đã bị bệnh mù và đã về Bình-vị (Gia Định) mở trường dạy học (1851). Như vậy, hiện nay là tập truyện chỉ được hình thành trung trí nhớ và tác giả đã đọc cho học trò thân cận của mình giúp việc chép lại. Văn bản đầu tiên của truyện *Lục Văn Tiên* chắc chắn là bản chép tay sau nhiều lần được sửa chữa, thêm bớt đó.

Nguyễn Đình Chiểu làm việc trong điều kiện như thế này, tất nhiên tập truyện có một số sai sót, nhưng đây là một tác phẩm có giá trị văn học và tư tưởng rất cao, xứng đáng được lưu truyền mãi mãi.

cho những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cho v
thức kiến cương và tư giác của nhân dân trong thời
đại mà tư tưởng Việt Nam chưa được tiếp xúc với
những tư tưởng cách mạng lớn của thế giới và nhất là
với tư tưởng của giai cấp vô sản."

Tóm lại, Nguyễn Đình Chiểu là một người
yêu nước, một
sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương
sáng cho các thế hệ đi sau noi theo và học hỏi.
tâm này là một niềm tin sắt đá.

CÁC TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

26-01-1978

LỤC VÂN TIÊN

LỜI DẪN

A - LỊCH SỬ VĂN BẢN

TRUYỆN *Lục Vân Tiên* là tác phẩm lớn trong nền văn học của dân tộc, cũng là tác phẩm mà văn bản có một lịch sử sáng tác và phổ biến khá độc đáo và phức tạp. Theo ý kiến chung của nhiều người nghiên cứu hiện nay, tập truyện có thể được sáng tác vào khoảng từ những năm 1850 trở đi, lúc Nguyễn Đình Chiểu đã bị bệnh mù và đã về Bình-vi (Gia-định) mở trường dạy học (1851). Như vậy, hiển nhiên là tập truyện chỉ được hình thành trong trí nhớ và tác giả đã đọc cho học trò thân cận của mình giúp việc chép lại. Văn bản đầu tiên của truyện *Lục Vân Tiên* chắc chắn là bản chép tay sau nhiều lần được sửa chữa, thêm bớt đó.

Nguyễn Đình Chiểu làm việc trong điều kiện như vậy, cho nên suốt cả quá trình sáng tác, tập truyện

hàng 12. trên câu lục dưới câu bát. Bìa sách ghi : *Lục Vân Tiên truyện – Thiên phúc lộc đại nhai, Bửu-hoa các phát hành*. Trang bên trong ghi : *Lục Vân Tiên truyện – Gia-dịnh thành Duy Minh Thị đính chính – Phật-sơn Bửu-hoa các tàng bản. Bản Duy Minh Thị năm 1874 được in lại tại Việt Đông Thuật trấn (T. Quốc) (X. Lục Vân Tiên truyện (Nxb KHXH, 1994)*

Phật Sơn là một trong bốn thị trấn lớn của Trung Quốc, ly sở huyện Nam Hải, tỉnh Quảng Đông. Thợ khắc in ở đây không biết chữ nôm, cho nên đã khắc in sai, nhầm lẫn rất nhiều nhất là những chữ thuần nôm⁽¹⁾.

Ngoài ra, cũng lớp từ thuần nôm này, trong các kết cấu hình thành, bản Duy Minh Thị còn nhiều cách viết lạ, biểu hiện xu thế cụ thể hóa, quy phạm hóa chữ nôm rất rõ, khác với cách viết cùng chữ ngay trong một tập sách. Có nhiều chữ viết khác nhau biểu thị hai xu hướng khác nhau của người viết : một đằng là muốn cụ thể hóa, quy phạm hóa⁽²⁾, một đằng là cứ theo buổi đầu như là những ký hiệu giản đơn⁽³⁾. Đó là chưa kể cách phát âm Nam-bộ in dấu đậm đà trong cách viết chữ nôm như thường thấy⁽⁴⁾.

(1) Trong các kết cấu hình thành của những chữ thuần nôm. Thí dụ : tên (11), ngày (14), lâu (19), báo (26), số (28), trời (29), xàng (33), hai (34), mắc (39), nào (46), gối, thua (55).

(2) 3) Thí dụ : sao (1468), trước (1456, 1470), còn (1528), của (1472), may (1514), ở (1515), việc (1516), thờ (1541). Ở đây cũng biểu thị mặt chưa ổn định trong kết cấu chữ nôm.

(4) Thí dụ : đặt (368), tuyết (456), dân (1640), chân trời (393), thiêng (1566, 748, 2003), mặc (1585), ngơ ngàng (1909)...

Cách dùng từ chia đoạn ở bản này khác hẳn tất cả các bản hiện có. Ở đây dùng các chữ "Thứ nhất, thứ nhì... thứ sáu"⁽¹⁾ mà không để "thứ này đến thứ..." như các bản in về sau. Và, cũng ở bản này, lần đầu tiên có ghi lại đoạn kết 86 câu thuật việc Lục Vân Tiên tạ ơn thầy học, ông Quán, và phần Sở vương nhường ngôi cho Lục Vân Tiên để đi tu Phật.

Bản này, năm 1865 Duy Minh Thị cho in lại ở Chợ Lớn do hiệu sách Quảng Thanh Nam xuất bản, có Tôn Thọ Tường trông nom việc in. Theo ông Khuông Việt, trong *Nam kỳ tuần báo* (số đặc biệt về Nguyễn Đình Chiểu), 1943, thì bản này có tàng trữ tại Thư viện Quốc gia Sài Gòn⁽²⁾.

Bản in lại này hẳn đã đính chính những nhầm lẫn trong bản in ở Trung Quốc, và chắc chắn sẽ có ý nghĩa quan trọng về mặt xác định một văn bản *Lục Vân Tiên* đáng tin cậy. Nhất là khi chúng ta tiến hành hiệu đính *Lục Vân Tiên* nhằm khôi phục lại diện mạo chân thực của văn bản, thì bản Duy Minh Thị lại có một tác dụng văn bản học độc đáo. Nhưng đáng tiếc là bản này hiện nay chưa tìm thấy.

(1) Thí dụ : - Thứ nhất nàng hãy còn lâu,
Thứ nhì ta chép bài đầu nói ra (287 - 288)
- Thứ ba đến thứ Vân Tiên (931)
- Thứ tư đến thứ Nguyệt Nga (1265)
- Thứ năm đến thứ ra đời (1665)
- Thứ sáu đến thứ Nguyệt Nga (1807)

(2) Trước ngày giải phóng (1975) bản này đã bị thất lạc.

hiếu sâu thêm đời sống tinh thần của nhân dân ta mà định ra phương sách đối phó, chinh phục và thống trị thích hợp, song không có tác dụng gì đáng kể trong việc ổn định và phổ biến truyện *Lục Vân Tiên* trong dân gian. Aben đề Misen, trong *Lời giới thiệu*, bản *Lục Vân Tiên ca diễn* dịch ra tiếng Pháp của mình, có nhận xét bản dịch Ôbarê như sau :

"Đại tá Ôbarê sau cuộc viễn chinh ở Nam Kỳ, trong những năm đầu của cuộc chinh phục xứ này, đã có sáng kiến hay giới thiệu trong tập *Kỷ yếu châu Á* một bản dịch rất tốt. Chúng tôi hoàn toàn không có ý muốn phê bình công trình của nhà võ quan bác học này, tuy vậy cũng cần phải nói rằng bản dịch của đại tá Ôbarê vì những sự sai biệt phi thường (divergences extraordinaires) giữa các quyển *Lục Vân Tiên* đã được xuất bản, khiến cho khó có thể tìm được sự chính xác, và bản dịch ấy chỉ có tính chất văn học, do đó mà không hoàn toàn giúp ích được cho những nhà đông phương học muốn nghiên cứu nền thi ca của Nam Kỳ. Hiệu quả của bản dịch ấy có thể khác nếu ông Ôbarê đã bổ sung bản dịch của ông bằng một nguyên bản có kèm theo những chú thích có tính chất dẫn giải về nội dung ý nghĩa và về mặt ngữ văn học..."⁽¹⁾. Aben đề Misen nói đúng "khó có thể tìm được sự chính xác" khi muốn đối chiếu bản dịch với nguyên bản, nhưng ông đã tỏ ra có phần cường điệu khi nhận xét về dị đồng giữa

(1) Xem *Lời giới thiệu* bản Aben đề Misen

các bản, cho rằng có "những sự sai biệt phi thường giữa các quyển *Lục Vân Tiên* đã được xuất bản".

Thực ra, giữa các bản *Lục Vân Tiên* Aben đề Misen nói đây - trong đó có bản dịch Ôbarê, không có những "sai biệt phi thường" gì, mà chỉ có những dị đồng lớn nhỏ tất nhiên không tránh khỏi trong thực trạng sáng tác và phổ biến của tập truyện, chứ xét trên đại thể về bố cục thì tuy mỗi bản một vẻ, nhưng đều biến thiên trên một cốt truyện chung⁽¹⁾.

3. Bản Jannô (1867)

Đây là bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ đầu tiên, xuất bản ở Sài Gòn vào giữa năm 1867⁽²⁾, là bản được phổ biến sâu rộng hơn cả ở Nam Bộ, bởi vì trong nhân dân số người biết chữ quốc ngữ ngày một đông và ngược lại số người biết chữ nôm ngày một ít.

Khi phiên âm ra chữ quốc ngữ, chắc Jannô đã có dựa ít nhiều vào bản nôm *Duy Minh Thị* nói trên kia. Vì vậy, khi đem so sánh với bản *Duy Minh Thị*, Aben đề Misen nhận thấy bản Jannô "có những lỗi hổng khá lớn". Hay có thể Jannô cũng đã tham khảo một bản nôm chép tay khác do một người nào đó đã chép lại phỏng theo trí nhớ có nhiều khi lầm lẫn của mình.

Đúng như nhiều người đã nhận xét, bản Jannô có nhiều chữ sai, có nhiều nhầm lẫn trong khi phiên âm

(1) Xem đoạn mở đầu và đoạn kết của bản Ôbarê ở phần Phụ lục

(2) Bản này sau in lại ở Paris, năm 1873.

nên nhiều câu rất tối nghĩa, lại có một số câu mất hẳn. Nhưng dù sao, vì bản này là bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ đầu tiên, bấy giờ được in và phổ biến nên đã có tác dụng nhất định trong việc phổ biến và ổn định bước đầu văn bản *Lục Vân Tiên* trong dân gian.

4. Bản Aben đề Misen (1883)

Tiếp thu thành tựu trong những công trình đã xuất bản, lần này Aben đề Misen chú ý "giới thiệu với các nhà uyên bác dưới hình thức một bộ sách nhan đề là *Những truyện thơ của nước An-nam*, mở đầu bằng truyện *Lục Vân Tiên*, truyện thơ được nhân dân Nam Bộ ưa thích nhất. Những nhà uyên bác nói đây, theo Aben đề Misen, là những nhà đông phương học nước Pháp.

Do nhằm phục vụ một đối tượng như vậy, cho nên nhìn chung bản *Aben đề Misen* được biên soạn có phương pháp gồm ba phần : văn bản *Lục Vân Tiên* chữ quốc ngữ, phần dịch chữ Pháp và phần văn bản *Lục Vân Tiên* chữ nôm. Ngoài ra, bản *Aben đề Misen* còn có phụ lục một số đoạn dị đồng giữa các bản - đáng chú ý hơn cả là đoạn kết thúc 90 câu kể chuyện *Lục Vân Tiên* đi tạ ơn thầy học, ông Quán, và chuyện vua Sở nhường ngôi cho *Lục Vân Tiên* để đi tu.

Bản này có những ưu điểm nhất định trong việc bước đầu hoàn chỉnh và ổn định văn bản của tập truyện, nhưng cũng còn những nhược điểm dễ thấy trong cách tổ chức ngôn ngữ nói chung. Cụ thể, Aben đề Misen (có phần chắc chủ yếu là ông Trần Nguyên

Hanh) đã có xu hướng bác học hóa ngôn ngữ *Lục Vân Tiên* vốn là một truyện "kể", truyện "nói", mang đậm đà phong cách dân gian. Các thể tiểu đối trong một câu, bình đối trong một đoạn văn chương bác học thường được vận dụng để sửa chữa lại ít nhiều trong hầu hết mọi câu như ông đã nói.

Văn bản nôm *Aben đề Misen*, nói riêng về mặt chữ thì đều được viết theo cách phát âm Nam Bộ⁽¹⁾ với quy cách giản đơn nhiều, nghĩa là phần hình thanh không rõ và không cụ thể⁽²⁾. Vì vậy mà cách viết cũng không thống nhất trong cùng một chữ⁽³⁾. Đó là chưa kể một đôi chữ viết sai⁽⁴⁾ và viết không phân biệt các từ khác nhau⁽⁵⁾. Mặt khác, khi đối chiếu bản quốc ngữ với bản nôm, thì giữa hai văn bản còn có khá nhiều chỗ không ăn khớp nghĩa là bản quốc ngữ có chỗ không phiên âm đúng bản nôm⁽⁶⁾.

Nhìn chung, mặc dầu có những nhược điểm nói trên, bản *Anben đề Misen* là một trong những bản nôm và quốc ngữ được ấn hành sớm nhất, đã cố gắng ghi chép, phản ánh lại khá đầy đủ cách đọc, cách hiểu *Lục Vân Tiên* của nhân dân ta cách đây gần một thế kỷ, cho

(1) Thí dụ : chữ *càng* trong câu 37, chữ *tiết* trong câu 164.

(2) Thí dụ : chữ *tre* (1322), *ghi* (1333), *ghi* (1333, 1318, 1337), *nhảy* (1409)...

(3) Thí dụ : *càng* (37) ≠ *càng* (194), *lầm* (968) ≠ *973*

(4) Thí dụ : *trời* (60)

(5) Thí dụ : *lý và lẽ* (44, 63).

(6) Trên 100 trường hợp khác nhau.

nên bản này cần được tham khảo, sử dụng thích đáng khi tiến hành khảo đính và chú thích tác phẩm⁽¹⁾.

Những bản *Lục Vân Tiên* quan trọng xuất bản từ sau khi tác giả đã mất (1888)

Từ sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất, các bản *Lục Vân Tiên* nôm và quốc ngữ - phần lớn là quốc ngữ - kế tiếp nhau được xuất bản.

Nếu khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống, tập truyện chỉ được lưu hành trong "Nam Kỳ Lục Tỉnh" thì sau ngày ông mất, tập truyện được in phổ biến trong phạm vi cả nước từ Nam chí Bắc. Hơn bốn mươi bản *Lục Vân Tiên* được in của gần hai mươi nhà xuất bản khác nhau là một bằng chứng về tính chất được phổ biến sâu rộng của tác phẩm này.

Các nhà xuất bản phần lớn đều tập trung ở hai nơi : Sài Gòn ở trong Nam và Hà Nội ở ngoài Bắc.

CÁC BẢN TRONG NAM

Có thể nói, các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ở trong Nam từ sau khi Nguyễn Đình Chiểu qua đời cho đến nay - hay ít nhất cũng đến 1954 - đều có nhằm mục đích phổ biến rộng rãi tập truyện trong dân gian, nên sách in ra cốt sao cho đỡ tốn kém để bán rẻ tiền cho chạy sách. Điều đó có tác dụng tốt trong việc phổ biến và ổn định dần văn bản của cuốn truyện, nhưng mặt

(1) Bản này sau được đính chính và xuất bản ở Sài Gòn năm 1973.

khác lại có nhiều hạn chế trên một số phương diện nhất định về văn bản học. Có mấy bản đáng chú ý :

1. Bản Trương Vĩnh Ký (1889)

Xuất bản ở Sài Gòn năm 1889. Bản *Trương Vĩnh Ký* là một trong những bản in sớm nhất do người Việt Nam sưu tập, chỉnh lý. Trước khi phát hành, Trương Vĩnh Ký có quảng cáo : "Bản nhỏ, bán rẻ tiền cho người ta mua mà coi, chính chữ, lại không sai chày nguyên bản".

Như vậy, rõ ràng khi sưu tập chỉnh lý xong, Trương Vĩnh Ký tin rằng bản *Lục Vân Tiên* của ông là gần đúng với nguyên tác hơn cả. Nguyên tác nói đây chắc hẳn không phải là chính nguyên tác của Nguyễn Đình Chiểu - khó mà tìm được bấy giờ theo thực trạng sáng tác *Lục Vân Tiên* đã nói ở trên - mà chỉ là một bản được hoàn chỉnh bằng cách chắp nối những đoạn (nôm) chép tay hay truyền khẩu lưu truyền rộng rãi trong nhân dân như Jannô trước đó đã làm, khi ông còn là đốc học trường Thông ngôn Sài Gòn, và chính lúc này Trương Vĩnh Ký cũng đang dạy ở trường ấy. Vì vậy, chắc chắn Trương Vĩnh Ký cũng đã có tham khảo bản *Jannô* và cả bản *Aben dề Misen* khi chỉnh lý bản của ông.

Trương Vĩnh Ký là người đồng thời với Đỗ Chiểu, lại là người học rộng, trước tác nhiều, trong số này, các công trình sưu tập, phiên âm, chú giải văn nôm chiếm một phần quan trọng. Điều đó có thể làm cho chúng ta tin tưởng được ở công tác sưu tầm, chỉnh lý

truyện *Lục Vân Tiên* của ông. Quả vậy, qua một thời gian dài thử thách, bản *Trương Vĩnh Ký* đã góp phần quan trọng trong việc ổn định văn bản *Lục Vân Tiên* và đã làm cơ sở cho hầu hết các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản về sau ở trong Nam.

Điều đáng chú ý ở bản *Trương Vĩnh Ký* là trên đại thể bản này giống các bản dịch *Lục Vân Tiên* tiếng Pháp hay các bản quốc ngữ xuất bản ở Sài Gòn, ở Pháp, khi tác giả còn sống như các bản *Ôbarê*, *Aben dề Misen*, *Jannô*. Điều đó khiến chúng ta tin rằng bản *Trương Vĩnh Ký* đã ghi lại trung thành hơn cả truyện *Lục Vân Tiên* được phổ biến rộng rãi trong dân gian. Bản *Trương Vĩnh Ký* xứng đáng là bản tiêu biểu cho các bản trong Nam.

Song, nói như vậy không có nghĩa là cho rằng bản *Trương Vĩnh Ký* không có những hạn chế nhất định. Trước hết, trong văn bản rải rác có chỗ không thông văn lý, câu văn hóa ra vô nghĩa. Ngoài ra, còn có nhiều câu tối nghĩa, không được thông dụng, nhiều câu có chữ trùng lặp, và cả một số câu không ăn vận nhau⁽¹⁾. Tất cả đều phải được hiệu đính lại.

2. Bản Phạm Văn Thịnh và một số bản khác

Bản *Phạm Văn Thịnh* in khổ lớn, nhằm bán rẻ tiền cho nhiều người mua, cho nên nó là một trong những bản bán chạy nhất, phổ biến khắp cả "Nam-kỳ Lục-tỉnh".

(1) Xem phần *Khảo dị*

Kể từ năm 1932 - năm xuất bản lần đầu, đến năm 1942, tập truyện đã tái bản mười ba lần.

Bản *Phạm Văn Thịnh*, giữa các lần in lại đều có sửa đổi một vài chữ, nhưng tất cả đều dựa theo bản *Trương Vĩnh Ký*, mặc dầu ngoài bìa có ghi "bổn cũ soạn lại".

Tiếp theo bản này, các bản *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Háo Vĩnh được in ra cũng cùng một mục đích đó và cũng lấy bản *Trương Vĩnh Ký* làm gốc. Riêng bản *Lục Vân Tiên* của nhà Tân Việt, Sài Gòn in năm 1951, Nguyễn Thanh Tâm chú thích, thì có ghi rõ "Sửa theo bản cũ Trương Vĩnh Ký phát hành năm 1889, gồm 21 đoạn, 2.076 câu". Cũng năm ấy, nhà xuất bản Á châu Sài Gòn in quyển *Lục Vân Tiên* do Hoàng Văn Hà, chú thích, ngoài bìa có ghi "In đủ 2.146 câu, có chia từng đoạn và ghi số rõ ràng để tiện dùng làm sách giáo khoa". Xét về văn bản, bản này đã chịu ảnh hưởng rõ rệt các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ở ngoài Bắc sẽ nói tới sau đây.

Tóm lại, các bản trong Nam, có bản *Trương Vĩnh Ký* ấn hành một năm sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất, có tác dụng khẳng định việc hoàn chỉnh và ổn định văn bản *Lục Vân Tiên* một bước quan trọng.

Nhìn chung, giữa các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản khi tác giả còn sống với các bản in sau khi tác giả đã qua đời không có những dị đồng gì quan trọng. Một số bản ấn hành ở trong Nam đã ghi lại khá trung thành truyện *Lục Vân Tiên* như nhân dân đã truyền tụng

trong một thời gian dài ở khắp "Lục-tỉnh", mang đậm đà sắc thái địa phương trên các mặt ngôn ngữ, tình cảm của nhân dân.

CÁC BẢN NGOÀI BẮC

Truyện *Lục Vân Tiên* ban đầu lưu truyền ở trong Nam, sau được phổ biến dần ra Bắc ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX. Các bản *Lục Vân Tiên* nôm và quốc ngữ lần lượt được ấn hành.

1. Các bản nôm *Tụ văn đường*, *Liễu văn đường*

Bản sớm nhất hiện nay chúng ta có là bản *Vân Tiên cổ tích tân truyện* của hiệu khắc ván *Tụ văn đường* ở phố Hàng Gai, in năm Thành-thái thứ chín (1897). Khổ sách 12 x 17 cm, 53 tờ, 2.034 câu, có trang chếp hàng 12, có trang chếp hàng 10. Chữ khắc nói chung xấu, quy cách còn đơn sơ, nhiều chỗ không nhận ra được mặt chữ. Bản *Vân Tiên cổ tích tân truyện* của hiệu khắc ván *Liễu văn đường* in năm Khải-dịnh thứ sáu (1921) đã dựa vào bản của hiệu *Tụ văn đường* mà khắc lại, cho nên cả hai bản hầu như không có dị đồng nào đáng kể, hai mà như là một vậy.

Các bản nôm này, đem đối chiếu với một số bản trong Nam-cụ thể là bản *Trương Vĩnh Ký*, thì các bản nôm đã sửa lại nhiều chỗ, hầu như câu nào cũng bị sửa chữa thêm bớt, mới đầu một vài chữ, dần về cuối cả từng đoạn dài gần như "viết lại", lược bỏ nhiều chỗ và cũng có thêm vào nhiều chỗ, có chếp cả mấy bài thơ của Kiều Nguyệt Nga và *Lục Vân Tiên*. Các bản

này cũng đều kết thúc ở đoạn Nguyệt Nga, *Vân Tiên* lấy nhau "trăm năm đợi rạng tinh thần, sanh con được nối gót lân đời đời", nhưng lại có kèm theo sáu câu:

Hiềm vì cách trở đôi nơi,

Nên chi phải tả vài lời ngâm nga.

Để mà chờ đợi nho gia,

Phải điều tiết hạnh mới ra lịch người.

Dừng còn bỏ ngỡ sự đời,

Cần do từ ấy hỏi trời mà thôi.

Bản *Lục Vân Tiên* dẫn giải của Đình Xuân Hội xuất bản năm 1943, cũng dựa trên cơ sở bản nôm *Tụ văn đường* mà phiên âm ra, nhưng không hoàn toàn đúng. Có một đôi chỗ khác, có thể là do phiên âm thiếu chính xác hay do người dẫn giải nhuận sắc lại.

Các bản nôm *Tụ văn đường*, *Liễu văn đường* đã mở đầu một bước sửa chữa có tính chất phiên diện các bản trong Nam ấn hành khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống.

Hầu hết các từ địa phương Nam Bộ, cũng như những câu có chỗ lạ tai đối với người miền Bắc đều được thay thế, tước bỏ. Do đó, sắc thái địa phương trong ngôn ngữ, trong tính cách một số nhân vật có phần bị giảm ở một mức độ nhất định. Phần lớn những chỗ sửa chữa có tính chất "nhuận sắc" xét ra đều không cần thiết, trừ một đôi chỗ mà các bản này đã biết tiếp thu phần chỉnh lý hợp lý của các bản trước. Những chỗ sửa chữa nhìn chung không có dấu hiệu gì rõ rệt cho chúng ta có thể nhận ra được rành mạch một quan

điểm, một xu hướng nhất quán trong việc làm của hai bản này, nên chi văn bản lổ chỗ, câu thơ chỗ già dặn, chỗ non nớt, chỗ "chữ" quá, chỗ lại "nôm" quá, nhiều phong cách xen lẫn nhau.

Vì vậy, xét về mặt văn bản học cụ thể, các bản nôm *Tu văn đường*, *Liễu văn đường* không có gì đặc sắc, đáng chú ý. Hơn nữa, các bản nôm này thực ra ít được phổ biến trong dân gian, cho nên cả hai bản, chúng tôi chỉ sử dụng để tham khảo trong trường hợp khảo đính cần thiết.

2. Các bản quốc ngữ.

Các bản nôm *Lục Vân Tiên* ít được phổ biến ở ngoài Bắc. Ngược lại, các bản quốc ngữ kế tiếp nhau xuất bản phổ biến nhiều hơn. Các bản quốc ngữ, bản sau tham khảo bản trước, đều na ná giống nhau, theo một bản chung và đã chữa lại nhiều chỗ so với các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ở trong Nam. Trên báo Tri tân số 155 ngày 17 - 8 - 1944, ông Lư Khê có viết : "Những bản ở Bắc lại có nhiều thổ âm mà người Nam Kỳ không hề biết. Dựa lý do đó ta có thể tin những bản này đã có người sửa lại rất nhiều". Ông Dương Quảng Hàm trong phần mở đầu quyển *Lục Vân Tiên* do ông dịch ra tiếng Pháp xuất bản năm 1944, cũng đã viết : "Tất cả những bản *Lục Vân Tiên* chữ quốc ngữ xuất bản ở ngoài Bắc đều in theo một bản chung, trừ một số sai biệt nhỏ, bản chung này chắc đã được một nhà nho ở Bắc Kỳ sửa lại, vì những bản *Lục Vân Tiên* này không có những thổ ngữ đặc biệt thường dùng ở trong

Nam... Trước tình trạng ấy, và trong hoàn cảnh chưa có thể khôi phục lại được bản *Lục Vân Tiên* gốc, chúng tôi đã phải sử dụng bản *Lục Vân Tiên* in ở ngoài Bắc (tức là bản Phúc văn đường, 91 Hàng Gai Hà Nội xuất bản), và sau này khi có hoàn cảnh, có thể dịch thêm bản phổ biến ở trong Nam".

Vậy, bản chung mà các bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ xuất bản ở ngoài Bắc dựa vào đó là bản nào ? Và, bản này khác các bản trong Nam ra sao ?

Nhìn chung, trong số các bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ xuất bản ở ngoài Bắc hiện có, xét về năm xuất bản, thì có lẽ bản *Lục Vân Tiên* truyện của nhà in Văn Minh, Hải Phòng xuất bản năm 1924 là bản sớm nhất. Bản *Lục Vân Tiên* của hiệu sách *Phúc văn đường* - bản ông Dương Quảng Hàm đã lấy làm cơ sở cho bản quốc ngữ của ông⁽¹⁾ - chưa rõ năm xuất bản, đem so với bản của nhà in Văn Minh, thì ngoài một đoạn 24 câu được thêm vào sau câu 176 của bản này, giữa hai bản không có dị đồng gì lớn, chỉ rải rác khác nhau một vài chữ không đáng kể⁽²⁾. Chính bản quốc ngữ trong bản dịch *Lục Vân Tiên* ra tiếng Pháp của Nghiêm Liễn là bản của nhà in Văn Minh nói đây⁽³⁾.

Các bản quốc ngữ xuất bản về sau, như bản *Lục Vân Tiên truyện*, Kim Khuê xuất bản năm 1927... cũng đều dựa theo bản của nhà in Văn Minh này.

(1) Xem Lời nói đầu bản Dương Quảng Hàm.

(2), (3) Xem bản quốc ngữ *Nghiêm Liễn* in lại trong phần *Phụ lục* bản *Lục Vân Tiên*, Nhà xuất bản Đại học, 1975.

Như vậy, theo tài liệu chắc chắn cho đến nay chúng ta có thể biết được, thì bản chung mà các bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ đã dựa vào đó là bản *Lục Vân Tiên* truyện nhà in Văn Minh, Hải Phòng xuất bản năm 1924. Bản này có thể xem là bản tiêu biểu cho các bản quốc ngữ xuất bản ở ngoài Bắc.

Dị đồng giữa bản tiêu biểu các bản trong Nam - bản Trương Vĩnh Ký, với bản tiêu biểu các bản ngoài Bắc - bản Văn Minh

Dị đồng giữa hai bản này - có thể nói chứa đựng trong từng câu, từng đoạn - mang hai xu hướng khác nhau : một bên là xu hướng ghi chép trung thành đến mức tối đa truyện "kể" truyện "nói" đậm đà sắc thái của tiếng nói dân gian, của tính cách nhân dân địa phương "Lục-tỉnh" ; một bên là xu hướng phổ thông hóa, và đôi khi cách điệu hóa ngôn ngữ theo tính chất văn nôm thế kỷ XVIII - XIX, sắc thái địa phương còn lại rất mờ nhạt. Từ đó, xét đến cùng giữa hai bản có ít nhiều sai biệt nhỏ cả trong tính cách của một đôi nhân vật cụ thể.

Về hình thức, không kể các dị đồng không quan trọng có nhiều trong từng câu, giữa hai bản có một dị đồng lớn ở phần kết thúc. Bản *Trương Vĩnh Ký* kết thúc câu chuyện khi Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga lấy nhau :

*Trang nguyên về tới Đông-thành,
Lục ông trước đã xây dinh ở làng.*

*Bày ra sáu lễ sẵn sàng,
Các quan đi hộ cưới nàng Nguyệt Nga
Sui gia đã xứng sui gia.
Rày mừng hai họ một nhà thành thân
Trăm năm biết mấy tình thần,
Sanh con sau nối gót lân dòi dòi.*

Còn bản *Văn Minh* sau phần Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga lấy nhau trên đây - tất nhiên là được diễn tả một cách khác, còn thêm một đoạn dài 56 câu kể việc Lục Vân Tiên đi tạ ơn thầy học, ông Quán và phần Sở vương nhường ngôi cho Lục Vân Tiên để đi tu Phật. Cũng đoạn thêm kể những chuyện này, bản *Aben dề Misen*, trong phần phụ lục, có giới thiệu một đoạn khác ở trong Nam 90 câu không câu nào giống câu của bản *Văn Minh*.

Ngoài ra, bản *Văn Minh* còn nhiều đoạn thêm khác, có khi độc lập bổ sung chi tiết, có khi xen lẫn kéo dài, cụ thể hóa tình tiết của đoạn văn. Vì thế, bản *Văn Minh* dài hơn bản *Trương Vĩnh Ký* 116 câu, không kể 56 câu thêm vào phần kết thúc nói trên.

Xét về mặt bố cục của tập truyện, nhìn chung, những đoạn thêm nói đây, có nhiều đoạn không cần thiết. Ví như : đoạn 12 câu (từ câu 431 đến câu 442 - theo số câu bản *Văn Minh*) kể chuyện thầy học "hóa ra một quán bên đàng" để "trợ nguy cứu nạn giúp Vân Tiên" chỉ cốt nói rõ và cụ thể thêm thầy học và ông Quán là những nhân vật thần tiên, biến hiện không chừng ; đoạn từ câu 1923 đến câu 1964 (theo số câu bản *Văn*

Minh) 42 câu, so với bản *Trương Vĩnh Ký* dài hơn 18 câu, chỉ để Nguyệt Nga kể lại cho Vân Tiên nghe những điều mà người đọc đã biết, không cô đọng, gầy gọn, mạnh như bản *Trương Vĩnh Ký*. Có một đôi chỗ, bản *Văn Minh* đã tỏ ra gò ép theo lối văn chương bác học, quá chú trọng đến các thể tiểu đối trong câu⁽¹⁾, hay có đoạn xen vào những lời bình luận dài dòng, sau mỗi sự việc⁽²⁾ đã làm cho lời văn hóa ra rườm rà lạc lõng, không hợp với phong cách ngôn ngữ *Lục Vân Tiên* vốn gọn, rõ và mạnh.

Song, cũng phải nhận rằng có một đôi chỗ thêm vào đã làm tập truyện được hoàn chỉnh hơn trong chi tiết của bố cục hay trong tình tiết của đoạn văn. Đó là chưa kể những chỗ vô nghĩa không hợp văn lý hay những chữ không ăn vào của bản *Trương Vĩnh Ký* mà bản *Văn Minh* đã chữa lại.

Thêm vào đó, các từ Hán Việt đều được chữa lại theo cách phát âm phổ thông ngoài Bắc, các từ địa phương Nam Bộ hay một số từ cổ như "thứ" "thìn" đều bị lược đi, thay thế bằng một từ khác thông dụng hơn. Vì thế bản *Văn Minh* được phổ biến nhiều ở Trung và ở Bắc, bởi lẽ quần chúng độc giả nói chung thấy dễ hiểu hơn, sự việc mạch lạc hơn. Vả, cũng chính vì vậy mà các bản ngoài Bắc đều lấy bản *Văn Minh* làm cơ

(1) Thí dụ câu 583 : *Tầm quan mà lại gặp tang.*

(2) Như đoạn thêm sau đoạn nói Thê Loan cùng mẹ Quỳnh Trang đóng cửa cư tang.

sở nhằm phổ biến tập truyện trong dân gian. Điều này, xét trên thực trạng sáng tác và phổ biến truyện *Lục Vân Tiên*, thì có thể hiểu được và cũng có thể thông cảm với việc làm của những người trước.

Những bản *Lục Vân Tiên* xuất bản trên miền Bắc sau ngày hòa bình lập lại (1954)

Từ sau Cách mạng tháng Tám, và nhất là từ ngày hòa bình được lập lại, nhà thơ yêu nước vĩ đại của miền Nam - Nguyễn Đình Chiểu được giới thiệu rộng rãi với bạn đọc trong cả nước. Việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu thực sự đã chuyển sang một giai đoạn mới. Số người nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu ngày một tăng, các công trình sưu tầm khảo thích tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu lần lượt được xuất bản⁽¹⁾. Trong đó *Lục Vân Tiên* được in lại nhiều lần.

Bản *Lục Vân Tiên* do Hoàng Ngọc Phách, Lê Trí Viễn, Vũ Đình Liên bình luận hiệu đính chú thích, Bộ Giáo dục xuất bản năm 1957 là bản sớm nhất trong thời gian này. Tiếp theo là các bản *Lục Vân Tiên*... các Nhà xuất bản Phổ thông (1957), Bình dân (1958), Văn hóa (1959)- được lần lượt in ra để đáp ứng nhu cầu

(1) Thí dụ các tập : *Ngư iều văn đáp và thơ văn yêu nước* - Vũ Đình Liên, Lê Thuộc giới thiệu trích giải, Nhà xuất bản Nghiên cứu, Hà Nội, 1957 *Thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu* (cổ văn), Tuấn Lộ và Mai Trân, Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1962. *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1963...

bạn đọc. Trong số các bản mới đây, thì bản của Nhà xuất bản Văn hóa (1959) do Vũ Đình Liên, Nguyễn Sỹ Lâm khảo thích giới thiệu là đáng chú ý hơn cả.

Có thể nói bản này đã tổng kết và tiếp thu được một số thành tựu các bản *Lục Vân Tiên* đã xuất bản, và đã đưa công tác khảo thích tập truyện tiến lên một bước mới đáng kể về nhiều mặt trong phương pháp biên soạn, khảo thích nói chung.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá một số bản *Lục Vân Tiên* đã xuất bản, và sau khi đã rút ra được một số kết luận đúng đắn, bản này đã lấy bản *Trương Vĩnh Ký* làm cơ sở cho văn bản hiệu đính của mình. Theo ý chúng tôi, đó là cách xử lý hợp lý hơn cả đối với thực trạng sáng tác *Lục Vân Tiên*.

Về mặt chú thích, nhìn chung bản này có nhiều ưu điểm hơn các bản quốc ngữ đã xuất bản về phương pháp và chất lượng trong nội dung chú thích.

Nói tóm lại, trên đại thể bản *Vũ Đình Liên - Nguyễn Sỹ Lâm* là bản tốt có nhiều ưu điểm. Song xét chi tiết trên nhiều mặt khác nhau, thì bản này vẫn còn có chỗ phiến diện, thiếu khách quan trong cách đánh giá văn bản, trong việc khảo đính ở một số trường hợp cụ thể.

Sau đại thắng mùa xuân 1975, Nhà xuất bản Đại học cho ra mắt bạn đọc truyện *Lục Vân Tiên* do Hà Huy Giáp giới thiệu, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích. Đây là một công trình văn bản học nghiêm túc đã tiếp thu được những thành tựu của những người

trước và đã đưa công tác xử lý vấn đề văn bản học tác phẩm *Lục Vân Tiên* lên một bước phát triển mới.

Tập sách với số lượng phát hành gần 50.000 bản đã đáp ứng kịp thời nhu cầu xã hội trước mắt, đã có ảnh hưởng tốt, sâu rộng trong nhân dân, nhất là trong các trường học trên cả nước.

Một số nhận xét chung

Ngay khi Nguyễn Đình Chiểu còn sống, truyện *Lục Vân Tiên* đã được phổ biến trong nhân dân theo lối truyền khẩu. Từ trong đám học trò của ông truyền ra mà quần chúng ban đầu mỗi người thuộc mỗi đoạn khác nhau, rồi say sưa "kể" cho nhau nghe đoạn mình đã thuộc, và cứ thế mà từ người nọ đến người kia, từ vùng này đến vùng khác, tập truyện thơ được phổ biến rộng rãi khắp trong dân gian Nam Bộ. Số người biết chữ đã ghi lại đoạn mình đã thuộc, và dần dần bản chép được chấp nối, bổ sung thêm nhiều đoạn khác đã được nghe kể... cho đến khi tập truyện có đầu có đuôi, nghĩa là có một bố cục hoàn chỉnh.

Truyện *Lục Vân Tiên* được phổ biến lưu truyền theo phương thức như vậy trong một thời gian không lâu. Tiếp đó, Duy Minh Thị sao lục in thành sách, Ôbarê sưu tầm ghi chép lại mà dịch ra tiếng Pháp, Aben đê Misen tiếp thu và chỉnh lý lại công phu hơn, dịch và cho xuất bản ở Pari (Pháp). Như vậy, văn bản truyện *Lục Vân Tiên* được hoàn chỉnh và ổn định dần dần.

Trong cả quá trình tập truyện được hoàn chỉnh và ổn định đó, quần chúng đã đóng một vai trò tích cực.

Nguyễn Đình Chiểu chắc hẳn đã biết, và đã vừa lòng khi thấy tập truyện thơ của mình được quần chúng ưa thích, thi nhau truyền tụng như vậy. Cho nên, như trên đã nói, ông đã lấy làm vinh hạnh chấp nhận những chỗ nhuận sắc và một đôi chỗ bổ sung của quần chúng. Và, trong lúc sinh thời Nguyễn Đình Chiểu chưa có dịp nhuận chính và công bố nguyên tác *Lục Vân Tiên* chính là vì vậy.

Theo báo *L'Indépendant de Saigon* ngày 17-11-1883, thì vào khoảng trước đó ít lâu, Misen Pôngsông (Michel Ponchon), tỉnh trưởng Bến Tre có đến thăm Nguyễn Đình Chiểu và đã nhờ ông nhuận chính lại một bản *Lục Vân Tiên* in chữ nôm. Theo lời Pôngsông, Nguyễn Đình Chiểu đã nhận làm việc đó. Pôngsông đã kể lại như sau :

"Sau vài câu chuyện về sức khỏe của cụ, tôi đề cập đến việc quan trọng của tôi, nhưng không hy vọng thành công. Cụ Đồ Chiểu tỏ thật với tôi rằng sức khỏe và trí nhớ của cụ đã giảm nên thêm phần khó cho cụ trong việc nhuận chính bốn thư *Lục Vân Tiên*. Tôi bèn bàn cùng cụ để cho những người đã quen cái thói quan bất trị của cụ ngâm thơ *Lục Vân Tiên* theo một bản in của người Trung Hoa⁽¹⁾ rồi cụ chỉ những câu

(1) Theo ông Khuông Việt, thì đây có thể là bản nôm in ở Chợ Lớn năm 1865 do Tôn Thọ Tường trông nom, tức là bản *Duy Minh Thi*.

thừa nên bỏ, những câu trật nên sửa và những câu bị bớt nên thêm vào. Cụ nhận làm cái công việc có phần nhọc nhằn ấy⁽¹⁾.

Nguyễn Đình Chiểu có làm được việc đó hay không, và nếu có, thì ông đã nhuận chính như thế nào, Misen Pôngsông đã sử dụng bản nhuận chính ấy ra làm sao, cho đến nay, chúng ta không mong gì biết được.

Như trên đã nói, trong thực trạng sáng tác và phổ biến độc đáo của tập truyện, nên giữa các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ngay lúc sinh thời Nguyễn Đình Chiểu đã chứa đựng rất nhiều dị đồng. Dị đồng trong từng chữ, từng câu, đôi khi trong từng đoạn ngắn, và dị đồng cả trong một vài điển cố một vài tên người và tên đất. Những dị đồng lớn nhỏ có nhiều giữa các văn bản nói đây là một điều dễ hiểu, và thực ra không có sai biệt gì ghê gớm ảnh hưởng đến nội dung tập truyện. Điều quan trọng là trên đại thể các văn bản đều giống nhau trên một bố cục chung. Trong số các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản khi tác giả còn sống, có bản *Aben dề Misen* là bản được tiến hành biên soạn có phương pháp, có nhiều tư liệu nghiên cứu quý.

Sau khi Nguyễn Đình Chiểu qua đời, truyện *Lục Vân Tiên* nôm và quốc ngữ - nhiều và phổ biến hơn cả là các bản quốc ngữ, kế tiếp nhau được xuất bản ở trong Nam và cả ở ngoài Bắc.

(1) Theo bản dịch của ông Khuông Việt đăng trong *Nam Kỳ tuần báo*, số đặc biệt về lễ kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu, ngày 26 - 6 - 1943. Xem *Phụ lục*.

Các bản trong Nam có bản *Trương Vĩnh Ký* là đáng chú ý hơn cả. Đây là bản quốc ngữ đầu tiên do người Việt Nam phụ trách việc sưu tập, chỉnh lý, đã tiếp thu được thành tựu các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản trong lúc sinh thời Nguyễn Đình Chiểu, đã ghi lại được cốt truyện thơ lưu truyền sâu rộng trong nhân dân Nam Bộ. Và, chính bản này đã làm cơ sở cho hầu hết các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản về sau, như các bản *Phạm Văn Thành*, *Nguyễn Háo Vĩnh* là những bản được phổ biến sâu rộng ở trong Nam và sau này cả ở ngoài Bắc. Bản *Trương Vĩnh Ký* xứng đáng là bản tiêu biểu cho các bản trong Nam.

Các bản ngoài Bắc, nôm thì có bản *Tự văn đường* khắc in năm 1897 là bản sớm nhất. Bản này đã sửa chữa thiếu thốn trọng các bản trong Nam. Các bản của các hiệu khắc ván khác hầu như cũng chỉ rập theo "tàng bản" của hiệu *Tự văn đường*, nên các bản *Lục Vân Tiên* nôm nói chung ít được phổ biến ở ngoài Bắc, kể cả bản quốc ngữ của Đình Xuân Hội đã lấy bản *Tự văn đường* làm cơ sở.

Các bản quốc ngữ ngoài Bắc, theo tài liệu chắc chắn hiện có, thì bản *Lục Vân Tiên truyện*, nhà in Văn Minh Hải Phòng xuất bản năm 1924 là bản sớm nhất và được phổ biến sâu rộng hơn cả ở miền Bắc, là bản đã làm cơ sở cho hầu hết các bản *Lục Vân Tiên* quốc ngữ xuất bản về sau. Bản này được in trước hết có thể là nhằm mục đích kinh doanh cho nên phải tính đến đối tượng tiêu thụ của tập sách. Đối tượng này không ai

khác là đông đảo quần chúng nhân dân vốn đã từng quen với truyền thống văn nôm bác học và cả văn nôm bình dân của truyện nôm khuyết danh. Cho nên bản *Văn Minh*, trên cơ sở bản trong Nam, đã nhuận sắc lại bản này theo xu hướng phổ thông hóa tập truyện dưới ảnh hưởng của cả hai luồng văn học đó. Trên thực trạng sáng tác của tập truyện, chính điều này đã làm cơ sở cho bản *Văn Minh* được chấp nhận và được phổ biến trong một thời gian dài ở ngoài Bắc. Bản *Văn Minh* có thể xem là bản tiêu biểu các bản quốc ngữ ngoài Bắc.

Và, cũng trên thực trạng sáng tác này của tập truyện, dị đồng giữa các bản trong Nam là chuyện tất nhiên phải có; dị đồng giữa các bản trong Nam với các bản ngoài Bắc cũng là chuyện tất nhiên phải có. Chúng ta không nên quá cường điệu hiện tượng này như các học giả phương Tây đã làm.

Chuyện tất nhiên phải có chứ không phải là chuyện nên có, nhất là dị đồng giữa các bản trong Nam với các bản ngoài Bắc. Vì dị đồng giữa các bản trong Nam có thể giải thích được rằng chính những dị đồng này là phản ánh nhiều khía cạnh khác nhau trong cách đọc, cách hiểu *Lục Vân Tiên*, là phản ánh tính chất được phổ biến của tập truyện trong nhân dân miền Nam; còn dị đồng giữa các bản trong Nam với các bản ngoài Bắc không nằm trong tình hình đó. Nó chỉ có thể giải thích được bằng sự tính toán do nhu cầu kinh doanh, và nhờ đó mà tập truyện được phổ biến ngoài Bắc -

một tập truyện đã bị làm phai nhạt đi nhiều tính chất địa phương trong hình thức và nội dung vốn có trong nguyên tác - cụ thể là trong cốt truyện được lưu truyền sâu rộng trong dân gian mà và bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ở trong Nam ghi lại.

Từ sau ngày hòa bình được lập lại, việc nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu được đẩy mạnh và đi vào thực chất hơn. Tác phẩm của ông lần lượt được giới thiệu rộng rãi ở miền Bắc, trong đó có truyện *Lục Vân Tiên*. Bản *Lục Vân Tiên* do Vũ Đình Liên, Nguyễn Sỹ Lâm khảo thích và giới thiệu có thể xem là bản tiêu biểu cho các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ở miền Bắc trong giai đoạn này. Và, sau đại thắng mùa xuân 1975, trên cả nước thống nhất là bản *Lục Vân Tiên* của Nhà xuất bản Đại học.

B - XỬ LÝ VĂN BẢN

Chính trên thực trạng đó của truyện *Lục Vân Tiên* mà chúng tôi tiến hành xử lý hiệu đính lại văn bản. Chúng tôi chọn một bản *Lục Vân Tiên* tiêu biểu làm bản trực. Bản trực là bản rất quan trọng. Xét về các mặt, bản này phải đạt đến trình độ cao hơn cả. Và, bản trực đó là bản *Trương Vĩnh Ký*, vì nó có ba yếu tố sau đây :

1. Bản đầu tiên do người Việt Nam sống đồng thời với Nguyễn Đình Chiểu ghi chép lại tập truyện được

phổ biến sâu rộng trong nhân dân, là bản phản ánh khá đầy đủ sắc thái địa phương, và có lẽ cũng là bản có khả năng gần nguyên tác hơn cả.

2. Nội dung văn bản đảm bảo được cả hai tính chất : hợp lý và phổ biến ở mức độ cao.

3. Nó làm cơ sở cho các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản về sau ở trong Nam, và đồng thời có ảnh hưởng lớn đến các bản *Lục Vân Tiên* xuất bản ngoài Bắc.

Căn cứ vào bản trực này mà tiến hành khảo dị, hiệu đính trên cơ sở đối chiếu, cân nhắc với các bản quan trọng dùng vào việc khảo đính. Các bản này, theo thứ tự trước sau tùy tính chất từng bản là : 1) Bản *Phạm Văn Thành* (1932 - 1942), 2) Bản *Aben để Misen* nôm và quốc ngữ (1883), 3) Bản *Vũ Đình Liên, Nguyễn Sỹ Lâm* (1959).

Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi tham khảo các bản *Jannô* (1867), *Tu văn đường* (1897), *Dương Quảng Hàm* (1944), các bản *Lục Vân Tiên* dịch ra tiếng Pháp của Ôbarê (1864), Bajô (1886), nhằm đạt đến được một bản *Lục Vân Tiên* đậm nét địa phương vốn có của tập truyện.

*

* *

Hiệu đính truyện *Lục Vân Tiên* theo những nguyên tắc và nhằm những mục tiêu đã trình bày chung ở phần *Phạm lệ* là một việc khó khăn, phức tạp. Văn bản hiệu

đính đặt được chắc có chỗ còn chưa phù hợp với một số đối tượng nhất định.

Để bổ cứu lại một phần, chúng tôi đồng thời tiến hành khảo dị, để bạn đọc có thể chọn trong số các bản khảo dị những từ ngữ phù hợp hơn, và quan trọng hơn cả là để cung cấp cho bạn đọc những bản *Lục Vân Tiên* cần thiết, khó kiếm, rất cần cho công tác nghiên cứu hiện nay⁽¹⁾. Những bản đó là : bản *Trương Vĩnh Ký*, bản *Phạm Văn Thịnh* và bản *Aben dề Misen*.

Bạn đọc muốn có bản nào, chỉ cần đưa câu của bản đó ở phần khảo dị lên phần văn bản hiệu đính là có được văn bản hoàn chỉnh của bản đó.

Riêng đối với bản *Aben dề Misen*, vì giữa hai bản nôm và quốc ngữ có chỗ khác nhau như đã nói trong *Lời dẫn* phần văn bản, nên chỉ trong phần *Khảo dị* dưới văn bản, chúng tôi ghi như sau :

a) Khi giữa hai bản nôm và quốc ngữ giống nhau, thì chỉ để AdM.

b) Khi bản quốc ngữ khác bản nôm, thì liền sau chữ của bản quốc ngữ có để chữ của bản nôm đặt trong vòng đơn ().

c) Khi bản quốc ngữ giống bản khảo đính mà bản nôm thì khác, chúng tôi thì ghi thêm chữ *n* sau chữ

(1) Còn có bản quan trọng khác như bản *Vũ Đình Liên - Nguyễn Sĩ Lâm*, bản *Lục Vân Tiên*, Nhà xuất bản Đại học, Hà Nội 1975 (in lại năm 1976) rất cần cho việc nghiên cứu. Nhưng hiện nay còn có ở các thư viện, ở các tủ sách gia đình nên chúng tôi không tính vào đây.

tất AdM : AdMn, tức là chữ của bản *Aben dề Misen* nôm.

C - PHÂN ĐOẠN

I. Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga (từ câu 1 đến câu 286)

- Lục Vân Tiên từ già thầy lên kinh ứng thí (1 - 90), - Kiều Nguyệt Nga được Lục Vân Tiên cứu khỏi tay bọn cướp núi, nguyên gá nghĩa trăm năm để tạ lòng chàng (91 - 286).

II. Lục Vân Tiên bị tai nạn và được cứu giúp (Từ câu 287 đến câu 1.264)

- Lục Vân Tiên "hồi hương thăm nhà" (287 - 330), - Thăm Võ Công, người đã đính ước gả con là Võ Thể Loan cho chàng (331 - 418). - Lục Vân Tiên trên đường lên kinh kết bạn (419 - 546) - Lục Vân Tiên được tin mẹ mất, mang bệnh bị mù mắt (547 - 652). - Tiểu đồng hết lòng chạy chữa, bị lừa đảo, rút cục tiền mất tật còn (653 - 844), - Tiểu đồng bị Trịnh Hâm lừa trói vào rừng, được "sơn quân" cứu, tưởng Lục Vân Tiên đã chết, nguyên trọn bề "che chòi giữ mả" (845 - 930), - Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm hãm hại đẩy xuống sông, được giao long và vợ chồng ông chài cứu sống (931 - 1000) - Lục Vân Tiên lại bị cha con Võ Thể Loan bội ước, đem bỏ vào hang Thương-tòng,

được "du thân" và ông Tiêu cứu (1001 - 1118) - Lục Vân Tiên gặp lại Hớn Minh (1119 - 1196) - Võ Công bị Vương Tử Trục mắng nhiếc, xấu hổ ốm chết (1197 - 1264).

III. Kiều Nguyệt Nga bị cồng Hồ, chung thủy với Lục Vân Tiên (từ câu 1265 đến câu 1664)

- Kiều Nguyệt Nga giữ tiết trọn đời với Lục Vân Tiên (1265 - 1360) - Kiều Nguyệt Nga bị bắt cồng giặc Ô - qua, nhảy xuống sông tự tử, được Phật Quan-âm cứu (1361 - 1532) - Kiều Nguyệt Nga bị Bùi Kiệm ép duyên, trốn ở với bà lão trong rừng (1533 - 1664).

IV. Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga nên nghĩa vợ chồng (từ câu 1665 đến câu 2082)

- Lục Vân Tiên được thuốc tiên mất lại sáng ra, về thăm nhà, đi thi đỗ trạng, đánh tan giặc Ô-quà, bị lạc vào rừng (1665 - 1806) - Lục Vân Tiên gặp lại Kiều Nguyệt Nga, vinh quy, gặp lại tiểu đồng, tạ ơn ông Ngự, ông Tiêu, kẻ gian ác bị đền tội (1807 - 2074) - Lục Vân Tiên cưới Kiều Nguyệt Nga, "sinh con sau nổi gót lân đời đời" (2075 - 2082).

LỤC VÂN TIÊN

(VĂN BẢN KHẢO ĐỊNH)

I

TRƯỚC đèn xem truyện Tây minh,

Gẫm cười hai chữ như tình éo le.

Hỡi ai lằng lằng mà nghe,

Dữ răn việc trước lành đề thân sau.

5. Trai thời trung hiếu làm đầu,

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

Có người ở quận Đông-thành,

Tu như tích đức sớm sanh con hiền.

Đặt tên là Lục Vân Tiên

10. Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.

Theo thầy nấu sữ xôi kinh,

Tháng ngày bao quản sân Trình lao đao.

Văn đà khởi phụng đăng giao,

Võ thêm ba lược sáu thao ai bì.

Khảo dị

4. Tất cả các bản nôm hiện có, kể cả bản DMT và bản AdM đều ghi rõ : *Giữ răn việc trước lành đề thân sau*. Bản PVT đề nguyên như vậy. Các bản TVK, NHV đổi lại : *Dữ răn...* Bản AdM quốc ngữ phiên ra : *Giữ răn việc trước Lành đề thân sau*.

* Sau câu 7, bản PVT thêm hai câu : *Lục ông chữ đặt phỉ tình yễn anh, Vợ chồng ăn ở hiền lành* - 14... *Tam lược lục thao ai bì* (AdM)

15. Xảy nghe mở hội khoa thi,
Vân Tiên vào tạ tôn sư xin về :
Bấy lâu cửa thánh dựa kê,
Đã tươi khí tượng lại xuê tinh thần.
Nay đà gặp hội long vân,
20. Ai ai mà chẳng lập thân buổi này.
Chí lăm bán nhận ven mây,
Danh tôi đặng rạng tiếng thầy bay xa.
Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo hổ sau là hiển vang.
25. Tôn sư khi ấy luận bàn :
Gẫm trong số hệ khoa tràng còn xa.
Mấy trời chẳng dám nói ra,
Xui thầy thương tố xót xa trong lòng.
Sau dẫu tỏ nỗi dục trong,
30. Phải toan một phép để phòng hộ thân.
Rày con xuống chốn phong trần,
Thấy cho hai đạo phù thân đem theo.
Chẳng may mà gặp lúc nghèo,
Xuống sông cũng vững lên đèo cũng an.
35. Tôn sư trở lại hậu đàng,
Vân Tiên ngơ ngẩn lòng càng sanh ngghi :

Khảo dị

- 22... dồn xa (AdM)
25 Tôn sư bàn việc (AdM)... bàn luận tại nàn (TVK, PVT). Đây dễ theo bảo Liễu văn đường.
30 Phải toan một chước... (PVT)
35 Tôn sư vào chốn... (AdM) - 41 ... ra sức công thơ (AdM)

- Chẳng hay mình mắc việc chi,
Tôn sư người dạy khoa kỳ còn xa ?
Hay là bối rối việc nhà,
40. Hay là đức bạc hay là tài sơ ?
Bấy lâu lòng những ước mơ,
Hội nầy chẳng gặp còn chờ hội nao?
Nên hừ chẳng biết làm sao,
Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho mình.
45. Đặng cho rõ nỗi sự tình,
Ngó sau ngàn dặm đăng trình mới an.
Tôn sư ngồi hãy thở than,
Ngó ra trước án thấy chàng trở vô.
Hỏi rằng : Vạn lý trường đồ,
50. Sao chưa cất gánh trở vô việc gì ?
Hay là con hãy hồ nghi,
Thầy bàn một việc khoa kỳ ban trưa ?
Vân Tiên nghe nói liền thưa :
Tiểu sanh chưa biết năng mưa buổi nào,
55. Song đường tuổi hạc đã cao,
Xin thầy nói lại âm hao con tường.
Tôn sư nghe nói thêm thương,
Dắt tay ra chốn tiền đường coi trăng.
Nhơn cơ tàng sự dạn rằng :

Khảo dị

- 45 Đặng cho tỏ (rõ)... (AdM, PVT)...
52... còn xa (AdM) - 53 ... đặt gối thưa quận (AdM)
54... chưa hân việc nhà duyên nào (bao) (AdM)... thế nào (PVT)
55. Thung đường (AdM) - 56 Xin thầy bày tỏ... (AdM) - 58... xem trăng (AdMn, TVK) - 59... tự sự phân rằng (AdM)

60. Việc người chẳng khác việc trăng trên trời.
Tuy là soi khắp mọi nơi,
Khi mờ khi tỏ khi vui khi đầy.
Sau con cũng rõ lẽ này,
Lựa là con phải hỏi thầy làm chi ?
65. Số con hai chữ khoa kỳ,
Khôi tinh đã rạng Tử vi thêm lò.
Hiềm vì ngựa chạy đường xa,
Thỏ vừa ló bóng gà đà gáy tan.
Bao giờ cho tới bắc phang,
70. Gặp chuột ra dăng con mới nên danh.
Sau dấu dăng chữ hiển vinh,
Mấy lời thầy nói tiên trình chẳng sai.
Trong cơ bí cực thời lại,
Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sờn.
75. Vân Tiên vội vã tạ ơn,
Trăm năm dốc giữ keo sơn mọi lời.
Ra đi vừa rạng chum trời,
Ngủ ngủ ngó lại nhớ nơi học đường.
Tiên rằng : Thiên các nhứt phượng,
80. Thấy đeo đoạn thảm tố vương mối sầu.
Quản bao thân trẻ dải dàu,
Mang đai Tử Lô quấy bầu Nhan Uyên.

Khảo dị

- 61... nơi nơi (AdM) - 63 sau con cũng rõ (AdM) - 64 Lựa là trước (AdM) - 66 Khôi tinh tỏ rạng... (PTV) - 67... hãy còn xa (AdM)
72 Mấy lời thầy dạy (AdM).
76... xin gắng keo sơn như lời (AdM) Trăm năm vốc giữ... (PVT) -
78... học trường (AdMn) - 79 Than rằng. (AdMn)

- Bao giờ cá nước gặp duyên,
Đặng cho con thảo phi nguyên tôi ngay.
85. Kể từ lướt dặm tới nay,
Mỏi mê hầu đã mấy ngày xông sương.
Đoái nhìn phong kiểng thêm thương,
Voi voi dặm cũ nẻo đường còn xa.
Chi bằng kiếm chốn lân gia,
90. Trước là tìn bạn sau là ngôi chum.
Việc chi than khóc tưng bừng,
Đều đem nhau chạy vào rừng lên non.
Tiên rằng : Bớ chú công con,
Việc chi nên nổi bon bon chạy hoài ?
95. Dân rằng : Tiểu tử là ai,
Hay là một đảng Sơn-dài theo tao ?
Tiên rằng : Cớ sự làm sao,
Xin ngừng vài bước sẽ trao một lời.
Dân nghe tiếng nói khoan thai,
100. Kêu nhau đứng lại bày lời phân qua :
Nhơn rầy có đảng lâu la,
Tên rằng Đỗ Dự hiệu là Phong Lai.

Khảo dị

- 83 Bầy (bao) giờ ngư thủy... (AdM)... hiệp duyên (PVT) - 84 Rạng danh... (AdM)
85... tách dặm đến nay (AdM)... đến nay (PVT) - 88 Bơ vơ... (AdM)
89 Chi bằng vào. (AdM) - 91 Việc chi la khóc. (AdM)
96 Hay là một lũ... (AdM) - 98... Hãy dùng gót lại mà... (AdM) mọi lời (PVT) - 100... vài lời phân qua (AdM). 102. Tên là... (AdM)

- Nhóm nhau ở chốn Sơn-dài,
 Người đều sợ nó có tài khôn đương.
105. Bầy giờ xuống cướp thôn hương,
 Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.
 Xóm làng chẳng dám nói chi,
 Cảm thương hai gã nữ nhi mắc nạn.
 Con ai vốc ngọc mình vàng,
110. Má đào mảy liễu dung nhan lạnh lùng.
 E khi mắc đảng hành hung,
 Uống trâng thực nữ sánh cùng thất phu.
 Thôi thôi chẳng dám nói lâu,
 Chạy đi cho khỏi kéo âu tới mình.
115. Vân Tiên nổi giận lôi đình,
 Hỏi thăm : Lũ nó còn đình nơi nao ?
 Tôi xin ra sức anh hào,
 Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.
 Dân rằng : Lũ nó còn đây,
120. Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành.
 E khi họa hổ bắt thành,
 Khi không mình lại xô mình xuống hang.
 Vân Tiên ghé lại bên đàng,
 Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.

Khảo dị

- 106... ra đường bắt đi (PVT) - 108 Cảm thương hai đ... (AdMn) ·
 110... lả lung (PVT) - 122 ... chôn mình xuống hang (AdM)
 122... vào hang (PVT) - 124... tìm đàng chạy vô (TVK)... nhắm đàng
 chạy vô (PVT)

125. Kêu rằng : Bớ đảng hung đồ,
 Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.
 Phong Lai mặt đỏ phừng phừng :
 Thằng nào dám tới lấy lưng vào đây ?
 Trước gây việc dữ tại đây,
130. Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.
 Vân Tiên tả đột hữu xông,
 Khác nào Triệu tử phá vòng Đương-dang.
 Lâu la bốn phía vỡ tan,
 Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
135. Phong Lai trở chẳng kịp tay,
 Bị Tiêm một gậy thác rày thân vong.
 Đẹp rồi lũ kiến chòm ong,
 Hỏi : Ai than khóc ở trong xe này ?
 Thưa rằng : Tôi thiệt người ngay,
140. Sa cơ nên mới lắm tay hung đồ,
 Trong xe chật hẹp khôn phô,
 Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng.
 Vân Tiên nghe nói động lòng,
 Đáp rằng : Ta đã trừ dòng lâu la.
145. Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
 Nàng là phận gái ta là phận trai.

Khảo dị

- 126... mở hồ hại dân (AdM) - 128 Thằng nào lại dám... (AdM)
 135... trở chẳng lập tay (TVK) - ... chẳng kịp trở tay (AdM)
 136... chàng rày mạng vong (PVT, AdMn) - 134... nhắm đàng chạy ngay
 (AdM) 140... lắm tay hung đồ (AdM) - 141... khó phô (AdM)
 146 Đó... đây là phận trai (PVT)

- Tiểu thơ con gái nhà ai.
Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ ?
Chẳng hay tên họ là chi,
150. Khuê môn phận gái việc gì đến đây ?
Trước sau chưa hăn dạ nầy,
Hai nàng ai tố ai thầy nói ra ?
Thưa rằng : Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con nầy ti tất tên là Kim Liên.
155. Quê nhà ở quận Tây-xuyên,
Cha làm phủ ở miền Hà-khê.
Sai quan đem bức thơ về,
Rước tôi qua đó đình bề nghi gia.
Làm con dâu dám cãi cha,
160. Ví dầu ngàn dặm đường xa cũng đành.
Chẳng qua là sự bất bình,
Hay vậy cũng chẳng đáng trình làm chi.
Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.
165. Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lay rồi sẽ thưa.
Chút tôi liễu yếu đào thơ,
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.

Khảo dị

- 154 *Này con...* (AdM) - 156... *ngồi* miền Hà-khê (AdM)
159. *Làm con nào dám...* (AdM) - 161 ... - *bất thành* (AdM) -
162... *thượng* trình làm chi (AdM) - 163... *bất* gặp giải nguy (AdM) -
166 *Ngó...* sẽ phân (AdM)

* Bản AdM không có hai câu ; 167, 168 - 166 *Đặng* cho... (PVT)

- Hà-khê qua đó cũng gần,
170. Xin theo cùng thiếp đến ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có bạc vàng cũng không.
Gắm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng người.
175. Vân Tiên nghe nói liền cười ;
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ dạng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
180. Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.
Đó mà biết chữ thi chung,
Lựa là đây phải theo cùng làm chi.
Nguyệt Nga biết ý chẳng đi,
Hỏi qua tên họ một khi cho tường,
185. Thưa rằng : Tiện thiếp đi đường,
Chẳng hay quân tử quê hương nơi nào ?
Phút nghe lời nói thanh thao,
Vân Tiên há nỡ lòng nào phui pha :
Đồng - thành vốn thiệt quê ta,
190. Họ là Lục thị tên là Vân Tiên.
Nguyệt Nga vốn đứng thuyền quyền,

Khảo dị

- 172 *Của tiền không có...* (TVK) - 173 *Tường* câu. (AdM)
175... *mim* cười (AdM) - 179 *Có* câu... (AdM)
180 *Làm người đường ấy...* (AdM) - 181 *Đó* đà (AdM)
187. *Xây* nghe... (AdM) - 194 *Xin* *dang*... (AdM) -

- Tai nghe lời nói tay liền rút trâm.
 Thưa rằng : Nay gặp tri âm,
 Xin đưa một vật để cầm làm tin.
 195. Vân Tiên ngơ mặt chẳng nhìn,
 Nguyệt Nga liếc thấy lòng thìn nét na
 Vật chi một chút gọi là,
 Thiếp đưa chưa dứt chàng đã làm ngơ.
 Của này là của vất vơ,
 200. Lòng chê cũng phải mặt ngơ sao đành
 Vân Tiên khó nổi làm thình,
 Chữ ân buộc lại chữ tình lây dây
 Than rằng : Đố khéo trêu đây,
 Ôn kia đã mấy của này rất sang.
 205. Đương khi gặp gỡ giữa đàng,
 Một lời cũng nhớ ngàn vàng chẳng phai.
 Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài,
 Nào ai chịu lấy của ai làm gì.
 Thưa rằng : Chút phận nữ nhi,
 210. Vốn chưa biết lẽ có khi mịch lòng,
 Ai dè những đứng anh hùng,
 Thấy trâm thôi lại thẹn cùng cây trâm.

Khảo dị

- 196 ... càng nhìn nét na (PVT)
 198 Thiếp phân... (AdM) - 199 Của này đầu của... (AdM)
 202 Chữ ân đã buộc chữ tình xe dây (AdM)
 204 Ôn kia là mấy... (AdM) - 205 Gặp nhau đang lúc giữa đàng (AdM)
 206 Một lời cũng phải cũng phai (AdM)
 210 Đây chưa biết lẽ... (PVT) - 211 Ai dè những mặt... (AdM)

- Riêng than : Trâm hồi là trâm,
 Vô duyên chi bấy ai cầm mà mơ ?
 215. Đưa trâm chàng đã làm ngơ,
 Thiếp xin đưa một bài thơ già từ.
 Vân Tiên ngó lại rằng : Ủ,
 Làm thơ cho kịp bấy chừ chớ lâu.
 Nguyệt Nga ứng tiếng xin hầu,
 220. Xuống tay liền tả tám câu năm vần.
 Thơ rồi này thiếp xin dâng,
 Ngửa trông lượng rộng văn nhân thế nào ?
 Vân Tiên xem thấy ngạt ngào,
 Ai dè sức gái tài cao bậc này.
 225. Đã mau mà lại thêm hay,
 Chẳng phen Tạ nữ cũng tày Từ phi.
 Thơ ngâm đủ xuất đủ kỳ,
 Cho hay tài gái kém gì tài trai.
 Như vậy ai lại thua ai,
 230. Vân Tiên họa lại một bài trao ra.
 Xem thơ biết ý gần xa,
 Mai hòa văn điệu điệu hòa vận mai
 Có câu xúc cảnh hứng hoài,
 Đường xa vơi vơi dặm dài vơi vơi.

Khảo dị

- 214 Đã vô duyên bấy... (PVT, AdM)
 216... chớ từ (AdMn)
 218... chừ chớ lâu (AdM) - 219 ... ứng tiếng rằng hầu (AdM)
 223... ngạt ngào (AdM) - 226... cũng tày Tây Thi (AdM) -
 227 Có câu... (AdM) - 229 Như vậy... ai nhàn thua ai (AdM)
 231 Xem thời... (AdM) - 233... tình hoài (PVT)

235. Ai ai cũng ở trong trời,
Gặp nhau lời đã cạn lời thời trôi.
Vân Tiên từ già phản hồi,
Nguyệt Nga than thở : Tình ôi là tình !
Nghĩ mình mà giận cho mình,
240. Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương.
Nặng nề hai chữ duyên ương,
Chuối sầu ai khéo vấn vương vào lòng.
Nguyện cùng Nguyệt lão hỏi ông,
Trăm năm cho vẹn chữ từng mới an,
245. Hữu tình chi bấy Ngưu lang,
Tấm lòng Chức nữ vì chàng mà nghiêng.
Thôi thôi em hỏi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà-khê.
Trải qua dấu thỏ đường dê,
250. Chim kêu vượn hú tư bề nước non.
Vái trời cho đặn vuông tròn,
Trăm năm cho trọn lòng son với chàng.
Phút đầu đã tới phủ đàng,
Kiểu công xem thấy lòng càng sanh nghi.
255. Hỏi rằng : Nào kẻ tùy nhi,
Cớ sao nên nổi con đi một mình ?
Nguyệt Nga thừa việc tiền trình,

Khảo dị

236... Gặp nhau ta đã... (TVK, PVT) - 240 Chữ ân... chữ tình... (AdM)
- 241 Hữu tình hai chữ... (TVK, PVT) - 242 Dây sầu... (AdM) - 243 Vái
cùng... (AdM) - 244 Trăm năm cho trọn... (AdM) Trăm năm cho trọn lòng
son cùng chàng (PVT) - 248 Dây xe... (PVT, AdM) - 252 Trăm năm cho
vẹn... (AdM) - 253 Nguyệt Nga về tới... (PVT) 255. nào trẻ tùy nhi (AdM).

- Kiểu công tưởng nổi sự tình chẳng vui.
Nguyệt Nga dạ hãy nguì nguì,
260. Nghĩ mình thôi lại sụt sùi đòi cơn,
Lao đao phận trẻ chi sồn,
No nao trả đặng công ơn cho chàng.
Kiểu công nghe nói liền can,
Dạy rằng : Con hãy nghĩ an mình vàng.
265. Khi nào cha rảnh việc quan,
Cho quân qua đó mời chàng đến đây.
Sao sao chẳng kịp thời chầy,
Cha nguyên trả đặng ơn này thời thôi.
Hậu đường con hãy tạm lui,
270. Làm khuây dạ trẻ cho vui lòng già.
Tây lâu trống điểm sang ba,
Nguyệt Nga còn hãy xót xa phận mình.
Dời chơn ra chốn hoa đình,
Xem trăng rồi lại chạnh lòng cố nhơn
275. Than rằng : Lưu thủy cao sơn,
Ngày nào nghe đặn tiếng đồn tri âm.
Chữ tình càng tưởng càng thâm,
Muốn pha khó lợt muốn đậm khôn phai.
Vội vội đất rộng trời dài,

Khảo dị

260. Nghĩ đòi cơn... (AdM) - 263... liền thương (AdM) - 264... con
hãy tạm an mình vàng (AdM) - 266 Viết thơ... sang đây (AdM) - sai quân...
(PVT) - 269... con khá tạm lui (AdM) - 272 Nguyệt Nga lưỡng lự
(AdM) - 278... muốn đậm khó phai (AdMn)

280. Hỡi ai nữ để cho ai đeo phiên.
Trở vào bên lấy bút nghiên,
Đặt bàn hương án chúc nguyên thân linh.
Lầu lầu một tấm lòng thành,
Họa ra một bức tượng hình Vân Tiên,
285. Than rằng : Ngàn dặm sơn xuyên,
Chữ ân để dạ chữ duyên nhuộm sâu.

II

- Truyện nàng sau hãy còn lâu,
Truyện chàng xin nối thứ đầu chếp ra.
Vân Tiên từ cách Nguyệt Nga,
290. Giữa đường lại gặp người ra kinh kỳ.
Xa xem mặt mũi đen sì,
Mình cao sỗ sộ dị kỳ rất hung.
Nhớ câu bình thủy tương phùng,
Anh hùng lại gặp anh hùng một khi :
295. Chẳng hay danh tánh là chi,
Một mình mang gói ra đi việc gì ?
Đáp rằng : Ta cũng xuống thi,
Hơn Minh tánh tự Ô-mi quê nhà.
Vân Tiên biết lẽ chánh tà,

Khảo dị

284 Về ra... (AdM) - 288 Truyện chàng xin kể (nối) (AdM) - 292 Hình
cao vợi vợi... (AdM) - 296... mang gói (níp) mà đi chuyện gì (AdM, PVT)-
299... biết kẻ chánh tà (TVK, PVT)

300. Hễ người dị tướng ắt là tài cao.
Chữ rằng : Bằng hữu chi giao,
Tình kia đã gặp lẽ nào làm khuây ?
Nên rừng há dễ một cây,
Muốn cho có đó cùng dây luôn vắn.
305. Kìa nơi võ miếu hầu gần,
Hai ta vào đó nghỉ chum một hồi...
Cùng nhau bày họ tên rồi,
Hai chàng từ tạ đều lui ra đường.
Hơn Minh đi trước tự trường,
310. Vân Tiên còn hãy hồi hương viếng nhà.
Mừng rằng : Nay thấy con ta,
Cha già hằng tưởng mẹ già luống trông.
Bấy lâu đèn sách gia công,
Con đà nên chữ tang bồng cùng chẳng ?
315. Vân tiện quỳ lạy thưa rằng :
Chẳng hơn người cổ cũng bằng người kim.
Dám xin cha mẹ an tâm,
Cho con trả nợ thanh khâm cho rồi.
Mẹ cha thấy nói thêm vui.
320. Lại lo non nước xa xuôi ngàn trùng,
Cho theo một đứa tiểu đồng,

Khảo dị

300 Hễ là... (AdM) - 301 Nhớ câu... (AdM) - 302 Chốn này... (AdM)
- 305... cùng gần (AdM) 304... liên vắn (AdMn) - 306 đôi ta... (AdM) -
307... bày tỏ tên rồi (TVK, PVT)- 310... thăm nhà (AdM) - 312 ... những
tướng... những trông (AdM) - 315. Vân Tiên đặt gói... (AdM) - 317 Dám
xin phụ mẫu... (AdM) - 318. Đặng con... (AdM) - 319 Song thân... (AdM)
- 321 Cho theo một gã... (AdM)

- Thơ phong một bức dặn cùng Vân Tiên :
Xưa đà định chữ lương duyên.
Cùng quan hưu trí ở miền Hàn-giang.
325. Con người là Võ Thể Loan,
Tuổi vừa hai bảy dung nhan mặn mà.
Chữ rằng Hồ Việt nhứt gia,
Con đi tới đó trao qua thơ nầy.
Con dẫu bước đặng thang mây,
330. Dưới chơn đã sẵn một dây tơ hồng.
Song thân dạy bảo vừa xong,
Vân Tiên cùng gã tiểu đồng dờn chơn.
Ra đi tách dậm băng chừng,
Gió nam rầy đã đưa xuân qua hè.
335. Lại xem dậm liễu đường hòe,
Tin ong ngơ ngáo tiếng ve vang dầy.
Vui xem nước nọ non nầy,
Nước xao sóng dợn non vầy đá cao.
Màn trời gấm trải biết bao,
340. Trên nhành chim hót dưới áo cá cười.
Quận thành nhăm kiểng coi người,
Kiểng xinh như vẽ người tươi như đời.
Hàn-giang phút đã tới nơi,
Vân Tiên ra mắt một hồi trình thơ.

Khảo dị

322. *Viết thơ...* (AdM) - 323 *Xưa đà hứa định...* (PVT) - 328... *trao ra thơ nầy* (AdM) - 329 *mây dẫu...* (AdM) - 335 *Xa xem...* (AdM) - 336 *Tin ong ngơ ngẩn* (AdM) - 337 *Lại xem...* (AdM) - 339 *Thức trời ...* (AdM) - 345... *xem bức tâm thơ* (AdM)

345. Võ công lấy đọc bấy giờ,
Mừng duyên cầm sắt mối tơ đặng liền.
Liếc coi tướng mạo Vân Tiên,
Khá khen họ Lục phước hiển sanh con.
Mày tấm mắt phụng môi son.
350. Muồi phần cốt cách vuông tròn mười phần.
Những e kẻ Tấn người Tần,
Nào hay chữ ngẫu đặng gần chữ giai.
Xem đà đẹp đẽ hòa hai,
Nầy dẫu nam giản nọ trai đông sàng.
355. Công rằng : Ngãi tể mới sang,
Muốn lo việc nước hãy toan việc nhà.
Tiên rằng : Nhờ lượng nhạc gia,
Đại khoa dẫu đặng tiểu khoa lo gì.
Công rằng : Con dốc xuống thi,
360. Sao không kết bạn mà đi tựu trường ?
Gần đây có một họ Vương,
Tên là Tử Trục văn chương tốt đời,
Cha đà sai trẻ qua mời,
Đặng con cùng gã thử chơi một bài.
365. Thấp cao cao thấp biết tài,
Vây sau trước bạn cùng mai mới màu.
Xây dẫu Tử Trục tới hầu,

Khảo dị

- 347 *Xem qua...* (AdM) - 353 *Nhắm đà...* (AdM) 354... *Kìa dẫu...* (AdM)
355... *mãng ngãi tể sang* (AdM) - 356... *phải toan việc nhà* (AdM) -
362... *tới với* (PVT)... *tốt* (tốt) *dời* (AdM) - 364 *Cho con...* *vài bài* (AdM)
366 *Vây sau bạn trước...* (TVK, PVT) - 367 *Phút dẫu...* (AdM)

- Võ công sẵn đặt một bầu rượu ngon.
 Công rằng : Này bố hai con,
 370. Thơ hay làm đặn rượu ngon thưởng liền.
 Muốn cho Trục sánh cùng Tiên.
 Lấy câu *bình thủy hữu duyên* làm đề.
 song song hai gã giao kê,
 Lục Vương hai họ đua nghề một khi.
 375. Cho hay kỳ lại gặp kỳ,
 Bạch Hàm há để kém chi Như Hoàn.
 Công rằng : Đơn quế đôi nhành,
 Bảg vàng thể bạc đã đành danh nêu.
 Như chuông chẳng đánh chẳng kêu.
 380. Ngọn đèn tỏ rõ trước khêu bởi mình.
 Thiệt trang lương đồng đã đành,
 Khá khen hai họ tài lành hòa hai.
 Trục rằng : Tiên vốn cao tài,
 Có đậu én học sánh vai một bấy.
 385. Tình cờ mà gặp nhau đây,
 Trục rầy xin nhượng Tiên này làm anh.
 Nay đã nên nghĩa đệ huynh,
 Xin về mai sẽ thượng trình cùng nhau.
 Phút xem trăng đã đứng đầu,
 390. Vân Tiên vào chốn thơ lâu nghỉ an.
 Võ công trở lại hậu đàng,

Khảo dị

368 Võ công sẵn *được* (đặt)... (AdM) - 377... Hai nhành (AdM) -
 378... làm nêu (TVK, PVT) - 379 Tiếng chuông... sao kêu (AdM) - 380
 Ngọn đèn *đặng* tỏ... (AdM) - 382... và hai (AdM) - 386 Trục rằng xin nhượng
 Tiên rầy... (AdM) - 387 Nay đã *kết* nghĩa... (AdM) - 389 Xáy đầu... (AdM)

- Đêm khuay dạy dỗ Thế Loan mọi lời :
 Ngày mai vừa rạng chum trời,
 Tiểu nhi trang điểm ra nơi lê đình,
 395. Gọi là chút nghĩa tổng tình,
 Phòng sau cho khỏi bất bình cùng nhau.
 Bóng trăng vừa lộ nhành dâu,
 Vân Tiên vào tạ giây lâu xuất hành.
 Ra đi vừa thuở bình minh,
 400. Thế Loan đứng trước lê đình liếm dung.
 Thưa rằng : Quân tử phó công,
 Xin thương bồ liễu chữ từng ngày thơ.
 Tấm lòng thương gió nhớ mưa,
 Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời :
 405. Ngày nay thánh chúa trị đời,
 Nguyên cho linh phụng gặp nơi ngô đồng.
 Quán bao chút phận má hồng.
 Phòng khuya vô võ dơi trông khôn lường.
 Chàng dẫu cung quế xuyên dương,
 410. Thiếp xin hai chữ tào kương cho bằng.
 Xin đừng tham đó bỏ đàng,
 Chơi lê quên lựu chơi trăng quên đèn.
 Tiên rằng : Như lửa mới nhen,
 Để trong một bếp mà chen mấy lò.
 415. May duyên rủi nợ để phô,
 Chớ nghi Ngô Khởi hãy lo Mãi Thần.

Khảo dị

392 Đêm khuya dạy *báo*... (AdM) - 399 Ra đi vừa *lúc*... (AdM) - 400...
khâm dung (AdM) - 408 *Tháng* chờ khôn *xiết* ngày trông *khô* lường (AdM)
 409... *đang* chữ *hiển* dương (AdM) - 415... là *phô* (AdM) -

- Thế Loan vội vã lui chum,
 Vân Tiên từ biệt trông chừng Trường-an.
 Xa xa vừa mấy dặm dàng,
 420. Gặp Vương Tử Trục vây đoàn đều đi,
 Trải qua thủy tú sơn kỳ,
 Phi lòng cá nhảy gặp thì rồng bay.
 Người hay lại gặp kiểng hay,
 Khác nào tiên tử chơi rày Bồng-lai.
 425. Cùng nhau tả chút tình hoài,
 Năm ba chén rượu một vài câu thơ.
 Công danh ai chẳng ước mơ,
 Ba tầng cửa Võ một giờ nháy qua.
 Cùng nhau bàn bạc gần xa.
 430. Chữ tài chữ mạng xưa hòa ghét nhau.
 Trục rằng : Rồng xuống vực sâu,
 Mặc dầu giỡn sóng mặc dầu chơi mây.
 Tiên rằng : Hồng học đều bay,
 E khi mỗi cánh lạc bấy về sau.
 435. Mảng còn trò chuyện với nhau,
 Trông chừng kinh địa đã hầu tới nơi.

Khảo dị

- * Hai câu 417, 418 bản AdM chép thành sáu câu :

Loan rằng : Sứ Mã kinh Lân

Có câu chính tiết có văn chính dung

Trăm năm lòng gắng trình trung

Lánh phòng Trang Tử chực phòng Vương Nghi.

Thế Loan vội vã ra đi.

Vân Tiên cất gánh một khi ọ ọ trường.

- 419 Xa xem vừa một... (AdM) - 422 Phi tình... gặp kỳ rồng
 435... bàn bạc cùng nhau (AdM)

- Chênh chênh vừa xế mặt trời,
 Hai người tìm quán nghỉ ngơi đợi kỳ.
 Phút đầu gặp bán cổ tri,
 440. Đều bày tên họ một khi mời tường.
 Một người ở quận Phan-dương,
 Tên Hâm họ Trịnh tâm thường nghề văn.
 Một người ở phủ Dương-xuân.
 Họ Bùi tên Kiệm tác chừng đôi mươi.
 445. Hai người lại gặp hai người,
 Đều vào một quán vui cười ngả nghiêng.
 Kiệm rằng : Nghe tiếng anh Tiên,
 Nay đã thấy mặt phi nguyên ước ao.
 Hâm rằng : Chưa biết thấp cao,
 450. Làm thơ mới biết bậc nào tài năng.
 Bền kêu ông quán nói rằng :
 Khá toan sắm sửa đồ ăn cho bề.
 Quán rằng : Thịt cá ê hề,
 Khô lạn chả phụng bốn bề thiếu đầu.
 455. Kia là thuốc lá ướp ngâu,
 Trà ve tuyết điểm rượu bầu cúc hương.
 Để khi đãi khách giàu sang,
 Đãi người văn vật đãi trang anh hùng.
 Bĩ bàng trà rượu đã xong,

Khảo dị

- 439 Xây đầu... (AdM) - 440... cho tường (PVT)... dựng tường (AdM) -
 443 Một người ở... (TVK) - 448 Nay đã gặp mặt... (AdM) - 451...
 455... (AdM) - 456 Này ve... nọ bầu cúc hương (AdM) <http://tieulun.hopto.org>

460. Bốn người ngồi lại một vòng làm thơ.
Kiệm Hâm còn hãy ngăn ngợ,
Phút thơ Tiên Trục một giờ đều xong.
Kiệm Hâm xem thấy lạ lùng,
Gấm nghi Tiên Trục viết từng cổ thi.
465. Chẳng hay ông quán cười chi,
Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài.
Tiên rằng : Ông quán cười ai ?
Quán rằng : Cười kẻ bất tài đồ thơ.
Cười người Tôn Tấn không lừa,
470. Trước đà thấy máy chẳng ngửa Bàng Quyên.
Trục rằng : Lời nói hữu duyên,
Thế trong kinh sử có tuyền cùng chẳng ?
Quán rằng : Kinh sử đã từng,
Coi rồi lại khiến lòng hằng xót xa,
475. Hỏi thời ta phải nói ra,
Vì chùng hay ghét cũng là hay thương.
Tiên rằng : Trong đục chưa tường,
Chẳng hay thương ghét ghét thương lẽ nào ?
Quán rằng : Ghét việc tầm phào,
480. Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm.
Ghét đời Kiệt Trụ mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.

Khảo dị

460... một *dòng* làm thơ (AdM) - 462... *vừa xong* (TVK, PVT) - 474...
lòng *hừng* xót xa (PVT) - 480... *trong* tâm (PVT) - 481... *đa* dâm (AdM)
- 482... *sa* hầm *sỉa* hang (PVT, AdM)

- Ghét đời U Lệ đa đoan,
Khiến dân luống chịu lâm than muôn phần.
485. Ghét đời ngũ bá phân vân,
Chuộng bề đối trá làm dân nhọc nhằn,
Ghét đời thúc quý phân băng,
Sớm đầu tối đánh lăng nhăng rối dân.
Thương là thương đức thánh nhân,
490. Khi nơi Tống Vệ lúc Trần lúc Khuông.
Thương thấy Nhan từ dở dang,
Ba mươi một tuổi tách đảng công danh.
Thương ông Gia-cát tài lành,
Gặp cơn Hồn mạt đã đành phui pha.
495. Thương thấy Đồng tử cao xa,
Chí thời có chí ngôi mà không ngôi.
Thương người Nguyên-lượng nguì nguì,
Lỡ bề giúp nước lại lui về cày,
Thương ông Hàn Dũ chẳng may,
500. Sớm dưng lời biểu tối dày đi xa.
Thương thấy Liêm Lạc đã ra,
Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.
Xem qua kinh sử mấy lần,
Nửa phần lại ghét nửa phần lại thương.
505. Trục rằng : Chùa rách Phật vàng,
Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân
Thương dân sao chẳng lập thân,

Khảo dị

488... tối đánh lăng *quảng* rối dân (AdM) - 494 Gặp *kỳ*... (AdM) -
496 Chí *dà*... (AdM) - 501 Thương *bảy*... (AdM) - 507 *xuất* thân (AdM)

- Để khi nắng hạ toan phần làm mưa ?
 Quán rằng : Nghiêu Thuấn thuở xưa,
 510. Khó ngăn Sào Phủ khôn ngừa Hứa Do.
 Di Tề chẳng khứng giúp Châu,
 Một mình một túi ai hầu chi ai,
 Ông Y ông Phó ôm tài,
 Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.
 515. Thái công xưa một cân câu,
 Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi,
 Nghiêm Lăng đã mấy đua bơi,
 Cày mây câu nguyệt tả tới áo câu.
 Trần Đoàn chẳng chút lo âu,
 520. Gió trắng một túi công hầu chiêm bao.
 Người nay có khác xưa nào.
 Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngăn.
 Hâm rằng : Lão quán nói nhăng,
 Dầu cho trái việc cũng thằng bán cơm.
 525. Gối rơm theo phận gối rơm,
 Có đâu ở thấp mà chồm lên cao.
 Quán rằng : Sấm chớp mưa rào,
 Éch ngồi đáy giếng thấy bao lăm trời.
 Sông trong cá lội thành thơi,

Khảo dị

508 *Gặp khi...* (AdM) - 516 *Sớm mai...* (TVK, PVT) - 518 *Cày mây câu nguyệt...* (TVK) - *Cày mây cuốc nguyệt...* (PVT) - 519... *nào có lo âu* (AdM) - 523 *Hâm rằng...* (AdM) - 526 *Có đâu dưới thấp lại chồm...* (PVT) - 527... *gặp lúc mưa rào* (AdM) - 528 *Éch nằm...* bao nhiêu trời (AdM) *Éch nằm...* (PVT) - 529 *Nước trong...* (AdM)

530. Xem hai con mắt sáng ngời như châu.
 Uống thay đờn gảy tai trâu,
 Nước xao đầu vệt gắm âu nức cười.
 Tiên rằng : Ông quán chớ cười.
 Đây đà nhớ lại bảy người Trước - lâm.
 535. Cùng nhau kết bạn đồng tâm,
 Khi cờ khi rượu khi cầm khi thi.
 Công danh phú quý màng chi.
 Sao bằng thông thả mặc khi vui lòng.
 Rừng nhu biển thánh minh mông,
 540. Dù ai lặn lội cho cùng vẫy vay.
 Quán rằng : Đó biết ý đây,
 Lời kia đã cạn rượu nầy thường cho.
 Kiệm Hầm là đũa so đo,
 Thấy Tiên dường ấy âu lo trong lòng.
 545. Khoa nầy Tiên ất đầu công,
 Hâm dầu có đậu cũng không xong rồi.
 Máng còn nghĩ việc tới lui,
 Xảy nghe trống đã giục thôi vào trường.
 Kẻ thùng người tráp đẩy đường,

Khảo dị

532... *ngồi lâu nức cười* (TVK)... *ngồi lâu tức cười* (PVT) - 534 *Đây đà nhớ dạng...* (TVK, PVT) - 538 *Cho bằng ...* (TVK) ... *một khi vui lòng* (AdM) - 541 ... *đó biết lòng đây* (TVK) (PVT) - 544 ... *thêm lo trong lòng* (AdM) - 546... *cũng không ra gì* (AdM) - 547... *bán bạc thị phi* (AdM) - 548... *trống điểm một khi nhập trường* (AdM) - 549 *Kẻ hòm... chật đường* (AdM)

550. Lao xao đoàn bảy chàng ràng lữ ba
 Vân Tiên vừa bước chun ra,
 Bồng đầu xảy gặp tin nhà gởi thơ.
 Khai phong mới tỏ sự cơ,
 Minh gieo xuống đất dật dờ hồn hoa.
555. Hai hàng lụy ngọc nhỏ sa,
 Trời nam đất bắc xót xa đoạn trường.
 Anh em ai nấy đều thương,
 Trời ơi há nỡ lấp đường công danh.
 Những lăm công toại danh thành,
560. Nào hay từ mẫu u minh sớm dời.
 Gắng vào trong quán an nơi,
 Tố thấy than thở liệu lời quy lai.
 Tiểu đồng thờ vắn thần dài,
 Trời sao trời nỡ phụ tài người ngay.
565. Trục rằng : Đã đến nỗi này,
 Tiểu đồng bậu hãy làm khuây giải phiền.
 Sớm hôm thang thuốc giữ gìn,
 Chờ ta vài bữa ra trường sẽ hay.
 Bây giờ kíp rước thợ may,
570. Sắm đồ tang phục nội ngày cho xong.
 Dây rơm mũ bạc áo thùng.

Khảo dị

550... lữ bảy... đoàn ba (AdM) - 553... xem hẳn sự cơ (AdM) - 554 Minh sa... (AdM) - 555 Hai hàng nước mắt... (AdM) - 558 Trời ơi sao nỡ phụ đường... (AdM) - 563... thờ dài (PVT) - 564 Trời ơi... (TVK) - 565... đổi nầy (AdM) - 567... đường an (AdM) - Sớm mai... (TVK, PVT) - 568... ra đường (trường) sẽ hay (AdM) - 570 Sắm đồ thành phục... (AdM) - 571 dây rơm mũ bạc... (PVT)

- Cứ theo trong sách Văn công mà làm.
 Tiên rằng : Con bác mẹ nam,
 Nước non vơi vơi đã cam lỗi nghi.
575. Trong mình không cánh không vi,
 Lấy chi lướt dặm lấy chi bớt đàng.
 Vào tràng phút lại gặp tang,
 Ngán ngơ kẻ ở lỡ làng người đi.
 Việc trong trời đất biết chi,
580. Sao dời vật đổi còn gì mà trông.
 Hai hàng lụy ngọc rờn rờn,
 Tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
 Cánh buồm bao quản gió xiêu,
 Ngàn trùng biển rộng chín chiu ruột đau !
585. Thương thay chín chữ cù lao,
 Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình.
 Quán rằng : Trời đất thành linh,
 Gió mưa đâu phút gãy nhành thiên hương.
 Ai ai trông thấy cũng thương,
590. Lỡ bề báo hiếu lỡ đường lập thân.
 Dầu cho chúc quý mưu thân,
 Phong trần ai cũng phong trần như ai.

Khảo dị

572 Cứ theo trong sách... (AdM) - 573... mẹ bắc con nam (TVK, AdM) - 576... tách đàng (AdM) - bước đàng (PVT) - 577 Nhập trường... (AdM) - 578... ngơ ngàng kẻ đi (TVK) - 581 Hai hàng nước mắt... (AdM) - 584 Ngàn trùng non nước... (AdM) - 585... hai chữ cù lao (AdM) - 589 Ai ai xem thấy... (AdM) - 592 Phàm trần... phàm trần... (AdMn)

- Éo le ai khéo đặt bày,
 Chữ tài liền với chữ tai một vần.
 595. Đường đi hơn thảng chẳng gân,
 Khi qua khi lại mấy lần xông pha.
 Xây đâu bạn tác vừa ra,
 Trục cùng Hâm Kiệm xúm mà đưa Tiên.
 Hâm rằng : Anh chớ ưu phiền,
 600. Khoa này chẳng gặp ta nguyên khoa sau.
 Thấy nhau khó nổi giúp nhau,
 Một vùng mây bạc dầu dầu khá thương.
 Vân Tiên cất gánh lên đường,
 Trịnh Hâm ngó lại đôi hàng nhỏ sa.
 605. Đi vừa một dặm xa xa,
 Phút nghe ông quán bên ba theo cùng.
 Quán rằng : Thương đứng anh hùng,
 Đưa ba huyền thuốc để phòng hộ thân.
 Chẳng may gặp lúc gian truân,
 610. Đương khi quá đói thuốc thần cũng no.
 Tiên rằng : Cúi đội ơn cho,
 Tắm lòng ngai ngại hãy lo xa gần.
 Quán rằng : Ta cũng băng khuâng,
 Thấy vậy nên mới đi trần đến đây.

Khảo dị

593 Éo le xưa khéo... (AdM) - 595 Đường đi một thảng... (AdM) - 596
 Đi qua đi lại.. (PVT) - 604... đôi (hai) hàng lụy sa (AdM) - 606 Bông
 dâu.. (AdM) - 608... hậu thân (PVT) - 609 Chẳng may mà gặp... (AdMn)
 - 612 Trong lòng... (AdM) - 614... tới đây (AdM)

615. Non xanh nước biếc vui vầy,
 Khi đêm rượu cúc khi ngày trà lan.
 Dẫn thân vào chốn an nhàn,
 Thoát vòng danh lợi lánh đàng thị phi.
 Nói rồi quày quả ra đi,
 620. Vân Tiên xem thấy càng nghi trong lòng.
 Trông chừng dặm cũ thẳng xông,
 Nghi dòi cơn lại nào nồng dòi cơn :
 Nên hư chút phần chi sồn,
 Nhớ câu dưỡng dục lo sơn sanh thành.
 625. Mang câu bất hiếu đã đành,
 Nghi mình mà thẹn cho mình làm con.
 Trợn đời một tấm lòng son,
 Chí lăm trả nợ nước non cho rồi.
 Nào hay nước chảy hoa trôi,
 630. Nào hay phận bạc như vôi thế này.
 Một mình ngơ ngẩn đường mây,
 Khác nào chiếc nhận lạc bấy kêu sương.
 Đến nay lâm việc mới tường,
 Hèn chi thầy dạy khoa trường còn xa.
 635. Tiểu đồng thấy vậy tho qua :
 Gắm dây cho đến què nhà còn lâu
 Thấy sao chẳng ngồi c... sâu,

Khảo dị

616 Một bầu bạch cúc một gậy Kim cương (AdM) - 624 Lo công ... đến
 ơn sanh thành (AdM) - 627. Những đối... (AdM) - 628 Những lăm...
 (AdM) - 633 Đến nay lâm sự... (AdM) - 636 Gắm dây cho tới... (AdM)
 - 637 Thế sao... (TVK, PVT)

- Mình đi đã mỏi dòng châu thêm nhuan.
E khi mang bệnh nửa chừng,
640. Trong non khó liệu giữa rừng khôn toan.
Tiên rằng : Khô khéo lá gan,
Ồi thôi con mắt đã mang lấy sầu.
Mịt mù nào thấy chi đâu.
Chun đi đã mỏi mình đau như dẫu.
645. Có thân phải khổ với thân,
Thân ơi thân biết mấy lần chẳng may.
Đồng rằng : Trời đất có hay,
Ra đi vừaặng mười ngày lại đau.
Một mình nhắm trước nhắm sau,
650. Xanh xanh bờ cõi dầu dầu cỏ cây.
Vốn không làng xóm chi đây,
Xin lần tới đó tìm thấy thuốc thang.
Vừa may gặp khách qua đàng,
Người người đều chỉ vào làng Đồng-văn.
655. Dắt nhau khi ấy hỏi phân,
Gặp thấy làm thuốc tên rằng Triệu Ngang
Ngang rằng : Khá tạm nghỉ an,
Rạng ngày coi mạch đầu thang mới đành.
Gặp ta bệnh ấy ắt lành,

Khảo dị

638 Mình đi đã mệt... (AdM) - 640 Trên non. (AdM) - 643 Mịt mù còn thấy... (AdM) - 648 Ra đi chưaặng mấy ngày... (AdM) - 649 nhắm trước xem sau (AdM, PVT) - 650 Xanh xanh bờ bụi (AdMn) - 654 Người thường chỉ bảo... (AdM)... qua làng Đồng-văn (PVT) - 656... hiệu là thầy Ngang (TVK) - tên là Triệu Ngang (AdM) - 657... Hãy tạm nghỉ an (AdM)

660. Bạc tiền trong gói sẵn dành bao nhiêu ?
Đồng rằng : Tiên bạc chẳng nhiều,
Xin thấy nghĩ lượng dặng điều thuốc thang.
May mà bệnh ấy dặng an,
Bạc còn hai lượng trao sang cho thấy.
665. Ngang rằng : Ta ở chốn này,
Ba đời nổi nghiệp làm thầy vừa ba.
Sách chi cũng đủ trong nhà,
Nội kinh đã sẵn ngoại khoa thêm mẫu.
Trước xem Y học làm đầu,
670. Sau coi Thọ thế thứ câu Đông y.
Gắm trong Ngân hải tinh vi,
Cùng là Cang mục thua gì Thanh nang.
Gắm trong Tập nghiệm lương phang,
Cùng là Ngự Toán trái đàng Hồi xuân.
675. Vị chi sẵn đặt quân thân,
Thuốc thời bào chế mười phần nỏ nan.
Mạch thời đọc phú Lư-san,
Đặt vào tay bệnh biết đàng tử sanh.
Lục quân Tứ vật thang danh,
680. Thập toàn Bát vị sẵn dành nội thương.
Lại thông Bát trận tân phương,
Lâm nhằm ngoại cảm đầu thang Ngũ sài.

Khảo dị

660 Bạc tiền trong túi... (AdMn) 662 Xin thấy nghĩ lại... (PVT) - 664 Bạc còn năm lượng... (AdM) - 672... kém gì Thanh nang (AdM) - 676... mười phần nỏ nang (TVK, PVT) - 677... mạch Lư san (TVK, PVT)

- Đồng rằng : Thấy thiệt có tài,
Xin vào coi mạch luận bài thuốc chi.
685. Ngang rằng : Lục bộ đều suy,
Bộ quan bên tả mạch đi phù hồng.
Cứ trong Kinh lạc mà thông,
Mạng môn tương hỏa đã xông lên đầu.
Tam tiêu tích nhiệt đã lâu,
690. Muốn cho giáng hỏa phải đầu tư âm.
Huỳnh liên huỳnh bá huỳnh cầm,
Gia vào cho bội nhiệt tâm mới bình.
Ngoài thời cho điểm vạn linh
Trong thời cho uống hoàn tình mới xong.
695. Khá trao hai lượng bạc ròng.
Bổ thêm vị thuốc để phòng đầu thang.
Chẳng qua làm phước cho chàng.
Nào ai đòi cuộc đòi đàn chi ai.
Tiểu đồng những ngỡ thiệt tài,
700. Vội vàng mở gói chẳng nài liên trao.
Mười ngày chẳng bớt chút nào,
Thêm đau trong dạ như bào như xoi.
Đồng rằng : Vào đó thấy coi,
Bệnh thời không giảm thấy đòi tiền thêm.
705. Ngang rằng : Nằm thấy khi đêm,
Tiên sư mạch bảo một điểm chiêm bao.

Khảo dị

- 693... cho điểm vạn *Minh* (linh) (AdM) - 702 *Càng đau*... (AdMn) -
704 Bệnh thời không (*chẳng*)... *bạc* thêm (AdM)

- Quý thần người ở trên cao,
E khi đường sá lẽ nào biết đâu ?
Tiểu đồng người khá qua cầu,
710. Cùng ông thấy bói ở đầu Tây-viên.
Tiểu đồng nghe nói đi liền,
Gặp ông thấy bói đặt tiền mà coi.
Bói rằng : Ta bói hẳn hoi,
Bói hay đã dậy người coi đã đây.
715. Ta đây nào phải các thầy,
Bá vợ bá vát nói nhây không nhằm.
Ôn nhuần Châu Diệc mấy năm,
Sáu mươi bốn quẻ ba trăm dư hào.
Huỳnh kim Dã hạc sách cao,
720. Lục nhâm Lục giáp chỗ nào chẳng hay.
Can chi đều ở trong tay,
Đã thông trời đất lại hay việc người.
Đặt tiền quan một bốn mươi,
Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành.
725. Thấy bèn gieo đặng quẻ linh,
Chiêm tên tuổi ấy lộ trình mắc chi.
Ứng vào rùa với cỏ thi,
Rồi thấy coi quẻ một khi mới tường.
Đồng rằng : Người ở đông phương,

Khảo dị

- 710 *Rước* ông thấy bói... (AdMn) - 715... nào phải *hoặc* thấy (AdMn)
- 725 Thấy bèn *sử* quẻ thần linh (AdM)... quẻ *lành* (PVT) - 726 *Chim*
(xem) tên tuổi ấy... (AdM) - 727... bói cỏ thi (AdMn) - 728 *Đặng* thấy
gieo quẻ... (AdM)

730. Nhon đi buôn bán giữa đường chẳng an.
Con nhà họ Lục là chàng,
Tuổi vừa hai tám còn đang thơ ngây.
Bói rằng : Đinh mao năm nay,
Hèn chi giáp tí ngày rày chẳng an.
735. Mạng kim lại ở cung cần,
Tuổi nầy là tuổi giàu sang trong đời.
Câu tài quẻ ấy xa vời,
Khen người khéo nói những lời trên ta.
Cầm tiên gieo xuống xem qua,
740. Một giao hai sách lại ba hào trùng.
Trang thành là quẻ lục xung,
Thấy hào phụ mẫu khắc cùng tử tôn.
Hóa ra làm quẻ du hồn,
Lại thêm thể động khắc đồn hào quan.
745. Cứ trong quẻ ấy mà bàn :
Tuổi nầy mới chịu mẫu tang trong mình.
Xui nên phát bệnh thình lình,
Vì chung ma quỷ lộ trình rất thiêng.
Muốn cho bệnh ấyặng yên,
750. Phải tìm thầy pháp chưa chuyên ít ngày.
Đồng rằng : Thấy pháp đâu đây ?
Bói rằng : Cũng ở chốn nầy bước ra.

Khảo dị

738... *phình* ta (AdM) - 744 ... *khắc đồn tới* quan (AdM)
749... *dặng thuyền* (AdM) - 750... *vài ngày* (AdMn) - 751... *Pháp ở* đâu
đây (AdM)

- Phép hay tiếng dậy đồn xa,
Tên là Đạo sĩ ở Trà - hương thôn.
755. Tiểu đồng mới chạy bôn bôn,
Hỏi thăm Đạo sĩ hương thôn chốn nào.
Chợ đồng buôn bán lao xao,
Người ta liếc chỉ nơi vào chẳng xa.
Đồng đi một buổi tới nhà,
760. Đạo sĩ xem thấy lòng mà mừng thay !
Đồng rằng : Nghe tiếng thầy đây,
Trừ ma ếm quỷ phép thầy rất hay.
Pháp rằng : Ấn đã cao tay,
Lại thêm phù chú xưa nay ai bì.
765. Qua sông cá thấy xếp vi,
Vào rừng cọp thấy phải quỳ lay đưa.
Pháp hay hú gió kêu mưa,
Sai chim khiến vượn đuổi lừa vật trâu,
Pháp hay miệng niệm một câu,
770. Tắm trâu muôn vật vào bầu hồ linh.
Pháp hay sái đậu thành bình,
Bện hình làm tướng phá thành Diêm vương,
Pháp hay đạo hòa phó thang,
Ngồi gươm đứng giáo mở đảng thiên hoang,
775. Có ba lượng bạc trao sang,
Đặng thầy sắm sửa lập đàn chữa cho.

Khảo dị

755... *chạy bôn chôn* (PVT) - 758 người ta *chỉ vào nhà ở*... (AdM) -
761... *thầy hay* (AdM) - 765... *cá lợi xếp vi* (PVT) - 773... *đạo hòa phó*
than (AdM) - 774... *thiên oản* (PVT, AdM) - 775 *Khả trao ba lượng bạc*
sang (AdM)

- Đồng rằng : Tôi chẳng so đo
Khuyên thầy gắng sức chớ lo khó giàu.
Bấy lâu thấy tổ theo nhau,
780. Bạc dành hai lượng phòng sau đi đàng.
Chữa chuyên bệnh ấy dặng an,
Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy.
Pháp rằng : Về lấy sang đây,
Cho thấy toan liệu lập bày đàn ra.
785. Đồng rằng : Tôi đã lo xa,
Cực vì người bệnh ở nhà chẳng yên.
Xin thầy gắng sức chịu phiền,
Ra công bùa chú chữa chuyên cách nào.
Pháp rằng : Có khó chi sao,
790. Người nằm ta chữa rồi trao phù về.
Đồng rằng : Tôi vốn thẳng hễ,
Bệnh chi mà khiến chịu bẽ chữa chuyên ?
Pháp rằng : Ta biết kinh quyền,
Đau nam chữa bắc mà thuyên mới tài.
795. Tiểu đồng nghe lọt vào tai,
Lòng mừng vội vã nằm dài chữa chuyên,
Pháp bèn cất tiếng hét lên :
Mời ông Bàn Cổ tọa tiên chứng miêng.
Thỉnh ông đại thánh Tề thiên,

Khảo dị

779... thấy tổ nuôi nhau (AdMn) - 782 Rồi thì... (PVT) - 784... lập
rày đàn ra (TVK, PVT) - 787 Xin thầy rón sức... (PVT) - - 788... đường
nào (TVK, PVT) - 797 Thầy liền cất tiếng... (AdM)

800. Thỉnh bà Võ hậu đều liền đến đây.
Thỉnh ông Nguyên soái chinh tây,
Cùng bà Vương mẫu sum vầy một khi.
Thỉnh ông Phật tổ A-di,
Thập phương chư Phật phù trì giúp công.
805. Lại mời công chúa Ngũ-long,
Bình nam ngũ hổ hội đồng an dinh.
Thỉnh trong thiên tướng thiên binh,
Cùng là tam phủ Động-dinh Xích-lân.
Thỉnh trong khắp hết quỷ thần,
810. Cũng đều xuống chốn dương trần vui chơi.
Cho người ba đạo phù trời,
Uống vào khỏe mạnh như lời chẳng sai.
Tiểu đồng vâng lĩnh theo lời,
Lấy phù trở lại toan bài thuốc thang.
815. Vào nhà thưa với thầy Ngang :
Pháp phù đã đủ thầy toan phương nào ?
Ngang rằng : Còn bạc trong bao,
Thời người khá lấy mà trao cho thầy.
Đồng rằng : Tôi hãy ở đây,
820. Bệnh kia dầu khá mình nầy bán đi.
Triệu Ngang biết chẳng còn chi,
Kiếm đường trao chắc đuổi đi khỏi vòng,

Khảo dị

800... đều liền tới đây (AdM) - 802 Cùng bà *Phiếu mẫu*... (AdM) -
810... *phàm* trần vui chơi (AdM) - 813 Tiểu đồng *luống* những ... (AdM)
- 814 *Lãnh* phù... (AdM) - ... toan *bể* thuốc thang (PVT) - 818 Thời
người *kíp* lấy... (AdM) - ... *sang* trao cho thầy (PVT)

- Có thương xin khá giúp nhau phen này.
 865. Hâm rằng : Anh tạm ngồi đây,
 Tiểu đồng người tới trước này cùng ta.
 Vào rừng kiếm thuốc ngoại khoa,
 Phòng khi sông biển phong ba bất kỳ.
 Tiểu đồng vội vã ra đi,
 870. Muốn cho đặng việc quản gì lao đao.
 Trịnh Hâm trong dạ gươm dao,
 Bắt người đồng tử trói vào gốc cây.
 Trước cho hùm cộp ăn mây,
 Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong.
 875. Vân Tiên ngồi những đợi trông,
 Trịnh Hâm về nói tiểu đồng cộp ăn.
 Vân Tiên than khóc nằm lăn,
 Có dấu địa hãm thiên băng thành linh.
 Bảy lâu đất khách lưu linh,
 880. Một thầy một tớ lộ trình nuôi nhau,
 Nay đà hai ngã phân nhau,
 Còn ai nung đỡ trước sau cho mình !
 Hâm rằng : Anh chớ ngại tình,
 Tôi xin đưa tới Đông-thành thời thôi.
 885. Vân Tiên chỉ xiết lụy rơi,
 Buồm đà theo gió chạy xuôi một bề,

Khảo dị

- 872... buộc vào cội cây (PVT, AdM) - 874 Hại Tiên thì dụng... (AdM)
 877... than khóc ngã lăn (AdM) - 882 Còn ai nương trước đỡ sau... (AdM)
 883... anh chớ, ngại tình (AdM) - 886... thẳng xuôi một bề (AdM)

- Tiểu đồng bị trói khôn về,
 Kêu la chẳng thấu bốn bề rừng hoang :
 Phận mình đã mắc tại nà,
 890. Cấm thương họ Lục tuổi vàng bơ vơ.
 Xiết bao những nỗi dật dờ,
 Đò giang nào biết bụi bờ nào hay.
 Vân Tiên hồn có linh rày,
 Dem tôi theo với đỡ tay chực cùng.
 895. Vái rồi lụy nhỏ rờn rờn,
 Đêm khuya ngồi dựa cội tòng ngủ quên.
 Sơn quân ghé lại một bên,
 Cắn dây mở trói công lên ra đàng.
 Tiểu đồng thức dậy mơ màng,
 900. Xem qua dấu đất ràng ràng mới hay.
 Nửa mừng nửa lại sợ thay,
 Chạy ra chốn cũ kiếm thầy Vân Tiên.
 Mặt trời vừa khỏi mái hiên,
 Người buôn kẻ bán chợ phiên nhộn nhàng.
 905. Hỏi thăm bà quán giữa đàng :
 Bữa qua có thấy người tang chẳng là ?
 Quán rằng : Thôi đã ra ma,
 Khi mai làng xóm người đà đi chôn.
 Tiểu đồng nghe nói kinh hồn.
 910. Hỏi rằng : Biết chỗ nào chôn chỉ chừng.
 Tay lau nước mắt rưng rưng,

Khảo dị

- 888... ru bề rừng hoang (AdM) - 889... còn mất chỉ màng (AdM) -
 907... khi đã ra ma (PVT)

955. Ngư ông khi ấy hỏi han,
 Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.
 Ngư rằng : Người ở cùng ta,
 Hôm mai hăm hút với già cho vui.
 Tiên rằng : Ông lấy chi nuôi.
960. Thân tôi như thể trái mùi trên cây.
 May đà trôi nổi đến đây,
 Không chi báo đáp mình nầy trợ trợ.
 Ngư rằng : Lòng lão chẳng mơ,
 Dốc lòng như nghĩa há chờ trả ơn ?
965. Nước trong rửa ruột sạch trơn,
 Một câu danh lợi chi sồn lòng đây.
 Rày doi mai vịnh vui vầy,
 Ngày kia hứng gió đêm nầy chơi trăng.
 Một mình thông thả làm ăn,
970. Khỏe quờ chài kéo một quãng câu dầm.
 Nghêu ngao nay chích mai dầm,
 Một bầu trời đất vui thăm ai hay.
 Kinh luân đã sẵn trong tay,
 Thung dung dưới thế vui say trong trời.

Khảo dị

956 Vân Tiên bày tỏ... (AdM) - 958 Sớm mai... (TVK) - 960 Thân này khác thể... (AdM) - Thân tôi khác thể... (PVT) - 961 May mà... tôi đây (AdM) - 962... lòng nầy trợ trợ (PVT) - 964 Dốc làm... há chờ trả (đền) ơn (AdM, PVT) - 966... chẳng sồn lòng đây (AdM). 967 Sớm doi tới vịnh... (PVT) - 970 Khỏe quờ chài lưới... (PVT) - 974 Nghênh ngang dưới thế... (AdM);

975. Thuyền nan một chiếc ở dòi,
 Tắm mưa chải gió trong vời Hàn-giang.
 Tiên rằng : Vây cũng một làng.
 Vô công người ở gần đàng đây chăng ?
 Ngư rằng : Nhà ở cũng gần,
980. Khởi ba khúc vịnh thời lần đến nơi.
 Tiên rằng : Xưa đã gá lời,
 Sui gia bao nữ dối đời chẳng thương.
 Vợ chồng là đạo tào khương,
 Chi bằng tới đó tìm phương gởi mình.
985. Trăm năm muốn trọn ân tình,
 Đương khi hoạn nạn ai đành bỏ nhau.
 Chút nhờ cứu tử ơn sâu,
 Xin đem tới đó trước sau cho tròn.
 Ngư rằng : Làm đạo rể con,
990. Cũng như sợi chỉ mà lòn tròn kim.
 Sợ bay mà mỗi sức chim,
 Bơ vơ cảnh lạ khôn tìm cây xưa.
 E khi chậm bước tới trưa,
 Chớ tin sông cũ bến xưa mà lằm.
995. Mấy ai ở dạng hảo tâm,
 Năng toan giúp nón mưa dùm giúp tới.

Khảo dị

976... giữa vời Hàn-giang (AdMn) - 977 Vân Tiên nhớ tới Hàn-giang (AdM) - 979... ta ở đông lân (AdM) - 980... thì lần tới nơi (AdMn) - 981... xưa đó gá lời (PVT) - 986 Gặp con... (AdM) - 988 Xin đưa... (AdM) 990. Khác nào... (AdM) - 991... Mỗi cánh chim (AdM, PVT) - 994 Chớ đi sông cũ... (TVK, PVT) - 996 Năng đem chớp nón mưa dầm áo tới (TVK) Năng dùm chớp nón mưa dầm áo tới (AdM)

- Mấy ai hay nghĩ việc đời,
Nhớ nơi nghèo khổ quên nơi sang giàu.
Đã ba thứ tóc trên đầu,
1000. Gắm trong thế sự thêm âu cho đời.
Vân Tiên thưa đã hết lời,
Ngư ông chẳng đã tách vời đưa sang.
Dắt Tiên vào chốn hậu đàng,
Vô công xem thấy lòng càng hổ người.
1005. Chẳng qua sợ thế gian cười,
Một lời gương gao : Chào người ngày xưa,
Ngư ông đã có công đưa,
Tới ngày sau sẽ lo lừa đến ơn.
Ngư rằng : Tôi chẳng lòng sờn,
1010. Xin tròn hơn ngãi còn hơn bạc vàng.
Nhớ xưa trong núi Lư-san,
Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ Viên,
Tối sau đình trưởng đồ thuyền,
Giúp người Hạng Võ qua miền Ô-giang,
1015. Xưa còn thương kẻ mắc nân,
Hưởng nay ai nữ quên đàng ngãi nhơn.
Một lời gắng giúp keo sơn,
Ngư ông từ giã lui chơn xuống thuyền.
Vô công khôn ngớt lòng phiền,

Khảo dị

997... nghĩ sự đời (AdM) - 1001... xin đã hết lời (AdM) - 1003... vào trước tiên đàng (AdM) - 1008 Ngày sau ta sẽ ... (AdM) - 1009... lòng lão chẳng sờn (AdM) - 1010... hay hơn bạc vàng (AdM) - 1013 Đến sau.. (AdM) - 1015 Xưa còn tương... (PVT) - 1017 Một lời gần đối... (PVT) 1019 Vô công không ngớt... (TVK, PVT)

1020. Ân tình thế lợi khó truyền đặng vay.
Dạy Tiên : Người hãy ngồi đây,
Cho ta trở lại sau này liệu toan.
Công rằng : Hỡi mụ Quỳnh Trang,
Dò lòng ái nữ Thế Loan thế nào ?
1025. Mặc con toan liệu làm sao,
Vốn không ép vợ lẽ nào ép con.
Loan rằng : Gót đỏ như son,
Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn ?
Ai cho sen muống một bồn,
1030. Ai từng chanh khế sánh phồn lựu lê.
Thà không trót chịu một bề,
Nữ đem mình ngọc dựa kê thất phu.
Dốc lòng chờ đợi danh nhu,
Rể đâu có rể đui mù thế nì,
1035. Đã nghe người nói hội này,
Rằng Vương Tử Trục chiếm rày thủ khoa.
Ta đâu muốn kết sui gia,
Họ Vương họ Võ một nhà mới xinh.
Công rằng : Muốn trọn việc mình,
1040. Phải toan một chúc dứt tình mới xong.

Khảo dị

1020... có tuyến vậy vay (AdM) - 1021 Dạy rằng... (PVT) - 1023... mụ hỡi Quỳnh Trang (AdM) - 1025 Mặc bay... (AdM) - 1026... nữ nào ép con (TVK, PVT) - 1030... sánh cùng lựu lê (AdM) - 1033 Đã công chờ đợi... (TVK, PVT) - 1035 Tôi nghe... (AdM) - 1036... đâu rày thủ khoa (AdM) - 1038... càng xinh (PVT) - 1039... muốn dứt việc mình (AdM) 1040... cho xong (AdM)

- Nghe rằng trong núi Thương-tòng,
 Có hang thăm thẳm bịt bùng khôn ra.
 Đông-thành ngàn dặm còn xa,
 Dem chàng bỏ đó ai mà biết đâu ?
1045. Phút vừa trăng đã đứng đầu,
 Vân Tiên ngồi trước nhà cầu thở than.
 Võ công ra trước đó chàng :
 Xuống thuyền rồi sẽ đưa sang Đông-thành.
 Ra đi đương lúc tam canh,
1050. Dắt vào hang tối bỏ dành Vân Tiên.
 Bỏ rồi rón rén bước liền,
 Xuống gay chèo quế dời thuyền tách xa.
 Tiên rằng : Các chú đưa ta,
 Xin đưa cho tới quê nhà sẽ hay,
1055. Ghi lòng dốc trọn thảo ngay,
 Một phen mà khỏi ngàn ngày chẳng quên.
 Lắng nghe vắng tiếng hai bên,
 Trong hang tăm tối đá trên chập chông.
 Vân Tiên khi ấy hải hùng,
1060. Nghĩ ra mới biết Võ công hại mình.
 Nực cười con tạo trở trính,

Khảo dị

- 1042 Có hang sâu thăm... (AdM) - 1045 Xây vừa trăng đã... (AdMn) -
 1047... ra đó phình chàng (AdM) Phút đầu... (PVT) - 1048 Xuống thuyền
 cho tré... (AdM) - 1049 Ra đi vừa lúc... (AdM) - 1051 Bỏ rồi lên lên...
 (AdM) - 1054 Xin đưa tôi tới... (TVK), Xin đưa về tới ... (PVT) - 1056
 Một phen ra sức... (AdM) - 1058 Tay lần hang tối... (AdM) - 1061... hai
 chữ trở trính (PVT)

- Chữ duyên tráo chác chữ tình lằng xao,
 Ngâm mình tai nạn biết bao,
 Mới lên khỏi biển lại vào trong hang.
1065. Dây sâu ai khéo vương mang,
 Tránh nơi lưới thỏ gặp dằng bẫy cheo.
 Trong hang sau trước quạnh hiu,
 Muốn cho ra khỏi ai dẫu dất đi ?
 Oan gia nợ đã khéo gây,
1070. Ôi thôi thân thể còn gì mà toan.
 Đã đành xa cỏi nhơn gian,
 Dưa mình vào chốn thạch bàn nằm co.
 Đêm khuya ngọn gió thổi lò,
 Sương sa lác đác mưa tro lạnh lùng.
1075. Năm ngày chịu đói khát ròng,
 Nhờ ba hườn thuốc đỡ lòng hôm mai.
 Du thần xem thấy ai hoài,
 Xét trong mình gã có bài phù tiên.
 Mới hay là Lục Vân Tiên,
1080. Cùng nhau dẫu dất đều liền đem ra.
 Khỏi hang một dặm vừa xa,
 Đến nơi đại lộ trời đã hừng đông.
 Du thần trở lại sơn trung,
 Vân Tiên còn hãy giấc nồng mê man.

Khảo dị

- 1063... tai hại xiết bao (TVK, PVT) - 1064 Mới lên khỏi vực... (PVT)
 Gẫm mình tai nạn ... (AdM) - 1069 Oan gia nợ trước... (AdMn) - 1073
 Đêm đông... (AdM) - 1075 Năm ngày nhịn đói... (AdM) - 1082 Đến nơi
 Đại-lộ... (AdM)

1085. Lão tiêu cơm gói sẵn sàng.
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.
Tới nơi đại lộ là chừng,
Xảy nghe có tiếng trong rừng thở than,
Hay là yêu quái tà gian,
1090. Rung cây nhát lão làm đàng hại nhân.
Lão tiêu liền bước lại gần.
Thiệt là một gã văn nhân mắc nạn.
Chi bằng lên tiếng hỏi han :
Nhơn sao mắc việc tai nạn thế này ?
1095. Vân Tiên nghe tiếng mừng thay,
Vội vàng gượng dậy trình bày trước sau.
Lão tiêu nghe nói giờ lâu,
Gẫm trong thế sự gặt đầu thở than :
Ít người trong tuyết đưa than,
1100. Khó ngồi giữa chợ ai màng đoái thương.
Vân Tiên nghe nói mới tường,
Cũng trang ẩn dật biết đường thảo ngay.
Ngửa trông lượng cả cao dày,
Cứu trong một buổi ơn tày tái sanh.
1105. Mai sau về tới Đông-thành,

Khảo dị

1086... qua rừng (AdM) - 1087 Tới đường đại lộ... (TVK) - Tới đường Đại-Lộc (AdM) - 1094 Có sao mắc lấy... (AdMn) - 1095 Vân Tiên nghe nói... (PVT) - 1097... hỏi lâu (AdM) - 1098... lắt đầu thở than (AdM) - 1099... trong tuyết cho than (AdM) - 1102 Cũng trang hào kiệt (AdM) - 1104' Cứu trong (tôi, một thuở... (AdM)

- Đền ơn cứu khổ mới đành dạ tôi.
Lão tiêu mới nói : Thôi thôi,
Làm ơn mà lại trông người sao hay ?
Già hay thương kẻ thảo ngay,
1110. Nãy thôi để lão dắt ngay về nhà.
Tiên rằng : Trong dạ xót xa,
Nay đà sáu bữa không hòa mùi chi,
Lại thêm rữ liệt tứ chi,
Muốn đi theo đó mà đi khôn rồi.
1115. Lão tiêu vội ngựa áo tôi,
Mở cơm trong gói miệng mời Vân Tiên :
Gắng mà ăn uống cho yên,
Lão ra sức lão công Tiên về nhà.
Khỏi rừng ra tới ngã ba,
1120. May đâu gặp một chàng là Hớn Minh.
Lão tiêu lật đặt bên trình,
Hớn Minh theo hỏi sự tình một khi.
Vân Tiên nghe tiếng cố tri,
Vội mừng bạn cũ còn nghi nỗi mình.
1125. Minh rằng : Dám hỏi nhơn huynh,
Cớ sao nên nỗi thân hình thế ni ?
Tiên rằng : Chẳng xiết nói chi,

Khảo dị

1106 Đền ơn cứu khổ (bố) dốc... (AdM) - 1108... trông hỏi sao hay (AdM) - 1110 ... dắt nay về nhà (AdM) - 1114... mà đi sao rồi (AdM) - 1115 Lão tiêu này ngỡ nức cười (TVT) - ... niềm nở nức cười (PVT) - 1118. Lão ra sức mạnh (AdM) - 1120 May đâu gặp lại một nhà... (AdM)

- Thân này nào có khác gì cây trôi.
 Linh đình gió dập sóng dồi,
 1130. Rày đây mai đó khôn rồi gian nan.
 Minh rằng : Đây khó hỏi han,
 Xin vào chùa sẽ luận bàn cùng nhau.
 Tiêu rằng : Chẳng dám ngồi lâu,
 Vào rừng đốn củi bán châu chợ phiên.
 1135. Hớn Minh quỳ gối lạy liền :
 Ôn ông cứu mạng Vân Tiên bạn lành.
 Này hai lượng bạc trong mình,
 Tôi xin báo đáp chút tình cho ông.
 Tiêu rằng : Vốn lão tình không.
 1140. Một mình ngơ ngẩn non tòng hôm mai.
 Tầm lòng chẳng muốn của ai.
 Lánh nơi danh lợi chông gai cực lòng.
 Kia non nọ nước thông dong.
 Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.
 1145. Công hầu phú quý mặc ai,
 Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày.
 Vân Tiên nghe biết người ngay,
 Hỏi thăm tên họ phòng ngày đến ơn.
 Lão tiểu trở lại lâm sơn,

Khảo dị

1133. ... chẳng *khá* ngồi lâu (AdM) - ... nói lâu (PVT) - 1134 bán hầu
 chợ phiên (AdM, PVT) - 1137... lượng bạc để dành (AdM) - 1139... vốn
 lão tay không (AdM) - 1140. Một mình *thong thả*... (AdM) - 1142 *Lộc*
 rừng củi *quế* hôm mai *đỡ* lòng (AdM) - 1146. *Thuế* sưu nào biết tiền tài
 nào hay (AdM)

1150. Tiên Minh hai gã đều hoàn am mây.
 Tiên rằng : Đã gặp khoa này,
 Có sao ngọc hữu ở đây làm gì ?
 Minh rằng : Xưa dốc xuống thi,
 Gặp nơi miếu vô đều đi một lần.
 1155. Anh thời về trước tỉnh thân,
 Tôi thời mang gói sau lần ra kinh
 Đi vừa tới huyện Loan-minh
 Gặp con quan huyện Đặng Sinh là chàng.
 Giàu sang ý thể nghinh ngang,
 1160. Gặp con gái tốt cường gian không nghi.
 Tôi bèn nổi giận một khi,
 Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.
 Minh làm nỡ để ai lo,
 Bó tay chịu trời nộp cho huyện đàng.
 1165. Ấn dầy ra quận Sóc-phang.
 Tôi bèn vượt ngục lánh đàng đến đây.
 Vừa may mà gặp chùa này,
 Mai danh ẩn tích bấy chầy nấu nưng.
 Vân Tiên nghe nói thăm thương,

Khảo dị

1150. Tiên Minh *vội vã* (hai gã) *phản* hoàn am mây (AdM) - 1151. ...
hội này (AdM) - 1153... *đã* dốc xuống thi (PVT) - 1154 Gặp *anh*... cùng
 đi một lần (AdM) - 1155. Anh thời *trở lại* (về trước) *viếng* thân (AdM) -
 1156. *Còn tôi* mang gói trước lần xuống kinh (AdM) - 1157. phủ Ô-minh
 (AdM) - 1159 ý thể *dọc* ngang (TVK, PVT) - 1160... *làm hoang không*
 (*chẳng*) vì (AdM) - 1162 Vật chàng *té* (quách) xuống... (AdM) - 1163 ...
 mình *chịu* ai lo (AdM) 1166... *tầm* đường về đây (AdM) - 1167 Vừa may
 lại gặp... (AdM)

1170. Lại bày một khúc tai ương phận mình.
 Minh nghe Tiên nói động tình,
 hai hàng châu lụy như bình nước nghiêng.
 Tiên rằng : Thương cội xuân huyền,
 Tuổi cao tác lớn chịu phiền lao đao.
1175. Trông con như hạn trông dào,
 Minh nầy trôi nổi phương nào biết đâu.
 Vòng mây giăng bạc trên đầu,
 Ba năm chưa trọn một câu sanh thành.
 Hữu tam bất hiếu đã đành,
1180. Tiểu đồng trước đã vì mình thác oan.
 Tướng thời như cắt ruột gan,
 Quận đau chín khúc chứa chan mấy lần.
 Minh rằng : Người ở trong trần,
 Có khi phú quý có lần gian nan.
1185. Thấp cao vàng biết tuổi vàng,
 Gặp khi lửa đỏ màu càng thêm xuê.
 Thôi thôi anh chớ vội về,
 Ở đây nường nấu toan bề thuốc thang,
 Bao giờ hết lúc tai nạn,

Khảo dị

1170 Bền bày khúc đột... (AdM) - Lại bày mọi khúc. (PVT) - 1171 ...
 duyên có cảm tình (AdM) - 1172 Hai hàng lụy nhỏ... (AdM) - 1173...
 chạnh đến (nỗi) thung huyền (AdM) - 1175 ... như cá trông dào (TVK,
 PVT) - 1176 ... chốn nào biết đâu (AdM) - 1177 Đồi vừng nhật nguyệt
 che đầu (AdM) - 1178 No nao trả dặng (dặng trả) công sâu... (AdM) -
 1179 Hữu tam thất hiếu... (AdM) - 1181.. chưa xót lá gan (AdM) - 1182
 ... như xoi như dần (AdM) - 1186 Gặp cơn lửa đỏ... (AdM)

1190. Đem nhau ta sẽ lập đền công danh.
 Cam La sớm gặp cũng xinh,
 Muộn mà Khương tử cũng vinh một đời.
 Nên hư có số ở trời,
 Bôn chôn sao khỏi đổi dời sao xong.
1195. Vân Tiên khi ấy an lòng,
 Ở nơi am tự bạn cùng Hồn Minh.
 Võ công làm việc trở trình,
 Dứt tình họ Lục mến tình họ Vương.
 Kể từ định chước hại chàng,
1200. Thế Loan hơn hờ lòng càng thêm vui.
 Ngày ngày trang điểm phấn dôi,
 Phòng khi gặp gỡ đứng ngồi cho xuê.
 Xảy đâu Tử Trục vừa về,
 Vào nhà họ Võ thăm bề Vân Tiên.
1205. Công rằng : Chớ hỏi thêm phiền,
 Chàng đà lâm bệnh huỳnh tuyến xa chơi.
 Thương chàng phận bạc trong đời,
 Cũng vì Nguyệt lão xe lơi mối hồng.
 Nghe qua Tử Trục chạnh lòng,
1210. Hai hàng nước mắt rờn rờn như mưa.
 Than rằng : Chạnh nhớ linh xưa,

Khảo dị

1192 Muộn thì... (AdM) - 1194 Bôn chôn sao dặng... (AdM)
 1199 Từ ngày hang đá... (AdM) - 1197 ... làm sự trở trình (AdM)
 1206 Trước đà... (TVK, PVT) - 1207 ... phận bạc ở đời (AdM)
 1210 Hai hàng lụy ngọc... (AdM)

- Nghĩa đà kết nghĩa tình chưa phi tình,
 Trời sao nữ phụ tài lành,
 Bảng vàng chưa thấy ngày xanh đã mòn.
 1215. Cùng nhau chưa đặn vuông tròn.
 Người đà sớm thác ta còn làm chi ?
 Trong đời mấy bức cố tri,
 Mấy trang đồng đạo mấy người đồng tâm ?
 Công rằng : Ta cũng thương thâm,
 1220. Tủi duyên con trẻ sắt cầm dở dang.
 Thôi thôi khuyên chớ thờ than.
 Đây đà tính đặn một đànang rất hay.
 Tới đây thời ở lại đây,
 Cùng con gái lão sum vầy thất gia.
 1225. Phòng khi hôm sớm vào ra,
 Thấy Vương Tử Trục cũng là thấy Tiên.
 Trục rằng : Ngồi viết đĩa nghiên,
 Anh em xưa có thể nguyên cùng nhau.
 Vợ Tiên là Trục chị dâu.
 1230. Chị dâu em bạn dám dẫu lỗi nghi.
 Chẳng hay người học sách chi,
 Nói sao những tiếng dị kỳ khó nghe ?

Khảo dị

1214... *mây xanh* đã mòn (AdM) Bảng vàng *đã gặp*... (PVT) - 1219...
Lão cũng tủi thâm (AdM) - 1221 *Thôi thôi xin* chớ... (PVT) - 1222 *Lão*
đà tính đặn... (AdM) - 1225 Phòng khi *khuya* sớm... (AdM) - 1226 *Thấy*
người Tử Trục ... (TVK, PVT) - 1226... cũng là *Vân Tiên* (AdM) - 1232
 Nói ra *những thói*... (PVT)

- Hay là học thói nước Tề,
 Vợ người Tử Cú đưa về Hoàn công.
 1235. Hay là học thói Đường cung,
 Vợ người Tiêu Lạc sánh cùng Thế Dân.
 Người nay nào phải nhà Tần,
 Bất Vi gả vợ Dị Nhân lấy lầm.
 Nói sao chẳng biết hồ thâm.
 1240. Người ta há phải là cầm thú sao ?
 Vô công hổ thẹn xiết bao,
 Ngồi trên khôn cái lẽ nào cho qua.
 Thế Loan trong cửa bước ra,
 Miệng chào : Thấy cử tán khoa mới về.
 1245. Thiếp đà chẳng trọn lời thề.
 Lỡ bề sửa tráp lỡ bề nưng khăn.
 Tiếc thay dạ thỏ nặng nề,
 Đêm thu chờ đợi bóng trăng bấy chầy.
 Chẳng ưng thời cũng làm khuây,
 1250. Nỡ buông lời nói chẳng vì chẳng kiềng.
 Trục rằng : Ai Lữ Phụng Tiên,
 Phòng toan đem thói Điều Thuyền trên người ?
 Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi.
 Lòng sao mà nỡ buông lời nguyệt hoa.

Khảo dị

1240 *Người ta há dễ*... (AdM)
 1242 *Ngồi trên không* cái lẽ nào (*đà*) cho qua (AdM, PVT)
 1243... trong *trước* bước ra (AdM) - 1249 *Không ưng* thời cũng...
 (AdM) - 1253 *Mồ* chồng... (AdMn) - 1254 *Lòng nào mà nỡ*... (AdM)

1255. Hồ hang vậy cũng người ta,
So loài cầm thú vậy mà khác chi ?
Vân Tiên anh hỡi cố tri,
Suối vàng có biết sự ni chăng là ?
Tay lau nước mắt trở ra,
1260. Về nhà sắm sửa tìm qua Đông-thành.
Võ công hổ thẹn trong mình,
Năm ngày nhuộm bệnh thất tình chết oan.
Thế Loan cùng mẹ Quỳnh Trang,
Mẹ con đóng cửa cư tang trong nhà.

III

1265. Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga
Hà-kê phủ ấy theo cha học hành.
Kiều công lên chức thái khanh,
Chỉ sai ra quận Đông-thành chặn dân.
Ra tờ khắp hết xa gần,
1270. Hỏi thăm họ Lục tìm lần đến nơi.
Khiến quân đem bức thư mời,
Lục ông vưng lịnh tới nơi dinh tiền.

Khảo dị

1258... có biết *thế* này chăng là (AdM) - 1261... trong *lòng* (TVK) -
1262... *thác* oan (AdM) - 1265 *Thứ* này tới... (AdM) - 1268... *trần* (chăn)
dân (AdM) - 1270... *ân* cần nơi nơi (AdM) - 1271 *Đặng* tin tá thiếp sang
mời (AdM)

- Kiều công hỏi chuyện Vân Tiên,
Lục ông thấy hỏi bỗng liền khóc than.
1275. Thừa rằng : Nghe tiếng đồn vang,
Con tôi nhuộm bệnh giữa đường bỏ thầy
Biết tin từ ấy nhẩn nay,
Phút nghe người hỏi dạ nầy xốn xang.
Kiều công trong dạ bàng hoàng,
1280. Trở vào nói lại với nàng Nguyệt Nga :
Lục ông nói lại cùng cha,
Duyên con rày đã trôi hoa giạt bèo.
Riêng than chút phận tơ điều,
Hán-giang chưa gặp Ô-kiều lại rời.
1285. Nàng rằng : Phải thiệt như lời,
Xin cha sai kẻ mời người vào trong.
Nguyệt Nga đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng khóc ròng như mưa.
Công rằng : Nào bức tượng xưa,
1290. Nguyệt Nga con khá đem đưa người nhìn.
Lục ông một buổi ngồi nhìn,
Tay chơn mặt mũi giống in con mình.
Chuyện trò sau trước phân minh,
Lục ông khi ấy sự tình mới hay :

Khảo dị

1273... hỏi *Lục Vân Tiên* (TVK. PVT) - 1274 *Lục ông nhớ đến...* (AdM)
1278... người nói *châu* mây lại *thương* (TVK) - 1278... người nói *châu*
mây liền than (PVT) - Phút nghe người nói... (AdMn) - 1280 *Trở vào thuật*
lại cùng nàng... (AdM) - *Trở vào nói lại cùng...* (PVT) - 1281 *Lục ông người*
nói... (AdM) - *Nguyệt Nga nói lại...* (PVT) - 1283... *chút phận thơ* dào (AdM)
- 1284 *Hàn-giang* chưa gặp... (TVK) - 1284... *Ô-kiều* lời rơi (AdM)

1295. Thương con phận bạc lăm thay,
 Nguyên xưa còn đó con rày đi đâu ?
 Nguyệt Nga chi tiết nỗi sầu,
 Lục ông thấy vậy thêm đau gan vàng,
 Kiếm lời khuyên giải với nàng ;
1300. Giải cơn phiền não kéo mang lấy sầu.
 Người đời như bóng phù du
 Sớm còn tối mất công phu lỗ làng.
 Cũng chưa đồng tịch đồng sàng,
 Cũng chưa nên nghĩa tào khang đâu mà.
1305. Cũng như cửa sổ ngựa qua,
 Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền.
 Nàng rằng : Trước đã trọn duyên,
 Dấu thay mái tóc phải nhìn mối tơ.
 Công rằng : Chút nặng tình xưa,
1310. Bền đem tiền bạc tạ đưa cho người.
 Lục ông cáo tạ xin lui :
 Tôi đâu dám chịu của người làm chi ?
 Ngỡ là con trẻ mất đi,
 Hay đâu cốt cách con ghi tượng nầy.

Khảo dị

- 1285... *Quá thiệt như lời* (AdM) - 1289... *Nào chút tình xưa* (AdM) -
 1290 *Ái nhi con khá...* (AdM) - 1292 *Tay chân vót vạc đều in con mình*
 (TVK, PVT) - 1293 *Nguyệt Nga lay gối...* (AdM) - 1296... *con rày ở đâu*
 (AdM) - 1297 *Kiều công...* (TVK, PVT) - 1298... *càng đau gan vàng* (AdM)
 - 1299... *khuyên giảng cho nàng* (AdM) - 1306 *Nghĩ nào mà ủ mặt hoa...*
 (PVT) - 1307... *trọn duyên* (AdM) - 1308... *cũng nhìn mối tơ* (AdM)
 1309... *ơn trước ngãi xưa* (AdM) - 1310 *Liền đem vàng bạc...* (AdM)

1315. Bây giờ con lại thấy đây,
 Tấm lòng thương nhớ dễ khuây dạng nào ?
 Ngửa than đất rộng trời cao,
 Tre còn măng mắt lệ nào cho cân ?
 Lục ông từ tạ lui chân,
1320. Kiếu công sai kẻ gia thân đưa sang.
 Nguyệt Nga nhuộm bình thờ than,
 Năm canh lụy ngọc xốn xang lòng vàng :
 Nhớ khi thể thốt giữa đàng,
 Chưa nguôi nỗi thảm lại vương lấy sầu.
1325. Công đà chờ đợi bấy lâu,
 Thà không cho gặp buổi đầu thời thôi.
 Biết nhau chưa dạng mấy hồi,
 Kẻ còn người mất trời ôi là trời !
 Thề xưa tạc dạ ghi lời,
1330. Thương người quân tử biết đời nào phai ?
 Tiếc thay một đứng anh tài,
 Việc văn việc võ nào ai dám bì ?
 Thương vì đèn sách lòng ghi,
 Uống công nào thấy tiếng gì là đâu !
1335. Thương vì hai tám tuổi đầu,
 Người đời như bóng phù du lỗ làng.

Khảo dị

- 1315... *thấy dạng con đây* (AdM) - 1322... *xốn xang gan vàng* (AdMn)
 - 1324 *Chưa nguôi đoạn thảm... mang mối sầu* (AdM) - ... *lại mang lấy*
sầu (PVT) - 1325 *Công phu...* (AdM) - 1320 *Thuở xưa giữ dạ...* (TVK,
 PVT) - 1331... *một dự anh tài* (TVK, PVT) - 1332 *Nghề văn nghiệp võ...*
 (AdM) - 1335... *hai tám trên đầu* (TVK, PVT)

- Thương vì chưaặng hiển vang,
Nước trôi sự nghiệp hoa tàn công danh,
Thương vì đôi lứa chưa thành,
1340. Vừa hương bát nước ai dành ngày sau.
Năm canh chẳng ngọt giọt châu,
Mặt nhìn bức tượng ruột đau như dẫu.
Dương gian nay chẳngặng đặng gần,
Âm cung biết có thành thân chẳng là !
1345. Kiều công thức dây bước ra,
Nghe con than khóc xót xa lòng vàng.
Khuyên rằng : Con chớ cứu mang,
Gẫm trong còn mất là đằng xưa nay.
Đồn cầm ai nỡ dứt dây,
1350. Chẳng qua con tạo đối xây không thường,
Nàng rằng : Khôn xiết nỗi thương,
Khi không gây gánh giữa đường chẳng hay.
Nay đà loan phụng lẽ bấy,
Nệm nghiêng gối chích phận nầy đã cam.
1355. Trăm năm thể chẳng lòng phàm
Sông Ngân đưa bạn cầu Lam rước người.
Thân con còn đứng giữa trời,

Khảo dị

1340 *Bình hương bát nước...* (AdMn) 1341... *hội châu* (PVT, AdM) -
1347... *chớ khá cứu mang* (AdM) - 1348 *Gẫm bề sống thác...* (AdM) -
1349... *ai khéo dứt dây* (TVK, PVT) - 1350 *Chẳng qua Máy tạo vẫn xây*
khôn thường (AdM) - 1351... *chỉ xiết nỗi thương* (AdM) - 1352... *gây gánh*
giữa đường ai hay (TVK) - 1355... *thể chẳng nỗi phàm* (AdMn)

- Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi.
Kiểu công trong dạ chẳng vui :
1360. Con đành giữ tiết trọn đời hay sao ?
Có người sang cả ngôi cao,
Thái sư chức trọng trong trào sắc phong.
Nghe đồn con gái Kiều công,
Nay mười sáu tuổi tơ hồng chưa vương.
1365. Thái sư dùng lễ vật sang,
Mượn người mai chước kết đảng sui gia,
Kiểu công khôn ép Nguyệt Nga,
Lễ nghi đưa lại về nhà thái sư.
Thái sư chẳng biết rộng suy,
1370. Dem điều oán hận sớm ghi vào lòng.
Xây dấu giặc mọi hành hung,
Ô-quả quốc hiệu binh nhung dấy loạn.
Đánh vào tới ải Đồng-quan,
Sở vương phán hỏi lương ban quân thần.
1275. Sao cho vững nước an dân,
Các quan ai biết mưu thần bày ra ?
Thái sư nhớ-việc cứu nhà,

Khảo dị

1359... *lòng rất chẳng vui* (AdM) - 1360 *Con đà (bể) giữ tiết cha xui*
lẽ nào (AdM) - *Con đà giữ tiết...* (PVT) - 1364 *Tuổi vừa hai tám tơ hồng*
chưa xằng (AdM) - *Nay mười chín tuổi...* (PVT) - 1365 *Cậy người*, (AdM)
- 1369 - *Thái sư lòng chẳng...* (AdM) - 1370... *toan ghi vào lòng* (AdM)
- *Dem lòng oán hận...* (TVK, PVT) - 1371 *Phút đầu...* làm hung (TVK,
PVT) - 1372 *Lung lừng nét dữ...* (TVK, PVT) - 1373... *của Đồng-quan*
(AdM) - 1376 *Chư quan ai biết...* (AdMn) - 1377 *Thái sư sẵn có...* (AdM)

- Vội vàng quỳ xuống tâu qua ngai vàng :
 Thuở xưa giặc mọi dấy loạn,
 1380. Vì ham sắc tốt phá tàn Trung-hoa.
 Muốn cho khỏi giặc Ô-quà,
 Đưa con gái tốt giao hòa thời xong.
 Nguyệt Nga là gái Kiều công.
 Tuổi vừa hai tám má hồng dương xinh.
 1385. Nàng đà có sắc khuynh thành,
 Lại thêm rất bức tài tình hào hoa.
 Đưa nàng về nước Ô-quà,
 Phiền vương ưng dạ ắt là bãi binh.
 Sở vương nghe tấu thuận tình,
 1390. Châu phê dạy sứ ra dinh Đông-thành.
 Sắc phong Kiều lão thái khanh :
 Việc trong nhà nước đã đành cậy người.
 Nguyệt Nga nàng ấy nên người,
 Lựa ngày tháng chín hai mươi cống Hồ.
 1395. Kiều công vâng lệnh nhà vua,
 Lễ nào mà dám noi phò điều nào.
 Nguyệt Nga trong dạ như bào,

Khảo dị

- 1379 Thuở này giặc mọi... (AdM) - 1380 Cũng vì tham sắc... (AdM) -
 1381 Muốn cho an giặc... (AdM) - 1385 Nàng là quốc sắc... (AdM) -
 1386... hai chữ tài tình rất hoa (ngoạ) (AdM) - 1387 Gá nàng... (AdM) -
 1388 Chúa phiên đẹp dạ ... (AdM) - 1390 Châu phê khiến sứ... (AdM) -
 1392... trăm đành cậy người (AdM)... tay người (PVT) - 1393 Nguyệt Nga
 là dùng... (AdM) - 1394 Chọn ngày... (AdMn) - 1395... trao đô (AdM)
 1396 Trung quân dẫu... (AdM)

- Canh chấy, chẳng ngủ những thao thức hoài.
 Thất tình trăm nợ biếng cài,
 1400. Dưa mảnh bỏ xả tóc dài ngồi lo.
 Chiêu Quân xưa cũng công Hồ,
 Bởi người Diên Thọ họa đồ gây nên.
 Hạnh Ngươn xưa cũng chẳng yên,
 Bởi chùng Lư Kỷ cự hiểm còn ghi.
 1405. Hai nàng chẳng dãi phải đi,
 Một vì ngay chúa một vì thảo cha.
 Chiêu Quân nhảy xuống giang hà,
 Thương vua nhà Hồn nàng đà quyền sinh.
 Hạnh Ngươn nhảy xuống Trì-linh,
 1410. Thương người Lương Ngọc duyên lành phui pha:
 Tối nay phận bạc là ta,
 Nguyên cùng bức tượng trót đà chung thân.
 Tình phu phụ nghĩa quân thân,
 Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên.
 1415. Nghĩa tình nặng cả hai bên,
 Nếu ngay cũng chúa lại quên ơn chồng.
 Sao sao một thác thời xong,
 Lấy mình báo chúa lấy lòng sự phu.
 Kiều công nương gối đương lo.

Khảo dị

- 1398... cứ thao thức hoài (PVT) - 1400 Dưa mảnh... (AdM) - 1402 Bởi
 (vì) người về Phiền (AdM) - 1403... sau cũng khỏi miền (TVK, PVT) -
 1404... cầu tiền chép ghi (AdM) - 1405 Mai người chẳng dãi... (PVT) -
 1406 Một là... (TVK, PVT) - 1408... vốn đà quyền sinh (TVK, PVT) -
 1410... trọn tình đạo ba (AdM) - 1411 Đến nay... (AdM) - 1414 Ngải (tình)
 xa cũng trọn ngãi gần... (AdM) - 1415... đôi bên (AdMn) - Hai bên nặng
 cả... (PVT)

1420. Nghe con than thở mấy câu thêm phiền.
 Kêu vào ngồi dựa trường tiên,
 Lấy lời dạy dỗ cho tuyền thân danh :
 Chẳng qua là việc triều đình,
 Nào cha có muốn ép tình chi con.
1425. Nàng rằng : Còn kể chi con,
 Bơ vơ chút phận mất còn quân bao.
 Thương cha tuổi tác đã cao,
 E khi ấm lạnh buổi nào biết đâu,
 Tuổi già bóng xế nhành dâu,
1430. Sớm xem tối xét ai hầu cho cha ?
 Công rằng : Chẳng sá việc nhà,
 Hãy an dạ trẻ mà qua nước người.
 Hôm nay đã tới mừng mười,
 Khá toan sắm sửa hai mươi tống hành.
1435. Nàng rằng : Việc ấy đã đành,
 Còn lo hai chữ ân tình chưa xong.
 Con xin sang lạy Lục ông,
 Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên.
 Ngõ cho ơn ngài vẹn tuyền,
1440. Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau.
 Kiêu công biết nghĩ trước sau,
 Dạy cho tiền bạc cấp hầu đưa đi,

Khảo dị

- 1421 Bèn kêu vào dựa... (AdM) - 1422 Lấy lời giáo huấn... (AdM) -
 1423 Chẳng hay... (AdM) - 1431... chỉ sá việc nhà (AdM) - 1433 Hôm nay
 đã đến... (AdM) - 1436... cho xong (TVK, PVT) - 1439 Ngõ cho nhân
 nghĩa... (TVK, PVT) - 1442 Ban cho vàng (tiền) bạc... (AdM) Dạy đem...
 (TVK, PVT) -

- Lục ông ra rước một khi,
 Nguyệt Nga vào đặt lễ nghi sẵn sàng.
1445. Ngày lành giờ ngo dâng đàn,
 Ăn chay năm đất cho chàng Vân Tiên.
 Mở ra bức tượng treo lên,
 Trong nhà cho tới lảng giềng đều thương.
 Nguyệt Nga cất tiếng khóc than :
1450. Vân Tiên anh hỡi tuổi vàng có hay !
 Bảy ngày rồi việc ma chay,
 Lại đem tiền bạc tạ rày Lục ông :
 Trông chồng mà chẳng thấy chồng,
 Đã đành một nỗi má hồng vô duyên.
1455. Rày vua gả thiệp về Phiên,
 Quyết lòng xuống chốn cửu tuyền thấy nhau,
 Chẳng chi cũng gọi là dâu,
 Muốn lo việc nước phải âu việc nhà.
 Một ngày một bước một xa,
1460. Cửa này để lại cho cha dưỡng già.
 Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,
 Ngủi ngủi lạy tạ bước ra trở về.
 Các quan xe giá bọn bề,
 Năm mươi thể nữ hầu kẻ chum tay

Khảo dị

- 1449 Nguyệt Nga máng (mượn) tiếng... (AdM) - 1451 Bảy ngày măn
 (rời) việc... (AdM) - 1456... huỳnh tuyền thấy (gặp) nhau (AdM) - 1454.
 Đã đành một chữ... (TVK) - 1456... xuống chốn huỳnh tuyền thấy (gặp)
 nhau (AdM)... xuống chốn cửu tuyền gặp nhau (PVT) - 1457... cũng gọi
 tiếng dâu (AdM) - 1458 Muốn xong... việc nhà (AdM) - 1462 Người người
 từ già... (AdM) - 1464... dựa kẻ chơn tay (AdM).

1465. Hai mươi nay đã đến ngày,
 Các quan bảo hộ đưa ngay xuống thuyền.
 Nguyệt Nga vội khiến Kim Liên,
 Lên mời thân phụ xuống thuyền xem qua.
 Công rằng : Thật dạ xót xa,
1470. Con đừng bịn rịn cho cha thăm sâu.
 Nàng rằng : Non nước cao sâu,
 Từ đây xa cách khôn hầu thấy cha.
 Thân con về nước Ô-quà,
 Đã đành một nỗi làm ma đất người.
1475. Hai phương nam bắc cách vời
 Chút xin gởi lại một lời làm khuây.
 Hiu hiu gió thổi ngọn cây,
 Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha.
 Kiều công lụy ngọc nhỏ sa,
1480. Các quan ai nấy cũng là đều thương.
 Chẳng qua việc ở quân vương,
 Cho nên phụ tử hai đàng xa xuôi.
 Buồm trương thuyền vội tách vời,
 Các quan đưa đón ngùi ngùi đứng trông.

Khảo dị

1469... Dạ đã xót xa (AdM) - 1470... mà cha thêm sâu (AdMn) - Con còn dùng thẳng cho... (TVK, PVT) - 1471 Nga rằng... (AdM) - 1472... ai hầu thấy cha (AdMn) - Từ đây cách khỏi... (TVK, PVT) - 1473 Thân này về nước... (AdMn) - 1475 Đôi phương... (AdM) - 1476 Con xin... (AdM) - 1478 ... về đây thăm nhà (AdM) - 1479... hạt lụy nhỏ sa (TVK, PVT) - 1480... tình thương (TVK, PVT) - 1481 Chẳng qua là việc... (AdM) - 1483... trở lui (AdM) - 1484... người người đứng trông (TVK, PVT).

1485. Mười ngày đã tới ải Đồng,
 Minh mông biển rộng đùng đùng sóng xao.
 Đêm nay chẳng biết đêm nào,
 Bóng trắng vằng vặc bóng sao mờ mờ.
 Trên trời lẳng lẽ như tờ,
1490. Nguyệt Nga nhớ nỗi tóc tơ chẳng tròn.
 Than rằng : Nọ nước kia non,
 Cảnh thời thấy đó người còn về đâu ?
 Quân hầu đều ngủ đã lâu,
 Lén ra mở bức rèm châu một mình :
1495. Vắng người có bóng trăng thanh,
 Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.
 Văn Tiên anh hỡi có hay,
 Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng !
 Than rồi lấy tượng vai mang,
1500. Nhắm dòng nước chảy vội vàng nháy ngay.
 Kim Liên thức dậy mới hay,
 Cùng quân thể nữ một bài đều lo.
 Cùng nhau lặng chẳng dám hô,
 Thăm toan mưu kế chẳng cho lậu tình :
1505. Việc này là việc triều đình,
 Đốc quan hay dạng ắt mình thác oan.

Khảo dị

1485... vừa tới... (AdM) - 1486 Mạnh mẽ biển... (AdM) - 1486... âm âm sóng xao (PVT) - 1490 Nguyệt Nga nhớ đến... (AdM) - 1498 Thiếp nguyện giữ vẹn... (AdM) - 1495 Hoàng thiên bắt phụ lòng thành (AdM) - 1500 Nhắm chừng... (TVK, PVT) - 1501 ... hoàng thay (AdM) - 1502... một bày đều lo (AdM) - 1503 Cùng nhau đều... (AdM) - 1504 Liều toan... (AdM)

- Muốn cho cần nhiệm trăm dâng,
Kim Liên thể lấy làm nàng Nguyệt Nga.
Trá hôn về nước Ô-quà,
1510. Ai mà vạch lá ai mà tìm sâu ?
Tính rồi xong xả chúc mầu,
Phút nghe thuyền đã đến đầu ải quan.
Đốc quan xe giá sửa sang,
Kiệu trương lọng phụng rước nàng về Phiên.
1515. Nào hay tì tất Kim Liên,
Đặng làm hoàng hậu nước Phiên một đời.
Nguyệt Nga nhảy xuống giữa vời,
Sóng thần đưa đẩy vào nơi bãi rày.
Bóng trăng vừa khuất ngọn cây,
1520. Nguyệt Nga hôn hay chơi rày âm cung.
Xiết bao sương tuyết đêm đông,
Mình nằm giữa bãi lạnh lùng ai hay.
Quan âm thương đứng thảo ngay,
Bền đem nàng lại bỏ rày vườn hoa.
1525. Dặn rằng : Nàng hỡi Nguyệt Nga,
Tìm nơi nương nấu cho qua tháng ngày.
Đôi ba năm nữa gần đây,

Khảo dị

1507... cần thận trăm dâng (AdM) - 1512 phút đầu... (AdM) - 1513...
đưa sang (AdM) - 1514 Giao cho liễu tướng phò nàng... (AdM) - 1516...
trộn đời. .. (AdM) - 1517 Nguyệt Nga mình xuống... (AdM) - 1518 Sóng
thần đưa đẩy... (AdM) - 1520 Nguyệt Nga còn hãy... (PVT) - 1523 Quan-âm
thương gái... (AdM) - 1524... để rày vườn hoa (AdM) - 1525... nàng Kiều
Nguyệt Nga (AdM)

- Vợ chồng sao cũng sum vầy một nơi.
Nguyệt Nga giây phút tình hơi.
1530. Định hôn mới nghĩ mấy lời chiêm bao.
Nên hư chưa biết làm sao,
Bây giờ biết kiếm chốn nào dung thân ?
Một mình luống những bàng khuâng,
Phút đầu trời đã rạng hừng vừng đông.
1535. Một mình mang bức tượng chồng,
Xảy đầu lại gặp Bùi công dạo vườn.
Ông rằng : Nàng ở hà phương,
Việc chi mà tới trong vườn hoa ta ?
Nàng rằng : Trận gió hôm qua,
1540. Chìm thuyền nên nổi mình ra thế này.
Tối tăm sẩy bước tới đây,
Xin soi sét tới thơ ngây lạc đường.
Bùi ông đứng ngắm tướng nàng,
Chẳng trang dài các cũng hàng trăm anh.
1545. Đầu đuôi han hỏi sự tình,
Nàng bền lời thiệt việc mình bày qua.
Bùi ông mừng rước về nhà,
Thay xiêm đổi áo nuôi mà làm con.
Rằng : Ta sanh đặng chồi non,

Khảo dị

1528 Vợ chồng sau sẽ... (AdM)
1531. Thiệt hư... (AdM) - 1532... nơi nào gởi thân (AdM)
1538 Việc chi mà đến... (AdM) - 1539... thổi qua (TVK, PVT)
1540... thân ra đổi này (AdM) - 1541 Tối tăm lỡ bước... (AdM)
1544 Chẳng phen... (TVK, PVT) - 1546... lấy thiệt... thua qua (AdM)
- 1549 Ta cũng sinh một chồi non (TVK, PVT)

1550. Tên là Bùi Kiệm hầy còn ở kinh.
 Trong nhà không gái hậu sanh,
 Ngày nay dặng gặp minh linh phước trời.
 Nguyệt Nga đã ở an nơi,
 Đêm đêm nghĩ lượng việc đời gần xa.
1555. Một lo về nước Ô-quà,
 E vua bắt tội cha già rất oan.
 Hai lo phận gái hồng nhan,
 Sợ khi báo dưỡng lo toan việc gì.
 Nguyệt Nga luống những sầu bi,
1560. Xảy dẫu Bùi Kiệm tới khi về nhà.
 Từ ngày thấy mặt Nguyệt Nga,
 Đêm đêm trần trọc phòng hoa mấy lần.
 Thấy nàng thờ bức tượng nhân,
 Nghiệm trong tình ý dẫn lần hỏi liên :
1565. Tượng nầy sao giống Vân Tiên,
 Bấy lâu thờ có linh thiêng điều gì ?
 Nàng rằng : Làm phận nữ nhi,
 Một câu chánh tiết phải ghi vào lòng.
 Trăm năm cho trọn đạo tông,
1570. Sống sao thác vậy một chồng mà thôi.
 Kiệm rằng : Nàng nói sai rồi,

Khảo dị

1550. nó còn ở kinh (AdMn) - 1552 Ngày nay lại gặp... (TVK, PVT)
 1554... sự đời gần xa (AdM) - 1556 Vua hay bắt tội... (AdM)
 1555 Một lo vì nước... (AdMn) - 1558 Sợ khi (e người) báo dưỡng sau
 toan lẽ gì (AdM) - 1560 Phút dẫu... (AdM) - 1567... hổ phận nữ nhi
 (AdM) - 1569... cho (đốc) trọn chữ từng (AdM, PVT)

- Ai từng bán đất mà ngôi chợ trưà,
 Lâm người trong cõi gió mưa,
 Bấy mười mấy mặt người xưa thấy nào.
1575. Chúa xuân còn ở vườn đào,
 Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần.
 Chúa đông ra khỏi vườn xuân,
 Hoa tàn nhụy rữa như rừng bỏ hoang.
 Ở đời ai cậy giàu sang,
1580. Ba xuân mòn hết ngàn vàng khôn mua.
 Hay chi như vãi ở chùa,
 Một căn cửa khép bốn mùa lạnh tanh.
 Linh đình một chiếc thuyền tình,
 Mười hai bến nước biết mình vào dẫu ?
1585. Ai từng mặc áo không bầu,
 Ăn cơm không dưa ăn trầu không cau.
 Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,
 Giữ ôm bức tượng trước sau thiệt mình.
 Nàng rằng : Xưa học sử kinh,
1590. Làm thân con gái chữ trinh làm dẫu.
 Chẳng phen thói nước Trịnh dẫu,
 Hẹn người tới giữa vườn dẫu tự tình.

Khảo dị

- 1573... trong cõi nằng mưa (AdM) - 1574... thế nào (TVK, PVT) -
 1577 Chúa xuân... (AdM) - 1578... là rừng bỏ hoang (AdM) - 1580 Ba
 xuân dẫu hết... (TVK, PVT) - 1581 Hay chi nằng vãi... (AdM) - 1584...
 gửi mình vào dẫu (AdM) - 1588 Để ôm... (AdM) - 1582 Một căn cửa
 đóng... (AdMn) - 1589 Nàng (Nga) rằng : Tăng đọc... (AdM) - 1592 Hẹn
 người tới cửa... (TVK)

- Kiểm rằng : Đã biết sử kinh,
Sao không soi xét để mình ngồi không.
1595. Hồ-dương xưa mới góa chồng,
Còn mơ nhan sắc Tống công cũng vừa.
Hạ Cơ lớn nhỏ đều ưa,
Sớm đưa Doãn Phủ tới giữa Trần quân.
Hớn xưa Lữ hậu thanh xuân,
1600. Còn vừa Cao tổ mấy đành Di Ky.
Đường xưa Võ hậu thiết gì,
Di Tôn khi trẻ Tam Tư lúc già.
Cứ trong sách vở nói ra,
Một đời sung sướng cũng qua một đời.
1605. Ai ai cũng ở trong trời,
Chính chuyên trắc nết chết thời cũng ma.
Người ta chẳng lấy người ta,
Người ta đâu lấy những là tượng nhân.
Cho nên tiếc phận hồng nhan,
1610. Học đòi Như Ý vẽ chàng Văn Quân.
Nguyệt Nga biết đưa tiểu nhân,
Làm thịnh toan chúc thoát thân cho rồi.
Bùi ông ngon ngọt trau dồi,
Muốn nàng cho dạng sánh đôi con mình :

Khảo dị

1593... Nàng thuộc sử kinh (AdM) - 1594 Sao chẳng... nằm không (AdM) - 1595 Hồ vương... (TVK, PVT) - 1596 Còn tham ... (AdM) - ... mới vừa (PVT) - 1597... cũng ưa (TVK, PVT) - 1660 Còn vua Cao tổ mấy đành Di Ky (AdM) - 1605 Chính chuyên làm sự đối đời (TVK, PVT) - 1606 Lẽn vắn trắc nết hết đời cũng ma (TVK, PVT) - 1609 Chẳng nên tích... (AdM) - 1614 Dỗ (dụ) nàng (AdM)

1615. Làm người chấp nhất sao đành,
Hễ là lịch sự có kinh có quyền.
Tới đây duyên đã bén duyên,
Trăng thanh gió mát cảm thuyền đợi ai ?
Nhớ câu xuân bất tái lai,
1620. Ngày nay hoa nở e mai hoa tàn.
Làm chi thiệt phận hồng nhan,
Năm canh gối phụng màn loan lạnh lùng.
Vọng phu xưa cũng trông chồng,
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phui pha.
1625. Thôi thôi khuyên chớ thờ ra,
Vây cùng con lão một nhà cho xuôi.
Nguyệt Nga giả dạng mừng vui,
Thưa rằng : Người có công nuôi bấy chầy.
Tôi xin dám gởi lời này,
1630. Hãy tua chậm chậm sẽ vậy nhưn duyên,
Tôi xin lạy tạ Văn Tiên,
Chạy đàn bấy bữa cho tuyển thi chung.
Cha con thấy nói mừng lòng,
Dọn nhà sửa chỗ đóng phòng cho xuê.
1635. Chiều hoa gối sách bọn bề,
Cổ đồ bắt bừa chính tể chúng ra.

Khảo dị

1619 Chữ rằng... (AdM) - 1621 Làm chi thiệt mạng... (TVK) - 1622 Năm canh gối phụng nệm loan... (AdM) - 1629 Tôi xin gởi lại... (AdM) - 1631 Tôi vào... (TVK, PVT) - 1632 Làm chạy bấy bữa... (AdM) - 1633 Cha con nghe nói... (AdM) - 1634 Dọn nhà sửa sửa... (AdM) - Dọn nhà sửa chỗ đóng phòng cho xuê (PVT) - 1636... mượn về chúng ra (TVK, PVT)

- Xây vừa tới lúc canh ba,
 Nguyệt Nga lấy bút đề và câu thơ.
 Dán trên vách phấn một tờ,
 1640. Vai mang bức tượng một giờ ra đi.
 Hai bên bờ bụi rậm rì,
 Đêm khuya vắng vẻ gặp khi trăng lờ.
 Lạ chừng đường sá bơ vơ,
 Có bấy dóm dóm sáng nhờ đi theo.
 1645. Qua truông rồi lại lên đèo,
 Để kêu giăng giời sương gieo lạnh lùng.
 Giày sành đập sỏi thẳng xông,
 Vừa may trời đã vùng đông lỗ đầu.
 Nguyệt Nga đi vắng hồi lâu,
 1650. Tìm nơi bàn thạch ngó hầu nghỉ chum.
 Người ngay trời Phật cũng vưng,
 Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.
 Hỏi rằng : Nàng phải Nguyệt Nga,
 Khá tua gắng gượng về nhà cùng ta.
 1655. Khi khuya nằm thấy Phật bà,
 Người đà mách bảo nên già tới đây.
 Nguyệt Nga bán tín bán nghi,
 Đành liều nhắm mắt theo đi về nhà.
 Bước vào thấy những đàn bà,

Khảo dị

1639 Dán trong... (TVK) - Dán lên... (AdMn) - 1645... sang đèo (AdM)
 - 1646 Để ngâm... về kêu nào nòng (AdM) - 1647 Hài sành đập sỏi...
 (AdMn)... về ngâm lạnh lùng (PVT) - 1648 Vừa đầu... (AdM) - 1652... đi
 ra (AdM) - 1655 Khi đêm... (AdM) 1656... nên già phải đi (AdM)

1660. Lâm nghề bỏ vải lụa là mà thôi,
 Nguyệt Nga đành dạ ở rồi.
 Từ đây mới biết nổi trôi chốn nào.
 Hỏi thăm ra chốn Ô-sào,
 Quan san mấy dặm đi vào tới nơi.
 IV
 1665. Đoạn nầy tới thứ ra đời,
 Văn Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiến.
 Nửa đêm nằm thấy ông tiên,
 Dem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.
 Kể từ nhuộm bệnh đường xa,
 1670. Tháng ngày thấm thoát kể đà sáu năm.
 Tuổi cha rày đã năm lần,
 Chạnh lòng nhớ tới đầm đầm lụy sa.
 Văn Tiên tính trở lại nhà,
 Hớn Minh đưa khỏi năm ba dặm đường.
 1675. Tiên rằng : Ta lại hồi hương,
 Ôn nhau sau gặp khoa trường sẽ hay.

Khảo dị

1663 Hỏi thăm ra (là) chốn... (AdM) - 1664... đi vào tới nơi (AdM) -
 1668 Dem cho linh dược... (AdM) - 1670 Đến nay tính đã gần... (AdM)
 - 1671... rày đã quá trăm (AdM) - 1672... nhớ sa (TVK, PVT) - 1673...
 trở lại quê nhà (AdM) - 1675... Anh lại cố hương (AdM) - 1676 Ôn nhau
 ta gặp... (PVT)

- Minh rằng : Tôi vốn chẳng may,
 Ngày xưa mắc phải án dày trốn đi.
 Dám đâu bày mặt ra thi,
 1680. Đã đành hai chữ quy y chùa này.
 Tiên rằng : Phước gặp khoa này,
 Sao sao cũng tính sum vầy cùng nhau.
 Mấy năm hăm hút tương rau,
 Khó nghèo nữ phụ sang giàu đâu quên.
 1685. Lúc hư còn có lúc nên,
 Khuyên người chữ dạ cho bền thảo ngay.
 Hón Minh trở lại am mây,
 Vân Tiên về một tháng chầy tới nơi.
 Lục ông nước mắt tuôn rơi,
 1690. Ai dè con sống trên đời thấy cha.
 Xóm giềng cô bác gần xa,
 Đều mừng chạy tới chậ nhà hỏi thăm.
 Ông rằng : Kể đã mấy năm,
 Con mang tật bệnh ăn nằm nơi nao ?
 1695. Thừa rằng : Hoạn nạn xiết bao,
 Mẹ tôi phần mộ nơi nào viếng an ?
 Đặt bày lễ vật nghiêm trang,
 Đọc bài văn tế trước bàn minh sinh :
 Suối vàng hồn mẹ có linh,

Khảo dị

- 1677... em vốn chẳng may (AdM) - 1684 Khó nghèo còn tương... (AdM)
 - 1686 Khuyên người chữ dạ rồi (cho) bền... (AdM) - 1691 Xóm làng...
 (AdM) - 1692 Đều mừng chạy đến... (AdM) - 1695 Tiên rằng ... (AdM)
 1699... hôn mẹ hiền linh (AdM)

1700. Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay.
 Tương bề nguồn nước cội cây,
 Công cao ngàn trượng ngãi dày chín trắng.
 Suy trang năm giá khóc măng,
 Hai mươi bốn thảo chẳng bằng người xưa.
 1705. Vân Tiên nước mắt như mưa,
 Tế rồi hỏi việc khi xưa ở nhà.
 Ông rằng : Có nàng Nguyệt Nga.
 Bạc tiền đem giúp cửa nhà mới xuê.
 Nhờ nàng nên mới ra bề,
 1710. Chẳng thì khó đói bỏ quê đi rồi.
 Vân Tiên nghe nói hơi ôi,
 Chạnh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu.
 Hỏi rằng : Nàng ấy ở đâu ?
 Đặng con đến đó đáp câu ân tình.
 1715. Lục ông thuật việc triều đình,
 Đầu đuôi chuyện văn tỏ tình cùng Tiên :
 Kiều công rày ở Tây-xuyên,
 Cũng vì mắc nịnh biếm quyền đuổi ra.
 Tiên rằng : Cám nghĩa Nguyệt Nga,

Khảo dị

- 1700 Chứng cho con lấy (trẻ) lòng thành... (AdM) - 1702 Công sâu...
 (TVK, PVT) - 1703 suy người... (AdM, PVT) - 1704... đầu bằng người xưa
 (AdM)... đời xưa (TVK) - 1706 Tế rồi hỏi việc xưa... (AdM, PVT) -
 1707... có Kiều Nguyệt Nga (AdM) - 1708 Bạc vàng... dặng xuê (AdM) -
 1710 Chẳng chi (AdM)... hư rồi (TVK, PVT) - 1714 Đặng con tới tạ...
 (AdM) - 1717 Kiều ông (công) rày ở... (AdM)

1720. Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng,
Tây-xuyên ngàn dặm thẳng xông,
Đến nơi ra mắt Kiều công khóc liền :
Nguyệt Nga rày ở nước Phiên,
Biết sao choặng đoàn viên cùng chàng.
1725. Mấy thu Hồ Việt đôi phang,
Cũng vì máy tạo én nhàn rẽ nhau.
Thấy chàng dạ lại thêm đau,
Đất trời bao nở chia bầu cho đành.
Hẹp hòi dặng chút nữ sanh,
1730. Trông cho chồi quế trở nhành mẫu đơn.
Nói rồi lụy nhỏ đòi cơn,
Cũng vì một sự oán hờn nên gây.
Thôi con ở lại bên này,
Hôm mai thấy mặt cho khuây lòng già.
1735. Vân Tiên từ ấy lân la,
Ôn nhuần kinh sử chờ khoa ứng kỳ.
Năm sau lĩnh mở khoa thi,
Vân Tiên vào tạ xin đi tựu trường.
Trở về thưa với xuân đường,
1740. Kinh sư ngàn dặm một đường thẳng ra.
Vân Tiên dự trúng khôi khoa,
Đương trong nhâm tý thiệt là năm nay.

Khảo dị

1720 Tôi xin sang đó tạ cha... (AdM) 1722 Đến nơi ra mắt (mắt)... (AdM) - 1723... ở Tây Phiên (TVK, PVT) - 1725 Ai dè... (AdM) - 1726... phân nhau (AdMn) Chẳng qua máy tạo... (TVK, PVT) - 1729 Hẹp hòi có chút... (AdM) - 1731 Nói thôi... (AdM) - 1732 Cùng nhau... (TVK, PVT) - 1739... thung đường (AdM, PVT) - 1740... nhứt (một) đường thẳng ra (AdM) - 1742 Hẳn suy (AdM)

- Nhớ lời thầy nói thiệt hay,
Bắc phương gặp chuột hẳn rày nên danh.
1745. Vân Tiên vào tạ triều đình,
Lịnh ban y mào hiển vinh về nhà.
Xảy nghe tin giặc Ô-quà.
Phủ vây quan ải quân ba bốn ngàn.
Sở vương phán trước ngai vàng,
1750. Chỉ sai quốc trạng dẹp loạn bấy ong.
Trạng nguyên tàu trước bệ rồng :
Xin dâng một tướng anh hùng đề binh.
Có người họ Hớn tên Minh,
Sức đương Hạng Võ mạnh kinh Trương Phi.
1755. Ngày xưa mắc án trốn đi,
Phải về nương nấu từ bi ẩn mình.
Sở vương phán trước triều đình,
Chỉ sai tha tội Hớn Minh đòi về.
Sắc phong phó tướng bình di,
1760. Tiên Minh tương hội xiết gì mừng vui.
Nhứt thỉnh phần phát oai lời,
Tiên phuông hậu tập trống hồi tấn binh.
Quan sơn ngàn dặm dặng trình,
Lãnh cờ bình tặc phá thành Ô-quà.

Khảo dị

1743 Mấy lời... rất hay (AdM) - 1744... con rày nên danh (TVK, PVT) - 1746 ... cho vinh về nhà (TVK, PVT) - 1747 Xảy nghe có giặc... (AdM) - 1748... bình gia dư ngàn (AdM) - 1750... dẹp đoàn bấy ong (AdM) - 1751... tàu động đến rồng (AdM) - 1752 Xin sai một tướng... (AdM) - 1755... đây đi (TVK, PVT) - 1756 Quy y ở núi Túy vì ẩn mình (AdM) - 1758 Chỉ truyền... (AdM) - 1759... bình đề (TVK, PVT) - 1760 Tiên Minh từ ấy... (TVK, PVT) - 1762... cổ hồi tấn binh (AdM) - 1763 Quan sơn trực chỉ... (AdM)

1765. Làm trai ơn nước nợ nhà,
Thảo cha ngay chúa mới là tài danh.
Phút đầu binh đao quan thành,
Ô-quà xem thấy xuất hành cự đang.
Tướng Phiên hai gã đường đường,
1770. Một chàng Hòa Hổ một chàng Thần Long.
Lại thêm Cốt Đột nguyên nhung,
Mất hùm râu đỏ tướng hung lạ lùng.
Hớn Minh ra sức tiên phong,
Đánh cùng Hòa Hổ Thần Long một hồi.
1775. Hớn Minh chùy giáng đường lôi,
Hai chàng đều bị một hồi mạng vong.
Nguyên nhung Cốt Đột nổi xung,
Hai tay xách búa đánh cùng Hớn Minh.
Hớn Minh sức chẳng dám kinh,
1780. Thấy chàng hóa phép thoát mình trở lui.
Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.
Một mình lướt trận xông vô,
Thấy người Cốt Đột biến hô yêu tà.

Khảo dị

1766... mới là ra hùng anh (anh hùng) (AdM) - 1768... thời bình đi đồn (TVK, PVT) - 1769 Tướng Phiên đôi (hai) gã... (AdM) - 1770... một chàng Xích Long (AdM) - 1774 Đánh chàng... một hồi (TVK, PVT) - 1775 Hớn Minh đánh xuống một roi (TVK, PVT) - 1776... một chùy mạng vong (AdMn) - 1778 ... Cùng cùng Hớn Minh (AdMn) - 1779 ... thần lực nan kinh (AdM) - 1780... giúp mình trở lui (AdM) - 1783... nhằm trận lướt vô (AdM) - 1784... đồ yêu ma (AdM)

1785. Vội vàng trở ngựa lui ra,
Truyền đem máu chó đều thoa ngọn cờ.
Ba quân gươm giáo đều dơ,
Yêu ma xem thấy một giờ vỡ tan.
Phép tà Cốt Đột hết phang*,
1790. Phừng phừng nổi giận đánh chàng Vân Tiên.
Trung tiên tả hữu lưỡng biên,
Trận nguyên Cốt Đột đánh liên tối ngày.
Sa cơ Cốt Đột chạy ngay,
Vân Tiên giục ngựa kịp rày đuổi theo.
1795. Đuổi qua mới dạng bảy đèo,
Khá thương Cốt Đột vận nghèo nài bao.
Chạy ngang qua núi Ô-sào,
Phút đầu con ngựa ra hào thương ôi.
Vân Tiên chém Cốt Đột rồi,
1800. Đầu treo cổ ngựa phản hồi bốn quân.
Ôi thôi bốn phía đều rừng,
Trời đà tối mịt lạc chừng gần xa.
Một mình lạc nẻo vào ra,
Lần theo đường núi phút đà tam canh,

Khảo dị

1785... quay ngựa trở ra (AdM) - 1786 Truyền quân trăm cầu máu thoa... (AdM) - Truyền quân... (PVT) - 1787 Tam quân gươm giáo... (AdMn)
* các bản TVK, PVT không có bốn câu này (1789 - 1792)
1793... chạy hoang (TVK, PVT) - 1794... bằng ngàn đuổi theo (TVK, PVT) - 1795 Đuổi sang khỏi dặm... (TVK, PVT) - 1796 Nguyên nhung... (AdM) - 1798 Phút đầu ngựa sa (té) xuống hào... (AdM) - 1799 Trận nguyên... (AdM) - 1804... phút đà tam canh (AdM)

- Vân Tiên mới nói sự tình :
 Tôi là quốc trạng trào đình sai ra.
 Dem binh dẹp giặc Ô-quà,
 1830. Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây.
 Lão bà nghe nói sợ thay :
 Xin ông chớ chấp tôi nay mù già.
 Vân Tiên ngồi nhắm Nguyệt Nga,
 Lại xem bức tượng lòng đà sanh nghi.
 1835. Hỏi rằng : Bức ấy tượng chi,
 Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình.
 Đầu đuôi chưa rõ sự tình,
 Lão bà khá nói tánh danh cho tường.
 Lão bà chẳng dám lời gian :
 1840. Tượng nầy vốn thiết chồng nàng ngồi đây.
 Tiên rằng : Nàng xách lại đây,
 Nói trong tên họ tượng nầy ta nghe.
 Nguyệt Nga lòng rất kiêng dè,
 Mặt thời giống mặt còn e lạ người.
 1845. Ngồi che tay áo hổ người,
 Vân Tiên thấy vậy mỉm cười một khi.
 Rằng : Sao nàng chẳng nói đi,
 Hay là ta hỏi động chi chẳng là ?

Khảo dị

- 1830 Lạc chừng... (AdM) - 1834 Doãi nhìn... (AdM) - 1835 Hỏi rằng :
 Tượng ấy... (AdM) - 1838... khá nói tánh danh tôi tường (AdMn) - 1839...
 Xin bà (AdM) - 1839... nói gian (AdM) - 1841... nàng xách lại đây (TVK)
 - 1844... người e lạ người (AdM) - 1848 Hay lời ta hỏi... (AdM)
 1854 Chồng thời tên ấy... (AdMn) - 1856... xuống quỳ chấp tay (AdM)

1805. Một mình trong chốn non xanh,
 Không ai mà hỏi lộ trình trở ra.
 Đoạn nầy tới thứ Nguyệt Nga,
 Ở đây tính đã hơn ba năm rồi.
 Đêm khuya chong ngọn đèn ngời,
 1810. Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi ?
 Quan âm thuở trước nói chi,
 Éo le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài.
 Đã đành đá nát vàng phai,
 Đã đành xuống chốn dạ dài gặp nhau.
 1815. Khôn trông mong bấy đêm thu*,
 Khôn trông bấy quạ đội cầu đưa sao.
 Phải chi hỏiặng Nam Tào,
 Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau.
 Nguyệt Nga gượng giải cơn sầu,
 1820. Xảy nghe lạc ngựa ở đâu tới nhà.
 Kêu rằng : Ai ở trong nhà,
 Đường về quan ải chỉ ra cho cùng.
 Nguyệt Nga ngồi sợ hãi hùng,
 Vân Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.
 1825. Lão bà lật đật hỏi chào :
 Ở đâu mà tới rừng cao một mình * ?

Khảo dị

- 1806 Biết ai... (AdM) - 1814 Cũng nguyên... Diêm đài tìm nhau (AdM)
 * Các bản TVK, PVT không có hai câu này (1815 - 1816) - 1820... ở
 đâu tới gần (PVT) - 1825 Lão bà ứng hỏi (nói) người nào (AdM)
 1826 Đêm khuya lạ mặt có vào nhà ta (AdM)
 * Sau câu 1826, bản AdM còn có hai câu :
 Ở đây vốn những đồn bà,
 Sao mà (làm sao) nam tử phép mà chẳng kiêng.

- Vân Tiên mới nói sự tình :
 Tôi là quốc trạng trào đình sai ra.
 Dem binh dẹp giặc Ô-quà,
 1830. Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây.
 Lão bà nghe nói sợ thay :
 Xin ông chớ chấp tôi nay mù già.
 Vân Tiên ngồi nhắm Nguyệt Nga,
 Lại xem bức tượng lòng đà sanh nghi.
 1835. Hỏi rằng : Bức ấy tượng chi,
 Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình.
 Đầu đuôi chưa rõ sự tình,
 Lão bà khá nói tánh danh cho tường.
 Lão bà chẳng dám lời gian :
 1840. Tượng nầy vốn thiết chồng nàng ngồi đây.
 Tiên rằng : Nàng xách lại đây,
 Nói trong tên họ tượng nầy ta nghe.
 Nguyệt Nga lòng rất kiêng dè,
 Mặt thời giống mặt còn e lạ người.
 1845. Ngồi che tay áo hổ người,
 Vân Tiên thấy vậy mỉm cười một khi.
 Rằng : Sao nàng chẳng nói đi,
 Hay là ta hỏi động chi chẳng là ?

Khảo dị

- 1830 Lạc chừng... (AdM) - 1834 Doãi nhìn... (AdM) - 1835 Hỏi rằng :
 Tượng ấy... (AdM) - 1838... khá nói tánh danh tôi tường (AdMn) - 1839...
 Xin bà (AdM) - 1839... nói gian (AdM) - 1841... nàng xách lại đây (TVK)
 - 1844... người e lạ người (AdM) - 1848 Hay lời ta hỏi... (AdM)
 1854 Chồng thời tên ấy... (AdMn) - 1856... xuống quỳ chấp tay (AdM)

1805. Một mình trong chốn non xanh,
 Không ai mà hỏi lộ trình trở ra.
 Đoạn nầy tới thứ Nguyệt Nga,
 Ở đây tính đã hơn ba năm rồi.
 Đêm khuya chong ngọn đèn ngời,
 1810. Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi ?
 Quan âm thuở trước nói chi,
 Éo le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài.
 Đã đành đá nát vàng phai,
 Đã đành xuống chốn dạ dài gặp nhau.
 1815. Khôn trông mong bấy đêm thu*,
 Khôn trông bấy quạ đội cầu đưa sao.
 Phải chi hỏiặng Nam Tào,
 Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau.
 Nguyệt Nga gương giải cơn sầu,
 1820. Xảy nghe lạc ngựa ở đâu tới nhà.
 Kêu rằng : Ai ở trong nhà,
 Đường về quan ải chỉ ra cho cùng.
 Nguyệt Nga ngồi sợ hãi hùng,
 Vân Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.
 1825. Lão bà lật đật hỏi chào :
 Ở đâu mà tới rừng cao một mình * ?

Khảo dị

- 1806 Biết ai... (AdM) - 1814 Cũng nguyên... Diêm đài tìm nhau (AdM)
 * Các bản TVK, PVT không có hai câu này (1815 - 1816) - 1820... ở
 đâu tới gần (PVT) - 1825 Lão bà ứng hỏi (nói) người nào (AdM)
 1826 Đêm khuya lạ mặt có vào nhà ta (AdM)
 * Sau câu 1826, bản AdM còn có hai câu :
 Ở đây vốn những đồn bà,
 Sao mà (làm sao) nam tử phép mà chẳng kiêng.

- Nguyệt Nga khép nép thưa qua :
1850. Người trong bức tượng tên là Vân Tiên.
Chàng đà về chốn cửu tuyền,
Thiếp lăm trợn đạo lánh miền gió trăng.
Vân Tiên nghe nói hỏi phân :
Chồng là tên ấy vợ rằng tên chi ?
1855. Nàng bèn tỏ thiệt một khi,
Vân Tiên vội vã xuống quỳ vòng tay.
Thưa rằng : May gặp nàng đây,
Xin đền ba lạy sẽ bày nguồn cơn.
Để lời thệ hải minh sơn,
1860. Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.
Vân Tiên vốn thiệt là tôi,
Gặp nhau nay đã phi rồi ước mơ,
Nguyệt Nga bằng lảng lơ,
Nửa tin rằng bạn nửa ngờ rằng ai.
1865. Thưa rằng : Đã thiệt tên ngài,
Khúc nôi xin cứ đầu bài phân qua.
Vân Tiên dẫn tích xưa ra,
Nguyệt Nga khi ấy khóc òa như mưa.
Ân tình càng kể càng ưa,
1870. Mảng còn bịn rịn trời vừa sáng ngày.
Xảy nghe quân ó vang dấy,
Bốn bề rừng bụi khắp bày can qua.

Khảo dị

- 1857... Nay gặp nàng đây (AdM) - 1861... vốn thiệt tên tôi (AdM) -
1865... Đã thiệt là ngài (AdM) - 1868... khóc òa như mưa (AdMn) -
1872 Tự bề... (AdM)

- Vân Tiên lên ngựa trở ra,
Thấy cờ đề chữ hiệu là Hớn Minh.
1875. Hớn Minh khi ấy dừng binh,
Anh em mừng rỡ tỏ tình cùng nhau.
Minh rằng : Tẩu tẩu ở đâu,
Cho em ra mắt chị dâu thế nào.
Vân Tiên đem Hớn Minh vào,
1880. Nguyệt Nga đứng dậy miệng chào có duyên.
Minh rằng : Tưởng chị ở Phiên,
Quyết đem binh mã sang miền Ô-quà.
May dâu sum hiệp một nhà,
Giặc đà an giấc khái ca hồi trào.
1885. Tiên rằng : Nàng tính thế nào ?
Nàng rằng : Anh hãy về trào tẩu lên.
Ngó nhờ lượng cả bề trên,
Lịnh tha tội trước mới nên về nhà.
Trạng nguyên từ già lão bà.
1890. Dặn dò gởi lại Nguyệt Nga ít ngày :
Tôi về đem bức tượng nầy,
Tàu cho khỏi tội rước ngày về nhà.

Khảo dị

- 1878 Dặng em ra mặt... (AdM)
1882... qua miền Ô-quà (TVK, PVT) - 1883 Mãng rầy... (AdM)
1884... ân ca hồi trào (AdM) - 1885 Tiên... làm sao (AdM)
1886 Nàng (Nga) rằng : Phu tướng hỏi trào... (AdM)
1887. Ngó ta nhờ lượng bề trên (PVT) 1891 Tôi về đem bức... (AdM)
1892 Tàu xin miễn tội... (AdM) - 1893... lên ngựa trở ra (AdM).

1915. Trá hôn oán ấy nên gây,
 Nguyệt Nga nàng thiết tội thì khi quân.
 Trạng nguyên mặt đỏ phừng phừng,
 Bền đem bức tượng quỳ dựng làm bằng.
 Sở vương xem tượng phán rằng :
 1920. Nguyệt Nga trình tiết ví bằng người xưa.
 Thái sư trước chẳng lo lừa,
 Thiếu chi dân thứ phải đưa tới nàng.
 Dầu cho nhứt nguyệt rõ ràng,
 Khôn soi chầu úp cũng mang tiếng đời.
 1925. Ngay gian sao cũng có trời,
 Việc nầy vì trẫm nghe lời nên oan.
 Trạng nguyên râu trước trào dâng :
 Thái sư trử dưỡng tôi gian trong nhà,
 Trịnh Hâm là đứa gian tà,
 1930. Hại tôi buổi trước cũng đã ghe phen.
 Sở vương phán trước bề tiền :
 Những ngờ tướng ngó tôi hiền mà thôi.
 Vậy cũng đạo chúa nghĩa tôi,
 Thái sư ý muốn cướp ngôi chín trùng,
 1935. Hón xưa có gã Đồng công,
 Nuôi thằng Lữ Bố cướp dòng nhà Lưu.
 Đời xưa tôi nịnh biết bao,

Khảo dị

1915 oán ấy còn gây (AdM) - 1916 Nguyệt Nga vốn thiết... (AdM) -
 1922... mà đưa tới nàng (AdM) 1925... chúng có đất trời (AdM) - 1933
 Vậy thời... PVT - 1938... nay cũng khác nào đời xưa (TVK, PVT)

- Tiên Minh trở ngựa đều ra,
 Dem binh trở lại trào ca dề huê.
 1895. Sở vương nghe trạng nguyên về,
 Sai quân tiếp rước vào kê bên ngai,
 Sở vương bước xuống kim giai,
 Tay bưng chén rượu thưởng tài trạng nguyên.
 Phán rằng : Trẫm sợ nước Phiên,
 1900. Có người Cốt Đột phép tiên lạ lùng,
 Nay đã trừ Cốt Đột xong,
 Thiết trời sanh trạng giúp trong nước nhà.
 Phải chi trước có trạng ra,
 Làm chi nên nổi Nguyệt Nga cố Hồ.
 1905. Lịnh truyền mở yến trào đô,
 Rày mừng trừ đảng giặc Ô-quả rồi.
 Trạng nguyên quỳ tấu một hồi,
 Nguyệt Nga các việc khúc nôi rõ ràng.
 Sở vương nghe tấu ngỡ ngàng,
 1910. Phán rằng : Trẫm tưởng rằng nàng ở Phiên.
 Chẳng ngờ nàng với trạng nguyên,
 Cùng nhau trước có nhân duyên thuở đầu.
 Thái sư trước bề quỳ tâu :
 Ô-quả dấy động qua mâu cũng vì.

Khảo dị

1899... sợ giặc Phiên (PVT) - 1903 Phải chi sớm có... (AdM) - 1904
 Làm sao đến nổi (AdM) - 1905... khai yến trào đô (AdM) 1906 Rày mừng
 trừ đảng (đảng) giặc... (AdM). Rày mừng trừ giặc Ô-quả đảng rồi (PVT
 - 1907... quỳ tấu trước ngai (AdM) - 1908... đầu đuôi rõ ràng (AdM) -
 1910 Bấy lâu trẫm... (AdM) - 1914 Ô-quả phản động... (AdM)

- Thái sư nay có khác nào người xưa.
Thấy người trung chánh chẳng ưa,
1940. Rắp ranh kế độc lập lừa mưu sâu.
Trịnh Hâm tội đáng chém đầu,
Ấy là mới hết người sau gian tà.
Sở vương phán trước trào ca :
Thái sư cách chức về nhà làm dân.
1945. Trịnh Hâm là đứa bạo thần,
Giao cho quốc trạng xử phân pháp hình.
Nguyệt Nga là gái tiết trinh,
Sắc phong quận chúa hiển vinh rõ ràng.
Kiểu công xưa mắc tội oan,
1950. Trảm cho phục chức làm quan Đông-thành.
Trạng nguyên đẹp giặc đã bình,
Kiệu vàng tán bạc hiển vinh về nhà.
Bãi châu chư tướng trở ra,
Trạng nguyên mới hết đều qua dinh ngồi.
1955. Họ Vương họ Hồn họ Bùi,
Cùng nhau uống rượu đều vui đều cười.

Khảo dị

- 1940... mua xa (AdM) - 1941 Đến nay mới rõ chánh tà (AdM)
1942 Cũng vì thù trước tại ta lỗi dùng (AdM) - 1943 Thôi thôi trẫm
cũng rộng dung (AdM) - 1944... cách chức về cùng dân gian (AdM) -
1945... bạo tàn (AdM) - 1946... liệu toan phép hình (AdM) - 1947...gái
trung trinh (AdM) - 1948... hiển vinh trào dâng (AdM) - 1949 Kiểu công
trước mắc... (AdMn) - 1950 Nay cho... (AdM) - 1951... đã thành (TVK)
1952 Kiệu trương tán phụng cho dành vinh hoa (TVK, PVT)
1953... chư tướng đều ra (AdM) - 1954... thình hết dinh hoa sang ngồi
(AdM) 1956 Cùng nhau ăn uống... (AdM)

- Trạng nguyên mới hỏi một lời :
Trịnh Hâm tội ấy các người tính sao ?
Truyền quân dẫn Trịnh Hâm vào,
1960. Mặt nhìn khắp hết miệng chào các anh.
Minh rằng : Ai mượn kêu anh,
Trước đà đem thối chẳng lành thời thời.
Kéo ra chém quách cho rồi,
Để chi gai mắt đứng ngồi cảm gan.
1965. Trục rằng : Minh nóng nói ngang,
Giết ruồi ai dụng gương vàng làm chi.
Xưa nay mấy đứa vô nghi,
Dầu cho có sống làm gì nên thân ?
Hâm rằng : Nhờ lượng cố nhân,
1970. Vốn em mới đại một lần xin dung.
Trạng rằng : Hể đứng anh hùng,
Nào ai có giết đứa cùng làm chi.
Thôi thôi ta cũng rộng suy,
Truyền quân mở trời đuổi đi cho rồi.
1975. Trịnh Hâm khỏi giết rất vui,
Vội vàng cúi lạy chum lui ra về.
Còn người Bùi Kiệm máu dề,
Ngồi chai bể mặt như sê thịt trâu.
Hơn Minh Từ Trục vào tàu,

Khảo dị

- 1966 Giết ruồi đầu xứng gương vàng... AdM - 1967... những đứa vô
nghi (AdM) - 1970 Vốn tôi... (AdM) - 1972... giết đứa khùng làm chi
(AdM) - 1975 Hâm rằng... (TVK) - Hâm mừng... (PVT) - Trịnh Hâm khỏi
thác... (AdM) - 1978 Ngồi chề (chai) bể mặt như sê... (AdM) - ... như về
thịt trâu (TVK, PVT)

1980. Xin đưa quốc trạng kíp châu vinh quy,
 Một người Bùi Kiệm chẳng đi,
 Trong lòng hổ thẹn cũng vì máu dê,
 Trạng nguyên xe giá chính tề,
 Sai quân hộ vệ rước về Nguyệt Nga.
1985. Bạc vàng đem tạ lão bà,
 Nguyệt Nga từ tạ thẳng qua Đông-thành.
 Vong điều gươm bạc lộng xanh
 Trạng nguyên Từ Trục Hồn Minh lên đàng.
 Trịnh Hâm về tới Hàn-giang,
1990. Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay.
 Trịnh Hâm bị cá nuốt rày,
 Thiệt trời báo ứng lẽ nấy rất ung.
 Thấy vậy nên dừng dừng.
 Làm người ai nấy thì dừng bắt nhân.
1995. Tiểu đồng trước giữ mộ phần,
 Ngày qua tháng lại đã gần ba năm.
 Cửa đi khuyển giáo mấy năm,
 Tính đem hài cốt về thăm quê nhà.
 Hiềm chưa thuê đặng người ta,
2000. Còn đương thơ thẩn vào ra Đại-đê.
 Trạng nguyên khi ấy đi về,
 Truyền quân bày tiệc lo bề tế riêng :

Khảo dị

- 1982... mình vì máu dê (TVK, PVT) - 1991... bị cá thần (nuốt) rày (AdM) - 1992 Rày trời quá báo... (AdM) - 1996... càng gần ba năm (PVT) - 2001... về đến (tới) Đại-đê (AdM)

- Tiểu đồng hôn bậu có thiêng.
 Thỏa tình thấy tỏ lòng thiêng ngày này.
2005. Đọc văn nhớ tới châu mày,
 Đòi hàng lụy ngọc tuôn ngay rờn rờn.
 Người ngay trời phạt động lòng,
 Phút đầu ngo thấy tiểu đồng đến coi.
 Trạng nguyên còn hãy sụt sùi,
2010. Ngo lên bài vị lại xui lòng phiền.
 Tiểu đồng nhắm ngựa nhìn nghiêng :
 Ông nấy sao giống Văn Tiên cũng kỳ ?
 Ông nào mất xuống âm ti,
 Ông nào còn sống nay thì làm quan ?
2015. Trạng nguyên khi ấy hỏi chàng :
 Phải người đồng tử mắc nần chốn ni ?
 Mấy năm tỏ mới gặp thấy,
 Cùng nhau kể nỗi đắng cay từ gần,
 Ai dè con thấy bốn quan,
2020. Ba năm gìn giữ mồ hoang đã rồi.
 Trạng nguyên khi ấy mừng vui,
 Tỏ thấy sum hiệp tại nơi Đại-đê.
 Đoạn thôi xe giá ra về,
 Tuần dư phút đã gần kê Hàn-giang.

Khảo dị

- 2004 Thỏa tình thấy tỏ... (TVK, PVT) - 2008... đã thấy tiểu đồng đến (tới) coi (AdM) - 2007... trời cũng động lòng (AdM) - 2013. Ông nào thác xuống... (AdM) - 2014... rày thời làm quan (AdM) - 2023 Đoạn này... (PVT) - 2024 Tuần dư phút đã... (TVK, PVT)

2025. Võ công từ xuống tuổi vằng,
 Thể Loan cùng mẹ Quỳnh Trang đeo sầu.
 Mẹ con những mảng lo âu,
 Nghe Vân Tiên sống gặp châu công danh.
 Cùng ta xưa có ân tình,
2030. Phải ra đón rước lộ trình họa may.
 Loan rằng : Mình ở chẳng hay,
 E người còn nhớ những ngày trong hang.
 Trang rằng : Con có hồng nhan,
 Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa.
2035. Dấu người còn nhớ tích xưa,
 Mẹ con ta lại đổ thừa Võ công.
 Cùng nhau bàn luận đã xong,
 Soi gương đánh phấn ra phòng rước duyên.
 Nay đà tới thứ trạng nguyên,
2040. Hàn - giang đã tới bỗng liền đóng quân.
 Bạc vàng châu báu áo quần
 Trạng nguyên đem tạ đáp ân ngư tiều.
 Ngư tiều nay đặt danh biểu,
 Ôn ra một buổi cửa nhiều trăm xe.
2045. Trạng nguyên chưa kịp trở về
 Thấy Quỳnh Trang đã đứng kê trong quân.
 Trang rằng : Tưởng chữ hôn nhân,
 Mẹ con tôi đến lễ mừng trạng nguyên.

Khảo dị

2034... thời chàng cũng ưa (TVK, PVT) - 2035 Vì đâu còn... (TVK, PVT) - 2036 Mẹ con ta hãy... (PVT) - 2038. Soi gương đánh sáp... (AdM)...
 ra dàng rước duyên (PVT) - 2048... Chúc mừng trạng nguyên (PVT)

- Võ công đã xuống huỳnh tuyến,
 2050. Xin thương lấy chút thuyền quyền phận nầy.
 Trang rằng : Bụng bát nước dầy,
 Đổ ngay xuống đất hốt rày sao xong.
 Oan gia nợ ấy trả xong,
 Thiếu chi nên nổi mà mong tới đòi.
2055. Hớn Minh Từ Trục đứng coi,
 Cười rằng : Hoa khéo làm mỗi trêu ong.
 Khen cho lòng chẳng thẹn lòng,
 Còn mang mặt đến đeo bông nổi chi ?
 Ca ca sao chẳng chịu đi,
2060. Về cho tấu tấu để khi xách giày.
 Mẹ con đứng thẹn thùng thay,
 Vội vàng cúi lạy chùn rày trở ra.
 Trở về chưa kịp tới nhà,
 Thấy hai con cọt chạy ra đón đàng.
2065. Thấy đều bắt mẹ con nàng,
 Dem vào lại bỏ trong hang Thương-tòng.
 Bốn bề đá lấp bịt bùng,
 Mẹ con than khóc khôn trông ra rồi.
 Trời kia quả báo mấy hồi,
2070. Tiếc công son điểm phấn dôi bấy lâu.
 Làm người cho biết ngãi sâu,
 Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn.

Khảo dị

2056 Khen rằng... (AdMn) - 2060... phòng khi xách giày (PVT) - 2062...
 chơn quảy bước ra (AdM) - 2064 Thấy hai ông cọt nhảy ra... (AdM) -
 Thấy hai ông cọt... (PVT) - 2067 Bốn bề lấp đá... (AdM)

- Đừng đừng theo thói mẹ con,
Thác đà mất kiếp tiếng còn bia danh.
2075. Trạng nguyên về tới Đông-thành,
Lục ông trước đã xây dinh ở làng.
Bày ra sáu lễ sẵn sàng,
Các quan đi hộ cưới nàng Nguyệt Nga.
Sui gia đã xứng sui gia,
2080. Rày mừng hai họ một nhà thành thân.
Trăm năm biết mấy tình thân,
Sanh con sau nối gót lân đời đời.

Khảo di

2074... xấu còn bia danh (AdM, PVT) - 2075... về đến (tối) Đông-thành
(AdM) - 2082 Sanh con để cháu... (PVT)

CHÚ THÍCH

LỤC VÂN TIÊN

1. *Truyện Tây minh* : *tây* là phía tây ; *minh* là bài văn ghi lại những điều tâm đắc để tự nhắc nhở mình về đạo lý, về công đức của các tiên nhân...viết khắc ở một nơi thích hợp để ghi nhớ mãi.Các bản *Lục Vân Tiên* nôm đều in rõ chữ "minh" (bộ kim + danh) với nghĩa như vậy. *Truyện* có nghĩa là sách, sách kinh truyện dành cho các danh nhân làm ra.*Tây minh* là tên bài minh do Trương Tải soạn.

Theo *Tục thông chí* (quyển 542 Nho lâm truyện). Trương Tải đời Tống, mồ côi phải sống tự lập từ bé. Ông chuyên tâm nghiên cứu kinh *Dịch*, *Trung dung*...Suốt đời ông sống trong cảnh nghèo khó mà vẫn dốc lòng lo việc học.Ông là bậc thầy của các kẻ sĩ đất Quan-trung.Những buổi ông giảng sách, người đến nghe đông như hội.

Nhà ông ngồi dạy học có hai cửa sổ, cửa sổ bên trái có bài *biếm ngu*, cửa sổ bên phải có bài *Đỉnh ngoan*. Trình Di (xem ct 12) muốn khẳng định chân lý trong nội dung của hai bài nên mới đổi *Biếm ngu* thành *Đông minh*, và *Đỉnh ngoan* ra *Tây minh*.

Hai bài tuy cùng được sáng tác đồng thời, nhưng ý nghĩa *Tây minh* uyên thâm, lời lẽ hàm súc, chặt chẽ bàn về đạo *hiếu* và đạo *nhân*, cái lẽ sống của con người trên cơ sở nhận thức "con người và vạn vật trong vũ trụ là cùng một thể" mà giải thích cái nguyên do và cả cái lý

do của hiếu và nhân để người ta hết lòng hiếu với cha mẹ, thực lòng nhân với đồng loại.

Sách *Tĩnh lý đại toàn* có chép *Tây minh* cùng với những lời chú thích và cả những lời giải lời án của các học giả đương thời. Ở nước ta ; sách *Tĩnh lý đại toàn* được du nhập và phổ biến rất sớm. Ngoài ra, ngay trong nước cũng có soạn in các tập *Ngụ chế Tĩnh lý tình nghĩa*, *Tĩnh lý tiết yếu* in đủ toàn văn bài *Tây minh* và cả những lời chú thích, lời giải (rút gọn lại). Quyển *Tĩnh lý tiết yếu*, nguyên bản của họ Bùi, bản khắc của hiệu Mỹ văn đường in vào năm Thiệu-trị tứ niên (1844) tức là một năm sau khi Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài, chắc bấy giờ cũng đã khá phổ biến.

Thư tịch Trung Quốc, căn cứ vào các bộ thư mục lớn, đầy đủ hiện có, thì không thấy đâu nói đến một cuốn truyện *Tây minh* nào khác (có chép truyện *Lục Vân Tiên*) ngoài bài *Tây minh* của Trương Tải. Do đó, xét về các mặt thân thế của các tác giả và chú ý sáng tác của *Tây minh* và *Lục Vân Tiên*, chúng tôi cho rằng Nguyễn Đình Chiểu đã đọc và tâm đắc *Tây minh* của Trương Tải và đến khi sáng tác *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã đặt vào đây với ý nghĩa là bắt chước người xưa phát dương đạo học mà bản rộng thêm để làm sáng tỏ tinh thần hiếu và nhân đó, nhằm nêu cao bản lĩnh hiếu và nhân của *Lục Vân Tiên* mà tựu trung là phản ánh cái bản lĩnh của mình. Và, một mặt khác, truyện *Lục Vân Tiên* cũng là một bài minh để răn người "dữ răn việc trước lành dè thân sau". Cho nên, truyện *Lục Vân Tiên* do chính Nguyễn Đình Chiểu nghĩ soạn ra. Vì vậy, các chất liệu dùng vào việc sáng tác tập truyện đều xuất phát từ hiện thực của xã hội Việt Nam đương thời. Những tên người, tên đất nói

chung đều có tính chất ước lệ, có tính chất là một điển cố mà ý nghĩa chủ yếu là ý nghĩa hình tượng.

2. **Nhơn tình** (nhân tình) : nói tình người ăn ở đối xử với nhau, hay thói người đời.
3. **Éo le** : rắc rối, trắc trở khó lường trước. Xem các câu 593, 1812.
4. **Ý cả câu** : Người nghe nên trông gương nhân vật trong truyện để răn cho thân mình được hưởng hạnh phúc về sau.
5. **Trung hiếu** : hết lòng với người, không ngại gian nguy là trung ; khéo ăn ở, kính yêu cha mẹ là hiếu.
6. **Tiết hạnh** : lòng trinh bạch, nét ăn ở chuyên nhất thủy chung với chồng.

Trau mình : sửa mình. Trau là làm cho trơn, cho đẹp tốt hơn. Xem câu 1613 : Bùi ông ngon ngọt trau dồi.

7. **Đông-thành** : tên đất do tác giả đặt ra, chắc chắn ít nhiều có ngụ ý tới các tên Đông Thành (có con sông Đông Thành, ở An Giang - Châu Đốc), Đông Phố (tên cũ thành Gia Định) mà chỉ một địa phương Nam Bộ chứ không phải là tên huyện ở tỉnh An Huy Trung Quốc. Xem các câu : 189, 859, 884, 1043, 1048, 1105, 1260, 1390, 1950, 1986, 2075.
8. **Tu nhơn (nhân) tích đức** : sửa điều nhân, chứa điều đức, nghĩa là lo trau dồi lòng nhân ái để ăn ở đối xử với người mà càng ngày càng làm nhiều việc tốt có đức để được hưởng phúc lành.
10. **Hai tám** : mười sáu. Đây là cách nói thường dùng trong văn nôm, cũng như "ba bảy" (Hai mươi mốt), "hai năm mươi" (một trăm). Còn có cách nói bóng tuổi độ "trăng rằm" (mười lăm tuổi), "trăng tròn lẻ" (tuổi trên mười lăm).

19. **Hội long vân** : hội rồng mây. Chỉ dịp gặp thời cơ tốt. *Kinh Dịch* : *Vân tung long, phong tung hổ* = Mây theo rồng gió theo hổ, là nói những vật cùng khí loại thường cảm ứng mà tìm đến với nhau. Thơ Nguyễn Công Trứ : Duyên ngư thủy hội long vân còn đó, miếng đỉnh chung cho biết mùi đời.

Rút từ ý *kinh Dịch*, vân nôm còn có : Phong vân (*Đại Nam quốc sử diễn ca*), Hội gió mây (thơ Nguyễn Công Trứ), Hội rồng mây (*Phan Trần*), Mây gió gặp kỳ (*Hoa tiên*)...

20. **Lập thân** : lo cho có sự nghiệp để nên người mà giúp đời. Xem các câu 507, 590.

21. **Lăm** : quyết toan liệu làm một việc gì. Xem các câu 559, 628.

Bán nhận ven mây : ý nói trở tài thi đỗ cao dù bài thi có khó. Chữ "nhận" có thể lấy ý từ chữ *Nhận tháp* hay *Nhận tháp đề danh* là nói sự thi đỗ đại khoa : Đời Đường từ sau những năm Thần-long (705 - 707), những người mới đỗ tiến sĩ bắt chước Trương Cử đến tháp Nhận ở chùa Từ-ân (nay thuộc huyện Trường-an, tỉnh Thiểm-tây) để tên mình lên tháp. Từ đó có chữ *Nhận tháp đề danh*.

22. **Tôi** : tôi, tớ. Đây Lục Văn Tiên khiêm xưng với nghĩa là học trò. Cũng như chữ "tớ" trong các câu 28, 80.

24. **Báo bổ** : báo đáp, đền bù, ý nói lo báo đền ơn và làm việc ích cho người.

Hiển vang (hiển vinh) : rạng rỡ, vẻ vang. Xem các câu 1337, 71, 1948, 1746.

26. **Số hệ** : số mệnh đã định trước.

Khoa tràng (khoa trường) : chỉ sự đỗ đạt nên danh ở trường thi. Xem các câu 634, 1676.

27. **Máy trời**, do chữ *thiên cơ* : nói cái lẽ huyền diệu của trời như cái máy vận xoay mà làm nên tất cả. *Kiều* : Cơ trời đâu bề da đoan.

28. **Tớ** : xem ct 22. Xem các câu 80, 152.

29. **Dục trong** : chỉ sự xấu hay tốt, phải hay trái, dở hay ở đời. Bản Vũ Đình Liên chú : "Trong truyện Lục Văn Tiên cũng như trong những văn thơ khác, Nguyễn Đình Chiếu thường dùng hai chữ *dục, trong* để hình dung một cách cụ thể đạo đức nhân nghĩa (trong) và bất nhân bất nghĩa (dục)".

30. **Toan** : tính liệu, lo liệu trước. *Kiều* : Cầm dao nòng đã toan bài quyền sinh. Xem các câu 508, 814, 816, 784, 1025.

Hộ thân : phòng giữ, che chở mình. Xem câu 608.

31. **Chốn phong trần** : nơi gió bụi. Chỉ cõi đời rối ren, hỗn tạp, long đong.

32. **Đạo** : là một loại từ.

Phù thần : bùa thần, bùa thiêng. Bùa là một loại dấu hiệu của thầy phù thủy, được vẽ lên nền giấy hay nền vải. Theo mê tín, nó có tác dụng trừ ma quỷ, che chở cho mình.

33. **Nghèo** : hiểm nghèo, tức nguy hiểm, khó khăn lắm.

35. **Hậu đằng** (hậu đường) : nhà sau. Xem các câu 269, 391, 1003.

38. **Khoa kỳ** : kỳ thi. Nói kỳ thi đỗ, nghĩa như chữ "khoa trường" ở câu 26. Xem các câu 52, 65.

39. **Bối rối việc nhà** : ý nói nhà có tang, như trong thành ngữ : "tang gia bối rối". Theo lễ giáo thời xưa, người có tang cha mẹ phải ở nhà lo báo hiếu không được có chí bay nhảy lập công danh ở chốn trường thi.

40. **Đức bạc** : đức mỏng (nên cũng khó mà được quý thần báo lại cho được hiển vinh ở chốn khoa trường). Theo quan niệm cũ, tài giỏi đến mấy mà đức bạc, hay không có đức thì sẽ có báo ứng không sao đổ được.

Tài sơ : tài học còn thô sơ, không sâu sắc, không có tài năng gì đáng kể.

43. **Nên hư** : chỉ sự hay dở, tốt xấu, thành công hay thất bại. Xem các câu 623, 1193, 1531.

44. **Minh** : rõ ràng.

45. **Sự tình** : tình hình một sự việc gì. Xem các câu 258, 1294, 1545.

46. **Ngõ sau** : ngõ hầu sau này.

Đăng trình : lên đường. Xem các câu 162, 1763.

48. **Án** : cái bàn.

49. **Vạn lý trường đồ** : đường dài vạn dặm.

50. **Cất gánh** : nhắc gánh hành lý, ý nói lên đường. Xem câu 603.

51. **Hồ nghi** : nghi ngờ. Tính con cáo (hồ) hay nghi nên gọi là hồ nghi.

54. **Tiểu sanh** (tiểu sinh) : người học trò nhỏ, là tiếng khiêm xưng.

Nắng mưa : nắng mưa là những hiện tượng bấy giờ người ta chưa thể lường trước, đây ý nói may rủi thế nào chưa biết được.

55. **Song đường** : cha mẹ, là bởi chữ *xuân đường* chỉ cha và *huyền đường* chỉ mẹ. *Xuân đường* (nhà xuân) chỉ nghĩa về người cha, là do chữ sách trang tử : *Thượng cổ hữu đại xuân giả, dĩ bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu* = Đời thượng cổ có giống cây đại xuân, lấy tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa

thu. Người sau nhân đó gọi cha là xuân đường là có ý mong cha được tuổi thọ. *Kiều* : Xuân đường kịp gọi sinh về họ tang. *Huyền đường* (nhà huyền) chỉ nghĩa về người mẹ, là lấy ý từ chữ sách kinh *Thi* : *An đắc huyền thảo, ngôn thu chi bối* = Sao được cỏ huyền, trồng nó ở chái nhà phía bắc. Lời chú họ Trịnh nói : "Có huyền làm cho người ta quên được điều lo buồn. Bối là chái nhà phía bắc, nơi đàn bà, con gái ở ; tục gọi mẹ là *bắc đường* hay *huyền đường*". Thơ Diệp Mông Đắc (Tổ ng) ; *Bạch phát huyền đường thượng* = Tóc bạc trên nhà huyền, ý nói mẹ già tóc đã bạc. *Nữ tử tài* : Đặt tên là a Phi Nga, huyền đường sớm vắng còn nhà nghiêm quân.

Tuổi hạc : tuổi thọ, vì tương truyền hạc sống lâu đến nghìn năm. Lời sớ kinh *Thi* của Lục Cơ (Tam quốc - Ngô) nói : *Hạc thọ thiên tuế* = Chim hạc sống lâu nghìn năm. *Kiều* : Cối xuân tuổi hạc càng cao, một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.

56. **Âm hao** : tin tức.

Tường : hiểu rõ.

58. **Tiên đường** : nhà trên.

59. **Nhơn cơ tàng sự** : nhân cơ trời vốn chứa kín nhiều lẽ bí ẩn biểu hiện trong các hiện tượng tự nhiên, cho nên nay nhân việc "trăng trên trời" mà nói cho Vân Tiên rõ lẽ bí ẩn đó.

64. **Lựa là** : chẳng cần phải là. Cũng nói *lọ là* : Lọ là chân gối mới ra sát cằm (*Kiều*). Xem câu 182.

66. **Khôi tinh** : sao Thiên-khôi. Theo quan niệm cổ xưa, sao Thiên-khôi chủ về văn học, sao Tử-vi chủ về thân mệnh người ta. Khôi tinh đã rạng, ý nói văn tài đã đến lúc gặp dịp thi thố, được nổi danh.

Tử-vi thêm lò : nói thân phận càng thêm được hiển vinh, cao quý.

Lò : sáng chói

67 - 68. Ý cả hai câu : Nhưng vì thời vận chưa tới, lại nữa đi thi vào năm xung nên chắc gặp phải việc chẳng lành.

Theo cách tính năm, thì mỗi năm được tượng trưng bằng một con vật. *Ngựa* là tượng trưng của năm *ngọ*, *thỏ* là năm *mão*, *gà* là năm *dậu*, *chuột* là năm *tý*. Theo cách tính năm tính tuổi trong môn thuật số, thì bốn con đây là tượng trưng cho bốn năm - mà bốn năm này xung khắc với nhau trong các năm tuổi : "tý, ngọ, mao, dậu tứ hành xung", chứ không nhất thiết là nói cụ thể rằng : Văn Tiên tuổi *ngọ*, cái tuổi còn nhiều vận hạn, đến năm *mao* học thành tài để lập công danh, nhưng năm *dậu* gặp tai nạn, phải đến năm *nhâm tý* mới thành công danh trọn vẹn. Vì những năm này thực ra không dính dáng gì đến Văn Tiên cả.

Như vậy, bốn năm *ngọ* (ngựa), *dậu* (gà), *mão* (thỏ), *tý* (chuột) chỉ là kể ra cái luật xung khắc trong các năm tuổi, và ngầm bảo cho Văn Tiên biết rằng : tuổi *tý* mà đi thi vào năm *mão* là không hợp, là xung khắc đấy, song vì "má trời chẳng dám nói ra" nên không lẽ chỉ nói về *tý*, *mão* (lộ thiên cơ) mà nói cả *ngọ*, *dậu* cho xuôi câu. Tuy vậy đối chiếu với tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu, thì có thể là ông có ngụ ý tự thuật thân thế mình khi nêu lên bốn năm xung khắc đó : *ngọ*, tuổi ngựa - ông sinh năm *nhâm ngọ* (1822) ; *mão*, tuổi thỏ - ông thi đỗ năm *quý mao* (1843) và *dậu*, tuổi gà - ông bị mù năm *kỷ dậu* (1849).

72. **Tiến trình** : bước đường phía trước còn phải đi, tức nói tương lai. Xem câu 257.

73. **Bĩ cực thái lai** (thái lai) : vận cùng tới chỗ cùng cực, thì vận thông đến. Nói khổ hết lại sướng, rủi hết đến may.

Bĩ, thái (thời) vốn là tên hai quẻ trong kinh *Dịch*. *Bĩ* tượng trưng sự cùng khôn, *thái* tượng trưng sự hanh thông. Thơ *Vi Trang* (Tiên Thục) : *Bĩ khứ thái lai chung khả đãi* = Vận bĩ đi vận thái đến, rút cục cứ đợi. *Dại Nam quốc sử diễn ca* : *Mới hay cơ tạo xoay vần, có khi bĩ cực đến tuần thái lai*. *Phương hoa* : *Đã hay bĩ cực thái sinh, tơ hồng dường cũng có tình trên người*.

74. Ý cả câu : Lo giữ mình cho trọn vẹn, chớ sờn lòng vì việc làm của thời đời bạc bèo (như Trịnh Hâm, Võ công... sau này).

75. **Tạ ơn** : bày tỏ lòng biết ơn. Xem ct. 16

76. **Trăm năm** : ý nói trọn đời, vì theo quan niệm cũ đời người ta chỉ sống đến trăm tuổi là cùng. Xem các câu 104, 244, 252, 985, 1355, 1496, 1569, 2081

Keo sơn : hai chất dính dùng gắn đồ vật. Chỉ sự gắn bó bền chặt chắc chắn. *Kiểu* có chữ "tất giao" là cùng nghĩa ấy : Một lời vừa gắn tất giao. Xem câu 1017.

77. **Rạng chơn trời** : chân trời mới hừng sáng. Xem câu 393.

78. **Học đường** : trường học.

79. **Thiên các nhứt phương** : mỗi người một phương.

82. **Dại Từ lộ** : dai (đặt trên đầu) để đội gao của Từ-lộ. Nói cảnh người hiển tài mà gặp lúc cùng chưa đạt. *Sử ký* : Từ-lộ là tên tự của Trọng Do, học trò Khổng tử, người đất Biện nước Lỗ thời Xuân thu, tính hiếu dũng, thích nghe điệu lâm lỗi của mình, thờ mẹ rất cố hiếu, thường phải đội gao thuê hàng trăm dặm lấy tiền nuôi mẹ (Trọng-ni đệ tử liệt truyện).

Thơ Vương Nguyên Chi (Tống) : *Bần hy Trọng Do mễ, da phế Đồng sinh duy* = Nghèo hiếm gao Trọng Do, nhiều người bỏ bằng cả màn họ Đồng (ý nói bỏ cả việc học).

Bầu Nhan Uyên : bầu nước của Nhan Uyên - Nói ở cảnh nghèo mà vẫn vui việc học. *Sử ký* : Nhan Uyên tức Nhan Hối tự Tử-uên người nước Lỗ thời Xuân thu, học trò giỏi nhất của Khổng tử, rất ham học, được xếp vào hạng đại hiền "học một biết mười", không bao giờ quên điều nhân nghĩa, sống trong cảnh nghèo mà vẫn vui đường học đạo. Ông được Khổng tử khen : "Hiển tai, Hối già ! nhất dân tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hối già bất cái kỳ lạc. Hiển tai Hối già" = Hiển thay là anh Nhan Hối ! một giỏ cơm một bầu nước, ở nơi ngõ hẹp, người ta không kham nổi cảnh nghèo hèn mà lo buồn, còn Nhan Hối thì không thay đổi điều vui của mình. Hiển thay là anh Nhan Hối. Ông chết sớm chỉ mới ngoài 30 tuổi (Trọng-ni đệ tử liệt truyện). Xem câu 491 - 492. *Quốc âm thi tập* : Nhan Uyên nước chứa bầu còn nguyệt, Đỗ Phủ thi nên bút có thần. *Bạch-vân quốc ngữ thi tập* : Kia ai dùng đỉnh trong làng hạnh cơm một giỏ nước một bầu.

Ý cả câu : Nói đức độ và tài năng của Văn Tiên, bền bỉ vui đường học tập, quyết chí "dăng trình" làm sáng đạo học, không quản ngại gian khổ.

83. **Cá nước** : chỉ sự gặp gỡ tương đắc nhau như cá gặp nước. Đây nói sự thi đỗ, công danh thành đạt. *Kiều* : Cười rằng cá nước duyên ưa.

84. **Phỉ nguyên** : thỏa lòng mong ước. Xem câu 448.

Ý cả câu : (Bao giờ cá nước gặp duyên) để cho người con vốn đã hiểu thảo này thỏa chí giúp vua giúp nước cho được tiếng là kẻ bề tôi trung.

85. **Lướt dặm** : vượt đường nhanh. *Dặm*, chỉ quãng đường như : dặm cũ (88), dặm đường (1674), dặm liễu (335), dặm trường (838). Xem câu 576.

86. **Xông sương** : xông pha sương gió. Nói cảnh vất vả khi đi đường.

88. **Vội vội** : đây ý nói xa thăm thẳm, xa quá tầm mắt. Xem các câu 234, 279.

Dặm cũ : dặm đường cũ đã đi, tức là dặm đường từ trường về nhà. Xem ct 85.

89. **Lân gia** : nhà hàng xóm. Đây nói nhà ở gần quanh đó.

91. **Tưng bừng** : nghĩa cổ là nhộn lên, rộn lên, không hàm ý tung bừng, vui vẻ như nghĩa ngày nay.

94. **Bon bon** : chạy nhanh. Xem ct 755.

95. **Tiểu tử** : anh chàng trẻ tuổi.

96. **Đằng Sơn-dài** : chỉ bọn cướp núi. *Sơn-dài* là tên riêng do tác giả đặt ra. Xem câu 103.

100. **Phân qua** : bày tỏ qua. Xem câu 1866.

101. **Lâu la** : bọn tay sai tướng cướp. Xem các câu 133, 144.

104. **Khôn đương** : khó mà đương đầu địch lại.

105. **Thôn hương** : thôn làng.

108. **Nữ nhi** : con gái trẻ. Xem các câu 209, 1567.

109. **Vóc ngọc minh vàng** : nói thân thể quý trọng lắm. *Vóc*, chỉ khổ người, thân người, như nói vóc dạc.

110. **Lạnh lùng** : nghĩa cổ, là đẹp tuyệt vời. Cũng như nói "tốt lạnh lùng" là tốt đẹp hơn hết thấy (Génibren), khác với nghĩa ở các câu 1074, 1522, 1646.

111. **Hành hung** : làm điều hung ác. Xem câu 1371

112. **Thục nữ** : người con gái dịu dàng, có đức.

Thất phu : người hèn mọn, thô bỉ. Xem câu 1032.

114. **Âu**, do chữ "ưu" đọc chệch ra, nghĩa là lo, lo buồn. Xem các câu 1000, 1458, 544.

164. **Tiết trăm năm** : cái trình tiết của cả một đời người.
Kiều : Phải điều ăn xối ở thì, tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày.
165. **Quân tử** : tiếng phụ nữ tôn gọi người con trai có tài có đức thời xưa. Xem các câu 186, 401, 1330.
166. **Tiện thiếp** : người đàn bà hèn mọn, tiếng khiêm xưng của phụ nữ thời xưa. Xem câu 185.
167. **Chút tôi** : Cái tôi bé bỏng, tiếng khiêm xưng, cũng như "chút thân", "chút phận"...
- Liều yếu đào thơ** : nói thể chất người con gái mềm mại, yếu ớt, trẻ đẹp.
168. **Đá phần** : đã là phần của tôi.
173. **Báo đức thủ công** : báo trả ơn đức đến đáp công lao.
177. **Nguồn cơn** : đầu đuôi gốc ngọn. *Cung oán* : nghĩ nguồn cơn dở cõi sao đang. *Nhị độ mai* : Tò nguồn cơn trước kẻ đường đất xưa.
179. **Kiến nghĩa bất vi** : thấy việc nghĩa không làm. *Luận ngữ* : Kiến nghĩa bất vi, vô dũng giả = Thấy việc nghĩa không làm là người vô dũng (Vi chính)
180. **Phi anh hùng** : chẳng phải anh hùng.
181. **Thi chung** (thủy chung) : từ đầu đến cuối, trước sau vậy. xem câu 1632.
187. **Phút nghe** : trong giây phút mà được nghe, cũng như nói "thoát nghe". Thoát nghe *Kiều* đã đắm đắm châu sa (*Kiều*).
- Thanh tao** : trong nhẹ lưu loát.
188. **Phôi pha** : phai nhạt đi, kém vẻ đậm thắm. Đây có nghĩa là nhạt nhẽo, qua loa, *Kiều* : Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha. Xem các câu 494, 942, 1410, 1624.

191. **Thuyền duyên** : óng ả, xinh đẹp. Chỉ người phụ nữ đẹp. *Kiều* : Xót nàng chút phận thuyền duyên. Xem câu 2060.
193. **Tri âm** : biết tiếng. Chỉ bạn tri kỷ, biết bụng dạ nhau. Theo *Là Thị Xuân Thu*, *Bá Nha* thời *Xuân thu* là người giỏi đàn gập và chơi thân với *Chung Tử Kỳ* là người sành nghe đàn. Một hôm *Bá Nha* đánh đàn, lòng nghĩ đến chốn non cao (cao sơn), *Chung Tử Kỳ* bảo : "Thiện tại hồ cổ cầm, nguy nguy hồ nhược Thái-sơn" - Đánh đàn giỏi làm sao, vôi vôi cao thay như núi thái. Và một lát, lòng nghĩ đến dòng nước cuốn cuộn chảy, *Chung Tử Kỳ* lại bảo : "Thiện tại hồ cổ cầm, dâng dâng hồ nhược lưu thủy" = Đánh đàn sành biết mấy ! mệnh mệnh thay như nước chảy ! Đến khi *Chung Tử Kỳ* chết, *Bá Nha* đập đàn không gảy nữa, vì cho đời không còn ai hiểu tiếng đàn của mình. *Kiều* : Đã cam tộ với tri âm bấy chầy. Xem câu 276.
- Rút từ điển này, văn nôm còn có *Non cao nước chảy* : Thơ ngâm quý khóc thần sầu, khúc ngời non cao nước chảy (*chiêu hồn quốc ngữ văn*), *Nước non* : Nước non luống những lắng tai *Chung Kỳ* (*Kiều*)
202. **Lây dây** : vương víu dai dẳng mãi,
204. **Đá mấy** : đã có là bao nhiêu.
206. Ý cả câu : Nếu vì tình nghĩa, thì một lời nói cũng đủ ghi nhớ mãi, nên cho dù có ai đem nghìn vàng mua chuộc cũng không thể làm phai nhạt được.
207. **Trọng nghĩa khinh tài** : coi trọng nhân nghĩa, xem nhẹ tiền tài.
210. Ý cả câu : Vốn tôi là phận đàn bà con gái chưa biết cái lẽ mà chàng đã nói, nên mới có khi mịch lòng chàng làm vậy.
218. **Bây chừ** : bây giờ.
219. **Xin hầu** : Xin vâng làm thơ hầu *Văn Tiên*.

220. **Xuống tay** : do chữ *hạ thủ* : bắt tay làm một việc gì.
tả : viết, bày tỏ ra. Xem câu 425

Tám câu năm vần : bài thơ theo luật Đường bảy chữ tám câu (thất ngôn bát cú) gieo vần ở các câu 1, 2, 4, 6 và 8.

223. **Ngạt ngào** : mùi thơm nức lên, đây ý nói thơ hay lắm.

226. **Chẳng phen** : chẳng bằng, chẳng sánh kịp. Xem ct 1591.

Tạ nữ : người con gái họ Tạ tức Tạ Đạo Uẩn. Theo *Thông chí*, Tạ Đạo Uẩn con gái Tạ Dịch, người đất Dương-hạ đời Tấn, nổi tiếng thông minh, học rộng, có tài biện luận, giỏi thơ văn. Chú là Tạ An thường hỏi kinh *Thi*, nàng đều trả lời rành rọt. Một hôm nhân họp mặt gia đình, gặp buổi tuyết xuống, Tạ An hỏi : "Cảnh tuyết rơi có thể ví với cảnh gì được ?" Người cháu tên là Lãng thưa : "Tàn diêm không trung sai khá nghi" = Có thể ví với muối tán nhỏ bay không đều nhau trong không trung. Đạo Uẩn lại nói : "Vị nhược liễu như nhân phong khởi" = Không bằng ví với xơ bông liễu bay nhân khi gió nổi. Tạ An phục tài. *Sái vãi* : Gái mà như Tạ Đạo Uẩn, gái mà hay vịnh tuyết thành thơ.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *Liễu như* : Câu thơ Liễu như ngâm chơi, dẫu tài ả Tạ dễ so cho tày (*Quan âm Thị Kính*). *Liễu trì* : Tục điệu gắng bộ văn tiên, liễu tỉ trước lá hoa tiên thế nào (*Mai đình mộng ký*) ; *Ả Tạ* : Khen tài nhà ngọc phun châu, nàng Ban ả Tạ cũng lâu thế này (*Kiều*)

Từ Phi : người đất Trường-thành đời Đường tên Huệ, lên 8 tuổi đã giỏi việc văn thơ. Vua Thái tông nghe tiếng triệu vào kinh cho giữ chức tài nhân, bà có làm trăm bài thơ liên châu.

227. **Dú xuất dú kỳ** : càng nói ra càng thấy hay thấy lạ.

232. **Mai điều** : chỉ bức tranh thể hiện sự phối hợp đẹp đẽ của hoa mai với chim (điều). Ở đây, ý nói thơ xướng họa rất xứng nhau.

233. **Xúc cảnh hứng hoài** : xúc cảm trước cảnh mà động lòng thơ.

237. **Phản hồi** : trở về. Xem câu 1800.

241. **Uyên ương** : Loài chim nước, con đực là uyên, con cái là ương, lúc nào cũng đi thành đôi không hề rời nhau. Chỉ cảnh vợ chồng hòa thuận, thương yêu nhau.

243. **Nguyệt lão**, tức *Nguyệt hạ lão nhân* : ông già dưới trăng. Theo *Tục u quái lục*, Vi Cố đời Đường trọ ở đất Tống Thành, nhân một đêm trăng đi dạo chơi có gặp một ông lão ngồi tựa vào một cái túi lớn đựng đầy dây đỏ (xích thàng), hướng về mặt trăng mà kiểm sách. Vi Cố hỏi, ông lão trả lời đây là văn thư kết hôn của thiên hạ, còn những sợi dây đỏ dùng để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ chồng. Dù cho hai bên có oán thù nhau, ở xa nhau không cùng quê cùng quán nhưng khi dây đỏ đã buộc chân họ lại rồi, tất sẽ ăn ở hòa hợp với nhau.

Lục Văn Tiên còn có : *Tơ điều* (1283), *Tơ hồng* (330). *Mối tơ* (1308), *Mối hồng* (1208). *Ca dao* : Bấc thang lên đến tận trời, bắt ông Nguyệt lão đánh mười cẳng tay. Đánh thôi lại trả vào đây, hỏi ông Nguyệt lão nào dây tơ hồng. *Cung oán* : Tay Nguyệt lão chẳng xe thì chớ, xe thế này có dở dang không. *Nhị độ mai* : Sinh rằng Nguyệt lão xe tơ, nhân duyên đã định Trần gia những ngày.

Rút từ điển này, văn nôm có : Ông Nguyệt (*Nữ tú tài*), Ông tơ (*Kiều*), Trăng già (*Kiều*, *Cung oán*), Chỉ hồng (*Kiều*), Dây thắm (*Cung oán*), Tơ hồng (*Kiều*), tơ thắm

(*Hoa tiên*), *Tơ trăng (Phương hoa)*, *Xích thành (Kiều)* v.v... Xem câu 1208

244. **Vẹn chú tông** (tòng) : vẹn đạo làm vợ. *Tòng* là bởi chữ "tam tông" = ba điều phải theo (tòng) của người đàn bà theo lễ giáo phong kiến : theo cha, theo chồng, theo con. *Nghi lễ : Phụ nhân hữu tam tông chi nghĩa, vô duyên dụng chi đạo ; có vị giáo tông phụ, ký giá tông phu, phu tử tông tử* = Người đàn bà có cái nghĩa phải theo ba điều mà không có cái lẽ làm theo ý mình, cho nên khi chưa lấy chồng thì theo cha, khi đã lấy chồng thì theo chồng và khi chồng chết thì theo con. *Hồng đức quốc âm thi tập* : Tam tông trước nàng đã lỗi, thất xuất rày anh mới phần. Xem câu 402.

245. **Ngưu lang** : tức Khiên-ngưu-lang = chàng chăn trâu. Khiên-ngưu vốn là tên sao ở phía nam Thiên-hà đối diện với sao Chức-nữ, sau biến thành nhân vật thần thoại. Chức-nữ ở bên bắc sông Ngân lo nghề dệt cửi. Trời thương cảnh nàng lẻ loi mà đem gả cho Ngưu-lang, chàng chăn trâu ở bên kia sông Ngân. Nhưng sau vì Chức-nữ có lỗi nên trời phạt bắt trở về, chỉ cho phép một năm một lần sang sông Ngân gặp Ngưu-lang.

246. **Chức-nữ** : vốn là tên sao ở phía bắc sông Ngân-hà đối diện với sao Khiên-ngưu ở phía nam sông ấy tức sao trong chòm sao Thiên-cầm (lyre), tên khoa học là Wega. *Kinh Thi : duy thiên hữu Hán, Giám diệc hữu quang, xỉ bi Chức-nữ chung nhật thất tương* = Duy trên trời có dải Ngân Hà nhìn (chúng ta) cũng còn đủ ánh sáng, còn ba ngôi sao đứng thành hình tam giác kia là sao Chức nữ đi suốt ngày đến hết lượt bảy sao khác (rồi lại trở về y như đó). *Sử ký : Vụ-nữ kỳ bắc, Chức nữ, Thiên nữ tôn giá* = Phía bắc sao Vụ nữ có sao Chức-nữ, là cháu gái của

Thiên đế (Thiên quan thư). *Hán thư* : Chức nữ, Thiên đế tôn giá = chức nữ là cháu Thiên đế (Thiên văn chí). Chức-nữ biến thành nhân vật thần thoại. Theo *Kinh Sở tuế thời ký*, phía đông Thiên-hà có Chức-nữ (người con gái dệt vải) là con của Thiên đế, hàng ngày lo việc dệt cửi, dệt thành những vân cẩm thiên y (gấm mây áo trời). Thiên đế thương cảnh nàng cô độc bèn gả cho Khiên-ngưu-lang (chàng chăn trâu) ở phía tây Thiên-hà. Từ đó, Chức-nữ bỏ việc dệt cửi. Thiên đế nổi giận bắt tội, buộc nàng phải trở về lại bên phía đông, cho phép một năm chỉ được một lần gặp nhau vào đêm thất tịch (đêm mồng bảy tháng bảy). Tương truyền có chim ô thước làm nên cầu cho Chức-nữ sang sông gặp Ngưu-lang. *Thơ Ngự Văn đế : Khiên-ngưu Chức-nữ giao tương vọng* = Khiên-ngưu Chức-nữ cách xa mà trông ngóng nhau. Xem các câu 1356, 1284. *Hồng đức quốc âm thi tập* : Ước gặp Nữ, Ngưu mà thử hỏi, cầu Ô sự ấy có chăng vay.

Rút từ điển này, văn nôm có : *Cầu Ô (Phan Trần, Phạm Tài Ngọc Hoa, Hồng đức quốc âm)*, *Cầu Chức-nữ (Nam hải tế văn)*, *Gió nữ mưa ngâu (Hoài cổ khúc)*, *Thước kiếu (Tứ thức)*...

249. **Dấu thỏ đường dê** : xa xôi, hẻo lánh, chỉ có dấu chân thỏ, chân dê rừng, không có dấu chân người.

251. **Đặng vuông tròn** : được trọn vẹn, không xảy điều gì bất trắc. Xem câu 1215.

252. **Lòng son** : lòng trung thành. Xem câu 627.

253. **Phủ đằng** (phủ đường) : nơi ở làm việc của viên quan tri phủ.

255. **Tùy nhi** : trẻ theo hầu.

257. **Tiền trình** : nơi việc đi đường vừa rồi. Xem ct 72.

260. **Đòi cơn** : nhiều cơn, tức là nói nhiều lần, nhiều trận. Đòi là nhiều. *Kiều* : Nghĩ đòi cơn lại sứt sùi đòi cơn. Xem câu 622.
261. **Chi sồn** : không sồn lòng, e ngại về nỗi gì cả.
262. **No nao** : nỏ biết lúc nào, không biết bao giờ.
264. **Mĩnh vàng** : nói thân thể quý trọng như vàng. Xem câu 1032
269. **Hậu đường** : Xem ct 35
271. **Tây lâu** : lâu phía tây.
273. **Hoa đình** : đình (nhà nhỏ) ngồi thường hao.
274. **Cố nhơn** (cố nhân) : người cũ, bạn cũ. Chỉ Văn Tiên. Xem câu 1969.
- 275 - 276. **Lưu thủy cao sơn** : chỉ tâm sự, bụng dạ của mình. Ý cả hai câu : Tâm tình của mình bao giờ được người tri âm biết đến, bao giờ lại được gặp nhau và hiểu nỗi lòng nhau. Xem ct 193
277. **Thâm** : sâu.
278. **Pha** : cho nước vào một chất cho loãng ra.
282. **Hương án** : bàn đặt trước bàn thờ có bát hương.
283. **Lầu lầu** : đây ý nói rất trong sạch.
285. **Sơn xuyên** : núi sông, nói sự xa cách núi sông.
288. **Thứ** : lớp, phần. **Thứ đầu** : lớp đầu, phần đầu. Xem các câu 931, 1265, 1665, 1807, 2039.
290. **Kinh kỳ** : nói kinh đỏ và cả khu đất kế cận chung quanh hàng nghìn dặm. Đây chỉ kinh đỏ.
292. Ý cả câu : Nói mình mấy cao to, tướng mạo lạ lùng trông rất đáng sợ.

293. **Bình thủy tương phùng** : bèo nước gặp nhau. - Chỉ việc không hẹn, tình cờ mà gặp. Bài *Đàng vương các tự* của Vương Bột (Đường : *Quan sơn nan việt, thủy bi thất lộ chi nhân, bình thủy tương phùng, tận thị tha hương chi khách* - Quan sơn khó vượt, ai thương xót người bất đắc chí, bèo nước gặp nhau, toàn là khách mỗi người một xứ. *Hoa tiên* : May đâu bèo nước gặp nhau, thôi thì Hợp-phố cho châu lại về. *Kiều* : Lâm-truy chút nghĩa đeo bóng, nước bèo để chữ tương phùng khiếp sau. Xem ct 372,
295. **Danh tánh** (danh tính) : tên họ.
298. **Tánh tự** : họ và tên.
Ô-mi : bản VDL chú : "Ở Trung Quốc và ở nước ta đều không có địa danh này, nhưng ở tỉnh An Giang (Châu Đốc) có cù lao Ô Châu, có sông Ô Môn và có làng đánh cá Ô Môn".
300. **Dị tướng** : tướng lạ khác thường.
301. **Bằng hữu chi giao** : tình ăn ở đi lại trong quan hệ bạn bè.
304. **Luôn vắn** : liên vắn với nhau, ý nói kết nghĩa anh em sớm tối có nhau.
305. **Vô miếu** : chỉ miếu thờ thần nói chung. Xem câu 1154. Theo Huỳnh Tịnh Của, miếu vô là chỗ thờ thần, như : thần linh thổ vô. Ta quen nói : ngôi miếu nhà vô.
308. **Từ tạ** : cảm tạ cáo từ. Xem các câu 1319, 1986.
309. **Tự trường** : đến trường thi. Xem các câu 360, 1738.
310. **Hồi hương** : về làng. Xem câu 1675.
313. **Đền sách gia công** : nói lúc nào cũng đem hết sức để vào sự học, làm bạn với sách, với đèn.
314. **Tang bồng**, do chữ *tang bồng hồ thi* : cung gỗ dẫu, tên cò bồng. Chỉ nghĩa vụ của người trai, chí lớn ở bốn phương

lo giúp nước, yên dân. Theo *Lễ ký*, khi vua sinh thế tử, kẻ xá nhân lấy cung gỗ dâu và sáu mũi tên cỏ bông, bắn lên trời, bắn xuống đất và bắn ra bốn phương. Lời chú nói : "Việc dùng cung gỗ dâu, tên cỏ bông có từ thời thái cổ. Bắn trời, đất, bốn phương là ý nói chỉ làm trai phải có nghĩa vụ ở khắp nơi". Lời sở chép : "Dâu và cỏ bông là những vật có tổ chất vốn có từ thời thái cổ. Bông là thứ cỏ ngăn ngừa sự loạn, dâu là cây gốc của các loài cây (Nội tác). Thơ Chu Tử (Tống) : *Khải tri nam tử tang bông chí* = Sao biết được chí tang bông của người trai. Thơ Nguyễn Công Trứ : Tang bông hồ thi nam nhi trái, cái công danh là cái nợ nần.

316. **Người kim** : người đời nay.

318. **Thanh khâm** : áo cổ xanh. Học trò ngày xưa mặc áo cổ xanh *Nợ thanh khâm*, cũng như nói "nợ bút nghiên", nghĩa là cố công ăn học, lo thi đỗ đạt, đem điều đã học được ra giúp đời.

321. **Tiểu đồng** : đứa nhỏ giúp việc.

323. **Lương duyên** : duyên tốt lành.

324. **Hưu trí** : thôi việc công lui về nhà nghỉ ngơi.

Hàn-giang : Bản Vũ Đình Liên chú "ở tỉnh Định-tường cũ (Nam-kỳ) cũng có con sông Hàn Giang". Xem các câu 2024, 2040.

326. **Hai bảy** : mười bốn.

327. **Hồ Việt nhứt (nhất) gia** : người Hồ kẻ Việt cùng chung một nhà, ý nói người xa hóa người gần, tình sơ thành tình thân như hai nước Hồ Việt cách xa nhau mà sum họp trong một nhà. Hồ tức Hung-nô ở phía bắc, Việt ở phía nam. Xem ct 1725.

329. **Thang mây** : do chữ *vân thê* : cái thang cao lên mây, chỉ bước đường lập công danh. Văn nôm có chữ *đường mây* là cũng một nghĩa ấy. Đường mây cười tố ham rong ruổi, trường liễu thương ai chịu lạnh lùng (Thơ Phan Thanh Giản). Ngoài ra, còn có *thanh vân* : Bầy năm một hội thanh vân, anh tài nào nức dân dân mới ra (*Đại Nam quốc nữ diễn ca*).

330. **Tơ hồng** : do chữ *xích thành* : dây đỏ xe duyên vợ chồng trong điển *Nguyệt lão* (243). Xem câu 1364.

331. **Hong thân** : hai thân, tức phụ thân (chà) và mẫu thân (mẹ) *Kiều* : Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.

333. **Băng chừng** : băng qua dặm đường xa.

Tách dặm : đi nhanh trên dặm đường xa.

335. **Đường hòe** : do chữ *hòe lộ* : đường đi có trồng hòe, giống cây lớn hoa vàng quả dài mà đẹp, hạt và hoa dùng làm thuốc. Chỉ con đường nói chung. Thơ Giang Tống (Trần) : *Hạnh đường ca xúy hợp, hòe lộ phong trần nhiều* = Nhà hạnh lờ ca tướng nhạc hòa hợp nhau, chốn dặm hòe gió bụi đầy.

336. **Vang dầy** : vang lừng, vang dậy lên. Xem câu 1871.

338. **Vây** : vây, quây quần, sum họp. Xem các câu 420, 1626, 1630.

341. **Nhắm kiếng** : ngắm cảnh.

342. **Đôi** : trau dồi, xoa phấn vào cho đẹp. *Cung oán* : Nghiêng bình phấn mốc mà đôi má nheo.

346. **Duyên cầm sắt** : duyên vợ chồng. *Cầm sắt* là đàn cầm và đàn sắt, hai thứ đàn thường đánh hòa âm với nhau, chỉ cảnh vợ chồng êm ấm. Theo *Lễ nhạc ký*, vua Thuấn chế đàn cầm 5 dây, đến đời Chu thêm hai dây nữa là 7. Sách *Quang nhĩ* nói rõ rằng đàn cầm dài 3 thước

6 tấc, rộng 6 tấc. Theo *Thế bản*, Bào Hy chế ra đàn sắt 50 dây, đến đời Hoàng đế bỏ đi chỉ còn 25 dây, đàn dài 8 thước 1 tấc rộng 1 thước 8 tấc. Kinh *Thi* : *Sâm si hạnh thái, tả hữu thí chi, yếu diệu thực nữ, cầm sắt vĩ chi* = Rau hạnh ngọn dài ngọn ngắn không đều nhau (khi đã tìm được), thí hái cả ở bên phải, bên trái. Người con gái tươi tắn dịu dàng đã tìm được, tay gảy đàn cầm đàn sắt cho nghe để tỏ tình thân mật, yêu mến, và : *Thê tử hảo hợp như cổ cầm sắt* = Vợ con hòa hợp êm ấm như tiếng đàn cầm, đàn sắt đánh hòa nhau. Thơ Vương Dung (Nam Tề) : *Thả hiệp kim lan hảo, phương du cầm sắt tình* = Vừa hợp nhau tình bạn tốt, mới vui tình vợ chồng. *Kiều* : Chàng dù nghĩ đến tình xa, đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ (kỳ). Xem câu 1220.

Mối tơ : xem ct 243 và câu 1308.

349. **Mây tằm** : tằm tức con bướm tằm, là bởi chữ *tâm my* (mây tằm) hay *ngọa tâm my* (mây tằm nằm) = nét lông mây cong đậm mà thanh.

Mặt phụng : mặt chim phượng. Chỉ mặt đẹp.

350. **Cốt cách** : dáng điệu, tâm vóc con người ta. *Kiều* : Mai cốt cách tuyệt tinh thần. Xem câu 1314.

351. **Kẻ Tấn người Tấn** : Tấn Tấn là hai tên nước thời Xuân Thu. Tấn ở vào khu vực từ miền nam tỉnh Sơn Tây đến miền nam tỉnh Hà Bắc. Tấn ở tỉnh Thiểm Tây. Như vậy, Tấn ở phía đông, Tấn ở phía tây. Văn nôm dùng để chỉ sự cách xa nhau, mỗi người một ngả. *Phương Hoa* : Bởi ta nhớ bước gian truân, cho nên kẻ Tấn người Tấn bơ vơ.

352. **Chữ ngẫu gần chữ giai**, tức *giai ngẫu* : một đôi tốt đẹp, là vợ chồng tốt đôi vừa lứa. Đây là lối nói bóng trong văn nôm, như *Nhị độ mai* diễn ý tương tự : Chữ tử để

dưới chữ tương ngày ngày. Ý Võ công nói : ai ngờ con mình với Văn Tiên lại kết thành "giai ngẫu".

354. **Nam giàn** : bờ suối phía nam, Văn nôm dùng chỉ người đàn bà trung hậu đảm đang. Thơ *Thái tần* trong Kinh *Thi* là thơ khen người vợ trẻ tuổi đảm đang việc nội trợ, có đoạn : *Vu dĩ thái tần, nam giàn chi tần* : *vu dĩ thái tần, vu dĩ hành lao* = Hái rau tần ở đâu ? hái rau tần ở bờ suối phía nam ; hái rau tần ở đâu ? hái rau tần ở chỗ dòng nước lũ dương chảy.

Đồng sàng : giường phía đông. Chỉ chàng rể tốt. Theo *Tân thư*, thái uy nhà Tấn là Khích Giám cho môn sinh đến nhà Vương Đạo kén rể. Vương Đạo bảo con em đến cả để cùng tiếp chuyện người nhà họ Khích. Ké môn sinh ra về thưa với Khích Giám rằng : "Con em nhà họ Vương đều tốt người đẹp nét. Nghe tin có người đến xem mặt kén rể, người nào cũng có ý giữ gìn, nói năng cử chỉ không được tự nhiên, duy có một người cử thần nhiên phanh bụng nằm kén an bánh ở giường bên đông, như không hay biết chuyện gì cả". Khích Giám nói : "Chính người ấy là con rể quý của ta". Quả vậy, người đó chính là Vương Hy Chi, Khích Giám liền gả con gái cho (Vương Hy Chi truyện). Thơ Bạch Cư Dị (Đường) : *Tài dữ bất tài tranh liệu dắc, đồng sàng không hậu thả kiều lân* = Tài và bất tài tranh nhau liệu được gì, giường đồng nằm không mà sau có người đẹp yêu. *Sơ kinh tân trang* : Lễ đầu giám kẻ giường đông, tước bình xin đợi thừa long xứng tài. *Nhị độ mai* : Con ta yếu diệu khuê phòng, có Tây tử đó thiếu đồng sàng nào.

355. **Ngái tể** : con rể

357. **Nhạc gia** : cha mẹ vợ.

358. **Đại khoa** : đại đăng khoa, là thi đỗ.

Tiểu khoa : tiểu đăng khoa, là cưới vợ. Cưới vợ cũng là một việc mừng như thi đỗ, nhưng thi đỗ coi là việc đồ to, nên gọi đại đăng khoa, còn cưới vợ là việc đồ nhỏ, nên gọi tiểu đăng khoa...

362. **Tốt đời** : hơn đời, hơn hết mọi người.

366. **Trước** (trúc) : ví người quân tử. Mai, ví người đẹp đẽ trình chính. Trúc mai quý về đức tính, cốt cách của nó. Đây ý nói hai người kết bạn thân với nhau là rất tốt.

372. **Bình thủy hữu duyên** : bèo nước có duyên, ý hỏi có duyên may tình cờ mà gặp nhau. Xem ct 293.

375. **Kỳ** : chỉ người tài giỏi khác thường.

376. **Bạch Hạm Như Hoành** : tên hai nhân vật nổi tiếng thơ văn, tài hoa trong truyện *Bình Sơn Lanh Yến* của Trung Quốc tức Yến Bạch Hạm và Bình Như Hành cùng với Sơn Dai và Lanh Giáng Tuyết là bốn nhân vật tài hoa.

377. **Đan quế** : cây quế vỏ đỏ. Chỉ người con hay nổi được chí cha ông mà làm nên. Theo *Tổng sử*, Đậu Vũ Quân, người đất Ngự-dương đời Tống giữ chức tả gián nghị đại phu, nhà có danh vọng, khuôn phép, tích thích sưu tập sách vở, hậu đãi người hiền kẻ sĩ. Khi ông làm quan, hiền sĩ bốn phương được cất nhắc bổ dụng. Năm người con trai của ông là Nghi, Nghiễm, Khản, Xứng, Hy kế tiếp nhau thi đỗ cao. Người đời khen gọi là "Yên Sơn Đậu thị ngũ long - Năm con rồng họ Đậu đất Yên Sơn. Phùng Đạo làm thơ mừng Vũ Quân có câu : *Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương* = Linh xuân (Cha, chỉ Vũ Quân) một gốc già, đan quế năm cành thơm. Đây nói Văn Tiên và Tử Trực là hai người con tài giỏi của họ Lục và họ Vương. *Hồng - đức quốc âm thi tập* : Thơm tho dòng Đậu cành đan quế, ấm áp sân Diên khóm tử kinh. Xem câu 1730. Rút từ điển này, văn nôm còn

có : Quế non Yên (*Phan Trần*). Quế hộc (*Kiều*), Ngũ quế (*Mọi đình mộng kỳ*)

381. **Lương đồng** : rường cột, chỉ người có tài đức lớn giúp nổi được việc nước.

384. **Èn học** : chim én và chim học (ngỗng trời). Én là loài chim nhỏ bay thấp, chỉ hạng tầm thường ; học là loài chim bay cao, chỉ người có chí lớn. Theo *Sử ký*, Trần Thiệp lúc trẻ đi cây thuê. Khi nghỉ cây, Thiệp ngồi ra dáng buồn bã, phàn uất một hồi lâu rồi nói rằng : "Nếu được phú quý không bao giờ quên nhau". Mọi người phá lên cười mà nói lại rằng : "Nếu còn đi cây thuê thì làm sao mà giàu sang được". Trần Thiệp thở dài nói : "Ta hổ, y n tước an tri hồng học chỉ chí tại" = than ôi, loài chim én chim hổ sao biết được chí chim hồng, chim học, *Phan Trần* : Chẳng yêu nhau chớ rẽ nhau, những loài yến tước ay đâu chỉ hồng.

387. **Đệ huynh** : anh em

388. **Thượng trình** : lên đường

389. **Trăng đã đứng đầu** : nói vào lúc nửa đêm.

390. **Thơ lâu** (thư lâu) : gác sách, nơi buổi học.

394. **Tiểu nhi** : con trẻ, tiếng gọi con của mình.

Lê đình : sân có trồng cây lê. Xem câu 400.

395. **Tổng tình** : tình tiền đưa.

398. **Xuất hành** : ra đi.

400. **Liêm dung** : nghiêm chỉnh dáng điệu để tỏ lòng kính trọng.

401. **Phò công** : đi thi lập công danh.

402. **Bổ liễu** : tức cây thủy dương, thuộc giống dương liễu nên gọi là bổ liễu hoặc bổ dương, thể chất yếu ớt ; văn

cổ ví với người phụ nữ. *Kiều* : Hôn còn mang nặng lời thề, nát thân bồ liễu đến nghì trúc mai. Thơ Hồ Xuân Hương : Phiếu mai chi dám tình trăng gió, bồ liễu thôi đành phận mỏng manh.

403. **Thương gió nhớ mưa** : ý nói thương người đi đường phải chịu những nỗi khó khăn vất vả, phải dãi gió dầm mưa.

406. **Linh phụng gặp ngô đồng** : Chim phượng thiêng tìm đậu ở cây ngô đồng. Ví người hiền tài được ở đúng địa vị xứng đáng. Thơ *Quyên a Kinh Thi* khuyên vua cầu dùng người hiền tài, ví họ như chim phượng gặp vua sáng như cây ngô đồng cao to đẹp đẽ, Thơ có đoạn : *Phượng hoàng minh hỉ, vu bì cao cương. Ngô đồng sinh hỉ, vũ bì triều dương. Bồng bồng thê thê, ung ung giai giai* - Chim phượng chim hoàng cùng hót, ở trên đôi cao kia. Cây ngô đồng mọc tốt tươi, nơi sườn đồi mé đồng. Cảnh lá sum sê tươi tốt, tiếng hót hòa âm vang vang. Lời sớ chép : "Phượng hoàng chi tính phi ngô đồng bất thê, phi trúc thực bất thực" = Tính chim phượng chim hoàng, không phải cây ngô đồng không đậu, không phải quả trúc không ăn (Đại nhã). ○

407. **Má hồng** : tiếng chỉ đàn bà, con gái đẹp. *Kiều* : Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen. Xem các câu 407, 1384, 1454, 1624

409. **Cung quế xuyên dương** : chỉ việc thi đỗ, công thành danh đạt.

Cung quế : tức cung trăng. Vì tục truyền trên mặt trăng có cây quế. Chỉ việc thi đỗ. Từ Hán có chữ "chiết quế", "thiểm cung" cũng chỉ nghĩa ấy. Thơ Lý Trung (Minh) : *Thiểm cung tu triển chí* = Phải mở chí chốn cung thiêm, ý nói phải lo học thi đỗ. Văn nôm còn có *bé*

quế : Những mong bé quế nên danh, mà đến công dương sinh thành hai thân (*Phạm Tài Ngọc Hoa*) ; Lăm le giắt giải thanh vân, trèo trăng bé quế gọi xuân mở đường (*Sơ kinh tân trang*). *Xuyên dương* là bắn xuyên lá dương liễu. Chỉ tài bắn giỏi, tài được dùng và đạt mục đích. Theo Tả truyện, Dương Do Cơ thời Xuân Thu làm quan đại phu nước Sở nổi tiếng bắn giỏi, đứng cách xa lá liễu trăm bước mà bắn trăm phát trúng cả trăm. Khi Tấn Sở đánh nhau ở đất Yên-lăng, Do Cơ ngồi xổm mà bắn, quân Tấn chết rất nhiều. Thơ Trần Nguyên Lão (Đường) : *Chiết quế nhất chi tiên hủ ngã, xuyên dương tam tiễn tận kinh nhân* = Bẻ quế một nhánh nhường ta trước, xuyên dương ba phát (tên bắn) làm kinh sợ tất cả mọi người. *Lâm tuyền kỳ ngộ* : Lá dương một phát đưa tên bắn, đèn sách cho cam thưở học hành.

410. **Tao khương** (tao khang) : *tao* là bã rượu, *khang* là cám gạo, là những thức ăn hèn mọn. Chỉ người vợ hiền, đảm đang lấy từ buổi còn nghèo túng cùng ăn bã rượu và cám gạo, đây có ý nhắc nhở sự thủy chung. Theo *Hậu Hán thư*, Tống Hoàng, người đất Trường-an đời Hậu Hán, làm quan đại tư không thời Quang Vũ đế. Quang Vũ có chị là công chúa Hồ-dương mới góa chồng. Quang vũ có ý lo việc tái giá cho chị nên thường cùng công chúa đàm luận về các quan trọng triều để dò lòng. Công chúa nói : "Uy đức của Tống Hoàng, quân thần không ai bằng được". Quang Vũ biết ý nên một hôm cho triệu Tống Hoàng vào bệ kiến, rồi nhân hỏi dò Hoàng (vì Hoàng đã có vợ) : "Tục ngữ có nói *sang đối bạn, giàu đối vợ*, có phải nhân tình là thế ư ?" Hoàng đáp : "Thần văn, bắn tiện chi tri bất khả vong, tao khang chi thể bất hạ đường" = thần nghe nói : bạn bè quen biết nhau từ thuở nghèo hèn không thể quên nhau, người vợ lấy từ buổi còn nghèo túng khôn khổ không bỏ cho ra khỏi nhà (tức là không thể bỏ nhau).

Quang Vũ hiểu ý. *Nữ tử tài*. Sợ rằng đã có tao khang, mới hay bất khả hạ đường biết sạo. Xem các câu 983, 1304.

Cho bằng : cho ngang xứng. Ý cả câu, nói Thế Loan nhắc Vân Tiên chung thủy với mình dù khi đã thi đỗ, công thành danh đạt.

411. **Đó, dăng :** hai dụng cụ đan bằng tre để bắt cá.

Đó, đan hình ống hay hình nón. *Ca dao :* Trời mưa trời gió vác đó đi đơm. *Dăng* hình cái phễu cắm thành hàng để cá lọt vào mà bắt.

413. **Nhen :** nhóm

415. **Phô :** nói ra, bày tỏ ra.

Ý cả câu : May thì gặp duyên, rủi thì gặp nợ, tức như làm hay thì gặp hay, làm dở thì gặp dở, lẽ đó bày ra rõ rành rành.

414. Ý cả câu : Vân Tiên nói tình yêu với riêng Thế Loan chớm nở tựa lửa mới nhen, trong lòng Vân Tiên không thể có chỗ dành cho tình yêu với người khác, cũng giống như không thể đặt được mấy lò trong cùng một bếp.

416. **Chớ nghi Ngô Khởi :** ý nói đừng nghi ngờ về chuyện Vân Tiên lo lập công danh mà bội phản tình vợ như Ngô Khởi.

Ngô khởi : Theo *Sử ký*, Khởi người nước Vệ thời Chiến quốc tính hay nghi kỵ và tàn nhẫn. Lúc còn trẻ nhà ông ta có hàng ngàn lạng vàng, đi du thuyết tìm công danh không được. Khởi bèn phá hết cửa nhà, bị hàng xóm chê cười. Khởi đã giết hơn ba mươi người chê cười mình rồi đi ra ngoài thành về phía đông từ biệt mẹ, cắn vào cánh tay mà thề : "Khởi này không làm nên khanh tướng thì nhất định không về nước Vệ nữa". Khởi bèn đi học với Tăng tử. Được ít lâu mẹ Khởi chết, Khởi cũng không về.

Tăng tử khinh bị và tuyệt giao với Khởi. Khởi đến nước Lỗ học binh pháp, thờ vua Lỗ. Người Tề đánh nước Lỗ. Nước Lỗ muốn dùng Ngô Khởi làm tướng nhưng vì vợ Khởi là người nước Tề nên vua Lỗ ngần ngại, chưa dám quyết. Ngô Khởi biết vậy liền giết vợ để được vua Lỗ dùng. Vua Lỗ cho Khởi làm tướng (Tồn tử Ngô Khởi liệt truyện), *Sái vai :* Ghét đứa cháu mị giết con, ghét đứa tham sang hại vợ.

Mãi Thần : Theo *Thông chí*, ông họ Chu người đất Ngô đời Hán ; tự Ông-tử rất ham học, không có sản nghiệp gì phải đi kiếm củi bán nuôi thân. Ông vừa gánh củi vừa học. Vợ gánh củi theo sau lấy làm xấu hổ, xin bỏ đi lấy chồng khác. Ông cười bảo : "Ta đến năm mươi tuổi mới giàu sang được, nay đã hơn bốn mươi tuổi rồi, nài chịu khổ đã lâu, nay hãy gắng đợi ta giàu sang, ta sẽ báo đáp công lao cho". Vợ giận dữ nói : "Như cung cách của ông thì chỉ có chết đói ở cổng rãnh mất thôi, sao lại dám mong giàu sang được". Mãi Thần đành phải để cho vợ đi lấy chồng khác. Từ đó Mãi Thần một thân một mình đi gánh củi, vừa đi vừa học như trước. Về sau vào thời Hán Vũ đế, ông được người làng là Nghiêm Trợ tiến cử. Nhà vua cho Mãi Thần vào yết kiến, nói chuyện nghĩa lý về kinh *Xuân thu* và *Sơ từ*. Vua rất hài lòng mới cử ông làm trung đại phu, rồi sau cho giữ chức thái thú đất Cối Kê. Khi đến Cối Kê nhậm chức, xe ngựa hơn trăm cỗ vào đất Ngô, ông thấy người vợ cũ cùng chồng đang gánh đất sửa đường. Ông cho dừng xe bảo mời hai vợ chồng lên xe sau đưa về dinh thái thú, cho ở một nơi và cấp lương ăn tử tế (Tiền Hán liệt truyện)

Phú Trần Văn Nghĩa : Khó ai bằng Mãi Thần, Mông Chính, biết bao nhiêu ngựa đón xe đưa ; giàu ai bằng

Vương Khải, Thạch Sùng sao chẳng giữ tiền rêu thốc mốc ? (*Thế tục phú*) ; Phú Cao Bá Quát : Miệng châu quế những rì râm học vấn, chệch chú Tô cần nhân chi hiểm nghèo ; vại tân sài đùng đình ngậm nga, vợ anh Mãi bán khoán từng kẻ khó (*Tài tử đa cùng phú*)

Hãy lo Mái thân : ý nói chỉ lo về nỗi Thế Loan chê chồng nghèo chưa có công danh mà tính chuyện bỏ chồng.

418. **Trường An** : kinh đô đời Hán. Chỉ kinh đô nói chung.

420. **Vây đoàn** : họp lại thành đoàn.

421. **Thủy tú sơn kỳ** : sông đẹp, núi lạ, nơi cảnh đẹp.

422. **Cá nhảy rồng bay** : cá vượt Vũ-môn hóa rồng ; rồng bay mây lành nổi.

Ý cả câu, nói gặp thời thỏa lòng đua sức, đua tài. Xem ct 428.

424. **Bồng lai** : chỗ tiên ở, chỉ cảnh tiên. Theo *Hán thư*, từ thời Tể Uy vương, Tể Tuyên vương đã cho người ra bề tìm các hòn núi Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu. Tương truyền ba hòn núi thần đó ở bể Bột Hải, cách bờ không xa lắm nên thường có người tìm đến nơi. Các tiên nhân luyện thuốc trường sinh cũng ở núi này. Ở đây, súc vật, chim muông lông đều một màu trắng. Cung khuyết toàn bằng vàng bạc, ở xa trông như mây (Giao tự chỉ). Lời chú sách *Sơn hải kinh* cũng nói : Núi Bồng Lai ở giữa bể, trên núi có tiên, cung thất toàn bằng vàng ngọc, chim muông đều trắng cả, ở xa trông như mây. Bồng Lai nằm trong bể Bột Hải. Theo *Thập di ký*, Bồng Lai còn có tên là Bồng Hồ. Thơ Lỗ Phạm : *Thừa không hướng tử phủ, Khổng hạc hạ Bồng Lai* = Cưỡi xe lên không hướng đến cửa tía, bắt con hạc hạ cánh xuống Bồng Lai. Phan Trần : Kể từ đến cảnh Bồng-lai, may thay đã trộm thấy người tiên cung.

Cũng để chỉ Bồng Lai, văn nôm còn có : Bồng Châu (*Dại Nam quốc sử diễn ca*), Bồng Đào (*Quốc âm thi tập*), Bồng Sơn (*Hoa tiên*)...

425. **Tình hoài** : cũng như nói tâm tình, mối tình ở trong lòng.

428. **Cửa Vũ** : do chữ Vũ-môn hoặc Long-môn ở thượng lưu sông Hoàng Hà (nằm giữa huyện Hà Tân tỉnh Sơn Tây và huyện Hán Thành tỉnh Thiểm Tây). Ở đây có mồm đá như hình cái cửa Tương truyền thời thượng cổ, vua Vũ nhà Hạ trị thủy đã đục, phá mồm đá này cho rộng thêm ra nên gọi là Vũ-môn (cửa vua Vũ). Theo *Tam Tần ký* và *Thủy Kinh chú*, thì Vũ-môn có sóng dữ, hàng năm vào tiết tháng ba cá chép khắp nơi kéo về vượt qua Vũ-môn. Con nào nhảy qua được thì hóa rồng. Nhân đó, cửa Vũ được dùng để chỉ chốn trường thi, và thi đỗ gọi là vượt qua cửa Vũ. Theo *Dại Nam nhất thống chí*, ở nước ta cũng có Vũ-môn ở dãy núi Khải-trường thuộc huyện, Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh. Đây là một dòng suối có ba bậc, tương truyền hàng năm đến tháng tư mưa to, có nước nguồn, thì cá chép ngược dòng chảy qua Vũ-môn để hóa rồng. *Ca dao* : Tháng ba cá đi ăn thề, tháng tư cá về cá vượt Vũ-môn. Thơ Vi Tráng (*Tiến Thục*) : *Tầm như Nhạc sắc lưu Tần địa, mộng trực Hà thanh xuất Vũ-môn* = Lòng như sắc núi Nhạc lưu chốn đất Tần, mộng đuổi theo tiếng sông Hà mà ra cửa Vũ. *Lưu nữ tướng* : Vũ-môn mong vượt sóng đào, hay tìm Trịnh tử hay vào Thiên-thai.

430. **Tài mạng ghét nhau** : ý nói người có tài thì vận số không ra gì. Đây là một nhận thức bất nguồn từ một thực tế bi đát trong xã hội cũ là người có tài thường bị bọn thống trị ruộng rẫy, chà đạp hơn những người khác, hơn nhân dân nói chung, vì họ là những người ý thức được cả nên thống trị xã hội cũ đã lỗi thời và muốn chống lại

những cái đó. Tài mệnh ghét nhau là một bi kịch của xã hội cũ có giai cấp. *Kiều* : Trăm năm trong cõi người ta, chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

432. **Giống sóng chơi mây** : nói con rồng khi ở vực sâu thì đùa với sóng, khi lên trời cao thì chơi với mây, mặc sức vẫy vùng, ví với cảnh xuất xứ của người có học vấn.

Ý câu này với câu trên : Dù hiển đạt ra giúp nước hay chưa hiển đạt còn ở nhà, tùy hoàn cảnh mà thi thố chí mình, cốt lo cho có tài có đức để giúp đời bất chấp số mệnh, bất chấp "tài mệnh ghét nhau".

433. **Hồng học** : vệt trời (hồng) và ngỗng trời (học) đều là loài chim bay cao và xa, ví với người có chí lớn. Xem ct 384.

435. **Mảng** : mãi, ham. *Kiều* : Mảng vui rượu sớm cờ trưa. Xem các câu 547, 1870, 2027.

436. **Kinh địa** : đất kinh đô.

439. **Cổ tri** : quen biết cũ đã lâu. Ở đây ý nói xa nhau lâu ngày nên quên mất. Xem các câu 1123, 1217, 1257.

444. **Tác chừng** : tuổi tác chừng vào khoảng.

452. **Cho bẽ** : cho nhiều, như nói bẽ bộn, bẽ bẽ (nhiều lắm) : Ruộng bẽ bẽ không bằng có nghề trong tay (Tục ngữ).

453. **Ê hê** : thừa thãi nhiều, nhiều lắm.

454. **Khô lân chả phụng** : khô là thức ăn đã phơi khô, thịt hoặc cá tôm phơi khô sau khi ướp muối, gia vị và luộc chín hoặc phơi sống để dùng làm đồ nhắm. Khô lân chả phụng, ý nói những thức ăn đồ nhắm quý hiếm ngon lành.

455. **Uớp ngâu** : ướp hoa ngâu, thứ hoa bé như hạt kê màu vàng có mùi thơm.

456. **Trà ve** : trà đựng trong chai, lọ nhỏ (ve).

Tuyết điểm : lấm tẩm màu tuyết, ý nói trà thơm ngon, tinh khiết.

Cúc hương : hương thơm hoa cúc.

458. **Văn vật** : có học thức, có văn hóa hay có nhiều nhân tài và chế độ hay, như nói người văn vật, đất văn vật.

459. **Bỉ bàng** : đầy đủ, tươm tất. Tàn viết chú : "Do chữ bỉ là đầy đủ chuyển ra Việt hóa. Bàng là tiếng đệm, tự nó không có nghĩa gì".

462. **Phút** : mau lẹ, chợt.

464. **Viết từng cổ thi** : viết theo thơ cổ, ý nói sao chép lại thơ của người xưa.

468. **Bất tài** : chẳng có tài gì.

Đồ thơ (đồ thư) : sách vở. Chẳng có tài gì về sách vở tức là nói người học tồi, sức học kém cỏi.

469. **Tồn Tẫn** : người nước Tề thời Chiến quốc con cháu của Tồn Vũ. Trước kia Tồn Tẫn cùng Bàng Quyên học binh pháp với thầy Quỷ-cốc tử. Về sau Bàng Quyên làm tướng nước Ngụy, nhưng vẫn tự cho mình không tài giỏi bằng Tồn Tẫn nên ngầm sai người mời Tồn Tẫn đến rồi mượn pháp luật mà trị tội, chặt hai chân và chạm vào mặt để cho Tồn Tẫn phải giấu mình, không xuất đầu lộ diện được. Sứ giả nước Tề đến đất lương, Tồn Tẫn mang thân đã bị hình phạt lén gặp, thuyết phục sứ giả. Sứ giả nước Tề cho là kỳ lạ, mang trộm lên xe đưa về Tề. Tướng Tề là Diên Kỵ phục tài, tâu với Uy vương tôn Tồn Tẫn làm thầy. Diên Kỵ làm tướng cầm quân đi đánh Ngụy, Tồn Tẫn làm quân sư ngồi trong xe kín bàn mưu kế. Diên Kỵ theo kế Tồn Tẫn đánh cho quân Ngụy phải kiệt quệ. Mười ba năm sau, Ngụy và Triệu đánh Hàn. Hàn cáo cấp với Tề, Tề lại sai Diên Kỵ làm tướng, Tồn Tẫn làm quân sư đem quân

đi cứu Hàn. Tướng Ngụy là Bàng Quyên nghe vậy, rời bỏ Hàn quay về. Tôn Tấn nói với Diên Ky : "Quân Ngụy vốn hung tợn và khinh quân Tề, quân Tề mang tiếng khiếp nhược. Người thiện chiến thì nhân cái thế của mình mà lợi dụng. Ngài hãy sai quân Tề vào đất Ngụy làm mười vạn cái bếp, ngày hôm sau làm năm vạn cái, lại ngày hôm sau nữa làm ba vạn cái". Bàng Quyên đi được ba ngày cả mừng nói : "Ta vốn biết quân Tề nhát gan, mới vào đất ta ba ngày mà quân sĩ bỏ trốn đã quá nửa". Bàng Quyên bèn bỏ bộ binh mang khinh binh, cùng lính tinh nhuệ một ngày đi gấp đôi đường đuổi theo. Tôn Tấn trừ tính họ đi đến đêm thì tới Mã-lăng. Đường Mã-lăng hẹp, hai bên hiểm trở, có thể phục binh, bèn sai chặt cây to, bôi trắng và viết : "Bàng Quyên tử vu thủ thụ chi hạ" = Bàng Quyên chết ở dưới gốc cây này. Lại sai một vạn quân Tề giỏi bắn tên nấp ở bên đường, hẹn ban đêm thấy lửa đốt lên thì đều bắn ra. Bàng Quyên quả nhiên đêm ấy đến dưới gốc cây bị đéo, thấy có chữ viết trên gỗ bôi trắng bèn cho đốt đuốc xem. Đọc hàng chữ chưa xong, thì một vạn nỏ của quân Tề đều bắn ra, quân Ngụy trốn chạy tán loạn. Bàng Quyên tự biết mình trí cùng binh bại bèn tự đâm cổ chết. Quân Tề thừa thắng phá tan tất cả quân Ngụy. Từ đó Tôn Tấn nổi danh trong thiên hạ, đời truyền binh pháp của ông ta (*Sử ký*, quyển 65, *Thôn chí* quyển 1149, *Đông Chu liệt quốc*).

Lừa : chọn lựa xem cẩn thận.

470. Trước đà thấy máy : ý nói Quý-cốc tử đã báo trước. Tôn Tấn nên đề phòng Bàng Quyên, nhưng Tôn Tấn vẫn hững hờ không luy ý, nên bị hại về tay Bàng Quyên.

Bàng Quyên : danh tướng nước Ngụy thời Chiến quốc. Xem ct 469. Ngọa-long cương vân : Nỏ trời phục sẵn. Kiểm môn, Mã-lăng mất vía Bàng Quyên khác gì.

Ý cả hai câu 469 - 470 : Dận Văn Tiên kết bạn, nên chọn bạn kéo xảy ra tai nạn như chuyện cũ Tôn Tấn, Bàng Quyên.

472. Tuyền (toàn) : trợn vụn, Xem các câu 1422, 1632

474. Hàng : thường.

479. Tâm phào : vu vơ, hảo huyền.

481. Kiệt Trụ : vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương, hai vua bạo ngược vô đạo, hoang dâm nhất trong lịch sử các vua chúa Trung Quốc. Kiệt say mê Muội Hỷ, Trụ say mê Dật Kỷ. Theo *Sử ký*, vua Trụ lấy rượu chứa thành ao, lấy thịt treo thành rừng, rồi cho bọn con trai, con gái trần truồng đuổi nhau ở trong đó ăn thịt uống rượu suốt đêm. Lời chú sớgh *Lục thao* của Thái Công chép : "Vua Trụ làm tửu trì, bả rượu (tao) chuyển chất thành núi, trai gái xuống ao uống rượu phải cúi rạp mình xuống mà bò như trâu gọi là ngư ẩm. Kiệt Trụ bị nhân dân oán ghét mà mất ngôi. Bài răn uống rượu có câu : Kìa vua Trụ tích tao nên núi, đánh trống reo trâu xuống tửu trì.

483. U, lệ : U vương và Lệ vương đời nhà Chu làm nhiều việc bạo ngược vô đạo. U vương say đắm Bao Tự, tìm đủ mọi cách để chiều vợ. Bao Tự thích nghe tiếng xé lụa. U vương truyền cho quân giữ kho mỗi ngày dâng trăm tấm lụa, sai bọn cung nữ khỏe mạnh đứng xé cho Bao Tự nghe. Bao Tự không hay cười. U vương tìm đủ mọi cách cho nàng cười mà vẫn không được. Có kẻ nịnh thần tâu : "Tiên vương ngày xưa có lập ra hơn hai mươi cái hỏa đài ở Ly Sơn, lại có chế mấy chục cái trống lớn phòng khi có giặc thì đốt lửa hay đánh trống để các nước chư hầu biết mà đến cứu. Lâu nay thiên hạ thái bình không đốt bao giờ cả. Nếu nhà vua muốn cho vương hậu cười thì xin nhà vua cùng vương hậu ra chơi Ly Sơn (nay thuộc tỉnh Thiểm

Tây) đốt lửa lên để chư hầu kéo đến. Rồi đến mà không có giặc thì tất nhiên vương hậu trông thấy phải bật cười". U vương cho là phải, bèn cùng Bao Tự ra chơi Ly Sơn rồi truyền đốt lửa. Các nước chư hầu thấy lửa tưởng là có biến, bèn đem quân kéo về Ly Sơn. Bao Tự đứng trên lầu thấy các nước chư hầu tất tả kéo đến mà chẳng có việc gì cả, mới thích chí vỗ tay cười âm lên. U-vương thỏa thích khen : "Một tiếng cười của ái khanh đủ trăm vẻ đẹp". Về sau khi kinh đô có biến thực, đốt lửa, chư hầu sợ lại bị lừa nên không ai đến cứu cả, U-vương bị giết, chết ở chân núi Ly Sơn (*Thông chí* q.3, *Liệt nữ truyện*, *Đông Chu liệt quốc*). Cung trung bảo huấn : Ly Sơn cười một phút. Bao Tự kia làm hết chư hầu, Vị-thủy tầm đời phen, Dương phi nọ độc hòa thiên hạ.

Đa đoan : nhiều mối, lắm chuyện rắc rối. **Kiều** : Cơ trời dẫu bể đa đoan.

485. **Ngũ bá** : Cuối đời nhà Chu thời Xuân Thu, năm vua chư hầu là Tề Hoàn công, Tấn Văn công, Tống Tương công, Tần Mục công, Sở Trang vương kế tiếp nhau nổi lên làm bá chủ một thời, gọi là "ngũ bá". Ngũ bá đều dựa trên uy lực, giả dối nhân nghĩa, kéo bè nước này đánh nước kia, nhân dân phải chịu lắm than điều đứng.

Phân vân : đông lộn xộn, bối rối như cảnh loạn

487. **Thúc quý** : nói đời suy loạn, sắp bị diệt vong. Phú Chu Hy (Tống) : *Tại thúc quý nhi thả nhiên, thân hưu minh chi cảnh vận* = Ở đời suy loạn mà còn được thế, huống hồ ở thời buổi thịnh trị (tốt sáng). Lời sở sách *Tả truyện* nói : "Chính sự suy gọi là thúc thế (đời suy loạn). Đời thúc thế còn hơn đời quý thế là đời sắp bị diệt vong".

Phân băng : chia lìa đổ nát.

488. **Đầu** : đầu hàng.

489. **Thánh nhân** : chỉ Khổng tử, người nước Lỗ thời Xuân thu, tên Khâu, tự Trọng-ni là thủy tổ của nho gia, ban đầu có ra làm quan ở nước Lỗ, sau không được vua Lỗ dùng, ông đi khắp các nước Tống, Vệ, Trần, Khuông tìm cách hành đạo của mình mà không được. Sau ông trở về lại nước Lỗ mở trường dạy học, san định kinh *Thi*, kinh *Thu*, kinh *Lễ*, kinh *Nhạc*, tán kinh *Dịch*, tu sửa kinh *Xuân thu* để truyền đạo của tiên nhân, học trò của ông hơn ba nghìn người.

491. **Nhan tử** : tức Nhan Uyên, người nước Lỗ thời Xuân thu, là học trò giỏi nhất của Khổng tử. Xem ct 82.

493. **Gia Cát** : tức Gia Cát Lượng, người đất Dương Đô, quân Lang Nha đời Thục Hán (Tam quốc) tự Khổng Minh, mỗ côi từ thuở bé, bị nạn sang Kinh Châu rồi đến ở đất Nam Dương thuộc vùng Long Trung, chỗ ở có trái núi Ngọa Long cương, nhân thế tự gọi Ngọa Long tiên sinh, tự mình cây ruộng thích làm ca từ theo khúc *Lương phủ ngâm*. Khi Lưu Bị ở Tân Dã có đến Tư Mã Đức Tháo bàn việc thiên hạ. Tháo có nói : "Bọn nho sinh đời nay chỉ là một phường tục sĩ, hạng tuấn kiệt chỉ có hai người, đó là Phục Long và Phụng Sồ. Phục Long tức Gia Cát Khổng Minh, Phụng Sồ tức Bàng Thống tự Sĩ Nguyên" Lưu Bị ba lần thân đến Long Trung mời Khổng Minh ra giúp, tôn ông làm quân sư. Khổng Minh đã giúp Lưu Bị đánh bại Tào Tháo ở Xích Bích, lấy Kinh Châu, định Ích Châu, Hán Trung, dựng nước ở đất Thục, cùng với Ngụy ở phía bắc, Ngô ở phía tây làm thành thế chân vạc. Lưu Bị lên ngôi hoàng đế ; Khổng Minh giữ chức thừa tướng, một lòng khôi phục lại cơ nghiệp nhà Hán, phía đông hòa Tôn Quyền, phía nam bình Mịch Hoạch, nhưng cho đến năm 54 tuổi ông mất mà vẫn không trung hưng được nhà Hán,

nước vẫn ở cái thế chân vạc, chia ba (*Thông chí* - Tam quốc chí, Thục Gia-cát Lượng truyện).

494. **Hơn mặt** : cuối đời Hán, tức là thời Tam quốc, Ngụy, Thục, Ngô phân tranh.

495. **Đồng tử** : tức Đồng Trọng Thư đời Hán, học rộng tài cao nhưng không có điều kiện thích hợp để phát huy điều sở học của mình. Theo *Hán thư*, ông người đất Quảng Xuyên, chuyên nghiên cứu kinh *Xuân thu* từ thuở còn trẻ, buông màn đọc sách học trò, ba năm liền không dờn ngó gì đến vườn tược. Học trò đến thụ nghiệp người trước truyền cho người sau, nhiều người không biết mặt thấy. Ông đi đứng, cử chỉ đều có khuôn phép, kẻ sĩ đương thời đều tôn ông làm bậc thầy.

497. **Nguyên Lượng** : tên tự của Đào Tiềm (có sách chép chính tên là Nguyên Lượng), người đời Tấn. Theo *Tân thư*, Đào Tiềm người đất Sài Tang đời Tấn, còn có tên tự là Uyên Minh, tính tình cao thượng, không cầu danh lợi, ham học, giỏi thơ văn. Ông có soạn truyện *Ngũ liễu tiên sinh*, để tự ví mình. Nhà nghèo có cha mẹ già, ông phải ra làm chức tế tửu - chức quan nhỏ ở trong huyện, nhưng không chịu được sự gò bó nên ông đã từ quan về nhà. Về sau, ông lại ra làm huyện lệnh Bành Trạch, được hơn tám mươi ngày, nhân cuối năm, phải viên đốc bưu (chức quan giúp quan quận thú coi việc kiểm tra đôn đốc các huyện trong quận) đến huyện. Nha lại khuyên ông ăn mặc chỉnh tề để đón đốc bưu. Ông ngậm ngùi than rằng : "Ngã khai năng vị ngũ đấu mễ chiết yêu quyền quyền sự hương lý tiểu nhân đa" = Ta sao lại có thể vì năm đấu gạo mà phải chịu công lưng, vòng tay thờ bọn tiểu nhân nơi thôn xóm ấy ru ! Rồi ngay hôm ấy, ông trả ấn bỏ quan mà về, có làm bài *Quy khứ lai từ* nổi tiếng để tỏ chí mình. Về nhà,

ông vui trong cảnh an bản lạc đạo, lấy tiếng đàn, câu thơ, chén rượu làm vui. Tính ông chuộng cục, cứ đến ngày trung thu (mồng 9 tháng 9) ông lại cùng bạn bè bày tiệc rượu bên khóm cúc để thưởng hoa. Ông có câu thơ : "Ngã ốc song nam hạ, kim sinh kỷ tùng cúc" = Dưới cửa sổ mé nam nhà ta, nay mấy khóm cúc đã mọc. Thơ Đỗ Phủ (Đường) : *Đào lệnh môn tiền cúc, du hoa khả tặng quân* = Cúc trước cửa nhà quan lệnh họ Đào, còn thừa hoa để tặng bác. *Quốc âm thi tập* : Dấu tiệc đội mồn khăn Đỗ Phủ, tay còn lựa hái cúc Uyên Minh.

499. **Hàn Dũ** : *Thông chí* : Ông người đất Xương Lê đời Đường, tự Thối Chi, mồ côi sớm, chăm học, tinh thông lục kinh, bách gia chư tử, đỗ tiến sĩ làm chức thị lang bộ Lại. Thời vua Hiến tông mê tín đạo Phật, cho rước xương phật vào cung cấm, ông dâng sớ cực lực can ngăn. Vì thế sau ông bị đẩy ra làm quan thứ sử đất Triều Châu. Ông là người có đạo đức, văn chương nổi tiếng (Đường-Liệt truyện).

501. **Liên Lạc** : chỉ Chu Đôn Di ở đất Liên Khê và hai anh em Trình Hạo, Trình Di ở đất Lạc Dương. Cả ba đều là những nhà triết học đời Tống, có ra làm quan nhưng không được đắc dụng, lại trở về dạy học. Xem ct 12.

502. **Giáo dân** : dạy dân.

503. **Chùa rách phật vàng** : tục ngữ "chùa đất phật vàng", ý nói nhân tài ở chỗ nghèo hèn.

506. **Kinh luân** : kéo từng mối tơ mà chia ra gọi là kinh, so các sợi mà hợp lại gọi là luân. Chỉ tài sửa sang, sắp đặt tổ chức cai trị nước. Xem câu 973.

508. **Năng hạ làm mưa** : nói tài cứu dân giúp nước. Vua Cao tông nhà Thương cầu được Phó Duyệt ở đất Phó-nghiêm về tôn lập làm thừa tướng ở luôn bên cạnh

vua. Cao tông bảo Phó Duyệt rằng : "Nhược, tế cự xuyên dụng nhữ tác chu tiếp, nhược tuế đại hạn dụng nhữ tác lâm vũ" = Nếu qua sông lớn, dùng nhà người làm mái chèo thuyền, nếu phải năm đại hạn, dùng nhà người làm trần mưa rào, ý nói người hiền tài ra cứu dân giúp nước cũng như trần mưa giải cơn hạn vậy (*Thông chí quyển 3, Thượng thư quyển 10*).

509. **Nghiêu Thuấn** : Hai ông vua theo truyền thuyết trong lịch sử cổ đại Trung Quốc được nhà nho coi là mẫu mực đã theo được đạo trời mà trị dân. Nghiêu họ Doãn, con Đế Hiệu được phong cho đất Đào (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), sau ở đất Đường (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) nên lấy họ gọi là Đào Đường (Đào Đường thị), do đó gọi hiệu Đường Nghiêu. Thời bấy giờ dân hưng thịnh, thái bình, già trẻ vui chơi trò ném nhưỡng ở chốn khang cù, Nghiêu làm vua gần một trăm năm rồi nhường ngôi cho Thuấn. Thuấn, họ Diêu, tên Trùng Hoa, cha là Cổ Tấu (người có mắt mà như mù, không phân biệt được điều tốt xấu), mẹ chết sớm, Cổ Tấu lấy vợ kế sinh ra Tượng là người kiêu ngạo, nhưng Cổ Tấu lại quý yêu nên hai bố con đều muốn giết Thuấn. Biết vậy, vua Thuấn vẫn giữ tròn đạo hiếu thảo đối với cha và em. Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn (nay thuộc Hà Đông), đánh cá ở đầm Lôi Trạch, có người tiến cử lên vua Nghiêu. Vua Nghiêu gả hai con gái cho Thuấn và giao cho Thuấn làm nhiều việc để thử tài đức. Sau hai mươi năm thử thách, biết Thuấn có thể đảm đương việc thiên hạ, vua Nghiêu nhường thiên hạ cho Thuấn. Thiên hạ thái bình, Thuấn ở ngôi mười tám năm, chết ở đất Thương Ngô trong khi đi tuần về phương nam, nhường thiên hạ cho Vũ, tức vua Vũ nhà Hạ (*Thông chí - Ngũ đế kỷ, Sử ký - Ngũ đế bản kỷ, Kinh Thư - Nghiêu*

diễn) : *Từ thời khắc vĩnh* : Tung hồ ba tiếng kêu rân, áo xiêm Nghiêu Thuấn đại can Cao Quý.

510. **Sào Phủ** : người đời thượng cổ. Vua Nghiêu nhường thiên hạ cho, ông không nhận, lui về cùng Hứa Do ẩn ở núi Cơ Sơn, lấy ngọn cây làm tổ ở nên gọi là Sào Phủ (*Cao sĩ truyện, Sử ký*). Thơ Tiết Cử (Đường) : *Thượng tướng Văn vương hóa, do tư Sào Phủ hiền* = Còn nghe đến sự giáo hóa của Văn vương, như nhớ đức hiền của Sào Phủ. *Bách Văn quốc ngữ thi tập* : Cửa Thạch Sùng nào của ấy, danh Sào Phủ há danh không.

Hứa Do : người đời thượng cổ ở Hòe Lý đất Dương Thành, ẩn trong chằm Bái-trạch. Vua Nghiêu nghe tiếng là người giỏi, nhường thiên hạ cho, ông từ chối lui về ẩn tại núi Trung Nhạc phía nam sông Dĩnh Thủy, dưới chân núi Cơ Sơn. Sau vua Nghiêu lại tìm đến, cố mời Hứa Do ra làm quan trưởng cả chín châu. Hứa Do không muốn nghe, ra bờ sông Dĩnh-Thủy rửa tai. Bấy giờ Sào Phủ đang dắt trâu xuống bờ sông, thấy thế hỏi : "Vì có gì mà bác phải rửa tai như vậy ?" Hứa Do thuật chuyện, Sào Phủ liền gò cổ trâu lại mà nói rằng : "Ta toan cho trâu uống nước đây, lại e bẩn cả miệng trâu". Nói đoạn, họ Sào dắt trâu lên quăng sông trên cho trâu uống nước. Hứa Do ẩn ở Cơ-sơn chết chôn ở đây, vua Nghiêu đến tận mộ phong ông làm công thần núi Cơ-sơn, và sau gọi núi Cơ-sơn là Hứa Do sơn (*Cao sĩ truyện, Sử ký*). Thơ Nguyễn Vũ (Tam quốc - Ngụy) : *Nhan Hồi lạc lậu hạnh, Hứa Do ẩn tiện bản* = Nhan Hồi vui nơi ngõ hẻm, Hứa Do yên chốn nghèo hèn.

511. **Di Tề** : Bá Di và Thúc Tề hai con vua Cô-trúc, chư hầu của nhà Ân. Vua Cô-trúc muốn Thúc Tề nối ngôi, nhưng khi vua mất. Thúc Tề nhường cho Bá Di. Bá Di không nhận bỏ đi nơi khác. Thúc Tề cũng bỏ nước mà đi.

Người trong nước phải lập con thứ lên thay. Bá Di, Thúc Tề nghe tiếng Tây bá (tức Chu Văn vương) là người hiền nên mới theo về với ông ta. Đến khi Tây bá chết, Vũ vương dùng một chủ Văn vương kéo quân sang đông, đánh Trụ, Bá Di, Thúc Tề ghim cương ngựa can, cho đó là việc làm bất nhân. Khi vua Vũ đã diệt xong nhà Ân (vua Trụ) dựng nghiệp nhà Chu, Bá Di và Thúc Tề lấy việc nước mất làm xấu hổ, bỏ đi ẩn ở núi Thù-dương hái rau vi mà ăn chứ không ăn thóc nhà Chu. Đến ngày đói gần chết có làm bài hát, lời rằng : *Dâng bi Tây-sơn hề, Thái kỳ vi hỉ ! di bạo dịch bạo hề bất tri kỳ phi hỉ ! Thần nông Ngụ Hạ hốt yên một hề, ngã an thích quy hỉ ! Vu ta tồ hề, mệnh chi suy hỉ* = Ta lên núi Tây-sơn (tức núi Thù-dương) này hái khóm rau vi ! Tôi bạo ngược thay chúa bạo ngược, không biết điều trái của mình ! Đạo nhường nhau từ đời Thần nông Ngụ Hạ bỗng mất hẳn, ta thư thái mà chết, thật mệnh ta suy. Cả hai người đều chịu chết đói trên núi Thù-dương (*Sử ký quyển 61, Thông chí quyển 177...*).

Chẳng khứng (kháng) : không ưng, không chịu.

Châu (Chu) : tên một triều đại phong kiến Trung Quốc (1027 - 256 trước công nguyên).

512. **Ai hầu cho ai** : không ai chịu hầu hạ, phục vụ gì cho ai cả.

513. **Y Phó** : tức Y Doãn và Phó Duyệt đời nhà Thương. Y Doãn, tên Chí, cấy ruộng ở đồng Hữu-sân. Vua Thành Thang nhà Thương ba lần cho người đưa hậu lễ đến mời, Y Doãn mới ra giúp. Ông có công to giúp vua Thành Thang đánh vua Kiệt diệt nhà Hạ dựng nghiệp nhà Thương, nên ông được tôn giữ chức a hành. Ông luôn luôn tự xem mình có trách nhiệm gánh vác việc thiên hạ. Khi vua Thang mất, cháu đích tôn là Thái Giáp lên nối ngôi.

Y Doãn làm ra những lời khuyên răn vua nên tu sửa theo phép chế vua Thang. Nhưng Thái Giáp, sau ba năm làm vua, vẫn tỏ ra bạo ngược, vô đạo. Y Doãn bắt dây ra đất Đông-cung rồi tự mình nhiếp chính. Thái Giáp ở Đông-cung ba năm đã hối lỗi, lo điều thiện : Y Doãn bèn rước về làm vua. *Luận ngữ : Thang hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Y Doãn, bất nhân giả viễn* = Thành Thang được thiên hạ, chọn trong dân chúng mà cử Y Doãn, bọn người xấu phải lánh xa, *Thiên Nam ngữ lục* : Lòng vàng tốt đã chẳng quên, Y Doãn lo tuyển Thái Giáp tiên sinh.

Phó Duyệt ẩn ở đất Phó-nghiêm làm nghề dùng ván ép đất xây tường, về sau vua Cao tông nhà Thương mộng thấy được người hiền tướng giúp nghiệp vương tên là Duyệt, bèn cho vẽ hình người giống trong mộng đưa tìm khắp thiên hạ, sau quả tìm được ông ở đất Phó-nghiêm mới lập làm (tể) tướng, lấy tên đất làm họ gọi là Phó Duyệt (*Thông chí Sử ký, Ân bản kỷ*). *Mai đình mộng ký* : Diệu Thường cùng ném vạc mai, cũng trong Y Phó cũng ngoài Tồn Ngô.

514. **Doái hoài** : tưởng nhớ đến, nghĩ đến.

515. **Thái Công** : danh thần nhà Chu. Theo *Sử ký*, ông người Đông Hải, vốn họ Khương, tên Thượng, tự Tử-nha. Tổ tiên ông có công được phong ở đất Lã, nên lấy tên đất phong làm họ, gọi là Lã Thượng. Lã Thượng sống một cuộc đời cùng khổn cho đến già hơn 70 tuổi vẫn phải đi câu cá để sinh sống. Chu Văn vương sửa soạn đi săn, cho người bói một quẻ. Quẻ bói rằng : "Sở hoạch phi long phi ly, phi hổ phi bi, sở hoạch bá vương chi phụ" = Con săn được không phải là con rồng, con ly ; cũng không phải là con hổ, con gấu, con săn được là con giúp nên nghiệp bá vương. Thế là Văn vương đi săn về phía đông và gặp Lã Vọng câu cá ở mé bắc sông Vị. Cùng nói chuyện với ông.

Văn Vương lấy làm hợp ý lắm, nói : "Tự ngô tiên quân Thái công viết " dương hữu thánh nhân thích Chu, Chu dĩ hưng, tử chân thị da ! Ngô Thái công vọng tử cữu hĩ" = Từ Thái công tiên quân của ta đã có nói : hiện có thánh nhân đến giúp nhà Chu, nhà Chu sẽ hưng thịnh, chính ngài là thánh nhân đó chăng ! Vua cha ta trông mong ngài đã lâu lắm rồi đó. Vì vậy mới đặt tên hiệu cho ông là Thái Công Vọng (người vua cha trông mong). Văn vương mời Lã Vọng ngồi cùng xe rước về kinh, tôn làm thầy. Lã Vọng giúp Văn vương và con là Vũ vương dựng nên nghiệp lớn nhà Chu. Vũ vương phong ông làm sư thượng phụ (bậc thầy kính trọng ngang cha). Vũ vương diệt Trụ, lấy được thiên hạ, phong đất Doan Khâu nước Tề cho ông, Tương truyền ông có soạn bộ binh thư là *Lục thao* 6 quyển, *Bạch-vân quốc ngữ thi tập* : Kìa kìa Lã Vọng câu Bàn Thạch, nọ nọ Nghiêm Quang nấu Phú Xuân.

517. **Nghiêm Lăng** : tức Nghiêm Quang, người đất Dư Diêu, quận Cối Kê đời Đông Hán, tự Tử-lăng, nổi danh từ thuở nhỏ, cùng học và chơi thân với Quang Vũ. Khi Quang Vũ lên ngôi vua, Nghiêm Quang đổi tên họ giấu mình ở ẩn. Quang Vũ nhớ ông là người hiền mới cho người đi khắp nơi tá hình dáng và dung mạo của ông để tìm. Sau nhờ có người nước Tề dâng thư báo có người bạn áo lông dê câu cá ở đầm, chắc là Nghiêm Quang, Quang Vũ liền cho xe đến đón. Ông ba lần từ chối. Lần thứ tư Quang Vũ lại cho sứ đến đón, ông mới chịu về kinh đô Lạc Dương yết kiến Quang Vũ. Quang Vũ được tin Nghiêm Quang, và mời Nghiêm Quang vào cung để cùng nhau bàn luận tình bạn cũ. Hai người thân thiết nằm cùng giường nói chuyện. Quang Vũ cố mời Nghiêm Quang giữ chức gián nghị đại phu. Nghiêm Quang không chịu nhận, bèn từ tạ trở về

cây ruộng ở núi Phú Xuân (nay thuộc huyện Phú Dương, đất Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang). Người đời sau gọi nơi Nghiêm Lăng câu là *Nghiêm Lăng lại*. Vết tích này hãy còn ở huyện Dong Lu trên bờ sông Chiết giang, dưới chân núi Nghiêm Sơn. Chỗ ông ngồi câu có từng lớp đá gọi là *Điều đàn* (*Hậu Hán thư* quyển 103). *Quốc âm thi tập* : Kham hạ Nghiêm Quang từ chẳng đến, Dong Giang được nấu một dải câu.

518. **Cây mây câu nguyệt** : cây trong mây núi, câu dưới trăng. Nói cây ruộng câu cá với cảnh mây, trăng thanh cao, ẩn dật.

Áo câu : tức áo cừu, là áo làm bằng da thú (như dê, cừu, cáo v.v...). Tử Lăng ngồi câu lâu năm, áo cừu đã rách nát (tả toi)

519. **Trần Đoàn** : người đất Châu Nguyên, tự Đổ Nam, học rộng tinh thông kinh *Dịch*, tự hiệu là Phù Giao tử. Cuối đời Đường, thi tiến sĩ không đỗ, ông bỏ đến ẩn ở núi Vũ-dương sơn, tu luyện đạo tiên. Về sau ông dời đến ẩn ở núi Hoa-sơn. Triều đình triệu ra làm quan, ông từ chối. Tống Thái tông rất trọng ông, ban cho hiệu Hi-di tiên sinh. Thơ Hà Mộng Quế (Tống) : *Bạch vân đôi lý khan Trần Đoàn* = Trong đụn mây trắng thấy Trần Đoàn.

520. **Gió trăng một túi** : túi thơ, vì các nhà văn thơ thời xưa thường hay ngâm phong (gió) vịnh nguyệt (trăng) là những cảnh thanh nhā : *kiều* : Để huế lưng túi gió trăng. Xem ct 1852.

Công hầu chiêm bao : coi công hầu như giấc chiêm bao, không màng gì đến. Xem ct 1145.

522. **Ra, vào** : Nói ra làm quan, lui về ở ẩn, theo cách xuất xứ của nhà nho.

523. **Nói nhăng** : nói bậy bạ, không có nghĩa lý gì.

- 527 - 528. Ý cả hai câu : Nói ví bọn Trịnh Hâm là người kiến thức nhỏ hẹp, như ếch ngồi đáy giếng, chỉ trông thấy một khoảng trời nhỏ bé, còn biết gì đến những hiện tượng thiên nhiên trong bầu trời bao la như sấm, chớp, mưa rào.
- 529 - 530. Ý cả hai câu : Ông quán tự ví mình sống cuộc đời tự do phóng khoáng trong sạch, tâm trí được thanh thoi, sáng suốt nhìn thấu cả việc đời không gì có thể che mắt được ông....
525. **Gối rơm** : đây chỉ hạng người nghèo hèn (Chỉ có gối dộn rơm).
531. **Đàn gảy tai trâu** : tục ngữ, ý nói người ngu không hiểu được lời nói hay, hay : nói gì với người ngu cũng là thừa như trâu không biết nghe đàn.
532. **Nước xao đầu vịt** : người ngu không tiếp thu được lời nói phải như đầu vịt truội lông không thấm được nước.
534. **Bảy người Trước lâm** : Bảy người hiền ở rừng Trúc (Trúc lâm thất hiền), là Kê Khang, Nguyễn Tịch, Nguyễn Hàm, Sơn Đào, Hướng Tú, Vương Nhung, Lưu Linh. Họ đều là người đời Tấn, tính tình phóng đạt, thường hợp nhau vui chơi nơi rừng Trúc, uống rượu đàm luận chuyện cổ kim, người đời gọi họ là bảy người hiền ở rừng Trúc. Đây nói ông quán cũng là hạng người hiền tài, trốn đời ẩn dật như bảy người hiền rừng trúc.
535. **Đồng tâm** : cùng lòng dạ với nhau. Xem câu 1218.
538. Ý cả câu : Sao bằng sống tự do làm việc tùy thích lòng mình không bị ai câu thúc mà phải vội vàng vất vả.
539. **Rừng nhu biển thánh** : nói cái học của đạo Nho cao dày như rừng cây sum sê, rộng lớn như bể cả.
543. **So đo** : chỉ tâm địa nhỏ nhen hay tị nạnh, so bì suy hơn tính thiệt. Xem câu 777.

544. **Âu lo** : lo âu, do "ưu" đọc chạnh ra.
545. **Dầu công** : công dầu, ý nói văn tài đứng đầu, đỗ đầu.
550. Ý cả câu : Học trò thi tốp bảy tốp ba lằng xằng bận rộn (chàng rãng), chuyện trò ồn ào. Xem ct 1040 B.
553. **Khai phong** : mở vật đã bọc kín, đây là mở phong thư.
- Sự cơ** : tức cơ sự, nghĩa là sự tình, nông nổi (khác nghĩa tiếng Hán nói việc xảo trá, bí mật).
554. **Dật dờ** : lơ phờ, tâm thần bất định vì cảm xúc mạnh.
555. **Lụy ngọc** : nước mắt. Từ Hán có chữ *châu lệ* là nói nước mắt trong như ngọc ; Xem các ct 638, 895 và các câu 581, 1322, 1479, 2006.
556. **Đoạn tràng** : đứt ruột, nói tình trạng đau xót lắm.
- Kiều** : Đoạn trường hay lúc phân kỳ.
559. **Công toại danh thành** : sự nghiệp đã thỏa lòng, danh tiếng đã nên tốt đẹp.
560. **Từ mẫu** : mẹ hiền.
- U minh** : tối tăm, đây chỉ cõi chết.
562. **Quy lai** : trở lại, quay về.
570. **Tang phục** : quần áo tang.
571. **Dây rơm** : dây lưng bằng rơm.
- Mũ bạc** : mũ vải trắng.
- Áo thùng** : áo thụng trắng rộng tay.
572. **Sách Văn công** : sách *Gia lễ* của Chu Văn công tức Chu Hy đời Tống qui định nghi lễ về tang ma, cưới xin...
574. **Lỗi nghi** : sai, không tròn nghĩa (nghi) vụ (làm con).
- 575 - 576. Ý cả hai câu : Mình không có cánh, không có vây (vì) để vượt nhanh, rút ngắn đường về ngay tới nhà.

578. **Lỡ làng** : dở dang, sai nhỡ hết. *Kiều* : Lỡ làng nước đục bụi trong. Xem câu 1302.
580. **Sao dời vật đổi** : thành ngữ chỉ sự biến đổi nói chung. Thơ Vương Bột (Đường) : Vật hoán tinh di kỷ độ thu = Vật đổi sao dời đã trải mấy thu. *Kiều* : Dấu rằng vật đổi sao dời.
584. **Chín chiều ruột đau** : ruột đau như bị quặn lại nhiều vòng (chín chiều), nói ý đau xót lắm. *Ca dao* : Chiều chiều ra đứng vườn sau, ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.
585. **Chín chữ cù lao** : nói công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dạy con. Kinh Thi : *Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao... Phu hề sinh ngã, mẫu hề cúc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cổ ngã, phúc ngã, xuất nhập phục ngã. Dục báo chi đức, hạo thiên vong cực* = Xót thương cha mẹ ta, sinh ra ta siêng năng khó nhọc... Cha ta sinh ra ta, mẹ ta nâng đỡ ta từ trong bụng ; cha mẹ ta đã vỗ về, nuôi nấng cho ta bú mớm, bồi bổ cho ta khôn lớn, dạy cho ta lời khôn lẽ phải, lo lắng theo dõi khi ta đi đâu, dựa theo tính ta mà khuyên răn ta, che chở giữ gìn cho ta. Muốn báo đền ơn đức cha mẹ, công đức đó như trời rộng không có giới hạn, *Thạch Sanh* : Đội ơn chín chữ cù lao, ba xuân tấc cỏ nghĩa sao cho đành.
586. **Nhũ bộ** : bú (sữa) mớm (cơm).
588. **Thiên hương** : hương trời. Chỉ người đàn bà có tài sắc. Đây có lẽ tác giả định nói mẹ hiền của Văn Tiên. *Kiều* : Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương.
590. **Báo hiếu** : báo ơn lo hết lòng phụng dưỡng cha mẹ.
592. **Phong trần** : gió bụi, chỉ sự gian khổ ở đời. Xem ct 3. *Kiều* : Phong trần chịu đã ê chế.
Ý cả câu : Đến gian khổ vất vả ở đời thì ai cũng phải chịu

- như nhau, hay : ở cõi đời gió bụi này thì ai cũng phải chịu gian khổ vất vả như ai.
597. **Bạn tác** : bạn cùng tuổi tác, cùng lứa với nhau.
594. **Chữ tài liền với chữ tai một vần** : ý nói người có tài thường phải chịu tai nạn. *Kiều* : Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần.
602. **Mây bạc** : chỉ nơi cha mẹ ở, hay chỉ lòng nhớ cha mẹ. Theo *Đường thư*, Dịch Nhân Kiệt khi làm quan ở đất Tinh Châu, cha mẹ còn ở Hà Dương, một hôm ông lên chơi núi Thái Hàng, ngoảnh lại nhìn thấy có đám mây trắng lơ lửng bay ở đằng xa, ông ngậm ngùi báo với người xung quanh rằng : "Ngô thân xá kỳ hạ" = Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng đó. Nói rồi ông bốn chôn đứng nhìn đám mây trắng một hồi lâu, đến khi mây bay đi nơi khác mới thôi. *Tự tình khúc* : Nam cai khuất non xanh man mác, Thái Hàng xa mây bạc lẫn vân. *Từ thục* : Lại càng như giục lòng quê, lòng theo mây bạc cùng về cố đô. Xem câu 1177.
- Dầu dàu** : héo không tươi, ý nói buồn rầu đau xót lắm. *Kiều* : Nhìn nàng ông những máu sa ruột dàu.
- Ý cả câu : Nói lòng Văn Tiên đau quặn vì thương nhớ mẹ cha.
606. **Bôn ba** : đây nghĩa là theo nhanh có ý vất vả.
612. Ý cả câu : Nói lòng còn lo ngại về đường xa nỗi gần chưa biết rồi sẽ ra sao.
513. **Bâng khuâng** : buồn, ngơ ngẩn trong lòng không biết ra thế nào.
614. **Tị trần** : tránh nơi bụi bặm, tức là tránh cuộc đời cũ nhỏ nhen, bẩn thỉu.
615. **Nước bích** : nước biếc

618. **Thị phi** : lời bàn phải trái, khen chê (của thói đời bực bậm).
619. **Quay quắt** : vội vàng, quay phắt ngay đi.
622. **Não nùng** (náo nùng) : nói sự say mê, thích thú trước cái hay, cái đẹp, hay nói tác dụng gây nên sự say mê thích thú, khác với nghĩa thường dùng hiện nay, *Bần nữ thân* : Phong thanh thu nguyệt bạch, náo nùng thay khi gió mát trăng thanh : *Chinh phụ ngâm* : Vì chàng tay chuốc chén vàng, vì chàng điểm phấn đeo hương náo nùng.
623. Ý cả câu : Thân (phận) mình dù thành công hay thất bại, thì cũng không có gì làm mình sợ phải sờn lòng cả.
624. **Dưỡng dục** : nuôi nấng dạy dỗ.
- Sanh thành** (sinh thành) : sinh ra và gây dựng, nuôi dưỡng cho nên người. *Kiều* : Làm con trước phải đến ơn sinh thành. Xem câu 1178.
629. **Nước chảy hoa trôi**, do chữ *lưu thủy lạc hoa*, hay *lạc hoa lưu thủy* : vốn là chữ nói về cảnh xuân tàn, nhưng thường được dùng để chỉ cảnh tượng tàn tạ, suy bại. Đây chỉ sự tan vỡ bao nhiêu ước vọng và dự định lớn lo "trả nợ nước non" của Văn Tiên. *Kiều* : Phận sao phận bạc như vôi, đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
630. **Phận bạc** : phận mỏng, nghĩa là số phận mỏng manh không ra gì. Bạc = mỏng, nhưng khi dùng "bạc" thì liên tưởng đến màu bạc trắng mà đem ví với vôi. *Kiều* : Đã đành phận bạc khôn đến tình chung... Phận sao phận bạc như vôi.
631. **Đường mây**, do chữ *vân lộ*, *thanh vân* : chỉ đường lập công danh. *Sử ký* : Thấy Phạm Thụ, Tu Giả cúi đầu xin chịu tội chết nói : "Giả bất ý quân năng tự chí ư thanh vân chi thượng. Giả bất cảm phục độc thiên hạ chi sự,

- bất cảm phục dự thiên hạ chi sự" = Giả này không ngờ ngài có thể tự mình lập được công danh. Từ nay, Giả tôi không dám đọc sách của thiên hạ, cũng lại không dám dự vào việc thiên hạ. Thơ Nguyễn Công Trứ : Đường mây rộng thênh thang cử bộ, nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo.
633. **Lâm việc** : tới khi có việc. Xem ct 163.
638. **Dòng châu** : dòng nước mắt. Văn Hán có chữ *châu lệ* chỉ nước mắt. Thơ Triệu Hổ (Đường) : *Thiếp cứu thủy châu lệ* = Thiếp nước mắt tuôn đã lâu rồi. *Kiều* : Theo lời càng chảy dòng châu. Ngoài ra. *Lục Văn Tiên* còn có : Giọt châu (1341), Lụy ngọc (555 - 1479), Lụy (885, 895, 1731). Xem ct 555.
- Thêm nhuần** : thêm ướt, ý nói nước mắt ra nhiều.
650. **Dào dào** : ý nói nhiều lắm
655. **Hỏi phản** : hỏi lần cho biết sự việc như phản mỗi chỉ. Xem câu 1853.
658. **Đầu thang** : nói bệnh nào thì cho thang thuốc nấy. Xem các câu 682, 696.
662. **Điều** : điều trị, dùng thuốc chữa bệnh.
668. **Nội kinh** : pho sách thuốc rất cổ (gồm bộ *Tổ vấn* và bộ *Linh khu* hợp lại) dạy về nguyên lý cơ bản và phép châm cứu của Đông y.
- Ngoại khoa** : những sách thuốc dạy phép chữa các bệnh bên ngoài thân thể. Xem câu 867.
669. **Y học** : tức *Y học nhập môn*, sách thuốc của Lý Duyệt đời Minh soạn.
670. **Thọ thế** : tức *Thọ thế bảo nguyên*, sách thuốc do Cung Đình Hiến đời Minh soạn.

Đông y : tức *Đông y bảo giám* do Hứa Tuấn người Triều Tiên thu thập những lý luận và phương pháp của các sách thuốc Trung Quốc mà soạn ra.

671. **Ngân hải tinh vi** : sách thuốc nói về cách chữa bệnh đau mắt, tương truyền do Tôn Tư Mạc đời Đường soạn. *Ngân hải* là bể bạc, chữ các đạo gia dùng để chỉ con mắt.

672. **Cang mục** : tức *Bản thảo cương mục* do Lý Thi Trân đời Minh soạn, gồm 52 quyển nói về tính chất các vị thuốc.

Thanh nang : túi xanh. Chỉ sách nói các phép chữa bệnh, Theo *Hậu Hán thư*, Hoa Đà là thầy thuốc nổi tiếng thời Hậu Hán bị Tào Tháo hạ gục. Lúc sắp chết nhân cảm cái ơn người coi ngục ngày thường đem cho rượu thức ăn nên Hoa Đà đã biểu ông ta cái thanh nang đựng các phép chữa bệnh chưa hề truyền cho ai. Thanh nang này sau bị vợ người coi ngục đốt mất vì nghĩ rằng dấu cho ông ta học được thần thuật chăng nữa, thì kết cục cũng phải bỏ mạng ở trong ngục như Hoa Đà. Do đó phép trị bệnh nói trong thanh nang bị thất truyền.

673. **Tập nghiệm lương phang** : sách tập hợp các phương thuốc hay đã được hiệu nghiệm.

674. **Ngự toán** : tức *Ngự toán y tông kim giám*, bộ sách thu thập các sách thuốc cổ kim cùng các phương thuốc bí truyền của dân gian.

Hồi xuân : tức *Vạn bệnh hồi xuân*, sách thuốc của Cung Đình Hiến đời Minh.

675. **Vị** : vị thuốc.

Quân thần : vua tôi. Các vị trong một thang thuốc tùy theo tính chất và công dụng của chúng mà chia ra vị là vua, vị là tôi, vị là người giúp việc (tá), vị là người liên

lạc (sứ), phải có đủ từng ấy thành phần mới có công dụng. Xem câu 1413.

676. **Nô nan** : nói thuốc sao khô cẩn thận.

677. **Lư-san** : tức *Lư-san mạch phủ*, tên bài phú nói về phép xem mạch.

679. **Lục quân, tứ vật** : tên hai thang thuốc căn bản để chữa khí và huyết.

680. **Thập toàn, bát vị** : hai bài thuốc bổ căn bản để chữa bệnh tạng phủ suy yếu.

681. **Bát trận tân phương** : tức là sách *Tân phương bát trận*, sách thuốc do danh y Trương Giới Tân đời Minh soạn. Ngoài ra ông còn soạn bộ *Cổ phương bát trận*.

682. **Ngoại cảm** : mắc bệnh vì khí hậu thời tiết ở ngoài như gió mưa, nóng lạnh, ẩm thấp sinh ra. Khi mới bị bệnh, thường uống thang "ngũ sài" có vị sài hồ giải cảm.

685. **Lục bộ** : sáu bộ mạch. Đông y bắt mạch ở cổ tay, chia bên trái và bên phải mỗi bên có ba bộ là *thốn, quan, xích*, hai bên thành sáu bộ. Bên trái có mạch tim, ruột non (bộ thốn) ; gan mật (bộ quan) ; thận, bong bóng (bộ xích). Bên phải có phổi, ruột già, (bộ thốn) ; tỉ, vị (bộ quan) ; mạng môn, tam tiêu (bộ xích).

686. **Bộ quan bên tả** : bộ quan bên trái có mạch gan, mật.

Phù hồng : mạch nổi và bốc lên.

687. **Kinh lạc** : các đường thuộc hệ thần kinh truyền dẫn khí huyết trong thân người. Đường dọc là kinh, đường ngang là lạc.

688. **Mạng môn** : theo thuyết Đông y thời trước, có người cho mạng môn là một điểm huyết ở giữa hai quả thận, cấp dương khí (thân nhiệt) cho cả người.

Tướng hỏa : dương khí sức nóng (hỏa) do thận phát ra, y học cũng gọi là thận hỏa.

689. **Tam tiêu** : thượng tiêu, trung tiêu và hạ tiêu. Thượng tiêu chủ về phổi tim, trung tiêu chủ về tì vị, hạ tiêu chủ về thận gan.

Tích nhiệt : chứa khí nóng.

690. **Giáng hỏa** : dẹp hỏa (khí nóng) xuống.

Tư âm : làm cho âm (như các chất nước, huyết, tân dịch... sinh nhiều ra. Cổ phương có bài "tư âm giáng hỏa" làm cho âm sinh nhiều để dẹp hỏa xuống.

691. **Huỳnh liên, huỳnh bá, huỳnh cầm** : ba vị thuốc mát để chữa nóng.

692. Ý cả câu : Nói phải thêm (ba vị này) gấp bội vào, thì nóng ở tim mới bình thường trở lại.

693. **Vạn linh** : thuốc điểm vào mắt để chữa đau mắt.

694. **Hoàn tỉnh** : thuốc uống cho sáng mắt ra.

695. **Hai lượng bạc ròng** : hai lượng bạc nguyên chất. Ròng là nguyên chất = vàng ròng, tiền ròng.

698. **Đòi cuộc đòi đàn** : đòi người bệnh phải đặt cược đặt đàn với thầy. Cuộc cũng như cược là số tiền đặt trước để đặt hàng. Đàn nghĩa cũng như cược ; nhưng các bộ từ điển xưa không có nghĩa này. Có lẽ đây là chữ bàn mới đúng. Từ điển Genibren có ghi từ *bàn cuộc* với nghĩa là tiền đặt cược. Hai bản Văn Minh và Dương Quảng Hàm cũng để : Nào ai đòi cuộc đời bàn chi ai.

699. **Thiệt tài** : thực tài, có tài thực.

706. **Tiên sư** : người khởi sáng ra một nghề gì, tức là người đầu tiên làm nghề đó. Đây nói tiên sư nghề làm thuốc.

708. Ý cả câu : E khi đi đường, Văn Tiên có làm điều gì (phạm đến quỷ thần) nên bị quỷ thần phạt.

709. **Cầu** : hết sức xin nhờ người ta giúp làm một việc gì.

714. **Dậy tiếng** : nổi tiếng, nức tiếng.

716. **Nói nhây** : nói dai một cách vô bổ.

Bá vợ bá vật : bậy bạ không nhằm vào đâu cả.

717. **Ôn nhuận** : xem đi xem lại đã nhuận nhuyễn, đã thấm. Xem câu 1736.

Châu Dịch (Chu Dịch) : kinh *Dịch* đời nhà Chu là sách triết học rất cổ của Trung Quốc nói về lẽ biến chuyển (*dịch*) của tự nhiên và xã hội. Sách có 8 quẻ chính (bát quái) ; mỗi quẻ nguyên có ba hào (ba vạch), sau chồng lên thành sáu hào. Tám quẻ có sáu hào này lại giao đổi với nhau thành 64 quẻ. 384 hào, thể hiện lẽ biến chuyển của vũ trụ và xã hội loài người. Trong xã hội cũ *Chu Dịch* thường được khai thác các mặt huyền bí dùng làm sách bói toán.

719. **Huỳnh kim, Đá hạc** : hai sách nói về thuật bói toán.

720. **Lục nhâm Lục giáp** : hai môn thuật số bói toán. Lục nhâm có sách *Lục nhâm đại toàn* nói về cách xem "nhâm". Lục giáp có sách *Cơ môn độn giáp* nói về cách xem "độn".

721. **Can chi** : can có thập can (mười can) là giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý ; chi có thập nhị chi (mười hai chi) là tị, sửu, dần, mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi. Thập can là mười dấu hiệu thuộc về trời (thiên can), hợp với thập nhị chi là mười hai dấu hiệu thuộc về đất (địa chi) để chỉ ngày giờ năm tháng...

726. **Chiêm** : bói.

Lộ trình : quãng đường đi. Xem các câu 748, 880, 1806, 2030.

727. **Rùa, thi** : mai rùa, cổ thi là hai thứ dùng để bói toán.

733 - 734. Theo bói toán, đinh mao là năm hạn của Văn Tiên, gặp ngày giáp tý là ngày xung nên mắc bệnh.

735. **Mạng kim** : bản mệnh thuộc kim (một hành trong ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ)

Cung càn : cung thuộc quẻ kiến (quẻ đầu trong bát quái : kiến, khảm, cấn, chấn, tốn, li, khôn, đoài) thuộc kim. Mệnh kim ở cung kim, mê tín cho là đất địa nên số sẽ giàu sang.

737. **Ý cả câu** : Quẻ này không phải ứng vào người đi buôn bán (cầu tài).

740. **Giao, sách, trùng** : Vũ Đình Liên chú : "Cách bói Dã-hạc (bói Dịch) cầm ba đồng tiền gieo xuống cái đĩa, một đồng sắp là "đầu" (lấy sắp làm chủ), hai đồng sắp là "sách", ba đồng cùng sắp là "trùng", ba đồng cùng ngửa là "giao". Mỗi lần gieo tiền sắp ngửa như thế, ghi làm một hào, gieo đủ sáu lần là sáu hào thành một quẻ sẽ theo tính chất mỗi hào trong quẻ mà đoán sự việc. Quẻ bói ở đây, lần thứ nhất gieo được hào giao (ba ngửa) lần thứ hai hào sách, lần thứ ba hào trùng..."

Theo *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính dẫn trong bản Dương Quảng Hàm, thì cách bói này người ta dùng 3 đồng tiền gieo sáu lần xuống cái đĩa, nếu : 3 đồng ngửa là trùng, 3 đồng sắp là giao, 1 đồng sắp 2 đồng ngửa là đan, 1 đồng ngửa 2 đồng sắp là sách.

741. **Trang** : trải xem kỹ càng. Trang quẻ, trang lá số nghĩa là trình bày nội dung quẻ, lá số.

Lục xung : sáu hào trong quẻ bói xung khắc nhau.

742. **Phụ mẫu, tử tôn** : theo cách bói Dã hạc, sáu hào trong quẻ bói, mỗi hào chủ về một việc như : phụ mẫu (cha mẹ), huynh đệ (anh em), thê tài (vợ và tiền của), tử tôn (con

cháu), quan quý (quan sự và quý thân)... Những hào này quy hợp vào ngũ hành mà có tính chất tương sinh hay tương khắc. Ở đây hào phụ mẫu khác hào tử tôn.

743. **Quẻ du hôn** : quẻ bói nói về việc hôn đi chơi vợ vắng, ứng vào việc Văn Tiên bị long dong nơi đường xa đất khách.

744. **Thế động** : hào thế tức hào bản thân bị xung động.

Hào quan : tức hào quan quý, chỉ chung việc thi cử, công danh, kiện tụng.

Ý cả câu : Chỉ cuộc đời của Văn Tiên bị xáo động, công danh bị trắc trở.

746. **Mẫu tang** : tang mẹ.

750. **Thấy pháp** : thấy phù thủy.

Chứa chuyên : nói chữa một bệnh cụ thể nào đó. Xem các câu 781, 788, 792, 796.

755. **Bôn bon** : bon bon, chỉ dáng chạy nhanh.

762. **Ếm quý** : làm cho phép quý mất tác dụng. Cũng như yếm quý là dùng pháp thuật để trấn áp quý.

763. **Ấn** : phù phép bắt ma trừ tà của thầy pháp.

764. **Phù chú** : bùa và câu chú thầy phù thủy dùng để trừ tà ma.

770. **Hồ linh** : bầu thiêng. Theo *Văn cập thất tiêm*, Thi Tồn người nước Lỗ học được phép tiên, thường đeo một cái bầu to bằng nửa cái đầu, có thể hóa thành vật thu chứa cả trời đất, có cả mặt trời mặt trăng, tối đến chui vào bầu ngủ. *Hậu hán thư* chép : Phí Trường Phòng, người đất Nhữ Nam đời Đông Hán từng làm chức quán chợ. Trong chợ có quán ông lão bán thuốc, đầu quán treo một cái bầu, và khi chợ tan thì ông ta chui vào cái bầu ấy. Người trong chợ không ai biết cả, duy có Trường Phòng

ở trên lầu cao mới nhìn thấy lấy làm lạ bèn tìm đến quán ông lão. Ông lão biết ý dặn Phòng ngày hôm sau đến chơi. Hôm sau Phòng đến. Ông lão mời Phòng vào trong bầu, thấy ngọc đường trắng lệt, có rượu ngọt, đồ nhắm ngon. Hai người cùng đánh chén, say sưa Phòng mới ra về (Phi Trường Phòng truyện).

771. **Sái đậu thành binh** : rây hạt đậu cho hóa thành quân lính.

772. **Diêm vương** : vua âm phủ.

Bện hình làm tướng : bện hình người rơm để cho hóa làm tướng (cầm quân xuống phá thành vua âm phủ)

773. **Đạo hỏa** : giã lên lửa.

Phó thang : dẫn mình vào nước sôi.

774. **Ngôi gươm đứng giáo** : ngôi trên gươm đứng trên giáo.

Khai đường thiên hoang : mở đường tới cõi trời xa vắng chưa có ai tới.

791. **Hề** : tức hề đồng là chú bé theo hầu.

793. **Kinh quyền** : chỉ phép xử sự biết tùy thời mà linh hoạt, không cố chấp câu nệ. Kinh là cách xử sự khi thường. Quyền là cách xử sự lúc biến. **Kiều** : Có khi biến có khi thường, có quyền nào phải một đường chấp kinh. Xem câu 1616.

794. **Thuyên** : bớt đau, khởi bệnh

798. **Bàn Cổ** : theo truyền thuyết Trung Quốc, Bàn Cổ là ông tổ của trời đất và vạn vật.

Tọa tiên chứng minh : trước bàn thờ chứng minh cho.

799. **Thỉnh** : mời một cách cung kính.

Đại thánh Tế thiên : tức Tôn Ngộ Không, nhân vật chính trong truyện *Tây du ký*. Tôn Ngộ Không vốn là một con khỉ đá, cầu tiên học đạo, có nhiều phép lạ, từng xuống thủy cung yêu sách Long vương, và xuống âm cung xóa sổ Diêm vương. Trời nổi giận làm Bát mã ôn (chức coi ngựa nhà trời), Tôn Ngộ Không bất mãn với chức quan nhỏ mọn, làm náo động thiên cung rồi bỏ về. Mấy tướng nhà trời xuống bắt đều bị Ngộ Không đánh bại. Trời phải phong cho Tôn làm Tế thiên đại thánh (thánh to bằng trời). Sau Ngộ Không quy Phật, theo Đường Tam Tạng sang Tây Trúc lấy kinh.

800. **Vô hậu** : theo *Tục thống chí*, Vũ hậu người đất Tĩnh Châu thời Đường Thái tông, được vời vào cung giữ chức tài nhân (Chức nữ quan). Thái tông mất, bà cắt tóc đi tu. Đến thời Cao tông bà lại để tóc vào cung rồi được lập làm hoàng hậu. Cao tông mất, bà lên cầm quyền, làm triều xuống chỗ, phế con là Trung tông, tự lập làm vua, đổi quốc hiệu là Chu. Đến năm đầu năm Thượng-nguyên được tiến hiệu Thiên hậu. Theo *Thanh nhất thống chí*, Thiên hậu còn là tên một vị thần biển. Bà là con gái đất Phủ Diên đời Tống, lúc sinh bà có hào quang và hương thơm xông ngào ngạt. Khi đã lớn, bà thường ngồi chiếu đi lại trên đại dương, cưỡi mây chu du trên các đảo. Sau khi hóa, bà hay bay áo đỏ bay lượn trên mặt biển. Đời Khang hy nhà Thanh, bà được phong làm Thiên phi, rồi gia phong làm Thiên hậu. Chác Vũ-hậu ở đây chính là chỉ Thiên hậu, Xem câu 1601.

801. **Nguyên soái chinh tây** : tức Tiết Nhân Quý. Ông người đất Long Môn vốn làm nghề cày ruộng rồi theo Đường Thái tông đánh Liêu Đông, sau theo Đường Cao tông đánh các nước Tây vực ông đều tỏ ra là vị tướng tài dũng cảm, có nhiều mưu trí. Khi đánh Liêu Đông, ông

- một mình tay cầm giáo lưng đeo cung nỏ xông vào phá tan thể trận của đối phương ; khi đánh Tây vực, mười vạn quân Đột-quyết khiếp sợ xin hàng.
802. **Vương mẫu** : tức Tây vương mẫu, bà tiên cai quản tiên nữ. Theo *Tập tiên lục*, Tây vương mẫu hiệu Quy-sơn Kim mẫu hay Quy-đài Kim mẫu nguyên quân. Cung khuyết của Vương mẫu trên núi Quy-sơn có thành dài ngàn dặm, lầu ngọc mười hai tòa... bên trái có Dao-trì, bên phải có Hoàn-thủy thủy. Dưới chân núi có Nhược-thủy bao quanh, sóng cao ngàn trượng, không có cách nào lên đến được. Vương mẫu có vườn đào, đào ba nghìn năm mới kết quả, thường có mở tiệc đào tiên mời chư tiên về dự. *Hoa diểu tranh năng* : Nhớ xưa ở chốn đào viên, bà Vương mẫu mở thọ diên vui mừng.
803. **A-di** : tức A-di-đà, tên hiệu vị Phật tổ chỉ tôn ở thế giới cực lạc.
804. **Thập phương chư Phật** : các vị Phật ở mười phương, tức ý nói ở khắp mọi nơi.
- Phù trì** : giúp đỡ, giữ gìn.
805. **Công chúa Ngũ-long** : tức Thanh-long, Hắc-long, Bạch-long, Xích-long. Hoàng-long nằm vị công chúa Long vương. Theo *Thuyết Dương*, năm công chúa này tu tiên ở núi Ngũ-long có nhiều phép lạ, từng bày trận Ngũ-hành giúp nước Tây phiên đánh nhau với quân nhà Đường.
806. **Bình nam ngũ hổ** : năm tướng dũng mãnh đánh chiếm phương nam trong truyện *Ngũ hổ bình nam*.
- An dinh** : đóng yên doanh trại, ý nói đến tụ họp nơi bàn thờ,

807. **Thiên tướng, thiên binh** : ngàn tướng ngàn quân, ý nói quân tướng đông lắm.
808. **Tam-phủ Động-dinh, Xích-lân** : chỉ chung các vị thần ở trên trời (thiên phủ), dưới âm phủ (địa phủ) và trong lòng sông biển (thủy phủ) ở Động-dinh và Xích-lân. Xích-lân, không rõ ở đâu. Bản Vũ Đình Liên phỏng đoán cho là thần Xích-lân ở hồ Động-dinh, một cái hồ lớn ở tỉnh Hồ Nam Trung Quốc.
810. **Dương trần** : cõi đời (dương) bụi bặm.
822. **Tráo chác** : lừa dối, trở mặt. Xem câu 1062.
825. **Vắng hoe** : vắng ngắt, ý nói trống rỗng không có cái gì để gây ra tiếng động được. Đây nói không còn động tiền nào.
828. **Mình ve** : mình gãy dết như xác ve.
- Ruột tâm** : nói lòng bối rối như tơ trong ruột tâm.
- Héo đơn** : héo quắt lại, héo lá đi. *Kiều* : Ruột tâm ngày một héo đơn, tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
830. **Thôn von** : cô đơn, gian nan, nguy hiểm.
832. **Khuyến giáo** : đi quyên, đi xin. Xem các câu 928, 1997.
834. **Câu Lá Buôn** : Theo *Gia đình thành thông chí*, câu Lá Buôn ở tỉnh Biên Hòa bắc ngang qua cái rạch gọi là rạch Lá Buôn. Buôn là một thứ cây thấp mọc thành rừng, lá to trắng dùng lợp nón, làm áo tơi và làm buồm thuyền. Từ Bình Thuận đi Biên Hòa nhiều nơi có rừng lá buôn.
835. **Luông tuông** : nghĩa như chữ loang toàng. Đây ý nói tơi bời, tơi tấp. Ý cả câu nói cảnh vất vả dọc đường.
844. **Quán xá** : nhà trọ.
849. **Hai rằm** : hai ngày rằm, tức là hai tháng.
852. **Chư hữu** : các bạn.

855. **Viếng thân** : thăm cha mẹ. Xem ct 331.
856. **Trở việc** : bận việc
861. **Giang trung** : giữa sông, tức ý nói chốn sông nước.
862. **Tháp tùng** : cùng đi theo.
868. **Phong ba** : sóng gió.
871. **Trong dạ gươm dao** : trong bụng có gươm có dao, ý nói bụng dạ hiểm độc, gian ác.
878. **Địa hám thiên băng** : đất sụt trời sụp, chỉ tai biến lớn.
879. **Lưu linh** : trôi nổi lạc loài.
889. **Tai nạn** : tai nạn là việc không may làm cho phải thiệt hại, khổ sở. Xem các câu 1094, 1189.
890. **Suối vàng** : do chữ *hoàng tuyền* : con suối trong lòng đất, chỉ âm phủ. Theo *Hán thư*, nói về màu sắc, thì màu vàng là màu thịnh hơn cả. Vì lẽ ấy, nên khí dương hun đúc ở chỗ suối vàng (hoàng tuyền) mà vạn vật nảy mầm, sinh sôi nảy nở. Mầu vàng là nguyên khí của trời đất.
- Kiều** : Gọi là gặp gỡ giữa đường, họa là người dưới suối vàng biết cho. Xem các câu 1258, 1450, 1699, 2025
- Ngoài ra *Lục Vân Tiên*, còn có : Dạ đài (1814), Cửu tuyền (1456), Huỳnh tuyền (1206, 1440, 2049).
895. **Lụy** : nước mắt. Xem ct 555, 945.
897. **Sơn quân** : vua núi, chỉ con hổ.
900. **Ràng ràng** : rành rành dễ thấy.
906. **Người tang** : người mặc quần áo tang, chỉ Văn Tiên.
928. **Quải đơm** : cúng lễ.
932. **Be thuyền** : tấm gỗ trên cùng của mạn thuyền, cũng tức là mép thuyền hay mạn thuyền.
934. **Mắc nạn khi không** : bỗng dưng mắc nạn.

936. **Cô bóng** : con thuyền lẻ loi. Bóng là thuyền nan to. *Ca dao* : Thuyền bóng trở lại về đông, con đi theo chồng để mẹ cho ai.
940. **Vời** : khoảng nước rộng. Xem các câu 976, 1002.
945. **Lụy** : đây là gặp hại. Xem ct 895.
946. **Giao long** : loài rồng nước hay gây sóng dữ. Cá sấu ở sông Cửu-long cũng gọi là giao long.
949. **Hối** : giục
- Vây lửa** = nói nhóm lửa.
952. **Hồn phách** : hồn vía.
954. **Dương gian** : cõi người sống. Xem câu 1343.
955. **Ngư ông** : ông chài. Xem các câu 1018, 1012.
958. **Hầm hút** : *hầm* là biến màu, biến chất như nôi gạo hầm, cơm hầm ; *hút* là nôi (gạo) không trắng. Hầm, hút đây chỉ thứ gạo xấu, thức ăn của người nghèo. Xem câu 1683.
960. **Trái mùi** : trái cây chín nục, chín lăm.
- Ý cả câu** : Nói trái cây chín mùi tất phải rụng ; cũng như thân mình bệnh hoạn ốm yếu nhiều , tất không biết chết lúc nào.
967. **Doi** : doi đất, dài đất ở cửa sông hay dọc sông.
970. **Câu dấm** : thả mồi ngấm lâu ở dưới nước để đợi cá ăn.
971. **Chích** : cái hồ, cái đầm.
973. **Kinh luân** : xem ct 506. Ý ông ngư nói : ông cũng là tay kinh luân, nhưng muốn ẩn dật với nghề chài lưới. Và, trong nghề chài lưới, ông cũng chẳng kém gì những người trị nước có tài (kinh luân).
974. **Dưới thế** : ở cõi đời này.

976. **Tắm mưa chải gió** : do chữ *trất phong mộc vũ* : chải gió tắm mưa, chỉ sự vất vả dẫu dãi xông pha mưa gió. Đây ý nói quen xông pha mưa gió, tự do nơi cảnh sông nước với nghề chài lưới.

981. **Gá lời** : hứa lời.

982. **Sui gia** : dâu gia, là hai nhà có con gả cho nhau. Xem các câu 1037, 1366, 2079.

987. **Cứu tử** : cứu cho khỏi chết.

990. Ý cả câu : sợi chỉ phải vừa tròn kim mới lượn qua được, cũng như con rể phải hợp ý muốn nhà vợ mới được dung nạp. Ông ngư sợ bây giờ Văn Tiên chắc bị nhà vợ ruồng rẫy không nhận nữa.

995. **Hào tâm** : lòng tốt, tốt bụng.

999. **Ba thứ tóc** : tóc đen, tóc vàng (dở đen dở trắng) và tóc bạc, ý nói đã già.

1000. **Âu** : xem ct 544.

1002. **Chẳng đã** : cực chẳng đã, tức là không thể nào khác được. Xem câu 1405.

Ý cả câu : Ngư ông cực chẳng đã mới phải đưa Văn Tiên sang nhà Võ công (vì ông đã thấy xa thối đời, không dám quá tin lòng tốt của người ta như Văn Tiên).

1008. **Lo lừa** : lo tính, mưu làm một việc gì. Xem câu 1921.

1011. **Núi Lư-san** : tên núi có nhiều lau sậy.

Ngư phủ : như chữ ngư ông. Xem ct 955.

1012. **Ngũ Viên** : theo *Sử ký*, ông người nước Sở thời Xuân thu tự Tử-tư. Cha là Ngũ Xa, anh là Ngũ Thương, tổ tiên là Ngũ Cử, có danh vọng lớn ở Sở. Ngũ Xa làm thái phó thời Sở Bình vương. Sở Bình vương vô đạo cướp vợ của con là thái tử Kiến. Về sau, Sở Bình vương nghe lời siểm

nịnh của Phi Vô Kỵ mới cho người giết thái tử Kiến và bắt bỏ tù Ngũ Xa. Vô Kỵ nói với Bình vương : "Ngũ Xa có hai con đều là những người tài giỏi, nếu không giết thì sẽ là mối lo cho nước Sở. Nay dùng Ngũ Xa làm con tin mà gọi họ đến rồi giết đi". Bình vương cho sứ giả gọi Ngũ Thương và Ngũ Viên đến. Ngũ Viên không đến, chỉ một mình Ngũ Thương đến Sở. Sở giết cả Xa lẫn Thương. Ngũ Tử-tư trốn sang Tống, rồi đến Trịnh và Ngô, ngày đêm lo việc báo thù cho cha và anh, đến cửa ải Chiêu-quan, người giữ cửa đuổi theo muốn bắt. Ngũ Viên đi bộ bỏ chạy. Đến sông Giang, may trên sông có người đánh cá đang chèo chiếc thuyền nhỏ, biết Ngũ Tử-tư nguy cấp và đói lắm mới đi kiếm cơm cho ăn. Tử-tư bèn nấp vào trong bụi lau. Khi người đánh cá đem cơm đến gọi : "Lô trung nhân ! Lô trung nhân ! Lô trung nhân !" (Hỡi người trong bụi lau), Ngũ Tử-tư ra nhận cơm ăn. Ăn xong, người đánh cá bèn chèo thuyền cho Tử-tư sang sông, Ngũ Tử-tư đến Ngô, giúp công tử Quang lên ngôi vua. Đó là vua Hạp Lư nước Ngô. Hạp Lư tin dùng Tử-tư, mưa việc đánh Sở. Về sau Hạp Lư cùng Ngũ Tử-tư đem quân đánh Sở. Quân Sở thua to. Quân Ngô kéo vào thành Sính, Bình vương đã mất, Ngũ Tử-tư cho đào mã Sở Bình vương, đem thầy ra đánh ba trăm roi để báo thù, rửa nhục cho cha và anh (Ngũ Tử-tư liệt truyện, *Đông Chu liệt quốc*, hồi 71, 72, 73)

1013 - 1014. **Hạng Võ** : theo *Sử ký*, Hạng Võ người đất Hạ Tương tên Tịch, tự Vũ (Võ), thuở nhỏ đã có kỳ tài. Họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, được phong ở đất Hạng nên lấy tên họ là Hạng. Lúc còn nhỏ, Tịch học chữ, học chẳng nên, bỏ đi học kiếm thuật, cũng chẳng nên, nói : "Biết chữ chỉ đủ để viết tên họ mà thôi. Kiếm chỉ đánh lại một người, không bỏ công học. Nên học cái đánh lại được vạn người !" Chú là Hạng Lương bèn dạy cho

Tịch binh pháp. Tịch mừng lắm. Tân Thủy hoàng đi chơi đất Cối Kê, vượt qua Chiết Giang. Lương và Tịch cùng đi xem. Tịch nói : "Có thể cướp và thay thế hân !" Thời Tấn Nhị Thế, Tịch cùng chú là Hạng Lương dẫn quân khởi nghĩa, tụ tập được tám nghìn quân tinh nhuệ chống Tấn, giúp Sở. Sở Hoài vương phong Tịch làm thượng tướng quân.

Hạng Vũ đem quân đánh tan quân Tấn chín trận, thanh thế quân Sở át cả quân các nước chư hầu. Hạng Vũ bắt đầu làm thượng tướng quân của chư hầu, tự xưng Tây Sở bá vương, chia đôi thiên hạ làm vương các chư hầu, cùng Hán vương, Lưu Bang tranh thiên hạ.

Hán vương cùng hẹn với Hàn Tín và Bành Việt hiệp sức đánh Sở bá vương. Bấy giờ Sở bá vương đóng quân ở trong thành Cai-hạ, binh ít lương hết. Quân Hán và quân chư hầu bao vây mấy vòng. Đang đêm Sở bá vương nghe quân Hán ở bốn mặt đều hát giọng Sở, kinh hoàng nói : "Hán đã lấy được Sở rồi chăng ? sao mà người Sở đông thế ?" Sở bá vương bèn lên ngựa, đang đêm phá vỡ vòng vây xông ra phía nam, phi ngựa chạy cùng tám trăm tráng sĩ khác. Đến khi bị sa vào trong đồng lầy, quân Hán đuổi kịp. Sở bá vương bèn đem quân đi về hướng đông, đến Đông-thành, bấy giờ chỉ còn hai mươi tám kỵ binh. Mấy ngàn kỵ binh Hán đuổi theo. Sở bá vương muốn vượt sông Ô Giang. Người đình trưởng Ô Giang cấm thuyền dơi, bảo Sở bá vương : "Giang Đông tuy nhỏ, đất hàng ngàn dặm, dân vài mươi vạn, cũng đủ làm vương. Xin đại vương mau vượt sông". Sở bá vương cười mà rằng : "Trời hại ta, ta vượt qua sông làm gì ? Và chẳng Tịch này cùng tám nghìn con em Giang Đông vượt Trường Giang đi về hướng tây nay không còn lấy một người trở về. Dù cho các bậc cha anh ở Giang Đông thương ta, cho ta làm vương, ta

cũng còn mặt mũi nào mà thấy họ nữa. Dù họ không nói, Tịch này há chẳng thẹn trong lòng sao ? " Bèn bảo đình trưởng : "Ta biết ông là bậc trưởng giả, ta cưới con ngựa này, đi đến đâu cũng vô địch, thường một ngày đi ngàn dặm, ta không nỡ giết, xin biểu ông". Sở bá vương bèn sai kỵ binh đều xuống ngựa đi bộ cầm khi giới ngăn để tiếp chiến. Một mình Tịch giết mấy trăm quân, thân bị hơn mười vết thương, quay lại thấy kỵ binh của Hán là Lữ Mã Dong, bèn nói : "Ông có phải là cố nhân của ta đó không ? Ta nghe nói Hán mua đầu ta ngàn vàng, phong ấp vạn hộ. Ta làm ơn cho nhà người đây". Rồi Hạng vương tự đâm cổ chết (Hạng Vũ bản kỷ). Xem câu 1754.

1020. Ý cả câu : Một bên là ân tình, một bên là quyền thế và lợi lộc, khó trọn vẹn được cả hai.

1024. Ái nữ : con gái yêu.

1029. Bốn : chầu.

1030. Phồn : tiếng địa phương Nam Bộ, có nghĩa là một giống, một loại, một bọn, như nói : gian ninh một phồn.

1031. Ý cả câu : Thà không không, chịu một bề ở vậy.

1033. Danh nhu (nhỏ) : đây nói người học hành nổi tiếng.

1036. Thủ khoa : người đỗ đầu khoa thi.

1046. Nhà cầu : nhà thấp, bé làm lối đi thông nối hai nhà to với nhau.

1049. Tam canh : canh ba (một đêm có năm canh). Xem câu 1804.

1052. Gay : vặn quai chèo cho mái chèo chặt vào cọc chèo để chèo thuyền gọi là gay thuyền đi.

Chèo quế, do chữ quế tiếp, quế trạo = chèo gỗ quế, chỉ cái chèo nói chung. Thơ Hàn Ốc (Đường) : Tài kiến

lan châu động nhưng vẫn quế tiếp xao = Vừa thấy thuyền lan động, là đã nghe tiếng chèo quế vỗ nước. *Sở kinh tân trang* : Thuyền lan chèo quế thành thời gian hà.

1061. **Con tạo** : chỉ tạo hóa với ý trách móc. *Kiều* : Cũng liêu nhảm mắt đưa chân, mà xem con tạo xoay vần đến đâu. Cũng chỉ tạo hóa, vân nôm còn có : Hóa nhi, Hóa công (*Kiều*), Trê tạo hóa (*Cung oán*), Tạo hóa tiểu nhi (*Ngư Tiều vấn đáp*). Xem các câu 1350, 1726.

Trớ trình : trớ trêu lừa gạt, trêu cợt. Xem ct 1197.

1066. **Cheo** : loài nai xạ hương bé hơn con dê.

1069. **Oán gia** : chỉ người có thù hằn với mình, hay chỉ sự oán thù nói chung.

Ý cả câu : Nói có lẽ kiếp trước Văn Tiên có oán thù gì với nhà Võ công nên mới bị hãm hại như thế này. Xem câu 2053.

1072. **Thạch bàn** : tảng đá lớn và phẳng. Xem câu 1650.

1073. **Thối lò** : thối lữa, thối mạnh vào một nơi.

Mưa tro : mưa bụi, mưa phùn.

1077. **Du thần** : thần đi rong các nơi để xem xét mọi việc chốn nhân gian. Xem câu 1083.

Ai hoài : thương xót, lo lắng đến.

1078. **Phù tiên** : bùa tiên, tức đạo bùa của thầy cho khi Văn Tiên từ biệt thầy đi thi.

1083. **Sơn trung** : trong núi.

1084. **Giấc nồng** : giấc ngủ say. Đây chỉ giấc ngủ mệt là đi.

1090. **Nhát** : dọa cho người ta sợ.

1099. **Trong tuyết đưa than**, do chữ *tuyết trung tống thân* : chỉ việc cứu giúp người lúc khẩn cấp. *Tống sử* : Năm Thuận hóa thứ tư (993), đời vua Tống Thái tông có mưa tuyết, trời rét lắm, vua sai quan trung sử đưa gạo ăn và

than đốt cho những người già và những người nghèo khổ. *Thơ Phạm Thành Đại (Tống)* : *Bát thị tuyết trung tu tống thân* = Không phải chuyện trong tuyết đưa than.

1100. **Ý cả câu** : Người nghèo khó dù có ngồi ngay giữa chợ là nơi đông đúc cũng không ai để ý đoái thương đến. *Thơ cổ* : *Bần cư nào thị vô nhân vấn, phú tại thâm sơn hữu khách tâm* = Nghèo ngồi chợ đông không người hỏi, giàu ở núi sâu có kẻ tìm.

1102. **Ẩn dật** : ở ẩn mà tự vui.

1104. **Tái sanh** : làm sống lại.

1113. **Tứ chi** : hai tay và hai chân gọi là tứ chi.

1115. **Áo tơ** : áo che mưa chằm bằng lá như lá cọ lấy ở rừng.

1121. **Bôn trình** : đi gấp trên đường.

1124. **Còn nghi nổi mình** : còn nghi ngại cho thân phận mình (vì Văn Tiên đã từng bị Trịnh Hâm, Võ Công lừa đảo, hãm hại).

1125. **Nhơn huynh** (nhân huynh) : người anh tốt (tiếng xưng hô).

1139. **Tình không** : ý nói không có dự vọng, ý đồ gì.

1134. **Chầu** : buổi, dịp chợ phiên, chợ họp vào ngày nhất định.

1140. **Non tông** (non tòng) : núi thông.

1145. **Công hầu phú quý** : ý nói công danh và giàu sang. Công hầu là tước công và tước hầu, nai tước cao nhất trong tước phong thời phong kiến. Xem ct 520.

1146. **Lộc rừng** : lộc của rừng cho, đây là củi.

1149. **Lâm sơn** : rừng núi.

1150. **Hoàn** : trở về

- Am mây** : chùa nhỏ nơi hẻo lánh cách biệt với đời. Xem các câu 1687, 1196.
1152. **Ngọc hữu** : bạn ngọc, ý nói bạn quý.
1154. **Miếu vó** : xem ct 305
1155. **Tinh thân** : thăm nom cha mẹ.
1160. **Cưỡng gian không nghỉ** : lấy sức mạnh mà hăm hiếp phụ nữ không có đạo nghĩa gì cả.
1162. **Một giò** : một chân.
1164. **Huyện đường** (đường) : nơi làm việc của viên quan huyện
1165. **Sóc phang** (phương) : phương bắc.
1168. **Mai danh ẩn tích** : vui tên giấu tích, không muốn ai biết đến mình.
- Nấu nương** : tức nương nấu ; là ở nhờ để ẩn thân. Xem các câu 1188, 1526.
1172. **Châu lụy** : nước mắt. Xem ct 638.
1173. **Xuân huyền** : cha mẹ, là bởi chữ *xuân đường* là cha, và *huyền đường* là mẹ. **Phan Trần** : Xuân huyền đôi khóm già già, trên đầu vẽ bạc ngoài da thức mỗi. Xem ct 55 và câu 1739.
1175. **Đào** : mưa đào, mưa to.
1177. **Ý cả câu** : Nói Văn Tiên nghĩ đến cha mẹ. Xem ct 602.
1179. **Hữu tam bất hiếu** : có ba điều bất hiếu. *Mạnh tử* : *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* = Có ba điều bất hiếu, không có con là điều nặng nhất. Lời chú của họ Triệu nói : "Theo lễ, có ba điều bất hiếu : một là hòa theo cha mẹ để cha mẹ mắc vào chỗ bất nghĩa ; hai là nhà nghèo, cha mẹ già mà không chịu ra làm quan lấy bổng lộc nuôi cha mẹ ; ba là không lấy vợ không có con, tuyệt đường

- cung tể tiên tổ. Trong ba việc đó, việc không có con là lớn nhất" (Ly lâu chương cú thượng).
- 1185 - 1186. **Ý cả hai câu** : Nói càng gian nan, bản lĩnh kiên cường của mình càng được bộ rõ, ý như câu thành ngữ "thật vàng sợ chi lửa".
1191. **Cam La** : mưu sĩ thời Chiến quốc, năm 12 tuổi thờ Lã Bất Vi, tể tướng nhà Tần, được cử đi sứ nước Triệu, thuyết phục vua Triệu cắt đất năm thành dâng Tần. Khi trở về, Cam La được Tần phong làm thượng khanh.
1192. **Khương tử** : tức Khương Tử Nha. Xem ct 515.
1194. **Bôn chôn** : nôn vọt.
1196. **Am tự** : chùa nhỏ thờ Phật. Xem câu 1150
1197. **Trớ trĩnh** : đối trá, lừa gạt. Xem ct 1061.
1206. **Huỳnh tuyến** (hoàng tuyến) : tuổi vàng. Xem ct 890 và các câu 1440, 2049.
1208. **Xe lơi** : xe không chặt.
- Mối hồng** : dây tơ đỏ Nguyệt lão buộc chân những đôi trai gái sẽ nên duyên vợ chồng. Xem ct 243.
- Ý cả câu** : Nói Nguyệt lão xe duyên không chặt.
1211. **Linh** : linh thiêng, đây là tiếng dùng để gọi người đã chết. Xem câu 1699.
1217. **Cố tri** : Xem ct 439.
1218. **Đồng đạo** : cùng theo một học thuyết, một đạo lý.
1220. **Sát cãm** : Xem ct 346.
1224. **Thất gia** : chỉ vợ chồng. **Kinh Thi** : *Đào chi yêu yêu, hữu phần kỳ thật ; chi tử vu quy, nghi kỳ gia thất* = Cây đào non quả nó sai lầm, cô con gái kia về nhà chồng, hòa

- thuận cửa nhà (Đào yêu, Chu Nam). *Kiều* : Nàng rằng gia thất duyên hải, chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.
1227. **Ngồi viết đĩa nghiên** : đây chỉ tình bạn học thân thiết.
1229. Vợ Vân Tiên là chị dâu của Trục vì hai người đã kết nghĩa đệ huynh. Xem đoạn 385 - 388
1234. **Tử Cù** : Công tử Cù là con Hy công nước Tề. Hy công chết, anh công tử Cù là Chu Nhi lên kế ngôi tức Tề Tương công, chính sự rối nát, bị Công tôn Vô Tri giết cướp ngôi. Bấy giờ công tử Cù chạy sang nước Lỗ, em là công tử Tiểu Bạch chạy sang nước Cử. Vô Tri về sau bị Ung Lãm giết chết để mưu việc đón công tử Cù từ nước Lỗ về nối ngôi. Nhưng công tử Tiểu Bạch được Bão Thúc Nha hết lòng giúp sức nên đã về nước Tề trước và được lập làm vua, tức Tề Hoàn công. Tề Hoàn công sai người nói với vua Lỗ giết công tử Cù, rồi lấy vợ công tử Cù làm vợ mình (?). Theo *Đông Chu liệt quốc* "Tề Hoàn công sai Thấp Bàng vào cầu hôn với vua nhà Chu. Đến năm sau vua nhà Chu sai Lỗ Trang công làm chủ hôn, đem Vương cô gả cho Tề Hoàn công. Nhân có việc chủ hôn ấy, Tề và Lỗ lại giao hiếu với nhau". *Đông Chu liệt quốc* không nói chuyện này.
1235. **Đường cung** : cung vua Đường.
1236. **Thế Dân** : Lý Thế Dân tức Đường Thái tông. Thế Dân đã giết em là Lý Nguyên Cát vì y có ý làm phản, không nói gì đến chuyện Thế Dân cướp vợ em. Đây nói Tiểu Lạc, chưa rõ căn cứ.
1238. **Bất Vi gả vợ**... : theo *Sử ký*, Bất Vi họ Lã là một nhà buôn lớn ở Dương Lịch, trong nhà có hàng nghìn cân vàng. Khi Tử Sở (con thứ của Thái tử An quốc quân,

- chính tên là Tử Dị tức Dị Nhân, sau làm con thừa tự của Hoa Dương phu nhân vốn là người nước Sở nên đổi tên là Tử Sở) làm con tin ở Triệu, bị Triệu bạc đãi, Lã Bất Vi ở Hàm Đan trông thấy thương hại nói : "Món hàng này lạ, có thể buôn được đây". Bất Vi bèn bỏ tiền của ra, bày mưu tính kế cho Tử Sở được Hoa Dương phu nhân nhận làm con thừa tự để sau này được lập làm thái tử. Họ Lã lại mưu kén trong số vợ mình ở Hàm Đan, một người tuyệt đẹp mà múa khéo, lại biết người này đã có mang đem dâng cho Tử Sở làm vợ. Người vợ giấu chuyện mình đã có mang, đến đủ tháng sinh con là Chính. Tử Sở bèn lập nàng làm phu nhân. Năm thứ 50 đời vua Chiêu vương nước Tấn, Tấn sai Vương Ý vây Hàm Đan rất gấp. Nước Triệu muốn giết Tử Sở, Lã Bất Vi mưu đưa sáu trăm cân vàng cho kẻ coi giữ, đưa Tử Sở trốn thoát về Tấn. Sáu năm sau Tấn Chiêu vương mất, thái tử An quốc quân lên làm vua, lập Hoa Dương phu nhân làm hoàng hậu, Tử Sở làm thái tử. Vua Triệu cho đưa vợ của Tử Sở cùng con là Chính về Tấn. Vua Tấn lên ngôi được một năm thì mất. Thái tử Tử Sở lên thay tức Trang Tương vương, tôn Bất Vi làm thừa tướng. Trang Tương vương làm vua được ba năm thì mất, thái tử Chính lên ngôi Tấn vương, sau thôn tính các chư hầu, thống nhất thiên hạ tức vua Thủy hoàng đế nhà Tần, tôn Bất Vi làm tướng quốc. Lã Bất Vi tư thông với thái hậu (mẹ Tần Thủy hoàng, tức người thiếp cũ của y), việc tiết lộ, bị cách chức tướng quốc, sợ bị tội, tự sát (Lã Bất Vi truyện).
1246. **Sửa tráp nưng khăn**, cũng như nói *nâng khăn sửa túi* : chỉ công việc người vợ lo lắng săn sóc chồng. Tráp là hộp đựng đồ vật có ngăn và nắp đáy.
1247. **Dạ thổ** : lòng thổ. Thế Loan ví với lòng mình. Tục truyền con thổ trông bóng trăng mà chữa nên có câu tiếp

theo, ý nói : ôm lòng đợi, như con thỏ trông bóng trăng mà chờ.

Nằng nằng : nằng nặc, ý nói dai dẳng, bền bỉ không chịu thôi.

1251 - 1252. **Lữ Phụng Tiên - Điều Thuyền** : *Thông chí* : Lữ Phụng Tiên tức Lã Bố, người đất Cửu Nguyên đời Hậu Hán trước thờ Đinh Nguyên làm nghĩa phụ, sau lại giết Đinh Nguyên về làm con nuôi Đổng Trác. Bấy giờ Đổng Trác chuyên quyền, khuynh loát triều đình, âm mưu cướp ngôi vua nhà Hán. Đổng Trác lại có Lã Bố là một tướng kiêu dũng, nên các công khanh ai cũng sợ Trác. Chỉ có một mình tư đồ Vương Doãn bẻ ngoài tuy nhún nhường, chịu nhẫn nhục, nhưng trong bụng lo việc giết Đổng Trác. Trong phủ Vương Doãn có người con hát tên là Điều Thuyền được kén vào phủ từ thuở nhỏ, dạy cho múa hát, tuổi mới mười sáu, đủ cả sắc tài. Doãn thương yêu như con đẻ. Doãn biết hai cha con Đổng Trác, Lã Bố cũng cùng tuồng hiếu sắc, bèn dùng kế liên hoàn : trước đem Điều Thuyền gả cho Lã Bố, sau lại đem Điều Thuyền dâng Đổng Trác, Điều Thuyền ở trong tùy tiện lập kế ly gián hai bố con. Bố cho Trác cướp vợ mình, Trác nghi Bố ghen và yêu vợ của hán, để cho Lã Bố giết Đổng Trác. Lã Bố vốn là người hữu dũng vô mưu, thấy lợi quên nghĩa nên đã trúng kế Vương Doãn, giết Đổng Trác, lấy Điều Thuyền làm vợ. Lã Bố đánh nhau với Tào Tháo, bị dư đảng của Trác kéo quân vào kinh thành đánh bại. Sau Bố bị Tào Tháo bắt thất cổ chết (Hậu Hán liệt truyện). *Trình thủ* : Điều Thuyền há chính chuyên nào, khi ra Lã Bố khi vào Đổng Công. Xem câu 1936.

1255. **Hổ hang** : ý nói đáng xấu hổ lắm.

1262. **Thất tình** : bị điều trái với ý mình mà đâm ra uất ức phiền muộn. Xem ct 1399.

Nhuốm bệnh : cảm mắc bệnh. Xem các câu 1276. 1321...

1264. **Cư tang** : ở chịu tang.

1267. **Thái khanh** : một chức quan to. Xem câu 1391.

1268. **Chân dân** : do chữ *mục dân* ; cai trị dân.

1272. **Dinh tiên** : trước dinh.

1277. **Nhấn nay** : đến nay. *Kiều* : Có chi ngồi nhẩn tăn canh.

1278. **Xổn xang** : bốn chôn, nhứt nhối. Xem câu 1322.

1282. **Trôi hoa dạt bèo** : ý nói tan vỡ, tự mình bất lực mặc cho cuộc đời vui dập, phiêu dạt. *Kiều* : Hoa trôi bèo giạt đã đành.

1283. **Tơ diêu** : tơ đồ (diêu) xe duyên, nói ở ct 243.

1284. **Hán giang** : sông Hán, chỉ dải sao chổi chít màu trắng sữa ở trên không, tức là dải Thiên Hà. Theo tưởng tượng, người xưa cho đó là dải sông ngăn cách Chức Nữ và Ngưu Lang. Còn có nhiều tên gọi khác : Ngân Hà, Vân Hán, Giang Hán, Thiên Hán, Ngân Hán. Ngân Chử, Ngân Giang...

Ô kiều : cầu Ô, cầu do chim ô thước làm nên bắc qua sông Ngân Hà cho Chức Nữ sang gặp Ngưu Lang trong tiết thất tịch (mồng 7 tháng 7) : *Phong tục ký* : *Thất tịch Chức Nữ tương độ hà, sử thước vi kiều* = Tiết thất tịch Chức Nữ phải sang sông Ngân, khiến chim thước làm cầu. Xem các ct 245, 246.

Ý cả câu : Nguyệt Nga chưa được gặp Văn Tiên mà nhân duyên đã lỡ dở, cũng như vợ chồng Ngâu chưa kịp gặp nhau trên sông Ngân mà dịp cầu Ô đã rơi mất.

1288. **Bức tượng** : đây là bức tranh có vẽ hình Văn Tiên. Xem câu 284.

1298. **Gan vàng** : nghĩa như lòng vàng. Xem ct 1322.

1301. **Phù du** : con vờ, một loại côn trùng nhỏ sinh ở dưới nước khi hóa có cánh bay được, chỉ một chốc là chết. Xem câu 1336.

Ý cả câu : Nói đời người ngắn ngủi.

1303. **Đồng tịch đồng sàng** : cùng giường cùng chiếu. Đây chỉ cảnh vợ chồng ăn ở với nhau.

1303. **Cửa sổ ngựa qua** : do chữ *bạch câu quá khích* = bóng bạch câu (tức bóng mặt trời) qua khe hở. Chỉ thời gian trôi qua rất nhanh. *Lễ kỷ Tam niên chi tang, nhị nhập ngũ nguyệt nhi tất, nhược tử chi quá khích* = Tang ba năm thì chỉ 25 tháng là hết, như ngựa tứ quá khe hở. Lời số nói : "Tứ tức tử mã khích là khe hở ; ngựa tứ khỏe mà nhanh vụt qua khe hở hẹp mà nhỏ là chỉ cái ý cực nhanh" (Tam niên vấn). *Trang tử : Nhân sinh thiên địa chi gian nhược bạch câu chi quá khích* = Đời người ta trong khoảng trời đất, như bóng bạch câu qua khe hở. Lời số của Thành Huyền Anh nói : "Bạch câu là con tuần mã, cũng là mặt trời (nhật), khích là khe hở". *Sử ký* chép lời Lã hậu nói *Tương Lương : Nhân sinh nhất thế gian, như bạch câu quá khích, hà chỉ tự khổ như thử* = Người ta sinh ra trong đời như bóng bạch câu qua khe hở, cần gì phải làm khổ mình như thế ? (Lưu hầu thế gia). Lời chú của *Sư Cổ* trong *Hán thư* cũng chép : "Đó là nói về sự nhanh chóng. Bạch câu là nói ánh mặt trời (nhật ảnh) ; khích, khe hở ở tường". *Thạch Sanh* : Bóng câu cửa sổ ngựa bay, bảy năm thấm thoát đến ngay bây giờ. *Nam hải tế vấn* : Bóng bạch câu bay vụt cửa phù sinh, hình thương cầu đúc mòn khuôn đại khối.

1306. **Ủ** : ủ rũ, buồn rầu rũ rượi.

1308. Ý cả câu : Dầu cho đến khi già (tóc bạc thay tóc xanh) cũng phải để ý giữ gìn lấy mối tơ duyên đã ước định.

1311. **Cáo tạ** : cảm ơn và từ tạ ra về.

1318. **Tre còn măng mắt** : ý nói cha còn sống mà con đã chết.

1320. **Gia thân** : người giúp việc, hầu hạ trong nhà bọn quan quyền.

1322. **Lòng vàng** : lòng vàng đá, bền chặt như khắc vào chuông đồng bia đá. Xem câu 1346.

1333. **Đèn sách lòng ghi** : ý nói chuyên tâm, không lơ là việc học tập.

1340. **Vua hương** : cái bát hương. Vua là đồ dùng hình cái bát đựng cát cắm hương (vua hương hay lưu hương).

1341. **Giọt châu** : giọt nước mắt. Xem ct 638. **Kiều** : giọt châu là chắt khôn cầm.

1344. **Âm cung** : tức âm phủ. Xem câu 1520.

1350. **Đổi xoay** : đổi xoay.

1352. **Gây gánh giữa đường** : nói tình duyên vợ chồng bị đứt đoạn. **Kiều** : Giữa đường đứt gánh tương tư, keo loan chấp mối tơ thừa mặc em.

1347. **Cửu mang** : ôm ấp mà lo nghĩ.

1353. **Loan phụng** : chim loan và chim phượng, thường dùng để ví vợ chồng đẹp đôi vừa lứa. Xem ct 1622.

1354. **Nệm nghiêng gối chích** (chéch) : nói cảnh vợ chồng bị chia lìa mỗi người một ngã, không cùng chung nệm chung gối.

1355. **Lòng phàm** : ý nói lòng ăn ở của hạng người tầm thường như thói đời nói chung.

1356. Ý cả câu : Nói vừa đưa chồng về lại bên kia sông Ngân sau đêm thất tịch (sông Ngân đưa bạn), thì đã lo đến chốn

Cầu Lam tìm người chồng khác (cầu Lam rước người), ý nói mất chồng này có chồng khác,

Sông Ngân : xem các ct 245, 246.

Cầu Lam : đây chỉ nơi hẹn hò của trai gái, nơi người con gái hẹn người yêu đến gặp. Cầu Lam tức Lam Kiều, tên đất thuộc huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây là nơi có động tiên.... Sách *Thái bình quảng ký* dẫn truyện Bùi Hàng từ sách *Truyền kỳ chép* :

"Đời Đường, Bùi Hàng nhân hồng thi tìm đến miền Ngạc Chữ (thuộc huyện Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc) thăm người bạn cũ họ Thôi. Khi trở về, Bùi Hàng đáp thuyền đi Tương Hán, không ngờ cùng đi chung thuyền với nàng Vân Kiều, người đẹp vào hàng quốc sắc. Nhờ người hầu gái của Vân Kiều đưa thư hộ, Bùi được tiếp chuyện với Vân Kiều, và được nàng trao tặng cho bài thơ : *Nhất âm quỳnh tương bách cảm sinh, huyền sương đảo tận kiến Vân Anh. Lam Kiều tiện thị thần tiên quật, hà tất kỳ khu thượng ngọc kinh* = Vừa uống cạn chén quỳnh tương trăm mối cảm sinh, thuốc huyền sương (thuốc tiên) giã xong thì được thấy Vân Anh, Lam Kiều chính là nơi động tiên đó, hà tất phải vất vả băng đường lên chốn ngọc kinh.

Bùi Hàng xem thơ, còn chưa hiểu hết ý ra làm sao, thì thuyền đã đến Tương Hán. Vân Kiều cùng thị tỳ lên bộ đi mất. Bùi có ý thăm dò tung tích, nhưng không ai biết cả. Về sau Bùi Hàng đi đến đất Lam Kiều, nhân khát nước, thấy cạnh đường có ngôi nhà lá vừa thấp lại vừa hẹp, trong nhà có một bà lão ngồi bên dây gai. Bùi bèn ghé vào xin nước uống. Bà lão gọi to Vân Anh đem nước ra mời Bùi Hàng. Bùi sức nhớ lại câu thơ của Vân Kiều tặng, trong bụng lấy làm ghi hoặc, chưa hiểu ra sao.

Vân Anh đứng ở trong nhà, hé rèm thò đôi cánh tay ngọc ra ngoài đưa nước mời Bùi Hàng uống. Uống xong, Bùi Hàng thấy quả là một loại nước tiên (ngọc dịch), người dầm ra bâng hoàng, muốn nhìn mặt người đẹp. Nhân đưa trả lại bát nước, Bùi cuốn cao bức rèm, thì quả thấy một người con gái nỏ nà tựa ngọc đang khẽ lấy tay che mặt, đứng nép vào một bên. Bùi bâng khuâng cảm sắc đẹp của Vân Anh đi không dứt, bèn thác mặt xin trọ lại. Bà lão bằng lòng.

Tối đến, Bùi đem chuyện Vân Anh ra hỏi bà lão và ngỏ ý muốn đưa hậu lễ đến đón nàng làm vợ. Bà cụ bảo : "Ta nay đã già, thường không được khỏe, mọi việc đều chỉ nhờ cậy vào một mình Vân Anh là cháu gái. Trước đây, thần tiên có cho ta một thìa linh dược, cần chày cối ngọc để giã mới dùng được. Bao giờ nhà người có đủ các thứ đó mang lại, thì ta sẽ gả cho. Còn vàng bạc gấm vóc ta không cần đến".

Bùi Hàng bái tạ ra về và hứa một trăm ngày sau sẽ đưa chày cối ngọc lại.

Về đến kinh, Bùi Hàng đi khắp các phố phường, chợ búa tìm mua chày cối ngọc. Mãi về sau, nhờ có người mách giúp mới mua được ở Cô Châu. Bùi liền mang chày cối ngọc đến Lam Kiều. Thuốc tiên giã trong một trăm ngày thì xong. Bùi Hàng được Vân Anh làm vợ. Hôm cưới, Bùi gặp một tiên nữ. Người đó nhắc lại chuyện gặp gỡ trên chuyến dò từ Ngạc Chữ đến Tương Hán, Bùi mới nhận ra tiên nữ chính là Vân Kiều, chị Vân Anh.

Về sau Bùi Hàng và Vân Anh đều cùng lên cõi tiên. *Hoa tiên* : Cầu Lam từ tổ lối tìm, nhẵn nay chùng đã đầu thềm nửa sương. *Lâm tuyền kỳ ngộ* : Cầu Lam hội ấy đành khôn hẹn, cân tạo trời kia bỗng khéo xảy.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : Cầu xanh (*Hoa tiên*)
 Chầy sương (*Kiều*) Lam Kiều (*Kiều, Hồng Đức quốc âm, Thạch Sanh, Phan Trần, Hoa tiên...*)

1360. **Giữ tiết** : giữ trinh tiết, tức giữ lòng chuyên nhất thủy chung với chồng.

1362. **Thái sư** : chức quan to trong triều.

1364. **Tơ hồng chưa vương** : ý nói chưa nên nghĩa vợ chồng. Xem ct 243.

1366. **Mai chước** (mối chước) : người làm mối.

1368. **Lễ nghi** : đây ý gọi chung các lễ vật (thái sư đưa đến hỏi vợ cho con). Xem câu 1444.

1371. **Mọi** : từ bọn thống trị trong xã hội cũ dùng gọi chung các dân tộc chậm tiến.

1372. **Ô qua** : theo *Gia Định thành thông chí*, miền Châu Đốc, Hà Tiên trước kia thường có giặc Qua Oa ngoài bể vào cướp phá. Quân Diên Điện xưa còn gọi là Ô Đổ cũng hay quấy rối miền Hà Tiên Châu Đốc. Có thể Nguyễn Đình Chiểu đã đặt tên Ô Qua là có ám chỉ những từ riêng này chăng.

Binh nhung : chỉ binh sĩ

Dấy loạn : nổi lên làm loạn. Xem câu 1379.

1374. **Lưỡng ban quần thần** : bấy tôi trong hai ban văn võ ở triều đình.

1377. **Cừu** : thù hằn

3781. **Ngai vàng** : xem ct 1896.

1382. **Giao hòa** : giao thiệp êm đẹp với nhau.

1385. **Khuynh thành** : nghiêng thành, là chữ cực tả vẻ đẹp của phụ nữ. Lý Diên Niên (Hán) có bài ca : *Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập ; nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri*

khuynh thành dư khuynh quốc, giai nhân nan tái đắc =
 Phương bác có người con gái đẹp, đẹp vô song mà còn ở một mình. (Người đó) ngoảnh lại nhìn một cái, xiêu thành người, ngoảnh lại nhìn cái nữa đổ nước người. Thà không biết việc nghiêng thành và nghiêng nước (vì) người đẹp khó được gặp lại. *Cung oán* : Hồng lâu còn khóa then sương, thâm khuê còn rấm mùi hương khuynh thành.

1386. **Hào hoa** : rộng bụng và hào hiệp. *Kiều* : Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.

1388. **Ung dạ** : ưng bụng, bằng lòng.

1390. **Châu phê** : vua phê chữ son vào chiếu chỉ.

1394. **Cống Hồ** : đem dâng nước Hồ, tức Hung Nô ở phía bắc Trung Quốc. Xem câu 1401.

1399. **Thất tình** : thất vọng vì tình yêu mà đâm ra ngơ ngẩn... Xem ct 1262.

1401. **Chiêu Quân cống Hồ** : Theo *Hán thư*, Vương Tường tự Chiêu Quân, người đất Tử Quy thuộc Nam Quận, có nhan sắc hơn đời, bị tuyển làm cung nữ thời Hán Nguyên đế. Bấy giờ cung nữ có nhiều, Nguyên đế phải sai Mao Diên Thọ vẽ hình từng người rồi cứ theo đó mà vời người nào ưng ý. Các cung nữ khác đã dút lót cho thợ vẽ để được tô điểm thêm. Riêng Chiêu Quân không chịu làm việc đó, nên bị vẽ xấu đi, vua không biết đến. Năm Canh Ninh năm đầu (33 trước CN), Thiển Vu (vua Hung Nô) vào triều, đem theo hậu lễ tạ vua Hán xin được làm tôi, và để tỏ tình thân, Thiển Vu xin vua Hán cho người đẹp để lập làm hoàng hậu. Nguyên đế bằng lòng, theo tranh chọn Chiêu Quân tiến Thiển Vu. Khi bái biệt, Nguyên đế mới nhận ra Chiêu Quân xinh đẹp, rục rỏ về mặt mơ màng. Vua lấy làm kinh ngạc lắm, ý muốn lưu Chiêu Quân lại. Nhưng việc đã rồi, Chiêu Quân vẫn phải bị cống sang

- Hung Nô. Khi qua cửa ải (quá quan), Chiêu Quân có gây khúc đàn tỳ bà tỏ lòng nhớ nước nhớ nhà vô hạn (Hung Nô truyện). *Kiều* : Quá quan này khúc Chiêu Quân, nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.
1402. **Họa đồ** : vẽ hình.
1403. **Hạnh Nguyên** (Hạnh Nguyên) : tên nhân vật trong truyện Nhị độ mai. Hạnh Nguyên con gái Trần Đông Sơ, đính hôn với con trai Mai Bá Cao là Mai Lương Ngọc. Bá Cao làm quan cương trực bị bọn quyền thần Lữ Kỳ, Hoàng Trung hãm hại vào tội chết và truy nã gia đình ông. Hai mẹ con Mai Lương Ngọc trốn thoát. Còn Hạnh Nguyên bị chúng bắt đi cống Hồ. Khi đến đất Hồ, Hạnh Nguyên nhảy xuống hồ Trĩ Linh tự tử, nhưng nhờ có người cứu vớt đưa về Trung Quốc, sau được sum họp với Lương Ngọc.
1404. **Cự hiem** : thù hằn cũ.
1406. **Ngay chúa** : trung với vua, nói Chiêu Quân theo mệnh vua. Xem các câu 1416, 1766.
1404. **Thảo cha** : hiếu với cha, nói Hạnh Nguyên theo mệnh cha. Cả hai người vì trung hiếu mà phải sang cống Hồ. Xem câu 1766.
1407. **Chiêu Quân nhảy xuống giang hà** : việc Chiêu Quân trầm mình là theo truyền thuyết, chứ sử không thấy chép. Xem ct 1401.
1408. **Quyên sinh** : bỏ cái mạng sống, tức tự tử.
1409. **Trĩ Linh** : xem ct 1403.
1410. **Lương Ngọc** : xem ct 1403.
1412. **Chung thân** : trọn đời đến khi chết.
1413. **Tình phu phụ** : tình vợ chồng.

- Nghĩa quân thân** : nghĩa vua tôi. Xem câu 675.
1414. **Ý cả câu** : Nói nghĩa vua tôi cũng như ân tình vợ chồng đều phải giữ cho trọn.
1418. **Báo chúa** : đền ơn chúa. **Sự phu** : thờ chồng.
- Ý cả câu** : Nói chỉ có chết đi mới trọn được cả hai bề báo chúa, thờ chồng.
1421. **Trướng tiền** : trước màn.
1422. **Thân danh** : thân mình và danh dự.
1428. **Ấm lạnh** : chỉ tình trạng sức khỏe nói chung.
- Ý cả câu** : Không biết lúc nào khỏe, lúc nào ốm.
1429. **Bóng xế nhành dâu** : bóng mặt trời còn gác lại trên ngọn tang du, tức cảnh trời chiều. Chỉ tuổi già. Thơ Đỗ Phủ (Đường) : *Ế ế tang du nhật, chiếu ngả chinh y thường* = Mặt trời chiều mờ mờ, chiếu vạt chinh y của ta. *Phan Trần* : Mẹ già bóng ngả nhành dâu, phòng khi sốt ruột vằng dẫu cây ai.
1434. **Tống hành** : tiễn đi.
1442. **Hầu** : người hầu hạ.
1445. **Đăng đàn** : lên đàn tế lễ.
1456. **Cửu tuyền** : chín suối, chỉ âm phủ. Xem ct 890. Xem câu 1851.
1463. **Xe giá** : xe dùng cho vua, gia đình vua và các bậc vương hầu.
- Chỉ xe ngựa nói chung**. Xem các câu 1513, 1983, 2023.
1464. **Thế nữ** (thái nữ) : con gái hầu hạ trong cung vua.
- Đây chỉ số hầu gái theo Nguyệt Nga**. Xem câu 1502.
1466. **Bảo hộ** : che chở, giữ gìn.
1468. **Thân phụ** : cha.
1470. **Bịn rịn** : quyến luyến không nỡ dứt tình. Xem câu 1870.

1481. **Quân vương** : vua
 1482. **Phụ tử** : cha con
 1485. **Mười ngày** : ý nói trên chục ngày.
Ái Đồng : cửa ái Đồng quan nói ở câu 1373.
 1490. **Tóc tơ** : kết tóc xe tơ, tức nói tình nghĩa vợ chồng.
 1494. **Rèm châu** : rèm có kết hạt ngọc. Chỉ chung loại rèm quý.
 1504. **Lộ tình** : tiết lộ tình hình để người ngoài biết.
 1506. **Đốc quan** : viên quan lo việc đưa Nguyệt Nga đi cống Hồ. Xem câu 1513.
 1507. **Cẩn nhiệm** : cẩn thận, kín đáo.
 1509. **Trá hôn** : cưới gả giả dối, không đúng người đã đính ước. Xem câu 1915.
 1511. **Xong xá** : xong xuôi đầu vào đấy.
Chước mầu : mưu kế hay.
 1512. **Ái quan** : cửa ái nước nọ sang nước kia. Chỗ hẹp, hiểm trở giáp giới hai nước gọi là ái. **Ca dao** : Bấy lâu trèo ái trèo non, lấy đầu mà đẹp mà giòn hờ em. Xem các câu 1748. 1822.
 1514. **Long phụng** : lọng che vẽ hình chim phượng.
 1516. **Hoàng hậu** : vợ chính của vua.
 1520. **Âm cung** : xem ct 1344.
 Ý cả câu : Nói Nguyệt Nga còn mê chưa tỉnh.
 1523. **Quan âm** : tức Quan thế âm, tên một vị bồ tát hay nghe xem tiếng kêu đau khổ của người đời mà tìm đến cứu giúp.
 1530. **Định hồn** : hồn được yên định lại.
 1537. **Hà phương** : phương nào.

1544. **Dài các** : lầu gác chỉ nơi quyền quý.
Trâm anh : cái kim đầu có hoa để cài mũ vào búi tóc và cài dài mũ. Chỉ hạng giàu sang quyền quý. **Kiều** : Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.
 1548. **Xiêm** : áo che nửa thân đang trước theo y phục thời cổ. **Kiều** : Tung bưng sấm sửa áo xiêm. **Nhi độ mai** : Xiêm tôi tả bức áo lang lơ màu.
 1553. **Minh linh** : con nuôi. **Kinh Thi** : Minh linh hữu tử, quả loà phụ chi = Minh linh có con, tồ vô công về nuôi. Minh linh là một loài sâu (sau hóa bướm) thường cuộn tổ ở lá lúa, lá rau.
 1554. **Nghĩ lượng** : nghĩ ngợi suy tính.
 1557. **Hồng nhan** : gương mặt tươi đẹp. Xem các câu 1609, 1621, 2033.
 1558. **Bảo dưỡng** : giữ gìn và nuôi nấng.
 1562. **Phòng hoa** : phòng đẹp, chữ hoa thêm cho đẹp lời mà có ý gợi đến chuyện trăng hoa.
 1563. **Tượng nhân** : hình người vẽ. Xem câu 1608.
 1564. **Dần lân** : lân la dần dần.
 1568. **Chánh tiết** : trình tiết ngay thẳng.
 1572. **Bán đất** : bán đất hàng, hàng có nhiều người mua.
 Ý cả câu : Hàng bán đất mà không chịu bán để phải ngồi chợ trưa, chưa ai từng làm như vậy, nghĩa là : có nhan sắc như Nguyệt Nga ai mà chả say mê, việc gì mà ngồi đợi...
 1574. Câu này lấy ý từ câu thơ Đỗ Phủ (*Đường*) : *Nhân sinh thất thập cổ lai hy* = Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm. Ý cả câu : Nói đời sống mấy nổi, nên kết duyên đi, đừng để lỡ làng tuổi xuân.

1575. **Chúa xuân** : người chủ vườn xuân, chủ xuân tình. Ý cả câu : Nói tình xuân và tuổi xuân còn đang độ... *Kiều* : Chúa xuân đành đã có nơi.
1577. **Chúa đông**, do chữ *đông quân* : nghĩa như chữ *chúa* xuân, ý nói khi không còn xuân tình nữa. *Hoa tiên* : Chủ hoa đành đã đông quân đây rồi.
1581. **Vãi** : người đàn bà theo đạo Phật giúp việc nhà chùa. *Tục ngữ* : Sư nói sư phải, vãi nói vãi hay.
1580. **Ba xuân** : ba tháng mùa xuân, đây ý chỉ tuổi xuân.
1583. **Thuyền tình** : chỉ thân phận người phụ nữ lênh đênh như chiếc thuyền không rõ đâu là bờ bến.
1584. **Mười hai bến nước** : nói số phận người con gái lấy chồng như thuyền cập bến, bến trong thì nhờ, bến đục thì chịu, không định trước được ở bến nào. Mười hai bến nước, có lẽ là một thành ngữ chỉ con số của sông hoặc cửa biển của nước ta thời xưa. Thơ Lê Bá Quát đời Trần có câu : *Hải môn thập nhị ngã hoàn sơn* = Một vùng mười hai cửa biển, ta về núi ẩn. Tân Việt chú : "Ý nói 12 hạng người trong xã hội mà thời xưa đã sắp : sĩ, nông, công, thương, ngư, tiều, canh, mục, công, hầu, bá, tử. Nói gồm lại là chỉ về các hạng, mà may rủi cho đời người con gái, trong nhờ đục chịu".
1585. **Bầu** : cổ áo.
1591. **Chẳng phen** : ý chẳng bắt chước (Gênibren). Xem ct 226.

Thối nước Trịnh : nói thối tà dâm của trai gái. Nước Trịnh thời Xuân thu có nhiều thối tà dâm phóng đảng, trai gái trào tường, đón ngõ hẹn nhau ngoài nội để đùa bỡn là chuyện phổ biến. Kinh *Thi* còn có chép một số ca dao nước Trịnh phản ánh tình trạng tà dâm phóng đảng đó.

1592. **Hẹn người tới giữa vườn dâu** : nói thối tà dâm. Thời Xuân thu còn có nước Vệ cũng có nhiều dâm tục như nước Trịnh, trai gái thường hẹn hò nhau trên sông Bộc hoặc trong vườn dâu để làm chuyện dâm ô. *Hàn thư* : Đất nước Vệ có bãi dâu trên sông Bộc, trai gái tụ tập đàn hát gọi chuyện dâm ô, *Kiều* : Ra tuồng trên Bộc trong dâu, thì con người ấy ai cầu làm chi. *Hoa tiên* : Thế lòng dài bền hà châu, đợi nhau trên Bộc trong dâu ru mà.
- 1595 - 1596. **Hồ Dương mơ Tống công** : công chúa Hồ Dương phải lòng Tống Hoàng. Công chúa là chị Hán Quang Vũ được phong ấp ở đất Hồ Dương (nay thuộc tỉnh Hồ Nam) nên gọi là Hồ Dương công chúa. Xem ct 410.
1597. **Hạ cơ** : con gái Trịnh Mục công thời Xuân thu, vợ Ngự Thúc đại phu nước Trần, sinh được người con trai là Hạ Trung Thư. Hạ Cơ dung nhan rất xinh đẹp lại có tính lẳng lơ, các bậc công khanh không ai là không mê cảm nàng. Ngự Thúc chết, Hạ Cơ thường có ngoại tình với Khổng Ninh, Nghi Hành Phủ và cả với Trần Linh công. Trần Linh công sau bị con Ngự Thúc là Hạ Trung Thư dâm chết. Nước Sở diệt nước Trần, vua Sở đem Hạ Cơ gả cho Liên Doãn Tương Lão. Tương Lão chết, Hạ Cơ lại về nước Trịnh. Sau đó, Thân Công Vu Thần lấy Hạ Cơ đem về nước Tấn.
1598. **Doãn Phủ** : tức Liên Doãn Tương Lão và Nghi Hành Phủ. Xem ct
1597. **Ngừa** : đợi, đón.
Trần quân : vua Trần, tức Trần Linh công.
1599. **Lữ hậu** (Lã hậu) : tên Lã Tri, vợ Hán Cao tổ, sinh Hiếu Huệ đế và công chúa Lỗ Nguyên. Cao tổ mất, Lã hậu âm mưu cho những người họ Lã giữ những chức vụ trọng yếu trong triều đình nhà Hán. Bấy giờ vua còn trẻ,

Lã hậu coi việc triều chính, chuyên quyền, tất cả hiệu lệnh đều do thái hậu đưa ra, Lã hậu gọi mệnh lệnh của mình là "Chế". Về sau Lã hậu phế Thiếu đế rồi giết đi. Lã hậu bèn lập những người họ Lã làm vương mựu đồ giành ngôi vua cho họ Lã. Ai chống lại đều bị phế truất. Lã hậu cho Thẩm Tự Cơ (cũng đọc là Thẩm Dị Ky) làm tả thừa tướng. Tự Cơ được Lã hậu yêu từ trước, cho xem xét việc trong cung, không làm việc nước để tiện tư thông với nhau. Tự Cơ được Lã hậu tin dùng, lưng đoạn triều đình nhà Hán. Họ Lã nắm hết binh quyền. Sau nhờ có Chu Bột, Trần Bình giúp, nhà Hán mới giữ được đế nghiệp (*Hán thư, Sử ký*). *Trình Thử* : Từ khi khuất mặt Hán hoàng, mà lòng tư túi với chàng Tự Cơ.

1600. Ý cả câu : Lã hậu vẫn vừa lòng Cao tổ với cả đem lòng yêu Dị Ky. Xem ct 1599.

1602. **Di Tồn, Tam Tư** : chưa rõ là ai. Theo *Đường thư*, Vũ hậu thông tình với hai anh em Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi, hai người đều đẹp trai, nguyên trước vào hầu hạ trong cung, sau được Vũ hậu yêu. *Đường thư* không chép việc Vũ hậu Yêu Di Tồn và Tam Tư.

1606. **Trắc nét** : hư nét, xấu nét quá lắm.

1610. **Như Ý, Văn Quân** : tên hai nhân vật trong một vở tuồng của ta. Như Ý một cô gái trẻ đẹp gặp ở trong một khu vườn nọ, một chàng trai tuấn tú thuộc dòng họ nhà vua tên là Văn Quân đang tìm cách trốn tránh bọn quan quân đang đuổi theo bắt chàng. Như Ý cảm vẻ trẻ trung tuấn tú của Văn Quân, bèn tìm cách giúp chàng trốn thoát, bày cách cho chàng mượn một chiếc đèn lồng và rồi chính nhờ nó mà Văn Quân đường hoàng qua được vòng vây bọn lính, vì chúng tưởng chàng là cấp chỉ huy đi tuần tra kiểm soát ban đêm. Văn Quân trốn thoát được an toàn. Như Ý từ đó cảm thấy cô đơn và đem lòng yêu

Văn Quân tha thiết, bèn mượn tượng và vẽ lại gần giống hình Văn Quân. Về sau Như Ý, Văn Quân gặp lại nhau và rồi kết nghĩa vợ chồng (theo lời chú dẫn trong bản *Dương Quảng Hàm*).

1615. **Chấp nhứt** : câu nệ về một lẽ.

1616. **Lịch sự** : trải việc đời (khác với nghĩa ngày nay, là sang trọng, biết cách giao thiệp).

Kinh quyền : xem ct 793.

1619. **Xuân bất tái lai** : xuân không trở lại.

1622. **Gối phượng màn loan** : gối thêu hình chim phượng, màn thêu hình chim loan. Phượng là con trống, loan là con mái. Văn cổ thường dùng loan phượng để chỉ đôi lứa vợ chồng êm đẹp.

1623. **Vọng phu** : tên núi có đá trông giống hình người đàn bà đứng (trông chồng) theo một truyện cổ phổ biến ở nước ta. Các tỉnh Lạng Sơn, Thanh Hóa, Bình Định đều có núi Vọng phu. Núi có một tảng đá lớn trông giống hình người đàn bà bế con đứng nhìn ra xa trông ngóng chồng về. Truyện cổ đại thế kể lại rằng : Xưa kia, một hôm có hai anh em ruột đang cùng ăn mía, rồi đâm ra cãi cộ đuổi đánh nhau. Người anh nổi giận lấy con dao đang cầm róc mía ở tay ném em. Con dao trúng vào đầu, máu chảy lênh láng. Người anh hoảng sợ bỏ trốn biệt tích. Người em gái được cứu sống và rồi lớn lên buồn về nỗi mất anh, nên cũng bỏ làng đi làm ăn nơi khác. Hơn hai mươi năm sau, hai anh em tình cờ gặp nhau mà vẫn không nhận ra. Tạo hóa trở trêu, hai anh em lại yêu nhau và kết nghĩa vợ chồng. Họ sinh được một con. Một hôm hai vợ chồng cùng cuốc đất trồng mía, nhẽ nhại mô hình ngôi nhà. Anh chồng lau mồ hôi trán cho vợ và nhận ra trán vợ sát mái tóc có một vết sẹo dài mới hỏi căn do. Chị vợ bùi ngùi kể lại

dấu đuôi câu chuyện buồn thảm từ thời thơ ấu. Anh chồng nghe xong, bàng hoàng nhận ra sự thật : vợ anh chính là em gái của anh. Anh chồng tội nghiệp, hối hận, đau khổ vô cùng về nỗi bất hạnh của mình, bèn quyết định bỏ vợ con ở nhà trốn đi nơi khác, không có một lời nhắn lại... Người vợ ở nhà ngày ngày ngóng trông chồng, không biết duyên cớ tại sao chồng bỏ đi biệt tích không về. Nàng ẩm con lên núi cao đứng trông chồng, đứng trông mãi mà không thấy chồng về... Nàng hóa thành đá.

1625. **Thở ra** : nói người ta khi buồn chán, thất vọng, uất ức mà thở ra cho hả, đây nghĩa như thở dài.

1626. **Vây** : xem ct 338. **Nhị độ mai** : Nơi vui bạn ngọc nơi vậy cuộc tiên. **Kiều** : Chắc rằng mai trúc lại vậy.

1630. **Tua** : nên, phải. Xem câu 1654.

1634. **Động phòng** : phòng sâu kín, phòng của vợ chồng mới cưới.

Xuê : xem ct 18.

1635. **Gối sách** : gối gấp nhiều lớp có thể chống lên nhau để dựa.

1636. **Bát bửu** : tám vật quý là gương báu, chùy, búa... bằng đồng hay bằng bạc để bày trong nhà cho sang trọng.

1639. **Vách phấn** : tường vôi.

1642. **Trăng lờ** : trăng bị mây che không tỏ.

1645. **Trương** : vùng đất hoang cây cỏ mọc um tùm rậm rạp như rừng. **Ca dao** : Thương em anh cũng muốn vô, sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

1646. **Giảng giới** : tiếng kêu inh tai, inh ỏi.

1647. **Giày sành đập sỏi** : ý nói bất chấp đường sá xấu tốt khó khăn gian khổ. Sành là những mảnh đồ sành vỡ, sắc, nhọn.

1650. **Bàn thạch** : đá to mặt phẳng. Xem ct 1072.

1651. **Vưng** : ý nói đồng tình phù hộ che chở cho.

1657. **Bán tin bán nghi** : nửa tin nửa ngờ.

1660. **Nghề bỏ vải** : nghề làm vải nói chung.

1664. **Quan san** : cửa ải và núi non, nói sự cách trở xa xôi. Xem câu 1763. **Kiều** : Gác kinh viện sách đôi nơi, trong gang tấc lại gặp mười quan san.

1665. **Ra đời** : ý nói ra hoạt động giúp đời.

1680. **Quy y** : nói đi tu. Quy là hướng theo, y là nương tựa, ý nói đem cả thân thể, tâm trí mà hướng dựa vào đạo Phật.

1696. **Phấn mộ** : mộ mã.

Viếng an : thăm có được yên không. Đây nói đi viếng xem có được mộ yên mà đẹp.

1698. **Minh sinh (minh tinh)** : mảnh lụa, vải hay giấy có viết tên họ, chức tước của người chết trong khi cúng làm ma.

1701. **Nguồn nước cội cây** : ý nói người ta có tổ có tông như cây có gốc, nước có nguồn.

1702. **Chín tháng** : chín tháng - mẹ phải mang thai chín tháng.

1703. **Nằm giá**, do chữ *ngọa băng* : nằm trên băng. Theo *Sưu thần ký*, Sở Liêu thờ mẹ rất có hiếu. Mẹ ông bị bệnh thũng, đêm nằm mộng một đứa bé đến bảo rằng : nếu ăn được cá chép thì bệnh sẽ giảm ngay. Bà đem chuyện nói với Liêu. Bấy giờ là tháng chạp, sông hồ đều đóng băng, không tìm đâu được cá. Liêu đứng giữa mặt lên trời khóc, rồi cởi áo nằm trên băng, bỗng có đồng tử phá đám băng. Liêu đang nằm, băng tan có hai con cá chép nhảy ra, Liêu bắt về làm thuốc cho mẹ. Theo *Nhị thập tứ hiếu* của Lý Văn Phúc (xem ct 1704), Vương Tường người Tấn, mẹ

chết sớm bị bà mẹ kế cay nghiệt thường tiếng gièm thêu dệt làm cho cha ông ghét bỏ ông, nhưng ông vẫn dốc lòng hiếu thảo với cha và mẹ kế. Mùa đông nước đóng băng, mẹ kế muốn ăn cá tươi, ông cỡi trần nằm trên băng. Băng nứt, hai con cá chép nhảy ra, ông bắt về dâng mẹ kế. Từ đó cha và mẹ kế quý ông lắm. *Sãi vãi* : Ngồi đêm đông thương người nằm giá khóc măng.

Khóc măng : do chữ *khấp duẩn* : theo *Tam quốc chí*, Mạnh Tông, người Giang Hạ đất Ngô đời Tam quốc tự Cung Vũ thuở nhỏ theo học với Lý Túc ở Nam Dương, suốt ngày đọc sách không biết mỏi, sau giữ chức tư không. Ông là người chí hiếu. Mẹ ông thích ăn măng, mùa đông măng không mọc, ông vào rừng trúc, đứng ôm trúc mà khóc, tự nhiên măng mọc, ông bẻ đem về dâng mẹ.

1704. **Hai mươi bốn thảo** : truyện hai mươi bốn người con hiếu thời cổ ở Trung Quốc do Quách Cư Nghiệp biên soạn. Lý Văn Phúc (1785-1849) người làng Vĩnh Thuận nay thuộc ngoại thành Hà Nội, đã diễn ra quốc âm song thất lục bát với tên sách *Nhị thập tứ hiếu*.

1709. **Ra bê** : ra bê thế.

1718. **Biếm quyền** : giáng chức quan. Nói Kiều công vì bọn nịnh thần mà phải bị cách chức đuổi về.

1724. **Đoàn viên** : sum họp đầy đủ.

1725. **Hồ việt đôi phương** : *Hồ*, tên chỉ chung các dân tộc ở ngoài biên giới phía bắc Trung Quốc thời xưa, tức chỉ Bắc狄. Theo lời chú của Trịnh Tư Nông chép trong *Khảo công ký*, thì "Hồ nay gọi là Hung Nô". *Việt*, tên gọi chung các chủng tộc ở phương nam (Bách Việt) hay tên nước Việt cuối thời Xuân thu, Câu Tiễn diệt Ngô kiêm tính cả đất đai gồm hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang cho đến miền nam tỉnh Sơn Đông. Như vậy, Hồ ở phương bắc

Việt ở phương nam. Chỉ sự xa cách mỗi người một nơi. *Phạm Tải Ngọc Hoa* : Ngờ là phận âm duyên ưa, ai ngờ kẻ Việt người Hồ bắc nam. Xem câu 327.

1726. **En nhân** : én nhận.

1728. **Chia bầu** : nói sự chia ly.

1729. **Nữ sanh** : đây chỉ con gái.

1730. **Chối quế** : chỉ người con hay. Xem ct 377.

Mẫu đơn : đây chỉ con gái nói chung. *Kiều* : Dạy rằng cứ phép gia hình, ba cây chập lại một cành mẫu đơn.

Ý cá câu : Kiểu công mong cho Nguyệt Nga sẽ thành gia thất và sinh được con hay, như nhành mẫu đơn (ví Nguyệt Nga) trở ra chối quế, hay : chối quế trở ra ở nhành mẫu đơn.

1735. **Lăn la** : ý nói dần dần, quanh quẩn làm quen với việc.

1736. **Ứng kỳ** : đi thi đúng kỳ thi mở.

1739. **Xuân đường** : cha. Xem ct 1173.

1749. **Kinh sư** : kinh đô.

1741. **Khôi khoa** : đỗ đầu khoa thi, đây là đỗ trạng nguyên.

1746. **Y mào** (y mao) : áo mũ. Theo lệ thi xưa, những người thi đỗ trong các kỳ thi hội thi đình, thi được vua ban cho áo mũ, và tấm biển "ân tử vinh quy" (ơn vua ban được về vang trở về).

1748. **Quan ải** : nghĩa như chữ *ải quan*. Xem ct 1512.

1750. **Chỉ** : lệnh vua.

Quốc trạng : trạng nguyên của nước. Xem các câu 1828, 1946, 1980.

Đẹp loạn : đẹp loạn.

1751. **Trạng nguyên** : người đỗ đầu khoa thi đình theo chế độ thi cử thời phong kiến, là học vị cao nhất.
Bệ rồng : bực thêm cung vua, chỉ vua.
1752. **Để binh** : đem binh đi đánh giặc.
1754. **Sức dương Hạng Vũ** : sức ngang với Hạng Vũ, có thể địch lại Hạng Vũ. Theo *Sử ký*, Hạng Vũ mình cao tám thước, có sức mạnh cất nổi cái vạc (trước cửa miếu vua Hạ Vũ có cái vạc nặng chỉ có Tịch mới cất nổi), tài năng chỉ khi hơn người. *Lưu nữ tướng* : Thiên uy biến sắc non sông, đầu tài cất vạc xem không kể gì. Xem ct 1014.
- Kinh** : đối địch lại.
- Trương Phi** : danh tướng nhà Thục Hán thời Tam quốc, người đất Trác Quận tự Ích Đức, cùng Quan Vũ, Lưu Bị kết nghĩa anh em. Khi Lưu Bị bị Tào Tháo đánh bại ở Dương Dương, chạy đến cầu Trường Bản, quân sĩ qua cầu rồi, Trương Phi cầm giáo cùng hai mươi kỵ binh đứng chặn cầu, quân Tháo không dám tới gần, các tướng Tháo cho Trương Phi là "vạn nhân địch" (tướng địch nổi vạn người).
1756. **Từ bi** : lòng yêu thương người. Đây chỉ cửa Phật.
1759. **Bình di** : dẹp yên giặc mọi.
1760. **Tương hội** : cùng gặp mặt hội họp với nhau.
1761. **Ý cả câu** : Một tiếng (nhất thỉnh) truyền lệnh, oai hùng như sấm (lôi) làm phấn khởi mọi người.
1762. **Tiên phong** (tiên phong) : quân xông trận mặt trước. Xem câu 1773.
- Hậu tập** : quân đánh bọc mặt sau.
- Tấn binh** : cho quân tiến lên.
1764. **Bình tặc** : dẹp giặc.
1767. **Bình đao quan thành** : binh lính đến trước cửa thành.

1771. **Nguyên nhung** : chức quan võ chỉ huy cả toàn quân.
1775. **Dường lối** : như sét đánh.
1776. **Mạng vong** : mạng mất tức là chết.
1781. **Kim khôi** : mũ trận thời cổ bằng kim loại, có giắt vàng.
1782. **Siêu** : vũ khí có lưỡi dài, mũi quạt lại phía sau dùng để chém.
- Bạc** : trắng, sáng loáng.
- Ngựa ô** : ngựa lông đen.
1787. **Ba quân** : ba đạo quân theo binh chế thời xưa là tiền quân, trung quân, hậu quân, hoặc trung quân, tả quân, hữu quân. Chỉ quân sĩ nói chung.
1789. **Hết phang** : hết phương, hết cách.
1798. **Hào** : cái rãnh.
1800. **Bốn quân** : quân của mình.
1814. **Dạ dài** : dài đêm, tức âm phủ. *Thơ Lục Cơ (Tấn)* : *Tống tử trường dạ dài* = Tiễn người về chốn dài đêm.
Kiều : Dạ dài cách mặt khuất lời.
- 1815-1816. **Ý cả hai câu** : Nói Nguyệt Nga không mong gặp được Văn Tiên như Chúc Nữ, Ngưu Lang... Xem các ct 245, 246
1817. **Nam Tào** : theo truyền thuyết, Nam Tào và Bắc Đẩu là hai vị thần giữ sổ sinh và sổ tử của người trần.
1820. **Lạc ngựa** : tức nhạc ngựa, chuông đồng nhỏ đeo ở cổ ngựa.
1836. **Dung nghi** : dáng điệu.
1838. **Tấn danh** : họ tên.
1843. **Kiêng dè** : kiêng nể, dè dặt.

1852. **Gió trắng** : đây chỉ thói tà dâm, trai gái dạn dừ với nhau không chính đáng. Xem ct 520.

1859. **Thệ hải minh sơn** : thệ bể hẹn non, chỉ việc trai gái cùng thề ước, chỉ bể mà thề thốt, chỉ núi mà ước nguyện, ngụ ý lời thề ước bền chặt như có bể có núi ghi tạc, chứng giám cho.

Kiều. : Để lời thệ hải minh sơn, làm con trước phải đền ơn sinh thành. Rút từ điển này, văn nôm còn có : Chỉ non thệ bể (*Kiều*), Bể thệ non nguyên (*Hoàng Trừu*), Lời non nước (*Kiều*).

1863. **Bảng lảng bơ lơ** : ý nói kinh ngạc, ngẩn người ra...

1866. **Khúc nôi** : cũng nói khúc nôi = nỗi lòng. Đây ý nói nỗi niềm, sự tình. *Nhị độ mai* : Biết cùng ai tỏ khúc nôi. Xem câu 1908.

1871. **Quân ó vang dây** : quân hò reo vang dây.

1872. **Can qua** : cái mộc và cái mác, chỉ chung các binh khí. Đây chỉ quân lính cầm binh khí.

1877. **Tẩu tẩu** : chị dâu, tiếng xưng hô theo bạch thoại Trung Quốc. Xem câu 2060.

1884. **Khải ca** : hát mừng thắng trận.

Hồi trào (hồi triều) : trở về triều.

1894. **Trào ca** (triều ca) : nói buổi thiết triều, triều đình hội họp. Chỉ triều đình. Xem câu 1943.

Đề huê : dắt tay nhau cùng đi, ý nói thân thiện mà dịu dặt nhau.

1896. **Ngai** : ngai vàng, ghế có lưng tựa, tay vịn sơn son thếp vàng để vua ngồi trong các buổi chầu. Xem các câu 1378. 1749.

1897. **Kim giai** : thêm vàng.

1905. **Yến** : tiệc.

Trào đô (triều đô) : triều đình, chốn đế đô.

1914. **Qua mâu** : gọi chung các binh khí thời xưa. Chỉ chiến tranh

1916. **Khi quân** : lừa dối vua.

1922. **Dân thứ** : dân chúng. Thứ là nhiều, đông.

1923. **Nhật nguyệt** (nhật nguyệt) : mặt trời mặt trăng.

1924. **Chậu úp** : do chữ *phúc bồn* : nơi nơi tối tăm ánh sáng không chiếu tới, trong ngoài không thông nhau, không biết được nhau, vì nỗi oan không cách giải tỏ. *Bảo phác tử* : *Thị trách tam quang bất chiếu phúc bồn chi nội* = Thế là ánh tam quang (mặt trời, mặt trăng, các vì sao) không soi vào được trong lòng chậu úp. Thơ Lý Bạch (Đường) : *Nguyện tả Hy Hoàng cảnh, vì nhân chiếu phúc bồn* = Nguyện mượn ánh sáng Hy Hoàng, vì người mà soi nỗi oan chậu úp.

1928. **Trứ dưỡng** : chứa chất và nuôi nấng.

1930. **Ghe phen** : nhiều phen.

1932. **Tướng ngó tôi hiền** : hàng khanh tướng và kẻ bầy tôi hiền. Ngó hiền là từ kép thông dụng ở Nam Bộ, có nghĩa là hiền như nói - người hiền ngó.

1934. **Chín trùng** : do chữ *cửu trùng* : chỉ vua, chỗ vua ở. *Sở từ* : *Khải bát uất đào nhi tự quân hề, quân chi môn dĩ cửu trùng* = Há không buồn ngủ mà nhớ vua, cửa nhà vua có lấy chín tầng. Nói vua ở nơi sâu thẳm có chín lần cửa ngăn cách. Thơ Lạc Tân vương (Đường) : *Sơn hà thiên lý quốc, thành khuyết cửu trùng môn* = Sơn hà nước nghìn dặm, thành quách cửa khuyết chín tầng. *Cung oán* : Dóa lê ngon mất cửu trùng, tuy mây điểm nhạt nhưng lòng vẫn xiêu.

1935. **Đồng công** : chỉ Đồng Trác. Xem ct 1251, 1252.
1936. **Lữ Bố** : Xem ct 1251 - 1252.
- Nhà Lưu** : tức nhà Hán. Hán Cao tổ dựng nghiệp nhà Hán họ Lưu tên Quý. Xem ct 1251 - 1252.
1945. **Bạo thân** : bấy tôi hung ác.
1948. **Quận chúa** : tiếng gọi con gái các người tước vương trong tôn thất. Đây là tiếng gọi tôn Nguyệt Nga.
1966. **Ý cả câu** : Nói người quân tử không thêm giết kẻ tiểu nhân cũng như gươm vàng không đáng đem giết ruồi.
1967. **Vô nghĩa** : không có nghĩa, tức bạn ác.
1969. **Cố nhân** : xem ct 274.
1970. **Dung** : tha cho.
1976. **Chơn lui** : chân lùi lại (rồi mới quay lưng đi).
1978. **Sê** : đồ đựng đan bằng tre, nứa, trên vành thưa lỗ, dưới có đóng chân chữ thập để thông nước, lớn hơn cái sàng. Ý nói mặt chai đồ ra, thâm nhầy, ê trệ như rổ thịt trâu vụn, thịt thừa róc ở xương, ở cổ trâu.
1980. **Vinh quy** : về vang trở về. Xem ct 1746.
1987. **Võng điều** : võng vải màu đỏ tươi dùng để cang người, là phương tiện giao thông thời xưa.
1992. **Báo ứng** : báo trả lại những gì mà ta đã gây nên : làm điều lành thì gặp lành, ác thì gặp ác.
- Rất ứng** : rất có ứng nghiệm.
1993. **Dừng dừng đứng** : ý nói thần nhiên, vì đó là kết quả tất nhiên như vậy.
1996. Tiểu đồng bị Trịnh Hâm trói cho cộp ăn khi Văn Tiên vừa mù vào năm Quý mao. Đến khi Văn Tiên đỡ trạng vào năm Nhâm tý, thấy trò mới gặp lại nhau. Vậy là tròn mười năm chứ không phải ba năm.

1998. **Hài cốt** : xương của người chết đã lâu.
1995. **Mộ phần** : mộ mã, cũng như phần mộ.
2004. **Thiêng**, do chữ "thành" đọc chạnh ra.
2010. **Bài vị** : miếng gỗ hay miếng giấy cứng có giá để đứng, trên ghi tên người chết để thờ. **Kiều** : Linh sàng bài vị thờ nâng ở trên.
2016. **Chốn ni** : chốn này.
2018. **Từ ngàn** : từ đó ấy đến nay.
2019. **Bốn quan** (bản quan) : quan của mình, chỉ Văn Tiên.
2024. **Tuần dư** : hơn một tuần, tức hơn mười ngày.
2036. **Đổ thừa** : quy bữa cho người khác.
2038. **Phòng** : đây nghĩa là chờ, hóng đón.
2043. **Biêu** : nêu ra cho mọi người biết.
2051. - 2052. **Ý nói** : Tình duyên đã đứt, không thể nối lại được, cũng như bát nước đã đổ xuống đất, không thể hót lại.
2053. **Ý cả câu** : Nói cái nợ mà tôi bị xem là kẻ oán thù với gia đình (nhà chị), thì tôi đã bị nhà chị hãm hại, tức là tôi đã trả xong nợ rồi. Xem ct 1069.
2058. **Đèo bòng** : vướng víu, bận bịu.
2059. **Ca ca** : anh.
- Chịu đi** : ưng thuận đi.
2069. **Quả báo** : tiếng nhà Phật, chỉ cái kết quả đến trả lại những việc mình đã làm trong kiếp trước, làm điều lành thì được báo lại điều lành, làm điều ác thì bị điều ác báo lại.
2074. **Tiếng còn bia danh** : tiếng xấu còn để đời như khắc vào bia đá, không bao giờ mất.

2077. **Sáu lễ** : sáu lễ trong việc cưới xin thời xưa : nạp thái (đưa lễ dạm hỏi), vấn danh (hỏi tên tuổi) nạp cát (đưa điểm tốt), nạp trưng (đưa đồ sính lễ), thỉnh kỳ (xin ngày cưới), thân nghênh (đón dâu). *Nghi lễ* : *Nạp thái dụng nhận* = Dùng chim nhận làm lễ nạp thái. Lời sớ nói : "Hôn lễ có sáu : năm lễ đều dùng chim nhận là nạp thái, vấn danh, nạp cát, thỉnh kỳ, thân nghênh. Chỉ có lễ nạp trưng là không dùng chim nhận".

2082. **Gót lân**, do chữ *lân chỉ* : ngón chân con lân (loài thú không ăn sinh vật, không giẫm lên cỏ xanh, người xưa cho là nhân thú, tượng trưng cho đức tính nhân hậu). Chỉ con cháu có tài đức. Kinh *Thi* có thơ *Lân chỉ* khen ngợi những người con hay cháu tốt, có tài đức : *Lân chỉ chỉ, chán chán công tử ; vu ta lân hề* = Những công tử độ lượng của chúa công đều giống như ngón chân của con kỳ lân. Ôi ! đúng thật là con kỳ lân (Chu Nam). Thơ Vương Dung (Nam Tề) : *Tộc mậu lân chỉ, tông cổ bàn thạch* = Thân thuộc đẹp tốt như ngón chân lân, dòng họ vững bền như bàn thạch. *Ai tư vân* : Gót lân chỉ mấy lần lẫm chẫm, đầu mũi mao mình tẩm áo gai.

DƯƠNG TỪ - HÀ MẬU

LỜI DẪN

A - LỊCH SỬ VĂN BẢN

NHỮNG bản Dương Từ - Hà Mậu được biết từ trước ngày giải phóng

1. Bản nôm chép tay của ông Nhiều Cơ

2. Bản quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Nghĩa

Theo bài của Nguyễn Văn Nghĩa đăng trên báo *Việt Nam* xuất bản tại Sài Gòn, số ra ngày 14-11-1936, thì, "khi cụ Đồ Chiểu mù, ở tại Tân Thuận đông, tổng Dương Hòa hạ, trong hai ba năm, nơi nhà ông bạn, ông Nhiều Lê Quang Thịnh (tên này là tên ở trong làng, khi đi thi người ta không kêu là Lê Quang Thịnh, mà kêu là Nhiều Cơ), ở đấy muốn vui lòng ông bạn, luôn tiện để bình vực đạo nho, cụ Đồ đọc quyển *Dương Từ - Hà Mậu* cho ông Nhiều Cơ chép"(1).

(1) Dẫn theo bản *Tân Việt B*, Sài Gòn, 1964, Bà Mai Huỳnh Hoa cháu ngoại Sương Nguyệt Anh con gái Nguyễn Đình Chiểu, đã viết trên tuần báo *Tân văn* xuất bản ở Sài Gòn

Ông Phan Văn Hùm cho rằng "ngoài lời trên đây của ông giáo Nguyễn Văn Nghĩa, chúng tôi chưa thấy ở đâu có chỉ dẫn rõ ràng hơn nữa về bản truyện này"⁽¹⁾. Như vậy, bản chép tay của ông Nhiều Cơ mặc nhiên được xem là nguyên tác *Dương Từ - Hà Mậu* của Nguyễn Đình Chiểu. Rồi từ bản này mà có bản quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Nghĩa và bản nôm của ông Hồ Văn Lân.

3. Bản Tân Việt B (TVB)- 1964

Như trên đã nói tác phẩm *Dương Từ - Hà Mậu* phản ánh thái độ chung của toàn dân quyết một lòng đánh Pháp, nên trong thời thuộc Pháp bị cấm xuất bản. Mãi cho đến năm 1964, nhà xuất bản Tân Việt mới cho xuất bản tập *Dương Từ - Hà Mậu* do Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính.

Tập sách khổ 14 x 19,5, 170 trang. Trang bìa ghi : *Đồ Chiểu tức cụ Nguyễn Đình Chiểu - Dương Từ Hà Mậu, tác phẩm chưa hề xuất bản - Phan Văn Hùm sao lục và hiệu đính - Cổ văn Việt Nam Tân Việt*. Trong lời *Biên ngôn*, ông Phan Văn Hùm đã nói rõ : "Ngoài bản quốc ngữ của ông giáo Nguyễn Văn Nghĩa sao lục

số 27 ngày 16-2-1935, trong bài giới thiệu tiền sử Nguyễn Đình Chiểu có viết : "Tiên sanh có một bản *Dương Từ - Hà Mậu* để bình đạo nho, Hà Mậu theo đạo Chúa, Dương Từ theo đạo Phật, Hai đảng nghi hoặc đạo mình, bèn nhờ một ông đạo sĩ tu tiên làm phép để đưa đến Thiên đàng. Tịnh thổ. Đến đâu cũng không thấy gì cả. Khi xuống âm phủ thì thấy ông bà bị hành hình. Ý chuyện quy kết về đạo Nho, vì lời lẽ xằng bậy nên chưa xuất bản được".

(1) Xem Sdd. tr.10.

theo bản nôm của ông Nhiều Cơ, chúng tôi có được xem bản nôm của ông Hồ Văn Lân ở Cần Giuộc (Chợ Lớn). Bản sao lục của chúng tôi đây là kết quả sự hiệu đối hai bản đã dẫn ra trên đó".

Tập truyện dài gồm 3456 câu lục bát với 33 bài thơ, câu đối, văn tế khác nhau. Qua việc đả kích mạnh mẽ bọn tín đồ Thiên chúa giáo, Phật giáo ươn hèn, vô trách nhiệm, mất hết mọi liên hệ với nhân dân, với những truyền thống đạo đức của dân tộc mà làm những điều tàn bạo, tác giả đã thức tỉnh mọi người trở về với chính đạo, nên bị thực dân Pháp cấm đoán.

Thêm vào đó, tập truyện dài, khó thuộc, ngại chép nên đã hạn chế việc phổ biến theo lối truyền khẩu như *Lục Vân Tiên*.

Nhưng tập truyện - từ bản nôm của ông Nhiều Cơ được xem như là nguyên tác, đã được ông Nguyễn Văn Nghĩa phiên âm ra quốc ngữ. Và rồi chắc hẳn ông Hồ Văn Lân, cũng như nhiều người khác, đã từ bản nôm này mà sao lại nhiều bản khác nhau. Như vậy, cứ thế mà tập truyện được lưu hành trong số những người biết chữ.

Bản nôm đích thực của ông Nhiều Cơ và bản quốc ngữ đích thực của ông Nguyễn Văn Nghĩa nay chưa sưu tầm được, song chúng ta có thể nhận ra một cách khá đầy đủ qua bản *Dương Từ - Hà Mậu* của nhà xuất bản Tân Việt.

Như trên đã có nhắc tới, bản sao lục của ông Phan Văn Hùm là kết quả của sự hiệu đối bản phiên âm

của ông Nguyễn Văn Nghĩa với bản nôm của ông Nhiều Cơ. Như vậy, có nghĩa là ông Phan Văn Hùm đã sao chép lại bản quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Nghĩa trên cơ sở đối chiếu, kiểm tra lại với nguyên tác của ông Nhiều Cơ mà sửa lại những chữ bản quốc ngữ phiên âm chưa ổn. Rất tiếc là những chỗ chưa ổn không được ghi chú. Nhưng dù sao chúng ta cũng có thể tin rằng bản này là bản sát với nguyên tác hơn cả, vì đã tham khảo thêm được bản phiên âm của ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Bản Tân Việt B có 3.450 câu lục bát ⁽¹⁾. Nhưng bản này xuất bản trong tình hình chính trị biến động của các giáo phái ở miền Nam, nên văn bản đã bị cơ quan kiểm duyệt của ngụy quyền Sài Gòn duyệt, bỏ 165 câu lục bát ở 18 chỗ khác nhau ⁽²⁾. Vì vậy, thực ra văn bản Tân Việt chỉ còn lại 3.285 câu lục bát.

(1) Theo số câu ghi trên bản *Tân Việt*, thì chỉ có : $(1724 \times 2) = 3448$ câu, thiếu mất hai câu 2685, 2686 bản *Tân Việt* không đánh số.

(2) Xem chú thích đầy đủ ở phần Khảo dị văn bản *Dương Từ - Hà Mậu*. Tại sao lại bị kiểm duyệt bỏ ? Theo một văn bản đầy đủ sẽ được giới thiệu sau đây, chúng ta thấy những câu này đã mang một nội dung đả kích Phật giáo, Thiên chúa giáo gay gắt ở một khía cạnh sâu sắc hơn. Ông đã kích mãnh liệt, vì theo quan điểm của ông, Thiên chúa giáo do thực dân Pháp truyền sang để thực hiện mưu đồ xâm lược thống trị nhân dân ta.

Về phần Phật giáo, đối tượng bị đả kích là số tín đồ cùng các giới lãnh đạo Phật tử, các sư nữ còn say về đường sắc dục bị ông đả kích dữ dội nên bị duyệt bỏ. Về phần đả kích Thiên chúa giáo, tác giả đã chỉ trích toàn bộ đạo công giáo với một thái độ căm phẫn, miệt thị gay gắt về tính chất tà đạo, về lễ lối truyền giáo cùng các nghi thức hành lễ.

Bản Tân Việt B, đúng như soạn giả đã nói "bên trong còn nhiều nơi bất ổn". Những chỗ bất ổn này, chúng ta có thể nhận thấy trong những chữ, những câu thơ xưa khó hiểu ngay ra được nghĩa, hay vì cách suy nghĩ của chúng ta "hơi lạc hậu" với cách nghĩ của ông. Nguyễn Đình Chiểu suy nghĩ rất táo bạo, và đã thể hiện nó một cách tự nhiên, nghĩ sao nói vậy, còn soạn giả và cả chúng ta trong tư tưởng có phần hơi câu nệ, nên chắc chắn ông Phan Văn Hùm đã có đôi chỗ nhuận sắc lại.

Nhưng, nhìn chung, tập truyện vẫn giữ được tính thống nhất trong phong cách, câu thơ đều có nghĩa và hiểu được cả. Và, chính bản này có thể được xem là bản phiên âm lại từ nguyên bản *Dương Từ - Hà Mậu* của Nguyễn Đình Chiểu.

Những bản Dương Từ - Hà Mậu mới tìm thấy sau ngày giải phóng (1975)

Sau ngày giải phóng (1975), tính về số lượng, chúng ta có thêm được ba bản *Dương Từ - Hà Mậu* ;

1. Bản quốc ngữ chép tay trên hai khổ giấy 21×32 và 19×25 , 2. Bản Photocopie nôm chép tay, khổ $18,5 \times 30,3$. Bản nôm do ông Quách Đăng Vân chép vào năm Giáp thân (1884) ⁽¹⁾.

(1) Ngoài ra còn một bản in đầu của tập *Tiểu luận cao học*, trường Đại học Văn khoa Sài Gòn (1973). Bản này cũng lại là bản chuyển hoá từ bản nôm chép tay của Quách Đăng Vân và bản Tân Việt. Nói một cách khác, từ hai bản này mà đẻ ra một bản thứ ba của tiểu luận cao học, in đầu trên khổ giấy 20×26 . Xét trên nhiều mặt, bản này hầu như không có mấy tác

1. Bản quốc ngữ

Tình cờ chúng tôi sưu tầm được ở Cần Thơ. Bản chép tay đã cũ lắm, hai tờ đầu và tờ cuối đã rách nát, không đọc được chữ gì, còn lại từ câu 60 đến câu 3.416. Câu thơ viết liền, hết câu này tiếp câu khác, lối chữ của người lớp trước, viết rõ ràng từng nét, không thể nhận lầm được.

Nghiên cứu bản chép tay này, ban đầu chúng tôi hy vọng đây là chính bản phiên âm của ông Nguyễn Văn Nghĩa, nhưng sau khi đối chiếu với bản *Tân Việt*, chúng tôi thấy có nhiều chứng cứ để ngờ rằng bản này chép lại theo bản phiên âm từ một bản khác, vì bản này có nhiều chỗ khác với bản *Tân Việt* mà gần giống với bản Photocopie (sao theo lối chụp ảnh) *Dương Từ - Hà Mậu*.

2. Bản ZfB (bản nôm Quách Đăng Vân) - Bản Photocopie (1884)

Hai bản còn lại thực ra chỉ là một. Bản photocopie chính là bản sao theo lối chụp ảnh bản nôm chép tay trên giấy dó của ông Quách Đăng Vân mà chúng tôi sẽ gọi là bản *Giải phóng B* (viết tắt là ZfB).

Xin lược tả về bản này.

Bản ZfB gồm hai quyển, có khổ chung là 18,5 x 30. Quyển I có 66 tờ a - b, chép câu 1 (từ tờ 4a) đến câu

dùng về phương diện văn bản học, vì phương pháp xử lý văn bản chung cũng như trong từng khía cạnh cụ thể còn có nhiều thiếu sót.

1806 (tờ 63b) cùng với 12 bài thơ, câu hát, câu đối. Ngoài ra, từ tờ 1a đến tờ 3b có chép:

- *Dương Từ - Hà Mậu cổ thư* (mé trái tờ 1a).

- *Giáp thân niên, mạnh thu nguyệt, cát nhật*

- *Quách Đăng Vân cung lục* (chính giữa tờ 1b).

- *Giáp thân niên thất nguyệt tả, gia đình tư di tàng bản. Song sinh Dương Trân Dương Bửu, Song thai Xuân Tuyết, Thu Băng - Tập truyền quốc ngữ Dương Từ - Hà Mậu nguyên bản - Về đạo chư gia tập truyền diễn thuyết quốc âm văn từ - truyện tự* (từ đầu tờ 2a cho đến tờ 3a. Đầu tờ 2b chép bài tự¹).

Quyển II gồm 61 tờ a - b chép từ câu 1807 đến câu 3456 cùng với 23 bài thơ, văn tế, câu đối (tờ 64a - 123b) và bốn bài thơ nôm khác, ngoài văn bản (tờ 124a - b). Tiếp sau tờ 124b là hai tờ giấy dó để trắng.

Về hình trạng bản ZfB, chúng ta nhận thấy từ tờ 1 đến tờ 9 có bị mối xông chút ít ở chính giữa và ở phía ngoài gùng. Tờ cuối quyển I (tờ 63) và hai tờ cuối quyển II (tờ 125 - 126) cũng có mối xông một vài lỗ nhỏ. Như vậy, trên đại thể, bản ZfB còn nguyên vẹn, chất giấy rất tốt, nếp gấp đôi hai tờ a - b không bị sờn rách một chỗ nào.

(1) Dương Từ - Hà Mậu sách cổ. Năm Giáp thân (1884) tháng mạnh thu (tháng 7) ngày lành. Quách Đăng Vân kính cẩn sao chép. Năm Giáp thân (1884) tháng 7 viết. Bản tàng trữ riêng cho gia đình học tập... Bài tựa tập truyện quốc âm văn vần giữ đạo cho mọi nhà.

Về nội dung, tập truyện toát lên một khí văn chiến đấu theo lối "chuyện kể", "chuyện nói" mang một nội dung nhất quán, nhìn chung không có chỗ nào văn từ tối nghĩa, chữ viết chân phương. Đó là nhìn trên đại thể. Đi vào từng khía cạnh một, chúng ta thấy :

1. Mặt chữ nôm ở đây đã biểu hiện một xu hướng cụ thể hoá trong cách viết - nhất là trong các kết cấu hình thanh thường thấy trong các bản nôm ở miền Nam xuất hiện cùng thời hay trước đó như bản *Lục Vân Tiên* Duy Minh Thị (in từ 1864), nhưng lại ít thấy trong các bản nôm ở miền Bắc, vì ở đây xu hướng này thường về sau, mãi đến đầu thế kỉ XX mới biểu hiện rõ. Thí dụ, các chữ *Ở* (16) = ư + cư, *Dành* (266) = tranh + đình, *Rồi* (1805) = hoàn + lời, *Quên* (2712) = vong + quyền, *Bầy* (2578) = quân + bài, *Lẽ* (2748) = lý + lễ, *May* (2820) = mai + hạnh, *Hèn* (bài XXIV) = hiên + tiện, *Mát* (3152) = lương + mạc...

2. Trái với xu hướng trên, có chữ lại được viết quá giản đơn. Thí dụ, các chữ : *ích* (444) = ất + thiếu, *Sắt* (1962) = sắc ; hay không phân biệt các chữ *Hỏi* ≠ *Gọi*, *Trước* (= trúc), *Trống* (= nói trống) ≠ *Trống* (chiêng trống), *Thuốc* (Thuốc tặc) ≠ *Trước* (chim thuốc), *Trắng* (= trời buộc) ≠ (mặt trắng).v. v...

3. Cùng một chữ mà có nhiều cách viết khác nhau. Thí dụ các chữ : *Toán* trong các câu 171 ≠ 478 ≠ 846 ≠ 1596... *Thì* trong các câu 460 ≠ 344 ≠ 491... *Giơ* trong các câu 1543 ≠ 1506, *Trống* trong các câu 352 ≠ 2016 ≠ 260, v.v...

4. Như thường thấy ở các dạng kết cấu chữ nôm trong các văn bản xuất hiện ở miền Nam, bản ZfB, cũng mang nhiều cách phát âm miền Nam. Cụ thể là hầu hết các vận mẫu : iêng - iên, ang - an, ăt - ắc, ươt - ước, ăt - ặc, an - oan, ụt - ục, ứt - ức, ăng - ăn, àng - àn... đều viết lẫn lộn. Ngoài ra, bản ZfB còn một ít chữ lạ hay viết sai.

5. Về một khía cạnh khác, bản ZfB, người chép đã có soát lại cẩn thận. Do đó, những chỗ không hợp lý hầu hết đều được chữa lại. Có thể cũng có đôi chỗ được chữa về sau⁽¹⁾. Nhìn chung những chỗ chữa đều hợp lý. Điều đó chứng tỏ bản ZfB đã qua ít ra là một lần xem xét, đính chính lại, nên văn bản có thể được xem là thoả đáng (correct). Song, cũng còn đôi chỗ không ổn, bản ZfB để sót cần hiệu đính lại. Đó là 5 chỗ ở các câu 247, 257, 364, 584, 1204.

Ngoài ra, về nội dung, bản ZfB có liên quan chặt chẽ đến một văn bản khác mà chúng tôi sẽ giới thiệu ở phần *Tiểu dẫn* văn bản *Thơ - Văn tế*. Những bài thơ đường luật trong tập ZfB trên đại thể rất giống các bài chép trong văn bản ZfC. Điều đó chứng tỏ bản ZfB đã sao chép lại, có thể là từ bản sao trực tiếp của ông Nhiều Cơ.

(1) Có 44 lần chữa trong 44 câu khác nhau : câu 77 (trắng - rùng), câu 130 (chùng - miến), câu 130 (sống - đẻ), câu 148 (nối móng - nối nghiệp), câu 188 (tu tri - tu hành).

Dị đồng giữa bản ZfB với bản TVB

Như từ đầu chúng tôi đã có dịp nói, truyện *Dương Từ - Hà Mậu* được phổ biến không phải bằng đường truyền khẩu, mà bản nọ sao chép lại bản kia, nên trên đại thể giữa các bản không có dị biệt gì quan trọng. Dị đồng giữa hai bản, nhìn chung thấy có :

1. Tuyệt đại đa số là :

a) Những từ gần nghĩa, bản dùng chữ nọ, bản để chữ kia, như : vài - mấy, tỏ - rõ, xem - coi - nhìn, lòng - dạ, đắng - bậc, bụng - dạ, hương - nhang, tới - đến, v.v...

b) Những chữ nôm mượn chữ Hán để viết, bản đọc theo âm Hán - Việt, bản đọc theo nghĩa, như : tâm - tim, tư - bốn, vô - không, cổ - trống, đạo vị - mùi đạo, am vân - am mây, vân du - chơi mây, thỏ bạch - thỏ trắng, thi - thơ, v.v...

c) Những từ ngữ đặt theo thứ tự khác nhau, như : liễn đối - đối liễn, đạo lỗi - lỗi đạo, tui phận - phận tui, bảng cửa - cửa bảng, gối loan trướng phụng - trướng loan gối phụng...

2. Những từ cổ trong bản nôm ZfB hầu hết đều được chữa lại trong bản TVB. Ở đây người phiên âm đã không chịu tra cứu, để một mặt nắm được nghĩa cổ, và mặt khác nắm được hệ thống các dạng kết cấu chữ nôm trong văn bản, nên đã xảy ra tình trạng này. Đó là trường hợp ở các câu : 472, 815, 890, 1212, 1538,

1615, 1622, 1705, 2092, 2758, 2874, 2971, 3150, 3266, 3269, 3818...

3. Ngoài ra, còn những chữ mà có nhiều cách đọc khác nhau (2104), những chữ những câu không dễ nhận ngay ra nghĩa (249, 2341), và có những câu, bản TVB đã chữa lại cho gần với cách hiểu đương thời hơn (383) ; cũng có nhiều chỗ bản TVB chữa lại cả câu, ý nghĩa chỉ xê dịch nhau chút ít, không có ảnh hưởng gì đến nội dung từng đoạn, từng phần, hay cả tập truyện (69, 92, 128, 297, 341, 342, 371, 373, 379, 380, 756, 937, 938, 1167, 1306, 1320, 1353, 1354, 1603, 1699, 1908, 2314, 2316, 2444, 2456, 2460 v.v...) như chúng ta thường thấy ở *Luc Vân Tiên*.

Ngoài ra, Tạp chí Văn học số 2 -1978 cho ta biết có thêm một bản Nôm *Dương Từ - Hà Mậu* mới do cụ Võ Văn Dung sưu tầm được tại nhà ông Lê Minh Chí. Bản này được gọi là bản *Lê Minh Chí*, khổ 21 x 26 gồm bốn mươi tám tờ giấy bản đã cũ, bị mối mọt gặm ít nhiều quanh mép, nhất là những tờ đầu. Chữ viết bút lông từ phải sang trái, vừa chân vừa thảo đều đặn. Mỗi tờ chép hai mặt, mỗi mặt chín dòng, mỗi dòng có từ hai mươi năm đến ba mươi năm chữ, chép liền một mạch từ đầu đến cuối, không chấm câu, không phân đoạn, ngay cả đầu đề các bài thơ, như *Vịnh sĩ thú, Vịnh nông thú,...* những từ ngữ chuyển tiếp như *hát rằng, Liễn rằng, Té văn rằng, Xuân Tuyết đàn rằng...* đều viết liền vào trong. Cuối sách có ghi : *Sao tại hương hộ Lê Minh Đường, nguyên bản bất sưu*

Chép tại nhà người làng là Lê Minh Đường, nguyên bản không sai. Bản này được Ty Văn hóa Thông tin Long An xuất bản năm 1982.

Trong lần chuẩn bị xuất bản *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* lần đầu, từ năm 1978 chúng tôi cũng đã được biết quyển này qua cụ Võ Văn Dung. Nhưng chúng tôi chưa ghi nhận vào Toàn tập có tính đại chúng, vì nghĩ rằng bản mới này là một món đồ cổ, không phổ biến như bản *Quách Đãng Vân...* Lối chữ Nôm viết thảo liên một mạch, nhiều nhăm lẫn, không thống nhất rất khó đọc. Bản này chỉ thích hợp khi có ngành văn bản học chuyên nghiên cứu riêng văn bản *Dương Từ – Hà Mậu*.

B – XỬ LÝ VĂN BẢN

Thực trạng đó quy định cách xử lý văn bản *Dương Từ – Hà Mậu* của toàn tập này.

Tác phẩm *Dương Từ – Hà Mậu* không phổ biến theo phương thức truyền khẩu, nên chỉ những bản sau chỉ có thể sao chép lại theo một bản ban đầu. Và, bản đó là bản do ông Nhiều Cơ chép theo lời đọc của Nguyễn Đình Chiểu.

Từ bản này mà có bản quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Nghĩa. Bản nôm của ông Hồ Văn Lân, chúng tôi nghĩ rằng cũng là bản sao lại bản nôm của ông Nhiều Cơ. Từ bản phiên âm của ông Nguyễn Văn Nghĩa và

bản nôm của ông Hồ Văn Lân mà có bản sao lục của ông Phan Văn Hùm. Tam sao thất bản, cho đến nay dưới tay chúng ta chỉ có bản Tân Việt của ông Phan Văn Hùm. Như vậy, chúng ta cần có một bản nôm mới mà theo phương thức phổ biến của tập truyện, chúng ta tin rằng nó chỉ có thể là bản sao chép lại từ một bản nôm trước nó, có thể là bản của ông Nhiều Cơ, hay một bản nào khác mà chỉ có thể chép lại từ bản được xem là nguyên tác này.

Thực trạng phổ biến cụ thể của tập truyện *Dương Từ – Hà Mậu*, việc có một bản nôm mới có một ý nghĩa văn bản học quan trọng trong việc xác lập một văn bản có thể được xem là gần với nguyên tác hơn cả, chấm dứt tình trạng cứ đề ra thêm các dạng văn bản mới theo cách làm của ông Phan Văn Hùm và cách làm gần đây của bản Tiểu luận cao học của trường Đại học Văn khoa Sài Gòn.

May mắn thay, chỉ hơn hai tháng sau ngày Đại thắng mùa xuân 1975, chúng ta sưu tầm được một bản nôm mới - bản ZfB.

Chúng tôi phiên âm nguyên bản ZfB ra quốc ngữ, chỉ hiệu đính lại 5 chỗ bất hợp lý bằng cách lấy chữ của bản Tân Việt B thay thế như chỉ ra ở điểm 3 trong phần nói về dị đồng giữa bản này với bản Tân Việt. Năm trường hợp này đều có ghi chú ở phần *Khảo dị*.

Ngoài ra, để bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu, chúng tôi đồng thời tiến hành khảo dị với bản Tân

Việt B. Những câu bị lược bỏ trong bản này cũng được ghi chú rõ.

"Văn dĩ tải đạo", Nguyễn Đình Chiểu cầm bút viết văn là nhằm giáo dục quảng đại quần chúng, nên ở đây cũng như ở Lục Vân Tiên, tác giả vẫn theo một phong cách "truyện kể", "truyện nói". Vì vậy, việc hiệu đính về mặt tu từ, chúng tôi không nhằm đạt tới, chỉ cốt câu văn lộn nghĩa là được, nghĩa là những điểm dị đồng như đã nêu ở điểm 1 trong phần nói về dị đồng giữa hai bản ZfB với bản Tân Việt B, chúng tôi không khảo dị.

C – PHẦN ĐOẠN

1. Dương Từ (Phật giáo), Hà Mậu (Công giáo) hoài nghi về đạo mà đi cầu mỗi đạo (Từ câu 1 đến câu 906)

+ Hà Mậu theo đạo cầu Chúa cho có con, vợ nghi bị quỷ thai, bèn theo Châu Kỳ (một danh y) đến Tùng Lãnh cầu thuốc tiên của đạo sĩ Lý Tri Niên (1 - 64),

+ Nam Tào, Bắc Đẩu cho biết vợ Hà Mậu ốm nghén, sau sẽ sinh hai gái là Tuyết, Băng, và khuyên Châu, Hà đừng lầm đường theo đạo Da Tô. Hà Mậu về nhà, thì vợ đã sinh hai gái, thấy việc linh thiêng muốn tìm hiểu tiên đạo (65 - 138),

+ Dương Từ theo đạo Phật, vợ chồng ra sức khẩn vái, bỏ thi cầu con, sau vợ là Đỗ thị sinh được hai trai là Dương Trăn, Dương Bửu. Cảm ơn Phật tế độ, Dương Từ xuất gia đầu Phật ở Phù Đồ sa, lấy tên hiệu là Thiện Trai. Vợ con ở nhà nghèo nhọc (138 - 208),

+ Trưởng tộc đặt tên cho con Hà Mậu là Xuân Tuyết, Thu Băng. Hà Mậu trở về, hoài nghi về đạo Thiên chúa quyết cầu tiên đạo (209 - 290).

+ Hà Mậu gặp Lý Tri Niên, được Lý đưa gặp sư phụ là Lão Nhan Tứ Thất tại chùa Linh Diệu (291 - 348),

+ Chán cảnh am vắng, Dương Từ xin đi vân du (349 - 376). Hà Mậu đi đến đâu cũng bị người chỉ trích bọn sư sãi trốn nhiệm vụ, ươn hèn, lợi dụng nhà chùa để làm xằng, đồng thời nêu gương cách mạng của nhân dân, tinh thần trung kiên, quyết vì đời mà dẹp tan những nỗi bất công phi nhân phi nghĩa và biết giữ mình trong sạch, không để thời thế khuất anh hùng, không để đời lợi dụng, lánh côi đời ô trọc, nhưng vẫn theo đời để chờ phen giúp đời, lấy hành động của mình mà cải tạo đời cho đời ngày một tốt đẹp hơn. Sau cùng Dương Từ lần đến chùa Linh Diệu (377 - 906).

II. Dương Từ, Hà Mậu được Lão Nhan Tứ Thất nói cho rõ lẽ chánh tà của tôn giáo (Từ câu 907 đến câu 2266)

+ Lão Nhan Tứ Thất dùng phép cho hai người lên Thiên đường (Trời) và xuống Địa ngục (907 - 1180).

+ Dương Từ, Hà Mậu không thấy ai cùng đạo với mình được lên Thiên đường. Ở đây hai người chỉ thấy Khổng tử cùng các đại hiền đi dự hội (1181 - 1456).

+ Tại Địa ngục, Dương Từ gặp đủ các hạng người bất chính, lừa đảo nhân dân bị trừng phạt, nào là thầy pháp, thấy địa lý, bọn cho vay nặng lãi, bọn thơ lại ở cửa quan, bọn loạn luân, dâm bôn, bọn trộm cướp, bọn thấy thuốc cùng các bà đỡ bắt lương (1157 - 2160).

+ Dương Từ, Hà Mậu được Lão Nhan Tử Thất giảng giải lẽ nguy hại, tà vạy của Công giáo và Phật giáo, khuyên hai người trở về với chính đạo, thực thi đạo lý trong đời sống. Dương Từ, Hà Mậu nghe ra, quyết tâm theo Nho đạo (2161 - 2266).

III. Gia đình Dương Từ, Hà Mậu được những người chính đạo giúp đỡ. Con cái của họ trở nên trai tài gái tốt (Từ câu 2267 đến câu 3194)

+ Xuân Tuyết, Thu Băng quyết không theo đạo Thiên chúa, bỏ nhà đi tìm cha (2267 - 2356).

+ Tân Khanh phụng mệnh Tấn vương đi giúp dân miền Dự Châu bị mất mùa, tình cờ gặp Xuân Tuyết, Thu Băng rồi nhận hai trẻ làm con nuôi. Tân Khanh nhậm chức tổng trấn Hà Đông (2357 - 2516).

+ Gia đình Dương Từ sa sút, được Đỗ Khoái (em vợ) bao bọc. Dương Trân, Dương Bửu được Trình Kiệt dạy dỗ (2517 - 2756).

+ Trân, Bửu đi tìm cha, không gặp trở về tiếp tục học tập (2757 - 2796).

+ Trân, Bửu đi thi, kỳ thi hoãn, buồn rầu trở về, đề thơ sen nở muộn để giải bày tâm sự cùng cảnh ngộ ở cổ miếu (2797 - 2864).

+ Đẹp yên giấc Tây Châu trở về, Tân Khanh thấy thơ Trân, Bửu. Tân Khanh truyền cho quan huyện Trân Doan đứng làm mai cho Trân, Bửu kết duyên cùng Xuân Tuyết, Thu Băng (2865 - 2928).

Vua mở khoa thi. Dương Trân đỗ bảng nhãn, Dương Bửu đỗ thám hoa. Hai người vinh quy, làm văn tế cha (2929 - 3194).

IV. Dương, Hà hai họ kết tình thông gia. Dương Từ, Hà Mậu cùng các tín đồ Công giáo, Phật giáo trở về với chính đạo, (Từ câu 3195 đến câu 3456).

+ Dương Từ, Hà Mậu trở về quê cũ. Lão Nhan Tử Thất bảo cho hai họ biết hai họ sẽ kết tình thông gia, lo giữ gìn nhân luân (3195 - 3244).

+ Dương Từ về đến nhà, cho con uống thuốc tiên khỏi bệnh (3245 - 3284).

+ Hà Mậu về nhà, vợ chết, con gái làm con nuôi Tân Khanh. Hà Mậu khuyên con cháu từ bỏ đạo Thiên chúa (3285 - 3343).

+ Dương Từ, Hà Mậu được vua vời vào triều hỏi việc. Tấn vương ban dụ cấm đạo Thiên chúa, đạo Phật truyền lệnh cho Tân Khanh đứng lo việc chủ hôn cho hai họ Dương, Hà (3344 - 3406).

+ Dương, Hà hai họ kết tình thông gia. Các tín đồ Công giáo, Phật giáo thấy báo ứng cha lành con thảo, cùng nhau bàn luận, tự nguyện bỏ di đoan theo đường nhân nghĩa (3407 - 3456)

*

* *

Vị trí các bài thơ, văn tế, câu đối có đánh số La Mã trong Dương Tử - Hà Mậu

Bài số	I sau câu	312	Bài số	XII sau câu	1102		
-	II	-	376	-	XIII-XX	-	2254
-	III	-	406	-	XXI	-	2644
-	IV	-	422	-	XXII	-	2666
-	V	-	510	-	XXIII	-	2684
-	VI	-	610	-	XXIV	-	2780
-	VII	-	654	-	XXV-XXX	-	3066
-	VIII	-	674	-	XXXI	-	3170
-	IX	-	706	-	XXXII	-	3238
-	X	-	714	-	XXXIII	-	3238
-	XI	-	830	-	XXXIV-XXXV	-	3412

DƯƠNG TỬ - HÀ MẬU

(VAN BẢN KHẢO ĐỊNH)

I

CỎI Nam rày đã thăng bình,*

Thường xem các sách gia đình chép ra.

Coi rồi truyện cũ chư gia,

Lòng vì đạo học chép ra để đời.

5. Di đoan xưa hãy bởi bởi,

Lại thêm đạo Phật đạo Trời bằng xằng

Thói đời nhiều việc lãng nhãng,

Mấy ai biếtặng đạo hằng người ta,

Đua nhau kính chuộng đạo tà.

10. Một câu quả báo muôn nhà đều tin.

Nói rằng Trời Phật sách in,

Tội về địa ngục phước lên thiên đàng.

Có người về đạo Hoa Lang

Năm đời giữ thói khoe khoang cầu hồn.

15. Họ Hà tên Mậu người khôn,

Ở đời Hậu Tấn Long Môn quê nhà.

Sáu mươi tuổi tác hầu già,

Khảo dị

* Bản TVb không có hai câu 1 và 2 - 3 *Trái xem mấy truyện* - 4 *Chuyện soạn ra...* - 8 *Đố ai...* - 13... đạo Hòa Lan. Bản TV đều chép *Hoa Lan*. Trong những lần sau, chúng tôi không khảo dị nữa. - 14 *Năm đời* *truyền thói...*

- Tuy rằng giàu có trong nhà không con.
 Rạng giời một tấm lòng son,
 20. Cửa ra bố thí nào còn so đo.
 Vợ chồng giữ đạo bo bo,
 Ổn trời ngô đảng chút cho phước lành.
 Hôm mai luống những đọc kinh,
 A-men đức Chúa có linh chằng là.
 25. Liễu thơ là vợ họ Hà,
 Chiêm bao nằm thấy nguyệt sa trên mình.
 Phút đầu có nghén thành linh,
 Khiến người Hà Mậu thấy tình sanh nghi.
 Nói rằng : Khí huyết già suy,
 30. Có đâu chữa nghén ẽ khi bệnh gì ?
 Sai người rước bạn danh y,
 Anh em đồng đạo tên Kỳ họ Châu.
 Châu Kỳ coi mạch giây lâu,
 Nói rằng : Chị mắc qui đầu thai đây.
 35. Mậu rằng : Nhờ lượng đức thầy,
 Mạch kia đã hẳn thuốc này ắt hay,
 Kỳ rằng : Chém qui đan này,
 Qui thai bệnh ấy từ đây trừ rồi.
 Thuốc thang mấy tháng uống bồi,

Khảo dị

18. Tuy là... - 20. Cửa tiền...
 27. Tự nhiên... 30. Hay đâu... - 31... tìm rước danh y... - 33... Hà...
 37... Để hốt thang này -

40. Càng thêm lớn bụng gần hồi sanh thai.
 Họ Hà thấy vậy than dài,
 Tuổi già còn hầy mang tai thế nầy ?
 Kỳ rằng ? Há chẳng biết đây,
 Trái ba đời cũng làm thấy vừa ba
 45. Châu Phan xưa thật chú ta,
 Trị thai có phép truyền gia rất mầu
 Liễu thơ bệnh qui đã lâu
 Xin dùng thuốc ngoại ngô hầu thay tay.
 Ta nghe đồn phía Sơn tây,
 50. Trong non Tùng ấy có thầy địa tiên.
 Tên người là Lý Tri Niên,
 Thường ngày luyện tập thuốc tiên Đan Kỳ.
 Ta xin ra sức đem đi,
 Tới nơi cầu phép một khi cho tường.
 55. Mậu rằng : Ta đạo Hoa Lang,
 Tiên là đạo khác có mang chi nhau ?
 Kỳ rằng : Xưa sách có câu,
Tế sanh hoạt mạng ở đâu sách y.
 Làm thầy đâu có hẹp suy,
 60. Đau bệnh thời cứu đạo gì mà sao ?
 Ai ai cũng chữ ngô bào,
 Sanh trong trời đất lẽ nào ghét nhau.

Khảo dị

- 43... Do chẳng biết đây - 48... cầu thuốc khác... - 49... nghe đồn...
 50. Rằng non Tùng lành... - 52... thuốc thần tiên... - 54... thuốc diệu y rõ
 ràng - 58 ... sách đầu đạo y - 60 ... lại sao - 61 ... vốn đồng bào.

- Họ Hà thấy vậy thêm sầu,
Gương di cùng bạn lên cầu thuốc tiên.
65. Trái qua vài dặm sơn xuyên,
Phút đầu lố thấy gần miền Tùng San.
Đường đi đá mọc nghinh ngang,
Cây dây rậm rạp, thạch bàn nhiều nơi.
Hai người dừng bước xem chơi,
70. Mặt nhìn cảnh vật khác nơi phong trần.
Hoa bay nước chảy mấy chùng,
Bóng tùng che núi như vừng lọng xây.
Chim kêu vượn hú vang đầy,
Hiu hiu gió thổi lá cây reo mừng.
75. Hai người còn đứng trông chùng,
Thấy người đồng tử trong rừng bước ra.
Chào rằng : Hai khách đường xa,
Nào ai tên Mậu họ Hà nói mình.
Họ Hà nghe nói thất kinh :
80. Sao rằng sớm biết tính danh ta rày ?
Đồng rằng : Thấy mỡ đánh tay,
Dạy rằng : Có khách ngày nay tới nhà.
Để lời dạy bảo cùng ta,
Ra đường đón rước đem qua Thạch Bàn.
85. Hôm mai là bữa thanh nhàn,

Khảo dị

65 ... mấy dặm ... - 68 Bụi cây... - 69 Ngó lên trên đỉnh rặng ngời -
70 ... phạm trần - 71 Mây bay ... mấy tùng - 78 ... Hai gã ... - 79 Ai là
... - 80 Rằng sao ... - 83 Ta vâng lời dạy thầy ta - 84 Ra đây... - 85 Hôm
nay...

- Thấy ta lên chốn Thạch Bàn châu tiên.
Hai người nghe nói đi liền,
Theo thàng đồng tử vào miền thâm san.
Ngó lên trên đỉnh Thạch Bàn,
90. Thấy hai ông lão dựa ngang đánh cờ.
Tóc râu đều bạc phơ phơ,
Mười phần cốt cách chẳng nhờ bợn gì.
Có hai quyển sổ chi chi,
Cùng hai chim hạc tương tùy một bên.
95. Tri Niên hầu đứng một bên,
Thấy hai người khách leo lên Ngọc Hồ,
Chào rằng : Hai gã Da Tô,
Đến đây lòng muốn hỏi pho việc gì ?
Họ Hà vội vã liên quì,
100. Thưa rằng : Cầu thuốc cứu nguy người nhà.
Tri Niên chưa kịp nói ra,
Hai ông trên đá liền xoa cuộc cờ.
Cười rằng : Hà Mậu rất khờ,
Khéo nghe thầy tục tâm phơ nói xằng.
105. Liễu thơ ghen đủ mười trăng,
Song sanh hai gái Tuyết Băng trên đời.
Vinh hoa có số ở trời,
Rằng người sau phải đổi dời mới nên.

Khảo dị

88 Hai người... rừng san - 89 Ngó lên đỉnh núi... - 92 Hình dung... nhơn
nhờ ai bị - 93... quyển sách - 95... trên nền - 96 ...đạo lên Ngọc Hồ -
100... bệnh nhà - 102... trên đỉnh... - 104... nói quàng - 108 Số người sau cũng...

- Mấy lời ta nói chớ quên,
 110. Đừng mong sau thác đăng lên thiên đàng.
 Ông cha trước đã lâm sàng,
 Đến sau con cháu phải toan lẽ gì
 Nói rồi cỡi hạc bay đi,
 Họ Hà chưa hỏi việc chi đành rành.
 115. Hai người là khách hữu tình,
 Tri Niên mời lại gia đình cùng nhau.
 Mậu rằng : Cầu thuốc vợ đau,
 Tiên ông lại nói việc sao cũng kỳ.
 Chẳng hay người học sách chi ?
 120. Cớ sao biết trước thanh suy việc người ?
 Niên rằng : Ta chẳng giấu người,
 Hai ông già ấy là người thiên công.
 Phép hay biến hóa thần thông
 Một ông Bắc Đẩu một ông Nam Tào.
 125. Hai ông vốn thiết thiên tào.
 Mạng dân sanh tử đều vào trong tay.
 Hai người may gặp ngày nay,
 Đến sau mới biết lời hay tiên truyền.
 Họ Hà khi ấy về liền,
 130. Vào nhà thấy vợ đến miền khai hoa.

Khảo dị

- 112 Thời sau... tính toán - 118... việc sau cũng kỳ - 119... phép thi -
 120 Cho nên mà biết... - 121... Chẳng giấu chi người - 125... giữ sổ thiên
 tào - 128 Tới nhà mới thấy lời hai ông truyền - 129 Họ Hà nghe nói... -
 130 Tới nhà...

- Sanh hai con gái như hoa
 Mùi hương thơm ngát trong nhà đều kinh.
 Mậu rằng : Tiên đạo rất linh,
 Thịnh không mà biết sự tình khắp nơi.
 135. Kỳ rằng : Ta học đạo trời,
 Xưa nay linh nghiệm có lời chi nao.
 Muốn cho tỏ dạng âm hao,
 Ngày sau ta phải trở vào Tùng Sơn
 Thử nầy đến thử họ Dương,
 140. Làm người chút biết văn chương gọi là
 Nam Khang vốn thực quê nhà,
 Sánh cũng họ Đỗ ở Trà Thạch Khê.
 Nội theo dân dã thú quê,
 Lập vườn cày ruộng chuyên nghề làm ăn
 145. Dương Từ cùng vợ thể rằng,
 Trăm năm giữ trọn đạo hằng cùng nhau.
 Đã năm mươi sáu tuổi đầu,
 Không con nối nghiệp luống cầu thon vơ.
 Bao nhiêu chùa miếu cúng luôn,
 150. Ngõ nguyên cầu đặng chút con nối đời.
 Liền ngày khẩn vái cầu trời,
 Tắm lòng tin cúng khắp nơi miếu chùa.
 Cửa nhà có việc bán mua,
 Ra ơn làm phúc hơn thua chẳng nài.

Khảo dị

- 131 Để ra hai gái nờn nà - 143 Nương theo... - 144 Lập vườn làm
 ruộng... - 145 Họ Dương... nguyên rằng - 146 Trăm năm xin giữ... - 147
 Đã nên mười mấy... - 149... cùng son - 151... vái Phật vái trời

155. Phút đầu họ Đỗ song thai,
Đến kỳ sanh đặng hai trai một lần.
Nay đà đặng nối gót lân,
Phận mình dù có thanh bần cũng ưng.
Người trong làng xóm đều mừng,
160. Ai hay lão bạng đến chừng sanh châu.
Nhớ câu thiện ác đáo đầu,
Làm lành gặp phước sách đâu có lằm.
Họ Dương lòng cũng mừng thắm,
Hai trai tướng mạo khác tầm thường nhân.
165. Về vang cốt cách tinh thần,
Nhắm trong trẻ nhỏ phàm dân ít bằng.
Họ Dương mới đặt tên rằng :
Dương Trân Dương Bửu hai thằng anh em.
Hai con vừa đẹp mắt xem,
170. Trong bề gia đạo lại thêm bần hàn.
Dương Từ khi ấy liệu toan,
Xuất gia đầu Phật cho an phận mình.
Nói rằng : Một tấm lòng thành,
Câu con nối nghiệp mới đành quy y.
175. Ta đà sanh đặng hài nhi,
Nam Vô hai chữ từ bi thân già.

Khảo dị

155...thọ thai - 157 Phước đà liên... - 158 Phận mình giàu có... - 162...
thể đầu có lằm - 163 Họ Dương lòng hời... - 169 Hai con đều... - 170
Việc trong... - 172... giữ an phận mình. - 173 Đã đành... - 174 Còn con...
- 175 Nay dù... nam nhi.

- Bao nhiêu thể tục gần xa,
Nhân tình ấm lạnh trái qua cũng rồi,
Trong vòng danh lợi thôi thôi,
180. Hoàng lương nửa gối mấy hồi chiêm bao,
Sang giàu lòng chẳng ước ao
Hoa tàn mây nổi nước xao trắng lờ.
Hai con tuổi tác còn thơ,
Sớm khuya ấm lạnh mặc nhờ hiền thê,
185. Trong tay một chuỗi bồ đề,
Trăm năm xin gởi lời thể nước non.
Trả rồi nợ vợ nợ con,
Từ đây giữ vẹn lòng son tu hành.
Nói rồi quấy quả đặng trình,
190. Nhắm nơi am tự một mình ra đi.
Thương thay hai gã hài nhi,
Cùng nàng Đỗ thị sầu bi muôn phần.
Than rằng : Chàng hỡi lương nhân,
Am mây đường tách phong trần bao xa ?
195. Hai con tuổi mới lên ba,
Có cha lại giống không cha cũng kỳ.
Bao đành bỏ vợ con đi,
Cửa nhà bần bạc cậy gì ngày sau ?
May nhờ tắc đất ngọn rau,
200. Mẹ con lẫn lữa nuôi nhau tháng ngày,

Khảo dị

178... đã rồi - 184 Hôm mai... - 186 Trăm năm xin cõi... - 194... cõi
trần xa xa - 196 Có cha giống đứa... - 199... tắc cỏ ngọn rau

- Dương Từ ở chốn am mây.
 Cái tên đặt hiệu rằng thầy Thiện Trai.
 Dốc lòng tìm dấu Như Lai.
 Đã đành trốn khỏi trần ai không về.
205. Thị phi mặc thế cười chê,
 Tương đưa cũng đã an bề đi tu.
 Sớm khuya chuông mõ công phu.
 Tụng kinh niệm kệ ở Phù Đồ sa.
 Bây giờ đến lúc họ Hà.
210. Vợ là họ Liễu đẻ ra con lành.
 Quả nhiên hai gái song sanh.
 Ông tiên lời dạy đành rành chẳng ngoa.
 Nay đã giáp tháng bông ra.
 Mời anh em tới nhăm mà đặt tên.
215. Bà con nội ngoại hai bên.
 Một ông trưởng tộc ngồi trên dạy rằng :
 Hài nhi gương mặt như trăng.
 Đặt tên Xuân Tuyết Thu Băng cho đành.
 Họ Hà nghe nói giựt mình.
220. Nhớ lời tiên dạy sự tình khăng khăng.
 Bảo rằng : Nghén đủ mười trăng.
 Song sanh hai gái Tuyết Băng trên đời.
 Ông tiên nói chẳng sai lời.
 Lại rằng thói có dối đời lẽ chi ?

Khảo dị

204 Đã đành trên cõi... - 205... khen chê - 210 Vợ là Liễu thị... - 212
 Tiên ông có dạy... - 214 Mời anh em đến nhăm... - 218... cho lành

225. Xui nên tác dạ hoài nghi.
 Gấm trong mình lại muốn đi non Tùng.
 Hỏi cho biết lẽ cát hung.
 Trăm năm dạng tỏ thủy chung việc mình.
 Vừa đâu tới bữa du mình.
230. Châu Kỳ bạn cũ có tình viếng thăm.
 Nói rằng : Hai trẻ giáp năm.
 Gấm lời tiên dạy có nhăm cùng chăng ?
 Mậu rằng : Xuân Tuyết Thu Băng.
 Tuyết Băng hai chữ khăng khăng nhớ lời.
235. Kỳ rằng : Ta trọn ba đời.
 Trong nhà thờ đức Chúa trời lâu nay.
 Mấy đường họa phước rui may.
 May nhờ rui chịu thấy bày vẽ chi ?
 Mậu rằng : Ta cũng ưu nghi.
240. Ông cha trước đã việc chi lâm đảng.
 Nhớ xưa chữ đạo là đảng.
 Đảng đi nào có một phương hẹp hòi.
 Người xưa dễ há không coi.
 Đường nào làm phải mà noi cho nhăm.
245. Ví như lỡ bước lỗi lầm.
 Một đời cũng biết hưởng năm ba đời ?
 Kỳ rằng : Đảng ở dưới trời.

Khảo dị

225...hồ nghi - 234 Tiên dạy... - 238... chi đâu - 239... thêm sâu -
 240...tha cầu vụng loan - 241 Sách ghi... - 244 Đường nào đi dễ...

- Có nơi chánh lộ có nơi tha kỳ.
 Đã đành hai chữ tư phi,
 250. Chẳng đi đường chánh lại đi đường tà.
 Phải đời con cháu vinh hoa,
 Ai còn dám nói ông cha lắm đường ?
 Muốn cho tỏ mấy hành tàng,
 Phải tìm dấu trước hồi han sự tình.
 255. Thị phi chẳng những việc mình,
 Việc đời còn hãy bắt bình nhiều nơi.
 Bao nhiêu đạo ở dưới trời,
 Thấy đều xưng thánh khoe lời nói hay.
 Ví như một lũ quạ bay,
 260. Con nào trống mái mấy tay biết rành.
 Đạo ta bằng có hiển vinh,
 Trái xưa nay lại một mình Da Tô.
 Đạo Tiên đạo Phật đạo Nho,
 Có sao chẳng mộ bo bo đạo trời ?
 265. Đã kêu rằng đức Chúa trời,
 Trời sao nở để các nơi tranh giành.
 Cây cao biết mấy mươi cành,
 Còn theo một gốc hướng sanh là người.
 Mậu rằng : Tiên cảnh tốt tươi,

Khảo dị

249...*tiền* phi - 256 Việc mình... - 257 Bản Nôm ZFB đề : ... ở trên trời. Chắc là người chép sai. Chúng tôi đề theo bản TV. 258... *rằng* hay - 259 *Ví dẫu...chim* bay - 261 Đạo ta *dẫu* có hiển linh - 262 Trái xưa nay cũng... - 265... *mộ* đạo trời - 266 Trời *dẫu*... *chê* dành - 268 Còn *nói*...*làm* người -

270. Phen này ta nguyện theo người đi tìm.
 Làm người há chẳng bằng chim,
 Chim còn biết chọn cây im gởi mình,
 Vén mây mới thấy trời xanh,
 Tìm đường phải dọn mấy cành gai chông.
 275. Kỳ rằng : Ta muốn thẳng xông,
 E khi rồi lại then cùng nước non.
 Học y mười mấy năm tròn,
 Quí thai một bệnh mạch còn nói sai.
 Ông tiên mấy nắm tay ai,
 280. Thỉnh không mà biết song thai cũng kỳ.
 Trách chi mang tiếng tục y,
 Khoe tài coi mạch thực khi người đời.
 Ta đi thời mắc tiên cười,
 Chi bằng ở lại khỏi người chê khen.
 285. Anh lên tìm Lý Tri Niên,
 Theo va ắtặng gặp tiên non Tùng.
 Sau dẫu tỏ nổi đục trong,
 Đó sao đây vậy một lòng mà thôi.
 Dặn rồi vội vã chùn lui,
 290. Ngó lên từ lý về xuôi một bề.
 Họ Hà từ chốn hương quê,
 Đây cơm bầu nước đề huề ra đi.

Khảo dị

274... *ngọn* ngành gai chông - 276 E đi... - 277. Học y *dã* mấy... - 286 Theo người... non Tùng - 290 *Nhằm* chừng từ lý... - 291 Họ Hà *trở* lại

- Ra đi đường lúc xuân kỳ.
 Mặt nhìn phong cảnh một khi vui lòng.
 295. Hữu tình thay ngọn gió đông.
 Cảnh mai nở nhụy lá từng reo vang.
 Cỏ hoa nghiêng nhánh quét dăng,
 Như từng mừng rước đông hoàng tới đây.
 Lú lo chim nói trên cây,
 300. Như từng chào hỏi khách nầy ở đâu.
 Hai bên đá dựng giao đầu.
 Như từng đón rước giàn hầu người sang.
 Dưới khe nước chảy như đàn,
 Giống từng đưa bạn hương quan tách với.
 305. Các hoa đua nở miệng cười,
 Giống từng mừng rước gặp người cố tri.
 Mảng xem phong cảnh dị kỳ,
 Hay đâu lỡ bước lại đi tìm dăng.
 Xa trông thấy một người thường,
 310. Cõi lừa chậm bước miệng dường ngâm thơ.
 Họ Hà dừng bước đứng chờ,
 Lăn nghe người ấy tiếng thơ ngâm rằng :

Khảo dị

293 Đi vĩa gặp lúc... - 294 Đoái nhìn cảnh vật... - 297 Có tham hơn
 hử bên dăng - 298 Như từng mừng khách... - 300... về đâu - 301. Hai
 bên cây mọc... - 304 Như từng mừng bạn... - 305 Trăm hoa... - 306 Như
 từng mừng rỡ... - 309 Xa xem hình dạng khác... - 310 Cõi lừa chậm
 chậm bỗng dường ngâm thơ... - 312 Lăn nghe... tiếng thơ ngâm rằng

Thơ rằng :

- I - Ba vua năm đế dẫu vừa qua,
 Mỗi đạo trời trao đức thánh ta.
 Hai chữ cương thường dẫn các nước
 Một câu trung hiếu vững muôn nhà.
 Chờ bao nhiêu đạo ghe không khảm,
 Đâm mấy thẳng gian bút chẳng tà.
 Cầm bẩy bầy ngu theo thói mọi,
 Trời gần chẳng kính kính trời xa.
 Họ Hà ngheặng thơ rồi,
 Trong dạ bồi hồi bước tới hỏi thăm.
 315. Vó lừa nhẹ tách xăm xăm.
 Nhìn lại gặp nhằm ông Lý Tri Niên.
 Mậu rằng : Tôi cũng có duyên,
 Tìm tiên mà lại gặp tiên giữa dăng.
 Niên rằng : Chẳng ở nhân gian,
 320. Việc chi nên chốn thâm san một mình ?
 Độc trùng ác thú không kinh,
 Đàng chim dẫu thỏ lộ trình xiết bao.
 Mậu rằng : Xưa có lời trao,
 Phải lên hỏi lại âm hao cho tường.

Khảo dị

I (1) Tam hoàng ngũ đế... - (3) Hai chữ tín thành an các nước (4)...
 dựng muôn nhà - (5)... thuyền không khảm - (7) Cầm bẩy loài ngu...
 313... tiếng ngâm rồi - 316 May đâu lại... - 317... Tôi thật hữu duyên
 323... Xưa nhớ lời trao.

325. Xin thầy chỉ vẽ mọi đường,
 Dem tôi lên tới Thạch Bàn ngày xưa.
 Niền rằng : Trong cõi mây mưa,
 Khôn mời Bắc Đẩu khó thừa Nam Tào.
 Hai ông vốn thực vì sao,
330. Người con mắt tục thấy sao dặng hoài.
 Gân đây có núi Thiên Thai,
 Có chùa Linh Diệu có đài Âm dương,
 Trong chùa lại có hai hang,
 Một đàn Bích Lạc một đàn Diêm La,
335. Có ông tiên trưởng thấy ta,
 Hiệu là Tứ Thất tên là Lão Nhan.
 Thường ngày luyện tập kim đan,
 Một mình gồm đủ tám ngàn xuân thu.
 Đẳng nhân một cảnh thanh u,
340. Nay du sông Vị mai du non Tùng
 Lại hay có phép sai đồng,
 Lên trời xuống đất thần thông ai tày ?
 Theo ta lên đó hai ngày,
 Hỏi thăm căn số thời hay sự tình.
345. Bao nhiêu những việc tiên trình,
 Lòng son một tấm gương minh soi rồi.
 Họ Hà nghe nói mừng vui,

Khảo dị

337... luyện thuốc kim đan - 338...ba ngàn xuân thu - 339... cõi thanh u -
 340 Nay chơi sông thánh... non thần - 341 Phép hay trời đất thấu gần
 - 342 Sai đồng đánh thiệp có phần linh thông - 343... thời xong - 344 Hỏi
 điều... rõ trong sự tình - 347... nghe nói lòng vui

- Mang túi lẩn hồi lên núi Thiên Thai.
 Họ Hà chuyện vẫn còn dài,
350. Xin nổi đầu bài nổi chuyện họ Dương.
 Họ Dương từ cách gia hương,
 Đã ba năm trường ở trốn am mây.
 Hôm mai chuông trống vang đây,
 Chúng tăng khen ngợi mình thấy Thiện Trai.
355. Bao nhiêu thể tục gác ngoài,
 Một xâu chuỗi hột mang vai gìn lòng.
 Quì hương ba thứ đã xong,
 Mười điều giới cấm cũng không phạm gì.
 Ban đầu làm việc tu trì,
360. Hơn năm lên chức đại sư một chùa.
 Ra vô trong cõi Phù Đồ,
 Thấy người tài sắc nam vô Di đà.
 Ngày ngày kinh kệ ngâm nga,
 Lăng nghiêm Viên giác cùng là Kim cương.
365. Phút đầu buồn bức chẳng an,
 Đạo chơi ra chốn tam quan một hồi.
 Am mây cảnh vắng nào vui,
 Xem bao nhiêu lại ngậm ngùi bấy nhiêu.
 Vội vàng trở lại hậu liêu,

Khảo dị

348 Mang gói... - 350 Để nổi... - 351 Từ chàng cách biệt... - 354 Chúng
 tăng đều gọi có... - 358 Mười lời... - 359 Ban sơ làm phận... - 360 Năm
 nay... thái sư một chùa - 364 Lăng nghiêm Diệu giác...(bản ZfB). Chúng tôi
 để theo bản TV.

370. Bach cùng hoà thượng xin điều vân du.
Xưa hòa thượng cũng đạo nhu.
Tên là Trần Kỳ ở Phù Đồ sa.
Ghe phen đi ứng chế khoa.
Thi văn chẳng đỗ lộn ra cửa thiền.

375. Giận đời nhiều việc đảo điên.
Làm thơ ngao thế ngày liền ngâm chơi.

Thơ rằng :

II - Người xưa cầm đuốc dạo đêm chơi.
Nào có cư chi cái việc đời.
Phụng Thuấn lân Nghiêu người trước nạn.
Hươu Tần rắn Hán lối sau đời.
Thánh hiền để tiếng vài pho sách.
Tạo hóa theo mình một tác hơi.
Trong cuộc phù sinh ai cũng thế.
Rằng hay rằng dở chẳng qua trời.

Họ Dương sấm sửa hành trang.
Lay thầy hoà thượng ra đàng vân du.
Từ đây theo thú vân du.

Khảo dị

371 Hòa thượng cũng người học nhu - 373 Lầm phen ứng cử đàng khoa
- 376 Làm thơ khuyến thế...

(II) (3)... uồng trước mắt - (5) Thánh hiền để dấu - (6)... mấy tác
hội - (8) Dẫu hay dẫu dở...

379 Kia non nọ nước mặc dầu

380. Kia non nọ nước mặc dầu dong chơi.
Người sang ở dưới bầu trời.
Xưa qua nay lại mấy đời lộn sao.
Vòng danh xiêng lợi chèo nhau.
Hết vinh đến nhục sang giàu chi ai ?

385. Nhớ câu xuân bất tái lai.
Bóng già theo gót biết nài chi đây ?

Đã dành thiên trượng một cây.
Giới đạo một lưới cũng thầy thế gian.
Xưa nay trong cuộc giang san.

390. Vật còn có chủ ai toan chia giành ?
Kia kia gió mát trăng thanh.
Tai nghe mắt thấy mới dành dạ ta.
Khe đào cụm liễu trái qua.
Tin xuân đưa bạn ông hoa dây dầy.

395. Di vừa xa chốn am mây.
Tới nơi Hà lãnh trời tây hầu chiều.
Ven ghềnh một nhăm hui hui.
Tiếng ngư trong núi bóng tiêu ngoài khơi.
Bên non hầu lặn mặt trời.

400. Dương Tử thơ thần tìm nơi nghỉ mình.
May đâu gặp một tiểu sanh.
Cho trâu uống nước dưới ghềnh Hà Tây.

Khảo dị

380 Non nọ nước tri nhiệm màu thánh thời - 381... ra ở trong trời
- 382 ... nghĩ đời luân sau - 383 Trong vòng danh lợi như nhau - 388...
từ rày thế gian - 389... cuộc gian nan - 390 Vật đều có... - 392... mới
dành của ta - 393 Nguồn đạo... - 394... đưa bướm ông hoa dây dầy - 399
khua mặt trời - 400... tìm nơi gọi mình

Ngồi cầm ống quyển trong tay,
Thối rồi lại hát hát hay lại cười.

405. Dương Từ bước tới xem chơi,
Gắm ba câu hát thật lời thạch kim.

Hát rằng :

- III - Chẳng phải trời Nghiêu bóng chiều
ngao ngán,
Trời đã tối rồi chờ sáng cũng lâu.

Hát rằng* :

Nghe tiếng con chim anh đỗ trên cành kêu
mới biết,
Ai day đồng kéo lại trời tây ?

Hát rằng* :

Trong * cõi nhân gian nhiều đàng lăm lỏi.
Gặp buổi * trời chiều khó nổi đi xa.

Hát rồi lại thối quyển chơi,
Gắm trong thú vị thành thơ hơn thiên,
Dương Từ bước tới hỏi liền,

Khảo dị

III Buổi trời Nghiêu... Trời tối rồi... III (2) Tiếng chim oanh đỗ cành
mái bắc, Ai đi đồng kéo lại trời tây

407... thối ống chơi

* Bản TV không có những chữ này.

410. Ba câu hát ấy ai truyền cho người ?

Tiểu sanh nghe nói miệng cười.

Đáp rằng : Vốn thực có người dạy ta.

Gần đây vài dặm chẳng xa,

Có ông đạo sĩ tu đà nhiều năm.

415. Một am ở khóm Tây Lâm,

Ngày ngày thông thả dờn cầm ca thi.

Thuốc thang phù chú ai bì,

Người đau tới đó bệnh chi cũng lành.

Dương Từ hỏi đã đành rành,

420. Xăm xăm bước tới lộ trình Tây Lâm.

Tới nơi trời đã tối sẫm,

Đứng xa ngoài cửa nghe ngâm thơ rằng :

Thơ rằng :

- IV - Biết ơn phụ tử nghĩa quân thần,

Nhờ có trời sanh đức thánh nhân.

Nét mực tu kinh ngăn đũa loạn,

Dấu xe hành đạo rạch trong trần.

Trăm năm còn cảm lời than phụng,

Muôn nước đều thương tiếng khóc lân.

Phải dạng viết Châu biên sách Hán,

Mọi nào dám tới cạo đầu dân ?

Khảo dị

411...mực cười - 416 Tháng ngày thông thả - 419 Dương Từ nghe nói...

- 420... đầu ghềnh tây lâm - IV (6) Muôn thuở đều thương... IV (8)... bút
châu

- Thơ rồi lại khảy đờn cầm,
 Như tuồng mừng bạn tri âm tới nhà.
 425. Từ Kỳ xưa gặp Bá Nha,
 Khúc đờn Lưu Thủy nay mà còn đây.
 Dương Từ gõ cửa kêu thầy,
 Rằng : Đi lỡ tối đêm này độ ta.
 Có ông đạo sĩ bước ra,
 430. Chào rằng : Thiên khách nay đã đến đây.
 Lều tranh giường đá chiếu mây,
 Khô nai cơm bắp rượu chay tạm dùng.
 Từ rằng : Lời dám hỏi ông :
 Ở trong am vắng sao không Phật thờ ?
 435. Sĩ rằng : Ta chẳng ước mơ,
 Bởi vì chữ Phật lẫn bờ chữ nhân.
 Đường qua Tây Vực chẳng gần,
 Cõi Di cõi Hạ trời phân rõ ràng.
 Ta thường coi sách nhà Đường,
 440. Thấy lời Phật biểu họ Hàn hết tin,
 Phật nhân sống cũng chẳng nhìn,
 Huống đem hình đúc tượng in thờ gì ?
 Từ rằng : Vốn thực từ bi,
 Sĩ rằng : Lại có ích gì dân phong ?

Khảo dị

- 426 Ngón đờn... - 428... xin thầy độ ta - 429 Đạo nhân nghe gọi... -
 430...đâu mà đến đây? - 434 Ở trong am tự... - 435 Lòng chẳng ước mơ
 - 436...sánh vừa chữ... - 442 Huống chi hình vẽ... - 443... Phật vốn từ bi
 - 444 Sĩ rằng nào có...

445. Thấy cầu ngôn ngữ bất thông*,
 Dầu cho linh nghiệm cũng dòng man di.
 Từ rằng : Thấy học đạo chi ?
 Sĩ rằng : Thiên hạ thiếu gì dàng xưa,
 Đạo đời như chiếc dò đưa,
 450. Mặc ai đi sớm về trưa không cần,
 Kia như họ Lão họ Trang,
 Họ Dương họ Mạc họ Hàn họ Thân.
 Các nhà ấy cũng cổ nhân,
 Trải đường mở ngõ trong trần nhiều nơi.
 455. Có nghe các họ đua bơi,
 Không nghe họ Phật ở đời Trung Nguyên.
 Từ rằng : Biết đạo chi chuyên ?
 Sĩ rằng : Xưa có sách hiền chép câu.
 Một bầu trời đất như châu,
 460. Mặc người kim cổ chèo đầu thì chèo.
 Từ rằng : Khó nổi phươg theo,
 Sĩ rằng : Lựa phải xuống dèo lên non,
 Vua tôi chồng vợ cha con,
 Anh em bầu bạn vuông tròn mới xong.
 465. Chẳng tin coi một ngày rông,
 Đi đâu cho khỏi đạo trong cương thường.
 Ta xưa cũng khách thơ đường.

Khảo dị

- * Bản TV lược hai câu 445, 446.
 449 Lẽ đời... thuyền đưa - 450... chẳng màng - 451 Kia là... - 453
 Các nhà xưa... - 454 Khai đường... - 457...nào chuyên - 458... soạn ra -
 461 Từ rằng khó biết...

- Mây xanh có chí hiển dương trên đời,
 Ghét đời thúc quý đua bơi,
 470. Sợ trời nên phải tìm nơi nghỉ mình.
 Vốn không học thói Lan Đình,
 Dem nhau thòm miệng phẩm bình cổ cầm.
 Cũng không học thói Trúc Lâm,
 Rủ nhau say rượu hôn trầm ngày đêm.
 475. Gió trăng là bạn anh em,
 Sớm nghe tiếng lại tối xem bóng thiềm.
 Một riêng một tấm thanh chiêm,
 Sẵn hoa dưới hố sẵn chim trên cành.
 Hươi nai khi độc ai dành,
 480. Cửa trong trời đất mặc tình xem chơi.
 An nguy có phận ở trời,
 Người đời đừng mắc nợ đời thời thôi.
 Dương Từ nghe nói biếm rồi,
 Một đêm chẳng ngủ luống ngồi lo âu.
 485. Nghĩ rằng mình đã đi tu,
 Hẳn như lời ấy công phu lỡ làng.
 Cương thường để mặc ai toan,
 Đạo ta giữ vẹn nào can phạm gì ?
 Xảy vừa trời sáng hầu đi,

Khảo dị

470...ấn mình - 472 Xúm nhau thăm thi... - 475 Gió trăng bầu bạn...
 476 Sớm nghe tiếng đế... - 477... một cảnh thanh diềm - 479... đua
 tranh - 480 Vật trong trời đất... - 483... nghe nói rõ rồi

490. Hỏi rằng : Thấy hủi tên gì dạy tôi.
 Sĩ rằng : Trộn đạo thời thời,
 Người đời nào phải trau dồi tánh danh.
 Trời cao đất rộng thình thình,
 Non xanh nước biếc đã dành phui pha.
 495. Hỏi thời ta phải nói ra,
 Ba ngàn thế giới ta đà vô danh.
 Từ rằng : Đâu thực có danh ?
 Sĩ rằng : Linh Diệu đã dành chùa tiên.
 Dương Từ vội vã di liên,
 500. Ngồi lâu lại sợ cửa thiền mắc chê.
 Trái qua mấy dặm lâm Khê,
 Hiu hiu gió thổi phê phê non Tùng,
 Nguồn đào bờ liễu song song,
 Một vắng mây bạc bóng lồng phau tuôn.
 505. Hòa di hòa nghi hòa buồn,
 Giận lời Đạo sĩ xua duồng Phật gia.
 Đi vừa tới tuổi Kim Ba,
 Thấy một ông già xuống tuổi tám chơi.
 Tám rồi hóng mát thanh thời,
 510. Hát một vài lời hay rất êm tai.

Khảo dị

490 Hỏi rằng hủi tự... - 492 Người đời lựa phải... - 496... ta là vô
 danh - 502... nhàn tùng - 503 Đào hoa liễu yếu... - 505 Vừa đi vừa nghi
 vừa buồn - 506... đề duồng Phật gia - 508 xuống tám mà chơi - 509 Tám
 rồi mát mẻ... - 510... nghe rất êm tai

Hát rằng :

- V - Tắm nước trong tắm lòng đã sạch,
Cảm thương người làm khách trần ai.

Hát rằng :*

- Gió xuân qua mình ta đã mát,
Cảm thương người phiêu lạc tha hương.

Hát rằng :*

- Bể thánh rừng nhu công phu ngư ngáo,
Tuổi đã già rồi thể đạo còn xa...

Hát rồi tay chống gậy lê,

Vai mang bầu rượu đi về cõi tây.

Dương Tử đứng dưới bóng cây.

Hỏi rằng : Ông trượng làm thầy chi chẳng ?

515. Lão rằng : Theo thói làm ăn,

Người con mắt tục ai rằng thấy ai ?

Từ rằng : Tán kiệu mao đai,

Ngôi cao sang trọng đồ ai không thấy ?

Lão rằng : Ta ở chốn này,

520. Sáu mươi mấy tuổi biết thầy nào đâu ?

Thánh nhân dấu trước khôn cầu.

Khảo dị

V(1)... rửa lòng đã sạch -

512 lần về cõi tây - 514 Hỏi rằng lão trượng... - 518 Ngôi cao quyền trọng * Bản TV không có những chữ này.

May còn người đạo ở đầu Tây Lâm,

Dương Tử nghe chữ Tây Lâm.

Hỏi rằng : Phải kẻ dờn cầm ca thi ?

525. Chẳng hay tên ấy là chi ?

Chẳng phen Sào Phủ cũng bì Hứa Do.

Lão rằng : Khấp chốn giang hồ,

Ai ai chẳng biết Huyền Hồ tiên sinh ?

Thấy người ta cũng bất bình.

530. Có sao cạo tóc làm hình thầy tu ?

Từ rằng : Cảm Phật ơn sâu.

Không con mà lại cho cầu dặng con.

Lão rằng : Cầu Phật dặng con,

Xưa người Bá Đạo sao còn lo sau ?

535. Có con mà lại cạo đầu,

Xưa người Tử Hạ còn cầu làm chi ?

Từ rằng : Đã dốc qui y,

Việc ta đã hẳn can gì tới ai ?

Dốc theo Bồ Tát Như Lai.

540. Trước sau giữ một lòng trai chẳng sờn.

Gặp đây xin hỏi trượng nhân,

Cảnh nào chùa tốt chỉ bần tăng đi.

Lão rằng : Chùa chẳng thiếu chi,

Hàn Sơn Lam Thủy ít bì Thiên Thai.

Khảo dị

521 Thánh nhân trước mặt... - 525... người ấy tên chi... - 535 Cầu con mà phải... - 536 Xưa ông... sâu làm chi - 537... Trót đã qui y - 538 Việc ta ta biết...

545. Thiên thai xa chốn trần ai,
Cố chùa Linh Diệu có đài Âm Dương*.
Thiên sư rày muốn du phương,
Đông nam phía ấy là đường đi lên.
Dương Từ khăng khăng chưa quên,
550. Giả ơn lão trượng lòng bền ra đi.
Ngày xuân con bóng trì trì,
Tưởng câu thủy tú sơn kỳ thêm vui.
Khỏi tan ngút sạch như giới,
Miệng hang sâu đá nức mùi chi lan.
555. Ai mua chín chục thiếu quang,
Mây lành gió thụy vền vang một trời.
Máng xem phong cảnh nơi nơi,
Ác vàng chen núi khó dời dàng chim.
Trong non nhà cửa khôn tìm,
560. Dương Từ vào miếu một đêm ngủ nhờ.
Miếu môn vắng vẻ như tờ,
Tối tăm chưa rõ trong thờ thần chi ?
Họ Dương vừa giấc ngủ đi,
Chiêm bao nằm thấy quân tùy bắt ngang.

Khảo dị

* Sau câu 546, bản TV còn có hai câu :

Trong chùa lại có hai hang,

Một dàng Bích Lạc, một dàng Diêm Vương.

- 547 Thiên sư lòng muốn... - 549... chẳng quên - 550 Tạ ơn... - 551...
con én trì trì. - 554 Miệng hang khe đá... - 555 Rõ ràng chín chục...
556 Gió thanh mây lặng... - 560... nằm nhờ. - 562 Tối tăm chẳng biết...

565. Quân rằng : Vàng lịnh phán quan,
Chữ phê trong thẻ dòi chàng hầu tra.
Họ Dương hồn gương theo ta,
Tới nơi công phủ một tòa nghiêm trang.
Ngồi trên thấy một ông quan,
570. Trước bàn hương án bày hàng bút nghiên.
Có người thơ lại ngồi biên,
Hai bên treo trống treo chiêng rõ ràng.
Trước sân lỗ bộ hai hàng,
Tả đao hộ vệ đứng dàn hầu xa.
575. Quân tùy dẫn họ Dương ra,
Trước sân cấm thạch dặng mà nghe tra.
Quan rằng : Thằng sãi xông pha,
Tối nằm cửa miếu vậy mà hỏi ai ?
Dám xưng rằng chữ Thiện Trai,
580. Người trong Hoa Hạ hay ngoài Man Di ?
Tóc râu là dạng nam nhi,
Của cha mẹ đúc can gì cạo đi ?
Tổ tiên chút đã đền chi,
Vừa hương bát nước mấy khi phụng thờ ?
585. Áo cơm còn nợ sờ sờ,
Ngọn rau con cá cũng nhờ đất vua.

Khảo dị

- 566 Chữ đề... hỏi tra. - 567 theo ra. - 568 Vào nơi... - 574 Tả ban
hữu vệ... - 575 Quân bên... - 576... quỳ mà nghe tra. - 577... bốn ba -
579... hiệu Thiện Trai - 584... nào khi phụng thờ. Vừa hương, bản Nôm
ZfB đề hang hương. Chắc chép nhầm. Chúng tôi đề theo bản TV. - 586
Lá rau... ở nhờ đất vua. - 587 Trốn xâu trốn thuế...

- Trốn xâu lánh thuế vô chùa,
 Trong đời những sai thời vua nhờ gì?
 Vợ con sao nữ bỏ đi?
 590. Lời thề dường ấy sao khi quỷ thần.
 Ba giềng chẳng đặt một phần,
 Như vậy cũng gọi làm thân con người.
 Để bây sống cũng như đời,
 Truyền cho đạo phủ dẫn nơi pháp đình.
 595. Họ Dương phách khiếp hồn kinh,
 Lạy xin dung thứ chút tình trần tâng.
 Phán quan cất bút phê rằng:
 Tha về phải giữ đạo hằng cổ cam.
 Dương Từ thức giấc nửa đêm,
 600. Nghĩ ra mới biết một điều chiêm bao.
 Gẫm trong cơ sự ngàn ngao,
 Cát hung chưa rõ lẽ nào thân sau.
 Vắng ô vừa ló bóng đầu,
 Dương Từ vào miếu coi câu chữ đề.
 605. Ngó lên trên biển gạch đề,
 Rằng: Đường Hàn tử Xương Lê chi thần.
 Than rằng: Đã đáng thành thần.
 Ngay vua nào nại tấm thân mất còn.
 Lại xem đôi liễn sơn son.

Khảo dị

- 589 Vợ chồng sao bỏ nhau đi? - 590 Lời nguyện... đêm khi quỷ thần.
 - 592 Như vậy cũng tiếng là... - 595 Họ Dương khiếp vía... - 596... khoan
 thứ - 598 Tha về khá giữ... - 599 Dương Từ thức dậy... - 600 Nghĩ thôi...
 - 603... khỏi đầu. - 604... thấy câu chữ đề - 607... đã hiển thành thần.

610. Có câu liễn đối treo còn đến nay.
 Liễn rằng:
 VI - Một sách Đạo nguyên lừa mắt thánh,
 Ba lời Phật biểu chất tai vua.
 Dương Từ than thở rằng hay,
 Người ngay lại gặp liễn hay treo đời.
 Lòng son một tấm thấu trời,
 Những người gian nịnh dối đời sao xong.
 615. Cho hay đặt chữ hiệu trung,
 Dẫu muôn năm cũng sắc phong miếu thờ.
 Vải rằng: Bần đạo ngăn ngõ,
 Lỡ dăng lại tới thần thơ cửa thần.
 Ta ơn bốn lạy xin dâng,
 620. Chắp chi bần đạo quên chừng vân du.
 Từ đây khỏi cửa công hầu.
 Chim trời cá nước mặc dầu nghinh ngang.
 Đi rồi nghĩ lại thở than,
 Rằng: Đêm trong miếu mắc nạn chiêm bao.
 625. Ghi lòng vàng đá chớ xao,
 Những điểm mộng寐 nghĩ nào mà tin.

Khảo dị

- 610 Hai câu tương đối... - 611... khen hay - 612... Có liễn ngay để đời.
 613... thấy trời - 614 Những đoàn... - 615... người đặt chữ trung - 616
 Dẫu sau muôn kiếp... - 617... bần sĩ ngăn ngõ - 618... nên mới tạm vào
 miếu thần - 619... kính dâng - 620... bần sĩ lạc chừng vân du - 621 Từ
 nay... - 622... ngưỡng chiêm - 623... giận thêm - 624... thấy điểm chiêm
 bao. - 626 Những điểm mộng huyền... - 626. Đi hơn mười dặm...

- Đi vừa mười dặm đứng nhìn,
 Đường về tây bắc cảnh in quê nhà,
 Than rằng : Từ thuở xuất gia,
 630. Đến nay kể đã hơn ba năm trường.
 Người thời chê lỗi cương thường,
 Thân thời bắt tội một đường hiếu trung,
 Biết tu mấy kiếp cho xong,
 Làm người nghĩ thẹn hổ trong cảnh người.
 635. Tu chi trời đất hổ người,
 Thần hồn qui giận dân cười sĩ chê.
 Tường đi rồi lại tường về,
 Về thời hổ với bồ đề trong tay.
 Tương đưa đậu hủ cơm chay,
 640. Công phu chút đã lâu nay cúng dường.
 Đi thời lại sợ lầm đường,
 Thế gian đâm tiểu mọi đường thị phi.
 Dùng dằng lờ ở lờ đi,
 Bàn lui bàn tới việc gì chưa xong.
 645. Đi vừa tới chốn tang trung,
 Thấy tam kỳ lộ trong lòng sanh nghi.
 Một mình đứng giữa tam kỳ,
 Ngó nam ngó bắc đường đi chưa rành.
 May đâu thấy một cổ đình,

Khảo dị

629 Nghĩ mình... - 630... dạo ba năm trường - 632... lỗi đường hiếu trung - 634... rất thẹn đứng trong cõi người - 639 Tương đưa rau muối... - 640 Công phu uống phở xưa nay... - 644... lẽ gì chưa xong - 645 Xây vừa...

650. Ở bên đường cái tên Thanh Phong đình.
 Trong đình không phụng thần linh,
 Để cho hành khách lộ trình nghỉ ngơi.
 Dương Từ bước tới xem chơi,
 Thấy câu liễn đối thực lời thạch kim.

Liễn rằng :

VII - Đường đi ba ngã người Châu khóc,
 Tơ trắng hai màu họ Địch than.

655. Dương Từ coi liễn đối rồi,
 Trong lòng ngẫm nghĩ một hồi giải ra.
 Giải rằng : Đường có ngã ba,
 Một qua bắc thứ một qua nam hành.
 Giải rằng : Tơ trắng sạch mình,
 660. Màu vàng cũng dặng màu xanh không từ.
 Làm người nay thực mai hư,
 Lòng không quyết một cũng như liễn này.
 Hối ai chỉ dốc chơi mây,
 Màu thiền đã nếm bấy chầy cũng nên.
 665. Giữ lòng kim thạch cho bền,
 Chớ nghe lời tục mà quên phận mình.
 Già ơn câu liễn trong đình,

Khảo dị

650... hiệu Thanh Phong đình. 651... không thấy thần linh - 652 Để cho thương khách... - 653 Dương Từ vào đó... - 654... thực lời cổ nhân VII già Địch than. - 659 Bận rằng... - 660... chớ từ 666... đạo mình.

Khiến ta quyết một lòng thành di tu.

Từ đây mới dứt lòng sầu,

670. Dốc tròn cửa Phật chẳng âu tiếng người.

Thiên Thai chùa ấy gần vời,

Dương Từ đón khách hỏi nơi chưa đành.

Xây nghe bên đám dâu xanh,

Gió đưa tiếng hát như hình có ai.

Hát rằng :

VIII - Bụi dâu dâm con chim cưu đậu,

Thuở nghiêng nghèo có bậu với qua.

*Hát rằng :**

Cành dâu khâm cây châm cài đóng,

Buổi sang giàu dù vống thiếu chi.

*Hát rằng :**

Ngon gió day một ngày một khác,

Ta nhớ người câu hát thể tần.

*Hát rằng :**

Bến dò xưa bạn đưa đã trống,

Ta nhớ người thổi ống phụng sanh.

Khảo dị

669... dạ sầu. - 672... cho đành. - 673 Phút dâu...

VIII (1) Đồi sông Nghiêu buổi chiều lặng sóng, Lúc sang giàu dù lọng
nghênh ngang.

VIII (2) Bến Hà Châu đôi chim cưu đậu, Buổi nghiêng nghèo có bậu
có qua.

VIII (3) Ngon gió đưa một ngày một khác, Ta nhớ người câu hát thể
tần. Bản TV không có những chữ này.

675. Dương Từ nghe tiếng thanh tao,

Mau chân bước vào trong đám dâu coi.

Thấy hai con gái mang gùi,

Hái dâu vừa rồi sấm sủa hồi trang.

Dương Từ nhăm vốc hai nàng,

680. Chừng vài mươi tuổi dung nhan tằm thường.

Hỏi rằng : Kỳ lộ nhiều đường,

Lên chùa Linh Diệu biết đường nào đi ?

Đáp rằng : Hòa thượng hỏi chi ?

Ta là phận gái biết gì chùa đâu.

685. Để tâm lo việc hái dâu,

Kéo tơ dệt lụa đương câu nữ công.

Thấy tu muốn hỏi đường thông,

Phải tìm bà vải tây đông mới tường,

Ta nghe còn gái nhà Khương*,

690. Trẻ toan đi điểm già đương tu trì.

Có câu lão kỹ vi ni,

Mấy đường chạy mận cũng đi nếm rồi.

Nói thôi mang giỏ về xuôi,

Dương Từ còn đứng ngùi ngùi thờ than.

695. Làm bà vải cũng gian nan,

Đã là thân thợ còn mang tiếng đời.

Khảo dị

675... hát rân - 676 Chân bước lại gần dựa nhánh dâu coi. - 678 Hái
dâu đã rồi... - 686... phận câu nữ công

* Bản TV lược bỏ bốn câu : 689, 690, 691, 692. - 695 Làm thân bà
vải... - 696 Đã là đầu thợ...

- Gái kia chẳng khứng chỉ nơi,
Đành liêu đi chốn phương trời đông nam.
Ra đi tới Bạch Vân nham,
700. Trời vừa tròn bóng tìm am nghỉ mình.
Dưới nham có đám mây xanh,
Có tòa cổ miếu mây doanh tư bề.
Ngó vô iên cửa chữ đề :
Hiếu từ hai chữ son phê chói lòa.
705. Có câu liễn đối treo ra,
Dương Từ trộm thấy lòng đà sanh nghi.

Liễn rằng :

- IX - Đói rách lòng không hờn mẹ ghẻ,
Ốm đau lời chẳng dối cha lành,

- Thấy câu liễn đối mà thương,
Cho hay con thảo nhiều đường gian nguy.
Muốn vô coi tượng thờ chi,
710. Lại e linh nghiệm như kỳ chiêm bao.
Trở ra lại muốn lộn vào,
Thấy câu liễn ấy đi sao cho đành.
Xảy nghe bên cụm dâu xanh,
Có người đón cúi lạnh chanh hát rằng :

Khảo dị

- 697 chẳng chỉ đường nơi - 698 Đành liêu phương nhắm phía trời... -
699 Đi vừa... - 700 Trời vừa đứng bóng... - 703 Ngó lên trên cửa...
IX... ốm đau lời chẳng trách... - 710 Lại e linh ứng... - 711 Trở ra rồi
lại trở vào - 712 Thấy câu liễn đối... - 713... cây xanh

Hát rằng :
X - Núi non đầy nhiều cây nghinh ngáng,
Đón thông đường nhờ cán búa ta.

Hát rằng :
Búa trông tay liền ngày đón cúi,
Vui rừng trời tránh buổi loạn ly.

Hát rằng :
Cội cây râm phải tìm núp bóng,
Mặc người đời dù vống nghinh ngang.

715. Dương Từ nghe hát mấy lời,
Xăm xăm bước tới thấy người tiêu phu.
Hỏi rằng : Nhà cửa ở đâu ?
Biết trong miếu ấy công hầu bậc chi ?
Tiểu rằng : Trong miếu Hiếu từ,
720. Thờ ông Mẫn từ ở kì Xuân thu.
Học theo đạo thánh đã lâu.
Một câu hiếu hạnh ở đầu tứ khoa.
Hết lòng thảo với mẹ cha,
Người ngoài cho đến trong nhà đều khen.
725. Thuở xưa đương lúc khó hèn,
Bé thơ mẹ mất cha liễn thú thề.
Từ ngày có mẹ ghẻ về,

Khảo dị

- Bản TV không có mấy chữ này.
720... thuở kỳ Xuân thu - 721 ... ngày lâu. - 722 Hiếu từ đức hạnh...
- 726 Ấu thơ... bên thú thề.

- Đẻ hai em nhỏ cha kẻ ấp yêu.
 Mẹ thương con ruột phần nhiều,
 730. Tấm thân con ghẻ mẹ liêu như không.
 Đói cơm rách áo mặc lòng,
 Ăn theo đầy tớ nằm cùng chuồng trâu.
 Từ Khiên không da oán sầu,
 Phải sao hay vậy trọn câu hiếu hòa.
 735. Đến khi cha khiến đẩy xa,
 Thấy con áo rách giận bà hậu thê.
 Cha liền vội vã trở về,
 Trách bà mẹ ghẻ toan bề để ra.
 Từ Khiên than thở lạy cha :
 740. Xin dung một mẹ mới hòa ba con.
 Rách lành chi sá một con,
 Hai em thơ bé mẹ còn mới nên.
 Thảo thân một tấm lòng bền,
 Cảm tình mẹ ghẻ chẳng quên con chồng.
 745. Nhờ câu hiếu để thành phong,
 Người trong nước Lỗ đều mong học đời.
 Sắc phong một thuở hân hoi,
 Hiếu từ hai chữ dấu soi muôn đời.
 Ta đây cùng một họ người,

Khảo dị

731 Đói no lành rách... - 732... chán trâu - 735 Gặp khi... - 737 Cha
 bèn... - 739... than khóc lạy cha - 741 Rách lành chẳng sá... - 742 Hai
 con thơ ấu - 748... dấu roi muôn đời

750. Kêu bằng ông tổ ba mươi bốn đời,
 Từ rằng : Xin hỏi vài lời,
 Lão tiều vốn thực là người trâm anh.
 Sao không ra lập công danh
 Nói theo nghiệp tổ hiển vinh mà nhờ ?
 755. Tiều rằng : Trước mắt sờ sờ,
 Để ai chẳng thấy đợi chờ lẽ chi ?
 Đua nhau hai chữ tương khi,
 Trên quyền dưới trá đoái gì thiên luân.
 Nước thời chia bốn năm phần.
 760. Can qua biết mấy mươi lần đánh nhau.
 Trong thời gian nịnh giùm dẫu,
 Ngoài thời ô lại đua câu tham quan.
 Chánh ra dữ quá cộp vàng,
 Lòng dùng độc quá hổ mang thuồng luồng.
 765. Bốn phương mọi rợ luông tuồng.
 Nay giành ải hổ mai ruộng ải lang.
 Nơi nơi trộm cướp dấy loạn,
 Trong dân hết sức của tan chẳng còn.
 Trong trời đất cũng thon von,
 770. Khói mây đen nghệt nước non đeo sầu.
 Biết đời tam đại ở đâu,

Khảo dị

752... dòng người trâm anh - 756 Xưa qua nay lại để chờ đợi chi ?
 757 Đua theo hai chữ... - 758 Trên quyền dưới lợi - 760 Can qua chẳng
 biết mười... - 762 Ngoài thời đua mị... 768 Lẽ dân hết sức... - 769 Cõi
 trong trời đất... - 770... nước non đau sầu - 771... là đâu

- Gặp đời thúc quý phải âu lảnh mình.
 Từ rằng : Bờ cõi đã thình,
 Chẳng tham danh lợi lảnh mình cùng cho.
 775. Ở trong tạo hóa nhiều lò,
 Thiếu chi nghề nghiệp mà bỏ theo tiêu.
 Tiêu rằng : Cửa thánh gương treo,
 Dừng đời chẳng đặt chớ theo đời dùng.
 Nghề như các bậc thương nông,
 780. Nghề như y lý cũng không ra gì.
 Bao nhiêu nghề nghiệp đều khi,
 Chẳng khi nào khéo lấy chi đời dùng ?
 Khéo khôn ắt có máy lòng,
 Máy lòng rồi lại mắc vòng họa tai.
 785. Thử coi con thú vật ngoài,
 Như voi như cạp mấy ai dám bì.
 Voi kia cao lớn đen sì,
 Cạp ngà không dụng can chi cháy mình ?
 Cạp kia nanh vuốt như binh,
 790. Tắm da không dụng ai rình đâm chi ?
 Lấy trong việc ấy mà suy,
 Những nghề đời dụng ra gì xưa nay.
 Ta nhờ cán búa trong tay,
 Theo miền sơn lảnh tháng ngày thành thơi.

Khảo dị

- 773... thình thình - 774... chớ lo - 775... một lò - 776... bỏ bỏ theo
 tiêu - 778... thời theo đời dùng - 779... thiên công - 780. Nghiệp như...
 - 783... ắt có mới lòng - 788... can chi lự mình - 794 Theo nơi rừng núi...

795. Bữa dùng một gánh củi trời,
 Cá cơm rượu thịt ở đời cũng no.
 Giữ câu phủ ngưỡng bo bo,
 Thờ trên nuôi dưới miễn cho xong mình.
 Xin đừng hổ với chư linh,
 800. Cũng đừng then với người sanh trong đời.
 Xin đừng ngược trá lẽ trời,
 Cũng đừng trốn lảnh việc đời thời xong.
 Dương Từ nghe nói hổ lòng,
 Khen rằng : Tiêu lão thực lòng hiền xưa.
 805. Ta đà khỏi trốn mây mưa,
 Cứ trêu tặc dạ lại ưa mùi thiền.
 Thiên Thai dốc kiếm chùa tiên,
 Chưa thông đường sá xin phiền về ta.
 Tiêu rằng : Có chỉ nam xa,
 810. Chớ lo lỗi đạo lo ta lầm đường.
 Đây đi xuống bến Châu Giang,
 Tắt qua tây bắc lên đàng Thiên Thai.
 Dương Từ vội trở gót hài,
 Từ biệt non đoài nương gậy thiền đi.
 815. Dưới đời nhiều việc so my,
 Nhiều thói cao kỳ nghĩ lại mà kinh.

Khảo dị

- 796... tháng ngày cũng no - 797 Giữa cầu... - 798 Kính thờ trên dưới...
 - 799... thần linh - 800 Cũng người đừng then uống sanh... - 801 Xin
 đừng khi đối... - 804 Khen rằng lão trung... - 805 Ta đà lảnh cõi ... -
 808... đàm phiền chỉ ta - 812 Ngang qua sông ấy... - 813... vội vã trở hải
 - 816 Nghĩ ra nhiều thói dị kỳ...

- Những người ngay thẳng đều vinh,
 Thân tuy đã mất mà danh hầy còn.
 Bảng vàng thê bạc sơn son,
 Bao nhiêu vinh hiển là con nhà hiền.
 820. Tiêu phu là đứa không tiền,
 Gấm trong lời nói có duyên hơn vàng.
 Hỡi ôi mấy kẻ giàu sang,
 Những tham vui sướng quên màng thân sau.
 825. Dương Từ đi tới sông Châu,
 Ngần ngại nào biết bến đâu đưa mình.
 Ngó lên trên khúc sông quanh,
 Thấy bên vực thẳm có manh cô bông.
 Một người ngồi giữa thuyền thông,
 830. Gõ chèo miệng hát gió lồng tiếng vang.

Hát rằng :

- XI - Bến sông Châu vực sâu cá ở,
 Thương người hiền gặp thuở loạn ly.

Hát rằng :

- Nước vận quanh bãi gành chảy cạn,
 Kẻ anh hùng hoạn nạn khá thương.

Hát rằng :

- Chiếc thuyền câu đậu đậu nên đó,
 Ở nước loạn giàu có mà chi ?

Khảo dị

- 819... chữ son - 826... dò đâu đưa mình - 829... đứng giữa khoảng lồng
 - 830 Khua chèo...

- Dương Từ nghe tiếng ngư ca,
 Bước lên trên vực coi va thế nào ?
 Minh hơn tám thước rất cao,
 Mặt đen râu quán khác nào võ phu.
 835. Dương Từ bước xuống ngư chu,
 Xin đưa khỏi bến sẽ âu hoàn tiền.
 Ngư rằng : Người ở chùa chiến,
 Đi đâu sông suối mà phiên ta đưa ?
 Nhắm hình chẳng phải người xưa.
 840. Lánh nơi hoạn nạn tới trưa lỗ làng,
 Ta nghe trong bến Lư Giang,
 Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ Viên,
 Lại nghe đình trưởng dừng thuyền,
 Giúp người Hạng Vũ qua miền Ô Giang.
 845. Hai người bởi ấy lánh nạn,
 Một toan rửa oán một toan rửa thù.
 Sợ đời bắt kẻ tóc râu,
 Nào ai bắt đứa trọc đầu làm chi ?
 Nói cho ra lẽ thị phi,
 850. Để đưa qua đó tiếc gì công ta.
 Cầm chèo thông thả đưa qua,
 Dương Từ tới bến xia ra tiền đồ,
 Ngư rằng : Ta chẳng đưa đồ

Khảo dị

- 831... hát kỳ - 832... coi thì thế nào - 836 Xin đưa qua bến... - 838
 Đi đâu nên nổi... 841... chốn Lư Giang - 844 Chờ ông Hạng Vũ... - 845
 Hai người vì bởi... - 846 Một lo... hai toan... - 849 Nói rồi... - 852... tính
 ra tiền đồ. - 853... lòng chẳng bỏ

- Phòng tham tiền của so đo với người.
 855. Trước đà làm phải trên đời,
 Ngàn vàng chẳng bấu một lời mà sang.
 Từ rằng : Ta tiếc cho chàng,
 Chẳng phen lương đồng cũng trang anh hùng.
 Ta nghe nước Tấn chinh đông.
 860. Cầu người võ sĩ ra công can thành,
 Có sao chẳng xuống Tây Kinh,
 Phò vua giúp nước lập danh để đời ?
 Cá tôm đặng mấy tiền lời,
 Theo nghề chài lưới quên nơi sang giàu.
 865. Ngư rằng : Người khéo phỉnh nhau,
 Ai từng khát nước tới đâu bờ ao ?
 Đời nay chưa khác đời nào,
 Đất dày thăm thẳm trời cao mù mù.
 Bốn mùa thành lũy làm sâu,
 870. Dân gầy nước ốm mỡ dầu cũng khô.
 Thấy đời danh lợi muốn phò,
 Khác nào con cháu nhảy vô vòng dầu.
 Từ rằng : Xưa sách có câu :
 Công thành danh toại ai hầu chi ai,
 875. Ngư rằng : Xưa bậc hiền tài,
 Lập thân sao chẳng biết bài báo thân.

Khảo dị

855 Trót đà... - 856... rất sang - 859 Nghe rằng... - 860 Cầu đặng ...
 - 863... mấy mươi lời - 866... gối đầu bờ ao - 867... có khác xưa nào -
 - 871... biếng phò - 872... vòng đèn - 873... còn khen - 874... ai bên chi
 ai - 875... đặng hiền tài - 876... há chẳng biết tài báo thân

- Dầu vịnh cũng tiếng nhân thân,
 Trâu cày ngựa cỡi cái thân ra gì ?
 Chớ tham ăn lộc đời suy,
 880. Bầy chim lưới cá e khi mắc xằng.
 Trối ai ra sức muông săn,
 Một mai thỏ hết chúng ăn tới mình.
 Sao bằng một cội an sanh,
 Sông sâu vực thẳm ai giành chi đây ?
 885. Sẵn dùng chèo bách một cây,
 Thuyền thông một chiếc đỡ ngày hôm mai.
 Theo sông khúc vắn khúc dài,
 Năm ba đoạn nợ một vài cần tre.
 Đêm trăng ngày gió bạn bè,
 890. Vui câu hát rập buồn ve rượu bầu.
 Trái chơi ghềnh hạc bãi âu,
 Thú vui sông nước mặc dầu nghinh ngang.
 Cá tôm sẵn lộc trời ban,
 Phận đà no đủ còn màng của chi.
 895. Nói rồi thông thả chèo đi,
 Dương Tử khen đó một khi lâu dài.
 Than rằng : Thương đấng hiền tài,
 Sao không gặp thuở biết nài thân nao.
 Hỡi ai quyền trọng ngôi cao,

Khảo dị

880... mắc nân - 885 Sẵn dòng... - 886 Thuyền nang... - 888 Năm ba
 sợi nợ... - 890... hát xướng... rượu đào - 891 Thả trôi... bãi ngao - 892
 Thú vui non nước... - 896... linh kỳ lâu dài - 897... anh tài - 898 sanh không
 ... khó mài thân sau - 899 Hỡi ai lộc trọng quyền cao

900. Thú hèn cũng có người nào chớ khinh.
Họ Dương từ thuở đấng trình,
Trải chơi non nước sự tình biết bao.
Đi hơn nửa tháng lao đao,
Đến nay mới thấy đường vào Thiên Thai.
905. Thiên Thai một cảnh an bài,
Dương Từ tới mới ở ngoài động môn.
- II
- Thứ này người ở Long Môn,
Tên là Hà Mậu trí khôn ra liền.
Theo cùng ông Lý Tri Niên.
910. Từ non Tùng ấy vào miền Thiên Thai.
Đi đà hơn nửa tháng dài,
Phút đầu ló thấy gần ngoài động môn.
Tri Niên lừa thả bên non,
Cùng người Hà Mậu đi lòn cửa hang.
915. Hai người đi khỏi cửa hang,
Tới nơi đông khẩu gặp chàng họ Dương.
Họ Hà họ Lý họ Dương,

Khảo dị

900... anh hào chớ khinh - 907... động môn - 908... người hiền - 910
Từ non Tùng lãnh... - 914... đều lòn cửa hang - 915 Hai người ra khỏi

- Ba người gặp hỏi mới tường tánh danh.
Niên rằng : Tiên cảnh rất linh.
920. Dương Từ đều hãy chút đình lại đây.
Chờ ta lên trước động mây,
Lên chùa Linh Diệu thăm thầy Lão Nhan.
- Dương Từ nghe nói vội vàng,
Thưa rằng : Xin đó đem đường ta đi.
925. Niên rằng : Người vốn thiên sư,
Tới nơi tiên cảnh cầu chi chẳng là ?
Từ rằng : Nghe tiếng đồn xa,
Rằng chùa Linh Diệu một tòa ở đây,
Niên rằng : Linh Diệu chùa này,
930. Vốn không thờ Phật mà lầy tới thiên.
Từ rằng : Không Phật có tiên,
Xin cho thấy đặng phi nguyên chơi mây.
- Niên rằng : Hai gã ở đây,
Ta xin lên trước động mây một giờ.
935. Lâu mau sao vậy cũng chờ,
Cho tin xuống rước kịp giờ sẽ lên.
Tri Niên vịn đá treo lên,
Tới nơi vận động gần trên mây rừng.
Dương Từ Hà Mậu đều mừng,
940. Ngồi trong cửa động trách lẫn cùng nhau.

Khảo dị

920 Họ Dương người hãy ở dành lại đây - 934 Để ta tới trước... -
936... sẽ hay - 937 Niên rằng : Đường lên trên thầy - 938 Mây tuôn mù
mịt đá vầy nhỏ to - 939... đều lo - 940... lò mò hỏi nhau

- Mâu rằng : Tiếc đó di tu,
 E khi cửa Phật công phu lỡ làng.
 Ta nghe Phật ở Tây phương,
 Vốn người mọi rợ luân thường chẳng ưa.
945. Lại nghe Tam đại đời xưa,
 Dân an nước trị Phật chưa bày hình.
 Đến năm đời Hán Vĩnh Bình,
 Sứ qua Thiên Trúc thỉnh kinh Phật về.
 Tới sau Lương Vũ rất mê,
 950. Lập chùa tượng cốt chuyên nghề tu trai.
 Ngụy Trần Tề Tống đến nay,
 Đời đời nào cũng trọng thầy sa môn.
 Trên vua những dưới dân thôn,
 Đua nhau kính trọng một môn phù đồ.
955. Quỳ hương chấn tế Nam Vô,
 Tới lui tăng đạo ni cô chật đường.
 Bao nhiêu theo đạo Tây phương,
 Phước lành chưa thấy tai ương tới mình.
 Trên thời nghiêng nước nghiêng thành,
 960. Dưới thời nhà cửa tan tành xiết bao.
 Phật linh mấy cứu ai nào,
 Người nay sao hãy lòn vào Thích Gia ?

Khảo dị

- 948... nước kinh Phật về - 950... sứ trai - 953 Trên vua đến dưới... -
 956... ra vô Phật đường - 966 Đến nay đã dặng... - 976 Từ dân...
 Bản TV lược ba mươi sáu câu, từ câu 967 đến câu 1002.

- Từ rằng : Người chớ giấu ta,
 Đạo nào nên trọng nói mà nghe chơi.
965. Mâu rằng : Ta trọng đạo trời,
 Đến nay đã trọn ba đời Da Tô.
 Từ rằng : Theo đạo Da Tô*,
 Chuyện không sách vở nói phô miệng tày.
 Chúa trời đã có đức hay,
 970. Sao giảng thập ác chân tay dính xiềng ?
 Chúa bà đã có đức hiền,
 Sao dẫu đội máu đít liền ngôi chông ?
 Họ Hà nghe nói động lòng,
 Nước mắt ròng ròng rằng chớ nói chơi.
975. Cảm thương đức Chúa trên trời,
 Ôn dân dưới đời chịu tội cho dân.
 Cảm thương nước thánh muôn phần,
 Có tội mấy lần đều rửa sạch trơn.
 Từ rằng : Trời một Ngọc hoàng,
 980. Ở trên thiên hạ sửa sang muôn đời.
 Người xưng rằng đức Chúa trời,
 Trời sao lại mắc vào nơi cực hình ?
 Chẳng hay ai mắc tội tình,
 Còn trời nào nữa hay mình Du Di.
985. Người rằng nước thánh rửa đi,
 Sao không rửa trước để chi khổ mình ?
 Du Di đã mắc cực hình,
 Còn ai làm thánh luyện bình nước cho ?
 Tội dân trời đã chịu cho.

990. Làm vua trong nước nào lo trị đời ?
 Mậu rằng : Trời cứu con trời,
 Ai không về đạo tội đời trời thây.
 Từ rằng : Như tiếng nói này,
 Chúa trời hản ở nước Tây rõ ràng.
995. Dân đều về đạo Hoa Lang,
 Đời còn phải sắm khám đàn nhốt ai ?
 Ta nghe bên huyện Tôn Nhai,
 Có người đạo trưởng mang tai ngôi tù.
 Nào bình nước thánh đi đâu ?
1000. Không đem rửa tội về cầu người lờ ?
 Lấy trong việc ấy mà so,
 Trời đông nam bắc lạc đồ trời tây.
 Họ Hà đương gắm lời hay,
 Phút đâu chim hạc lại bay xuống liền.
1005. Hóa làm đồng tử có duyên,
 Tay cầm hai trái đào tiên miệng cười.
 Bảo rằng : Hai trái hai người,
 Ăn rồi mới biết là người đại khôn.
 Ngày nay đã đến hoàng hôn,
1010. Hai người dời khỏi động môn hành trình.
 Theo ta tới Bích Phong đình,
 Ở trong hang đá nghỉ mình một đêm.
 Rạng mai có kẻ xuống tìm,
 Dem lên Vân động mưa hiềm đợi trông.

Khảo dị :

1005 Hóa ra....

1015. Tiểu đồng dạy bảo vừa xong,
 Hoá ra chim hạc thỉnh không bay về.
 Hai người mất thấy lòng ghê,
 Khen rằng tiên đạo nhiều bề anh linh.
 Phòng chừng dương lúc sơ canh,
1020. Ngó ra thấy bóng trăng thanh bên trời.
 Băng luân một tấm treo khơi,
 Non sông muôn nước bóng người khắp soi.
 Hai người lần tới ngôi coi,
 Ngó ra trước cửa trăng soi như ngày.
1025. Vắng nghe có tiếng đồng dây,
 Rắn rắn ngựa gió xe mây chật đàn.
 Trước đi kiệu bạc tán vàng
 Giữa che phủ phất sau đàn quạt tiêu,
 Đèn ngân đuốc ngọc rất nhiều,
1030. Lòa nơi cửa động hương thiêu thêm nồng.
 Ngỡ là thiên tử ngự phong,
 Gắm trong nghi vệ cũng đồng thần tiên.
 Họ Hà coi thấy sợ liền,
 Than rằng : mấy chỗ linh thiêng như vậy ?
1035. Đi tu cũng tiếng ông thầy,
 Theo làm tôi Phật bấy chầy thấy không ?
 Từ rằng : Thấy vác thấy đồng,

Khảo dị :

1021... lòng khơi - 1022... lòng soi - 1023 Hai người lẳng lặng... -
 1024 Ngó ra cửa động... - 1025... vắng dây - 1030... vực nồng - 1034
 Tham rằng mới đạo... - 1035 Anh tu... - 1037... cốt mộc cốt đồng

- Tạc hình đúc Phật ngồi không trên bàn.
Ta thường sớm tối thấp nhang,
1040. Thấy ma thấy quỷ chàng ràng trên người.
Phật không thấy nói thấy cười,
Cũng không đi đứng cùng người thế gian.
Chạnh lòng ta mới hỏi chàng :
Xưa nay về đạo Hoa Lang thấy gì ?
1045. Mậu rằng : Thấy bức tượng ghi,
Thấy cây thập ác thấy kỳ đọc kinh*.
Bảy ngày thấy bữa du mình,
Thấy nhà chung nhóm thấy hình cha tây.
Thường thường thấy phát bánh mì,
1050. Thấy ban nước thánh thấy khi luận người.
Trót đà bị chúng nhân cười,
Vậy nên phải tới hỏi người tiên tri.
Từ rằng : Gặp kẻ lão tri,
Ta xin hỏi đạo từ bị cho tường.
1055. Hai người những mãng ngồi bàn,
Nghe chùa Linh Diệu chuông vàng sớm rung.
Xảy vừa tới lúc hừng đông,
Tri Niên đã xuống Bích Phong đình rồi,
Nói rằng : Gặp tiết giao bôi,

Khảo dị :

- 1038 Tượng hình... - 1039...sớm tối đèn nhang - 1042 Thấy không...
- 1044 Lâu nay... - 1045...Thấy bức ảnh ghi
* Bản TV lược năm câu : 1046, 1047, 1048, 1049, 1050. - 1051... chế cười
- 1053...tiên tri- 1055... ngồi hãy đương bàn

1060. Chư Tiên hội yến một hồi canh ba.
Mậu rằng : Chiều bữa hôm qua,
Cổ người đồng tử cho ta ăn đào.
Chẳng hay duyên cớ làm sao,
Khiến ta ăn đào tránh khỏi động môn.
1065. Niên rằng : Nơi cửa động môn,
Ngày lành tháng tốt để buồn tiên đi.
Hai người lòng hãy chưa ly,
E con mắt tục dòm vì thần linh.
Cổ ăn hai trái đào xanh,
1070. Rửa lòng nhơn dục trong mình mới an.
Chư tiên nay đã hồi luân,
Ta xin dẫn lộ hai chàng đi lên,
Dương Từ Hà Mậu theo lên,
Tới nơi Vân động nửa trên trăng trời.
1075. Thấy người đồng tử truyền lời,
Rằng : Ba người hãy tạm nơi động này.
Tôn sư giấc mộng đương say,
Chờ khi thức dậy sẽ hay lẽ nào.
Ba người ở động Vân cao,
1080. Nhắm xem cảnh vật biết bao nhiêu tình,
Kỳ hoa thụ thảo xanh xanh,
Trần cầm dị thú rập rình vui thay,
Nóc chùa cao quá vắng mây,

Khảo dị

- 1060... vào hồi canh ba - 1064...tránh chốn động môn - 1066...tiên chờ
- 1067...lòng dục chưa rời- 1068. Còn con...dòm người chẳng linh - 1073...đ
liền-1074...ngồi lên xem trời - 1078...mới hay lẽ nào - 1079 Hai người..
-1082 Trần cầm ngọc thú... -1083 Nền chùa...

- Bên thêm đá găm bóng cây im lìm.
 1085. Ngó vô mấy bức thưa liềm,
 Mấy vầng họa đồng tôn nghiêm muôn phần.
 Ngó ra non nước mấy chùng,
 Như tuồng giẫm tới bên chum đứng chầu,
 Đông tây sơn đỏ hai lâu,
 1090. Chuông vàng mõ ngọc chiếu châu rất xuê.
 Ngó xem bờ cõi tư bề,
 Một bầu thiên hạ nhỏ tày nửa châu.
 Từ rằng : Có chí vãn du,
 Đến nay mới dựng ngôi đầu mây xanh.
 1095. Mậu rằng : Tìm chỗ cao minh,*
 Đến nay mới dựng khỏi mình bụi nhơ.
 Niên rằng : Ta thuở bé thơ,
 Có lòng tâm đạo bây giờ thành thời.
 Phút đầu đồng tử ra mời.
 1100. Rằng tôn sư dậy ngôi nơi hiền đào,
 Ba người bổ bậc bước vào,
 Gần nơi hiền đào nghe tiếng ngâm thơ.

Khảo dị

1086 Mấy từng thơ họa trang nghiêm... - 1087...non núi mấy từng - 1088
 Hình long dạng phụng... - 1090 Chuông vàng khánh bạc...rất ngoa - 1091
 Cúi xem...giới ba - 1092 Một bầu trời rất giống là... - 1094...khởi hầu bụi
 nhơ - 1097 ...đầu thơ - 1101 Ba người khép nép...

* Bản TV không có hai câu.: 1095, 1096 XII

Thơ rằng :

- XII : Đạo trời nào phải có đầu xa,
 Gọi tấm lòng người há thấy ra.
 Theo nghĩa ai đành làm phản nước,
 Có nhân đâu nở bỏ tình nhà.
 Xưa nay đời chuộng đường trung hiếu,
 Sách vở còn ghi lẽ chính tà.
 Năm phẩm rừng nhu sản sóc lấy
 Trên đời trần bửu báu nào qua.
 Ba người nghe tiếng ngâm rồi,
 Vào trước chỗ ngồi quỳ gối vòng tay.
 1105. Tri Niên lại trước lời bày :
 Ngu si chưa rõ xin thầy dạy cho.
 Lão Nhan biết lữ mê đồ,
 Hỏi rằng : Hà thị nói pho việc gì ?
 Mậu rằng : Tôi cũng ngu si,
 1110. Chẳng hay đời trước có chi lầm đàng ?
 Sư rằng : Về đạo Hoa Lang,
 Trong tấm lòng chàng tưởng việc chi nên.
 Mậu rằng : Lòng chẳng dám quên,
 Một lời sau thác dựng lên thiên đàng.

Khảo dị

XII(1) Dốc tìm đạo phải ở đầu xa- XII(2)...có giải ra - XII(3) Theo
 nghĩa bao đành... - XII(4) Có nhân nào nở phụ... - XII(8) Ấy là đạo vị
 ở lòng ta-

1104. Quỳ xuống vòng tay - 1106. Thừa rằng : Ngây đại... dạy pho -
 1108 Hỏi rằng : Hà Mậu... - 1109 Tôi thật ngu si - 1111 Thầy rằng : Mê
 đạo Hoa Lan - 1112 ...ước việc gì nên -

1115. Lão Nhan đẹp chuyện Hoa Lang,
Hỏi rằng : Kìa gã họ Dương thừa gì ?
Mấy năm học đạo từ bi,
Chơi mây đã chán ích gì tới đây ?
Từ rằng : Vì việc chơi mây,
1120. Mang điều bài biếm ngầy ngầy trong tai.
Kiếp sau là kiếp lâu dài,
Biết theo đạo Phật trọn loài cùng chẳng.
Sư rằng : Kính Phật trọng tăng,
Tắc dạ nằng nằng tin tưởng điều chi.
1125 Từ rằng : Học đạo từ bi,
Nhờ ngày sau thác đăng kỳ siêu thăng
Lão Nhan ngời ngẫm nghĩ rằng,
Hai đường đều muốn chữ thăng lên trời.
Ta dẫu nói cũng uống lời,
1130. Chi bằng cho thấy lẽ trời mới tin.
Dặn rằng : Hai gã lòng in,
Đều mong sau thác đăng lên nhà trời.
Chùa này có ngô lên trời,
Chi bằng bước tới coi chơi một hồi.
1135. Hai người nghe nói mừng vui,
Phút quên mình sống còn ngồi dương gian.
Thưa rằng : Đây có thiên đàng,

Khảo dị

1118. *Vân du...việc gì tới đây* - 1120 *Mang lời phải quấy thêm ngầy...* -
1122...*trọn bài cùng chẳng* - 1124...*việc chi* - 1125 ...*Theo đạo từ bi* -
1129 *Ta nay...* - 1131 ...*lòng bền* - 1133 *Chùa đây...*

- Hai tôi xin tới du quan nửa giờ,
Sư rằng : Hồn sạch phách nhơ,
1140. Xác phàm còn sống khó mơ lên trời.
Ta nghe trong phép chúa trời,
Cầu hồn về đạo lên nơi thiên đàng.
Lại nghe phép địa tạng vương,
Siêu hồn sải vãi về phương tây trời,
1145. Hai người nay muốn lên trời,
Xác phàm ở lại hồn dời mới xong.
Ta đây có phép thần thông,
Xuất hồn rồi lại ra công hoàn hồn.
Hai người trước tới dài môn,
1150. Giờ lành ta sẽ xuất hồn cho thăng
Lại kêu ông Lý dặn rằng :
Rừng y gán bó cho bằng tiên nhân.
Hôm nay là bữa lương thần,
Sửa sang vị thuốc lo phần luyện đan.
1155. Tri Niên học thuốc đã an,
Ở chùa Linh Diệu thanh nhàn xem chơi
Dương Từ Hà Mậu vâng lời,
Theo người đồng tử tới nơi dương đài
Trong đài có tấm bia bài,

Khảo dị :

- 1138 ... *vài giờ* - 1142 *Cầu hồn cũng dạng về nơi...* - 1145... *lên chơi* -
1146 *Xác phàm ở lại...* - 1149... *lại trước đài môn* - 1152... *cổ nhân* -
1155...*việc thuốc đã an* ,

1160. Chạm câu thiên bất khả giai rõ ràng.
 Hai chàng bước tới xem tường.
 Tầng tầng mây giợn trở phương lên trời.
 Mậu rằng : Học đạo chúa trời,
 Thiên đàng dành để trọn đời mới lên.
1165. Phen này hồn sống dặng lên,
 Tìm ông cha trước dặng xin phép về.
 Về cho chúng thấy hết chê,
 Còn chi người ngoại nói nghề phải chăng.
 Từ rằng : Giận tiếng nói nhăng.
1170. Nó chê ông Phật là thằng man di.
 Lên trời dẫu thác cũng đi,
 Tìm cho thấy Phật xin trì phép linh.
 Phép chi phá miếu thần linh,
 Bắt ông đạo sĩ mới dành bụng ta.
1175. Phút đầu đồng tử bung ra,
 Bàn đào lại có bình trà ban cho.
 Bảo rằng : Ăn uống cho no,
 Xuống khe tắm gội rồi lo lên trời.
 Hai người đều phải nghe lời,
1180. Ăn no tắm mát ngồi chơi nửa giờ.

Khảo dị

1160 *Đề câu thiên thượng khả giai...Chữ thượng, bản TV đề thiên bất...Chắc là chép nhầm chưa kịp sửa lại. Chúng tôi để theo bản TV. - 1162...bốn phương lên trời - 1163... Theo đạo chúa trời. - 1166...cầu xin đem về - 1167 Dặng cho thiên hạ thấy ghê - 1168 Còn chi người tục...- 1169...lăng nhăng - 1172...trừ phép linh - 1173 ...phá dặng miếu linh - 1174 Bắt người ...dạ ta - 1176 Mâm đào lại với bình trà dâng cho*

- Tôn sư coi thấy gần giờ,
 Tôi dài cầm viết về tờ bùa linh.
 Dạy rằng : Giờ tý chữ canh,
 Mộng sàng hai gã đem mình nằm an.
1185. Kim đan cho uống ba hoàn,
 Linh phù hai đạo kịp mang vào mình.
 Tôn sư đốt lá bùa linh,
 Hoàng Cân Lực sĩ hiện hình chờ sai.
 Lại biên một cái tín bài,
1190. Để rồi tên họ của hai xác phàm.
 Dạy rằng : Chờ trọn tam tam,
 Chín trời đi khắp rồi đem trở về.
 Tín bài đã có ấn phê,
 Cầm giờ các cửa dặng bề đi thông.
1195. Lành lời thầy khiến vừa xong,
 Hai chàng Lực Sĩ thỉnh không tàng hình.
 Tôn sư lại niệm chú linh,
 Cấp như luật lệnh âm binh ứng hầu.
 Mây đen khói mịt ngút mù,
1200. Ủ ê sấm sét giây lâu mới tàn.
 Hai người nằm dưới mộng sàng,
 Thiu thiu nhắm mắt nằm an một phần

Khảo dị

1181...coi đã gần giờ - 1183...giờ ngo chữ canh - 1185...hai hoàn - 1186...sử mang theo mình - 1190...người phàm - 1191...Chờ hết canh tam - 1193...phù đề - 1195 Các lời dạy bảo...- 1198...đứng hầu - 1200 Gió mưa sấm sét...- 1201...nằm lại mộng sàng - 1202... ngủ an một buổi

- Tôn sư lại đốt phù đồn,
 Dương Từ Hà Mậu xuất hôn ra đi.
 1205. Hai hôn đều xuất ra đi,
 Theo tên Lục sĩ một khi lên trời.
 Hai chàng đi tới cõi trời,
 Cõi trong cảnh vật khác nơi cảnh người.
 Trời đông một cửa xanh ngời,
 1210. Thấy tấm biển đề hai chữ Thanh Thiên.
 Hai cung Tốn Chấn đoàn viên,
 Một tỉnh các phủ nóc liền răng răng.
 Đường đi giáp ất thẳng bằng,
 Có thần gìn giữ hiệu rằng Thanh Long.
 1215. Hai chàng trình tìn bài xong,
 Đem nhau tìm kiếm hỏi dòng họ xưa.
 Áo xanh quân đóng sớm trưa,
 Cầm cờ xuân lệnh rước đưa thần hoàng.
 Mới hay thứ nhất thiên đàng,
 1220. Thực vua Thanh đế ngôi vàng chính đông.
 Giữ gìn muôn việc hóa công,
 Nhờ ơn gây dựng vun trồng mùa xuân.
 Hai người vội vã lui chân,
 Trời đông đi khắp đến chùng trời nam.

Khảo dị

- 1204 Bản Nôm ZfB chép : *Hoàng Cân Lục sĩ* xuất hôn ra đi. Chép nhầm - Chúng tôi để theo bản TV - 1205 Hai người đều xuất hôn đi... - 1206 *Đều theo*... - 1207 Hai người hôn đến... - 1208 Thấy trong ... cõi người - 1210 Có tấm biển trời hai chữ... - 1212... đóng liền giăng giăng - 1217... như mưa - 1218... thành hoàng. - 1223... đời chân - 1224... chẳng thấy qua tầng trời nam

1225. Trời nam một cửa son thoa,
 Xích Thiên hai chữ bằng ra rõ ràng.
 Cung Ly rực rỡ nghiêm trang,
 Hòa tỉnh các phủ sửa sang chói lòa.
 Bính Đinh hai ngã vào ra,
 1230. Có thần Châu Tước hỏi tra ngăn ngừa.
 Hai chàng trình tìn bài thừa,
 Hỏi thăm tin tức cũng chưa thấy gì.
 Quân hầu áo đỏ đường đi,
 Cầm cờ hạ lệnh oai nghi rõ ràng.
 1235. Mới hay thứ nhị Thiên đàng.
 Phần vua Xích đế sửa sang mùa hè.
 Trời nam tìm đến vắng hoe,
 Đem nhau một bè qua chốn trời tây.
 Trời tây một cửa phần tô,
 1240. Bạch Thiên hai chữ bằng đồ treo ra.
 Hai cung Càn Đoài chói lòa,
 Kim tỉnh các phủ vô ra rần rần.
 Tới lui trong cõi Canh Tân,
 Có thần Bạch hổ giữ phần đón ngăn.
 1245. Hai chàng đi tới trình bằng,
 Cứ theo việc trước phẳng phẳng hỏi tìm.
 Thấy quân trắng áo trắng xiêm,

Khảo dị

- 1225... một cõi Ly tam - 1226... bằng dam rõ ràng - 1233... giăng đi - 1239... hai cửa đầy đầy - 1240... bằng vầy treo ra. - 1241 Kiền Đoài hai cửa... - 1243 Tới lui trong cửa... - 1244... cấm ngăn - 1246... hỏi phẳng đi tìm

- Cầm cờ thu lĩnh bài nghiêm các tòa.
Mới hay là cỏi thứ ba,
1250. Phần vua Bạch đế ở tòa Tây Thiên.
Đem nhau vội vã đi liền,
Trời Tây khỏi miễn trời Bắc lại đi.
Ngưỡng trông một cửa đen sì,
Hắc Thiên hai chữ bảng ghi chẳng lầm.
1255. Một tòa cung khảm tấm tấm,
Thủy tinh các phủ ở sâm si cùng.
Phương đi Nhâm Quý nhiều sông,
Có thần Huyền Vũ đề phòng đứa gian.
Hai chàng thưa gởi đã an,
1260. Đi qua khỏi cửa tìm đằng người quen.
Thấy quân mặc áo màu đen,
Cầm cờ đông lĩnh đua chen chật đường.
Thứ tư dây cũng thiên đường,
Phần vua Hắc đế sửa sang một trời.
1265. Trót đà tìm hỏi các nơi,
Đem nhau lại dời qua chốn Trung Thiên.
Trung Thiên hai chữ bảng vàng.
Chối lòa một cửa bốn phương đều hầu.
Hai cung Khôn Cấn lâu lâu,

Khảo dị

1253 Bắc thiên một cửa... - 1255... tới tam - 1257 Hướng đi... - 1258...
uân phòng đứa gian - 1262... đầy đường - 1263 Thứ tư dây thật... - 1265
Trót đà tìm khắp... - 1266 Ông cha chẳng thấy lại dời...

1270. Thổ tinh các phủ liên nhau một vắng.
Đằng Xà Cầu Trận hai thần,
Giữ phần Mậu Kỷ là phần tuần tra.
Hai chàng trình tín bài qua,
Cứ theo việc trước vậy mà hỏi han.
1275. Thấy quân mặc áo màu vàng,
Cầm cờ tứ quý đóng dần khắp nơi.
Thứ năm dây giữa cỏi trời,
Thục vua Hoàng đế trị với trung ương.
Dương Từ Hà Mậu hai chàng,
1280. Hỏi người Lục sĩ mọi đằng cơ quan.
Rằng : Đi năm cửa thiên đằng,
Có chi chẳng thấy Hoa Lang người nào ?
Cũng không Phật tử ra vào,
Hoặc là còn ở trời nào nữa chẳng ?
1285. Hoàng Cân Lục Sĩ đáp rằng :
Một không thực có chín tầng âm dương.
Tới đây mớiặng năm phương,
Hãy còn bốn cửa thiên đường ở cao.
Hai người muốn tỏ âm hao,
1290. Phải tìm cho khắp lẽ nào sẽ hay.
Nói rồi vội vã đem đi,
Mau cho kịp kỳ tới chốn Hiệu Thiên.

Khảo dị

1277... một cỏi trời - 1278 Phần vua... sửa với trung ương - 1283 Cũng
không Phật tử... - 1286 Một trời thực có... - 1289... rõ âm hao - 1290...
mới hay - 1292 Hiệu thiên mau bước cấp kỳ lại qua

- Hiệu Thiên hai chữ bằng ra,
Sáng soi một cửa chói lòa muôn phương.
1295. Thái dương sánh với thiếu dương
Hai cung dành sẵn hào quang mặt trời.
Kim ô một bóng sáng ngời,
Theo đường hoàng đạo soi đời xưa nay.
1300. Máy xay làm việc ban ngày,
Có thần giữ cửa hiệu bài Thiên Xung.
Hai chàng trình tín bài xong,
Cứ theo việc trước tìm dòng cổ nhân.
Tìm thời thấy những quỷ thần,
Thiên đằng dây thực về phần dương quân.
1305. Xiết bao trong dạ băng khuâng,
Đem nhau đi lần tới chốn khung thiên.
Khung thiên hai chữ bằng bài,
Quế hương một cửa hơi bay đậm đậm.
Thái âm sánh với thiếu âm,
1310. Hai cung đồ lộ sáng đậm mặt trăng.
Một vầng bạch thỏ bóng giăng,
Non sông muôn nước soi bằng lòng gương.
Có ông tuần giữ một phương,

Khảo dị

- 1294 Sáng trong... - 1295 Thái âm... thái dương - 1297... chói ngời.
1298... khắp trời xưa nay - 1300... hiệu rày Thiên Ôn - 1302 Cứ theo đường
trước... - 1303... thánh thần - 1306 Cùng thiên lộ thấy lại lần đường qua
- 1307 Cùng thiên hai chữ chói lòa - 1308... hơi ra đậm đậm - 1309. Thiếu
dương... - 1310... đồ lộ... vầng trăng - 1312 Non sông bóng giăng... - 1313.
Có quan... bốn phương

- Thiên Anh chữ đặt đón đường hỏi tra.
1315. Hai chàng trình tín bài ra,
Cứ theo việc trước hỏi bà con thân.
Hỏi thăm thấy những quỷ thần,
Thiên đằng dây thực về phần âm quân.
Trong lòng chỉ xiết băng khuâng,
1320. Lại phải đi lần qua chốn Thương Thiên.
Thương Thiên hai chữ chói lòa
Băng xăng một cửa vô ra rập rình.
Quyết âm sánh với dương minh,
Hai cung lồng lộng ngôi tinh ngôi thần.
1325. Bao nhiêu sấm sét nổ rân
Gió mây mưa móc lãng xăng cõi này.
Có thần Thiên Trụ ở đây,
Hôm mai giữ cửa ngăn bài đưa gian.
Hai hàng trình tín bài an,
1330. Cứ theo việc trước hỏi han chuyện mình.
Tìm thời gặp những thần linh,
Thiên đằng dây thực ngôi tinh quân dành.
Thôi thôi ngơ ngáo đã đành,
Muốn rõ sự tình phải tới Huyền Thiên.

Khảo dị

- 1317 Hỏi ra... thánh thần - 1320 Thương thiên chốn ấy phải làm đường
qua - 1326. Mây đen sương trắng băng xăng - 1327. Có thần Viêm hóa...
- 1328... ngăn rày hỏi tra - 1329 Hai người trình tín bài an - 1330... hỏi
qua việc mình. - 1332... chánh vì - 1333 Ngăn ngơ ngáo ngăn lòng nghi -
1334 Huyền thiên lộ thấy kịp đi tìm đằng

1335. Huyền Thiên hai chữ sơn vàng,
 Các phương châu chực nhện nhàng vô ra.
 Từ Vi rờ rở một tòa,
 Ngọc hoàng thượng đế thực là ở đây.
 Đền đài lầu các doanh xây,
 1340. Dấu lân phụng lạy về mây thờ châu.
 Thiên Bồng Thiên Tuế ứng hầu,
 Hai ông thần ấy đều âu tuần phòng.
 Hai chàng xem thấy lạt lòng,
 Trên trời thật nhóm những dòng thần linh.
 1345. Khắp nơi han hỏi sự tình,
 Thấy đều chẳng thấy quên mình là ai.
 Cùng nhau than vắn thở dài,
 Còn trời nào nữa toan bài hỏi han.
 Thương thay hai gã gian nan,
 1350. Chín trời đã khắp biết toan lẽ gì.
 Đã không thấy Phật từ bi,
 Cũng không thấy chúa Du Di trên trời.
 Họ Hà khi ấy buông lời,
 Nói rằng : Tiếc bấy năm đời công phu.
 1355. Đọc kinh xem lễ bấy lâu,
 Tưởng ông cha trước về châu trời cao.

Khảo dị

1337 Từ Vi rờ rở... - 1338 Ngọc hoàng đại đế... cõi đây - 1340 Sân lân gác phụng nền qui lầu rồng - 1341... hai ông - 1342 Ra vô châu chực có ông... - 1343... nấp lòng - 1344 Trên trời đếm những là dòng...

* Bản TV lược mười bốn câu, từ câu 1351 đến câu 1364

- Đến nay lên chốn trời cao,
 Hai ông tiên ấy lời trao rất bền.
 Khiến ta chữ dạ chưa quên,
 1360. Dừng mong sau thác dạng lên thiên đàng.
 Đến nay mới thấy rõ ràng,
 Trung nguyên sánh với Hoa Lang khác trời.
 Dương Từ vừa mới buông lời,
 Nói rằng cho đáng cái đời thầy tu.
 1365. Phút đầu bên chốn Tây lầu,
 Nổ ba tiếng sấm nhóm châu các cung.
 Áo xiêm đai mào lạ lung,
 Tinh quân các vị rừng rừng tới nơi.
 Hai chàng đứng nép xem chơi,
 1370. Những người châu chực nhà trời là ai ?
 Thấy đi có tám bia bài,
 Để rằng Khổng Tử đại tài thánh vương.
 Ngồi trong kiệu bạc tán vàng,
 Một ông Khổng Tử dung nhan hòa lành.
 1375. Theo sau biết mấy thần linh,
 Xem trong thẻ bạc đề danh đại hiền.
 Dương Từ buông tiếng khen liên,
 Hèn chi vua chúa chính chuyên miếu thờ.
 Cho hay muôn nước đều nhờ,

Khảo dị

1365 Phút đầu trên chốn... - 1367... lạnh lùng - 1369 Hai người... coi chơi - 1373... kiệu ngọc tán vàng - 1374... tốt lành - 1377 Dương Từ coi thẻ...

1380. Đạo ông Khổng Tử làm bờ chắn dân.
 Trong đời biết chữ nhân luân,
 Biết đường trị loạn cũng phần nhờ ai ?
 Nhớ câu "Kế vãng khai lai",
 Thực ông Khổng Tử đại tài thánh vương.
1385. Đâu đâu chẳng kính chẳng nhường,
 Môn đồ cũng dặng hiển dương muôn đời.
 Như vậy mới gọi đạo trời,
 Trời sanh đức chúa thay lời trị dân.
 Dương Tử vừa dứt tiếng phân,
1390. Phút dẫu lại thấy vị thần đi sau.
 Một người cười ngựa tốt râu,
 Lại gần nhìn thực Quan Hâu thuở xưa.
 Vội vàng quì gối liền thưa :
 Mừng nay gặp Phật khác xưa côi phàm.
1395. Nam Vô hai chữ già lam,
 Xin thương bản đạo ở am chầy ngày.
 Quan Hâu cỡi ngựa chạy ngay,
 Châu Thương đứng lại tỏ bày căn duyên.
 Hỏi rằng : Người ở cửa thiền,
1400. Việc chi tới chốn Huyền Thiên làm gì ?
 Từ rằng : Ông vội quên đi,

Khảo dị

1382... *muôn phần nhờ ai* - 1385... *cũng kính cũng nhường* - 1388... *đức chúa thay lời dạy dân* - 1396 *Xin thương bản sãi...* - 1397... *đi ngay*

- Am mây bản đạo tu trì nhiều công.
 Nhang đèn liền thắp bàn ông,
 Nay già lam Phật sao không đoái hoài ?
1405. Châu Thương nổi sắc cười dài,
 Nói rằng : Thần Phật khác loài nhau xa.
 Quan Hâu vốn thực chúa ta,
 Tấm lòng trung thực ai mà dám dưng,
 Tiếng vang muôn nước đều nhường.
1410. Trời phong làm chức Đại vương thành hoàng.
 Từ rằng : Người thực thành hoàng,
 Sao trong chùa Phật thời Quan Công nào ?
 Đáp rằng : Vì thuở Hán trào,
 Có ông Phổ Tịnh kết giao đồng làng.
1415. Chúa ta hiển thánh suốt vàng,
 Ông hòa thượng ấy lòng thương bạn lành.
 Già lam hai chữ thêm danh,
 Rước về nhà Phật tụng kinh siêu hồn.
 Khiến nên thiên hạ danh đồn,
1420. Về hình tượng cốt nhiều môn phù đồ.
 Chúa ta chẳng phải đi tu,
 Trong mình giữ vẹn tóc râu tốt lành.
 Nói cho sãi tỏ sự tình,
 Xưa nay Thần tướng Phật hình khác nhau.

Khảo dị

1402 *Am mây bản sãi...* - 1403 *Nhang đèn liền đốt...* - 1404 *Nay làm ra Phật...* - 1408 *Tấm lòng trung chánh...* - 1409 *Tiếng khen...* - 1411 *Từ rằng : Ông thực...* - 1412 *Ở trong chùa ấy thờ ông quan nào ?* - 1413... *Ngọc hoàng* - 1416 *Hòa thượng lòng nhớ thờ than...* - 1417... *thơm danh* - 1418 *Mới đặt bài vị...* - 1419... *tiếng đồn*

1425. Nói rồi cỡi ngựa chạy mau,
 Dương Từ lơ lảo đầu dầu mảy châu.
 Than rằng : Sự dĩ đáo đầu,
 Biết khôn rồi lại tóc râu hết rồi.
 Xiết bao chịu nổi khúc nôi,
 1430. Đến nay mới biết lâm ôi là lâm,
 Nhớ lời đạo sĩ Tây lâm,
 Chua le trong dạ hổ thâm cùng va.
 Chín trời nay đã trải qua,
 Cừu thiên đã giáp âu ta trở về.
 1435. Hoàng Cân Lục Sĩ đề huề,
 Dương Từ Hà Mậu đi về chưa xa.
 Đi đà tới chốn Ngân Hà,
 Gặp ông Thiên Ất tuần tra đón đường.
 Làm hung bắt trối hai chàng,
 1440. Tuốt gươm linh kiếm phòng toan chém đầu.
 Hoàng Cân Lục Sĩ quì tâu,
 Tín bài có chữ xin cầu khoan dung.
 Thiên thần coi tín bài xong,
 Cười rằng lũ đại khéo mong lên trời.
 1445. Trời đâu có sãi lên chơi,
 Cho quân tả đạo tới nơi dóm hành.

Khảo dị

1424 Nhắm coi thần phật hai hình... - 1425... quày ngựa đi mau - 1428
 Biết khôn thôi đã... - 1432... với va - 1434 Giờ về đã tới từ ra... - 1436...
 ra về chưa xa - 1437 Ra về khỏi bến... - 1438 Gặp ông Thái Ất... - 1439
 Làm le bắt trối. - 1443 Thái Ất coi...

- Lão Nhan là vị tiên linh,
 Há không rõ động sự tình Phong Đô ?
 Phong Đô là chỗ nhóm người,
 1450. Nhóm bao nhiêu đạo trong đời thiếu ai ?
 Bầy về dưới núi Thiên Thai,
 Thừa cùng Tứ Thất về bài Phong Đô.
 Bài rồi hai chữ Phong Đô,
 Kịp đi chẳng khứng nói phô rõ ràng.
 1455. Hoàng Cân Lục Sĩ vội vàng ;
 Kịp đem hai họ về đằng đài Dương.
 Thử này về tới tiên đường,
 Lão Nhan ngồi chốn đài Dương đợi chờ.
 Coi tay đã đủ chín giờ,
 1460. Đốt bùa niệm chú như xưa hoàn hồn.
 Dương Từ Hà Mậu hoàn hồn,
 Giật mình thức dậy thấy tôn sư ngồi.
 Hai chàng tỉnh giấc hơi ôi,
 Vội vàng quì lạy một hồi tạ ân.
 1465. Tôn sư đứng dậy lui chân,
 Trở về hậu viện dưỡng thân thánh thời.
 Hỏi rằng : Hai gã lên trời,
 Tâm đà thấy đạo ở nơi cửa nào ?
 Thừa rằng : Chẳng có âm hao,

Khảo dị

1449... cỡi ấy ra vô - 1450 Nhóm nhau những đạo tăng đồ... - 1451
 Tha bầy về động... - 1457... đến thú sư đường - 1459 Đánh tay... - 1463
 Hai người tỉnh lại - 1464 Vội vàng xuống lạy...

1470. Cũng không tông tích nơi nao dặng tường.
Cho hay chín cõi thiên đường,
Ngôi thần ngôi thánh phô trương đã rành.
Hai tôi có gặp thân linh,
Rằng tôn sư rõ sự tình Phong Đô.
1475. Vẽ rồi hai chữ Phong Đô.
Kíp đi chẳng khứng nói phô rõ ràng.
Hai tôi nghe cũng chưa tường,
Xin thầy chỉ vẽ mọi đường Phong Đô.
Sư rằng : Nầy chốn Phong Đô,
1480. Cầm cân tội phước răn đồ hung hoang.
Tục kêu rằng chốn Diêm vương,
Ở miền âm phủ sửa sang việc đời.
Hai người trước đã lên trời,
Nay toan xuống đất mới hơi nhọc mình.
1485. Thưa rằng : Rõ dặng sự tình,
Dấu cho nhắm mắt vong linh cũng đành.
Xin thầy thương kẻ ngu sanh,
Mở đường chỉ ngõ hết tình thời thôi.
Tôn sư nghe biết ý rồi,
1490. Liền đem hai họ tới nơi Âm đài.
Trong đài có tấm bia bài,

Khảo dị

1476 Kíp đi không khứng... - 1479... Nơi chốn Phong Đô - 1480... trí
đồ hung hoang - 1481... Diêm quan - 1484 Nay tìm... môn hơi nhọc mình
- 1489... nghe nói thương ôi - 1490 Đem hai họ ấy đến ngôi dương đài

- Chạm câu "Địa quật hữu giai" rõ ràng,
Dưới đài có một cái hang,
Dòm vào lạnh ngắt thấy dằng tối tăm.
1495. Dương Từ Hà Mậu lo thăm,
Phen này xuống đất nguyện tâm cho ra.
Bên hang có tấm đá hoa,
Chạm vào bốn chữ "Nam Kha mộng sàng"
Hai người lên đó nằm an,
1500. Tôn sư làm phép như dằng trời lên.
Tạo Y quý sứ hai tên,
Cấp như luật lệnh chạy lên ứng hầu.
Dặn rằng : Chớ khá ở lâu,
Mười giờ đi hết đem nhau trở về.
1505. Ban cho một cái bài đề,
Cầm gươm các cửa dặng bề đi thông.
Tôn sư dạy bảo vừa xong,
Tạo Y quý sứ ra công đem dằng.
Dương Từ Hà Mậu hai chàng,
1510. Hồn theo tên ấy xuống dằng âm ty.
Xuống vừa tới cõi âm ty,
Mặt nhìn cảnh vật khác kỳ nhân gian.
Mờ mờ một cõi quan san,

Khảo dị

1492 Đề câu... - 1494 Dòm vào lạnh lẽo... - 1498 Khảm vào... - 1499...
lên đá nằm an - 1500... rờng ban như lời - 1501... một người - 1502... tới
nơi ứng hầu - 1505... cái thẻ đề - 1506 Cầm đi các cửa... - 1507. Tôn sư
dặn bảo... - 1510 Đi theo tên ấy... - 1512... khác thì nhân gian - 1513 Mờ
màng...

- Mây sâu gió thảm chàng ràng trên người.
 1515. Tào Y trước dặn hai người,
 Rằng : Đường âm phủ nhiều người yêu ma.
 Tay chân mình mấy người ta,
 Đầu trâu mặt ngựa tên là Dạ Xoa.
 Dạ Xoa giữ việc gian tà,
 1520. Người nào mắc tội cho va hành hình.
 Có quân ngăn đón lộ trình.
 Tên là quỷ Tốt cái hình lạ thay.
 Lớn đầu vắn cẳng dài tay,
 Xù tay lồi mắt mũi dày răng to.
 1525. Cho hay nó thực hung đồ,
 Thấy sao hay vậy chớ phò hởi gì.
 Có ta vâng lệnh ra đi,
 Lòng nghi muốn hỏi việc gì nói cho.
 Phút đà đi đến bến đò,
 1530. Bến đò đưa rước chẳng lo tốn tiền.
 Bia đề hai chữ "Hoàng tuyền",
 Người qua kẻ lại liên liên tối ngày.
 Người kêu chín tuổi ngấm hay,
 Chín kia số hết tuổi này đò đưa.
 1535. Qua vừa khỏi bến đò đưa.
 Thấy bấy chớ dữ ngăn ngừa đũa gian.

Khảo dị

- 1516 Đàng đi... loài... - 1520... cho tra hành hình - 1523 Sớm đầu... -
 1524 Xù tai... mũi dài... - 1527... đem đi - 1529 Phút đầu... - 1532... liên
 liên ngày đêm - 1533... chín tuổi Cầm diêm - 1534... tuổi thêm đò đầy -
 1535... đò này - 1536... ngăn này đường đi

- Xa xem vắn vện đen sì.
 Om sòm đứng sủa dị kỳ rất hung.
 Bên đường thấy tám bài phong,
 1540. Chạm ba chữ vòng rằng A Cầu thôn.
 Có quân quỷ Tốt đương môn,
 Người đi qua lại ý khôn dám kể.
 Tào Y gờ cái thẻ đề,
 Dem nhau mới dựng một bê cho xuôi.
 1545. Hoà đi hoà ghé mắt coi,
 Thấy quân quỷ Tốt cầm roi đánh người.
 Dẫn đi một lũ vài người,
 Kêu rằng : Thấy pháp đối người thế gian.
 Chúng đau chẳng dụng thuốc thang,
 1550. Lòng tham tiền của bày đàng chữa chuyên.
 Khoe khoang nhiều phép linh thiêng,
 Phỉnh treo trạng khoán ăn tiền đũa ngu.
 Bày điều đóng ấn vẽ phù,
 Láo sai binh tướng bắt tù Long vương.
 1555. Nhà dân cúng đất lễ thường,
 Dám kêu tên đế năm phương ngán ngấm.
 Làm cho đời mắc lỗi lầm,

Khảo dị

- 1538 Hầm hầm đứng sủa... - 1539 Bên đường có thẻ... - 1540 Chữ cầm
 ba vòng... - 1543 Tào Y đưa cái... - 1544 Dem nhau tới dựng... - 1545
 vừa đi vừa ghé... - 1546... gờ roi đánh người - 1548 Kêu là... - 1549 Người
 đau... - 1550 Lòng tham tiền bạc... - 1554... Diêm vương - 1555... lệ thường
 - 1557 Làm cho người mắc...

- Ấy là loạn đạo tội dâm ngày sau.
 Để bấy chó giữ dưa nhau,
 1560. Xé thây lủ ấy cắn đầu nhân gan.
 Hai chàng xem thấy càng thương.
 Đi ra khỏi cửa hỏi chàng Tào Y.
 Hỏi rằng : Pháp lục tội chi,
 Cho bấy chó dữ một khi hành hình ?
 1565. Đáp rằng : Thấy pháp nó khinh,
 Dối trong trời đất chư linh chẳng vì.
 Đời xưa phép lục ai bì.
 Trừ ma ếm quỷ việc gì chẳng hay.
 Lão quân mất sách đến nay,
 1570. Đời sau bắt chước liền bày phép xiên.
 Nói rồi vội vã đi liền,
 Khỏi nơi Ác Cấu gần miền Đào San.
 Đào San địa phủ chữ vàng,
 Bia dựng bên đường ai thấy cũng kinh.
 1575. Núi non đá mọc như bình,
 Bày ra sắc lém như hình gương dao.
 Có quân quỷ Tốt lao xao,
 Đón đường tra hỏi người nào dám qua.
 Tào Y giờ cái thẻ ra,
 1580. Dem đi cửa ấy liếc mà xem coi.

Khảo đi

1560...nhai đầu ăn gan - 1561 Hai người...liền than - 1563...Thầy pháp
 tội chi - 1566...phép lục ai bì - 1567...cũng hay - 1576...phủ đạo - 1578...ai
 nào dám qua - 1580 Đi qua cửa khác...

- Thấy quân quỷ Tốt cầm roi,
 Dẫn thây địa lý đi đòi chứng tra.
 Trăm rỗi dẫn các thầy ra,
 Kể bao nhiêu tội cho và nghe cùng.
 1585. Nhà ai rui mắc tang hung,
 Phình đi coi đất dặng mong ăn tiền.
 Khoe tài rằng học phép tiên,
 Tâm long điểm huyết chôn liền giàu sang.
 Ai mà chẳng dụng địa bàn,
 1590. Chôn nhầm cuộc xấu ất mang tai trời.
 Lấy câu bản phú đất đời,
 Bày nơi ngũ hoạn chỉ nơi lục thần.
 Khiến cho đời chuộng lãng nhăng,
 Coi thân cha mẹ nhẹ bằng cỏ tranh.
 1595. Người thời tham chữ công danh,
 Thác không chôn cất để dành thầy toan.
 Người thời tham việc giàu sang,
 Theo thầy tâm đất để quần lâu năm.
 Nghĩ điều hoặc thế mà cầm,
 1600. Tội này đã đáng vào dâm Đào San.
 Dạ Xoa đứng dưới Đào San,
 Bắt thầy địa lý quăng ngang trên hình.

Khảo đi

1582...hỏi đòi chứng tra - 1587 Khoe khoang rằng... - 1591...phủ quí
 đắc người - 1592 Bày nơi ngũ quí... - 1593 Khiến cho thói chuộng... - 1594...
 rẻ bằng cỏ tranh - 1596 Thác không mai táng... - 1597 Người thầy ham
 việc... - 1598 Nghe theo thầy tục... - 1600 Tội kia... thấy dâm Đào San

- Núi non dao kiếm gập ghềnh,
Quăng lên lẫn xuống thân hình còn chi.
1605. Hai chàng xem thấy ai bì,
Buông lời mới hỏi Tạo Y vội vàng :
Chẳng hay phong thủy mấy chàng,
Tội chi mắc phải Đao San hành hình ?
Đáp rằng : Trong số tử sanh,
1610. Trời đã định trước ại tránh dạng dẫu ?
Từ xưa vua Vũ làm dẫu,
Phép bày địa lý để âu trị đời.
Đến sau phong thủy các nơi,
Học đòi coi đất đua bơi tài nghệ.
1615. Bày ra làm sách xằng xê,
Lập phương định cục nhiều bề vớng khi.
Đua nhau cãi số trời đi,
Khiến người mắc phải tai nguy một dòng.
Nói rồi dời bước thẳng xông,
1620. Dương Từ Hà Mậu ra công đi tìm.
Đi vừa tới chốn sông Diêm,
Thấy cái cầu nghiêm không lót ván đi.
Bắc ngang qua một cái cây,
Dưới cầu những rắn hổ mây mãng xà.

Khảo dị

1603 Hai người coi thấy thất kinh - 1605 Hai người mắt thấy... - 1606 Mang lời đều hỏi... - 1607 ...mấy chàng - 1610 Là trời dành để... - 1614 Học đòi coi quê... - 1615...không xuê - 1616 Ngũ phương định hướng làm bề... - 1618...tai nạn gian nguy một dòng - 1620 ...hỏi tìm - 1621 Đi vừa đến bến... - 1622 Thấy cái cầu chìm...

1625. Bự mống bày tích như hoa,
Ngọc đầu dò tuổi vô ra dập diu.
Bla để rằng : Nại Hà kiều,
Người nào có phước quí diu dất qua.
Ai mà có tội đem ra,
1630. Quí xô xuống đó mãng xà cắn thây.
Có quân quí Tốt đông đây,
Đón người qua lại cầu nầy hỏi tra.
Tạo Y giơ cái thẻ ra,
Quí đều vàng lĩnh dất qua khỏi cầu.
1635. Dạ Xoa chẳng biết ở đâu,
Dẫn ra một lũ trọc đầu đương đi.
Dương Từ ngó thấy lòng nghi.
Khuyến nhau chậm bước một khi cho tường.
Bốn phương thấy sãi rõ ràng,
1640. Cổ gông tay trói lang thang áo quần.
Quí đi cầm thẻ rao rân,
Nói rằng : Thấy sãi sao thân điểm dàng ?
Kể từ sống ở dương gian,
Sợ sưu thuế nặng tìm dàng đi tu.
1645. Vô chùa làm chúc cạo đầu,
Trốn vua theo Phật luống cầu rảnh tay,
Ghe phen đi ứng làm chay,

Khảo dị

1625 Có mống có tích... - 1626 Ngọc đầu ngọc cổ lôi ra... - 1627 Bài đề là... - 1628 Ai mà có phước thời... - 1633...đưa cái thẻ ra - 1636...đem đi - 1638...đặng khi xem tường - 1644 Sợ sưu trốn thuế... - 1646...trông cầu rảnh tay - 1647 Ghe phen cũng vãi...

- Liên ngôi chốn tế việc bày đặt ra.
 Cho đi phổ khuyến người ta,
 1650. Bán rao tiếng Phật khắp nhà chúng sinh.
 Bày điều nói kệ nói kinh,
 Đúc chuông đúc Phật rập rình ra vô.
 Miệng thời niệm chữ nam vô,
 Lòng thời gấm ghé các cô đi chùa.
 1655. Áo cơm chẳng tốn tiền mua,
 No lòng ẩm cật lại đua thối xằng.
 Tham câu sắc dục ai bằng,
 Lòng lang dạ cáo lằng nhằng trọn đời.
 Khi buồn cô vãi dạ chơi,
 1660. Khi vui vợ khách cùng nơi thanh lâu.
 Chẳng chừa thịt chó thịt trâu,
 Trối thân giới cấm mặc dầu no say.
 Ngoài am giả dạng ăn chay,
 Trong treo rượu thịt liên ngày vui chơi.
 1665. Ở đời lại quyết rồi đời,
 Trong mình chẳng đoái lẽ trời là chi.
 Phui pha hai chữ dân di,
 Một câu trung hiếu bỏ đi không màng.
 Đến nay thác xuống suối vàng,

Khảo dị

- 1648 ...đặt bày việc ra - 1651 Bày đường... 1652 Mõ chuông của Phật...
 - 1654 Mắt xem... mấy cô đi chùa - 1655 ... khỏi tốn tiền mua - 1659...
 đồ chơi - 1664 Trong lầu... ngày ngày liên xoi - 1665...đổi đời - 1666
 Trong mình chẳng sợ... - 1667...luân dị - 1668... chẳng màng

1670. Ăn tào biên chép tội chàng khó nhiều.
 Tra rồi tới Nại Hà kiều,
 Xô cho bấy rần xúm mà ăn thây.
 Tiếng nghe la khóc vang đầy,
 Dưới cầu sóng dợn máu đầy sông Diêm.
 1675. Dương Từ khó nổi mắt xem,
 Rằng : Ta còn phải đi tìm làm chi ?
 Thấy vậy cũng biết thị phi,
 Đã đành trót phận qui y lâm đàn.
 Nhớ xưa trong miếu họ Hàn,
 1680. Dẫn ra đi chém lời bàn như nay.
 Tiếc công tu luyện nhiều ngày,
 Bỏ nhà bỏ cửa đến nay mới tường.
 Thôi thôi từ giã hai chàng,
 Ta xin trở lại tìm đàn cố hương.
 1685. Tào Y nghe nói liên can,
 Rằng : Người muốn xuống suối vàng ngăn ngơ.
 Thề cho đi trọn mười giờ,
 Tới nay dạng nửa khó mơ trở về.
 Họ Hà thấy vậy ù ề,
 1690. Rằng : Xin gấn vó trọn bề thủy chung.
 Gượng đi tìm khắp các cung,
 Vây sau mới biết đạo tòng mà theo.

Khảo dị

- 1670 Ăn tào sáng chép... - 1671 Tra rồi đem tới... 1672 Xô cho loài
 rần xúm nhiều - 1674... huyết đầy sông Diêm - 1680... xem giàn như đây
 - 1682... tới đây mới tường - 1686 Rằng : Người muốn ở... - 1688 Đây
 chưa... - 1689...thấy nói ù ề

- Tiếng chuông chẳng đánh sao kêu,
Đền kia dù tỏ không khêu cũng lờ.
1695. Dương Từ nghe phải làm ngơ,
Gắng đi theo dõi trọn giờ cùng nhau.
Xiết bao mặt ủ mày chau,
Nghĩ trong mình sãi ruột đau như dần.
Đem nhau dời bước đi lần,
1700. Phút đâu tới gần bãi cát Hoàng Sa.
Hoàng Sa hai chữ bĩa đề,
Mặt nhìn cảnh vật nào nề khá thương.
Dầu dầu cỏ úa hoa tàn,
Lơ thơ trên bãi cát vàng buồn thay.
1705. Gió âm riu rít lá cây,
Đồng mưa án sét bóng mây mịt mù.
Khắp xem bốn phía bụi bờ,
Ngỡ là cảnh vật bơ thờ ở đây.
Nào hay làng xóm đông tây,
1710. Có nơi chợ quán xum vầy người ta.
Kêu tên rằng chợ Âm La,
Người buôn kẻ bán cửa nhà rất đông.
Họ Hà chưa hân tẩm lòng,
Hỏi sao âm phủ thói đồng dương gian ?

Khảo dị

1693 *Chuông kia...* - 1694 *Đền kia muốn tỏ...* - 1698... *phận sãi ruột sâu xót xa* - 1699 *Đi vừa một dỗi xa xa* - 1700... *bãi cát Hoàng Sa gần kề* - 1701... *bảng đề* - 1702... *thờ than* - 1704 *Xơ rơ...* - 1705 *Gió âm hiu hắt...* - 1706 *Mưa thôn bạc bạc...mờ mờ* - 1708 *Ếo le... đặt dờ ở đây* - 1710... *chợ búa có bầy người ta*

1715. Tào Y tỏ vẽ mọi đảng,
Dương gian âm phủ cơ quan cũng đồng.
Khác là khác việc hoá công,
Cõi phân chữ hạ chữ trung rõ ràng.
Sống thời ở cõi dương gian,
1720. Thác về âm phủ là đảng xưa nay.
Họ Hà nghe tiếng tỏ bày,
Hỏi thăm dòng họ chốn này chưa ra.
Đi vừa khỏi bãi Hoàng Sa,
Tới nơi cửa ải thấy đà nên kinh.
1725. Cho hay dưới cõi u minh,
Rất nhiều âm tướng âm binh nhộn nhằng.
Bĩa đề rằng Quí Môn quan,
Vô ra biết mấy mươi đoàn tội nhân.
Người thời mắc tội vô luân,
1730. Kẻ thời vô đạo rần rần dần ra.
Lũ kia con gái đàn bà,
Đoàn thời trai tráng ông già biết bao.
Chẳng hay dẫn tới ngục nào,
Nghe quân quí Tốt cầm rao thẻ rằng :
1735. Dương gian nhiều kẻ tham nhăng,
Trong nhà giàu có lòng hăng bất nhân.
Cho vay đặt nợ muôn phần,
Lợi trung gia lợi khổ thân đưa nghèo.

Khảo dị

1719... ở *cảnh* dương gian - 1721... *nghe tiếng rõ bày* - 1732 *Đoàn này...* - *xiết bao* - 1738... *nhà nghèo*

- Không tiền lại bắt về treo,
 1740. Khiến làm đầy tớ ở theo việc nhà.
 Gông cùm xiềng trói dẫn ra,
 Bàng xằng lữ bảy đoàn ba chạt đường.
 Kia là thơ lại ở quan,
 Chuộng bề đối trá khoe khoang hơn người.
 1745. Trau dồi đao bút cho tươi,
 Ấn sanh làm tử cất mười xàng xàng.
 Dắt người vào tội thác oan,
 Tham ăn hối lộ cho sang cửa nhà.
 Đây là công cổ chư gia,
 1750. Đều tham chữ lợi lại hoà chữ gian.
 Lợi gian hai chữ dấy loạn,
 Nhà buôn nhà thợ mắc nần đã ưng.
 Thấy vậy nên dừng dừng dừng,
 Ở đừng vô đạo ở đừng vô luân.
 1755. Đã sa vào tội bất nhân,
 Dầu cho muôn kiếp cái thân ra gì.
 Tạo Y giờ cái thẻ đi,
 Qua rồi cửa quĩ kịp khi tới thành.
 Bia đề rằng : Uống Tử thanh,

Khảo dị

- 1741 Gông cùm trắng trói... - 1742 Lẳng xằng... - 1743... nhà quan -
 1744 Chuộng bề xỏ trá... - 1747... thác ngang - 1748 Ham ăn của cải... -
 1752 Nhà buôn nhà bán... - 1754... cũng dừng vô luân - 1755 Đã lâm... - 1757
 Tạo Y cầm cái thẻ... - 1759 Bài đề .

1760. Ở trong rục rở cung đình nghiêm trang.
 Đền son cửa tía lầu vàng,
 Hân hoan thực chỗ Diêm vương trị vì.
 Các nơi chứa ngục âm trì,
 Tới nơi châu chực án tào ban ra.
 1765. Tội nào cái lại cho tra,
 Tội nào đáng quyết giao ra hành hình.
 Biết bao nhiêu kẻ tội tình,
 Thác oan thác uống vong linh dật dờ.
 Hồn thời rần chúng đại thợ,
 1770. Hồn thời đơn tả coi tờ giấy không.
 Đàn bà cho đến đàn ông,
 Dem nhau quỳ trước sân rồng thiếu chi.
 Trâu dê heo chó đều đi,
 Mồm thời cắn trạng vào quĩ Diêm vương.
 1775. Mới hay vật cũng chịu oan,
 Thác không đáng thác xương tan thịt lìa.
 Hai người quĩ sứ đứng chia,
 Kẻ thâu đơn trạng người địa khẩu rao.
 Hai người chưa tỏ lẽ nào,
 1780. Dem nhau tới chốn án tào coi chơi.
 Thấy quân quĩ Tốt vài mươi,

Khảo dị

- 1761 Đền son gác tía... - 1762... để chốn Diêm quan trị... - 1764... ăn từ
 ban ra - 1765 Tội nào nghi... - 1766 đoán quyết cho ra hành hình - 1767... phạm
 tội hình - 1768 Thác oan uống ử... - 1769 Hồn thời mượn chúng... -
 1770... đội trạng đội tờ giấy không - 1774... Diêm quan - 1777... đứng kẻ
 - 1778... người thì kêu rao - 1781... quĩ sứ ba người

- Dẫn tới một người về đạo Dương di
 Ở đời làm việc thế y,
 Chú ruột Châu Kỳ tên gọi Châu Phan.
 1785. Họ Hà nghe nói rõ ràng,
 Hỏi rằng : Sao chú hầy còn tội chi ?
 Đáp rằng : Mang tội làm thầy,
 Hốt lăm thang thuốc hại lầy một người.
 Đạo ta đây có ba người,
 1790. Hầy con ở cửa thứ mười xin ăn.
 Một người tên gọi Hà Năng,
 Thực người Hà Mậu kêu rằng ngôi ông.
 Châu Phan đương nói chưa xong,
 Quỷ bèn nắm kéo vào trong án tào.
 1795. Lại nghe quỷ sứ lao xao,
 Dẫn một người vào đầu trọc mang gông.
 Dương Từ xem thấy nghi lòng.
 Lại gần nhìn thực người trong chùa mình.
 Hỏi rằng : Hoà thượng tu hành,
 1800. Nhân sao lại mắc tội tình chi đây ?
 Đáp rằng : Từ đó chơi mây,
 Vân am khuya sớm một vầy kẻ kinh.
 Chẳng may làm bệnh xá sinh,
 Chưa hay mắc buổi âm linh tội gì ?

Khảo dị

1782 ...chưa biết tội chi - 1783...nghiệp thế y - 1785 Họ Hà nhìn thấy...
 - 1786... Sao chú lăm dăng nơi đây ? - 1788... mạng người - 1794 Quỷ đã kéo
 cổ... - 1798... vốn thực thầy trong chùa mình - 1801... từ thuở chơi mây -
 1802...hôm sớm hằng vầy kẻ kinh - 1804 Chưa hay buổi ấy...

1805. Nổi rồi quỷ sứ dẫn đi,
 Vào trong tào án một khi tra tường.
 Án thảo quỷ sứ tả chương,
 Dâng lên bệ ngọc Diêm vương xử rằng :
 Châu Phan là đứa vô ân,
 1810. Đành lòng chẳng đoái mộ phần tổ tiên,
 Minh sanh ở cõi trung nguyên,
 Nỡ theo đạo mọi bỏ duyên cương thường*.
 Lý ứng về nước Tây dương,
 Cho con thiên cầu ăn gan xé hỗn.
 1815. Hiềm vì nghề thuốc đa môn,
 Chẳng coi sách vở làm khôn hại người.
 Phó ra cấm cửa thứ mười,
 Dẫn đi hành tội cho người thấy ghê.
 Hành rồi hoá kiếp làm dê,
 1820. Đủ năm mươi kiếp đuổi về nước Tây.*
 Về Tây cho chó ăn mây,
 Hết đời thăng đại làm thầy thuốc thang.
 Dạ Xoa vâng lệnh phăng phăng,
 Từ mười dẫn tới một thằng Châu Phan.
 1825. Diêm vương phán trước ngai vàng,

Khảo dị

1806 Vào án tào ấy... - 1807...phụng chương - 1808 Đặng dăng...ngư
 rằng - 1810 Đành lòng chẳng tưởng... - 1811 Minh sanh trong cõi...

* Bản TV lược ba câu : 1812, 1813, 1814.

1815... nghề nghiệp y môn - 1817 Phó cho...

* Bản TV lược ba câu : 1820, 1821, 1822. - 1824 Ngục mười dẫn lại
 giao thăng...

- Rằng : Người Trần Kỳ sao chàng đi tu ?
 Tiếng xưa có biết chữ nhu,
 Há không thấy sách Xuân thu dạy đời.
 Ngoài Di trong Hạ khác trời,
 1830. Bỏ ta theo mọi chuộng lời nam vô.
 Mấy năm ở cội Phù Đồ,
 Xưng rằng Hòa thượng nói phô hoang đường.
 Ruộng thời tam bảo ăn thường,
 Của thời sẵn của thập phương cúng dường.
 1835. Vả xưa Phật ở Tây phương,
 Sống không biết lẽ cang thường là chi.
 Trau lòng hai chữ từ bi,
 Việc nhà việc nước ích gì tới ai.
 Làm người sao chẳng theo loài,
 1840. Thảo cha ngay chúa đoái hoài chi dẫu.
 Đành lòng cắt hết tóc râu,
 Đã toan bắt từ lại âu bắt thân.
 Tội kia đã đáng muôn phần,
 Khó dung cho đó làm thân con người.
 1845. Trước cho bấy rần cần tươi,
 Rồi sau cho hóa kiếp người làm trâu,
 Chín mươi kiếp cũng làm trâu,

Khảo dị

- 1827 Tiếng xưa cũng biết... - 1828 Há không coi sách... - 1829 Ngoài
 Di Trung quốc... - 1830 Phụ nho theo Phật... - 1331 Mấy năm ở chốn...
 - 1834 Ruộng thời sẵn có... - 1837 Luyện lòng... - 1838... biết gì tới ai
 - 1843 Tội kia đã đến... - 1845... ăn tươi - 1847 Hành cho chín kiếp rất
 lâu

- Để ăn cơm có dầu tắm thân.
 Đa Xoa vắng lãnh họ Trần,
 1850. Dem giao chúa ngục ở phần sông Diêm.
 Có quân qui Tốt liền đem,
 Dẫn qua tào án còn giam nửa giờ.
 Dương Từ khóc lóc bơ vơ,
 Rằng : Nay hòa thượng biết nhờ cậy ai ?
 1855. Kỳ rằng : Ta hỏi Thiện Trai,
 Có sao xuống chốn âm đài làm chi ?
 Thừa rằng : Tìm dấu Mâu Ni,
 Ngõ xin khỏi tiếng thị phi trên đời.
 Kỳ rằng : Ta trốn việc đời.
 1860. Đã đành lỗi đạo cùng trời đất kia.
 Ngàn năm trong cội thiên kia,
 Lấy ta làm một tấm bia cho người.
 Người về xin gửi vài lời,
 Nói cùng thầy sãi các nơi chùa chiền.
 1865. Trở ra theo đạo thánh hiền,
 Lo bề nhà nước chớ nguyên đi tu.
 Tu chi mắc kiếp làm trâu,
 Lại xô xuống cầu cho rần ăn thây.
 Nói rồi qui Tốt dẫn đi,

Khảo dị

- 1849 Đa Xoa lãnh nạp... - 1853 Dương Từ theo khóc... - 1856... chuyện
 chi - 1859... Trốn lánh việc đời - 1862... tấm bia để đời - 1864 Nói cùng
 tăng sãi... - 1865 Trở về... - 1866 Lo bề nhà sửa... - 1868... phân thây

* Bản TV lược mười tám câu, từ câu 1869 đến câu 1886

1870. Dương Từ chỉ xiết sâu bi nổi thây.
 Châu Phan nói họ Hà này,
 Thấy vậy nên lạy già từ Du Di.
 Người về nhẩn với Châu Kỳ :
 Đem kinh tả đạo đốt đi cho rồi.
1875. Ba đời công uổng cũng thôi,
 Thuận theo đạo chính trau dồi đạo nho.
 Đạo nho là đạo trời cho,
 Truyện hiền kinh thánh nhiều pho dạy đời.
 Chớ tin theo đạo Chúa trời,
1880. Ngày sau lại hóa kiếp người làm dê.
 Làm dê chẳng dặng trọn bề.
 Hành cho hết kiếp đuổi về nước Tây.
 Về Tây cho chó ăn thây,
 Dứt trong căn số cái bầy Da Tô.
1885. Gởi cho hai chữ cái đồ,
 Để đời con cháu khỏi vô lạc làng.
 Đương phò quỉ Tốt đánh ngang.
 Dẫn tới ngục đàng chịu phép khảo tra.
 Châu Phan sùi sụt bước ra,
1890. Họ Hà thấy vậy xót xa phận mình.
 Tạo Y quỉ sứ có tình,
 Đem qua các chốn ngục hình xem coi.
 Bìa đề hai chữ Phong Lôi,
 Ngục này để trị bầy tôi gian tà.

Khảo dị

1887 Dương phò quỉ sứ... - 1893 Bài đề...

1895. Hung dữ thay quỉ Dạ Xoa,
 Bất bầy tôi nịnh dẫn ra hành hình.
 Tay chân đều mắc gông dính,
 Ngồi trên tấm thớt phơi hình trần thây,
 Người giảng nằm giữa mặt trời,
1900. Kề giảng người sắp khắp nơi dân rồi.
 Phút nghe một tiếng âm lôi,
 Nổ ra sấm sét đánh bồi trên thây.
 Trước sân lai láng máu đây,
 Tan xương nát thịt cái bầy tôi gian.
1905. Coi tên đều thuở Hán Đường,
 Thập thường thị với hoạn quan bốn bề.
 Hành rồi sái phép dẽ mây,
 Hoàn hồn phách lại dẫn về chỗ giam.
 Cũng vì một tấm lòng tham,
1910. Sầu dân một nước đành làm bất nhân.
 Làm tôi mang chữ bất trung,
 Phép trong trời đất chẳng dung người nào.
 Coi rồi cửa ải tù lao,
 Coi qua cửa khác bậc nào người ta.
1915. Bìa đề hai chữ Hòa Xa,

Khảo dị

1895 Hung thay quỉ tốt... - 1896... đem ra hành hình - 1897... đều có
 đóng dính. - 1898 Nằm trên... lỏa hình trần phơi - 1899... nằm giữa ngó
 trời - 1900 Người thời nằm... rẽ rồi - 1901 Phút đầu... - 1904... quân gian
 - 1906... ấy với đoàn hoạn quan - 1907... linh đan - 1908 Thân hoàn hồn
 phách lại hoàn ngục giam - 1910... đều làm chẳng công - 1912... đứa nào
 - 1914... những nào tội nhân - 1915 Bài đề.. Hòa quân

- Ngục này trị kẻ dâm tà vô luân.
 Mười cây đồng trụ trước sân,
 Xối dầu xém má lửa hừng đốt xông.
 Lửa xe đốt đỏ cột đồng,
 1920. Dạ Xoa dẫn tới đàn ông một đoàn.
 Tay cầm roi sắt đánh phang,
 Khiến xông vào lửa ôm ngang cột đồng.
 Thịt xương lửa đỏ theo đồng,
 Khói bay tanh khét như xông a ngù.
 1925. Coi vào trong thẻ án ghi,
 Họ tên lữ ấy một khi mới tường.
 Thầy đều mắc tội hòa gian,
 Vợ người đã lấy lại toan hại chồng.
 Coi rồi bên tả đàn ông,
 1930. Ngó qua phía hữu rất đông đàn bà.
 Trước sân bày vạc dầu ra,
 Dầu sôi sục sục lửa xa hằng hằng.
 Một đoàn phụ nữ truồng trần,
 Buộc vào để đứng lửa thân chịu hình.
 1935. Dạ Xoa cửa kéo nên kinh,
 Cửa dầu đến dứt rã mình làm hai,
 Lòng hai mình cũng chia hai,

Khảo dị

1916... vô luân loạn thân - 1917 Cột đồng cầm đứng... - 1918 Chế dầu
 lửa đốt rần rần như giếng - 1919 Lửa xe chói đỏ... - 1923 Thịt xương
 chói đỏ... - 1928... còn toan giết chồng. Bản ZfB đề : ... hại người - 1929
 Coi rồi phía tả... - 1932... lửa ra rần rần - 1933 Một bày... - 1937... người
 cũng chia hai

- Bỏ vào dầu vạc nấu hoài cho tiêu.
 Coi vào trong thẻ án nêu,
 1940. Họ tên lữ ấy thấy đều dâm bôn.
 Thông gian mình gọi rằng khôn,
 Ở đời chẳng sợ tiếng đồn ô danh.
 Coi chồng như đứa vô tình,
 Ngày đêm những mắng rập rình cùng trai.
 1945. Chê cười cũng trối thầy ai,
 Kiểm lời che mắt lấp tai thằng chồng.
 Dầu cho đại cũng là chồng,
 Lòng không đành nghĩ nó không biết gì.
 Rõ ràng có chứng tử tri,
 1950. Việc trong buồng kín âm trì tỏ biên.
 Giết chồng có phép nước chuyên,
 Âm thầm có phép cứu tuyền cửa hai.
 Cho hay những điệu lấy trai,
 Thiên tru địa lục hỡi ai nên chừa.
 1955. Tào Y thấy vậy chẳng ưa,
 Coi qua cửa khác ngăn ngừa đứa gian.
 Bia đề hai chữ Kim Cang,
 Ngục này để trị những người bất nhân.
 Mấy thằng trộm cướp sát nhân,
 1960. Cối đồng chày giã tẩm thân nát nghiền.

Khảo dị

1938 Bỏ vào dầu nấu... - 1941... mình nghĩ rằng khôn - 1948 Lòng sao
 dám nói... - 1950... lại biên - 1953... những tội lấy trai - 1956... phép
 ngừa đứa gian - 1958... những đàn bất nhân - 1960 Cối đồng xay giã...

- Làm con chẳng thảo chẳng hiền,
 Minh treo cần sắt cung liên bắn lên.
 Bắn cho văng thịt theo tên,
 Hỏi ơn cha mẹ đã đền dâng chưa ?
1965. Mấy thằng nói thiếu nói thừa,
 Cầm kềm kéo lưỡi ra đưa khỏi hàm.
 Kể sao xiết tội gian tham,
 Dạ Xoa cứ phép lại đem hành hình.
- Kim Cang cửa chín đã rành,
 1970. Cửa mười cũng nổi sẵn dừng lại đây.
 Bia đề Minh Lành ngục này,
 Để trị những bầy bại lễ loạn luân.
- Loài người ăn ở bất phân,
 Anh em lấy bầy nhớp thân làm người.
1975. Trẻ già chẳng tròn mấy mươi,
 Âm thầm chẳng biết hổ ngươi cùng trời.
 Mây mưa làm thói nhớp đời,
 Bà con nào kể lẽ trời nào kiêng.
- Dạ Xoa theo án xử liền,
 1980. Bắt đoàn trai gái cứ phen hành hình.
- Kẻ thời đội chậu máu tanh,
 Ngồi bàn chông sắt máu doanh ruồi lằng.

Khảo dị :

1965... ăn nói thiếu thừa - 1966 Bắt kềm... - 1967... nỗi gian tham -
 1968... đều đem hành hình. - 1969... đến cửa đã dành - 1970... sẵn dành
 theo đây. - 1971 Bia đề Minh lịnh... - 1972 Để trị các bầy... - 1974... bắt
 phân làm người. - 1975... nào tròn mấy đời - 1977 Mây mưa quen thói...
 - 1880 Bắt đoàn con gái ghe phen... - 1981... chậu máu tanh

- Kẻ thời bụng mẹ đòi ăn,
 Cầm vò uống máu chum trắng cổ xiềng.
1985. Giường đông lạnh lẽo để liền,
 Bao nhiêu tội ấy thay phiên bắt nằm.
 Trên đầu đội nước ướt dầm,
 Sương sa tuyết ủ ruột tằm héo don.
- Lạnh lùng xương thịt tiêu mòn.
1990. Để chi nhớ nhục nước non trên đời.
 Trái qua xem thấy khắp nơi,
 Dương Từ Hà Mậu buông lời hỏi han.
 Hỏi rằng : Tội các ngục dâng,
 Hành rồi một thứ lại hoàn nguyên thân.
1995. Chẳng hay hoàn lại làm chi ?
 Hoặc là hết tội đợi kì tha chẳng.
 Tạo Y qui sử đáp rằng :
 Âm hình há dễ một tầng nào xong.
 Giết đi hoàn lại lòng thông.
2000. Ngục này hết phép còn vòng ngục kia.
 Hành rồi khắp các cửa bia,
 Dem về tào án mới chia kiếp dày.
 Đưa lên làm kiếp ăn mày,
 Thằng kia kiếp chó thằng này kiếp heo.
2005. Dầu muôn kiếp cũng phải theo,
 Làm thân súc vật đuổi theo dưỡng người.

Khảo dị

1984 Người bụng máu uống... - 1888 Sương sa lạnh lẽo... - 1889... hao
 mòn - 1998... một lần mà xong. - 1999... lòng dòng - 2001 Hành cho
 khắp hết... - 2005... noi theo. - 2006 Mã thân súc vật máu đeo dao người

- Tạo Y nói chưa hết lời,
Thấy quân quỉ Tốt tới nơi nhộn nhằng.
Dẫn đi một lũ bóng chàng,
2010. Áo quần rách nát lại mang gông xiềng.
Họ Hà buông tiếng hỏi liên :
Chẳng hay lũ ấy số biên tội gì ?
Đáp rằng : Tội chẳng nhẹ chi,
Ở trên dương thế nó khi quỉ thần.
2015. Miếu đường là chỗ thanh tân,
Trống xây giọng lý khuyên răn cầu mời.
Bà tiên bà thánh đặt lời,
Chàng Năm chàng Bảy lên chơi gái hiền.
Rập rình đàn địch trống kèn,
2020. Cơm tiền đã tốn nhang đèn lại hao.
Ai lên khẩn vái phước trao,
Ai quên cúng vái họa vào khi không.
Khuấy chơi ợ ngáp lên đồng,
Đối người giàu ngốc rằng ông quờ chàng
2025. Chè xôi rượu thịt đặt bàn,
Cho ta dâng lễ mới an cửa nhà.
Tội kia khi hoặc người ta,
Phong lời ngục nọ đem ra hành hình
Họ Dương lại hỏi đình ninh,

Khảo dị

2010... đều mang gông xiềng. - 2014... thánh thần - 2016... tiếng răn
cầu mời. - 2017 Bà tiên bà chúa... - 2018... chơi giới hiền - 2019... cổ
chiêng. - 2020... dầu đèn lại hao - 2022 Ai quên cúng quảy... - 2023 Qua
chơi... - 2024 Đối người giàu có... - 2025 Chè xôi gà vịt...

2030. Bóng chàng dường ấy đã đành tội kia.
Chẳng hay thấy thuốc tội chi,
Kìa quân quỉ Tốt dẫn đi đông dầy.
Đáp rằng : Thấy thuốc chẳng hay,
Bệnh không biết mạch đặt tay coi chừng.
2035. Lòng tham cư thói bất nhân,
Nhà giàu thời hốt bát trân thập toàn.
Nhà nghèo thời hốt thuốc ngưng,
Tía tô kinh giới ma hoàng quế chi.
Mười hai kinh lạc kể gì,
2040. Bốn mùa vận khí xây đi mặc trời.
Đau trong tạng phủ thầy người.
Thấy tiền đem tới miệng cười lòng vui.
Chín trăm phương thuốc xa xôi,
Đôi ba mươi vị phanh phui đủ làm.
2045. Một pho Thọ thế lam nham,
Coi đầu hốt đó không nhằm sách nao.
Làm hoàn làm tế hỗn hào,
Thuốc sâu cơm nguội trộn vào mật ong.
Mạng người coi nhẹ bằng lông.
2050. Uống may thời khá rui không chi thấy.
Trong tay giảo thuốc liền ngày,
Oan hồn theo khóc dầy dầy sau lưng.
Tuồng là trộm cướp bất nhân,
Ai hay thấy thuốc dữ hơn cộp đeo.

Khảo dị

2035 Lòng quen... - 2048 Thuốc sâu thuốc một... - 2049 Mạng người
coi rẻ... - 2051 Khoe mình dao thuốc.. - 2054...cộp nhiều

2055. Tội kia đã đáng đem treo,
Phong Lôi ngục nọ xử theo án tù.
Họ Dương lại thấy dẫn tù,
Mụ bà một lũ u xù đi ra.
Lặng nghe kể tội mụ bà,
2060. Quí cầm thè án trước đà rao rân.
Rao rằng : Làm mụ bất nhân,
Khiến người sanh sản tấm thân mắc nân.
Vả trời phò tánh đã an,
Có cho ai dè ngược ngang bao giờ ?
2065. Bào thai đã định ngày giờ,
Mười trăng chưa đủ phải chờ mối nên.
Vợ người chuyển bụng đau rên,
Mụ bà chẳng hỏi chớ quên tháng ngày.
Lên giường vội vả ra tay,
2070. Rằng : Ta sửa bụng cho quày dẫu ra.
Vài giờ chưa thấy sổ ra,
Thò tay lỗ dè sờ mà thăm coi.
Thăm coi rồi chẳng thấy mòi,
Lại xui hốt thuốc giục đòi cho mau.
2075. Dối rằng gần lối mào cau,
Bảo người rần rần làm nao dè đùa.
Hai tay bóp bụng đẩy xua ;

Khảo dị

2056 Kim cang... án đồ - 2058 Áo bà... u đồ đi ra. Chữ Áo (tên gọi chung các bà già) ở các câu 2059, 2068 đều được phiên ra tiếng mụ cho dễ hiểu. - 2064 Có cho ai ngược ai ngang... - 2073 Coi rồi chẳng thấy lỗ mòi

- Thấy lâu rồi lại thăm vô của mình.
Chúc nguyên bà chúa thai sanh,
2080. Đức thấy đức mụ thần linh giúp cùng.
Làm tuồng chộn rộn sợ hung,
Chủ nhà van vái tứ tung linh tàng.
Khiến con trong bụng chẳng an,
Ngặt mình phải liệu tìm đường chun ra.
2085. Chối quày chưa kịp hạ xa,
Mụ đà tay chực kéo ra vội vàng.
Những tuồng đi ngược đi ngang.
Cũng vì tay mụ vội toan sanh cầm.
Dân ngu mắc phải râm râm.
2090. Đến người khôn cũng tính lầm nhiều nơi.
Vì ai khuấy rối lẽ trời,
Khiến bài eo uột ra đời chẳng lâu.
Chịu oan trẻ nhỏ cạo đầu,
Mụ bà tội đáng xuống cầu một cây,
2095. Mậu rằng : Như cố sự này,
Đề không kêu mụ rước thấy dặng chẳng ?
Tạo Y qui sứ đáp rằng :
Coi trong sách thuốc có hằng luận minh,
Nhiếp sanh lại với thâu sanh,

Khảo dị

2081... sợ lung - 2082... bình tàng - 2084 Ngặt mình nên phải... - 2086... Mụ bà tay chặn... - 2087 Những đồ... - 2088... lòng toan sanh cầm. - 2089... chẳng biết lỗi lầm - 2090 Người khôn cũng mắc râm râm... - 2092 Khiến nên... ra vội chẳng lâu - 2093 Lẽ thời tội đáng chém đầu... - 2094 Thử dung cho nó...

2100. Nhiếp thâu hai chữ là danh mục bà.
 Chờ con trong bụng sổ ra,
 Đỡ bông lau rửa ấy là phận va.
 Xưa nay làm phận đàn bà,
 Đến ngày sanh sản như hoa trên rừng.
2105. Hoa kia nhị nở có chừng,
 Đàn bà chứa nghén cũng đừng sợ chi
 Thú cấm là loại vô tri,
 Đến khi chuyển bụng mục gì sửa cho.
 Làm người chẳng biết so đo,
2110. Cứ tin theo mục trót lo cho mình.
 Gấm câu hóa hóa sinh sinh,
 Mấy trời có sẵn trong mình người ta.
 No ngày khảm thảng đẻ ra,
 Mẹ con mạnh khỏe thầy bà làm chi.
2115. Miễn cho giữ nét đứng đi,
 Giữ bề ăn ở đừng khi qui thần.
 Dầu cho đẻ mấy mươi lần,
 Để hơn súc vật muôn phần nào lo.
 Đây đà dứt tiếng hỏi phô,
2120. Đem nhau từ chốn Phong Đô tách rời.
 Ra đi khỏi cửa thứ mười,

Khảo dị

- 2096... được chẳng. - 2102 Ấm bông... phận ta - 2104... trên cành -
 2106... thời đừng sợ chi. - 2108 Tôi chừng chuyển bụng... - 2110 Cứ toan...
 rồi ro cho mình - 2111 Gấm vật... - 2116 Theo bề... Thánh thần - 2119...
 dứt việc hỏi phô. - 2120 Đem nhau tới chốn... - 2121 Ra đi tới cửa...

- Lại gặp một người quân dân đi xin.
 Họ Hà bước tới đứng nhìn,
 Một người vóc dạc thực in con mình.
2125. Hà Năng nhìn thấy hải kinh,
 Hòa mừng hòa khóc thành linh nói ra.
 Hỏi rằng : Hà Mậu cháu ta,
 Ngày nay xuống chốn Diêm La việc gì* ?
 Thưa rằng : Tìm đạo Du Di,
2130. Xin cho rõ việc thị phi làm người.
 Nàng rằng : Chớ nói hổ ngươi,
 Một dòng kẻ đã năm đời tha bang.
 Tính lắm hai chữ thiên đàng,
 Bơ vơ đất khách lỡ làng công phu.
2135. Cho hay sự hữu đạo đầu,
 Chưa về cõi thọ ai hầu biết khôn.
 Cao tăng tổ khảo các hồn,*
 Bị con thiên cầu đều chôn vào lòng.
 Nói ra nước mắt ròng ròng,
2140. Nay còn thân cháu hãy mong tìm gì ?
 Nước Tây ông đã trốn đi,**
 Về đây lại mắc âm ty giam mình,

Khảo dị

- 2122 Lại gặp ba người - 2123 Họ Hà dừng bước... - 2124 Một người
 hình dạng... - 2125 Hà Năng chợt thấy... - 2126 Vừa mừng vừa khóc...
 * Bản TV lược bảy câu, từ câu 2128 đến câu 2134
 * Bản TV lược bốn câu từ câu 2137 đến câu 2140
 ** Bản TV lược hai câu : 2141, 2142

- Chẳng hay xử tội trọng khinh,
 Một mình chịu khổ sự tình xiết bao.
2145. Đã không vàng bạc theo tao,
 Cũng không đồng họ người nào ở đây.
 Gặp nhau chưa hết tình bày,
 Tạo Y quỉ sứ nắm tay kéo về,
 Rằng : Mười giờ hết phải về,
2150. Dùng dằng dây ắt khó bề hồi dương.
 Nói thôi dời gót vội vàng,
 Họ Hà ông cháu ra đường phân ly,
 Năng rằng : Cháu hãy về đi,
 Nói cùng các họ một khi cho tường.***
2155. Thôi thôi bỏ đạo Hoa Lang,
 Sau dấu khởi chó Tây dương ăn hồn.
 Cả mồ vàng bạc đốt đồn,
 Đặng cho ông khởi cái bốn ăn xin.
 Tay lau nước mắt trở lên.
2160. Cảm thương Hà Mậu chẳng quên mọi lời.
 Thứ nầy đến thứ trên đời,
 Dương Từ Hà Mậu về nơi tiên đài,
 Lão Nhan ở núi Thiên Thai,

Khảo dị

2143 Bấy lâu cầm ở ngục hình - 2145 Đã không tiền bạc... - 2148...
 kéo ngay ra về - 2151 Nói thôi trở gót... - 2152... hai đường phân ly.

*** Bản TV lược năm câu từ câu 2154 đến câu 2158.

2159 Nói thôi hồi cháu... - 2161 Thứ nầy đến chuyện... - 2164... hôm
 mai đợi chờ

- Ngôi chùa Linh Diệu trọn mai chờ giờ.
2165. Cõi tay đã đủ mười giờ,
 Đốt bùa làm phép như xưa hoàn hồn.
 Dương Từ Hà Mậu hai hồn*,
 Thịnh không tỉnh giấc lay tôn sư rồi.
 Họ Hà thừa việc luôn hồi,
2170. Rằng : Ta mới rõ đạo tôi tây tà.
 Ngàn năm trong cõi người ta,
 Đã đành một nỗi ông cha lâm đàn.
 Sư rằng : Đã thấy rõ ràng,
 Ta phân gốc ngọn cho chàng dặng hay.
2175. Dương di ở nước phía tây**,
 Ham đường giàu có chuộng bề khéo khôn.
 Dùng câu cơ trá đa môn,
 Dấu muôn việc cũng máy khôn đưa làm.
 Lòng trời ghét thói gian tham,
2180. Sai con thiên cầu xuống phạm làm ương.
 Liền năm theo nước Tây dương,
 Ăn hồn cái lũ bội thường nghịch thiên.
 Vua Tây lo sợ khẩn nguyên,
 Chiêm bao nằm thấy linh thiêng điềm thần.
2185. Rõ ràng một kẻ phụ nhân,

Khảo dị

2165 Đánh tay...

* Bản TV lược sáu câu từ câu 2167 đến câu 2172

2173 Thấy rằng... - 2174... hai chàng dặng hay

** Bản TV lược hai mươi sáu câu, từ câu 2175 đến câu 2200

- Một người nam tử khóa thân chịu hình.
Hỏi ra mới biết tính danh,
Chúa trời chúa mẹ tỏ tình khắp nơi.
Nói rằng : Chúa ở trên đời,
2190. Vì dân chịu tội muôn đời nhờ an.
Nương theo điếm ấy bày dàng,
Mới kêu rằng đạo Hoa Lang phụng thờ.
Từ theo đạo ấy đến giờ,
Họa con thiên cầu cũng nhờ ít ăn.
2195. Một năm cho nộp một lần,
Trăm năm hỗn hóa làm phần nhượng tai.
Vua Tây lo sợ lâu dài,
Hồn đâu cho đủ nộp hoài liền năm.
Cùng nhau toan chước lo thâm.
2200. Khiến người các nước đều lâm nghe va.
Đặt lên làm chức nhà cha*,
Cho đi dạy đạo gần xa phỉnh người.
Bùa mê thuốc cầu đổi đời,
Lòng người đều mắc vào nơi Tây tà.
2205. Sống thời kêu nó bằng cha,
Thác thời lại hóa hồn ma đem về.
Có hồn giúp nộp rất xuê,
Nước Tây mới dạng khỏi bề tai ương.
Chước thân chẳng những một phương,

Khảo dị

* Bản TV lược mười sáu câu, từ câu 2201 đến câu 2216.

2210. Muốn hiềm muôn nước theo đường làm tôi.
Dân người về đạo Tây rồi,
Nước người Tây lấy mấy hồi nhọc lo.
Ai dẫu tránh khỏi bề giờ,
Lại đem nha phiến bán cho hút ghiền.
2215. Nằm co ôm ống hút liên,
Nào lo toan chước đánh phiên dẹp loạn.
Họ Hà nghe nói rõ ràng,
Chạnh thương đời trước hai hàng lụy rơi.
Họ Dương quì lạy buông lời,
2220. Hỏi rằng : Đạo Phật ở đời dặng chẳng ?
Tôn sư chúm chiêm cười rằng :
Thói đời những mắc đạo xăng đua bơi.
Từ xưa Phật chưa ra đời.
Ba vua năm đế nối đời rất lâu.
2225. Từ ngày có Phật đến sau,
Sáu triều năm quý hại nhau bởi bởi.
Nên hư gương ở các đời,
Soi vào thời thấy phải lời bàn chi ?
Dương Hà hai họ liên quí,
2230. Hỏi rằng : Nho đạo dâm bì tiên chẳng ?
Tôn sư thông thả đáp rằng :
Đạo Tiên cũng ở trong lòng đạo Nho.
Đạo Tiên theo việc nhân du,

Khảo dị

2220... *tin* chẳng - 2223 Từ xưa trời tách... - 2226 Đến đời ngũ quý...
2229. Dương Hà hai gã... - 2232... trong hăng đạo Nho

- Đạo chơi non nước trầm phù công danh.
2235. Đạo Nho lo việc kinh doanh,
Giúp trong nhà nước cho mình cương thường.
Tiên xưa ở chốn thơ đường,
Một câu nho giáo lòng hằng chẳng quên.
Muốn theo tiên đạo cho bền,
2240. Phải tìm Nho đạo mới nên dặng mình.
Hai người tua khá hồi trình,
Đạo nào lắm phải mặc tình dơn theo.
Thưa rằng : Chút phận cheo leo,
Non xanh nước biếc xin theo đạo thấy.
2245. Sư rằng : Một cảnh tiên nầy,
Trần duyên chưa dứt ở đây khó bề,
Sao sao cũng phải trở về,
Sửa sang việc nước trọn bề sẽ hay.
Hai chàng đều tiếng thừa ngay,
2250. Rằng xin ở lại vài ngày cảnh tiên.
Tôn sư kêu Lý Tri Niên,
Khiến đem hai họ đạo miền Thiên Thai.
Trải qua mấy dặm lâu đài,
Coi thơ tiên vịnh tám bài thú xưa.

Khảo dị

- 2234... chẳng cầu công danh - 2238... lòng càng chẳng quên. - 2240
Phải tòng... phận mình - 2241 Hai người đều khá. - 2242... rập theo. -
2245 Thầy rằng... - 2246 Tiên duyên... - 2248 Sửa sang nhà cửa... - 2249
Hai người đồng tiếng... - 2250... cõi tiên - 2251 Tôn sư hồi... - 2252
Dạy đem hai gã... - 2253... chốn lâu đài - 2254 Cõi thơ tiên cảnh.

- Si vịnh**
- XIII - Lòng gồm kinh sử mấy mươi pho,
Vàng ngọc nào hơn báu học trò.
Cây trái rừng nho ra sức hái,
Lộ gành biển thánh rán công dò.
Cấm văn thêu dệt đời đời chuộng,
Đạo vị trau giồi bữa bữa no.
Gặp thuở mây xanh siêng đọc sách,
Một nhà đều hưởng lộc trời cho.
- Nông vịnh**
- XIV - Trái khi nắng hạ lúc mưa thu,
Cày cấy ghe phen việc dãi dàu.
Cúi ngựa trọn tình vài đám ruộng,
Làm ăn giữ vốn mấy con trâu.
Chuyên nghề Hậu Tắc nhà không đói,
Theo việc Mân phong nước chẳng sầu.
Nhờ gặp mùa màng trời đất thuận.
Tám trăm giống thóc một tay trâu.

*Y vịnh**

- XV - Một túi linh đơn chẳng ráo hơi,
Trong tay thường cứu mạng người đời.
Năm mùi được tánh ngày xem xét,

Khảo dị

- XIII(4)... công mô - XIII(7)... ngồi đọc sách.
XIV(2)... sức dãi dàu.
XIV (3) Cúi ngựa nương theo...
XIV(8) Năm trăm...

Trăm chứng thang danh buổi đối đời.
 Bệnh thấy chẳng câu người đói khó,
 Mạch coi liền ngán kẻ ăn chơi.
 Xưa nay thù quốc lời khen phải,
 Giúp sống dân ta trọn lẽ trời.

*Bốc vịnh**

XVI - Trái dờn thường chuộng báu thi qui,
 Nồng nức mùi hương chúa Phục Hy.
 Tám quẻ mở ra đường bí yếu,
 Sáu hào xây để máy u vi.
 Cát hung muôn việc vại lời đoán.
 Thời vận ngàn năm một lẽ suy.
 Bầy vẽ tháp trời hang đất đỏ,
 Nào con mắt tục mấy người tri.

*Công vịnh**

XVII - Hóa công máy móc ở đâu mà,
 Trăm thợ nhân gian nẩy góc ra.
 Sáu phủ đua làm nghề khéo léo,
 Năm hành sắm đủ của xây xa.
 Màu tuồng đơn kép theo hình vật,
 Mọi việc lâu mau mặc ý ta,
 Máy tạo trong tay nào có vụng ?
 Chí lắm nên giống nước cùng nhà.

Khảo dị

XV(4)... bữa đối đời - XV(5) Bệnh tới... - XV(7) Xưa lời... khen rằng phải.

XVI (2) Phảng phất... XVI(3) Tám quẻ khai ra...

* Bản TV đề đầu đề tám bài thơ này như sau : *Vịnh nông thú* (XIV),
Vịnh y thú (XV), *Vịnh bốc thú* (XVI), *Vịnh công thú* (XVII)

*Cổ vịnh**

XVIII - Một câu thế lợi mở muôn nguồn,
 Giàu có đua theo việc bán buôn.
 Các chợ sanh tài trăm họ nhóm,
 Mấy ghe thực hóa bốn phương luông.
 Trái cân Yên tử không soi dấu,
 Quyển sổ Đào chu chẳng hết tuông.
 Chờ giá một mai may gặp vận,
 Ra vào biết mấy của ngàn muôn.

*Ngư vịnh**

XIX - Ai nói rằng người hạ bạn hư,
 Chớ chê chài lưới thói bần xừ.
 Biếng theo ông Lữ câu danh lợi,
 Sánh với thầy Viên bói thủy ngư.
 Gánh cá giang hồ trăm chợ đủ,
 Chiếc thuyền phong nguyệt bốn mùa dư.
 Trọn nhờ lộc nước vui ngày tháng,
 Giềng mối trong tay giữ chặt khư.

*Tiêu vịnh**

XX - Thánh nhân còn gọi kẻ sô nhiều,
 Người chớ nên khinh thú lão tiêu.

Khảo dị

* Bản TV đề đầu đề mấy bài thơ này như sau : *Vịnh thương thú*
 (XVIII), *Vịnh ngư thú* (XIX), *Vịnh tiêu thú* (XX).

XVIII (5)... còn roi dấu - XVIII (6)... mất tuông

XIX (1)... bạc hư

Ngày tháng nghinh ngang vải gánh cùi,
Núi non dọn vến một tay riu.
Lộc rừng cũng đủ bề khuya sớm,
Nghề cũ nào lo vốn ít nhiều.
Theo phận vui trời cầm cán búa,
Mặc đời Kiệt Trụ mặc đời Nghiêu.

2255. Coi rồi tám côi thơ hay,
Họ Hà ngấm nghĩ bèn day hỏi liền.
Hỏi rằng : Đây thực cảnh tiên.
Cớ sao chuộng thú ở miền phàm dân ?
Niên rằng : Một gốc sinh dân,
2260. Người tiên không khác kẻ trần bao xa.
Từ trong tám thú trở ra,
Việc đời rồi khỏi ấy là thần tiên.
Hai chàng theo Lý Tri Niên,
Ở nơi Vân động kết nguyên đồng tâm.
2265. Ngày ngày thông thả ca ngâm,
Cùng nhau vui thú quỳnh lâm dao trì.

Khảo dị

XX (5)... hôm sớm - XX (7)... nhờ cán búa
2255... thú thơ hay - 2257... vốn cảnh tiên - 2258 Cớ sao chuộng thú
theo miền... - 2259... thiên dân - 2260 ... sánh với phàm trần dẫu xa -
2263 Hai người...

III

- Lúc nầy đến lúc Châu Kỳ,
Chạnh lòng nhớ bạn cố tri họ Hà.
Liền năm liền tháng tới nhà,
2270. Hỏi thăm tin tức lâu đà thon vón.
Liều thơ ở với hai con,
Mượn người tìm kiếm nước non mọi đàng.
Long Môn từ vắng dấu chàng,
Tình nhà man mác lòng nàng héo đon.
2275. Lìa nhau đã tám năm tròn,
Trông chồng đã mới thấy con thêm sâu.
Tuổi già mình đã liền đau,
Tắc hơi khờ nổi cầm lâu chờ chồng.
Châu Kỳ thang thuốc giúp công,
2280. Số trời không cải hết lòng thời thôi.
Liều thơ từ thuở thác rồi,
Hai con tám tuổi mồ côi nhà nghèo.
Cậu cô ép uống khiến theo,
Độc kinh xem lễ giữ lều lái xưa.
2285. Tuyết Băng lòng vốn chẳng ưa,
Chị em giữ phận đẩy đưa tiếng người.

Khảo dị

2267 Lối này tới lối... - 2272 Mượn người tìm khắp...

2273... mặt chàng

2277... mà lại hay đau - 2278 Tắc hơi... ngồi lâu chờ chàng

2281 Liều nương...

- Nói rằng : Theo đạo năm đời,
 Trong nhà nào có cái lời chi hay ?
 Cha già đi mất lâu nay,
 2290. Đức Bà đức Chúa thấy bày vẽ chi ?**
 Đọc kinh xem lễ làm gì,
 Ởn cha chẳng đoái còn ghi lễ nào ?
 Cậu cô ghét tiếng cầu cao,
 Bỏ liều đối rách lễ nào trời thấy.
 2295. Chị em hăm hút qua ngày,
 Trời xanh trời dương chầy chầy cũng xong.
 Châu Kỳ thấy nói động lòng,
 Liên cho tiền gạo để phòng nuôi nhau.
 Chị em bàn bạc cùng nhau,
 2300. Việc cha thuở trước họ Châu nói liền.
 Nói cha theo Lý Tri Niên,
 Đem đi hỏi đạo cùng tiên non Tùng.
 Vả đây lên chốn non Tùng,
 Đường đi cách trở ngó mong cũng gần,
 2305. Muốn cho đặng chữ hiếu thân,
 Phải đi lên đó một lần sẽ hay.
 Tìm cha trước phải hỏi thầy,

Khảo dị

2288 Trong kinh nào thấy có lời...

* Bản TV lược câu 2290

2292... đạo nào - 2296 ... xây xây cũng xong - 2297... cũng động lòng

2299 Chị em bàn luận...

2301 Rằng cha...

2302 ...tìm đạo cảnh tiên non Bằng - 2306 ...cho hay - 2307 Tìm cha thời phải...

- Mất còn cho hân lòng nầy mới an.
 Chị em cơm nước sửa sang,
 2310. Nhắm chừng Tùng Lãnh tìm đàng hỏi phần.
 Cảm thương Xuân Tuyết Thu Băng,
 Tuổi còn thơ bé nhọc nhằn xiết bao,
 Tìm cha lên chốn non cao,
 Rừng nhiều thú dữ lẽ nào ai hay.
 2315. Chị em đi quá nửa ngày,
 Ngần ngơ tìm kẻ hỏi rày đường ra.
 Hai bên cây đá giao hòa,
 Trong non nào có cửa nhà ai đâu ?
 Đường chim dấu thỏ luồn nhau,
 2320. Chị em ngơ ngẩn khôn cầu đường ra.
 Non tây bóng ác hầu sa,
 Cùng nhau lần bước đi qua Thạch Bàn.
 Dưới dèo lại có khe ngang,
 Mở cơm ăn uống rồi toan đón người.
 2325. Dưới chân gân mỏi khôn dời,
 Cùng nhau lần quăng trời vừa hoàng hôn.
 Khóc than tiếng dậy như cồn,

Khảo dị

2310 ...bằng ngàn phẳng phẳng - 2312 Tuổi còn thơ ấu...

2314 Kể nào thú dữ màng nào thành thoi

2316 Hỏi thăm chẳng thấy trở quây lộn ra - 2318 ...thấy của nhà chi

2321 Non đoài... hầu là - 2323 Thạch bàn... - 2324 ...hỏi người

2325 Dưới chân đau mỏi... - 2326 Cùng nhau lần thẩn phất trời...

- Kêu rằng cha hỡi linh hồn ở đâu ?
 Chứa chan ngàn thảm muôn sầu,
 2330. Hai con sống thác ai hầu biết cho.
 Ôm nhau lên đá nằm co,
 Khóc rồi lại ngủ biết lo phương gì.
 Núi non cây cối rậm rì,
 Nằm queo lại rúi gập kì đêm đông.
 2335. Thương thay sương tuyết lạnh lùng,
 Năm canh đá nệm cây mừng xiết bao.
 Bóng trăng vừa mọc lên cao,
 Một bầy thỏ trắng nhảy vào mừng vui.
 Nằm khoanh trên núi nổi đuôi,
 2340. Bao nhiêu sương tuyết lông chùi sạch trơn.
 Nằm chung hơi ấm như đờn,
 Chị em giấc ngủ nhờ ơn đặt bên.
 Văng đông hầu ló bóng lên,
 Giật mình thức dậy thỏ bên nhảy liên.
 2345. Ngày sau việc ấy sách biên,
 Tượng tình mộng nguyệt rõ duyên họ Hà,
 Mặt trời đến lúc sáng ra,
 Chị em lòng đối xót xa phận mình.
 Chim đâu bay đến thình lình,

Khảo dị

- 2331 Đất nhau... - 2333 Non cao... - 2334 Nằm queo lại ngủ... - 2336
 Năm canh đá gối sương mừng... - 2337... vừa thấy lên cao.
 2339 Nằm khoanh trên đá... - 2341 Đêm đông hơi ngáy tợ đàn
 2343 Văng ô vừa ló... - 2344 Giật mình thức thấy...
 2346... kết duyên Dương Hà - 2347 Mặt trời vừa ló...

2350. Xanh mào đỏ mỏ chân hình thoa son,
 Đậu trên đầu đá hai con,
 Trái đào mỏ gập quăng luôn xuống cho.
 Chị em cầm ngửi thơm tho,
 Nhờ ăn đào ấy dặng nợ tấm lòng.
 2355. Chưa hay đi dặng là không,
 Đoạn sau mới biết cùng thông mọi đường.
 Thử nấy tới thử Tấn vương,
 Sửa sang nhà nước bốn phương vững vàng.
 Buổi chầu nhóm đủ bách quan,
 2360. Hai bên văn võ ngồi bàn việc dân.
 Có quan báo giá họ Tấn,
 Quì dâng phiến sớ ở phần Dự Châu.
 Tấn vương coi sớ ngoại tâu,
 Mới hay một quận Dự Châu mất mùa.
 2365. Phán rằng : Nghiêu Thuấn làm vua,
 Chín năm nước lụt mà mùa chẳng hур.
 Bởi vì nhân đức có dư,
 Phải toan giữ đức dặng trừ chữ tai.
 Ngày nay châu Dự hung tai,
 2370. Muôn dân đối khổ nào ai đỡ dầy.

Khảo dị

- 3350 Xanh lông đỏ mỏ thực hình...
 2355... cùng không - 2357 Thử nấy tới chuyện...
 2359... đông mặt bá quan - 2360... đều bàn việc dân - 2362 Quì dâng
 lời sớ... - 2363... xem thấy lòng sầu
 2364 Mới hay một trấn... - 2367 Vì lòng lo sợ...
 2369... châu Dự cõi ngoài - 2370... đối khổ... đỡ dần

- Tân khanh trước bệ liên tâu,
Xin đi kinh lược Dự Châu một lần.
Trước là chốn thái muôn dân,
Sau răn quan lại khỏi phân lăm tham.
2375. Tấn vương y tấu cho làm
Phê rằng : Thay trăm đông nam tuần hành.
Tân khanh vâng lệnh triều đình,
Lui về sắm sửa dàn binh mã rồi.
Về dinh tạm nghỉ một hồi,
2380. Phu nhân ra chúc tiệc bồi lễ đưa.
Thưa rằng : Cấm nổi dây dưa,
Đoái câu lân chỉ nhà chưa phi nguyên.
Nay ông vâng lệnh hành biên,
Ra duyên nối đức cầu duyên nối mình.
2385. Họa may trời thấy thương tình,
Sớm cho hai chữ minh linh nối dòng.
Miễn nên cơ nghiệp cho ông,
Tấm lòng liễu yếu dám trông lễ gì.
Tân khanh từ giả ra đi,
2390. Rắn rần xe ngựa một khi đăng trình.
Ngửa xem cờ trống nghiêm minh,

Khảo dị

- 2374...gian tham.
2377...phụng chỉ triều đình
2378 Thối triều... - 2380...liền đặt lễ bồi xin đưa. - 2383...tuần biên
- 2384 Ra ơn làm phúc...phận mình.
2385 Hoặc là... - 2388 Tôi phần... - 2391 Ngưỡng chiêm kỳ cổ...

- Trải qua các trấn sinh linh đều mừng.
Đua nhau rượu thịt đem dung,
Đốt hương đội trạng tung bùng xả thôn.
2395. Mười ngày tới huyện Long Môn,
Xảy vừa gặp lúc hoàng hôn bóng vầy.
Huyện đường lại rước vào đây,
Đóng quân tạm nghỉ sáng ngày sẽ đi.
Đêm đông tiếng trống trì trì,
2400. Bóng trăng thấp thoáng trước ly rọi vào.
Tân khanh nằm thấy chiêm bao,
Hai con thỏ trắng nhảy vào trong tay.
Giật mình liền thức dậy ngay,
Ngồi bàn chưa rõ điềm nầy cát hung.
2405. Phút đầu trời đã hừng đông,
Đòi quan tri huyện hỏi trong dân tình :
Chỗ nào oan khúc cho mình,
Chỗ nào non nước anh linh cho tường.
Huyện quan tỏ vẽ mọi đường,
2410. Rằng : Non Tùng có nhiều phương thú cấm.
Nhớ trong diêm mộng âm thầm,
Dạy rằng quân chúng sính cấm việc săn.
Huyện quan sắm sửa đi săn,

Khảo dị

- 2397 Huyện đường xin rước... - 2398 Truyền quân...
2409 Huyện quan bày vẽ... - 2411...diêm mộng nghỉ thăm.
2412 Truyền ra một lệnh sơn lâm lập diên- 2413 Huyện quan sắm việc...
- 2414 Dem đi...

- Đem nhau lên chốn sơn lâm giải buồn.
2415. Truyền quân vác lưới chiêu muông.
Nhắm chừng Tùng Lãnh đi ruộng vào sào.
Non xanh cây mọc giăng giăng.
Hương nải nổi đầu đá ngăn chặt đàng.
Trải qua vừa tới Thạch Bàn,
2420. Hai con thỏ trắng bên đàng nhảy đi.
Tân khanh xem thấy lòng nghi,
Truyền quân bủa lưới vây tư bề,
Tìm theo tới chốn Hoàng Khê,
Thấy hai con gái nằm kề ngủ trưa.
2425. Quân hầu chưa kịp nói thưa,
Tân khanh bước tới thấy vừa lòng thương.
Nói rằng : Điềm mộng mơ màng.
Thực trời cho lão gặp đàng mình linh.
Giã ơn Tùng Lãnh thần linh,
2430. Sẵn chưa gặp thú đã đành gặp con.
Bèn kêu dậy hỏi hai con :
Việc chi dám tới núi non chốn này ?
Tuyết Băng thức dậy mới hay,
Cúi đầu bèn lay tỏ bày đầu đuôi.

Khảo dị

- 2418... đầu đá lấy ngăn chặt đàng
- 2422 Truyền quân bủa lưới - 2424 Thấy hai gái trẻ... - 2425... lời thưa
- 2430 Đi săn không thú...
- 2429 Giã ơn non nước...
- 2431... thức dậy hỏi con

2435. Thưa rằng : Lỡ bước khôn lui,
Đổi lòng nhờ có chim nuôi ba ngày.
Tân khanh nghe nói mới hay,
Con ai khéo đẻ mặt mày tốt tươi.
Lịnh truyền bãi việc săn chơi,
2440. Đem hai con gái về nơi huyện đường,
Tân khanh ngồi giữa huyện đường,
Đòi hai con gái hỏi han việc nhà.
Dạy rằng : Hai gái tìm cha,
Bày đường mở ngõ ai mà chỉ đi ?
2445. Thưa rằng : Có kẻ danh y.
Bạn cùng thân phụ Châu Kỳ là tên
Tân khanh đòi họ Châu lên,
Cùng là cô bác ở bên họ Hà.
Tân khanh hỏi việc họ Hà.
2450. Châu Kỳ gốc ngọn thưa qua rõ ràng,
Tân khanh mới tỏ lòng vàng,
Khen rằng bỏ đạo Hoa Lang phải rồi.
Cho hay gà hạc khác nuôi,
Cây hiền trái báu biết mùi mấy ai ?
2455. Bà con nội ngoại hòa hai,
Rằng nghe ta dạy trách tai các lời.

Khảo dị

- 2435... Lỡ bước tới lui - 2437... nghe rất mừng thay - 2442 Đòi ra han
hỏi họ đương... - 2443 Hỏi rằng : Hai trẻ...
- 2444 Rày ai về ngõ chỉ nhà cho đi.
- 2445 Mới thưa rằng có danh y - 2455... nội ngoại vừa hai
- 2456 Chớ rằng ai đại trách tay các người

- Tuyết Băng là gái của trời,
Ta xin nuôi đó cái đời cho ta.
Châu Kỳ quì lạy trở ra,
2460. Họ Hà ai nấy nghe mà lòng ưng.
Tuyết Băng thay áo đổi quần,
Phận làm dưỡng tử phải dưng lễ rồi.
Tân khanh khiến kẻ tống hồi,
Phu nhân mừng dặng con nuôi trong nhà.
2465. Ấp yêu nào khác con ta,
Dạy bề đức hạnh nét na thêm nhuần.
Xuê xang cốt cách mười phân,
Họ Hà cải lại họ Tân rất vinh.
Tuyết Băng nay đã yên mình,
2470. Ở nơi công phủ theo tình phu nhân.
Tân khanh xe ngựa rần rần,
Từ nơi huyện ấy tới phần Dự Châu.
Các quan mục thú đứng hầu,
Tờ chương tờ sổ quì tấu nhộn nhàng.
2475. Tân khanh khiến mở kho tàng,
Đong cho gạo lúa cứu oan muôn nhà.
Nhờ ơn chẩn thái làm ra

Khảo dị

- 2457... thờ trời - 2458... nuôi lấy... theo ta
2460 Họ hàng nghe nói trẻ già đều ưng - 2462... lễ dưng lạy rồi
2463 Tân khanh sai kẻ... - 2465 ấp yêu như ngọc như ngà - 2472...
trông chừng Dự châu - 2473... lui tới bữa hầu - 2474 Tờ chương tờ biểu...
- 2475... khiến mở kho tàng
2476 Dặng cho... cứu hoạn muôn nhà - 2477... chư gia

- Một châu trăm họ trẻ già đều vui.
Sửa sang sáu tháng yên rồi,
2480. Giả từ châu Dự lại hồi Tấn kinh.
Tân khanh về yết triều đình,
Tân vương phán hỏi sự tình khắp nơi.
Phán rằng : Ta nối ngôi trời,
Gấm mình ít đức trị đời chẳng an.
2485. Dự Châu trời xuống tai nạn,
Cứu dân một cõi nhờ chàng Tân khanh.
Công cao quyền trọng đã dành,
Chức quan tổng trấn nay dành phong người.
Hà Đông là cảnh tốt tươi,
2490. Bảy châu chín quận nhiều người ăn chơi.
Nay người thay mặt trời lời,
Ra ngoài trấn ấy sửa đời chăn dân.
Tân vương lòng rất ân cần,
Yến diên thết đãi quân thần đưa nhau.
2495. Tân khanh trước bệ khấu đầu,
Tạ ân lãnh sắc lui hầu sửa sang.
Về dinh sắm sửa hành trang,

Khảo dị

- 2480... phán hỏi Tấn kinh - 2481 Tân khanh bái yết... - 2482... dân
tình khắp nơi.
2488... sẵn dành phong người - 2489... cõi tốt tươi
2491... đổi lời - 2492... trị đời chăn dân
2495 Tân khanh xuống bệ... - 2496 Tạ vua lãnh chỉ thối hầu...

- Đều đem gia tướng lên dâng Hà Đông.
 Mười ngày đi tới Hà Đông.
 2500. Các quan tri huyện hội đồng giá nghinh.
 Rước ông tổng trấn vào thành,
 Muôn dân nức nức đều tranh lễ mừng.
 Long Môn huyện ấy ở gần,
 Nam Khang huyện cũng về phần Hà Đông.
 2505. Tân khanh trấn nhậm đã xong,
 Chánh lãnh bữa khắp ngoài trong vững vàng.
 Máy câu gia huấn rõ ràng,
 Hai con gái ấy ngọc nhan khác thường.
 Phu nhân chí rất yêu đương,
 2510. Lại cho học chữ tỏ tường xưa nay.
 Tuyết Băng hai gái xinh thay,
 Mùi thơm kinh sử liền ngày giời ra.
 Tiếng hay lâu cũng đồn xa,
 Người đều khen ngợi họ Hà phước to.
 2515. Tuy rằng hoa có thơm tho,
 Vườn xuân còn đóng khôn lò gió đông.

Khảo dị

- 2498 Đều đem nha lệ...
 2499 Mười ngày tới huyện... - 2500... xa giá hội đồng tiếp nghinh - 2502...
 tới mừng - 2504 Nam khang huyện ấy kẻ... - 2505... trấn thủ dài đồng
 2506 Chánh ra... - 2508 Nuôi con gái ngọc dung nhan...
 2509 Phu nhân lòng rất...
 2510... chỗ tường xưa nay
 2513 Đã thông... ngâm nga - 2513 Tiếng thơm ngày một...
 2514 Chúng đều, - 2515 Tuy là... - 2516... chưa lò...

- Nói rồi việc ở cửa công,
 Đây xin kể chuyện vợ chồng họ Dương.
 Họ Dương từ thuở ly hương,
 2520. Một mình Đỗ thị nấu nướng quê nhà.
 Hai con thuở mới lên ba,
 Đến khi năm tuổi trong nhà nghèo thêm.
 Đỗ nương canh cửi nghề êm,
 Bữa đi dệt mướn còn hiếm thiếu ăn.
 2525. Dương Trân Dương Bửu hai thằng,
 Tuổi còn thơ bé nhọc nhằn xiết bao.
 Bà con nội ngoại lằng xao,
 Quan tiền chén gạo người nào giúp đâu.
 Anh em nay vụng mai bầu,
 2530. Hái rau câu cá nuôi nhau năm dài.
 Đỗ nương có một em trai,
 Tên là Đỗ Khoái tuổi ngoài năm mươi.
 Cũng trang tiểu phú trong đời,
 Nhà nuôi lục súc chuộng lời bán buôn.
 2535. Một ngày rảnh việc ngồi buồn,
 Chạnh lòng nhớ chị bỗng tuôn lệ đầm.
 Nói ra nghĩ lại tủi thâm :
 Chị ta nào khác đồn cầm đứt dây.
 Cảm thương hai gã thơ ngây,

Khảo dị

- 2518 Đây bên... - 2519 Dương Từ...
 2521 Nuôi hai con thơ... - 2522 Đến nay... - 2524 Bữa đi gặt mướn...
 2526 Tuổi còn thơ ấu... - 2527 Bà con bên nội... -
 2528 Quan tiền bát gạo thấy nào...

2540. Trong nhà bận bạc buổi nầy nhờ ai ?
 Anh đà theo Phật Như Lai,
 Gia đình ấm lạnh đoái hoài chi đâu ?
 Nói thôi chẳng xiết lòng sầu,
 Đi qua nhà chị ngõ hầu viếng thăm.
- / 2545. Đỗ nương nhìn thấy em thăm,
 Mừng rồi lại khóc đầm đầm nhỏ sa,
 Nói rằng : Đoái tẩm lòng ta,
 Ruộng hoang vườn rậm cửa nhà quanh hiu.
 Ruột gan khô héo mấy chiều,
2550. Nỗi duyên nỗi phận gấm nhiều bề đau.
 Vợ chồng kết tóc cùng nhau,
 Trăm năm một hội sang giàu trọn theo.
 Hay đâu chút phận bọt bèo,
 Lại mang tiếng ở cầu đèo vọng phu.
2555. Quán bao một chiếc bách châu,
 Linh đình giữa vực mặc dầu mây mưa.
 Riêng than hai trẻ dây dưa,

Khảo dị

- 2530 Hái rau bắt ốc...
 2535 Ngày nay... - 2537 Nhớ thôi... - 2539... hai cháu thơ ngày...
 2543... dạ sầu - 2545 Đỗ nương mừng thấy...
 2546 Mừng rồi liền khóc... lệ sa - 2547 Em đâu đoái tẩm thân ta.
 2550... nghĩ nhiều bề đau - 2552... cùng theo - 2553 Hay đây...
 2554 Lại mang lấy tiếng ở lầu...
 2556 Linh đình trong vực... gió mưa
 2557 Cảm thương...

- Tháng ngày ngơ ngẩn vốc chưa nên người.
 Cứ quen theo lũ ăn chơi,
2560. Những điều khôn dại ở đời cậy ai.
 Nghe thôi Đỗ Khoái than dài,
 Nói rằng : Chị chớ ngồi hoài uống công,
 Chị thời mang tiếng có chồng,
 Gặp khi mưa nắng cây cùng người ta.
2565. Cháu thời mang tiếng có cha,
 Hôm mai lơ lảo vậy mà mồ côi.
 Oan gia anh trốn nợ rồi,
 Chị già cháu dại còn ngồi chờ chi ?
 Ở đây ít kẻ yêu vì.
2570. Xin theo họ ngoại đỡ khi nghiêng nghèo.
 Đỗ nương lo việc nghiêng nghèo,
 Nghe lời Đỗ Khoái về theo ở nhờ.
 Hai thằng Trần Bửu còn khờ,
 Ăn rồi tìm chốn bụi bờ đi chơi.
2575. Ở đây dặng nửa năm trời,
 Đỗ Nương thấy vậy buông lời than ra.
 Nói rằng : Coi việc trong nhà*,
 Heo dê ngỗng vịt thả ra đông bấy.
 Hai con đã ở theo đây,

Khảo dị

- 2558 Tuổi còn thơ ấu... - 2559... thói ăn chơi.
 2562... trông hoài uống công - 2566 Hôm mai lo liệu như gà... - 2568...
 trông chi - 2570 Hãy theo bên ngoại...
 2572 Mẹ con sửa soạn ngõ theo dặng nhờ

2580. Coi giùm cho cậu hơn vầy chơi không.
Khoái rằng : Chị đã có lòng,
Dạy con biết việc để phòng đỡ thân.
Xưa nay người ở trong trần,
Nhỏ thời việc nhẹ lớn thời việc to.
2585. Làm ăn lớn nhỏ đều lo,
Trước là nhọc sức sau no dạ mình.
Đỗ rằng : Phận khó đã đành,
Hai con no đói rách lành nhờ em.
Một bề ăn ở đã êm,
2590. Trong nhà dê ngỗng ngày thêm đẻ lời.
Dương Trân Dương Bửu hết chơi,
Anh thời chặn ngỗng em thời chặn dê.
Sớm lừa đi tối lừa về,
Bầy nào theo nấy chớ hề lộn nhau.
2595. Đỗ nương mặt thấy đeo sầu,
Chạnh lòng thương bạn lệ châu thêm nhuần.
Than rằng : Chàng hỡi Dương quân,
Muốn tu còn nối gót lân làm gì ?

Khảo dị

- 2575 Ở vừa... - 2576... nói ra.
* Bản TV không có hai câu : 2577, 2578
2579 Heo dê gà vịt trong nhà.
2580 Coi giùm cho cậu hơn là chơi không
2584 Nhỏ phần... lớn phần việc to - 2586 Trước ra... bụng mình
2587 Đỗ nương... - 2588... có em - 2589... dặng em - 2590... càng thêm dẽ...
2591 Anh em Trân Bửu... - 2593 Sớm đi thời tối lại về

- Dù cho nên Phật từ bi,
2600. Nỡ nào lại để hài nhi nổi nẩy.
Phải chi con có cha đây,
Sấm cho ăn học theo thầy văn chương.
Người nhà nghe nói đều thương,
Thưa cùng Đỗ Khoái dặng tường lời than.
2605. Khoái rằng : Chị chớ thờ than,
Lòng em cũng đã thâm toan việc đời.
Ngỗng dê dặng mấy đồng lời,
Một cây hoa bút ở đời vinh hơn.
Chí nguyện nuôi cháu làm ơn,
2610. Giúp nên cho chị dễ sồn lòng đau.
Cháu nay mới sáu tuổi đầu,
Chờ nên tám tuổi sẽ âu học hành.
Từ đây hai gã tiểu sanh,
Theo bầy dê ngỗng đã đành phần chặn.
2615. Ngày lo tìm chỗ cho ăn,
Rủ con nít ấp nhiều thằng xúm chơi.
Đan Khê cảnh tốt lạ đời,
Ở đây non nước nhiều nơi linh thần.
Thử xưa lập miếu Hà Phần,

Khảo dị

- 2595... ngó thấy thêm sầu - 2596... nhớ bạn dòng châu được nhuần.
- 2600 Nỡ nào ngồi ngó... - 2603... liền thương - 2604... cơ quan -
2607... dặng mấy mươi lời - 2608... dưới trời vinh hơn - 2610... chẳng
sồn lòng đau - 2614 Theo bề dê ngỗng phận đành nuôi chặn - 2615 Sớm
trưa... - 2616 Rủ con nít lại... - 2617 Châu Khê là cảnh tốt tươi - 2618
Ở vùng...

2620. Thờ ông giáo thọ ở gần Đan Khê.
 Trời chiều hai đứa chẳng về,
 Nghe ai đọc sách gần kê miếu môn.
 Hai thằng tuy nhỏ mà khôn,
 Tìm vào trong miếu thấy tôn sư ngồi.
2625. Vội vàng quì gối lạy rồi,
 Thưa rằng : Xin dạy hai tôi học hành.
 Tôn sư khi ấy hiện hình,
 Trao cho quyển sách văn minh mở lòng.
 Dạy rằng : Hai đứa coi chung.
2630. Việc trong kim cổ sẵn dùng nhiều nơi.
 Thánh xưa hiền trước để lời,
 Phò vua giúp nước sửa đời dạy dân.
 Học cho biết lẽ vi nhân,
 Biết niềm thần tử dự phần hiếu trung.
2635. Trước sau tua khá gìn lòng,
 Chớ tham của hoạnh đừng mong việc tà.
 Nhiều người học đạo nho ta,
 Tiếng đồn hay chữ vậy mà làm nhăng.
 Bởi vì chẳng xét lòng hằng,
2640. Bỏ quên cội gốc theo phăng ngọn ngành.

Khảo dị

- 2620... Châu Khê - 2621... hai gã chẳng về
 2622... tiếng kẻ miếu môn - 2628... vỡ lòng - 2629... hai gã coi chung
 2633... lẽ quân thần - 2634 Biết phần phụ tử biết phần...
 2635 Dận dò... thìn lòng - 2636... thói tà - 2637... theo đạo nho ta.
 2639 Bởi vì không xét...

Sang giàu có số trời sanh,
 Trau mình ngay thẳng làm lành mới nên.
 Hai con chữ dạ cho bền,
 Một câu minh đức chớ quên thơ này.

Thơ rằng :

- XXI - Trên là quan trường dưới là dân,
 Hư tẩm lòng rồi khổ tẩm thân.
 Đi học phải tu ngăn cội đục,
 Đặng thời khá kíp mở nguồn ân.
 Bốn mùa lạnh ấm đều theo số,
 Trăm họ giàu nghèo đã có phần.
 Xin giữ lòng lành dè việc quấy,
 Một câu phúc họa để trời cân.
2645. Dương Trần Dương Bửu từ đây,
 Chịu thấy cho sách liên xây trở về.
 Bữa đi chân ngồng chân dê,
 Sách đem theo học chẳng hề chơi hoang.
 Thường lên sơn cốc bên đường,
2650. Bè cây tập viết bốn đường chữ xưa.

Khảo dị

- 2641 Giàu nghèo... - 2642 Trau mình giữ thẳng.
 2643 Hai con chữ dạ... - XXI (2) Giữ... lành rành tẩm thân - XXI
 (3) Đi học phải toan tìm cội đục - XXI (4)... chớ khá dứt nguồn ân.
 XXI(5) Bốn mùa đông rạng... - XXI(6)... cũng có phần
 XXI(7) Xin giữ lòng hằng...

- Ngày liền vào miếu hỏi thưa,
 Mấy câu chữ mắt lý chưa đặng rành.
 Học hành mình biết cho mình,
 Mẹ nhà cùng cậu sự tình nào hay.
2655. Xảy đâu hơn một năm chầy,
 Tôn sự đến ấy hết bày vẽ chi.
 Lân hồi ngày tháng qua đi,
 Vừa nên tám tuổi gặp kì trùng dương.
 Người xưa gặp tiết trùng dương,
2660. Đều lên chơi núi lánh đường họa tai.
 Có thấy dạy học nhiều tài,
 Ba ngàn thế giới tám hai một bầu.
 Làm người ở ẩn khôn cầu,
 Gió trăng vui thú công hầu mặc ai.
2665. Thường đi non nước chơi hoài,
 Uống ba chén rượu ngâm vài câu thơ.

Thơ rằng :

XXII - Cảnh xuân cho mượn mấy mươi điều,
 Gấm nhiều văn người phải gắng theo.
 Trông tháng ngày Châu tin phụng vắng,
 Buồn non nước Tống tiếng quyền kêu,

Khảo dị

- 2654 Mẹ già... - 2660 Đều lên kiếm núi... - 2661... cao tài
 2662 Tên là Trình Kiệt ở ngoài Hạc lâu
 2666 Đôi ba... một vài câu thơ - XXII(1) Cảnh xuân cho mắt...
 XXII(3) Luôn tháng... tin phụng gáy

- Nhà nho leo lét công đèn sách,
 Cửa thánh la đà phận bọt rêu.
 Ôm chữ một lòng trời đất thấy,
 Luống vài bầy trẻ dựng làm nêu
- Than rằng : Sanh chẳng gặp giờ,
 Phải toan ở dưới cầm cờ tư vấn.
 Một lòng giữ mối đạo hằng,
2670. Trau lời thánh giáo cầm đàn nhân luân.
 Phút đâu gặp bữa thanh thân.
 Thực ngày trùng cửu là phần quý thu.
 Đem bầy trò nhỏ ngao du,
 Tới non Cẩm Thạch ở đầu Đan Khê.
2675. Nghĩ coi phong cảnh ra đề,
 Thấy hai ông lão ngồi kê bên non,
 Lại xem bên mé suối Son.
 Thấy bầy hươu chạy như tuồng binh đi.
 Ra hai câu đối nên kỳ,
2680. Các trò ngự ngấn đáp chi xong lời,
 Dòm nhau tự nghĩ đối chơi,
 Phút đâu Trần Bửu tới nơi xem tường.
 Trần rằng : Câu đối cũng thường,
 Tôi xin đáp lại coi dường sức nao.

Khảo dị

- XXII(5)... đèn lửa
 XXII(6) Biển thánh linh đình phận bọt bèo - XXII (7) Ôm dao...
 XXII(8) Luống vì... - 2667... gặp thì - 2668 Phải cam... cần kì tư vấn
 2670 Trau lời thế giáo... - 2672... cuối thu - 2674... Châu Khê
 2676... trên non - 2677 Lại xem bên bên... - 2680 Các trò ngự ngáo...
 2681 Xúm nhau...

2620. Ngày liền vào miếu hỏi thừa,
 Mấy câu chữ mắt lý chưa đặng rành.
 Học hành mình biết cho mình,
 Mẹ nhà cùng cậu sự tình nào hay.
2655. Xảy đâu hơn một năm chầy,
 Tôn sự đến ấy hết bày vẽ chi.
 Lần hồi ngày tháng qua đi,
 Vừa nên tám tuổi gặp kì trùng dương.
 Người xưa gặp tiết trùng dương,
 2660. Đều lên chơi núi lánh đường họa tai.
 Có thấy dạy học nhiều tài,
 Ba ngàn thế giới tám hai một bầu.
 Làm người ở ẩn khôn cầu,
 Gió trăng vui thú công hầu mặc ai.
2665. Thường đi non nước chơi hoài,
 Uống ba chén rượu ngâm vài câu thơ.

Thơ rằng :

XXII - Cảnh xuân cho mượn mấy mươi điều,
 Gấm nhiều văn người phải gắng theo.
 Trông tháng ngày Châu tin phụng vãng,
 Buồn non nước Tống tiếng quỳên kêu,

Khảo dị

- 2654 Mẹ già... - 2660 Đều lên kiếm núi... - 2661... cao tài
 2662 Tên là Trình Kiệt ở ngoài Hạc lâu
 2666 Đồi ba... một vài câu thơ - XXII(1) Cảnh xuân cho mát...
 XXII(3) Luôn tháng... tin phụng gáy

- Nhà nho leo lét công đèn sách,
 Cửa thánh la đà phận bọt rêu.
 Ôm chữ một lòng trời đất thấy,
 Luống vài bầy trẻ dựng làm nêu
- Than rằng : Sanh chẳng gặp giờ,
 Phải toan ở dưới cầm cờ tư vãn.
 Một lòng giữ mối đạo hằng,
 2670. Trau lời thánh giáo cầm dần nhân luân.
 Phút đâu gặp bữa thanh thần.
 Thực ngày trùng cửu là phần quý thu.
 Đêm bảy trò nhỏ ngao du,
 Tối non Cẩm Thạch ở đầu Đan Khê.
2675. Nghĩ coi phong cảnh ra đề,
 Thấy hai ông lão ngồi kê bên non,
 Lại xem bên mé suối Sơn.
 Thấy bầy hươu chạy như tuồng binh đi.
 Ra hai câu đối nên kỳ,
2680. Các trò ngơ ngẩn đáp chi xong lời,
 Dòm nhau tự nghĩ đối chơi,
 Phút đâu Trần Bửu tới nơi xem tường.
 Trần rằng : Câu đối cũng thường,
 Tôi xin đáp lại coi đường sức nao.

Khảo dị

- XXII(5)... đèn lửa
 XXII(6) Biển thánh linh đình phận bọt bèo - XXII (7) Ôm dao...
 XXII(8) Luống vì... - 2667... gặp thi - 2668 Phải cam... cần kì tư vãn
 2670 Trau lời thế giáo... - 2672... cuối thu - 2674... Châu Khê
 2676... trên non - 2677 Lại xem bên bên... - 2680 Các trò ngơ ngáo...
 2681 Xúm nhau...

Đổi rằng :*

Chữ mao chữ diệt, hai ông lão tử ngồi trên

Đáp rằng :*

Đàn sắt đàn cầm, bốn kẻ vương tôn đứng trước

2685. Dương Trân đổi một câu rồi,

Lại thêm Dương Bửu đổi bồi một câu.

Đổi rằng :**

Hùng hổ tỳ hưu, nhà tướng sao kêu muôn đội

Đáp rằng :***

Long lân qui phụng, nước vua sao gọi bốn linh

Thầy Trình xem thấy nên kinh,

Khen rằng hai gã tiểu sinh thân đồng.

Thấy bèn gạn hỏi thủy chung,

2690. Liền theo hai gã thẳng xông về nhà.

Dương Trân Dương Bửu về nhà,

Thưa cùng cậu mẹ đều ra mừng thấy.

Cùng nhau chuyện vãn tỏ bày,

Rượu cơm thết đãi trọn ngày vầy vui.

2695. Người trong làng xóm tới lui,

Mới hay họ Đỗ có nuôi thân đồng.

Khảo dị

* Tôn sư xuất đối dễ

* Dương Trân đáp đối dễ

** Tôn sư xuất đối dễ

*** Dương Bửu đáp đối dễ

2687 Thấy Trình thấy đối... - 2688 Khen cho... - 2691 Anh em Trân Bửu...

Thấy rằng : Nay đã tỏ lòng,

Xin cho hai gã theo dòng nho gia.

Hạc lấu về ở cùng ta,

2700. Học cho biết đạo ngô ra giúp đời.

Đỗ nương Đỗ Khoái vâng lời,

Đành cho hai trẻ theo nơi Hạc lấu.

Hạc lấu là chỗ nho lưu,

Ra công mài ngọc luận câu về văn.

2705. Dương Trân Dương Bửu hai thằng,

Nay đã khỏi việc nhọc nhằn ngổn đê.

Theo thầy Trình Kiệt ra về,

Cùng nhau gắng sức đua nghề văn chương.

Hôm mai ở chốn thơ đường,

2710. Bao nhiêu sĩ tử cũng nhường vai trên.

Nói ra thơ phú liền nên,

Sách xem qua mặt chẳng quên câu nào,

Cho hay tuổi nhỏ tài cao,

Thông minh nhờ có trời trao tánh lành.

2715. Đến khi đọc sách Thi kinh,

Lục nga thơ ấy động tình biết bao,

Gắm trong chín chữ cù lao,

Cám ơn cha mẹ no nao đặt đèn.

Khảo dị

2697... Nay dăm bảy lòng - 2698 Xin nuôi hai trẻ...

2703 Hạc lấu là chốn... - 2704... lưu câu về văn

2708 Đua nhau... học nghề văn chương - 2710... đều nhường ngôi trên

2714... hẳn có... tánh tình - 2716... xiết bao - 2717 Nhớ câu...

2718 Công ơn...

- Chạnh lòng nổi tiếng khóc lên,
 2720. Dòng châu lai láng thấm trên sách dày,
 Anh em bái tạ ơn thầy,
 Trở về thăm mẹ bấy chầy cách xa.
 Nàng rằng : Nay thấy con ta,
 Bấy lâu thương nhớ mình già thêm suy.
 2725. Kể từ hai trẻ ra đi,
 Ba năm học đạo biết gì cùng chẳng.
 Mẹ đã mòn mỏi lòng trông,
 Nương nhà nương cửa bỏ công tháng ngày,
 Thưa rằng : Đạo thánh tỏ bày,
 2730. Làm con thảo thuận cho hay chí thành.
 Thường xem trong sách thánh kinh,
 Hai mươi bốn thảo nêu danh nhữn rầy.
 Ngưỡng trông trời đất cao dày,
 Ôn cha nghĩa mẹ so tày hai nghi.
 2735. Bé thơ còn chẳng biết gì,
 Lớn khôn lòng rất yêu vì hai thân.
 Ngày xưa trong miếu Hà phần,
 Hai con hỏi việc phụ thân đã rồi.
 Hiềm vì non nước xa xôi,

Khảo dị

- 2719 Chạnh lòng buồn tiếng... - 2720... trên đất dày.
 2722 Trở về viếng mẹ chầy ngày cách xa - 2723... Mừng thấy con ta.
 2726... cùng không - 2727 Mẹ già... - 2728 Nương lâu dựa của...
 2729... kể bày - 2730... tiếng bày xa đồn - 2731... thánh môn - 2732
 mới tròn người hay.
 2733... trời rộng đất dày- 2734... sánh tày lương nghi... - 2735 Ấu thơ
 còn chưa...

2740. Phận nhà thiếu thốn lần hồi khôn di.
 Tới nay nhờ có cậu đây,
 Con xin lên chốn am mây hỏi tìm.
 Đỗ nương nghe mấy lời êm,
 Mà chau mặt ủ lại thêm buồn lòng.
 2745. Than rằng : Mình những luống trông,
 Thấy con lại chẳng thấy chồng ở đâu.
 Am mây dấu tích đã lâu,
 Mất còn hai lẽ ai hầu thông tin.
 Hai con dạ thảo lâm đền,
 2750. Biết bao giờ dặng mặt nhìn thấy cha ?
 Nói thôi nước mắt nhỏ sa,
 Anh em Trần Bửu đều hòa khóc than.
 Thưa rằng : Mẹ hãy tạm an,
 Hai con mai sẽ lên dâng am mây.
 2755. Đỗ nương lòng cũng ưng vầy,
 Sắm ăn cho trẻ buổi nầy tìm cha.
 Âm vân đường sá đi xa,
 Cảnh chùa thấy Lạc có ba sai mầu.
 Anh em Trần Bửu tới thăm,
 2760. Hỏi thăm tên họ sai mầu nói ngay,
 Nói rằng : Hơn tám năm nay,
 *Thiện Trai thấy ấy chơi mây không về.

Khảo dị

- 2740 Phận nhà khó dỏi ngủ ngủ... - 2741 Bấy giờ... - 2746 Thấy con
 mà lại... - 2747 Am mây dấu tích...
 2749... dạ đã lâm đền
 2757... cách xa - 2760... chỉ ngay - 2761... Là tám năm nay - 2762...
 quên về

- Thuở đi có chuỗi bồ đề,
 Lâu nay chẳng biết cầm về tay ai ?
2765. Hỏi rằng : Hòa thượng là ai ?
 Đáp rằng : Cũng đã theo ngoài phương Tây.
 Hỏi rằng : Thấy cả ở đây ?
 Đáp rằng : Vốn thực mầu nầy chớ ai.
 Bấy là con nít nhà ai,
2770. Khéo đem chuyện cũ hỏi hoài không thôi,
 Chùa nầy không chuỗi không xôi,
 Không nhang đèn thấp nào rồi nói chi,
 Anh em khôn xiết sầu bi,
 Đạo coi bàn Phật một khi khuây lòng.
2775. Thấy treo thờ bức tượng ông,
 Nhện giăng bụi đóng kệ không nhang đèn.
 Anh em coi tượng liền khen,
 Khen rồi lại cảm hiệp bèn làm thơ,
 Cùng nhau xướng hoa một giờ,
2780. Tặng ông Quan đế bài thơ ngâm rằng :
 Thơ rằng :*
- XXIII - Tắm lòng ngay chúa thấu trời cao,
 Năm ái khôn ngừa một lưỡi dao.
 Núi đất ba lời gìn nghĩa Hán,
 Sông vàng hai trận trả ơn Tào,
 Quyền kinh bát loạn tay không mồi,

Khảo dị

2767 Hỏi ai... - 2770... chẳng thôi - 2772 Không nhang đèn cũng còn rồi...

2775 Thấy chùa... - 2777 Anh em thấy tượng... - 2780... khen rằng
 * Tặng Quan đế - XXIII(5)... tay nào mồi

- Ngon duốc phò nguy gió chẳng xao.
 Phái thuở Kinh Châu ngồi giữ chặt,
 Nguy Ngô hai nước há nài sao.
- Ngâm rồi ra lấy cục than,
 Gạch vào tấm vách rõ ràng tám câu.
 Anh em trước kệ khấu đầu,
 Lay ông Quan hầu lui gót trở ra.
2785. Dem nhau vội vã về nhà,
 Thừa với mẹ già đặng tỏ nguồn cơn,
 Nàng rằng : Tắc dạ keo sơn,
 Thấy con lại nhớ công ơn của chồng.
 Tưởng là tách dặm non sông,
2790. Am vân khuya sớm ra công tu hành.
 Hay đâu còn nổi lưu linh,
 Trời dài đất rộng một mình bơ vơ.
 Xiết bao khe suối bụi bờ,
 Nắm xương già rụi biết nhờ ai chôn.
2795. Khóc rồi dùng lễ tang môn,
 Mẹ con chịu phục thờ hồn họ Dương.
 Lân hồi ở chốn quê hương,
 Anh em Trần Bửu theo phương học hành,
 Tiếng hay đâu cũng biết danh,

Khảo dị

XXIII(8)... biết nài sao

2781 Ngâm rồi bèn lấy... - 2782 Viết vào... - 2783 Anh em trước án...

2790 Am vân hôm sớm... - 2794... ai hang

2795 Khóc thôi dùng lễ để tang - 2796... cho chàng họ Dương

2800. Tuổi vừa hai bảy tài lanh khác thường.
 Xảy nghe trên huyện Nam Khương,
 Tờ đòi sĩ tử tựu trường hạch thi*
 Hai chàng cất gánh ra đi,
 Nửa đường lại gặp trò thi trở về.
2805. Nói rằng có bảng chiêu đề,
 Rao chợ sĩ tử chờ về khoa sau.
 Ngày nay có giấc Tây Châu,
 Lệnh sai quan trấn lo âu dẹp loạn.
 Học trò ai cũng thở than,
2810. Ba năm một hội lữ làng công phu.
 Xây về đương lúc sơ thu,
 Đi nhìn đoái cảnh dạ sầu nào nguôi.
 Khắp nơi hoa cỏ ngậm ngùi,
 Gió tây hiu thối mấy mùi thơm hoa.
2815. Lá cây vàng rụng giờ chày,
 Chim kêu dáo giác người xa thêm sầu.
 Hai chàng nghĩ việc trước sau,

Khảo dị

2800... hai *tâm* tài anh khác thường - 2802... tựu trường *phủ* thi

* Sau câu 2802, bản TV còn có bốn câu :

*Bao nhiêu chúng bạn đều đi
 Anh em giành thứ nhất nhì đậu cao.
 Về nhà sắm sửa núp bao,
 Lên Hà Đông trấn động vào thu vi.*

2804 Nửa đường xây gặp... - 2805... có bảng *treo* đề - 2806... *trở* về
 khoa... - 2809... ai nấy đều than

2812 Di đường thấy cảnh... - 2813 Khắp nơi bờ cõi... - 2814 Gió tây
 diu dặt... kỳ hoa

- Về đường phân nói cùng nhau mọi lời.
 Trán rằng : Hổ đứng dưới trời,
 2820. Phận làm nhân tử ở đời chẳng may.
 Cha thời sống thác nào hay,
 Mẹ thời già yếu liền ngày ngồi trông.
 Tường đà đèn sách nên công,
 Sớm cho gặp hội mây rồng hiển dương.
2825. Hay đâu gặp thuở ly loạn,
 Lỡ bề báo hiếu lỡ dàng lập thân.
 Lẩn theo trong cõi phong trần,
 Ngọc lành đợi giá chờ phân ai mua ?
 Sau dẫu dặng lộc nhà vua,
2830. Xuân huyền chếch mác se sua ai nhờ ?
 Bửu rằng : Danh lợi phỉnh phờ,
 Ví như bánh vẽ khó mơ no lòng.
 Trời tây khó nổi day đồng,
 Ngày xuân nhật xúc như vòng thoi mau.
2835. Thương thay mẹ đã bạc đầu,
 Chưa hay bóng xế nhàn dẫu buổi nào.
 Không nhà không cửa nài sao,
 Chịu ơn nghĩa cậu biết bao giờ rồi.
 Tình người ở bạc như vôi,
2840. Mấy ai biết đạo tài bồi lấy nhau.

Khảo dị

2823 Tường là... - 2824... hiển *vang* - 2825... gặp *buổi* ly loạn - 2827
 Luận theo... - 2828 Ngọc lành *chờ* giá *biết* phân... - 2832... hình vẽ *khó*
 đo lòng trời- 2833... khó nổi *vị* lòng - 2834... nhật *thúc* như vòng *én* mau.

- Ta dù bầu tốt như châu,
 Về nơi đáy biển ai hầu biết cho ?
 Anh em tỏ tấm lòng lo,
 Vừa đi lần tới bến dòng sông Tương.
2845. Thấy tòa cổ miếu bên đường,
 Cây cao bóng mát vách tường vẽ tô,
 Cùng nhau tránh nắng bước vô,
 Trước sân lại thấy một hồ hoa sen.
2850. Bông đua nở nhụy bông chen ngậm cười.
 Trần rằng : Cảnh khéo trêu người,
 Gắm hoa sen nọ giống người tài hoa.
 Ta nghe sen nở trở ra,
 Sớm thời mùa hạ muộn là mùa thu.
2855. Than ôi sớm chẳng gặp châu.
 Muộn dù trở tốt ai hầu khen chi ?
 Hai chàng làm một bài thi,
 Vịnh hoa sen ấy ngụ suy việc mình.

Thơ rằng* :

XXIV - Sen hỡi là sen tiếng chẳng hèn,
 Thấy sen lỡ vận tiếc cho sen.
 Ngậm cười gió hạ thơm nhiều chuộng,

Khảo dị

- 2844 Xây đà gần đến... - 2846... phần tô - 2848 Trước sân thấy có...
 - 2850 Đóa... đóa chen ngậm cười - 2853... nở bông ra - 2854 Sớm là...
 - 2855 Hỡi ôi, sen, chẳng... - 2858 Vịnh hoa sen muộn...

* Vịnh thu liên

XXIV(3) Ngậm cười trước hạ hèn cũng thương

- Dua nở hồ thu tốt mấy khen.
 Gương mặt bắt phàm dầu đáng biết,
 Bèo tai vô dụng gọi là quen,
 Phải chi sanh gặp nơi tiên cảnh.
 Lá rộng cao che khắp các bèn.
- Anh em họa vịnh thi rồi,
 2860. Mực đề vào vách tô vôi rõ ràng,
 Sau thơ lại viết hai hàng,
 Một hàng niên quán một hàng tánh danh.
 Đem nhau trở lại gia đình,
 Nhờ cậu nuôi mình chờ lại khoa sau.
2865. Lúc nầy nói chuyện Tây Châu,
 Có người Vương Báo lòng âu phản thần.
 Riêng cầu cùng nước Nữ Chân.
 Đem quân mọi rợ đánh phần Hà Đông,
 Tấn khanh làm chức nguyên nhung,
2870. Ra ngăn Vương Báo ấy cùng Nữ Chân.
 Giặc hung oai thế lấy lừng,
 Nguyên nhung đánh dẹp đã gần hai năm.
 Quét rồi ong kiến chỗ nằm.

Khảo dị

- XXIV(4) Dua nở mùa thu... - XXIV(6)... gọi rằng quen
 XXIV(7) Phải mà... - 2859... họa xướng thơ rồi - 2860 Viết vô trong
 vách... - 2861... lạc khoản hai hàng - 2862 Một hàng quê quán...
 2865 Lối nầy tới... - 2866 Có người Vương Phục...
 2867 Riêng cầu bên nước... - 2870... đánh cùng Nữ Chân
 2872... hai đông - 2873 Đánh rồi lũ kiến chòm ong

- Tây Châu một cõi ăm dâm như xưa.
 2875. Ải lang vắng khói ban trưa.
 Nguyên nhung binh mã về vừa gần châu.
 Quân đi tới chốn Tương Châu,
 Tới tòa cổ miếu gặp châu mưa đông.
 Đóng quân vào nghỉ miếu trung,
 2880. Chờ trời tạnh ráo sẽ mong kéo về.
 Tấn khanh ngồi ngó tư bề,
 Thấy trên vách đề một bức thơ sen.
 Coi rồi thơ ấy liền khen,
 Khiến đem viết mực đọc bèn sao ra.
 2885. Nói rằng : Trời đất khiến ta,
 Gặp trang sĩ tử sớm hòa nghĩa thân.
 Nhớ nay Xuân Tuyết Thu Băng,
 Tuổi vừa hai bảy đương chừng đào yêu.
 Đà nên trót bắc thước Kiều,
 2890. Dựng binh xạ tước sớm chiêu anh tài.
 Sao cho xứng gái xứng trai,
 Chữ tài chữ sắc sánh hai đôi lành.
 Nói rồi liền dạy kéo binh,
 Xếp thơ bỏ hộp về thành Hà Đông.
 2895. Đãi đằng tướng sĩ vừa xong,

Khảo dị

- 2874... lặng trong như tờ - 2875... như xưa - 2876... về bờ cõi châu.
 2877... rừng Tương Châu - 2883 Xem qua... - 2888... vừa chừng đào yêu
 2889 Đà nên lập lớp... - 2890 Giàn binh... ngó chiêu anh tài
 2895... đã xong

- Về dinh lại thấy mừng trong việc nhà.
 Tây Châu từ thuở kéo ra,
 Phu nhân có ghen dạng ba tháng rồi.
 Nay về con đã hay ngồi,
 2900. Thực trời xuống phúc nổi ngôi họ Tấn.
 Tấn khanh đăng nổi gót lân*,
 Tắm lòng yêu dấu phu nhân không cùng.
 Bền đem việc ở miếu trung,
 Làm thơ sen ấy tỏ cùng phu nhân.
 2905. Nói rằng : Hai gái đương xuân,
 Đã thông chữ nghĩa lại thuận nét na.
 Người nay muốn hiển cửa nhà,
 Kén người văn vật mới là xứng đôi.
 Bấy lâu giấc giả chưa rồi,
 2910. Những lo sĩ tử bỏ ngôi học trường.
 Ai dè bên huyện Nam Khương,
 Có ra hai gã họ Dương tài tình.
 Muốn cho nên việc con mình,
 Phải đòi quan huyện hỏi mình mới tường.

Khảo dị

- 2896 Về dinh ngồi nghỉ lại trong... - 2899... con đã biết ngôi - 2900...
 thêm phúc còn rơi họ Tấn.
 2903... miếu thần - 2904... tổ trần phu nhân -
 * Bản TV không có hai câu 2901, 2902.
 2905... hai gái Tuyết Băng
 2907 Người xưa muốn tính việc nhà - 2908 Thấy người văn học...
 2910... bỏ nơi học trường - 2912 Có hai sĩ tử... -
 2914 Phải đòi quan phủ hỏi mình việc chàng

2915. May đầu có huyện Nam Khương,
Trần Đoan vừa tới dâng chương mừng hầu.
Mừng cho chín huyện bảy châu,
Ở an lạc nghiệp ngâm câu thẳng bình.
Tần khanh ngồi chốn hậu cung,
2920. Đòi vào han hỏi sự tình họ Dương.
Trần Đoan thưa việc họ Dương,
Mẹ con nhà cửa tỏ tường đầu đuôi.
Tần khanh nghe rất mừng vui,
Cười rằng : Máy tạo khéo xui hiệp hòa.
2925. Họ Dương sánh với họ Hà,
Song sanh diễm ấy đôi đà xứng đôi.
Nay cho quan huyện làm mai,
Xe dây nguyệt lão ngỏ hài lương duyên.
Trần Đoan vâng lệnh về liền,
2930. Tới nha phút thấy tờ truyền theo sau.
Rằng : Nay yên giấc Tây Châu,
Tấn vương dụ xuống mở châu tân khoa.
Huyện quan viết bảng treo ra,
Rao cho sĩ tử gần xa đăng tường.
2935. Dương Trần Dương Bửu hai chàng,

Khảo dị

- 2916 Tên Trần Đoan tới... - 2918... đọc câu thẳng bình
2919... hậu đình - 2921... chuyện họ Dương - 2926... đôi đà xứng hai
2928... đăng hài lương duyên
2930. Trở về tổng bảng...
2932 Tấn vương bệ ngọc... - 2935 Anh em Trần Bửu...

- Đem nhau tới chốn huyện đằng hạch thi.
Anh em cùng đỗ nhất nhì,
Trở về sắm sửa phòng đi tựu trường.
Trần Đoan ngồi chốn hậu đường,
2940. Đòi lại hai chàng nói chuyện câu hôn.
Dạy về thưa với gia tôn,
Đều dùng lễ tới công môn một lần.
Trước lo kết nghĩa Châu Trần,
Sau nhờ một nổi lập thân khoa này.
2945. Hai chàng nghĩ nghĩ một giây,
Thưa rằng : Công học bấy chầy ra chỉ ?
Nay vừa mở hội khoa thi,
Xin cho thử sức một kì sẽ hay.
May mà tháp Nhạn cao bay,
2950. Trần quan khỏi tiếng ngày nay tư tình.
Chẳng may bảng hổ không tên,
Huyện quan cũng khỏi nhơ sanh chê cười.
Trần Đoan nghe thấm mấy lời,
Cho về lo liệu nơi thí trường.
2955. Hai chàng về yết gia nường,
Cùng nhau bàn bạc mọi đường gần xa.

Khảo dị

- 2936... ứng thi - 2938... cùng đi tựu trường
2942 Đều dùng sáu lễ nghinh hôn... - 2944 Sau là...
2945 Hai chàng ngẫm nghĩ... - 2947 Ấn vua đã mở...
2948 Để cho... - 2949 May mà cánh nhạn... - 2950... bảng nay tư tình
2954 Dạy về... khoa trường - 2955... lạy gia nường
2956 Cùng nhau bàn luận...

- Đổ nường than phận không nhà,
 Mặc con toan liệu mẹ già không ngăn.
 Chớ lo dây đỏ vấn chân,
 2960. Lo công học buổi thanh xuân cho tròn.
 Sau dù danh tạc bia son,
 Trời dành trong sách có con gái hiền.
 Hai chàng từ tạ nhà huyện,
 Mang đồ tứ bửu lên miền Hà Đông.
 2965. Mười ngày đi tới Hà Đông,
 Tìm nơi lánh ở mình không dạo đường.
 Cùng nhau vào đủ ba trường,
 Còn chờ treo bảng chưa tường đỗ không.
 Trần Đuan lãnh việc mai dong,
 2970. Phải đi lên đó theo cùng họ Dương.
 Mắc đi chuyển chệch dọc đường,
 Tới nơi chúng đã vào trường mới xong.
 Hỏi thăm khắp hết tây đông,
 Anh em Trần Bửu đều không gặp rồi.
 2975. Bảy ngày kiếm ngược kiếm xuôi,
 Tới lui hai lẽ thẳng dùi khôn toan.
 Muốn vô ra mắt trấn quan,

Khảo dị

- 2957 Nàng rằng chút phận...
 2958... mẹ già cũng ưng...
 2960 Lo công nghiệp... - 2963 Hai chàng thâm tạ...
 2964 Mang đồ tứ bửu... Bản ZfB đề : tứ hữu. Chúng tôi để theo bản TV
 2965 Mười ngày lên tới... - 2970 Phải đi lên trấn... 2971 Mắc đi chuyển
 vẫn... - 2972 Tới nơi nghe chúng... - 2973 Hỏi tìm... - 2977 Muốn về...

- Lại e người hỏi hai chàng huyện ta.
 May vừa bảng cửa treo ra,
 2980. Dương Trần tên họ thủ khoa chánh vì.
 Cử nhân Dương Bửu đỗ nhì.
 Năm ngàn sĩ tử đều đi khen giỏi.
 Yển diên áo mào ban rồi,
 Trần Đuan đón cửa thỉnh xuôi hai chàng.
 2985. Đem nhau vào chốn công đường,
 Lễ dâng bốn lạy rõ ràng nam nhi,
 Tân khanh khiến lấy quyển thi,
 Dâng lên trước bệ một khi khen liền.
 Dạy rằng : Hai gã thiếu niên,
 2990. Chữ danh đã toại chữ duyên thêm nồng.
 Bạc vàng ta cũng chẳng dùng,
 Muốn cho ngọc nhuận sánh cùng băng thanh.
 Đẹp đôi có chữ thiên thành,
 Chờ khi tháng tốt ngày lành sẽ toan.
 2995. Nói rồi vào chốn hậu đàng,
 Khiến đem hai chàng ra mắt phu nhân.
 Phu nhân xem thấy lòng ưng,
 Khen rằng : Trời khéo nhắm chừng định đôi.

Khảo dị

- 2978 Sợ e người hỏi...
 2979... cửa bảng xướng ra...
 2982 Ba ngàn... một khi khen giỏi
 2984... đóng cửa rước lui hai chàng - 2985 Đem ngay... - 2987 Trần
 Đuan bên lấy... - 2988 Dâng lên trước án... - 2991 Vàng ròng... - 2993
 Lửa đôi có số... - 2997... rất mừng - 2998 Rằng ơn trời khéo...

- Hai tài hai sắc xứng đôi,
 3000. Một nhà loan phụng sánh đôi vui vầy.
 Sai người rước mẹ tới đây,
 Chủ hôn cho trẻ kết dây sắt cầm.
 Dương Trân Dương Bửu đồng tâm,
 Thưa rằng còn nợ thanh khâm chưa rồi.
 3005. Trên đà thương tới hai tôi,
 Xin cho một thườ rạng giới công danh.
 Tiểu khoa trước dặng nên mình,
 Đại khoa sau dặng mãn tình trăm năm.
 Công rằng : Nói ý cũng nhằm,
 3010. Việc nhà nào muốn mấy năm mà phiền.
 Thi hương đã gặp dặng duyên,
 Chờ cho thi hội phỉ nguyên mới nên.
 Nay đà làm lễ hỏi tên,
 Keo sơn khẩn dạ cho bền ngày sau.
 3015. Hai con qua chốn thơ lầu,
 Ở chơi vài bữa sẽ âu về làng.
 Tân khanh lại khiến Trân Đoan.

Khảo dị

- 2999 Trai tài gái sắc phải rồi
 3000 Nhà loan của phụng sánh ngôi vui vầy - 3001... qua đây
 3005 Trên đà thương cảm... - 3006 Xin cho thỏa dạ...
 3007 Đại khoa... dặng thành - 3008 Tiểu khoa sau lại phỉ tình bách niên
 3009... Lời nói rất miêng - 3010 Chữ quyền cùng với chữ duyên đi liền
 3011... sớm đã gặp duyên - 3014 Keo sơn chữ dạ...
 3017 Tân khanh lại dặng...

- Mai dong bạn với hai chàng rẽ chơi.
 Trần Đoan trước bệ vâng lời,
 3020. Phải theo Trân Bửu ở nơi thơ lầu,
 Tuyết Băng hai gái riêng sầu,
 Nằm nơi hoa viện lo âu việc mình.
 Tuyết Băng cảm chữ minh linh,
 Vò vò nuôi nhện công trình biết bao.
 3025. Riêng than chút phận má đào,
 Gặp xuân chưa gặp ngày nào đến ân.
 Băng rằng : Nghe việc hòa thân,
 Gắm trong mình lại muôn phần xót xa.
 Có cha mẹ mới có ta,
 3030. Có ta mới có cửa nhà giàu sang.
 Mẹ xưa đã xuống tuổi vàng,
 Cha nay non nước khôn toan mất còn.
 Hai bên nội ngoại bà con,
 Đều người về đạo chẳng lòn cửa quan.
 3035. Từ ngày nương dựa cửa quan,
 Nào ai lui tới hỏi han thăm tình.
 Dù không gặp nghĩa minh linh,
 Cội cây nguồn nước ở mình còn chi ?
 Ngày sau dặng chữ vu qui,

Khảo dị

- 3018 Khá tua bậu bạn hai chàng đi chơi.
 3019 Huyện quan trước án... - 3020... chơi nơi thơ lầu - 3022 Ngồi
 nơi... - 3024... công trình biết bao
 3026 Gặp xuân chưa biết... - 3031 Mẹ kia... - 3032 Cha xưa... - 3035
 Từ ta... cửa sang - 3039 Mai sau...

3040. Đã đành phận gái phải đi theo chồng,
Trăm năm sống thác nhờ chồng,
Một môn dòng họ đều không nhìn rồi.
May còn chút tiếng con nuôi,
Ví như trà dở ướp mùi thơm hoa.
3045. Nay nghe hai gã tân khoa,
Cha đi tu mất mẹ già khó khăn.
Vốn không nhà cửa nghiệp hàng,
Nhờ theo họ ngoại ở ăn học hành.
Tuyết rằng : Trời đất thành linh.
3050. Khéo xe duyên phận cho mình quá ngang.
Cha xưa về đạo Hoa Lang,
Chẳng ưa đạo Phật không màng đạo nho.
Cha nuôi nay chuộng đạo nho,
Gả chồng cũng lựa học trò bực cao.
3055. Chừa hay duyên nợ lẽ nào,
Con trời con phật đều vào đạo nho.
Bằng rằng : Ta học đạo nho,
Đến nay mới biết công phu thánh hiền.
Sửa sang năm mỗi ba giềng,
3060. Dạy rằng thiên hạ công tuyền tánh xưa.
Đặt làm sáu bản đồn xưa,
Có thi vận để tiếng đưa tơ đồng.

Khảo dị

3044... bông hoa - 3055 Cho hay... buổi nào - 3056... đều vào theo
nho - 3057 Tuyết rằng... - 3059... ba mỗi năm giềng
3060 Dạy người... vẹn tuyền tánh xưa

- Ta nay rảnh việc nữ công,
Hòa đồn một tiệc giải lòng buồn ngấm.
3065. Chị đồn sát em đồn cấm,
Tay đồn miệng đọc thâm trầm nghe hay.

Xuân Tuyết đàn rằng :*

- XXV- Trời che đất chở đức cao dày,
Cha mẹ sinh con cũng ví tày.
Vây có người xưa lo trả thảo,
Hai mươi bốn hiếu dấu còn này.

Thu Bằng đàn rằng* :

- XXVI - Cha phải đạo cha con phải con,
Rằng lành rằng dữ tiếng hay còn.
Cây kiêu cây tử đời còn ví,
Chẳng trách lành nhau mới đặng tròn.

Xuân Tuyết đàn rằng* :

- XXVII - Vua phải đạo vua tôi phải tôi,
Sửa sang giềng mối sánh nên ngôi.
Minh lương hai chữ vậy trên dưới,
Nước trị nhà an bốn biển vui.

Khảo dị

*... đàn ngâm - XXV(2)... khó sánh tày - XXV(3)... người hiền lo
báo bố

- XXV(4) Hai mươi bốn thảo... - XXVI(1)... cha con phải đạo con
XXVI(2) Rằng lành rằng thảo... - XXVI(4) Chẳng trái lòng...
XXVII(1)... vua tôi phải đạo tôi - XXVII(2)... mới lên ngôi

Thu Bổng đàn rằng :*

XXVIII - Vợ phải đạo vợ chồng phải chồng,
Vợ chồng là đạo đất trời thông,
Vận nghèo phải chịu giàu đều hưởng,
Kết tóc trăm năm trọn một lòng.

Xuân Tuyết đàn rằng* :

XXIX - Anh phải đạo anh em phải em,
Huân trì hai ống thổi nghe êm.
Sanh đồng một cội là xương thịt,
Sống thác nương nhau ở dịu mềm.

Thu Bổng đàn rằng :*

XXX - Làm người bè bạn muốn nên danh,
Lời chuộng khuyên nhau ở lấy lành.
Giao mặt nay vàng báu ngọc,
Giúp tình nhân nghĩa mới là xinh.

Anh em Trần Bửu ngồi buồn,
Đạo qua hoa viện đi luôn xem chơi.
Hai chàng vừa bước tới nơi,

3070. Xảy nghe trong viện có lời đồn ngấm.

Khảo dị

*... đàn ngấm - XXVIII(1) Vợ phải đạo chồng phải đạo chồng.

XXVIII(3) Khó nghèo đều chịu... - XXIX(1)... anh, em phải đạo em.

XXIX (4)... ở dịu niêm - XXX(1) Làm người bầu bạn... XXX(2) Lời thẳng...

XXX (3) Giao mặt xưa rằng... - XXX (4)... lại thêm xanh

3068 Lên qua... - 3069 Anh em... - 3070 Phút nghe...

Vận theo dây sắt dây cầm,
Tiếng đồn điệp với tiếng ngâm một bài.
Hai chàng rình đứng viện ngoài,
Rõ ràng nghe đặng sáu bài đồn xưa.
3075. Trời thu đương lúc nắng trưa,
Chị em ngồi nức vừa ưa buông đồn.
Hai chàng ngoài viện mau chơn,
Bước vào trong viện coi đồn những ai.
Hay đâu giáp mặt gái trai,
3080. Mây qua mắt lại hòa hai ngõ ngang.
Tuyết Bổng mắc cỡ vội vàng,
Cúi đầu che quạt hậu đàng bước vô.
Hai con thể nữ hầu cô,
Ôm đồn lưng hộp nói phô đều cười.
3085. Hai chàng thấy cũng nức cười,
Sắp lưng quảy quả chân dời bước ra.
Cho hay mối tạo vắn qua,
Coi hoa cây lại thấy ra hoa người.
Trần Đoan bạn với hai người,
3090. Thơ lâu ở đã đặng mười ngày rồi.

Khảo dị

3071 Mấy dây cầm sắt hòa thâm - 3072 Đồn ngâm tiếp với thơ ngâm
ai hoài

3073... dừng bước vách ngoài - 3074... thơ xưa

3077 Hai chàng ngoài vách... - 3079 Hay đâu hiệp mặt... - 3082... chệ
mặt... trở vô - 3084 Cất đồn... - 3085 Bửu Trần...

3086 Bước vô trong viện kiểm lời hỏi qua - 3087... con tạo khéo ngoa

3088 Đạo tìm hoa lại bỗng ra thấy người - 3090 Ở nơi hoa viện đã mười...

- Thưa cùng quan trấn phải hồi,
 Tấn khanh liền dụng lễ bồi đưa ra.
 Ban cho năm vóc sô sa,
 Một cân sâm quế quê già hộ thân.
3095. Lại cho vàng bạc hai cân,
 Riêng đưa chàng rể sắm phần đi xa.
 Hai chàng từ tạ nhạc gia*,
 Theo quan huyện tế trở ra đi về.
 Mười ngày về tới Đan Khê,
3100. Người làng đón rước bọn bề lễ nghi.
 Tiếng hay đâu cũng yêu vì,
 Hai thầy cử nhỏ đồ thi mới về.
 Ai dè chặn ngõng chặn dè,
 Vận trời ngó lại ra bề người sang.
3105. Bà con nội ngoại xa đàng,
 Vong dù xin rước về làng thuở xưa.
 Đồ nường Đồ Khoái đãi đưa,
 Tiệc mười lăm bữa mới vừa rảnh rang.
 Dương Trân Dương Bửu hai chàng,
3110. Thưa cùng cậu mẹ hiệp bàn việc hôn.
 Nàng rằng : Nhờ có công môn,

Khảo dị

- 3091... kíp hồi
 3092 Tấn công bên dụng... - 3093... vân sa
 3094 Sâm nhung thanh quế để già dưỡng thân
 3096 Của đưa... ra đi
 * Bản TV không có hai câu : 3097, 3098
 3102... trở về
 3105 Bà con họ nội...
 3108 Tiệc bồi năm bữa... - 3111 Nhờ của công môn

- Ban cho quý vật mình khôn chối từ.
 Chưa hay hai gái phương tư,
 Đứng trang đào liễu dật dờ mấy xuân.
3115. Hai chàng tỏ việc họ Tấn,
 Đồn nơi hoa viện đều phân tỏ tường.
 Nàng rằng : Nhờ đức tổ đường,
 Cho con gặp thuở khoa trường nên danh.
 Nhờ trời trước đặt chữ duyên,
3120. Sau rồi sẽ liệu gia đường mới xong.
 Hai con theo chốn thơ phòng,
 Ôn nhuần kinh sử lo phòng thi xuân.
 Lân hồi gần đến tháng xuân,
 Anh em cất gánh trông chừng Trường An.
3125. Hai tuần đi tới kinh bang,
 Vào trường thi hội bảng vàng nêu cao.
 Trước đền chọn kẻ đầu ngao,
 Dương Trân bảng nhãn Bửu vào thám hoa.
 Tuy không dành chức nguyên khoa,
3130. Cung thiêm tháp nhận cũng là á khôi.
 Hốt hoa bào gấm ban rồi,

Khảo dị

- 3113... hai gái hoa tươi - 3114 Đứng trong... đua cười mấy xuân.
 3115... đem việc họ Tấn - 3117... Nhờ phúc tổ đường - 3119... phúc
 đặt chữ vinh
 3120... gia đình mới xong
 3122... lo vòng thi xuân - 3123 Lân hồi ngày tháng tới gần
 3124 Dem nhau... - 3125 Hai chàng... Tấn bang - 3126... đồ cao
 3127... đặt đứng đầu ngao - 3129... trạng nguyên khoa

- Quỳnh lâm mở yến chúa tôi mừng lòng.
 Tờ truyền đến trấn Hà Đông,
 Tân Khanh nghe tin vợ chồng đều vui.
 3135. Sai người lập tức đi rồi,
 Tối Nam Khang huyện dọn ngôi công đảng.
 Cứ theo Trà Thạch gốc làng,
 Cất làm nhà cửa nghiêm trang một tòa.
 Dấy nên lương đồng nguy nga,
 3140. Nam Khang một huyện ít nhà sánh phen.
 Cho hay son đỏ mực đen*
 Mực son khuyên điểm giàu hèn cũng sang.
 Dọn rồi hai chỗ sẵn sàng,
 Xảy vừa tới lúc hai chàng vinh qui.
 3145. Bàng vàng cờ đỏ dẫn đi,
 Che tàn ngôi kiệu oai nghi chói lòa.
 Lại thêm quần áo giồi ra,
 Lệnh ban gấm nhiễu ngọc ngà thiếu chi.
 Trải qua châu huyện đều vì,
 3150. Thổi kèn giống trống ra đi rước mừng.
 Cho hay đỏ tía sắc xuân,
 Để dành trong sách mát thân học trò,

Khảo dị

3132 Quỳnh lâm mở tiệc... - 3134 Tân Khanh vẫn tin... - 3135 Truyền
 quân lập tức trống hồi - 3137... các làng - 3139 Dấy nên ruộng cật... -
 3140... đám đảng

* Bản TV không có hai câu : 3141, 3142.

3143 Dọn rồi án ki rõ ràng - 3145... tán đỏ đều đi

3146 Ngựa xe vòng giá... - 3147 Lại thêm áo mào...

3149 Khắp nơi... - 3152... giồi thân học trò

- Thực nhờ họ ngoại ơn to,
 Đến nay mới dựng trời cho sang giàu.
 3155. Đan Khê dùm đỡ bấy lâu,
 Ôn nhờ nhà cậu trước sau phi tình.
 Hạc lầu là chỗ dương danh,
 Anh em trả nghĩa sư sanh vuông tròn.
 Nay đà đẹp mặt mẹ con,
 3160. Ở làng Trà Thạch ăn ngon mặc lành.
 Nhờ vua hai chữ hiển vinh,
 Một môn dòng họ có tình tới lui.
 Anh em Trần Bửu chẳng vui,
 Nhớ cha đi mất ngùi ngùi thở than.
 3165. Dọn ra trước chốn tiền đường,
 Đặt làm hương án một bàn vọng thiên.
 Họ tên bài vị rõ biên
 Ăn chay nằm đất chúc nguyện vong linh.
 Theo nho dùng lễ tam sinh,
 3170. Đọc bài văn tế phi tình cha con.

Tế văn rằng :

XXXI - Hỡi ôi !

Bóng xế cành xuân, mây giăng lầu hạc.

Khảo dị

3154 Lúc này... - 3155 Châu Khê dùm dậu...

3156 Đến ơn nhờ cậu... - 3158... cũng tròn - 3160 Ở nơi Trà Thạch...

3162... linh đình tới lui - 3165... công đảng - 3166... vọng lên

XXXI (1) Trăng xế bóng xuân... - (2)... Nghĩ câu phong hạc người xưa

Thấy chữ bình lời thơ cũ, chi xiết
 não nùng ;
 Nghe câu phong hạc ngày xưa, càng thêm
 bát ngát.
 Nhớ linh xưa :
 Kinh sử đều thông vận thời chẳng đạt.
 Công danh hai chữ, mơ màng bên gối
 hoàng lương.
 Sự nghiệp một câu, lấp lũng trong gương
 bạch phát.
 Khấp chùa miếu cây hương câu nổi giống,
 nghĩa cha con thời đã dặng tiền,
 Trùm non sông lời nói để ghi lòng, tình chồng
 vợ ai rằng ở bạc.
 Xảy ư cấp một gây thiên, bổng chốc chia
 hai gương nhạ.
 Xiết bao đường sá xa xôi, thêm nổi cửa nhà
 man mác.
 Đau đớn thay một cụm tàn huyền, ủ ê bấy
 hai cành hoa ngac
 Ngoài chín chục xuân thu, còn thêm nữa vó
 câu qua cửa khôn tỏ nỗi xa gần ;
 Trong ba ngàn thế giới, biết bao nhiêu

Khảo dị

- (5) Khấp chùa.... nghĩa đã dặng tròn... tình dâu ở bạc
 (11) Sớm hôm... nay rừng bụi ai cũng mận lạt. (12)... nói không, biết
 đâu tìm dấu Như Lai.

dấu thỏ lên đèo khó lường* nơi sống thác.
 Và lại*,
 Tu gặp chùa nghèo, chơi lâm cảnh khác,
 Hôm mai chuông mõ, xưa am mây trót đã
 nhọc nhằn,
 Ngày tháng tường đưa, nay rừng cội ai
 đành mận lạt.
 Làng Trà Thạch, đá buông lời nói trống biết
 đâu tìm dấu Như Lai ;
 Đất Đan Khê hoa chảy nước mắt dầm, khó
 nổi hỏi tin Bồ Tát.
 Phải gặp thuở qua miền Đông thổ, rước
 cha trở lại, trong nhà cũng có Thích Gia ;
 Nào biết ai tới cõi Tây phương, xin cha trở về,
 trong nước há không Di Lặc*.
 Ôi ** !
 Giàu sang một thuở, mây nổi hoa tàn,
 Bè bạn trăm năm, nước xao bèo dạt.
 Đã biết cha nghề nào con nghề nấy, mới
 phải nhân tình,
 Há hay cha đường nọ con đường nầy, cũng
 vì thiên các.

Khảo dị

- * Bản TV không có hai chữ này.
 (13) Phải gặp... Đông Độ... xin cha lộn về ở nước há không Di Lặc ?
 * * Sau vế 13 này, bản TV còn có :
 Hộ lá cây, mất cha nào cậy, muốn hỏi han mà cửa Phật vắng hiu
 Ai là thương, thấy mẹ thêm thương, luống trông nhớ mà tuổi trời nặng vác.
 * * Bản TV không có mấy chữ này.

Vái Phật mở câu giới cấm rày cô nhi đặt
tiệc cỗ bàn ;
Nhờ vua dựng chữ vinh qui, nguyện hiến khảo
dùng thoi vàng bạc.

Hỡi ôi ! Thương thay* *

Có linh xin hưởng * *

Nay văn

- Đọc rồi văn tế linh cha,
Một môn dòng họ đều hòa khóc than.
Vào ra dù vông nhện nhàng,
Đãi đằng trên dưới cỗ bàn no say.
3175. Tiệc bày vừa trọn mười ngày,
Tân khanh sai kẻ lễ bày hạ diên.
Mừng cho hai rể đăng tiên,
Ngàn năm tiết rạng danh biên thê ngà.
Hai chàng bằng nhân thám hoa,
3180. Khiến người lên tạ nhạc gia ơn rồi.
Lương duyên hai chữ thêm giồi,
Trần Đoan lại tới lo bồi việc hôn.
Đỗ nường vâng lệnh công môn,
Chọn ngày giờ tốt nghinh hôn đem về.
3185. Sấm sanh sáu lễ đương xuê,
Họ hàng mới nhóm toan bề phụng chiêm.

Khảo dị

- 3175 Tiệc mừng vừa đủ... - 3176... lễ bày đình duyên
3178 Ngàn năm tiếng rạng... - 3182... vừa tới lo hồi nghinh hôn. - 3185
Sửa sang... nên xuê

- Hay đầu trăng gió mây êm,
Hằng Nga núp bóng cung thiềm chưa lâu.
Đôi lành chén ngọc chưa trao,
3190. Dương Trần nhuộm bệnh bèn đau thương hàn.
Trong nhà lo việc thuốc thang,
Rước thầy hay trị ngày càng thêm hư.
Tân khanh có dạ ưu tư,
Đưa tờ khấp chôn câu sư tới liền.
- IV
3195. Lúc nầy đến lúc người tiên,
Lên chùa Linh Diệu ở miền Thiên Thai*.
Theo tiên đã mấy năm trời,
Tắm lòng rửa sạch việc đời lằng xao.
Lão Nhan coi số thiên tào,
3200. Đòi hai người vào tỏ chuyện căn duyên.
Rằng : Hai họ có căn duyên,

Khảo dị

- 3187... trăng tỏ mây êm
3189 Hồi đôi... chờ trao
3190... liền đau thương hàn - 3192... càng ốm hư.
3195 Lối nầy tới cảnh... - 3196 Nơi chùa...

* Tiếp sau câu 3196 này, bản TV còn có hai câu :

- Dương Từ Hà Mậu hòa hai,
Bấy lâu ở chốn Quỳnh đài dạo chơi.
3197... hầu nửa tháng trời - 3200... nói chuyện trần duyên

- Trời đã định trước kết nguyên sui gia.
 Nay đã sum hiệp một nhà,
 Con trai con gái thấy đã thành thân.
3205. Họ Hà nghe lạ hỏi lần,
 Rằng : Tôi đi khỏi mới gần nửa trăng.
 Trong nhà hai gái còn măng,
 Tuổi trời chưa mấy sao rằng thành thân ?
 Đáp rằng : Trên dưới có phần,
3210. Non tiên một bữa côi trần một năm.
 Toán theo giáp tý thời nhằm,
 Tuyết Băng nay đã mười lăm tuổi rồi.
 Đạo đời đã biết thời thôi,
 Hai người khá kíp phản hồi cố hương.
3215. Lão Nhan làm phép thâu đường,
 Cho hai hoàn thuốc cứu chàng Dương Trân.
 Hai người về chốn dương trần,
 Giàu sang chung hưởng nhờ phần lộc con,
 Lộc con là lộc trời ban,
3220. Nhân luân hai chữ vẹn toàn mới an.
 Hai người từ biệt Lão Nhan,
 Ra nơi Vân Động theo đàng ngày xưa.
 Tri Niên họ Lý đi đưa,
 Dừng dằng cửa động còn chưa chỉ đường.

Khảo dị

3202... kết nguyên thân gia - 3203 Rày nên... - 3205... nghe nói hỏi phằng - 3213 Đạo trời...

3217... về côi hồng trần - 3219... lộc trời còn - 3220... vuông tròn mới an - 3223... theo đưa

3225. Rót ra hai chén quỳnh tương,
 Rằng xin uống cạn về đường cho an.
 Từ đây xuống chốn nhân gian,
 Non tiên xa cách khó màng trở lên.
 Gặp nhau biết lấy chi đền,
3230. Chút duyên bèo nước nào quên ơn nầy.
 Ngàn năm trăng gió ở đây,
 Riêng đưa chiếc nhận lạc bấy kêu xa.
 Vội vàng chưa kịp hái hoa,
 Dương quan bẻ liễu gọi là đưa nhau.
3235. Đưa nhau của có báu đâu,
 Chi bằng đạo vị tám câu năm vắn.
 Ta xin bắt chước tao nhân,
 Ngâm thơ đưa bạn dương trần ngày nay.

Tri Niên tổng Hà Mậu thi***XXXII - Long Môn quê cũ lại bốn ba,**

Non nước băng khuâng cảm họ Hà.

Nước thánh năm đời lửa mắt tục,

Rượu tiên một thuở rửa lòng tà.

Đào Nguyên khó hẹn tin bèo nhóm,

Khảo dị

3227... dương gian

3228 Non tiên xa cách khôn đàng... - 3230... nào quên tình nầy

3231... bóng gió ở đây - 3232 Riêng than chìm nhận rẽ bấy...

3233 Vội vàng nào kịp... - 3234 Dương quan cành liễu...

3235 Của đưa nào báu chi đâu - 3236 Sao bằng mùi đạo... - 3237... bắt chước cổ nhân - 3238 Gọi thơ...

*Thơ đưa Hà Mậu.

Vân động riêng sâu tiếng nhận xa.

Khôn dại sự đời người đã thấy.

Nên mình rồi phải dặt người ta.

*Tri Niên tổng Dương Từ thi**

XXXIII - Thiên Thai xa cách côi Nam Khương,

Hoa cỏ ngùi ngùi cảm họ Dương.

Chùa Phật khôn cảm gây lão mai,

Động tiên xin chúc chén quỳnh tương.

Chút tình trăng gió riêng cưu bạn,

Mấy dặm non sông vội tách đường.

Lưu Nguyễn tích xưa ai cũng thấy,

Người về nhà nước hiếm người thương.

Dương Từ Hà Mậu nghe thơ,

3240. Than rằng : Nào biết bao giờ gặp nhau.

Cuộc đời là cuộc bể dâu,

Nước về sông thẳm khôn cầu nguồn xưa.

Nói thời nước mất như mưa,

Tri Niên chỉ nẻo quê xưa đành rành.

3245. Thâu đằng nhờ có phép linh,

Một người một ngõ hồi trình chẳng xa.

Khảo dị

XXXII (6) Vân động riêng buồn tiếng hạc xa - XXXII (8)... phải giúp người ta.

* Thơ đưa Dương Từ

XXXIII (5) - Chút tình bóng gió... - XXXIII (7) đối lạnh dẫu xưa ai cũng biết

3242 Nước về doanh thẳm...

Dương Từ về tới quê nhà,

Đoái nhìn cảnh vật thấy xa lạ lòng.

Ngẩn ngơ đứng trước bình phong,

3250. Minh nghi nào dám vào trong công đường.

May đâu lại gặp Đỗ nương,

Dạo chơi ngoài cửa nhìn tường phủ quân.

Hai hàng nước mắt rưng rưng,

Nửa thương việc trước nửa mừng ngày nay.

3255. Dương Từ lấy thuốc tiên rày,

Cho Dương Trân uống kịp ngày lành mau.

Cha con chồng vợ gặp nhau,

Hỏi pho chuyện văn trước sau tỏ tình.

Gần xa đều tới thăm mình,

3260. Cõi đi tu đã nên hình Phật chi .

Mười lăm năm bỏ nhà đi,

Nợ oan gia lại kéo ghì về đây.

Nàng rằng : Từ ấy nhẫn nay,

Nghĩ trong mình thiếp liền ngay lụy tuôn.

3265. Bao nhiêu gió thổi mây tuôn,

Đột sâu làm gối nấu buồn làm cơm.

May nhờ hai trẻ danh thơm,

Khảo dị

3250 Minh nghi chưa dám...

3251 May đâu lại có... - 3252 Dạo chơi ra của...

3255... thuốc tiên hay - 3259... thăm mình. bản nôm ZFB đề : huy mình.

Chắc chép nhầm, vì tự dạng gần giống nhau. Chúng tôi để theo bản TV.

3262... vào đây - 3263... những may - 3264 nghĩ trong phận thiếp...

3265 Xiết bao gió chớp mây tuôn - 3266 Chấu sâu...

- Bề nhà cửa mới dựng nờ nờ ra.
 Phải con cạo trọc như cha.
 3270. Ôi thôi thân thiếp cũng ra ăn mày.
 Cho hay một trả một vay,
 Am mây đã đón lại đày đi xa,
 Đói thời phổ khuyến người ta,
 Tương chua cơm hầm gọi là ăn chay.
 3275. Coi chim quành quạch thời hay,
 Theo cây trái chín ăn chay già đời.
 Bay đâu cho khỏi dưới trời,
 Tiếng kêu quành quạch già đời ra chi ?
 Trần rằng : Vận có thanh suy,
 3280. Người đời sao khỏi hiệp ly lẽ thường.
 Mừng nay sum hiệp một đoàn,
 Hai con dâng lễ thọ trường cho vui.
 Họ Dương họ Đỗ đều vui,
 Trong nhà quan khách tới lui bọn bề.
 3285. Đoạn này Hà Mậu ra về,
 Long Môn đất ấy thực quê xưa rồi.
 Nhìn xem nhà cửa hỡi ôi,
 Ngồi chài nóc sập vách vôi gạch đào.

Khảo dị

- 3268 So bề nhà cửa... - 3269... chơi vút theo cha
 3270. Ôi thôi thân mẹ... - 3272... còn đày đi xa
 3276... ăn chay đời đời - 3279 Chín rằng...
 3281 Bằng nay... nhất đường
 3286... quán quê xưa rồi - 3287 Trạc nhìn... - 3288... gạch nhào

- Ổ vò lưới nhện lao xao,
 3290. Trước sân cỏ loạn hàng rào ngã xiêu.
 Vợ con vắng vẻ quạnh hiu,
 Bếp nhiều ốc để thêm nhiều để ngâm.
 Họ Hà thấy vậy khóc thảm,
 Hai hàng nước mắt lụy dầm chéo khăn.
 3295. Chưa hay duyên cớ sao rằng,
 Tới nhà em gái hỏi phần sự tình.
 Mới hay là sự bất bình,
 Liễu thơ trước đã bỏ mình về quê.
 Tuyết Băng hai gái đường xuê,
 3300. Ở cùng quan trấn bỏ nghề Da Tô.
 Mậu rằng : Hai chữ cái đồ,
 Thực trời xui khiến còn mồ mả sau.
 Cảm thương họ Liễu phận bầu,
 Vợ chồng chẳng dựng gặp nhau buổi này.
 3305. Phải chi đừng sống lại đây,
 Theo ta tránh khỏi chó tây ăn hôn*.
 Bà con dòng họ một phồn,
 Nghe lời nói lạ tới đồn hỏi xoắn.

Khảo dị

- 3290 Trước sân cỏ lán...
 3291... dẫu trước vắng hiu - 3292 Bếp còn ốc để... - 3293... động tâm
 3294... ra dầm chéo khăn - 3297 Mới hay rằng việc...
 3301... Hai trẻ cái đồ - 3303... thác mau - 3304 Vợ chồng chẳng gặp
 theo nhau...

* Bản TV lược câu 3306

3308... hỏi xằng - 3312 Vái ông...

- Mậu rằng : Nói việc Hà Năng,
 3310. Cho con cháu biết kéo rằng đạo hay.
 Đốt nhiều vàng bạc thời may,
 Cho ông khỏi mắc ăn mây âm cung.
 Ai ai nghe cũng náo nùng,
 Đều lau nước mắt lòng bùng thờ than.
 3315. Tiếng đồn ra khắp các làng,
 Châu Kỳ tới viếng hỏi han việc đời.
 Họ Hà phân nói khắp nơi*,
 Việc trong mười đất chín trời tỏ trang.
 Lại phô một việc Châu Phan,
 3320. Nhấn về đốt sách Hoa Lang lắm đời.
 Kỳ rằng : Đã tỏ đạo trời,
 Mười lăm năm trọn nối hơi trông chờ.
 Đã đành dấu trước bờ vợ,
 Đuốc xao vì gió trắng lơ vì mây.
 3325. Vì ai ra có sự nầy,
 Còn mang thập ác một cây câu gì*?
 Đội ơn anh có công đi,
 Phải chi chẳng thấy còn nghi lẽ nào.
 Ví như một tắc a giao,

Khảo dị

3314...khôn cùng thờ than

* * Bản TV không có bốn câu : 3317, 3318, 3319, 3320

3321...Muốn thấu đạo trời - 3322... nối hơi đến giờ

3324... trắng lơ bởi mây - 3325 Vì ai nên có...

* Bản TV lược câu 3326

3328 Phải chăng đã thấy...

3330. Mấy nguồn nước đục lỏng vào cũng trong.
 Mậu rằng : Nói lại động lòng,
 Một môn tả đạo cũng dòng thói nhăng*.
 Nay ta cứ gốc mà phân,
 Theo đường nhân nghĩa chi bằng đạo nhỏ.
 3335. Trời sanh có một đạo nho,
 Ngàn nghề muôn nghiệp cũng lò ấy ra.
 Cứ theo đơm quảy ông bà,
 Quỉ thần không giận mồ ma không hờn.
 Nay đà tỏ dặng nguồn cơn,
 3340. Dạy đời con cháu gọi ơn thánh hiền.
 Từ đây hai họ lời truyền,
 Bao nhiêu tả đạo đều nguyên đốt kinh.
 Phút đầu quan trấn hay tình,
 Đòi người Hà Mậu hỏi minh mọi lời.
 3345. Tuyết Băng hai gái nhờ trời,
 Cha con sum hiệp mọi nơi vuông tròn.
 Cho hay người cách nước non,
 Thác thời mất dấu sống còn gặp nhau.
 Tấn khanh gạn hỏi đuôi đầu,
 3350. Họ Hà thừa việc trước sau tỏ tường.
 Liền sai quan huyện Nam Khương,

Khảo dị

3330... đều trong

* * Bản TV lược câu 3332

3336... đều lò ấy ra - 3338 Quỉ thần chẳng giận...

3340... đội ơn thánh hiền. - 3344 Đòi Hà Mậu tới... - 3346 Cha con
 vậy hiệp...

- Dạy Trần Đoan rước họ Dương đem về.
 Yến diên một tiệc phủ phê,
 Cùng nhau bàn luận các bề phải chăng.
 3355. Việc trong trời đất mấy tầng,
 Nhớ đâu nói đó nào hằng sót quên.
 Dương Từ Hà Mậu hai tên,
 Tân khanh dâng sớ vừa lên cứu trùng.
 Tấn vương xem sớ lạ lùng,
 3360. Chỉ đòi nội vụ thấy cùng lai kinh.
 Tân khanh vâng chỉ lai kinh,
 Cha con hai họ thấy mình đều đi.
 Tấn vương ngự trước đàn trì,
 Cho vào ra mắt một khi xem tường.
 3265. Tả biên quì tấu họ Dương,
 Anh em Trần Bửu hai chàng tân khoa.
 Hữu biên quì tấu họ Hà,
 Chị em Băng Tuyết nét na dịu dàng.
 Tấn vương phán trước ngai vàng :
 3370. Dương Từ Hà Mậu hai chàng có công.
 Chín trời mười đất đi thông,
 Tìm ra mối đạo trong lòng mối an.
 Bấy lâu chuộng thói dị đoan,
 Đến nay mới biết lầm đường đi xa.
 3375. Có lòng theo chánh bỏ tà,

Khảo dị

- 3353 Yến diên *thết đãi*... - 3354... *mọi* bề phải chăng - 3356... *nào* từng
 có quên - 3358... *tâu* lên cứu trùng - 3362... *sửa* mình đều đi.
 3375...*quì* chánh *cải* tà

- Trời liền cho phúc sanh ra con hiền.
 Thêm gỏi hai chữ lương duyên,
 Song sanh đôi tốt phi nguyên giàu sang.
 Việc này giao lại trấn quan,
 3380. Chủ hôn hai họ kết dang sui gia.
 Người hiền là báu nước nhà,
 Đáng biên vào sử để ra trị đời.
 Tấn vương dụ xuống khắp nơi,
 Cấm theo đạo Phật đạo trời chẳng nên.
 3385. Dụ rằng : Đất dưới trời trên,
 Giữa là kẻ thế bốn bên mọi lào.
 Xưa nay chẳng dạng hỗn hào,
 Cõi ai nấy ở loại nào nấy theo.
 Coi câu lưỡng quốc tương triều,
 3390. Đường đi cách trở hãy nhiều non sông.
 Có sao phận ở nước trung,
 Lòng theo nước ngoại còn mong đạo gì ?
 Ông bà mô mả bỏ đi,
 Gốc mình chẳng kính kính vì gốc ai.
 3395. Cửa nhà làng xóm cách ngoài,
 Phận gần chẳng đoái đoái hoài phận xa.
 Quan dân đều nói tiếng ta*,

Khảo dị

- 3380... hai họ *cho an việc nhà*
 3381 *Con* hiền... - 3382...*khuyến* đời - 3388 *Xứ* ai nấy ở...
 3389 *Coi công*... - 3391 *Có* sao *minh* ở... - 3394... *lại* vì gốc ai

* Bản TV lược tám câu, từ câu 3397 đến câu 3404

- Chẳng hơn chim chuột tới nhà lú lo.
Đàn bà giữ tiết thơm tho,
3400. Chẳng hơn dê chó chung lò tanh hôi.
Người khôn thấy cũng biết rồi,
Có đâu vượt phép đối ngôi xô bồ.
Ai còn về đạo Da Tô,
Cùng là đạo Phật tội đồ chẳng tha.
3405. Cứ theo một đạo nhỏ ta,
Giữ câu lễ nghĩa muôn nhà đều vui.
Tấn vương dụ xuống vừa rồi.
Tấn khanh dâng sớ xin hồi Hà Đông.
Tấn vương ngự trước đền rồng,
3410. Bạc vàng gấm nhiễu thưởng công Dương Hà.
Làm thơ ngự chế ban ra,
Tặng cho hai họ vinh hoa một giờ.

*Tặng Dương Từ thi nhất thủ **

XXXIV - Chùa sãi đâu hơn gã họ Dương,
Đi tu lại biết lễ du phương.
Gậy thiền dù tránh nơi tiên động,
Rượu Lão đâu say chỗ Phật đường,
Thế sự lắm người con mắt tục,

Khảo dị

- 3406... an vui - 3407... cấm rồi - 3409... ngự đến đền rồng
3410 Bạc vàng gấm vóc... - 3412... vinh hoa một đời
* Thơ Tặng Dương Từ - XXXIV (1) Chùa sãi nào hơn...
XXXIV (2) Đi tu mà biết... - XXXIV (5) Thế tục lắm người con mắt thịt.

Phong trần mấy kẻ tấm lòng gương.
Việc trong trời đất nên hư thấy,
Nêu để dân ngu khỏi lối đường.

*Tặng Hà Mậu thi nhất thủ * **

XXXV - Qua bếp nên khen gã họ Hà,
Năm đời còn biết lễ tây tà.
Ra đi chẳng ngại đường trời đất,
Chớ lỗi nào câu việc mẹ cha.
Đổi thói man di vì nổi trẻ,
Nghĩ ơn thủy thổ cảm cho già.
Một người tìm đạo muốn nhà thấy,
Bia để ngàn năm rõ tiếng nhà.

- Khiến nêu chỗ ở hai người,
Có con giúp nước để đời xem trông.
3415. Hai người lãnh lấy ấn rồng,
Đem nhau ra trấn Hà Đông một đoàn.
Tấn khanh về kịp sai quan,
Ra Long Môn huyện sửa sang cửa nhà.
Dấy nên lương đồng một tòa.

Khảo dị

- XXXIV (8) Nào để dân ngu phải lối đường
* * Thơ tặng Hà Mậu - XXXV (2)... lễ ngay tà -
XXXV (7)... người thấy
XXXV (8) Bia để ngàn năm tiếng nước nhà
3413 Khiến nêu thơ ấy... - 3414 Có công... - 3415... dựng biểu đền rồng
3416... về trấn Hà Đông rõ ràng. - 3418 Ra Long Môn quận... - 3419
Dựng nên...

3420. Ôn vua cho dựng nêu ra cột cờ,
Tân khanh liền chọn ngày giờ,
Dương Hà hai họ viết thơ đính kỳ.
Phu nhân lòng cũng yêu vì,
Sắm cho hai gái vinh qui về làng.
3425. Trong mình đã đủ nữ trang,
Lại thêm của báu vua ban thiếu gì.
Cửa nhà rục rở ai bì,
Cha con vậy ở đợi kỳ tống hôn.
Xui nên một huyện Long Môn,
3430. Bà con nội ngoại khen đồn tiếng xa.
Ngày đêm trong cửa họ Hà,
Người sang khách trọng vô ra dập đầu.
Cho hay những kẻ biết điều,
Trời trao lộc tốt làm nêu để đời.
3435. Tối ngày tháng sáu hai mươi,
Họ Dương sắm lễ nhóm người nghênh hôn.
Nam Khương qua tới Long Môn,
Đường đi mười bữa cầu hôn xa vời.
Tân khanh trước đã vâng lời,
3440. Kiệu tàn rần rộ tới nơi họ Hà.
Họ Dương lễ cưới họ Hà,
Hai trai hai gái một nhà thành thân.

Khảo dị

- 2420 Ôn vua sửa dựng... - 3421... luận ngày giờ - 3423... lòng rất yêu vì.
3428 Hai con... - 3431 Ngắm xem...

- Sánh đôi Xuân Tuyết Dương Trần,
Thu Bàng Dương Bửu cân phân vợ chồng.
3445. Đuốc hoa chén ngọc song song,
Gối loan trường phụng động phòng thêm xuân.
Hai người liền mở tiệc mừng,
Khắp nơi châu huyện đều dâng liên đây.
Người lui kẻ tới dây dầy,
3450. Da Tô thấy sãi cũng vậy theo chơi.
Cùng nhau bàn luận việc đời,
Theo đường nhân nghĩa bỏ vời dị đoan.
Cho hay báo ứng rõ ràng,
Cha lành con thảo hiển vang báu đời.
3455. Chối lừa ngân hải khắp nơi,
Xem qua cho biết để đời làm gương.

Khảo dị

- 3434... làm nêu ở đời
3447 Ba ngày... - 3450... cũng vậy coi chơi
3451 bàn bạc một lời
3452 Đã ưng bỏ đạo Phật, Trời theo Nho
3453 Theo nho trên hướng phước to
3454 Phần vua gởi mật nào lo phận hèn
3455 Cho hay công ở sách đèn
3456 Trái xưa nay cùng tiếng khen còn đời

CHÚ THÍCH

DƯƠNG TỪ - HÀ MẬU

1. **Thăng bình** : thái bình. Xem câu 2918.
2. **Chư gia** : các nhà (biên soạn sách). Xem câu 1749.
3. **Đạo học** : học đạo lý nhà nho.
5. **Dị doan** : sự tin tưởng những điều khác lạ, không đúng chính đạo. Xem các câu 3373, 3452.
Bồi bồi : ngổn ngang, bối rối.
6. **Đạo Phật** : đạo thờ Phật. Xem câu 263.
Đạo Trời : đạo Thiên chúa, thờ đấng tạo dựng nên trời đất, muôn vật. Xem các câu 135, 264.
Băng xăng : có vẻ bận rộn nhiều việc. Xem các câu 1322, 1742.
7. **Lãng nhãng** : quấy quá, có vẻ bận bịu mà không nên việc gì. Xem các câu 1593, 1658.
8. **Đạo hằng** : đạo thường, đạo lý tự nhiên bao giờ cũng phải theo. Xem các câu 146, 598, 2669.
9. **Đạo tà** : đạo gian vạy, không chính.
10. **Quả báo** : kết quả báo ứng việc đã làm. Tự nhiên mà sự ác đến với người làm điều ác, sự lành đến với người làm điều lành.
12. **Địa ngục** : nơi giam kẻ có tội ở âm phủ. Chỗ linh hồn người ác phải chịu hình phạt sau khi chết.

CHÚ THÍCH DƯƠNG TỪ - HÀ MẬU

- Thiên đàng** : thế giới cực lạc trong tôn giáo Cơ Đốc. Xem các câu 110, 1114, 1137, 1142, 1164, 1219, 1235, 1263, 1281, 1288, 1304, 1318, 1332, 1360, 1471, 2133.
13. **Hoa Lang** : nước Y - pha - nho (Espagne).
- Đạo Hoa Lang** : đạo do các giáo sĩ người Y - pha - nho truyền sang ta, tức đạo Thiên chúa, xem các câu 55, 995, 1044, 1111, 1115, 1362, 2155, 2192, 2452, 3051, 3320.
16. **Hậu Tấn** : thời Ngũ đại (Trung Hoa) Thạch Kính Đường mượn quân Khiết Đan diệt nhà Hậu Đường lập lên một triều đại mới gọi là Hậu Tấn (936 - 946).
- Long Môn** : tên một địa điểm ở Sơn Tây (Trung Quốc).
19. **Rạng giời** : trau tía cho sáng tỏ để mọi người đều thấy. Giời là trau tía, làm cho trơn láng. Xem câu 553.
- Lòng son** : lòng ngay thẳng, trung thành. Xem các câu 188, 346, 613, và ct 252 A.
20. **Bố thí** : đem của cho người làm phước.
So đo : bụng dạ hẹp hòi, suy hơn tính thiệt chi ly. xem các câu 854, 2109.
21. **Giữ bo bo** : giữ chàng giữ chặt. Xem câu 797.
24. **A-men** : xin được như nguyện là tiếng cầu nguyện sau mỗi câu kinh đạo Da Tô.
25. **Liều thơ** : người con gái họ Liễu. Thơ (thư) là tiếng gọi người con gái. Xem câu 105.
26. **Ý cả câu** : nói chiêm bao thấy mặt trăng sa xuống mình là điềm sinh con quý. Từ Hán có chữ *mộng nguyệt* là nói nghĩa ấy. Theo *Nam sử*, xưa kia Vũ đế chiêm bao thấy nhà sư chột mắt cầm lò hương đến xin thác sinh ở cung vua. Thế rồi có một cung nữ chiêm bao thấy mặt trăng chiếu rọi vào bụng mà có thai (Lương Vũ đế kỷ). *Quan*

- Âm Thị Kinh* : Báo điểm mộng nguyệt mãn ngày treo khăn.
31. **Danh y** : thầy thuốc giỏi có tiếng. Xem câu 2445.
32. **Đồng đạo** : cùng theo một đạo. Châu Kỳ cũng theo đạo Thiên chúa.
50. **Thấy địa tiên** : thấy tu tiên ở dưới thế. Xem ct 263.
56. **Màng** : tường đến, chú ý tới. *Ca dao* : Chim sa cá lặn chẳng màng, chỉ ham cái nết bạc ngàn khó mua. Xem câu 1944.
58. **Tế sanh hoạt mạng** : giúp cứu sống sinh mạng người.
61. **Ngô bào** : đồng bào, anh em ta cá. Bài *Tây minh* của Trương Tải (xem ct 1A) có câu : *Dân ngô đồng bào* : ý nói người với ta là đồng loại, con chung một bào thai của trời đất mà sinh ra nên coi nhau như anh em. Xem ct 1247 D.
65. **Sơn xuyên** : Núi sông.
67. **Nghinh ngang** : không thành hàng lối, không giữ phép tắc, phóng túng. Xem các câu 892, 622, BX, BXX
68. **Thạch bàn** : tảng đá to mặt phẳng. Xem các câu 84, 2322, 2419.
70. **Phong trần** : gió bụi. Chỉ cõi đời gian lao vất vả. Xem các câu 194, 2827, XXXIV và ct 31 A.
73. **Vang dấy** : dấy tiếng om sòm. Xem câu 1673.
75. **Trông chừng** : nhìn tới mà ước cho biết là bao xa. Xem câu 3124.
76. **Đồng tử** : trẻ nhỏ. Xem các câu 88, 1005, 1062, 1075, 1099, 1158, 1175.
80. **Tánh danh** : họ tên. Xem các câu 492, 918.
83. **Đề lời** : nhấn gửi lời lại.

85. **Hôm mai** : Buổi sáng sớm (hôm nay). Cũng có thể đọc *hôm mai*, nghĩa là sáng hôm kia.
88. **Thâm san** : núi sâu. Xem câu 320.
92. **Cốt cách** : chỉ chung hình thể, dáng điệu. Xem các câu 165, 2467.
- Nhờ bợn** : dơ dáy, vấy dính điều không sạch sẽ.
94. **Tương tùy** : theo nhau.
97. **Da Tô** : người Do Thái, Cơ Đốc giáo xưng ông là giáo chủ và gọi là Cơ Đốc (Jesus). Xem các câu 262, 966, 967.
- 104 **Tâm phơ** : vu vơ không đầu, nghĩa như chữ tâm phào. Xem ct 479 A.
- 105 **Mười trăng** : mười tháng. Mỗi tuần trăng là một tháng. Xem các câu 221, 2066.
106. **Song sanh** : sinh đôi. Xem các câu 222, 211.
114. **Đành rành** : Rõ ràng, chắc chắn. Xem các câu 212, 419, 3244,
122. **Thiên công** : thợ trời, tạo hóa.
123. **Thần thông** : phép biến hóa mầu nhiệm của người tu tiên, tu Phật. Xem các câu 342, 1147.
124. **Bắc đẩu, Nam tào** : tên hai vị thần giữ số thiên mệnh. Xem câu 328.
125. **Thiên tào** : thiên đình, chỗ ở của vua trời. Xem câu 3199.
130. **Đến miên** : đến chừng, đến lúc, nghĩa như gần miên, gần tới.
- Khai hoa** : nở hoa, nói việc sinh con.
134. **Thình không** : khi không, tình cờ. Xem các câu 280, 1016, 2168, 1196.
137. **Âm hao** : tin tức. Xem các câu 324, 1289, 1469.

148. **Luống cầu** : cầu khẩn trời Phật cho có con mà không có kết quả.

Thon von : cheo leo, nguy hiểm. Đây có nghĩa là cô quanh, lẻ loi. Hai chữ này, mặt chữ nôm đã có xu hướng cụ thể hóa hai chữ *thôn*, *viên* dùng làm âm phù đều có bộ *khẩu* bên cạnh làm nghĩa phù, nói ý than thở. Xem các câu 769, 2270,

151. **Liên ngày** : suốt ngày không hở.

157. **Nối gót lân** : nối có con quý nối dòng. Xem các câu 2382, 2598 và ct 2082 A.

158. **Thanh bản** : nghèo mà trong sạch.

160. **Láo bạng sanh châu** : trai già có ngọc. Nói người già có con.

161. **Thiện ác đáo đầu** : trọn câu là "Thiện ác đáo đầu chung hữu báo" nghĩa là lành dữ rốt cuộc đều có báo ứng.

164. **Tâm thường nhân** : người tâm thường, tài đức không có gì trội.

166. **Phàm dân** : dân thường. Xem câu 2258.

170. **Gia đạo** : phép tắc của nhà, đạo nhà.

Bần hàn : nghèo đói.

172. **Xuất gia đầu Phật** : bỏ nhà vào chùa tu. Xem câu 629.

174. **Quy y** : chịu lễ theo Phật giáo. Xem câu 537.

175. **Hài nhi** : trẻ con mới đẻ. Xem các câu 191, 217.

176. **Nam vô** : cũng nói *nam mô* hay *na mô* : tiếng Phạn trong kinh Phật có nghĩa là cung kính thỉnh nguyện. Xem các câu 362, 955.

Từ bi : nhân từ thương người. Xem các câu 1054, 1117, 1125, 1351.

177. **Thế tục** : thói tục ở đời. Xem câu 355.

178. **Nhân tình ấm lạnh** : nói lòng người ăn ở với nhau bất thường khi mặn nồng, khi lạnh nhạt, hậu bạc khinh trọng khác nhau. Xem các ct 2, 1428 A.

180. Ý cả câu : Do chữ *hoàng lương mộng* - giấc kê vàng (hoàng lương) là giấc chiêm bao chưa chín nổi kê, nói đời người ngắn ngủi, công danh phú quý là hư ảo như giấc mộng. Theo *Châm trung ký*, Lư Sinh ở Hàm Đan, gặp đạo sĩ La Ông. Lư Sinh than vãn về cảnh khốn cùng của mình, La Ông liền lấy trong bọc ra một chiếc gối trao cho Lư Sinh, rồi bảo : Gối đầu lên đây, anh sẽ được vinh hiển như ý muốn. Bấy giờ chủ quan đang nấu một nổi kê (hoàng lương) Lư Sinh kê gối nằm ngủ, mộng thấy lấy được con gái họ Thôi đẹp lại giàu, thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức tiết độ sứ, đại phá được quân giặc, làm tể tướng trong mười năm, năm người con trai đều làm quan, cháu nội đến hơn mười đứa, lấy vợ gả chồng toàn là chỗ vọng tộc trong thiên hạ... Chợt khi tỉnh dậy, nổi kê vẫn chưa chín. Lư Sinh bâng hoàng tự hỏi : Há việc đó là chuyện mộng ư ? La Ông cười nói : Việc đời thì cũng như mộng vậy thôi. Trong vãn nôm, giấc hoàng lương còn được gọi là *giấc Hàm Đan*. Thơ Lý Tuấn Dân : Công danh đại đế hoàng lương mộng = công danh đại đế như giấc mộng hoàng lương. *Kiều* : Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai. *Thạch Sanh* : Canh chầy mơ giấc hoàng lương, Tỉnh ra lại thấy muôn dường như không. Thơ Nguyễn Công Trứ : Ba mươi năm hưởng thú biết chừng nào, Vừa tỉnh giấc nổi kê chưa chín. Xem câu XXXI-4.

184. **Ấm lạnh** : nói tình trạng sức khỏe. Xem ct 178 và ct 1428 A.

Hiền thê : vợ hiền, tiếng chồng gọi vợ.

185. **Chuối bồ đề** : Chuối xấu 108 hạt bồ đề kết thành tràng để lần niệm Phật, lấy tích cách nay hơn hai ngàn năm, Đức Thích Ca đã ngồi thiền định suốt 49 ngày dưới gốc cây này để thành Phật cho nên gọi là bồ đề : chính giác, đắc đạo thành Phật. Xem các câu 356, 638, 2763.
186. **Trăm năm** : nơi tình vợ chồng lâu dài.
Xin gởi : xin gởi để lại, không mang theo.
Lời thề nước non : lời thề nguyên chỉ non thề bể, là lời thề gắn bó bền chặt nên nghĩa vợ chồng. **Kiều** : Xót tình máu mủ thay lời nước non. Ý cả câu : xin tạm gác tình chồng vợ lại.
187. **Trá rồi** : chữ trá đây, mặt chữ nôm : *dậu + là*. Chữ *dậu* chắc dùng làm thanh phù, vì trong các đoàn ngữ *trả on*, chữ *giả* được dùng để ghi âm *trả* trong các câu 550, 667, 2429.
189. **Quày quả** : Xem ct 619 A. Xem câu 3086.
Đăng trình : Xem ct 46 A. Xem các câu 901, 2390.
190. **Am tự** : Xem ct 1196 A. Xem câu 700.
194. **Am mây** : Xem ct 1150 A. Xem các câu 201, 352, 367, 395, 1402.
Phong trần : gió bụi, chỉ những nỗi vất vả dọc đường. Xem ct 70.
200. **Lần lữa** : dãn dãn hết ngày ngày sang ngày khác.
- 203 **Như Lai** : người đã đạt đến chân lý, người tìm ra chân lý. Chân lý này do tự mình tu niệm mà chứng quả được, chứ không phải từ đâu đưa đến. Danh từ này đức Phật thường dùng để tự xưng và chỉ chung cả các đức Phật khác. Chữ Ấn Độ là Tathagata. Xem các câu 539, 2541, XXXI - 12.
204. **Trần ai** : bụi bặm, chỉ nơi thế tục. Xem ct 70.

205. **Thị phi** : cách chê khen, gièm xiêm không căn cứ. *Ca dao* : Mang bầu chịu tiếng thị phi, bầu không có rước lấy gì mà say. Xem các câu 255, 642, 849, 1677, 1858.
Mặc thế : mặc cho đời.
208. **Kinh kệ** : kinh Phật và bài kệ. Kinh sách chép những lời dạy lo sửa mình của Phật, kệ là những lời tán tụng, diễn dịch ý tứ từ trong lời kinh ra và được đặt thành thơ. Xem câu 363.
- Phù đồ** : tháp, chùa thờ Phật. Chỉ người theo đạo Phật nói chung. *Ca dao* : Dù xây chín cửa phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người. Xem các câu 361, 372, 954, 1420, 1831.
213. **Giáp tháng** : tròn đúng một tháng. Xem câu 231.
216. **Trưởng tộc** : trưởng họ. Người già nhất hoặc thuộc nhánh lớn nhất trong họ đứng đầu trông nom cai quản mọi việc trong dòng họ mình.
220. **Khăng khăng** : nhất định một mực. Xem các câu 234, 549.
225. **Tắc dạ** : Tấm lòng nhỏ bé (lời nói khiêm). Tắc là 1/10 thước. Chỉ tấm lòng nhỏ bé, vật nhỏ bé, như nói : tắc son, tắc riêng, tắc thành, tắc vàng.
227. **Cát hung** : lành dữ. Xem câu 602.
228. **Thi chung** : xem ct 181 A và các câu 1690, 2689.
229. **Du minh** : chỉ việc đi lễ. Xem câu 1047.
236. **Chúa trời** : đấng tối cao tạo dựng ra muôn loài trong vũ trụ. Xem câu 265.
239. **Ưu nghi** : lo nghĩ, nghi ngờ.
248. **Chánh lộ** : đường chính, ý nói đạo chính thống.

- Tha kỳ** : ngã đường rẽ theo một hướng khác, ý nói không phải chính đạo.
249. **Tư phi** : điều đó là sai lầm.
253. **Máy hành tàng** : đây ý nói lẽ xuất xử, lẽ nên tiến lên hay dừng lại, thôi bỏ không tiếp tục nữa.
263. **Đạo tiên** : đạo thờ thần tiên tu phép trường sinh bất tử, yên vui, thần thông biến hóa.
- 286 **Va** : ông ta, người ấy, tiếng xưng hô trung tình. Chú ý mặt chữ khác nhau của từ này trong bản ZfB. Xem các câu 832, 1432, 1520, 1584, 2102.
287. **Đục trong** : xem ct 29 A.
290. **Tử lý** : quê làng. *KinhThi* : Duy tang dữ tử tất cung kính chỉ, nghĩa là duy có cây dâu và cây tử, tất là nơi cung kính. Ý nói cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng cho nên phải cung kính. Người sau nhân đó mà gọi quê nhà, nơi mẹ ở là *tang từ*, tử lý.
292. **Đầy cơm** : đồ dùng đựng cơm, thường bằng tre, mang xách được.
- Đề huê** : mang xách theo. Xem ct 1435.
298. **Đông hoàng** : cũng gọi *đông quân*, nghĩa là thần chủ về mùa xuân. Thơ Vương Sơ : Đông quân kha bội hưởng san san, thanh ngự đa thời hạ cửu quan = Thần đông quân đeo ngọc kha tiếng kêu lạnh canh, nhiều lúc đánh ngựa từ cửa thiên đế xuống. Thơ Nguyễn Công Trứ : Khi chúa xuân khép nép bên tường, Còn phong nhụy đợi đông hoàng về cang đáng. *Hồng đức quốc âm thi tập* : Từ thuở đông hoàng chịu lấy quyền, Thiếu quang làm cảnh rạng xuân thiên.
304. **Hương quan** : cổng làng, chỉ quê nhà. *Kiều* : Giác hương quan luống lẩn mơ canh dài.

306. **Cổ tri** : quen biết cũ. *Ca dao* : Mang bầu tìm bạn cổ tri, Tìm không gặp bạn li bì những say. Xem câu 2268.
- I. **Ba vua năm đế** : tức tam hoàng ngũ đế trong lịch sử cổ đại Trung Hoa là Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng và Phúc hy, Thần nông, Hoàng đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn. Xem câu 2224.
- Đức thánh ta** : chỉ Khổng tử. *Sử ký* : Khổng tử sinh ở ấp Trâu, làng Xương Bình nước Lỗ thời Xuân thu. Cha là Thúc Lương Ngột khi đã quá tuổi mới lấy Nhan thị, đẻ ra Khổng tử ở nước Lỗ năm thứ 22 đời Lỗ Tương công (551 tr .CN).
- Khi sinh ra trên đầu gối lôm nên đặt tên là Khâu, tự Trọng Ni. Họ Khổng về sau là ông tổ của Nho giáo. Ông từng làm quan tư khấu (quan coi về pháp luật) nước Lỗ. Khi không được trọng dụng ở Lỗ, ông đi chu du khắp các nước Vệ, Trần, Tống, Thái, Sở... mong đem thi hành đạo của mình, nhưng rồi rốt cục ông trở về nước Lỗ mở trường dạy học, học trò rất đông (Khổng tử thế gia).
- Cương thường** : tức *tam cương* (ba mối ,ba giếng) và *ngũ thường* (năm đức thường của đạo làm người). *Lễ nhạc ký chính nghĩa* dẫn lời Hàm Van Giá nói rằng : Quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi phụ cương = Vua làm giếng mối cho kẻ bề tôi, cha làm giếng mối cho con, chồng làm giếng mối cho vợ. *Bạch hổ thông* : Ngũ thường giả, hà ? Nhân nghĩa lễ trí tín : Ngũ thường là gì ? Là nhân nghĩa lễ trí tín. Thơ Nguyễn Trãi : Chữ học ngày xưa quên hết dạng, Chẳng quên có một chữ cương thường. Xem các câu 446, 487, 1836, 3059.
- Dần** : giữ yên, giữ vùng.
- Trung hiếu** : hết lòng với vua với nước là trung, hết lòng với cha mẹ là hiếu. Xem các câu XII, 1668.

Khảm : đây, đủ. Ý cả câu nói học đạo thánh hiền, đem đạo lý đó đi truyền bá trong thiên hạ, thì học bao nhiêu cũng không vừa, không đủ.

Dâm mấy thằng gian bút chẳng tà : dùng thơ văn đá kích, vạch mặt bọn gian theo giặc, ngọn bút bao giờ cũng thẳng thắn theo chính đạo mà kết tội chúng.

315. **Xăm xăm** : chỉ dáng đi nhanh một mạch. *Ca dao* : Xăm xăm bước tới cây chanh, Lăm le muốn bẻ sợ nhành chông gai. Xem các câu 420, 716.

Nhe tách : ý nói đi nhanh như bay.

319. **Nhân gian** : cõi người.

320. **Thâm sơn** : núi sâu. Xem ct 88.

321. **Độc trùng** : thứ trùng độc có thể hại người như rắn, rết...

Ác thú : thú dữ như cọp báo.

322. **Đàng chim dấu thỏ** : ý nói đường sá hẻo lánh, không người qua lại, chỉ có dấu chân chim, dấu chân thỏ rừng chạy qua. Xem ct 249 A và câu 2319.

Lộ trình : đường đi. Xem các câu 652, 1521.

327. **Cõi mây mưa** : chỉ cõi đời tục, vô thường. Xem câu 805, 1977.

328. **Bắc đẩu Nam tào** : Xem ct 124.

334. **Bích lạc** : đạo gia gọi khoảng không trên trời là bích lạc.

Diêm la : vua nơi địa ngục.

337. **Kim đan** : thuốc tiên, thuốc trường sinh. Xem câu 1185.

338. **Tám ngàn xuân thu** : ý nói trường sinh mãi mãi, lấy ý từ sách *Trang tử* : Thượng cổ hữu đại xuân giả, dĩ bát

thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu = Đời thượng cổ có giống cây đại xuân, lấy tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu.

339. **Đằng nhàn** : nhàn nhàn hết thảy, được sao hay vậy, không bận lòng điều gì.

Thanh u : êm ả, thanh lịch.

340. **Du** : chơi.

341. **Đồng** : người ngồi thiếp để nhập vào hôn người chết mà nói chuyện quá khứ, vị lai theo tục mê tín.

342. **Thần thông** : xem ct 123.

345. **Tiền trình** : đường trước đã đi.

346. **Lòng son** : xem ct 19.

Gương minh : gương sáng.

351. **Gia hương** : quê nhà.

356. **Gìn lòng** : răn lòng, giữ lòng.

357. **Quỳ hương ba thứ** : quỳ xuống lễ dâng hương ba lần. Xem câu 955.

358. **Giới cấm** : răn cấm.

359. **Tu trì** : tu tại chùa. Xem câu 690.

361. **Phủ đồ** : Xem ct 208.

362. **Di đà** : tức A-di-đà-Phật : vô lượng quang Phật, là Phật sáng suốt, không đếm lường được. (Amitaoha).

363. **Kinh kệ** : Xem ct 208.

364. **Lăng nghiêm, Diệu giác, Kim cương** : tên ba bộ kinh Phật.

366. **Tam quan** : Cổng có ba lối đi trước chùa.

367. **Am mây** : Xem ct 194.

370. **Bạch** : tiếng nhà chùa, nghĩa là thưa, bày tỏ.

Hòa thượng : tiếng tôn gọi các nhà sư. Xem câu 378.

Vân du : chơi mây, nói các nhà sư đi chơi nay đây mai đó, không nhất định ở một nơi nào. **Kiều** : Đeo bầu quây níp rộng đường vân du. Xem các câu 620, 378, 1093, 1118, 1119.

372. **Phù đồ** : Xem ct 208.

373. **Ghe phen** : nhiều lần. Xem câu 1647.

Ứng : ứng thí, nghĩa là dự thi.

Chế khoa : khoa thi đặc biệt do vua tự định đặt ra.

374. **Cửa thiền** : cửa Phật. **Thiền** là yên lặng. Đạo Phật lấy thanh tịnh làm gốc nên gọi là thiền gia, và phạm cái gì thuộc về nhà chùa đều có chữ thiền kèm theo, như *thiền trà, thiền trượng, thiền sư, màu thiền*... Xem các câu 500, 1434. **Kiều** : Cửa thiền vừa cũ cuối xuân.

376. **Ngạo thế** : ngạo đời, khinh thường chế giễu người đời.

II. **Cầm đuốc chơi đêm** : do chữ *bình chúc dạ du* : cầm đuốc chơi đêm, ý nói thời gian qua mau, đời con người ta quá ngắn, phải tranh thủ mà vui chơi. Cổ thi : Trú đoàn khổ dạ trường, hà bất bình chúc du ? Ngày ngắn khổ nỗi đêm dài, sao không cầm đuốc chơi đêm. Thơ Lý Bạch : Quang âm giả bách đại chi quá khách, nhi phù sinh nhược mộng, vi hoan ký hà. Cổ nhân bình chúc dạ du lương hữu dĩ già = Ngày giờ thì như người khách đi qua mãi mãi trăm đời, mà kiếp phù sinh của con người thì như một giấc mộng, vui được bao nhiêu. Cổ nhân cầm đuốc chơi đêm thật có lý do vậy.

Cưu : mang lấy mà lo lắng.

Lân phụng : hai con vật người xưa thường dùng ví với hạng người hiền hay những vật hiếm ít được thấy. Đoạn Ngọc Tài trong *Thuyết vân* chú rằng : Kì lân thân hình như con hươu to, một sừng, có thịt dày, không làm hại

bất cứ một vật gì nên gọi là nhân thú. *Phụng*, tức phụng hoàng, giống chim báo điềm lành, xuất hiện khi có thánh nhân ra đời. *Thuyết vân* chú ý : mình chim phụng đang trước giống chim hồng, đằng sau giống con hươu, cổ như cổ rắn, đuôi như đuôi cá, trán như trán con sếu, vằn như vằn rồng, lưng như lưng rùa, mỏ như mỏ gà, lông có năm sắc, khi xuất hiện, thì thiên hạ thái bình. *Chiêu hồn quốc ngữ vân* : Ruổi dặm dài quyết chí cân bằng, giúp đời trị mừng điềm lân phụng.

Nghiêu Thuần : hai ông vua theo truyền thuyết trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, được nhà nho coi là mẫu mực, đã theo được lẽ trời mà trị nước giúp dân. *Thông chí* : Nghiêu con vua Đế Hiệu, được phong ở đất Đào (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), sau đến ở đất Đường (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) nên lấy họ là Đào Đường thị, hiệu là Đường Nghiêu. Nghiêu là người có nhân đức, coi sự đau khổ, đói rét của dân là do chính mình gây ra, nên hết lòng lo chính sự, nhờ thế mà dân hưng thịnh, thái bình, già trẻ tươi vui no ấm. Thuần tên Trùng Hoa, cây ruộng ở Lịch Sơn (nay thuộc tỉnh Hà Đông), đánh cá ở đầm Lôi Trạch, nổi tiếng hiền đức, có người tiến cử lên vua Nghiêu. Vua Nghiêu gả hai con gái cho Thuần và giao cho Thuần làm nhiều việc để thử tài, đức. Sau hai mươi năm thử thách, biết Thuần có thể đảm đương việc thiên hạ, bèn nhường thiên hạ cho Thuần. Thuần lên ngôi thiên tử hiệu là Hữu Ngụ. Thiên hạ Thái bình. Xem ct 509 A và câu 2365.

Hươu Tân rấn Hán : Chỉ ngôi vua nhà Tân và đế nghiệp của nhà Hán. *Hán thư* : Tân thất kì lộc, thiên hạ cộng trục chi = Nhà Tân mất con hươu, thiên hạ cùng đuổi bắt nó. Lời chú của Trương An nói : Dĩ lộc dụ đế vị = Lấy con hươu để ví ngôi vua. Trình Đại Xương trong *Tục diễn phồn lộ*

cũng nói : Lấy thiên hạ ví với con hươu, tuy thông dụng từ đời Hán, nhưng trước đó, từ đời Xuân thu đã có lời ví ấy.

Rần Hán, lấy tích ở *Sử ký* : Mẹ Hán Cao Tổ trước đây có một lần bà nghỉ trên bờ một cái đầm lớn, mộng thấy nằm với một vị thần, lúc bấy giờ sấm chớp nổi lên, trời tối mịt. Thái công đến xem thì thấy trên người bà có một con giao long. Sau đó bà có mang và sinh Cao Tổ và ông vua dựng nghiệp nhà Hán.

Thánh hiền... vài pho sách : Chỉ các sách tứ thư (*Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung*) và ngũ kinh (*Thi, Thư, Lễ, Xuân, Thu, Dịch*).

Phù sanh : Đời người sống gửi trong chốc lát, sinh đó, chết đó.

377. **Hành trang** : đồ đạc mang theo khi đi đường.

382. Ý cả câu : Xưa cũng như nay, việc đời vẫn tiếp diễn y như thế, không sai (lộn).

Mấy đời : đời nào có, ít khi có. *Ca dao* : *Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời dỉ ghẻ mà thương con chồng.*

383. **Vòng danh xiềng lợi** : mưu cầu sự tiếng tăm và điều lợi lộc như cái vòng cái xiềng nó cứ chèo nhau mà trôi cùm xiềng xích người ta.

385. **Xuân bất tái lai** : thời son trẻ qua không trở lại.

387. **Thiên trượng** : gậy của nhà sư. Xem câu 814.

388. **Giới đao** : Con dao của các nhà sư đeo.

389. **Cuộc giang san** : ý nói cõi núi sông, trời đất.

Câu này và cả ba câu tiếp theo là lấy ý từ bài *Tiền Xích - bích phú* của Tô Đông Pha : Thà phù thiên địa chi gian vật các hữu chủ, cầu phi ngô chi sở hữu, tuy nhất hào nhi mạc thủ. Duy giang thượng chi thanh phong dữ sơn gian

chi minh nguyệt, nhĩ đắc chi nhi vi thanh, mục ngô chi nhi thành sắc, thủ chi vô cấm, dụng chi bất kiệt. Thị tạo vật giả chi vô tận tàng giả, nhi ngô dữ tử chi sở cộng thích = Và lại ở trong trời đất vật nào có chủ ấy, nếu không phải là của ta, thì dầu một ly ta cũng không lấy. Chỉ có ngọn gió mát ở trên sông cùng là vầng trăng sáng ở trong núi, tai ta nghe nên tiếng, mắt ta trông nên vẻ, lấy không ai cấm, dùng không bao giờ hết. Đó là kho vô tận của tạo hóa, và là cái thú chung của bác với tôi.

394. **Dây dầy** : tiếng động chào rào. Xem câu 3449.

395. **Am mây** : xem ct 194.

397. **Một nhăm** : nhăm qua, xem qua.

398. **Ngư** : ông chài.

Tiểu : người lấy củi. Câu này vì vần mà phải viết như vậy. Hay cũng có thể hiểu : Tiếng hát ông chài dội lại từ trong núi, bóng người lấy củi theo bóng núi in dài trên mặt nước.

401. **Tiểu sanh** : đây chỉ chú bé con. Xem câu 2613.

406. **Lời thạch kim** : lời đá vàng, lời hay ý sâu vững bền như khắc vào chuông đồng bia đá. Xem các câu 620, 625, 654, 665.

III. **Trời Nghiêu** : nói đời thái bình, yên vui. Xem ct 509 A.

Day dòng kéo lại trời tây : vầy ngọn giáo kéo mặt trời sắp lặn ở phía tây quay trở lại, ý nói kéo ngày dài ra, lấy nghĩa từ chữ *huy qua, Hoài nam tử* : Lỗ Dương công (con Tư Mã Tử Kì và là cháu Sở Bình vương) thời Chiến quốc đánh nhau với quân nước Hàn, đánh đang lúc hăng sức mà trời đã chiều, mặt trời sắp lặn, ông bèn múa ngọn giáo vầy mặt trời quay lùi trở lại. Mặt trời lùi trở lại ba xá (mỗi xá ba mươi dặm). Thơ văn Phan Bội Châu :

Mưa gió thâu đêm gà gáy, lời can trường gần bó chuyện đồng cừ. Đồng Lỗ Dương toan kéo lại trời tà, hăng hái nam bốn bắc tẩu (*Văn tế Đặng Nguyên Căn và Đặng Thúc Hứa*).

414. **Đạo sĩ** : Người tu theo đạo thần tiên, có nhiều đạo thuật. Xem các câu 429, 1174, 1431.

417. **Phù chú** : lá bùa và câu thần chú của thầy phù thủy để trừ tà ma.

419. **Đành rành** : xem ct 114.

421. **Tối dâm** : tối mù, tối lảm.

IV. **Phụ tử** : cha con.

Quân thân : vua tôi.

Tu kinh ngăn đũa loạn : Khổng tử soạn kinh *Xuân thu* là muốn trị đời loạn, làm cho đời loạn trở lại chính đạo, *Xuân thu - Công dương truyện*. Bát loạn thế phản chư chính, mạc cận chư *Xuân thu* = Trị đời loạn khôi phục lại chính đạo, không có sách nào hơn nghĩa sách *Xuân thu*. Xem câu 1828.

Dấu xe hành đạo : Khổng tử chu du khắp các nước để thực hành đạo của mình. Xem ct bài thơ đánh số I sau ct 306.

Lời than phụng : Khổng tử thấy đạo của mình chưa đem ra thi hành được, mới than rằng : Phụng diếu bất chí, Hà bất xuất đồ, ngô dĩ hỉ phù = Chim phụng không đến, sông Hoàng Hà không thấy dò thư xuất hiện, đời ta e rằng thế là hết rồi chăng ! (Luận ngữ). Phú Nguyễn Nghiễm : Vay khiến, thương lân sùi sụt than phụng ngẫu ngao, thời chẳng gặp thánh nhân đã vậy, đạo không dùng thiên hạ làm sao (*Khổng tử mộng, Chu Công Phú*).

Tiếng khóc lân : *Xuân thu - Công dương truyện* : Mùa xuân năm Lỗ Ai công thứ 14 (481 tr. CN), trong một chuyến đi săn ở miền tây, người đánh xe hộ Thúc Tôn tên là Sư Thương săn bắt được con lân què chân trước bên trái, ai cũng cho là điềm không lành đem thả ra. Học trò ông là Nhiễm Hữu báo với Khổng tử. Khổng tử đến xem, trông thấy, nói rằng : Thực vị lai tai ! Thực vị lai tai ! = Ai bảo kì lân ra làm gì thế ? Ai bảo kì lân ra làm gì thế ? Nói rồi cầm vạt áo che mặt mà khóc cho rằng đời sắp suy loạn, đạo của mình đã đến lúc cùng, mới than rằng : Đường Ngu chỉ thế lân phụng du, kim phi kì thời lai hà dư ? Lân hế, lân hế ngã tâm ưu = Thời Đường Ngu lân phụng rong chơi, nay không phải thời mà đến đó là có sao ? Lân này, lân này, lòng ta lo buồn biết bao. Khổng tử trở về nói rằng : Ngộ đạo cùng hỉ = Đạo ta đã đến lúc rồi. Hai năm sau, Khổng tử mắc bệnh, được bảy ngày thì mất.

Viết Châu biên sách Hán : ngòi viết của Chu Bật chép sử nhà Hán, ý nói được người bề tôi như Chu Bật cứu nguy cho nhà Hán. *Hán thư* : Cao tổ mất, Lã hậu dùng thuốc độc giết Triệu vương, mưu toan đưa người họ Lã vào nắm những chức vụ quan trọng trong triều Hán. Hiếu Huệ đế mất. Lã hậu cho anh em của mình là Lỗ Thái, Lã Sảm, Lã Lộc làm tướng, nắm giữ các đạo quân phía nam và phía bắc, cho những người họ Lã khác vào giữ các chức vụ trong cung. Uy quyền họ Lã bắt đầu từ đó. Các công khanh ai cũng không chắc số mệnh mình sẽ sống. Họ Lã nắm lấy hết binh quyền, mưu việc phế họ Lưu mà tự lập làm vua. Chu Bật và Trần Bình đem quân giết bọn họ Lã, lập vua Văn đế giữ nghiệp nhà Hán (Cao hậu kỉ).

421. **Tri âm** : xem ct 192A.

- 425-426. **Tử Kì gặp Bá Nha** : xem ct 193 A.
428. **Độ** : cứu giúp.
430. **Thiên khách** : khách ở cửa thiên, tức nhà sư.
432. **Khô nai** : thịt nai phơi khô. Xem ct 454 A.
436. **Chữ Phật lẩn bờ chữ nhân** : ý nói trọng Phật đã chết mà xem nhẹ con người ta đang sống.
437. **Tây vực** : đây chỉ nước Ấn Độ, nơi Phật thành đạo.
438. **Di Hạ** : tư tưởng phản động kì thị chủng tộc của Trung Hoa cho rằng di là xứ sở văn hóa còn thấp kém, và hạ là nước có văn hiến. Đây, do hạn chế của lịch sử, và do muốn khẳng định đạo Nho, công kích đạo Phật nên Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng từ ngữ này. Xem câu 1829.
440. **Phật biểu họ Hàn** : Hàn Dũ dâng biểu can việc đón xương Phật (xem ct 499A). Bài biểu có đoạn :... Tự Hoàng đế cho đến vua Vũ, Vua Thang, vua Văn đều hưởng thọ lâu dài, trăm họ yên vui mà thuở ấy chưa có Phật vậy. Đến đời vua Minh đế nhà Hán mới có Phật pháp mà về sau cứ loạn lạc mãi, các vua trị vì chẳng được bao lâu. Nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần cùng nhà Nguyên Ngụy thờ Phật càng này càng thêm kính cẩn, thế mà niên đại rất chóng. Duy có vua Vũ đế nhà Lương ở ngôi được 48 năm, ba kì xá thân đi làm tăng, sau bị Hưu Cảnh bức phải chết đói. Thờ Phật cầu phúc mà lại phải vạ. Lấy đó mà xem, thờ Phật không nên tin cũng khá biết vậy... Xem câu 606.
443. **Từ bi** : Xem ct 176.
444. **Dân phong** : Thói tục của dân.
445. **Ngôn ngữ** : tiếng nói.
446. **Man di** : chỉ chung các tộc người văn hóa chưa phát triển. Xem câu 580 và ct 438.

448. **Đạo đời** : nói đạo thường mà người đời phải có. Ý câu này và câu bắt tiếp theo, nói đạo đời là chân lý, là đạo thường tự nhiên phải có, không cần tranh giành ảnh hưởng gì với ai cả.
451. **Họ Lão** : tức Lão tử. Theo *Sử kí*, ông họ Lý tên Nhĩ, tự Bá Dương, tên thụy là Đàm. Ông làm quan sử giữ kho chứa sách của nhà Chu. Ông là người đồng thời với Khổng tử. Lão tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi, không ai biết ông chết như thế nào. Ông có làm sách gồm hai thiên nói về ý nghĩa của *đạo* và *đức* hơn năm nghìn chữ, tức quyển *Đạo đức kinh* ta có hiện nay. Người theo Lão thì bài bác nho, theo nho thì bài bác Lão. Ông chủ trương vô vi mà dân tự cảm hóa, thanh tĩnh mà dân tự quay về đường phải.
- Họ Trang** : tức Trang tử - Theo *Sử kí*, ông tên Chu, người huyện Mông nước Lương thời Chiến quốc, là nhân vật trung tâm của phái đạo gia, đã đưa đạo gốc thành một học phái ngang hàng với Nho gia và Mặc gia. Học thuyết của ông phát triển học thuyết của Lão tử. Ông soạn sách hơn mười vạn chữ, lời lẽ mông lung, phóng túng, công kích đạo Nho, đạo Mặc. Sở Uy vương nghe Trang tử là người hiền sai sứ mang hậu lễ đón ông, cho ông làm tế tướng. Trang tử cười bảo sứ giả nước Sở : Nghìn vàng là lợi to, khanh tướng là ngôi quý đấy. Nhưng ông không thấy con bò lúc tế giao hay sao ? Nó được ăn mấy năm, được mặc đồ vóc thêu để đưa vào nhà thái miếu. Lúc bấy giờ muốn làm con lợn nhỏ có được không ? Ông đi ngay cho đừng làm bẩn đến ta. Ta chỉ chơi đùa trong nơi ngồi vắng để tự vui, không để cho kẻ có nước trối buộc, trọn đời không ra làm quan để thỏa chí ta.

452. **Họ Dương** : tức Dương Chu, người nước Vệ đời Chiến quốc, tự Tử Cơ. Có người cho rằng Dương Chu là học trò Lão tử và sống vào thời sau Mặc tử. Ông là nhà tư tưởng đã đề xướng thuyết *vị ngã* (vì mình), nghĩa là chỉ biết có mình thôi. Nho gia cho học thuyết của Dương Chu là dị đoan.

Họ Mặc : tức Mặc Dịch, người nước Lỗ thời Chiến quốc, là nhà học giả chủ trương thuyết *kiêm ái*, sống đồng thời đồng thời với các học trò lớp trước của Khổng tử. Nho gia, đặc biệt là Mạnh tử đã bài xích công kích liệt học thuyết của Mặc tử. Cho Mặc tử xướng thuyết *kiêm ái* (yêu mọi người như nhau, không phân biệt thân sơ) là kẻ không cha. *Truyện sãi vãi* : Kìa như Mặc Dịch với Dương Chu, tu một việc vị nhơn vị ngã, nhổ mấy lông mà lợi cả thiên hạ, thì Dương Chu tu một sự chẳng vui, mài hết trán mà lợi có một người, thì Mặc Dịch tu một lòng chẳng nài.

Họ Hàn (do tiếng miền Nam nên Hàn đã chép ra Hoàng) : tức Hàn Phi, công tử nước Hàn, thích cái học hình danh, pháp thuật. Gốc của học thuyết này là ở Hoàng đế Lão tử. Hàn Phi thấy nước Hàn bị suy yếu, mấy lần viết thư lên can vua Hàn, nhưng vua Hàn không dùng. Hàn Phi ghét những người trị nước không trau giồi làm cho pháp chế sáng rõ, mà muốn dùng cái thế của mình để chế ngự bấy tôi, không lo làm cho nước giàu, binh mạnh bằng cách tìm người xứng đáng, dùng người hiền, trái lại dùng những bọn tham nhũng sâu mọt, đặt chúng ở địa vị cao hơn những người có công lao và có thực tài. Khi vua Tần đánh Hàn, lúc đầu vua Hàn không dùng Phi, đến khi nguy cấp bèn sai Phi đi sứ sang Tần. Vua Tần nghe lời gièm nên đã giết Hàn Phi.

Họ Thân : tức Thân Bất Hại. *Sử kí* : Thân Bất Hại là người đất Kinh, vốn là một viên quan nhỏ ở nước Trịnh, nhờ có học thuật nên thành thân cận với Hàn Chiếu hầu. Chiếu hầu dùng Thân Bất Hại làm tướng quốc. Thân Bất Hại bên trong lo sửa đổi chính sự, lễ giáo, bên ngoài lo đối phó với chư hầu. Suốt trong mười lăm năm, cho đến khi Thân Bất Hại mất, nước được bình yên, binh mạnh, không nước nào xâm lấn nước Hàn. Học thuyết của ông gốc ở Lão tử, nhưng lấy việc hình danh làm chủ.

453. **Cổ nhân** : người xưa.

456. **Trung nguyên** : chỉ miền trung tâm có văn hóa phát triển của một nước, khác miền biên cảnh. Xem câu 1362.

459. **Châu** : chiếc thuyền. Ý cả câu nói người ta ở trên đời này cũng như ở trên một chiếc thuyền, chỉ hướng mỗi người mỗi khác, người chủ về hướng này, kẻ chủ về hướng kia, không ai chịu ai...

461. **Phản theo** : lẩn theo, dối theo.

462. **Lựa phải** : nào phải, cần chi phải.

463-464. **Vua tôi, chồng vợ, cha con, anh em, bầu bạn**

là ngũ luân hay ngũ thường của Nho giáo. *Mạnh Tử* : Con người ta, đã là người, nhưng nếu chỉ có ăn no, mặc ấm, ở yên thân mà không có giáo dục thì cũng gần giống như loài cầm thú. Thánh nhân lấy làm lo về điều đó, mới khiến người Tiết làm quan tư đồ lo việc lấy nhân luân (đạo lớn trong quan hệ giữa người với người) dạy dân, nghĩa là giữa cha con phải có tình thân cốt nhục, giữa vua tôi phải có lễ nghĩa, giữa chồng vợ phải có tình thương yêu nhưng vẫn giữ sự phân cách giữa nam và nữ, giữa người già với người trẻ phải có thứ bậc tôn ti, giữa bạn bè phải có đức thành tín.

466. **Cương thường** : Xem ct I sau ct 306.

467. **Thơ đường** : cũng như thơ phòng : phòng sách, phòng làm việc.
468. **Hiển dương** : rạng rỡ, vẻ vang. Xem câu 2824.
469. **Đời thục quý** : xem ct 487 A, và câu 772.
471. **Lan đình** : tên cái đình trên bến Lan Chữ ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Theo *Tấn thư*, ngày mồng ba tháng ba năm Vĩnh Hòa thứ 9, Vương Hy Chi cùng bạn hữu gồm bốn mươi một người ở Lan đình làm lễ Phất hệ (lễ gội rửa yêu tà) để cùng vui chơi ở đây, có làm bài tự tập Lan đình nổi tiếng. *Quốc âm thi tập* : Này này phong cảnh hòa tri kỉ, Lọ thốt Lan Đình lại thăm sơ.
473. **Trúc lâm** : xem ct 534 A.
Theo thư tịch cổ Trung-hoa, thì số người Lan Đình, Trúc lâm đều được gọi là hiền nhân danh sĩ. Nhưng ở đây, Nguyễn Đình Chiểu lại phê phán thái độ vô trách nhiệm của hạng người đó đối với thời cuộc, đối với xã hội. Như vậy đủ biết tinh thần tự chủ sáng tạo, không lệ thuộc với những cái cũ đã có sẵn, tinh thần luôn luôn lấy hành động thực tế cho sự tiến bộ của xã hội làm thước đo nhân phẩm của con người của ông là đáng khâm phục biết chừng nào !
472. **Thòm miệng** : xệ miệng xuống.
Cổ cầm : xưa nay.
474. **Hôn trầm** : chìm đắm mê loạn.
476. **Tiếng lại** : tiếng giữa trời như tiếng gió.
Bóng thiêm : Bóng trắng. **Thiêm** là mặt trăng. Tục truyền trên mặt trăng có con thiêm thú (con cóc), nên gọi trăng là *thiêm cung*.
477. **Mộ** : mến, chuộng.
Tắm thanh chiêm : tắm lòng thanh sạch giản dị. *Chiêm*

- (bộ thủy + chiêm) đáng lẽ phải đọc *đạm* ! Nhưng đây phải đọc theo thanh phù chiêm để khỏi lạc vận.
483. **Nói biếm** : nói có ý chê bai, khuyên răn những điều lỗi lầm của người khác.
493. **Rộng thình thình** : rộng thênh thênh, rộng lắm.
494. **Phui pha** : cũng nói phôi pha : kém vẻ đậm đà, ý nói núi sông, đất nước cũng chịu sự đổi thay, tàn phá. Xem ct 188 A.
496. **Ba ngàn thế giới** : nhà Phật gọi thế giới ta hiện ở bây giờ là ba ngàn thế giới. Xem các câu 2662, XXXI-12.
Vô danh : ý nói ẩn náu, người ta không biết đến, hay : tu đạo đến bậc thánh nhân, không phải chịu sự chi phối của lẽ tự nhiên.
501. **Lâm khê** : khe suối núi rừng.
502. **Phê phê** : bộ tốt tươi.
503. **Song song** : sách chép *song sinh*, được chữa lại *song song*.
504. **Phau** : trắng phau, rất trắng.
505. **Hòa... hòa** : vừa... vừa.
506. **Xua duồng** : xua đuổi, gạt bỏ.
- V. **Phiêu lạc** : trôi giạt.
Tha hương : xứ khác, không phải quê mình.
Bể thánh rừng nho : cái học của thánh hiền rộng mênh mông.
Ngơ ngáo : đáng ngờ ngác, bỡ ngỡ chưa biết đi đến đâu. Xem câu 1333.
Thế đạo : đường đời, đạo lí ở đời.
525. **Tên ấy** : tên của người ấy.

526. **Sào Phủ** : Xem ct 510 A.

Hứa Do : xem ct 510 A.

527. **Chốn giang hồ** : đây nghĩa như chữ giang sơn.

528. **Huyền hồ tiên sinh** : tên gọi người bán thuốc, hay tên gọi ông lang. Theo *Hậu Hán thư*, Phí Trường Phòng, người đất Nhữ Nam, từng làm việc quản lí chợ. Trong chợ có gian hàng được phẩm của một ông già đứng bán thuốc, trước cửa treo một cái bầu (hồ). Khi chợ tan, ông già thu mình nhảy ở trong bầu, người trong chợ không ai trông thấy. Bản ZFB chép sai *huyền hồ* ra nghĩa cái hồ màu nước tím đen.

534. **Bá Đạo** : tên tự của Đặng Du, người đất Tương Lăng đời Tấn. Theo *Thông chí* khi ông giữ chức thái thú đất Hà Đông, một năm, có biến, ông phải đưa cả vợ con và đứa cháu (con người em đã chết gửi lại ông nuôi) chạy trốn. Giữa đường gặp bọn cướp lấy hết cả xe ngựa, vợ chồng phải đi bộ, thay nhau gánh các thứ còn lại, kể cả con và đứa cháu. Khi gánh chạy sang sông, ông liệu không thể nào bảo toàn cả con lẫn cháu, mới nói với vợ rằng : Em ta chết sớm, chỉ có một đứa con, lí không thể để tuyệt, ta phải bỏ con lại, may mà còn sống chúng ta còn có thể có con khác. Vợ khóc mà nghe theo. Khi chạy đến đất Giang Đông, ông được cử làm thái thú Ngô quận. Ông làm quan nổi tiếng thanh liêm, một lòng lo việc chung nên rất được lòng dân. Ông từ khi bỏ con đem cháu chạy trốn, vợ không chữa đẻ gì nữa, cho đến lúc chết vẫn không có con nối dõi. Người đương thời có ý thương ông mà có câu rằng : Thiên, đạo vô tri sử Đặng Bá Đạo vô nhi = Đạo trời không còn khiến Đặng Bá Đạo không con.

536. **Tử Hạ** : người nước Vệ thời Xuân thu, họ Bộc tên Thường là học trò giỏi về văn học của Khổng tử. Ông

chuyên về kinh Thi. Những người học tập nghiên cứu kinh Thi các đời sau đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tử Hạ. Sau khi Khổng tử qua đời, ông mở trường dạy học ở Tây Hà. Ngụy Văn hầu tôn đãi ông vào bậc thầy.

537. **Quy y** : Xem ct 174.

539. **Bồ tát** : gọi tắt tiếng Bồ-đề-tát-thù (Bodhisatha), chỉ người đã tự giác được bản tính mà phổ độ chúng sinh.

Như lai : Xem ct 203.

540. **Lòng trai** : lòng chay tịnh, trong sạch.

541. **Trượng nhân** : gọi tôn người lớn tuổi.

542. **Bần tăng** : tiếng khiêm xưng của các nhà sư. Xem câu 596.

544. **Hàn Sơn** : tên ngôi chùa ở huyện Ngô, tỉnh Giang Tô, cách Phong Tiểu bốn mươi dặm về phía Tây. Tương truyền hai nhà sư người Đường, tên là Hàn Sơn và Thập Đắc thường có trụ trì tại đó nên đặt tên chùa là Hàn Sơn. Thơ Trương Kế : Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự, Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền = Chùa Hàn Sơn ngoài thành Cô Tô. Nửa đêm tiếng chuông vẳng vọng đến thuyền khách. *Tự thời khúc vịnh* : Kinh Hàn Sơn chuông ai sớm dóng, Khúc giải phiến trong bóng dài ngâm.

Lam Thủy : tên con sông bắt nguồn từ tỉnh Thiểm Tây, chảy qua Lam Điền rồi đổ vào sông Bá.

Thiên Thai : tên núi ở phía bắc tỉnh Chiết Giang. Tương truyền thời Hán có Lưu Thần Nguyễn Triệu vào Thiên Thai hái thuốc mà được gặp tiên. *Hồng Đức quốc âm thi tập* = Cảnh Thiên Thai nhìn chẳng ra, Ai đem Lưu Nguyễn đến đây là. Xem câu 331.

546. **Linh Diêu, Âm dương** : tên chùa, tên đài cùng những tên như Hàn Sơn, Lam Thủy, Thiên Thai được dùng có tính chất tượng trưng.

547. **Thiên sư** : thầy chùa. Xem ct 374.

Du phương : đi chơi đó đây, chơi ở một miền nào đó.

549. **Khăng khăng** : khăng khăng. Xem ct 220.

550. **Lão trượng** : tiếng tôn xưng người già. Xem ct 541,

551. **Con bóng trĩ trĩ** : Nói bóng mặt trời lâu mới tắt, ý nói ngày xuân dài. Xem câu 2399.

552. **Thủy tú sơn kỳ** : Cảnh sông núi đẹp lạ.

553. **Ngút sạch** : Những gợn mây sạch không còn. **Ngút** : gợn mây hay gợn khói, như nói vén mây rẽ ngút.

Như giới : như trau tria lau sạch bóng.

554. **Chi lan** : cỏ chi và cỏ lan có hoa rất thơm, thanh sạch.

555. **Thiếu quang** : ánh sáng đẹp, tức là nói ánh sáng ngày xuân. Chín chục ánh sáng ngày xuân là ba tháng xuân.

556. **Gió thuy** : gió làn mát mẻ.

Vén vang : gọn gàng, trông gọn mắt.

557. **Mảng xem** : mái xem, ham xem. Xem câu 307.

558. **Ác vàng** : chỉ mặt trời, do chữ *kim ô*, tương truyền trên mặt trời có con quạ ba chân nên gọi mặt trời là kim ô (ác vàng). **Động minh ký** : Đất phía đông có giống cỏ chi, có con quạ ba chân mấy lần đổ xuống ăn thứ cỏ thơm ấy. Hy Hòa muốn kiếm chế nó, lấy tay che con quạ. Thơ Lý Thương Ẩn : Đông nam nhất vọng nhật trung ô, Dục trực Hy Hòa khứ đắc vô = Phía đông nam ngóng nhìn con quạ trong mặt trời. Muốn đuổi Hy Hòa (thần ngự mặt trời) đi được không ? Xem câu 603, 1297.

571. **Thơ lại** : người giữ việc sổ sách ở các cửa quan thời xưa.

573. **Lỗ bộ** : những đồ binh khí cắm vào giá để trần thiết ở các cửa quan hay ở các đền chùa.

574. **Tà đao** : tay trái cầm đao hộ vệ.

576. **Cắm thạch** : đá có vân.

577. **Sái** : người đàn ông tu ở chùa. Xem câu 588.

580. **Hoa Hạ, Man di** : xem ct 446, 438.

584. **Vua hương** : bản ZfB chép nhầm *hang hương*. Xem ct 1340 A.

590. **Khi** : Khinh dễ, xem không ra gì.

591. **Ba giếng** : do chữ *tam cương* là vua tôi, cha con, chồng vợ. Xem ct I sau ct 306.

594. **Đao phủ** : người giữ việc chém kẻ có tội.

Pháp đình : đây nghĩa như chữ pháp trường là nơi hành hình người có tội.

601. **Cố sự** : sự tình, thường là sự tình không may. Xem câu 2095.

603. **Vãng ô** : chỉ mặt trời. Xem ct 558.

606. **Đường Hàn Dũ Xương Lê** : xem ct 499 A.

609. **Liễn** : câu đối viết trên khổ giấy hoặc vải dài. Xem câu 654, 655.

616. **Sắc phong** : chiếu chỉ nhà vua phong tước cho ai. Xem câu 747.

617. **Bân đạo** : cũng như bân tã. Xem ct 542 và các câu 1396, 1402.

621. **Cửa công hầu** : đây chỉ cửa nhà quan, chốn quan trường nói chung. Xem các câu 718, 2664.

622. **Nghing ngang** : xem ct 67.
625. **Lòng vàng đá** : lòng bền chặt. Xem ct 406.
Xao : động nhẹ, xao động.
629. **Xuất gia** : bỏ nhà ra đi. Xem ct 172...
631. **Lỗi cương thường** : sai lầm về cương thường. Xem ct I sau ct 306.
642. **Đàm tiếu** : nói cười, chê cười.
Thị phi : xem ct 205.
645. **Chốn tang trung** : nơi ruộng dâu.
646. **Tam kỳ lộ** : đường rẽ ngã ba. Xem câu 681.
649. **Cổ đình** : đình xưa lắm.
651. **Phụng** : thờ, phụng thờ.
652. **Lộ trình** : đây nói việc đi đường.
658. **Bắc khứ** : đi về phía bắc.
Nam hành : đi về phía nam.
659. **Ý cả câu** : Tư vốn màu trắng, phải giữ lấy màu đỏ, cũng như con người ta phải giữ vững bản chất của mình trong mọi hoàn cảnh.
661. **Nay thiệt mai hư** : nói nay thế này mai thế khác, lòng dạ đổi thay không có bản lĩnh gì.
663. **Chơi mây** : cũng như vân du. Xem ct 370 và câu 1118.
664. **Mùi thiền** : mùi đạo Phật, nói sinh hoạt nơi chùa chiền. Xem câu 806.
670. **Âu** : lo lắng. *Ca dao* : Việc người thì mặc người âu, Phận mình ngoài cuộc hơi đâu mà bàn. Xem ct 114A và câu 836.
- VIII. **Bậu** : xem ct 120 A

- Thái tân** : hái nhật củi, **Mạnh Tử** : Tịch giả hữu vương mệnh, hữu thái tân chi ưu, bất năng thảo triêu = Hôm trước có mệnh vua vời, ông ta bị cảm bệnh, không thể phụng mệnh vua vào triều được. *Thái hậu chi ưu* nghĩa đen là nỗi lo không chặt được củi là lời tạ bệnh của kẻ sĩ để từ chối công việc vì không phải thời để thi thố tài năng.
675. **Thanh tao** : thanh lịch tao nhã. Xem ct 187 A.
677. **Gùi** : đồ đựng bằng tre mây thường mang sau lưng.
678. **Hồi trang** : trở về nhà.
679. **Vóc** : Thân người trông bên ngoài. Xem câu 2558.
680. **Dung nhan** : nét mặt.
685. **Để tâm** : nuôi tâm
686. **Nữ công** : công việc của đàn bà con gái. Xem câu 3063.
688. **Vái** : đàn bà tu ở chùa. Xem câu 695, 1659.
691. **Láo ký vi ni** : đi già làm bà vãi.
697. **Chằng khứng** : chằng chịu. Xem ct 511 A.
702. **Doanh** : bao phủ chung quanh. Xem câu 1339, 1982.
714. **Lanh chanh** : lấu tấu, hấp tấp.
Mai đình mộng ký : Lanh chanh bước tới số sàng hời ngay.
716. **Tiểu phu** : người dọn củi. Xem câu 821.
718. **Công hầu** : xem ct 621.
720. **Mẫn tử** : tức Mẫn tử Khiên, tên chữ là Tôn, người thời, Xuân thu, học trò Khổng tử. Mẹ ông mất sớm, cha ông lấy vợ kế sinh được hai con. Mẹ kế đối với ông rất cay nghiệt, nhưng ông vẫn giữ trọn bề hiếu thảo. Mùa rét, mẹ kế cho ông mặc không đủ ấm. Một hôm, ông đẩy xe cho

cha, trời rét cứng, tay rời càng xe. Cha ông biết người mẹ kế đối xử không tốt với con mình, định đuổi ngay người vợ kế đi. Ông khóc và cố kêu van với cha xin đừng đuổi mẹ kế, vì có mẹ kế thì chỉ một mình ông bị rét thôi, nếu đuổi mẹ kế đi thì cả ba anh em ông đều bị đói khổ cả. Cha nghe lời ông. Người mẹ kế biết chuyện, về sau đối đãi với ông rất tốt.

722. **Hiếu hạnh ở đầu tú khoa** : *Luận ngữ* : Tử viết : tòng ngã ư Trần Thái giả, giai bất cập môn giả. Đức hạnh : Nhan Uyên, Mẫn tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Ngôn ngữ : Tế Ngã, Tử Cống. Chánh sự : Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Văn học : Tử Du, Tử Hạ = Khổng tử nói rằng : Những người đi theo ta qua nước Trần, nước Thái, hiện nay đều không có ở cửa ta nữa. Về khoa đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Về khoa ngôn ngữ có Tế Ngã, Tử Cống. Về khoa chính sự có Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Về khoa văn học có Tử Du, Tử Hạ.

726. **Thú thê** : lấy vợ.

734. **Hiếu hòa** : hiếu thảo (với cha mẹ) hòa thuận (với anh em)

736. **Hậu thê** : vợ kế.

740. **Mối hòa** : mối êm thấm được.

745. **Hiếu để thành phong** : lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, lòng kính nhường đối với anh em đã thành lễ thói tốt.

752. **Lão tiếu** : người đón cùi già.

Trâm anh : trâm là cái kim cài mũ (vào búi tóc), anh là cái dải mũ. Người trâm anh là người dòng dõi quyền quý.

757. **Tương khi** : lửa đốt, khinh miệt lẫn nhau. Xem câu 781.

758. **Thiên luân** : phép tắc chính thường của trời đất.

Ý cả câu : Người trên chỉ vì quyền lợi của mình, người dưới cũng chỉ giả dối, bằng cách lừa phỉnh mà kiếm tiền, có ai nghĩ đến đạo lý cương thường.

760. **Can qua** : cái mộc và cái mác. Chỉ buổi chiến tranh loạn lạc.

762. **Tham quan ô lại** : quan lại tham nhũng vơ vét của dân một cách dơ bẩn tàn nhẫn :

763. Ý cả câu : Nói chính lệnh phiền nhiễu tàn khốc còn làm hại dân hơn cọp, lấy ý từ chữ hà chính mãnh ư hổ.

Lễ ký : Khổng tử đi qua mé núi Thái Sơn, có người đàn bà đang khóc thê thảm bên một ngôi mộ. Khổng tử bảo Tử Lộ đến hỏi, nói : Bà khóc, hình như bà có điều ưu phiền quá lắm. Người đàn bà đáp : Thưa, đúng vậy, trước kia bố chồng tôi đã chết về hổ, chồng tôi cũng đã chết về hổ, nay con tôi cũng lại chết về hổ. Khổng tử nói : Thế sao không bỏ đi ở chỗ khác ? Đáp : Vì ở đây, chính sách của quan trên không hà khắc như nơi khác. Khổng tử nói : Các người phải biết đấy, chính sách hà khắc khốc hại hơn hổ.

765. **Luông tuổng** : sa đà, phóng túng,

Ca dao : Đùng đùng ngựa chạy qua trường, Máng mè con đi luông tuổng bỏ con.

766. **Ải hổ, ải lang** : chỉ các cửa ải nơi biên giới. Theo *Dậu dương tạp trở*, thời xưa ở các miền biên ải, khi báo hiệu có giặc ; dùng phân chó sôi đốt lên, khói lên thẳng, gió không thổi bật được.

769. **Thon von** : xem ct 148.

771. **Tam đại** : ba đời là Hạ, Thương, Chu trong lịch sử cổ đại Trung Hoa. Xem câu 945.
772. **Thúc quý** : xem ct 487A và câu 469.
773. **Thinh** : thanh, lặng yên.
775. **Tạo hóa** : trời đất gây dựng (tạo) hóa sinh muôn vật.
776. **Bô** : chạy theo.
778. Ý cả câu : Đạo của mình đem thi hành không được thì thôi (rút lui về) chứ chớ có xu phụ theo đời để cầu được dùng.
779. **Thương nông** : nghề buôn bán, làm ruộng.
780. **Y lý** : nguyên lý của phép chữa bệnh.
- Ý cả hai câu chưa thực rõ. Có lẽ nên hiểu như thế này : con người ta tự tạo cho mình một cái nghề, một chút khéo léo nào đấy để cho đời dùng thì dù khéo đến mấy cũng không ra gì hết.
- Đoạn văn này, từ câu 780 đến câu 802 là diễn ý theo Trang tử : muôn vật trong vũ trụ chỉ có chết, khôn khổ vì cái khéo, cái mà đời dùng được của mình (Xem Trang tử - Tiểu dao du).
- Nghề** : trong hai câu này có nghĩa là tài riêng, cơ trí riêng. Xem câu 792.
782. Ý cả câu : Con người ta không khi nào có một chút khéo để có thể dùng được cho đời, thì đời dựa vào đâu, dựa vào cái gì mà dùng mình, hay đời có dùng mình mà làm chi.
783. **Máy lòng** : nói bụng suy nghĩ, tính toán không yên để lo cho được khôn, được khéo.

788. Ý cả câu : Con voi, mình phải chịu rang xào, chết vì có cặp ngà quý dùng được cho đời nhiều việc.
- Chấy** : rang, xào.
970. Ý cả câu : Con hổ, nếu bộ da nó không dùng được việc gì, thì ai rình đâm bẫy nó làm gì ?, hay : con hổ phải chết vì có bộ da đẹp.
794. **Sơn lãnh** : núi rừng.
- Lãnh** đỉnh núi có đường đi được.
797. **Phủ ngưỡng** : cúi xuống, ngẩng lên. Từ Hán có chữ "Phủ ngưỡng bất quý thiên địa" = cúi xuống trông lên không thẹn với trời đất.
- Ý cả câu : Giữ mình chớ có làm điều lỗi lầm sao cho khi cúi xuống lúc ngẩng lên không thẹn với người, thẹn với trời.
- Mạnh tử** : Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tâm ư nhân (Tận tâm : thượng).
799. **Chư linh** : các vị thần. Xem câu 1566.
801. **Ngược trá** : giả dối tai hại.
803. **Hổ lòng** : thẹn lòng.
809. **Chỉ nam xa** : xe có máy nhận ra phương hướng thời xưa. Theo *Tống sử* năm Thiên thánh thứ năm đời vua Nhân tông, quan lang trung bộ Công là Yên Túc bắt đầu chế tạo chỉ nam xa, có số tàu lên vua nói : Hoàng đế đánh nhau với Xuy Vưu ở Trắc Lộc. Xuy Vưu ra phép làm sương mù dày đặc, quân lính không còn biết phương hướng nào nữa Hoàng đế mới bày chế ra chỉ nam xa. Đến thời Chu Thành vương. Việt thường thị đưa đồ cống, phải hai lần dịch khi nói chuyện. Đến lúc trở về sứ giả quên mất đường. Chu Công lấy chỉ nam xa cho đưa sứ giả về.

814. **Non đồi** : núi phía tây. Đồi là tên một quê trong kinh. *Dịch* chỉ hướng tây.
Kiều : trông ra ác đã ngấm gương non đồi.
Gậy thiên : xem ct 387.
815. **So my** : nói ý nháy nháy đôi lông mày, cau mày vì đời có nhiều việc trái tai gai mắt.
819. **Bảng vàng** : bảng ghi tên người thi đỗ. Xem câu 3126.
820. **Vinh hiển** : như chữ hiển vinh. Xem ct 24A.
828. **Cô bông** : Cánh bướm lẻ loi cô quạnh. *Bông* là cánh bướm, như nói thượng bông, hạ bông.
Vực thẳm : vực sâu dốc đứng.
829. **Đò thông** : đò nhỏ tiện lợi cho việc đi tới nơi này sang nơi khác. Xem câu 886.
831. **Ngư ca** : tiếng hát của ông chài.
832. **Va** : xem ct 286.
834. **Vô phu** : người thô tục, hay ý sức mạnh.
835. **Ngư chu** : thuyền chài.
836. **Âu** : xem ct 670.
841. **Lư Giang, Ngũ Viên** : xem ct 1012 A.
844. **Hạng Võ, Ô Giang** : xem ct 1014 A.
847. **Kẻ tóc râu** : người đàn ông, kẻ con trai. Đây lẽ ra phải nói mày râu, nhưng nói tóc râu để chiếu với chữ *trọc đầu* ở câu dưới.
852. **Xia tiên** : đưa tiên ra.
858. **Lương đồng** : ruộng cột, chỉ người giỏi nhận những nhiệm vụ chủ chốt của nhà nước. Xem ct 3139.

859. **Tấn** : tên một triều đại phong kiến Trung Hoa do Thạch Kinh Đường dựng nên từ năm 936 - 946.
Chinh đông : đánh dẹp phía đông.
860. **Can thành** : chống giữ như cái mộc (can) đỡ gác mác, như cái thành ngự giặc. *Kinh Thi* : Củ củ vũ phụ, công hầu can thành = Những quan võ dũng mãnh kia gánh việc phòng ngự như cái mộc đỡ gác mác, như cái thành ngự giặc cho các công hầu. Lời sớ của Khổng Dĩnh Đạt nói : Can thành là cản che như cái thuẫn và phòng giữ như bức thành. *Hồng Đức quốc âm thi tập* : Cối Hân mưu khoe tài chế ngự, Can thành nào mấy mặt anh hùng.
861. **Tây kinh** : nước Tấn thời Ngũ đại lấy Lạc Dương làm Tây kinh.
866. Ý cả câu : Con người ta khát nước chỉ cần một cốc là đủ chứ cần chi đến cả ao nước. Cho nên nhu cầu cốt đủ nuôi thân, cần gì giàu sang. *Trang tử* : Chim tiêu liêu (quanh quách) làm tổ ở rừng sâu, chẳng qua một cành ! Chuột nhắt uống nước sông, chẳng qua đầy bụng ! Về đi thôi ông. Ta không dùng đến thiên hạ làm gì cả.
869. **Thành lũy làm xâu** : ý nói thành lũy liên nhau, đầu cũng có.
872. Ý cả câu này : Con người ta chạy theo danh lợi cũng như con châu chấu nhảy vào vòng dầu cháy thiêu ở trong đó.
874. **Công thành danh toại** : công danh đều thành tựu. Bản ZfB chép như vậy, nhưng sách đã chữa lại "công thành thân thoái" nghĩa là công đã thành thì thân lui về nghỉ. Câu chữa không đúng. Chính lời ông ngư nói ý công thành thân thoái để bác lại ý công thành danh toại của Dương Từ.

876. **Bảo thân** : giữ thân. Thân thoái khi công đã thành là cách bảo thân tốt nhất, theo quan niệm cũ.

877. **Nhân thân** : bề tôi của người.

Ý cả câu : Khi công đã thành, thì vinh thật, nhưng phải cái nhục là chịu tiếng bề tôi của người.

880. Ý cả câu : Buổi loạn ly mà cố bám lấy chức vị để hưởng bổng lộc, không rút lui, thì sẽ có ngày mắc vạ như con cá, con chim ham môi mà chết.

881. **Trối ai** : mặc kệ ai. Xem ct 992.

Muông sân : chỗ dùng đi săn.

882. Ý cả câu : Chớ săn dùng bất thổ, khi thổ đã hết thì chớ săn hóa vô dụng và bị thịt. *Sử ký* : có người đưa thư báo Hàn Tín làm phản. Hán Cao tổ dùng mưu kế của Trần Bình, sai sứ báo với chư hầu ; nhà vua sẽ họp chư hầu ở đất Trần, kỳ thực nhà vua muốn bắt Hàn Tín, nhưng Tín không biết. Hàn Tín đến ra mắt Cao tổ ở đất Trần, Hán Cao tổ bèn sai võ sĩ, trối Tín lại chờ ở xe sau. Tín nói : "Quả nhục nhân ngôn : giảo thổ tử lương cầu phan, cao điều tận lương cung tàng, địch quốc phá mưu thân vong ! Thiên hạ dĩ định, ngã cố Dương phan = Quả như lời người ta nói : Thổ khôn chết thì chớ giỏi bị nấu, chim cao hết thì cung tốt bị bỏ xó, nước địch bị phá thì mưu thân hết đời ! Nay thiên hạ đã bình định rồi ta bị nấu là đáng lắm.

883. **An sanh** : sống yên ổn.

885. **Chèo bách** : mái chèo gỗ bách.

886. **Đồ thông** : xem ct 829.

888. **Nhợ** : dây xe, dây để buộc.

890. **Hát rập** : nhiều người cùng hát một lúc.

891. **Ghênh hạc bãi âu** : ý nói nơi thanh vắng, ẩn dật tự nhiên.

892. **Sông nước** : sách chép nhầm *trong nước* :
Nghinh ngang : xem ct 67.

900. Ý cả câu : Thú hèn cũng có người nào đó là người hiền ẩn dật chỗ có khinh.

901. **Đăng trình** : xem ct 189.

906. **Động môn** : cửa động. Xem các câu 912, 1064.

916. **Động khẩu** : cửa động.

921. **Động mây** : động cao, nơi tiên ở. Xem câu 938.

925. **Thiên sư** : thầy chùa. Xem ct 374.

944. **Luân thường** : phép tác lễ thường ở đời.

945. **Tam đại** : xem ct 771.

947. **Vĩnh Bình** : niên hiệu vua Hán Minh đế (58 - 75)

948. **Thiên Trúc** : thời xưa, người Trung Hoa gọi Ấn Độ là Thiên Trúc.

949. **Lương Vũ đế** : họ Tiêu tên Diễn, ban đầu làm quan nước Tề. Vua Tề vô đại giết anh, Tiêu Diễn khởi binh vây hãm kinh đô, lập vua mới tức Hòa đế. Hòa đế vời Diễn làm đại tư mã, phong làm Lương vương. Năm Trung Hưng thứ hai (502), vua Tề nhường ngôi cho, đặt quốc hiệu là Lương sau bị Hầu Cảnh làm phản, vây hãm Đài thành, Lương Vũ đế phải chết đói.

951. **Ngụy, Trần, Tề, Tống** : tên các triều đại phong kiến Trung Hoa.

952. **Sa môn** : thầy chùa, thầy sãi.

954. **Phù đồ** : xem ct 208.

955. **Chấn tế** : dùng tiến của giúp kẻ khó. Xem câu 1648.

956. **Tăng đạo** : đây chỉ các thầy chùa.
Ni cô : con gái tu ở chùa.
957. **Tây phương** : đây chỉ Thiên Trúc. Đạo tây phương tức đạo Phật. Xem ct 948.
959. **Nghiêng nước nghiêng thành** : nơi đất nước lâm nguy, đổ nát.
962. **Thích gia** : tức Thích-ca-mâu-ni, thủy tổ của đạo Phật.
966. **Da Tô** : xem ct 97.
970. **Thập ác...** : nói chúa Giê su chịu nạn đóng đinh trên giá gỗ hình chữ thập.
979. **Ngọc hoàng** : thượng đế, vua ở cõi trời có uy quyền đối với tất cả. Xem câu 1338.
984. **Du Di** : tức Da Tô, Du Di là tiếng phiên âm chữ Jésus. Xem ct 1352.
992. **Trối thầy** : kệ xác, mặc thầy. Xem ct 881.
996. **Khám dăng** : Nhà tù, nơi giam người có tội.
1005. **Đồng tử** : đứa trẻ. Xem các câu 1062, 1075, 1099, 1158, 1175.
1010. **Hành trình** : đi đường.
1015. **Tiểu đồng** : đứa trẻ hầu.
1016. **Thinh không** : đây chỉ khoảng trời xanh. Xem ct 134.
1018. **Anh linh** : cái khí thiêng tự trời sinh.
1021. **Băng luân** : mặt trăng.
1027. **Kiệu bạc tán vàng** : kiệu là loại ghế to rộng, có nóc, có gong để người khiêng, dùng làm phương tiện giao thông thời xưa. Tán là vật che nắng, căng bằng hàng thêu, cán dài dùng trong các đám rước, đám ma, hội hè. Xem câu 1373.

1028. **Phủ phát** : đồ lễ cổ bằng vải có thêu hình binh khí. Phủ nửa đen nửa trắng, phát nửa xanh nửa đen.
1029. **Đèn ngân đuốc ngọc** : chỉ đèn đuốc nói chung. Ngân, ngọc là những từ trang lời.
1031. **Thiên tử ngự phong** : thiên tử (vua) cưỡi gió mà đi.
1032. **Nghi vệ** : đồ trấn thiết mang theo hộ vệ vua quan.
1037. **Vác đồng** : lưỡi mác và chiếc lao là đồ binh khí thời xưa. *Chinh phụ ngâm* : Mùi đồng vác đòi lần hăm hồ. *Kiều* : Vác đồng chặt đất tỉnh kỳ rợ sần.
1040. **Chàng ràng** : vẻ lãng xăng bận rộn. Xem ct 550 A và câu 1514. *Ca dao* : Chợ chiều nhiều kẻ ế chanh. Nhiều cô gái lạ nên anh chàng ràng.
1047. **Du minh** : xem ct 229.
1049. **Bánh mĩ** : Chỉ bánh thánh.
1052. **Tiên tri** : biết trước những việc sẽ tới.
1059. **Giao bôi** : Chén rượu qua lại mời nhau.
1070. **Nhơn dục** : lòng ham muốn của con người.
1071. **Hối luân** : quay bánh xe về.
1072. **Dẫn lộ** : đem đường, dẫn đường.
1074. **Vân động** : động mây, động cao sát tầng mây.
1081. **Kỳ hoa thủy thảo** : hoa lạ cỏ lành.
1082. **Trần cam dị thú** : chim quý thú lạ.
1085. **Thưa liêm** : mảnh thưa.
1090. **Chuông vàng mõ ngọc** : chỉ chung chuông mõ của nhà chùa. Vàng, ngọc là những từ trang lời.
1092. **Nửa châu** : nửa phần tròn, hình dung vòm trời khi ta đứng một chỗ mà nhìn lên trên không.

1297. **Kim ô** : chỉ mặt trời. Xem ct 558.
1298. **Hoàng đạo** : đường tròn gồm mười hai cung mà mặt trời xoay quanh trong vòng mười hai tháng.
1302. **Cố nhân** : người quen thuộc cũ, bạn cũ.
1304. **Dương quân** : vua phần dương.
1306. **Khung thiên** : vòm trời cao rộng.
1311. **Bạch thỏ** : chỉ mặt trăng.
1318. **Âm quân** : vua phần âm.
1322. **Băng xương** : lãng xương vô lối. Xem ct 6.
1333. **Ngô ngạc** : vẽ kinh ngạc, ngáy ngô. Xem ct V sau ct 506.
1335. **Huyền Thiên** : xem ct 1192.
1338. **Ngọc hoàng thượng đế** : chúa tể cả muôn loài.
1343. **Lét lòng** : bộ sọ sệt trong lòng.
- 1359 **Chữ dạ** : giữ dạ. Xem câu 2643.
1362. **Trung nguyên** : nơi miền trung tâm của một nước.
Đây chỉ Trung Hoa, xứ sở của đạo nho. Xem ct 456.
1373. **Kiệu bạc tán vàng** : xem ct 1027.
1378. **Chính chuyên** : đứng đắn, trung thành, giữ tiết. Xem ct 1606A.
1380. **Chăn dân** : chăm nom săn sóc nhân dân. Từ Hán cổ chữ "mục dân" nói việc quan lại cai trị nhân dân, ví nhân dân cũng như súc vật mà quan như người chăn. Xem câu 2492.
1380. **Nhân luân** : luân thương thứ bậc của người xem câu 2670
1383. **Kế vắng khai lai** : tiếp nối quá khứ mở lối tương lai.
1386. **Môn đồ** : học trò.

1388. **Đức thánh** : chỉ Khổng tử. Bản ZfB chép *đức chúa* : Chép nhầm. Chúng tôi để theo bản TV.
1392. **Quan hầu** : tức Quan Văn Trường. *Thông chí* : Tên Vũ, tự Trường Sinh, sau đổi Văn Trường, người đời Tam Quốc, thích đọc kinh Xuân thu, cùng Lưu Bị, Trương Phi kết nghĩa anh em, mưu việc trung hưng nhà Hán. Quan Vũ giữ thành Hạ Bì, Lưu Bị bị Tào Tháo đánh bại, chạy sang nương nhờ Viên Thiệu, còn Quan Vũ bị Tào Tháo bắt giữ. Tháo phong Vũ làm Thiên tướng quân tước Hán thọ đình hầu, và rất được Tháo hậu đãi. Nhưng Quan Vũ vẫn không đổi lòng, ngày đêm lo thăm dò tin tức để tìm về với Lưu Bị. Và khi đã biết được tin Lưu Bị, Quan Vũ gửi trả lại tất cả vàng ngọc châu báu cùng ấn Hán thọ đình hầu, để trở về với Lưu Bị. Lưu Bị khi đã lấy lại được đất Giang Nam, cử Quan Vũ giữ thành Tương Dương đến khi chiếm được Ích Châu, lại cử Quan Vũ làm tiền tướng quân. Vũ đã đánh bại Tào Nhân, uy danh lừng lẫy một thời. Về sau Tôn Quyền dùng kế của Lã Mông phá được Kinh Châu Quan Vũ cùng con là Quan Bình bị khốn ở Mạch Thành vào năm Kiến An thứ 24 (219). Xem câu 1407, 2784.
1395. **Già lam** : chùa thờ Phật. Xem các câu 1404, 1417.
1398. **Căn duyên** : gốc tích duyên cớ từ đâu, Xem câu 3200.
1400. **Huyền Thiên** : xem ct 1192.
- 1412 **Quan công** : tức Quan Văn Trường. Xem ct 1392.
1415. **Suối vàng** : do chữ *hoàng tuyền* : = suối trong lòng đất. Chỉ lòng đất chôn người chết, tức âm phủ. *Hán thư* : nói về màu sắc, thì màu vàng là màu thịnh hơn cả. Vì lẽ ấy nên khí dương hun đúc ở chỗ suối vàng mà vạn vật sinh sôi nảy nở. Màu vàng là nguyên khí của trời đất.

Kiều : Gọi là nơi gặp gỡ giữa đường, Họa là người dưới
sưởi vàng biết cho. Xem các câu 1531, 1686.

1427. **Sự dĩ dáo dâu** : việc đã đến chỗ chung cục.

1429. **Khúc nôi** : nỗi niềm, sự tình riêng. Xem ct 1866 A.

1433. **Chín trời** : Xem ct 1192.

1435. **Đề huê** : hòa hợp, khác với. *Đề huê* : trong câu 292.

1446. **Tả đạo** : tiếng người khác đạo nói nhục cho đạo Thiên
chúa. Xem các câu 1874, 3332.

1454. **Chẳng khứng** : xem ct 511 A.

1466. **Hậu viện** : nhà sau.

Dưỡng thân : di dưỡng tinh thần.

1481. **Diêm vương** : cũng gọi là Diêm la, tức vua âm phủ.
Xem câu 1762, 2128.

1487. **Ngu sanh** : người học trò ngu dốt, hay người trẻ dốt
non dạ.

1488. **Mở đường chỉ ngõ** : chỉ bảo cho mọi đường mọi lẽ.
Xem câu 2444.

1492. **Địa quật hữu giai** : hang có bậc đi xuống.

1498. **Nam Kha mộng sàng** : giường mộng Nam Kha. Theo

Nam kha ký : Thuần Vu Phần đời Đường ở đất Quảng
Lăng, nhà mẹ nam có cây hòe to, sống đã lâu năm, cành
lá sum suê rậm rạp. Nhân vui sinh nhật của mình, Thuần
Vu Phần uống rượu say, ngủ mộng thấy mình đến nước
Hòe An, lấy vợ là công chúa, làm thái thú quận Nam Kha
trong hai mươi năm, sinh được năm trai hai gái, cực kỳ
vinh hiển. Về sau đi đánh giặc bị thua, công chúa cũng
bị chết, vua đem lòng nghi kỵ, bèn đuổi Vu Phần về. Vu
Phần tỉnh dậy, thấy đứa gia đồng đang cầm chổi đứng ở
sân, bóng chiếu tà chưa tắt, rượu thừa trong chén vẫn

còn, bèn tìm đến gốc cây hòe, chỉ thấy một hang tổ kiến
ở dưới cành cây hòe mẹ nam. Vu Phần cảm câu chuyện
phù hu ở cành cây hòe mà tình ngộ cảnh đời người là
ngán ngùi, không định liệu trước được việc gì cả, bèn dốt
lòng học đạo. *Cung oán ngâm khúc* : Giặc Nam Kha khéo
bất bình, Bùng con mắt dậy thấy mình tay không.

1501. **Hai tên** : bản ZfB chép *một tên* ; được chữa lại *hai
tên*.

1510. **Âm ty** : như chữ âm phủ, cõi của người chết.

1513. **Quan san** : xem ct 1664 A.

1514. **Chàng ràng** : xem ct 1040.

1521. **Lộ trình** : đường đi. Xem ct 322.

1531. **Hoàng tuyền** : suối vàng. Xem ct 1415.

1545. **Hòa di hòa** : vừa đi vừa...

1550. **Chứa chuyên** : xem ct 750 A.

1552. **Trạng khoán** : hình thức chữa bệnh hay ngăn ngừa
ma quỷ của bọn phù thủy, cũng như ấn và phù ở câu dưới.
Xem ct 764 A.

1556. **Ngán ngấm** : chán ngán lắm.

1568. **Ếm quỷ** : Xem ct 762 A.

1569. **Lão quân** : tức Thái thượng lão quân. Những người
theo Đạo giáo tôn Lão tử làm thủy tổ, xưng là Thái thượng
lão quân. Theo *Thần tiên truyện*, Lão tử thuộc giới thần
linh, là linh khí của trời đất, khi đắc đạo rồi, ông cưỡi
trâu xanh đi về cửa quan phía tây, ở đây ông đã dùng
thái huyền phù, làm phép biến Từ Giáp thành đồng xương
khô, rồi cũng dùng thái huyền phù làm Từ Giáp sống lại.

1585. **Tang hung** : ý nói nhà có người chết phải ngày xấu,
bị ma quỷ quấy rối.

1588. **Tâm long điểm huyết** : cách thầy phong thủy tìm long mạch, lấy chỗ đất tốt để huyết chôn người chết. Thầy phong thủy dùng địa bàn mới tâm long điểm huyết được.
1592. **Ngũ hoạn, lục thần** : chỉ những trò bịp của thầy phong thủy.
1599. **Hoặc thế** : làm mê loạn người đời, lừa đời.
1614. **Dua bơi** : bản ZfB chép *dua nhau*, được chữa lại *dưa bơi*.
1615. **Xằng xê** : rối rắm, mất nét.
1622. **Cầu nghiêm** : cầu sấm sấn, để chực chờ.
1624. **Hổ mây máng xà** : tên những loại rắn độc lớn.
1626. **Dò xuôi** : nói như dò xuôi cho biết lòng xuôi cạn sâu.
1627. **Nại Hà Kiều** : Theo *Phật học từ điển*, câu này ở về phía chính đông thập điện, những người nghèo hèn, chết yếu đều phải qua cầu này. Nại Hà có ba thác nhỏ. Tội nhân đến đó hỏi nơi nào có thể lội qua được, cho nên gọi là nại hà, nước toàn máu, tanh hôi không thể đến gần được.
1642. **Điểm dàng** : phóng dăng, xảo trá chơi bời.
1648. **Chấn tế** : xem ct 955.
1649. **Phổ khuyến** : đi xin ăn từng nhà. Xem câu 3273.
1654. **Gắm ghé** : dòm ngó một cách thêm muốn.
1656. **No lòng ăm cật** : sống đầy đủ, cơ thể nhiều chất kích thích.
1657. **Sắc dục** : tình dục về đường trai gái.
1658. **Lòng lang dạ cáo** : lòng dạ độc ác như thú dữ.
1660. **Thanh lâu** : lầu xanh là nhà chứa dĩ.
1662. **Trối thầy** : mặc xác. Xem câu 1945

1667. **Dân di** : đạo thường của nhân dân.
1670. **Án tào** : cơ quan coi việc hình án. Xem các câu 1764, 1807, 1794
1684. **Cổ hương** : làng cũ. Xem câu 3214.
1689. **Ủ ê** : mệt mỏi, ủ rũ.
1690. **Thủy chung** : trung thành trước sau như một. Xem câu 2689.
1697. **Mặt ủ mày chau** : vẻ mặt rử rử, lông mày chau nhúu lại vì phiền muộn.
1702. **Náo nề** : thê thảm, đau đớn.
1703. **Hoa tàn** : bản ZfB chép *thảo tàn*, được chữa lại *hoa tàn*.
1705. **Riu rít** : nhẹ nhẹ, như nói *mưa riu rít*, nghĩa là mưa nhẹ nhẹ.
1708. **Bơ thờ** : lơ là, hững hờ.
1717. **Hóa công** : xem ct 1221.
1718. **Chữ hạ chữ trung** : nói âm phủ ở dưới (hạ) và dương gian ở giữa (trung). Xem ct 1362.
1725. **U minh** : tối tăm mù mịt.
1726. **Âm tướng âm binh** : binh tướng ở âm phủ.
1729. **Vô luân** : không có luân thường đạo lý.
1738. **Lợi trung gia lợi** : tiên lời để thêm ra tiên lời.
1745. **Dao bút** : bút kim loại như con dao nhọn để viết lên những thanh tre khi chưa có giấy. Chỉ bút viết nói chung. Văn nôm còn có *ngôi dao*. *Mai đình mộng ký* : Ngồi dao vừa rảo luật Đào, Với văn thơ trước sắp vào một phong.
1746. **Xằng xằng** : thường thường, ý nói thường nâng tội người lên mười lần để ăn tiền.

1749. **Công cổ chư gia** : các nhà làm thợ, các nhà buôn.
1750. **Lại hòa** : lại vừa cả.
1752. **Đã ứng** : đã nên, đã phải.
1759. **Uống tử thành** : thành giam những người chết oan.
1762. **Diêm vương** : vua âm phủ. Xem ct 1481.
1768. **Dật dờ** : lệnh dềnh bất định. Xem câu 3114.
1769. **Đại thơ** : viết thay. Bản ZfB chép *dời thua*, được chữa lại *dại thơ* :
1770. **Giấy không** : bản ZfB chép *dạy khôn*, được chữa lại *giấy không*.
1778. **Đơn trạng** : giấy trình bày điều mình yêu cầu gửi lên cấp trên.
1783. **Thế y** : chữa bệnh cho đời.
1797. **Dương Tử** : bản ZfB chép *Dương Hà*. Không đúng, chúng tôi để theo bản TV.
1803. **Xá sinh** : bỏ sống tức là chết.
1804. **Âm linh** : linh hồn ở âm phủ.
1828. **Sách Xuân thu** : thường gọi là kinh **Xuân thu**, là bộ sách của Khổng tử chép sử nước Lỗ nhằm mục đích tâm truyền cái đại nghĩa, danh và phận về đường luân lý và chính trị quân chủ. Văn kinh *Xuân thu* chặt chẽ về ý nghĩa và vị trí từng chữ. Xem ct IV sau ct 421.
1831. **Phù đồ** : xem ct 208.
1834. **Cửa thập phương** : cửa khắp nơi.
1840. **Ngay chúa** : lấy lòng ngay thẳng mà thờ vua. Bản Zf B chép *ngay cha*, được chữa lại *ngay chúa* :
1842. **Bất tử bất thần** : con không nên con, bề tôi không xứng bề tôi.

1856. **Âm đài** : đài cõi âm, chỉ âm phủ.
1857. **Mâu ni** : tức Thích-ca-mâu-ni, thầy tổ Phật giáo.
1878. **Kinh thánh** : Kinh sách của thánh nhân, kinh của đạo Da Tô.
- 1885 **Cải đồ** : đổi đường, ý nói bỏ đạo mà về với lương. Xem câu 3301.
1907. **Dé mây** : xua tan mây đi.
1915. **Hỏa xa** : xe đốt lửa. Xem câu 1919.
1917. **Đồng trụ** : cột đồng.
1924. **A ngùy** : Thứ cây có mù trắng dùng làm thuốc, mùi hôi khó chịu, dùng để trừ tà, kỵ phong.
1945. **Trối thầy** : xem ct 1662.
1949. **Tứ tri** : Bốn người biết. Nói làm việc gì âm mưu đến mấy cũng có người biết, làm điều bất lương mà biết tự thẹn với lương tâm. Theo *Hậu Hán thư* : Dương Chấn tự Bá Khôi, học rộng tinh thông kinh truyện. Khi ông làm thái thú đất Đông Lai, nhân qua huyện Xương Ấp, quan lệnh huyện này là Vương Mật đang đem bọc mười cân vàng mật dâng Dương Chấn. Dương Chấn không nhận. Mật nói : Xin quan lớn nhận cho, đang đêm không có ai hay biết đâu. Chấn nói : Thiên tri, thần tri, ngô tri, tử tri, hà vị vô tri ? = Có trời biết, thần biết, ta biết, anh biết, sao lại bảo không ai biết ?
- Thiên Nam ngữ lục* : Tồi lòng nào có tứ tri, Sống về nét đại khổ vì nét ngay.
1950. **Âm tri** : chỉ thêm diện vua Diêm vương.
1952. **Cửu tuyền** : chín suối. Xem ct 1456 A.
1954. **Thiên tru địa lục** : trời đánh đất giết.
1959. **Sát nhân** : giết người.

1972. **Bại lễ loạn luân** : lễ nghĩa hư hỏng bại hoại, gian dâm với cả những người cùng gia tộc.
1977. **Mây mưa** : chỉ việc trai gái gặp gỡ, vui chơi ân ái với nhau. Theo lời tự bài phú Cao đường của Tống Ngọc thuật việc vua Sở chơi đến Cao Đường mộng thấy thần nữ đến xin hầu chân gối, nói rằng : Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, làm khách đến Cao đường, nghe nhà vua ngự chơi đây, xin nguyện đến hầu dâng chân gối. Nhà vua nhân thế mà đem lòng yêu. Khi từ biệt, người còn gái nói rằng : Thiếp ở tại mé nam núi Vu Sơn sớm làm mây, chiều tối làm mưa, sớm sớm chiều chiều ở dưới chân núi Dương Đài. *Cung oán ngâm khúc* : Bóng gương lấp ló trong mảnh, Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.
1984. **Chân trắng** : chân bị cùm. *Trăng* là tấm ván khoét hình cổ áo hai tấm ráp lại thành cái cùm chân kẻ có tội.
1988. **Ruột tằm** : lòng dạ rối như tơ vò.
- Héo don** : héo quắt lại, héo là đi.
1998. **Âm hình** : hình phạt ở cõi âm phủ.
- Há dễ** : bản ZfB chép *há hết*, được chữa lại *há dễ*.
2009. **Bóng chàng** : bản ZfB chép *bóng lời*, được chữa lại *bóng chàng*.
2016. **Trống xây giọng lý** : tiếng trống đánh theo nhịp tiếng hát, giọng cao, giọng thấp lập đi lập lại.
2029. **Đinh ninh** : dặn đi dặn lại cẩn kẻ.
2036. **Bát trân thập toàn** : nói đủ vị những thứ thuốc tốt, quý.
2037. **Thuốc ngang** : nói thuốc không đủ vị và không phải là thuốc quý.
2039. **Kinh lạc** : Xem ct 687 A
2041. **Thây người** : mặc xác người.

2045. **Thọ thế** : xem ct 670A
- Lam nham** : quấy quá, không tinh.
2047. **Hoàn tể** : thuốc hòa nhiều vị lại (tể) rồi tán nhỏ hoàn thành viên.
- Hồn hào** : đây ý nói trộn nhào các vị thuốc lại với nhau không theo phép tắc gì cả. Xem câu 3387.
2051. **Giảo thuốc** : cất thuốc, thái thuốc. Cũng có nghĩa là bốc thuốc.
2054. **Cọp dèo** : cọp dữ.
2058. **Ủ xù** : bộ nghèo khó, quần áo lôi thôi lếch thếch.
- Mụ bà** : bà đỡ đẻ. Bản ZfB chép *áo bà*, cũng nghĩa là mụ bà.
2082. **Tứ tung linh tàng** : bữa bãi cùng khắp.
2092. **Èo uột** : quấy nhiễu, phá rối. Cả câu nói ý chết sớm.
2099. **Nhiếp sanh** : chăm lo giữ gìn sức khỏe.
- Thâu sanh** : nói việc đỡ đẻ.
2100. **Nhiếp thâu** : bản ZfB chép *nhiếp sanh*, được chữa lại *nhiếp thâu*.
2109. **So đo** : đây có nghĩa cân nhắc đắn đo. Xem ct 20.
2111. **Hóa hóa sinh sinh** : biến hóa sinh sản ra mãi mãi theo luân hồi, mà không hết được nghiệp báo.
2113. **Khảm tháng** : đầy tháng.
2124. **Vóc dặc** : thân hình con người. Xem câu 2558.
2126. **Hòa mừng hòa khóc** : vừa mừng vừa khóc.
2128. **Diêm la** : xem ct 1481.
2132. **Tha bang** : Xứ sở khác.
2135. **Sự hữu đáo đầu** : sự việc cũng có ngày đến chung cục.

1972. **Bại lễ loạn luân** : lễ nghĩa hư hỏng bại hoại, gian dâm với cả những người cùng gia tộc.
1977. **Mây mưa** : chỉ việc trai gái gặp gỡ, vui chơi ân ái với nhau. Theo lời tự bài phú Cao đường của Tống Ngọc thuật việc vua Sở chơi đến Cao Đường mộng thấy thần nữ đến xin hầu chân gối, nói rằng : Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, làm khách đến Cao đường, nghe nhà vua ngự chơi đây, xin nguyện đến hầu dâng chân gối. Nhà vua nhân thế mà đem lòng yêu. Khi từ biệt, người còn gái nói rằng : Thiếp ở tại mé nam núi Vu Sơn sớm làm mây, chiều tối làm mưa, sớm sớm chiều chiều ở dưới chân núi Dương Đài. *Cung oán ngâm khúc* : Bóng gương lấp ló trong mảnh, Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.
1984. **Chân trắng** : chân bị cùm. *Trăng* là tấm ván khoét hình cổ áo hai tấm ráp lại thành cái cùm chân kẻ có tội.
1988. **Ruột tằm** : lòng dạ rối như tơ vò.
- Héo don** : héo quắt lại, héo là đi.
1998. **Âm hình** : hình phạt ở cõi âm phủ.
- Há dễ** : bản ZfB chép *há hết*, được chữa lại *há dễ*.
2009. **Bóng chàng** : bản ZfB chép *bóng lời*, được chữa lại *bóng chàng*.
2016. **Trống xây giọng lý** : tiếng trống đánh theo nhịp tiếng hát, giọng cao, giọng thấp lập đi lập lại.
2029. **Đinh ninh** : dặn đi dặn lại cẩn kẻ.
2036. **Bát trân thập toàn** : nói đủ vị những thứ thuốc tốt, quý.
2037. **Thuốc ngang** : nói thuốc không đủ vị và không phải là thuốc quý.
2039. **Kinh lạc** : Xem ct 687 A
2041. **Thây người** : mặc xác người.

2045. **Thọ thế** : xem ct 670A
- Lam nham** : quấy quá, không tinh.
2047. **Hoàn tễ** : thuốc hòa nhiều vị lại (tễ) rồi tán nhỏ hoàn thành viên.
- Hồn hào** : đây ý nói trộn nhào các vị thuốc lại với nhau không theo phép tắc gì cả. Xem câu 3387.
2051. **Giảo thuốc** : cất thuốc, thái thuốc. Cũng có nghĩa là bốc thuốc.
2054. **Cọp dèo** : cọp dữ.
2058. **Ủ xù** : bộ nghèo khó, quần áo lôi thôi lếch thếch.
- Mụ bà** : bà đỡ đẻ. Bản ZfB chép *áo bà*, cũng nghĩa là mụ bà.
2082. **Tứ tung linh tàng** : bữa bái cúng khắp.
2092. **Èo uột** : quấy nhiễu, phá rối. Cả câu nói ý chết sớm.
2099. **Nhiếp sanh** : chăm lo giữ gìn sức khỏe.
- Thâu sanh** : nói việc đỡ đẻ.
2100. **Nhiếp thâu** : bản ZfB chép *nhiếp sanh*, được chữa lại *nhiếp thâu*.
2109. **So đo** : đây có nghĩa cân nhắc đắn đo. Xem ct 20.
2111. **Hóa hóa sinh sinh** : biến hóa sinh sản ra mãi mãi theo luân hồi, mà không hết được nghiệp báo.
2113. **Khảm tháng** : đầy tháng.
2124. **Vóc dặc** : thân hình con người. Xem câu 2558.
2126. **Hòa mừng hòa khóc** : vừa mừng vừa khóc.
2128. **Diêm la** : xem ct 1481.
2132. **Tha bang** : Xứ sở khác.
2135. **Sự hữu đáo đầu** : sự việc cũng có ngày đến chung cục.

2136. **Về cõi thọ** : tức là chết.
2137. **Cao tăng tổ khảo** : chỉ chung tổ tiên mấy đời về trước.
2141. **Ông đã** : bản ZfB chép *Chúa đã*, được chữa lại *ông đã*.
2150. **Hồi dương** : trở về cõi dương, cõi người đang sống.
2152. **Phân ly** : chia lìa nhau.
2157. **Cả mỗ** : mỗ to.
2164. **Trọn mai chờ giờ** : suốt buổi sáng ngồi đợi giờ.
2169. **Luân hồi** : nhà Phật cho rằng sinh vật chết rồi vẫn còn đầu thai kiếp khác cứ lần lượt mãi như bánh xe, bao giờ thành Phật mới hết.
2177. **Cơ trá da môn** : xỏ lá giả dối nhiều cách.
2180. **Làm ương** : làm điều tai vạ gây tai ương cho người ta.
2182. **Bội thường nghịch thiên** : trái đạo thường nghịch lẽ trời.
2224. **Ba vua năm đế** : xem ct I sau ct 306.
2226. **Sáu triều năm quý** : thời Lục triều, Ngũ quý trong lịch sử Trung Hoa. Lục triều gồm : Ngô, Đông, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, kế tiếp nhau đóng đô ở Nam Kinh. Ngũ quý gồm : Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu.
2233. **Nhàn du** : đi chơi nhàn nhã.
2235. **Kinh doanh** : trù liệu để làm việc thiết thực.
2236. **Cương thường** : xem ct I sau ct 306.
2241. **Tua** : nên, phải.
- Hồi trình** : lên đường trở về.
2243. **Cheo leo** : dây có nghĩa đơn độc, nguy hiểm.

- XIII. **Đạo vị** : mùi đạo.
- XIV. **Hậu Tắc** : *Thông chí* : Hậu Tắc là bề tôi giỏi có công to thời vua Nghiêu Thuấn, và là thủy tổ nhà Chu. Hậu Tắc tên Khí, mẹ là Khương Nguyên, nguyên phi của Đế Hiệ. Khương Nguyên ra chôn đồng nội thấy vết chân của người to lớn, lòng thấy vui mà dẫm vào. Bà tự nhiên thấy trong người bồn chồn rồi có thai sinh ra Hậu Tắc. Thuở nhỏ, Khí thích chơi trò trồng cây, cây trồng bao giờ cũng rất tốt. Khi đã đến tuổi thành nhân, Khí thích việc cây bừa làm ruộng, mùa nào trồng thức ấy, các giống ngũ cốc đều xanh tươi. Dân chúng học làm theo. Vua Nghiêu biết việc đó cho đón Khí về giữ chức tể quan (quan coi việc nông), có công dạy dân, phong cho đất Đài, hiệu là Hậu Tắc. Con cháu đời đời giữ chức quan ấy.
- Mân phong** : Phần cuối trong thơ Quốc phong kinh Thi. Mân phong có bảy bài, bài đầu là bài Thất nguyệt mô tả công việc các bậc tiền bối ở đất Mân (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) dựng nghiệp nhà Chu, tương truyền do Chu Công soạn ra để dạy Thành vương khi còn bé. Sáu bài khác đều nói đến công đức Chu Công phò Thành vương, giữ đế nghiệp nhà Chu.
- XVI. **Thi quy** : cỗ thi và mai rùa là những thứ dùng để bói.
- Phục Hy** : *Thông chí* : ông vua thần thoại trong tam hoàng thời thượng cổ Trung Hoa, có đức nên gọi là Thái Hạo, dạy dân đánh cá, nuôi súc vật để lấy cái ăn nên cũng gọi là Bào Hy, đặt ra bát quái, chữ viết.
- Máy u vi** : máy sáu kín, tinh diệu, nghĩa như máy tạo.
- XVII. **Hóa công** : xem ct 1221.
- Máy tạo** : Người xưa cho tạo hóa như một cái máy có tay thợ làm nên tất cả thế giới vạn vật. Xem câu 2924.
- XVIII. **Thực hóa** : hàng hóa sinh lợi.

Yên tử : tức Ân Anh. Theo *Thông chí*, Ân Anh, người đất Di Duy nước Tế thời Xuân thu, tự Bình Trọng, làm quan đại phu, nổi tiếng tiết kiệm, siêng năng lo việc nước, bữa ăn không hai lần ăn thịt, mặc một tấm áo hồ cừu trong suốt ba mươi năm, nổi danh khắp các chư hầu.

Đào công : Tức Đào Chu công, tự hiệu của Phạm Lãi. *Sử ký* : Phạm Lãi thờ Câu Tiễn, khổ mình, nhọc sức, cùng Câu Tiễn mưu toan trong hơn hai mươi năm, kết quả diệt được nước Ngô, rửa được cái nhục ở Cối Kê. Câu Tiễn làm bá, còn Phạm Lãi làm thượng tướng quân. Khi về nước, Phạm Lãi cho là danh lớn khó lòng ở lâu được. Và lại Câu Tiễn là người hoạn nạn thì có nhau, nhưng khi vui thì khó lòng mà ở được. Phạm Lãi bèn soạn gỏi các châu ngọc và của cải nhẹ cùng với đây tờ riêng xuống thuyền ra biển đi suốt đời không trở lại nữa. Phạm Lãi đi biển sang Tế, đổi họ tên, cày ruộng khổ thân cố sức, cha con cùng lo làm ăn, không được bao lâu của có đến hàng mấy chục triệu. Người nước Tế nghe tiếng ông hiền, mời làm tướng quốc. Phạm Lãi trả ấn tướng quốc, đem tất cả tài sản cho bạn bè làng xóm, chỉ mang những của thực quý lên đi. Phạm Lãi dừng lại ở đất Đào cho nơi đó là ở giữa thiên hạ, tiện đường đổi chác, buôn bán để làm giàu. Phạm Lãi bèn tự gọi mình là Đào Chu công.

XIX. Ông Lữ : tức Lữ Vọng. Theo *Sử ký*, ông người Đông Hải, vốn họ Khương tên Thượng, tự Tử Nha. Tổ tiên ông có công được phong ở đất Lữ nên lấy tên họ Lữ. Ông là người có tài lỗi lạc, nhưng không gặp thời, phải sống một cuộc đời cùng cực cho đến lúc già hơn bảy mươi tuổi vẫn phải đi câu cá để sinh sống. Cho đến khi nhân Chu văn vương đi săn, đi về hướng đông và gặp Lữ Vọng câu ở mé bắc sông Vị. Cùng nói chuyện với ông, Văn vương lấy làm hợp ý lắm, mới mời Lữ Vọng lên ngồi cùng xe rước về

kinh thành phong làm thầy. Lữ Vọng giúp Văn vương và con là Vũ vương dựng nghiệp lớn nhà Chu. Vũ vương diệt Trụ lấy được thiên hạ, phong đất Doanh Khâu nước Tế cho ông. Tương truyền ông có soạn bộ binh thư là *Lục thao* sáu quyển.

XX. Số nghiêng : người đón cùi, nghĩa như chữ *tiêu phu*. *Kinh thi* (Đại nhã). Tiên dân hữu ngôn tuân vu số nghiêng = Dân thuở trước có lời nói rằng ; mưu việc cát có (số) hái cùi (nghiên).

Kiệt Trụ : vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương là hai vua bạo ngược, vô đạo hoang dâm nhất trong lịch sử vua chúa Trung Hoa. Kiệt say mê Muội Hỷ, Trụ say mê Đát Kỷ. Xem ct 481 A.

2264. **Đồng tâm** : cùng một lòng một dạ với nhau.

2266. **Quỳnh lâm Dao trĩ** : chỉ chung những nơi ở cảnh tiên.

2270. **Thon von** : xem ct 148.

2286. **Đái dưa** : tiếp đái chuyện trò qua lại tự nhiên. Xem câu 3107.

2319. **Đường chim dấu thỏ** : đường hẻo lánh vắng vẻ chỉ có dấu chân chim, chân thỏ qua lại. Xem ct 249 A và ct 322.

2321. **Bóng ác hầu sa** : bóng mặt trời sắp lặn. Xem ct 558.

2326. **Lân quang** : đi lân từng quãng đường một.

2327. **Dậy như cồn** : xem ct 1 bài X (C).

2341. **Hơi ấm như đờn** : hơi ấm như dần ra áp lấy người.

2346. **Mộng nguyệt** : mơ thấy mặt trăng, là điềm sinh con quý

2561. **Bảo giá** : lo việc đi hộ vệ xe nhà vua.

2365. **Nghiêu Thuấn** : xem ct 509 A.

Làm vua : bản ZfB chép *Thuở xưa*, được chữa lại *làm vua*.

2372. **Kinh lược** : chức quan cai trị một miền rộng lớn.

2373. **Chấn thái** : cứu giúp và cho vay.

2382. **Lân chỉ** : ngón chân lân, chỉ con có đức quý. Thơ Quyển Đức Dư : Gia thừa lân chỉ quý, Kiểm hữu Long Tuyền tử = Nhà thừa kế được về quý lân chỉ, Kiểm có ân tử Long Tuyền. Xem câu 157 và ct 2082 A.

2383. **Hành biên** : tuần hành nơi biên cảnh.

2386. **Minh linh** : con nuôi. Xem câu 2428.

2390. **Đăng trình** : lên đường. Xem ct 189.

2392. **Sanh linh** : nói chung về người sống.

2394. **Đội trạng** : đội đơn viết điều yêu cầu của mình.

2399. **Trì trì** : nghe nặng nề chậm rãi.

2400. **Trước lý** : hàng rào trúc. Chữ *trước* (trúc), bản ZfB viết nhầm như chữ sau trước (tiên - lược). Xem câu 366 A : Vây sau trước bạn cùng mai mới màu.

2414. **Sơn lăng** : phần mộ của đế vương ở trong rừng núi.

2415. **Muông** : loài thú, đây chỉ chó săn.

2416. **Đi ruồng** : đi luồn vào, đi sâu vào.

2428. **Minh linh** : xem ct 2386.

2445. **Danh y** : Thầy thuốc có tiếng.

2462. **Dưỡng tử** : con nuôi.

2463. **Tổng hồi** : đưa về.

2467. **Xuê xang** : bộ xinh đẹp, vẻ vang.

2473. **Mục thú** : chức quan coi việc các châu quận thời xưa.

2492. **Chấn dân** : xem ct 1380.

2494. **Yến diên** : tiệc từng lớp. Xem các câu 2983, 3353.

2495. **Khẩu dẫu** : cúi rạp xuống đất mà chào, một cách kính lễ xưa,

2502. **Nượp nượp** : bộ người lui tới đông đảo.

2506. **Chánh lành** : chính sách tốt.

2507. **Gia huấn** : lời dạy con em trong nhà.

2508. **Ngọc nhan** : mặt ngọc, mặt đẹp.

2516. **Khôn lò gió đông** : gió xuân không lọt vào, không thổi vào được. Ý nói người con gái chưa có ai mới lái dặm hỏi.

2519. **Ly hương** : xa lìa quê hương.

2520. **Nấu nương** : nương ngụ nhờ.

2527. **Láng xao** : quên không để ý đến luôn.

2533. **Tiểu phú** : nhà giàu hạng vừa.

2541. **Như Lai** : xem ct 203.

2551. **Kết tóc** : nói việc nên vợ nên chồng. Từ Hán có chữ *Kết phát phu thê* là nói ý ấy. Thơ Tồ Vũ : Kết phát vi phu thê, ân ái lưỡng bất nghi = Kết tóc làm vợ chồng, ân ái hai bên không ngờ vực. *Kiều* : cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.

2552. **Trăm năm một hội** : chỉ cảnh vợ chồng ăn ở trọn đời với nhau.

2554. **Vọng phu** : xem ct 1623 A. Ý cả câu nói việc trung thành giữ tiết thờ chồng.

2555. **Bách châu** : Chiếc thuyền gỗ bách. Chỉ thân phận người phụ nữ như chiếc thuyền gỗ bách trôi nổi trên mặt nước. Thơ *Bách chu kinh Thi* : Phiếm bỉ bách chu, tại bi

trung hà = Thuyền gỗ bách trôi nổi lênh đênh giữa dòng sông kia, là nơi ví với người đàn bà ở nhà chồng là nơi phải chờ. *Hoa tiên* : Sự mình kể hết tiêu hao. Đã đành chiếc bách sóng đào lênh đênh.

2567. **Oan gia** : oan trái lâu đời gây cho một gia đình. Xem câu 3262.

2598. **Gót lân** : xem ct 2062 A

2616. **Rủ con nít rập** = rủ trẻ làm theo.

2618. **Linh thần** : thần linh thiêng.

2620. **Giáo thọ** : thầy dạy học.

2633. **Vi nhân** : làm người. Bản ZfB chép *vi thần*, được chữa lại *vi nhân*.

2634. **Thần tử** : kẻ bề tôi.

2635. **Tua khá** : phải nhiều, phải khá. Xem câu 2241.

2636. **Của hoạnh** : tức hoạch tài, là của được bằng cách không chính đáng như của đánh bạc hay của ăn trộm.

2643. **Chữ dạ** : giữ dạ, giữ lòng. Xem ct 1359.

2644. **Minh đức** : làm sáng cái đức sáng.

2650. **Bốn đường** : chỉ bốn cách viết chữ Hán chân, thảo, triện, lệ

2652. **Chữ mắt** : chữ viết nhiều nét theo cách viết chính, chữ khó.

2658. **Trùng dương** : ngày mồng 9 tháng 9 âm lịch gọi là trùng dương.

Tục Tề hải ký : Hoàn Cảnh người đất Nhữ Nam theo học với Phí Trường Phòng. Một hôm Phí Trường Phòng bảo Hoàn Cảnh rằng : Ngày mồng 9 tháng 9 vùng Nhữ Nam sẽ có tai biến lớn, nguy cấp lắm. Anh về bảo người nhà mang một cái túi đựng hoa thù du buộc vào cánh tay, lên

núi uống rượu cúc, thì sẽ tránh được tai họa. Cảnh làm y như lời thầy. Tiết trùng cửu cả nhà lên núi. Chiều tối trở về thấy gà, chó, trâu, dê trong một lúc đều chết sạch. Tục lên núi, uống rượu, đeo hoa thù du vào tiết trùng dương có từ đây. Xem câu 2672.

2662. **Ba ngàn thế giới** : xem ct 496.

2664. **Công hầu** : xem ct 621.

2666. **Ngâm vài** : bản ZfB chép *một vài*, được chữa lại *ngâm vài*. XXII. Ngày Chu tin phụng gáy : ý nói thời buổi thái bình, đạo của thánh nhân được phát dương rõ rệt như đời nhà Chu không còn nữa. Đời nay là đời suy loạn.

Buồn non nước Tống : nói cảnh đất nước bị họa xâm lăng.

Leo lét : lu mờ sắp tắt.

La đà : thất thơ thất thiếu.

Ôm chữ : ôm giữ.

2668. **Tư văn** : đây nói việc biên chép công văn giấy tờ ở cửa quan.

2669. **Đạo hằng** : đạo thường. Xem ct 8.

2670. **Thánh giáo** : lời dạy của thánh hiền.

Cầm dầm : Cầm giữ vững.

Nhân luân : xem ct 1381.

2671. **Thanh thần** : buổi sáng trong trẻo, tức buổi tốt trời.

2672. **Trùng cửu** : ngày mồng 9 tháng 9 xem ct 2658.

Quý thu : cuối thu.

XXIII. Các chữ *mao*, *diệt* đều có chữ *lão* ở trên.

Các chữ *sát*, *cầm* đều có bốn chữ *vuơng* ở trên.

Hùng hổ : con gấu, con cọp.

Tỳ hưu : loài thú dữ, chỉ người dũng sĩ.

- Long, lân, quy, phụng** : là bốn con vật thiêng (tứ linh).
2688. **Thân đồng** : con trẻ mà sớm thông minh đặc biệt.
2689. **Thủy chung** : dây có nghĩa là từ đầu đến đuôi, khác với câu 1690.
2716. **Lục nga** : thơ kinh Thi nói về công ơn của cha mẹ.
2717. **Chín chữ cù lao** : xem ct 585 A.
2718. **No nao** : xem ct 262 A.
2720. **Dòng châu** : xem ct 638 A.
2731. **Thánh kinh** : kinh sách của thánh hiền.
2732. **Hai mươi bốn thảo** : Hai mươi bốn người con hiếu thảo. Quách Cư Nghiệp đời Nguyên chọn những người con có hiếu từ xưa nay trong lịch sử Trung Quốc, chọn được hai mươi bốn người, nêu đức hiếu thảo của họ vào trong một quyển sách nhan đề *Nhị thập tứ hiếu*, gồm : Đại Thuấn, Hán Văn đế, Tàng Sâm, Mẫn Tử Khiên, Trọng Do, Đồng Vinh, Diêm Tử, Giang Cách, Lục Tịch, Đường Phu nhân, Ngô Mãnh, Vương Tường, Quách Cự, Dương Hương, Chu Thọ Xương, Dữu Kiêm Lâu, Lão Lai Tử, Thái Thuận, Hoàng Hương, Khương Thi, Vương Bao, Đinh Lan, Mạnh Tông, Hoàng Sơn Cốc.
- Ở nước ta, Lý Văn Phúc đồ cử nhân triều Gia Long thứ 18 (1819) đã theo bản chữ Hán của Quách Cư Nghiệp mà diễn ra quốc âm bằng lời ca song thất lục bát. Xem câu XXV.
2734. **Hai nghi** : trời, đất.
2736. **Hai thân** : cha mẹ.
2738. **Phụ thân** : cha.
2744. **Mày chau mặt ủ** : xem ct 1697.

2749. **Nhớ chữ thâm tình** : bản ZfB chép *dạ thảo lâm đèn*, được chữa lại *nhớ chữ thâm tình*.
2758. **Sái mồm** : sái có vóc người mập. *Mồm* : mập.
2762. **Chơi mây** : xem ct 151.
2763. **Chuối bồ đề** : xem ct 185.
2766. **Phương tây** : chỉ Tây Trúc, quê hương của Phật tổ.
- XXIV. **Quan đế** : tức Quan Vân Trường. Xem ct 1392.
- Núi đất ba lời** : ba lời ước ở núi đất, *Tam quốc diễn nghĩa* : Tào Tháo khởi hai mươi vạn quân đánh Lưu Bị. Lưu Bị thua to phải chạy sang nương nhờ Viên Thiệu. Bấy giờ Quan Vân Trường đóng giữ Hạ Bì. Tào Tháo đem quân đến đánh. Hạ Bì thất thủ. Quan Vân Trường phải rút lên quả núi đất đóng quân tạm nghỉ. Quân Tào kéo đến vây vòng quanh. Tào Tháo cho Trương Liêu lên núi đất dụ Quan Vân Trường hàng. Thế cô lực kiệt, Quan Vân Trường giao ước : "Tôi có ba điều giao ước, nếu thừa tướng (Tào Tháo) nghe cho, tôi xin lập tức cởi giáp lai hàng, nhược bằng không nghe, tôi đành chịu ba tội mà chết. Một là : Ta cùng hoàng thúc có lập lời thề cùng nhau giúp nhà Hán, nay ta chỉ hàng vua nhà Hán, không hàng Tào Tháo. Hai là : Hai chị dâu ta phải được cấp dưỡng theo bổng lộc của hoàng thúc, nhất nhất người ngoài không được đến cửa. Ba là : Hễ ta nghe thấy hoàng thúc ở đâu, lập tức ta cáo từ rồi đi theo. Ba điều ấy nếu thiếu một điều ta nhất định không hàng." Tào Tháo ưng thuận. Quan Vân Trường rất được Tào Tháo hậu đãi cốt làm cho Quan Vân Trường chịu ơn nặng không nỡ bỏ mình về với Lưu Bị nữa. Nhưng, sau khi biết được tin Lưu Bị. Quan Vân Trường từ tạ Tào Tháo về với Lưu Bị.
- Sông Vàng hai trận** : nói việc Quan Vân Trường hai lần xuất trận, chém Nhan Lương và Văn Xú ở sông Hoàng

Hà (sông Vàng) để tạ ơn Tào Tháo, mà về với Lưu Bị.
Xem *Núi đất ba lời*.

Kinh bát loạn : kinh trị đời loạn, tức kinh *Xuân thu*.
Xem ct IV sau ct 421.

2784. **Quan hầu** : tức Quan Văn Trường. Xem ct 1392.

2786. **Nguồn cơn** : đầu đuôi, duyên cớ. Xem câu 3339.

2787. **Keo sơn** : keo và sơn, chỉ sự gắn bó khăng khít. Xem câu 3014.

2796. **Chịu phục** : chịu tang, mặc đồ tang.

2800. **Tài lanh** : tài thông minh và nhanh nhẹn.

2802. **Sĩ tử** : học trò. Xem các câu 2710, 2806, 2886, 2910, 2934.

Tự trường : đến trường.

2811. **Sơ thu** : đầu thu.

2815. **Giơ chà** : nhánh nhóc lộ ra (vì lá rụng).

2824. **Hội mây rồng** : xem ct 19A.

2830. **Xuân huyền** : xem ct 1173 A.

Chếch mác : Cô đơn, buồn phiền.

Se sua : khoe khoang bày ra cho người ta thấy.

2833. **Day dòng** : xem ct III, sau ct 406.

2836. **Bóng xế nhành dâu** : xem ct 1429 A.

2840. **Tài bồi** : vun trồng, vun đắp.

2842. **Ý cả câu** : Phải tìm cách cho tài năng của mình được thi thố giúp ích cho đời.

2849. **Rã bèn** : ră cánh, nói hoa sen nở rộ, có bông đã ră cánh, có bông cánh hoa đang ră dần.

Bèn : cánh hoa.

2855. **Ý cả câu than vãn** về việc sinh không gặp thời.

2862. **Niên quán** : năm tháng (để thơ) và quê quán (của người để).

2869. **Nguyên nhung** : tướng cầm đầu quân đội. Xem câu 2876.

2873. **Ong kiến chỗ nằm** : chỉ hang ổ quân giặc. Xem câu 137 A : Đẹp rồi lũ kiến chòm ong.

2874. **Ấm dầm** : nói cuộc sống đông vui, yên ấm.

2875. **Ái lang** : cửa ải có xây dựng những đài đốt phân chó sói để báo hiệu khi có giặc. Theo *Dậu dương tạp trở*, dùng phân chó sói đốt nơi cửa ải để báo hiệu khi có giặc vì khói phân chó sói (lang) lên thẳng, gió khó thổi bạt đi nên bay lên cao báo hiệu được xa. *Quốc sử diễn ca* : Một cơn gió bẻ chổi khô, Ái lang dứt dấu ngựa hổ vào ra. Xem ct 766.

2886. **Nghĩa thân** : nói nghĩa thân thích gia đình.

2888. **Đào yêu** : đào non, chỉ người con gái trẻ đẹp đến tuổi lấy chồng. *Kinh Thi* : Đào chi yêu yêu, kỳ diệp tran tran, chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân = Cây đào mơn mớn xanh non, lá nó rậm rạp. Cô con gái kia về nhà chồng, hòa thuận với tất cả mọi người trong gia đình.

2889. **Thước kiều** : Cầu Ô thước, cầu do loài chim khách (ô thước) làm nên bắc qua sông Ngân Hà đưa Chức Nữ sang sông gặp Ngưu Lang. *Truyện Tù Thúc* : Ba sinh phận đẹp cuối rồng, Thước kiều sẵn nhip loan phòng sẵn duyên.

2890. **Dựng bình xạ tước** : dựng bức bình phong bắn con chim sẻ lớn. Chỉ việc kén vợ. Theo *Tục thông chí*, Đậu Nghị người đất Mậu Lăng đời Nam Bắc triều làm quan đến chức thượng trụ quốc, có người con gái yêu muốn kén rể, bèn cho vẽ hai con công (khổng tước) vào bức bình phong rồi hẹn rằng : người nào đến cầu hôn cũng sẽ bắn hai phát, ai bắn trúng một mắt công thì gả con gái cho.

Người đến thử tài đã mười người nhưng không ai được cả. Sau có Lý Uyên đến bắn hai phát trúng hai mắt, lấy được vợ. Lý Uyên về sau làm vua tức Đường Cao Tổ. *Sơ kính tân trang* : Nguyên lòng này với lửa hương, Rạng bình xạ tước nổi giường thừa long".

2895. **Đái đẳng** : đã động đến, trò chuyện tự nhiên. *Ngọc Kiều Lê* : Cũng toan nhờ bóng tùng lâm, Thẹn riêng chưa dám tiếng tăm đái đẳng. Xem các câu XXXI, 3174.

2901. **Gót lân** : xem ct 2082 A.

2908. **Văn vật** : ý nói có học thức, có văn hóa.

2918. **Ở an lạc nghiệp** : an cư lạc nghiệp, yên chỗ ở, vui với công việc của mình.

Thăng bình : xem ct 1.

2924. **Máy tạo** : xem ct XVII, sau ct 2243.

Hiệp hòa : sum họp, hòa thuận với nhau.

2927. **Làm mai** : làm mối.

2928. **Nguyệt lão** : xem ct 243 A và câu 2959.

Lương duyên : duyên lành. Xem các câu 3181, 3377.

2932. **Ân khoa** : khoa thi đặc biệt do vua mở khi có khách đến.

2939. **Hậu đường** : xem ct 35 A và câu 3082.

2941. **Gia tôn** : cha, đây ý nói cha mẹ nói chung.

2942. **Công môn** : cửa công, cửa quan. Xem câu 3111, 3183.

2943. **Châu Trần** : tên hai họ thời xưa ở Trung Hoa đời đời kết làm thông gia với nhau. Chỉ việc kết duyên vợ chồng. *Thơ Bạch Cư Dị* : Từ châu cổ Phong huyện, hữu thôn viết Châu Trần. Nhất thôn duy lương tính, thế thế vi hôn nhân = Xưa huyện Phong ở Từ Châu có một thôn gọi là Châu Trần. Một thôn chỉ có hai họ, đời đời bán gả con cái cho

nhau. *Nữ tú tài* : Rằng em muốn kết Châu Trần, Cây anh gánh vác đỡ dần cho nên.

2945. **Nghĩ nghị** : đoán đo, bàn bạc.

2949. **Tháp nhận cao bay** : ý nói đồ đạc cao.

Tháp nhận : ngọn tháp do pháp sư Hỷên Trang đời Đường xây dựng ở trong khu chùa Từ Ân thuộc huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây. Đời Đường, từ năm Thần Tông (niên hiệu Đường Trung Tông) trở về sau, có tục các tân khoa tiến sĩ thường đến đây ngoạn cảnh, khắc tên mình lên chân tháp. Theo *Nam bộ tân thu*, Vi Triệu mới thi đỗ, đến văn cảnh chùa Từ Ân, nhân để tên mình lên chân tháp, các người lớp sau hăm mộ bắt chước làm theo mà có cái tục ấy. *Sơ kính tân trang* : Bàng hùm tỏ Phạm tháp nhân diếu Trương. Xem câu 3130, và câu *Chỉ làm bản nhận ven mây* (câu 21 A).

2951. **Bảng hổ** : bảng yết tên những người đỗ tiến sĩ.

2952. **Nho sinh** : người nho học, chỉ chung những người học trò.

2954. **Thi trường** : trường thi.

2955. **Gia nương** : mẹ.

2959. **Dây đỏ vấn chân** : do chữ *xích thành hệ túc* trong điển *nguyệt lão*, nói duyên vợ chồng đã định. Xem ct 243 A.

2962. **Trong sách có con gái hiền** : *Liêu trai chí dị* : Lang Ngọc Trạ là một thư sinh ở Bành Thành rất mê sách, suốt ngày chỉ cặm cụi đọc sách. Lúc còn sống, thân phụ anh có viết một bài *khuyến dụ* dán ở chỗ ngồi, có câu : Thú thê mạc hận vô lương môi, thư trung hữu nữ nhan như ngọc = Lấy vợ đừng giận vì không người mới giỏi,

trong sách có người đẹp nhan sắc như ngọc (con gái mặt đẹp như ngọc). Ngọc Trụ ngày thường ngắm đọc, ngoài 30 tuổi vẫn chưa lấy vợ vì anh ta một lòng tin tưởng rằng trong sách sẵn có mỹ nhân, lo gì mà chả có vợ. Một hôm đêm đã khuya, chàng đang còn mãi mê đọc bộ *Hán thư*, đến nửa quyển thứ 8, thì thoáng thấy một hình mỹ nhân nhỏ nằm ép trong sách. Chàng giật mình nghĩ bụng chắc là cô gái nhan như ngọc ở trong sách là đây chăng? Nhìn kỹ mặt mày thấy như người, một lúc thì mỹ nhân cử động rồi mỉm cười, lớn bằng người thật, rõ ràng tuyệt thế giai nhân, lừ lừ bước xuống. Ngọc Trụ kính cẩn hỏi rằng: Nàng là vị thần tiên nào giáng thế? Người con gái đáp: Thiếp họ Nhan tên Như Ngọc, vốn biết chàng đã từ lâu và cũng đã được chàng để ý đến. Nếu thiếp không đến gặp chàng thì e rằng nghìn năm sau không ai tin lời nói của cổ nhân nữa! Ngọc Trụ mừng lắm bèn cùng Như Ngọc kết làm vợ chồng. Lấy nhau được hai năm. Như Ngọc từ biệt đi mất vì Ngọc Trụ không bỏ được thú mê sách. *Bích câu kỳ ngộ*: Đã người trong sách là duyên, Mấy thu hạt ngọc Lam Điền chưa đông.

2963. **Nhà huyền**: do chữ *huyền đường* = nhà trồng cỏ huyền, chỉ mẹ. *Kinh Thi*: Yên đắc huyền thảo, ngôn thụ chi bối? = Sao được cỏ huyền đem trồng nó ở chái nhà phía bắc. Lời chú họ Trịnh nói: Cỏ huyền làm cho người ta quên được điều lo buồn; bối là chái nhà phía bắc, nơi đàn bà con gái ở, tục gọi mẹ là bắc đường hay huyền đường.

2964. **Tứ bửu**: bốn bát báu trong văn là: bút, mực, giấy, nghiên (văn phòng tứ bửu). Bản ZfB chép *tứ hữu*, được chữa lại *tứ bửu*.

2967. **Ba trường**: ba đợt thi ba môn khác nhau trong một khoa thi thời xưa, gọi là trường nhất, trường nhì và trường ba.

2969. **Mai dong**: người mai mối. Xem câu 3018.

2971. **Chuyển chệ**: chuyển vần, lẩn lữa la cà.

2976. **Thẳng dùi**: nhu nhơ, không quyết.

2980. **Thủ khoa**: người đỗ đầu khoa thi.

2982. **Khen giỏi**: khen hết cách, khen hết mức.

2983. **Yến diên**: xem ct 2494.

2985. **Công đường**: nơi quan lại làm việc thời xưa. Xem câu 3250.

2992. **Ngọc nhuận**: ngọc lành không có vết.

Băng thanh: trong như băng giá.

2993. **Thiên thành**: trời định cho mà nên vợ nên chồng.

3000. **Loan phụng**: chim loan và chim phụng, ví với vợ chồng đẹp đôi vừa lứa. Loan, lông năm sắc mà trội về sắc xanh, theo *Quảng nhĩ*, chim loan thuộc loài phượng hoàng. Từ Hán có chữ *loan phiêu phụng bạc* là nói cảnh vợ chồng ly tán.

3002. **Sát cầm**: đàn sát và đàn cầm là hai thứ đàn cổ thường đánh hòa âm với nhau, chỉ cảnh vợ chồng hòa hợp, êm ấm. *Kinh Thi*: Sâm si hạnh thái, tả hữu thi chi, yếu diệu thực nữ, cầm sát vi chi = Rau hạnh ngon dài ngon ngắn không đều nhau, (khi đã tìm được) thì hái cả bên phải bên trái, người con gái dịu dàng, kín đáo (đã tìm được) ta gảy đàn cầm đàn sát cho nghe để tỏ tình thân mật yêu mến. Cũng *Kinh Thi*: Thê tử hảo hợp như cổ cầm sát = Cảnh vợ chồng êm ấm như tiếng đàn cầm đàn sát đánh hòa nhau. *Ca dao*: Ước gì chỉ Tấn tở Tần, sát cầm hòa hợp họa văn quan thư.

3004. **Nợ thanh khâm** : cũng như nói nợ bút nghiên. Thời xưa học trò thường mặc áo màu xanh nên gọi là *nợ thanh khâm*, nói ý công lao ăn học phải trả.
3008. **Đại khoa** : đại đẳng khoa, tức việc thi đỗ
3007. **Tiểu khoa** : tiểu đẳng khoa, tức việc lấy vợ.
3011. **Thi hương** : khoa thi chọn cử nhân tú tài. Thời xưa cứ ba năm mở một khoa ở các tỉnh.
3012. **Thi hội** : khoa thi mở ở kinh đô chọn tiến sĩ trong số người đã đỗ cử nhân.
3013. **Lễ hỏi tên** : tức là lễ *vấn danh* trong sáu lễ thời xưa. Xem ct 2077 A.
3014. **Keo sơn** : xem ct 2787.
- Khấn dạ** : gán lòng. Khấn là dính cứng, đông chặt.
3020. **Thơ lâu** : nhà đọc sách, tức phòng học. Xem câu 3090.
3022. **Hoa viện** : chỉ nhà cửa to đẹp. Xem câu 3068.
3025. **Má đào** : tiếng chỉ đàn bà con gái đẹp.
3027. **Hòa thân** : nói việc kết tình thông gia, con trai con gái bán gả cho nhau.
3039. **Vu quy** : nói việc con gái về nhà chồng.
3045. **Tần khoa** : người mới thi đỗ. Xem câu 3366.
3059. **Năm mối ba giếng** : tức tam cương ngũ thường. Xem ct I sau ct 306.
3062. **Tơ đồng** : dây tơ đàn gổ ngô đồng. Tiếng tơ đồng là tiếng đàn.
- XXV. **Hai mươi bốn thảo** : xem ct 2732.
- Kiều tử** : cây kiêu (cao, to) và cây tử (bé, thấp). Chỉ cha con *Thượng thu đại truyện* : Bá Cầm và Khang Thúc đến yết kiến Chu Công, ba lần đến thăm ba lần bị trách. Khang Thúc sắc mặt sợ hãi, bảo Bá Cầm : Có thấy

- Thương tử là người hiền, nay tôi, cùng anh đến yết kiến. Hai người bèn đến yết kiến Thương tử. Thương tử nói : Phía nam núi Nam Sơn có loài cây tên là kiêu, hai anh đến đó xem cây đi. Hai người đến xem thấy cây kiêu cao vút lên trên, trở về thưa với Thương tử. Thương tử nói : Kiêu là đạo của người cha. Phía bắc núi Nam Sơn có loài cây tên là tử, hai anh đến đây xem đi. Hai người đến xem, thấy cây tử thấp mà rủ xuống, trở về thưa với Thương tử. Thương tử nói : Tử là đạo làm con. *Hoa tiên* : Tình kiêu tử dạ quê hương, Dù cay đắng cũng phận thường nghĩ sao.
- XXVII. **Giếng mối** : xem ct I sau ct 306.
- Minh lương** : vua sáng (minh) tôi hiền (lương).
3083. **Thế nữ** : chỉ chung những người con gái hầu hạ bọn giàu sang.
3086. **Quày quả** : xem ct 619A và câu 189.
3092. **Lễ bồi** : lễ vật đưa thêm cho.
3093. **Sô sa** : vải dệt thô và thưa.
3097. **Nhạc gia** : bố mẹ vợ. Xem câu 3180.
3098. **Huyện tể** : quan đầu huyện.
3107. **Đái dưa** : chỉ việc tiếp đái chuyện trò qua lại. Xem ct 2286.
3113. **Phương tư** : dáng người xinh đẹp, tươi tắn.
3114. **Đào liễu** : hình dáng người con gái tươi đẹp, mềm mại tha thướt.
- Dật dờ** : lênh đênh, không yên chỗ. Xem ct 1768.
3118. **Khoa trường** : trường thi.
3120. **Gia đường** : ý nói chuyện lập gia đình chồng vợ.

3122. **Ôn nhuần** : ôn thuộc kỹ.
Thi xuân : khoa thi mở vào mùa xuân, tức khoa thi Hội.
3125. **Kinh bang** : kinh đô của một nước.
3126. **Bảng vàng** : bảng yết tên những người thi đỗ.
3127. **Dầu ngao** : người đỗ trạng nguyên. Theo lệ xưa, người đỗ trạng nguyên khi tiếp kiến vua được đứng ở bệ có đúc hình con ngao lớn.
3128. **Bảng nhãn** : người đỗ thứ hai trong khoa thi đình, dưới trạng nguyên.
Thám hoa : người đỗ thứ ba trong khoa thi đình, sau bảng nhãn.
3129. **Nguyên khoa** : đây nói người đỗ đầu khoa thi đình, tức trạng nguyên.
3130. **Cung thiêm** : cung trăng. Tục truyền trên mặt trăng có con thiêm thụ (con cóc) và cây quế, nên cũng gọi mặt trăng là cung quế. Chỉ việc thi đỗ. Từ Hán có chữ *Chiết quế Thiêm cung* cùng chỉ nghĩa này. Thơ Lý Trung : Thiêm cung tu triển chí = Phải mở chí chốn cung thiêm, ý nói phải lo học thi đỗ. Thơ Nguyễn Công Trứ : Một mai bé quế thiêm cung, Trăng đưa đàn nguyệt sấm rầm trống lôi. Xem ct 409 A.
- Tháp nhận** : xem ct 2949.
- Á khôi** : người đỗ thứ hai.
3131. **Hốt hoa bào gấm** : cái thê có khắc hoa và cái áo bào gấm là những thứ triều phục thời xưa.
3132. **Quỳnh lâm mở tiệc** : Tiệc yến ở vườn Quỳnh Lâm nhà vua đãi các tân khoa tiến sĩ. *Tống sử* : Năm Thái bình hưng quốc thứ 8 (983), bắt đầu chia những người đỗ tiến sĩ ra ba giáp rồi ban yến ở vườn Quỳnh Lâm.
3137. **Gốc làng** : quê chính.

3139. **Lương đồng** : đây chỉ nhà cửa to cao. Xem câu 3419 và ct 858.
3140. **Sánh phen** : bì kịp, theo kịp.
3144. **Vinh quy** : về vang trở về. Thời xưa, người đỗ tiến sĩ được vua ban cờ biển cho về nhà gọi là vinh quy.
3155. **Đùm đậu** : đùm bọc che chở, ở nhờ cho qua ngày.
3158. **Sư sanh** : thầy trò.
3165. **Tiên dăng** : nhà phía trước.
3166. **Vọng thiên** : nói việc trông trời mà cúng lễ, vì không biết người chết ở phương nào.
3167. **Bài vị** : thẻ gỗ dán giấy biên tên họ người chết để thờ.
3169. **Tam sanh** : ba vật hy sinh để cúng lễ là bò, heo, dê.
- XXXI. **Bình lồi** : chữ *Kinh Thi* nói con cái, nhất nhất đều bẩm thụ ở cha mẹ, cũng giống như ve rượu con (bình) đều được rượu từ bình lớn (lồi) chiết cho.
- Phong mộc** : thương tiếc cha mẹ không còn để lo phụng dưỡng.
- Hoàng lương** : xem ct 180.
- Tàn huyền** : chỉ mẹ già. Xem ct 2963.
- Dấu thỏ lên đeo** : ý nói chỗ hiểm nguy.
- Ba ngàn thế giới** : xem ct 496.
- Như Lai** : xem ct 203.
- Bồ tát** : vị Phật đã giác ngộ được bản tính mà phổ độ chúng sinh.
- Thích già** : tức Thích ca Mâu ni, thầy tổ Phật giáo.
- Di Lạc** : tên một vị Phật.
- Cô nhi** : trẻ mồ côi.

- Vàng bạc** : những thứ hàng mã dùng trong khi cúng lễ.
3174. **Đái dăng** : xem ct 2895.
- 3176 **Hạ diên** : tiệc mừng.
- 3181 **Lương duyên** : duyên. Xem câu 3377 và ct 2928.
3184. **Nghinh hôn** : rước dâu.
3185. **Đương xuê** : phải cho xuê, cho xinh tốt đầy đủ.
3186. **Phụng chiêm** : đây nói ý đáng lễ chiêm bái tổ tiên.
3188. **Hàng Nga núp bóng cung thiêm** : ý nói con gái đẹp còn chưa xuất giá.
3192. **Thêm hư** : thêm xấu, thêm trầm trọng.
3193. **Ưu tư** : lo nghĩ buồn phiền.
3200. **Căn duyên** : xem ct 1398.
3201. **Căn nguyên** : nguồn gốc.
3204. **Thành thân** : thành vợ thành chồng.
32006. **Nửa trắng** : nửa tháng.
3207. **Còn măng** : còn non nớt.
3211. **Giáp tý** : cách tính ngày tháng theo can chi.
3214. **Phản hồi cố hương** : trở về làng cũ.
3217. **Chốn dương trần** : cõi người ta ở.
3225. **Quỳnh tương** : nước ngọc, ví thứ rượu quý.
3228. **Xa cách** : bản ZfB chép *cách trở*, được chữa lại xa cách.
3234. **Dương quan bẻ liễu** : nói cảnh tiễn biệt. Dương Quan là một cửa ải thuộc huyện Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc. Thơ Vương Duy : Khuyển quân cánh tận nhất bôi tửu, Tây xuất Dương Quan vô cố nhân = Mời bác hãy cạn thêm một chén này, đi về phía tây ra khỏi Dương Quan sẽ không có bạn cũ nữa. Thơ Lý Bạch : Dịch trung

- văn chiết liễu, Xuân sắc vị tàng khan = Trong tiếng dịch nghe tiếng bẻ liễu (tiễn biệt nhau), Xuân sắc chưa từng được xem.
3236. **Đạo vị** : mùi đạo.
3237. **Tao nhân** : người giỏi văn thơ.
- XXXIII. **Lưu Nguyễn** : Theo *U minh lục*, năm Vĩnh Bình thứ năm (62) đời Hán, Lưu Thần và Nguyễn Triệu, cùng vào Thiên Thai hái thuốc, gặp hai nàng tiên tươi đẹp bên bờ con suối lớn. Hai người lưu hai chàng ở lại trong một năm. Sau Lưu Thần Nguyễn Triệu nhớ quê hương, từ biệt tiên nữ ra về. Tìm về nơi quê cũ, thì anh em họ hàng đã phiêu lạc đi đâu cả, nhà cửa không còn, hỏi không ai nhận ra họ nữa.
3241. **Bể dâu** : nói việc đời biến đổi, như bể xanh biến làm ruộng dâu (thương hải tang điền). Theo *Thần tiên truyện*, vào thời Đông Hán, tiên nhân Vương Phương Bình giáng xuống nhà Hải Kinh, cho mời tiên nữ Ma Cô đến, Ma Cô bảo Phương Bình rằng : Tiếp thị dĩ lai dĩ kiến Đông hải tam vi tang điền = Từ khi được tiếp hầu ông đến nay, tôi đã thấy bể Đông ba lần biến thành ruộng dâu.
3244. **Đàn ranh** : xem ct 114.
- 3250 **Công đường** : nơi quan lại làm việc thời xưa.
3252. **Phu quân** : vợ gọi chồng là phu quân.
3262. **Nợ oan gia** : xem ct 2567.
3266. **Đột sâu** : may mũi một (đột) nổi sâu (để làm gổ).
3268. **Nằm nở** : ý nói của cái sinh nở dần thêm nhiều.
3273. **Phổ khuyến** : xem ct 1649.
3275. **Quành quạch** : thứ chim vườn hay ăn trái cây, tiếng kêu quành quạch.

3288. **Chài** : đổ xuống, sụt xuống.
3294. **Lụy dầm** : nước mắt thấm ướt.
3299. **Xuê** : xinh đẹp.
3301. **Cải đồ** : đổi đường đi, ý nói bỏ đạo mà về với lương, theo lẽ cương thường.
3303. **Phân bầu** : chia bầu áo, nói tiễn biệt nhau. Người ở lại nắm bầu áo kẻ ra đi tỏ tình quyến luyến. Nay *chia bầu* tức là xa nhau.
3307. **Một phôn** : một giống. Xem ct 1030 A
3308. **Hỏi xoắn** : hỏi rộn ràng, túi bụi xoắn xuýt.
3312. **Âm cung** : âm phủ.
3314. **Lùng bùng thở than** : thở than lăm râm trong miệng.
3318. **Mười đất chín trời** : mười phương đất, chín phương trời, ý nói khắp mọi nơi.
- Tỏ trang** : rõ ràng từng cái một, từng việc một.
3319. **Phô** : nói, như nói phô. Xem câu 871.
- 3329 **A giao** : keo nẫu bằng da trâu hay xương thú vật.
3332. **Tả đạo** : xem ct 1446.
3337. **Đơm quảy** : cúng lễ cơm cho người đã mất.
3339. **Nguồn cơn** : xem ct 177 A (Lục Vân Tiên).
3353. **Phủ phê** : đầy đủ, dư dật.
3358. **Cửu trùng** : Chỉ vua hay chỗ ở của vua. *Sở từ* : Khái bất uất dào nhi tư quân hế, quân chi môn dĩ cửu trùng = Há không bùi ngủi mà nhớ vua chừ, cửa nhà vua có chín tầng. *Cung oán ngâm khúc* : Đóa lê ngon mất cửu trùng, Tuy mây điểm nhạt nhưng lòng vẫn xiêu.
3360. **Lai kinh** : trở lại kinh.

3363. **Dan tri** : thêm đồ, thêm cung vua.
3373. **Dị doan** : xem ct 5.
3386. **Kẻ thế** : người khôn ngoan biết sự lý.
3387. **Hồn hào** : lộn bậy nhau. Xem ct 2047.
3404. **Tội đồ** : tội phải dày đi xa.
3411. **Ngự chế** : thơ vua làm ra.
- XXXV. **Tây tà** : ý nói đạo của phương tây đem lại là đạo tà.
- Chẳng nại** : chẳng kể gì.
- Nào câu** : nào có câu nệ.
- Thủy thổ** : đất nước.
3419. **Lương đồng** : xem ct 3139.
3425. **Nữ trang** : đồ trang sức của đàn bà.
3428. **Tống hôn** : đưa dâu.
3436. **Nghinh hôn** : rước dâu.
3442. **Hai gái hai trai** : bản ZfB chép như vậy. Đổi lại cho xuôi.
3444. **Cân phân** : xứng nhau, xứng đôi.
3446. **Động phòng** : phòng sâu kín, phòng của vợ chồng mới cưới.
3449. **Dấy dấy** : tiếng đông người ồn ào. Xem ct 394.
3455. **Ngân hải** : nói ánh sáng chói lòa khắp nơi.

3383 Đan tri : thêm do thêm công...
 3373 Di đoan : xem từ Di đoan...
 3356 Kê thế : người khôn ngoan...
 3337 Hồn hân : hồn hân...
 3404 Tội đồ : tội phạm...
 3411 Ngục chi : ngục chi...
 XXXV. lý : lý...
 3407 Chàng nãi : chàng nãi...
 3403 Nào cần : nào cần...
 3402 Thủy thổ : đất nước...
 3419 Lương đồng : xem từ Lương đồng...
 3425 Ngã trướng : do trướng...
 3428 Tông hôn : tông hôn...
 3436 Nghinh hôn : nghinh hôn...
 3442 Hai gái hai trai : hai gái hai trai...
 3444 Cầm phân : cầm phân...
 3446 Đồng phòng : đồng phòng...
 3449 Dạy dạy : dạy dạy...
 3455 Ngâm hát : ngâm hát...
 3453 Phở phở : phở phở...
 3458 Cầm trướng : cầm trướng...
 3560 Lại kinh : lại kinh...

PHỤ BẢN

Phụ bản...
 (Faint vertical text in the right margin, likely bleed-through from the reverse side of the page.)

阮枝世譜序

耳孫原左軍文翰母書吏楊明甫校正及

長子秀才並擇市同業

竊惟三氣流行而天之道以正而居順而地之氣以
成受天地以生其要必叙倫為重 昔嘗留嘉賓
於已篋修偶值不虞所才選君服茲道才年小

令配張氏實

生于庚午年
知縣任順德義和村

子

阮廷煥

阮廷煥長子生于三月三日
終于戊子年五月亥時四日

未及優修通此少寬敢不再述奉惟

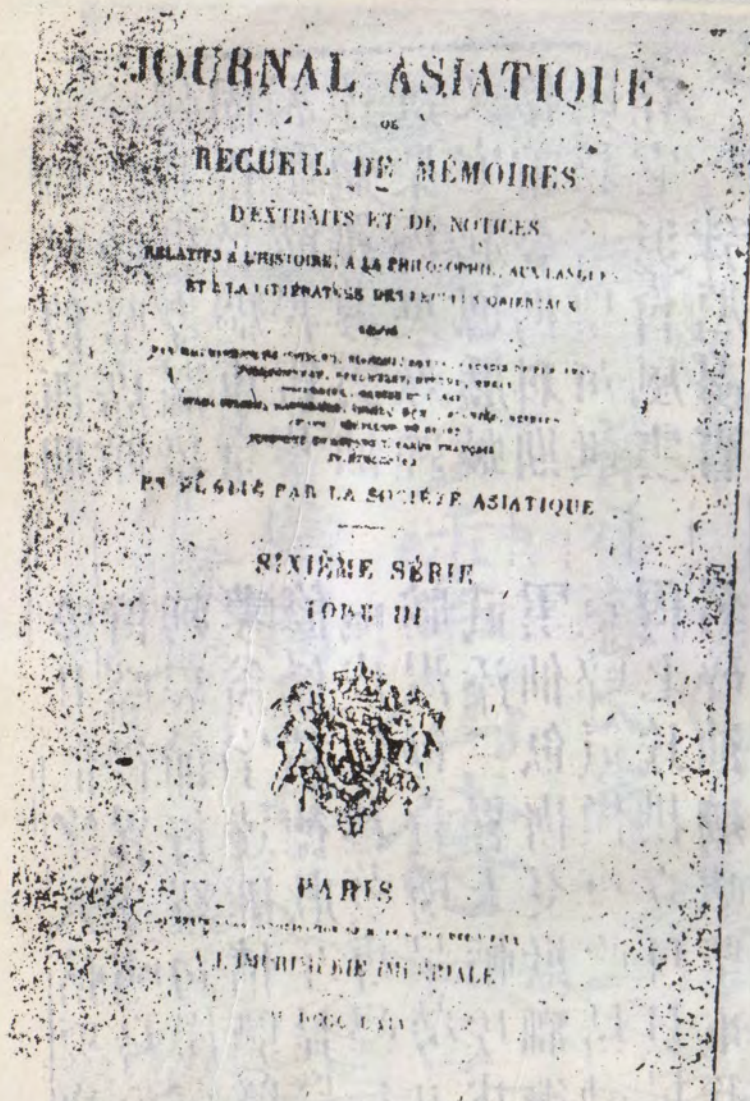
萬以組以前拱八祠堂正簿維自

高祖而後所為世次一校于以明阮姓世系

者矣

皇朝嗣德元年癸丑之春二月既望祥

阮姓世系



Phụ bản IIIa: Trang bìa tập Kỷ yếu châu Á (1861)

JANVIER 1864

LUC-VAN-TIÊN

A la lueur des lampes, racontons une histoire qui est profondément gravée dans notre esprit. Elle nous fait réfléchir en même temps qu'elle nous amuse. Elle est : humanité, affection. Retenez, votre hôte, observez le silence, afin d'écouter ; prêtez-moi la plus grande attention ; et vous profiterez de ces bons enseignements. Un jeune homme, fidèle et dévoué à ses parents, est en tête ; puis vient une jeune fille modeste et sage, parée de tous les ornements moraux.

Il y avait un homme habitant la province de *Quan-dong-thanh*, humain, compatissant et plein de vertus ; il lui naquit d'abord un enfant doux ; on le nomma *Luc-van-tiên*. Âgé de seize ans, il s'attacha entièrement à l'étude, il suivit les leçons de son maître, afin de parvenir à la connaissance parfaite des lettres. Ne comptant ni les mois, ni les jours, il travaillait sans relâche. Il s'éleva, en littérature, aussi glorieux que le phénix ; il voulut tout savoir, et même dans les trois sciences comme dans les six arts militaires, personne ne pouvait lui être comparé.

Or il arriva que des examens littéraires furent ouverts ; *Van-tiên* ; avant de quitter son maître pour rentrer dans sa famille, alla lui rendre grâce, afin de reconnaître en temps si long qu'il avait percé la porte sainte (des études).

Le jeune homme à l'esprit si pénétrant, au cœur

楊
徐
荷
茂
古
書

甲申年
五秋月吉日
郭登雲恭錄

戶荷銑茂得坤
 翻得衛道花郎
 响浪不佛典郎
 都鏡散騎道邪
 正金猛得法湖
 異端更得神坤
 視未傳寶品家
 塔南前在片平

孫岱後晉龍門圭茹
 軀岱與退嚙電求魂
 罪衍地獄福通天堂
 多勾果疑聞姑謂併
 金珍劉鄧道恒得些
 夫添道佛道禾冰森
 惡為道學劉蝦底岱
 常社各冉家庭劉耀

MỤC LỤC

- * Công hạn đọc 7
- * Lời nói đầu 11
- * Phạm Lê

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - THÂN THẾ
VÀ SỰ NGHIỆP

17

PHẦN THỨ HAI

VĂN BẢN CÁC TÁC PHẨM CỦA
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

67

LỤC VĂN TIỀN

69

LỜI DẪN

A- Lịch sử văn bản

69

- Những bản Lục Văn Tiên quan trọng xuất bản khi tác giả còn sống (tr. 67) : 1. Bản Duy Minh Thị (tr.67), 2. Bản Ôbare (tr.70), 3. Bản Jannô (tr.72), 4. Bản Aben de Misen (tr.72).
- + Những bản Lục Văn Tiên quan trọng xuất bản từ sau khi tác giả đã mất (tr 74) - Các bản trong Nam (tr.74) : 1. Bản Trương Vĩnh Ký (tr.75), 2. Bản Phạm Văn Thịnh và một số bản khác (tr.76) - Các bản ngoại Bắc (tr.77) : 1. Các bản nôm Tự Văn đường, Liễu Văn đường (tr.77), 2. Các bản quốc ngữ (tr.79)

戶荷銑茂得坤
 翻得衛蓮花郎
 响浪不佛典郎
 都健敬輪道邪
 道健敬輪道邪
 異端更唯排排
 視未傳寒品
 塔南前金片平

孫岱後晉龍門圭茹
 軀岱與退嚙電求魂
 罪衍地獄福通天堂
 多勾果疑開姑調併
 本珍別節道恒得些
 吏添道節道禾冰森
 惡為道學劉照底
 帝社各冉家庭劉耀

MỤC LỤC

- * Cùng bạn đọc 7
- * Lời nói đầu 9
- * Phàm Lẽ 11

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - THÂN THẾ
VÀ SỰ NGHIỆP

17

PHẦN THỨ HAI

VĂN BẢN CÁC TÁC PHẨM CỦA
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

67

LỤC VĂN TIÊN

69

LỜI DẪN

A- Lịch sử văn bản

69

- Những bản Lục Văn Tiên quan trọng xuất bản khi tác giả còn sống (tr. 67) : 1. Bản Duy Minh Thị (tr.67), 2. Bản Ôbare (tr.70), 3. Bản Jannô (tr.72), 4. Bản Aben de Misen (tr.72).

- + Những bản Lục Văn Tiên quan trọng xuất bản từ sau khi tác giả đã mất (tr. 74) - Các bản trong Nam (tr.74) : 1. Bản Trương Vĩnh Ký (tr.75), 2. Bản Phạm Văn Thịnh và một số bản khác (tr.76) - Các bản ngoại Bắc (tr.77) : 1. Các bản nôm Tục Văn đường, Liễu Văn đường (tr.77), 2. Các bản quốc ngữ (tr.79)

+ Dị đồng giữa các bản tiêu biểu các bản trong Nam (bản Trương Vĩnh Ký) với các bản tiêu biểu các bản ngoài Bắc (bản Văn Minh) (tr.81).	
+ Những bản Lục Vân Tiên xuất bản trên miền Bắc sau ngày hòa bình lập lại - 1954 (tr. 83).	
+ Một số nhận xét chung (tr.85)	
B- Xử lý văn bản	98
C- Phần đoạn	101
+ LỤC VÂN TIÊN (Văn bản khảo dịch)	103
+ CHÚ THÍCH LỤC VÂN TIÊN.	199
DƯƠNG TỪ - HÀ MẬU	
+ LỜI DẪN	303
A- Lịch sử Văn bản	303
+ Những bản Dương Từ - Hà Mậu được biết từ trước ngày giải phóng (tr 255) ; 1. Bản nôm chép tay của ông Nhiều Cơ, và 2. Bản quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Nghĩa (tr.255), 3 - Bản Tân Việt B (tr.256)	
+ Những bản Dương Từ - Hà Mậu mới tìm thấy sau ngày giải phóng - 1975 (tr.259) ; 1. Bản quốc ngữ (tr.259) 2. Bản ZfB (Bản nôm Quách Đăng Văn - Bản Photocopie 1884) (tr.260)	
+ Dị đồng giữa bản ZfB với bản TVB (tr.262)	
B - Xử lý văn bản	314
C- Phần đoạn	316
Vị trí những bài thơ, văn tế, câu đố trong văn bản Dương Từ - Hà Mậu (bản khảo dịch) :	
+DƯƠNG TỪ, DUONG TỪ-HÀ MẬU.	321
	496

PHỤ BẢN

Phụ bản Ia : Nguyễn chi thế phổ tự.	
Phụ bản Ib : Nguyễn chi thế phổ tự (cuối).	
Phụ bản Ic : Trang gia phả	
Phụ bản IIa : Trang bìa Lục Vân Tiên truyện, bản Duy Minh Thị ZfA	
Phụ bản IIb : Tờ Ia bản Duy Minh Thị	
Phụ bản IIIa : Trang bìa tập Kỷ yếu châu Á (1864)	
Phụ bản IIIb : Trang đầu bản dịch truyện Lục Vân Tiên của Ôbaré in trong tập Kỷ yếu châu Á (1864)	
Phụ bản IVa : Trang bìa Lục Vân Tiên ca diễn, bản Aben dề Misen (1883).	
Phụ bản IVb : Trang đầu bản nôm Aben dề Misen (1883)	
Phụ bản Va: Dương Từ - Hà Mậu cổ thư, trang bìa (tờ Ia) bản ZfB	
Phụ bản Vb: Tờ Ib bản Dương Từ - Hà Mậu ZfB - Giáp thân niên, mệnh thu nguyệt, cát nhật, Quách Đăng Văn cung lục	
Phụ bản Vc : Trang đầu (tờ 4a) truyện Dương Từ - Hà Mậu.	

Chịu trách nhiệm xuất bản
 LŨ HUY NGUYÊN
 HOÀNG THÚY TOÀN
 Chịu trách nhiệm bản thảo
 NGUYỄN VĂN LƯU
 Biên tập : KIM HUNG
 Trình bày sách : TRẦN KHOÁT
 Trình bày bìa : VĂN SÁNG
 Sửa bản in : KIM CHI

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Toàn tập - tập 1
 NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - In 500 bản khổ 14 x 20,5cm
 Tại Nhà in Bô Công nghiệp - Hà Nội
 Giấy trích ngang KH XB số 8/146/CXB cấp ngày 12/12/1997
 In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-1997

Chịu trách nhiệm xuất bản
LƯU HUY NGUYỄN
HOANG THUY TOAN
Chịu trách nhiệm bản thảo
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập: KIM HUNG
Trình bày sách: TRẦN KHOAT
Trình bày bìa: VÂN SANG
Sân in: KIM CHI

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU *Toàn tập - tập I*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - In 500 bản khổ 14 x 20,5cm

Tại Nhà in Bộ Công nghiệp - Hà Nội

Giấy trích ngang KH XB số 8/146/CXB cấp ngày 19/2/1997

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-1997